

STEPHEN B. YOUNG

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ



**CUỘC
CHIẾN THẮNG
BỊ BỎ LỖ**

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ

Stephen B. Young,

chuyển ngữ Nguyễn Vạn Hùng

ảnh bìa 1: *Eyewitness* ảnh

Copyright © stephen b. young 2025

STEPHEN B. YOUNG

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ

*Theo các chứng liệu về chiến tranh Việt Nam
của cựu đại sứ Mỹ Ellsworth Bunker*

MIDWAY PRESS 2025

MỤC LỤC

VÀI NÉT VỀ TÁC GIẢ

G iáo Sư Stephen B. Young sinh năm 1945 tại Thủ Đô Washington. Vợ ông là người Việt, bà Phan Thị Hoa.

Năm 1966, ông là người khám phá ra di tích lịch sử Hai Ban Chiang ở Thái Lan, được cơ quan UNESCO thừa nhận.

Năm 1967, tốt nghiệp Đại Học tại Harvard, năm 1974, tốt nghiệp Luật Khoa cũng tại Trường này. Từ năm 1967 đến 1971, phục vụ tại Việt Nam qua tổ chức cơ quan Phát Triển Quốc Tế của Hoa Kỳ (CORDS), lần lượt đảm nhiệm các vai trò Cố Vấn Quận Tam Bình và Quận Châu Thành, Tỉnh Vĩnh Long, Trưởng cơ quan Phát Triển Nông Thôn, cơ quan MACV/CORDS (xin đọc Lost Victory của Williams E. Colby), Phụ tá đặc biệt Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Năm 1978-1980: Phụ Tá Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa Harvard.

Từ 1981-1987: Khoa Trưởng và cũng là Giáo Sư Luật tại Trường Đại Học Luật Hamline, Minnesota. Giáo Sư

thực thụ về môn lịch sử Việt Nam của Trường Đại Học Minnesota. Sáng lập viên Ủy Ban Quốc Tế cho một Việt Nam Tự Do. Là tác giả viết chung với Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy cuốn Truyền Thống Nhân Quyền ở Trung Hoa và Việt Nam, do Đại Học Yale xuất bản, Cố Vấn Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy trong công tác dịch thuật và bình phẩm về Bộ Luật đời nhà Lê sang Anh ngữ do Trường Đại Học Ohio xuất bản.

Hiện tại là Giám Đốc điều hành thế giới của tổ chức “The Caux Round Table”. Ông thông thạo Pháp, Việt và Thái ngữ.

**NHÀ XUẤT BẢN GIỚI THIỆU
NGƯỜI ĐỒNG MINH MỸ
CUỐI CÙNG
ĐỖ TIẾN ĐỨC**

Cuộc chiến đấu chống cộng sản của dân tộc Việt Nam suốt nửa thế kỷ đã chấm dứt bi thảm. Xương máu của hàng triệu người Việt gồm cả dân lẫn quân, gồm đủ mọi cái chết đã trở nên vô nghĩa. Vô nghĩa vì mục tiêu ngăn làn sóng đỏ phương Bắc không đạt được. Vô nghĩa vì cuộc chiến đấu hào hùng của chúng ta bị địch xuyên tạc là chúng ta chỉ chiến đấu theo lệnh quan thầy đế quốc Mỹ. Và vô nghĩa vì chính Đồng Minh Mỹ cũng tự nhận trên danh nghĩa chỉ có họ là kẻ đương đầu với cộng sản miền Bắc, còn chúng ta không những đã bị đưa xuống kẻ giữ vai trò phụ mà lại còn bị thóa mạ như là phường ăn hại đái nát, xứng đáng để làm kẻ thua cuộc. Điều đáng nói là sau cuộc chiến, phe địch và đồng minh đã xuất bản sách, làm phim ảnh về cuộc chiến Việt Nam. Những sản phẩm truyền thông của Miền Bắc tất nhiên tự ca tụng họ là chính nghĩa, là anh hùng. Và kẻ thù của họ chỉ là đế quốc Mỹ. Cả triệu người Việt Miền Nam chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản độc tài để bảo vệ truyền thống của

cha ông và giữ gìn tự do và dân chủ cho dân tộc tất nhiên không được Hà Nội nói tới. Mánh khéo tuyên truyền xách động của cộng sản dùng chiêu bài chống ngoại xâm nên hậu quả là Quân Đội Miền Nam chỉ là công cụ phản dân tộc.

Với sách vở và phim ảnh của Đồng Minh Mỹ thì lại càng không thấy bóng dáng người lính Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc chiến bi hùng này. Trong các phim của Mỹ về cuộc chiến, chỉ thấy hình bóng người lính Việt Nam ở phía sau, và là đám người đứng chờ những sĩ quan Cố Vấn Mỹ sai bảo. Tóm lại, chỉ có người lính Mỹ đánh nhau với bộ đội Việt cộng ở chiến trường và chỉ có phái đoàn Mỹ bàn thảo với phái đoàn Việt cộng nơi bàn hội nghị. Thành ra nhiều kẻ, kể cả thành phần có ăn học, bị ám ảnh đến độ kính trọng đám lãnh đạo ở Hà Nội là người vừa tài giỏi vừa yêu nước, còn những người lãnh đạo ở Sài Gòn là đám vô tài bất lương, không đáng nhận được sự ủng hộ.

Thế rồi khi cuộc chiến tàn, Miền Nam sụp đổ, những người lính Việt Nam Cộng Hòa bị cộng sản đẩy đọa trong các tù lao động về tội họ đã cầm súng bảo vệ tổ quốc chống lại chủ nghĩa cộng sản độc tài. Những người lính bị trói tay này trở thành kẻ thù chính của cộng sản, bởi vì cùng thời gian đó, ở bên ngoài trại tù, những đồng minh cũ của họ đã nhanh chóng được bắc bộ phủ trải thảm đỏ nghênh đón và bên khách thì hân hoan, bên chủ thì khúm núm, cả hai bên coi cuộc chiến vừa mới qua như chuyện tiền kiếp.

Ấn huệ mà “người đồng minh” cũ là chính quyền Mỹ dành cho những Quân Cán Chính của nước Việt Nam

Cộng Hòa đã bị xóa tên có thể kể ra là, những người nào may mắn trở về từ hỏa ngục cải tạo thì được Mỹ cho sang đất nước họ làm lại cuộc đời. Nếu như của cho không bằng cách cho thì cách của người Mỹ cho Đồng Minh Việt Nam Cộng Hòa thế nào? Tầm huy chương vinh danh chẳng. Không. Những người từng được Mỹ cứu mang chẳng qua là vì lòng “nhân đạo”.

Cuộc chiến Việt Nam cứ được hiểu như thế suốt một phần tư thế kỷ nay. Sách vở viết về cuộc chiến tranh Việt Nam của Mỹ và của Việt cộng mỗi ngày một nhiều. Còn những người lãnh đạo chính trị và quân sự của Việt Nam Cộng Hòa thường chọn thái độ im lặng để “giữ tiết tháo”. Một số chỉ nói khi nào có người Mỹ muốn họ nói hoặc trả tiền cho họ nói. Cũng có “vị” từ chối các cuộc phỏng vấn của nhà báo với lý do là cuộc chiến đã qua rồi, trách nhiệm của họ chấm dứt rồi. Cũng may chỉ có đôi ba ông đẩy quyền uy trong thời chiến, nay bôi mặt cầu cạnh, xin xỏ cộng sản để được bắt tay trợ trên như anh kép hát đã dở mà còn phải đóng tuồng cương.

Những người này đang vui dần theo thời gian. Những trang sử của cuộc chiến Việt Nam không được soi sáng. Sự bôi bác, sự dối trá của Đồng Minh và của cộng sản lâu ngày rồi sẽ trở thành sự thật. Với những ai còn suy tư chắc không khỏi kinh sợ khi đặt câu hỏi rằng những thế hệ sau của hơn một triệu người Việt tỵ nạn này sẽ hiểu thế nào về chúng ta tại sao phải bỏ nước, vượt biển đi tìm tự do trên những chiếc ghe mỏng manh mà biết trước có thể sẽ gặp ở ngoài khơi những dòng tố và hải tặc?

Giữa lúc bi quan như thế, chúng tôi được gặp một trong những người “đồng minh Hoa Kỳ” cuối cùng của chúng

ta. Đó là Giáo Sư Stephen B. Young, Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa ở Bang Minnesota. Ông còn là một khuôn mặt được chính giới Hoa Kỳ biết đến qua những hoạt động của cá nhân ông, và qua những hoạt động của thân phụ ông vốn là một nhà ngoại giao tên tuổi của nước Mỹ.

Ông Stephen B. Young đã làm việc ở Miền Nam Việt Nam trong thời chiến. Lúc đó, theo nhận định khách quan của ông sau khi cân phân lực lượng hai bên thì Miền Nam chắc chắn sẽ chiến thắng cộng sản miền bắc. Thế nhưng Miền Nam đã thua vào tháng 4.1975.

Để giải đáp cho sự thắc mắc không thể hiểu về cuộc chiến thắng đã bỏ lỡ đó, Giáo Sư Stephen B. Young đã tìm kiếm những hồ sơ, lục lọi những tài liệu về cuộc chiến của những người trách nhiệm trực tiếp và cao cấp. Với tấm lòng yêu Việt Nam, cộng với ý chí tranh đấu soi sáng cho sự thật, ông Stephen B. Young bỏ khá nhiều thì giờ để biên soạn cuốn sách này. Ông đã cho chúng tôi được đọc tác phẩm của ông ngay khi ông vừa hoàn tất bản thảo. Giáo Sư Stephen B. Young đã cho độc giả Hoa Kỳ lần đầu tiên được thấy những sự thật sau đây:

- Trong cuộc chiến chống cộng sản miền Bắc, người Việt Miền Nam trong thực tiễn là lực lượng chính.

- Lực lượng người Việt Quốc Gia Miền Nam có thừa can đảm, có thừa hiểu biết và bản lãnh để đương đầu với cộng sản xâm lược. Nhưng lực lượng này yếu thế vì cộng sản miền bắc được phe cộng sản quốc tế viện trợ vũ khí dồi dào.

Cuộc chiến chống cộng sản của người Việt đã xảy ra từ năm 1945 và mãi tới năm 1965 Mỹ mới đổ quân vào Miền Nam. Nếu Mỹ hy sinh 58.000 người trong cuộc chiến này

thì phía người Việt Quốc Gia đã hy sinh cả triệu người cho lý tưởng của họ.

- Trong cuộc chiến, phía người Việt Quốc Gia đã bị “đồng minh Mỹ” khống chế, đã bị “đồng minh Mỹ” cướp đoạt quyền lãnh đạo cuộc chiến. Hậu quả là cuộc chiến đầy chính nghĩa của người Việt đã bị Mỹ hóa và bị kẻ thù xuyên tạc với sự đồng lõa của người Mỹ.

Chúng tôi ngợi khen công trình biên khảo này với Giáo Sư Stephen B. Young và ngỏ ý muốn được ông cho phép chuyển dịch sang Việt ngữ để đăng tải trên *Thời Luận*. Giáo Sư Stephen B. Young đã nhanh chóng chấp thuận bởi vì ông cũng muốn chúng tôi phổ biến để hy vọng sẽ được những ý kiến của độc giả để ông bổ túc trước khi ông xuất bản cuốn sách cho người Mỹ đọc. Đến nay, ông vẫn chưa in tác phẩm của ông, vì có lẽ ông còn đang thêm thắt, đang sửa chữa cho thật chính xác.

Chúng tôi rất mong đợi cuốn sách của Giáo Sư Stephen B. Young nguyên bản Anh ngữ sớm xuất hiện trong các Thư Viện để hóa giải những xuyên tạc lâu nay, nói cách khác, cuốn sách sẽ xác nhận rằng người Việt Quốc Gia là lực lượng chính trong cuộc chiến, và khả năng lãnh đạo, kiến thức chuyên môn của họ cũng bảo đảm cho công cuộc xây dựng đất nước của họ trở nên phú cường.

ĐÔI LỜI GIỚI THIỆU
NGUYỄN VĂN HÙNG

Khoảng sáu bảy năm về trước, trong cuộc gặp gỡ bên lề của một cuộc hội thảo, Giáo Sư Stephen B. Young có cho tôi biết là ông đang viết một cuốn sách về cuộc chiến Việt Nam. Sau đó tôi có nhiều cơ hội gặp lại ông, nhưng không nghe nhắc đến cuốn sách đó nữa. Tôi nghĩ ông quá bận bịu công việc nên chưa thể hoàn tất. Mãi tới gần đây, bất ngờ tôi nhận được tập bản thảo của ông “Victory Lost”, khá đồ sộ. Tôi vội vàng đọc và thú thật, bị cuốn hút theo từng trang do những chứng liệu liên quan đến cuộc chiến Việt Nam mà ông đưa ra.

Thừa kế sự hiểu biết của thân phụ vốn là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp qua chức vụ Đại Sứ và tham dự nhiều hội nghị quốc tế như đàm phán về cuộc chiến Triều Tiên, cuộc chiến Việt Nam năm 1954 ở Geneva, Chủ tịch Ủy Ban Á Châu Thái Bình Dương tại Bộ Ngoại Giao, đặc trách kế hoạch dân chủ hóa các nước Á Châu. Cộng với sự học hỏi của ông với nhiều nhân vật trọng yếu của Hoa Kỳ về Việt Nam như Tướng Westmoreland, Đại Sứ William

Colby và đặc biệt hơn hết, cựu Đại Sứ Ellsworth Bunker (có mặt tại Miền Nam trong những năm tháng sôi động nhất) đã để lại và ủy thác cho Giáo Sư Stephen B. Young tài liệu lịch sử quan trọng ở lĩnh vực ngoại giao. Ngoài ra, phải kể là phần đã học hỏi từ cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy và những tháng ngày ông phục vụ tại Việt Nam, và sau cùng, ông có người vợ Việt Nam thông minh và đảm đang. Tất cả những yếu tố trên đã khiến ông yêu đất nước Việt Nam và thúc đẩy ông viết cuốn sách này.

Cuộc chiến Việt Nam đã kết thúc những nguyên nhân của cuộc chiến tranh ấy thì chưa. Nó vẫn là một đề tài đang bàn cãi. Vì bị ảnh hưởng bởi những khuynh hướng chính trị khác nhau nên sự thật về cuộc chiến này đã bị bóp méo một cách có sắp đặt. Nói chung, các cuốn sách viết về nửa thế kỷ chiến tranh ở Việt Nam thường chỉ đề cập đến hai phía: Một là phía Hà Nội và bên kia lúc trước là Pháp, sau là Hoa Kỳ. Phần quan trọng nhất là toàn dân Việt, gọi các phe Quốc Gia chống cộng đã chỉ là cái bóng mờ nhạt phía sau Pháp rồi Mỹ. Lý tưởng cao cả của dân tộc Việt và sự hy sinh vô bờ bến để bảo vệ đất nước trước họa ngoại xâm của chủ nghĩa Mác-Lê có thể nói, không những đã bị bỏ quên mà còn tệ hại hơn, bị xuyên tạc như một tay sai của các chế độ thực dân.

Một trong những người khai thác chiến tranh Việt Nam vì lợi nhuận đáng kể là đạo diễn Oliver Stone. Có gần gặp ông ta, tôi đã hỏi tại sao trong những phim của ông về sự tham dự của Quân Đội Hoa Kỳ vào cuộc chiến Việt Nam, ông đã mô tả những thanh niên Mỹ như bọn thảo khấu, thô phỉ, vô học thì ông ta cười, trả lời rất坦然 nhiên, vì thị hiếu của khán giả Mỹ muốn thế. Câu nói đau

lòng và tàn nhẫn ấy thực ra không chỉ riêng với Oliver Stone. Chúng ta đã chứng kiến rất nhiều phóng viên tên tuổi Mỹ, phim ảnh, đã sử dụng phim tuyên truyền của Việt cộng, và họ được Việt cộng cho không biếu không, lồng vào những phim ảnh của họ khiến khán giả bị lầm lẫn, tưởng những đoạn phim đó là đang diễn ra và quay được ở chiến trường. Tương tự phim ảnh, trong lãnh vực sách thì khoảng 1500 nhà xuất bản lớn và trên 10.000 nhà phát hành cũng đều có chuyên viên nghiên cứu thị trường để xem người đọc thích gì thì họ in những sách về đề tài đó. Thành thử những sách viết về chiến tranh Việt Nam một cách trung thực, cũng như những tác phẩm lạnh mạnh, đứng đắn khác, đều khó được tới tay bạn đọc.

Lác đác ngày nay đã có một vài tác giả người Mỹ đã đặt lại vấn đề chính danh của cuộc chiến Việt Nam. Tuy nhiên, những tác phẩm này chưa mang tính nghiên cứu và mới chỉ là những bản báo cáo, ghi nhận từ thực trạng một cách vô tư.

Theo thời gian, từ phía Hà Nội ngày nay đã có một số sách viết về hậu trường của đảng cộng sản Việt Nam trong thời gian chiến tranh như Bùi Tín, Hoàng minh Chính, Dương thu Hương, Nguyễn Hộ, Nguyễn Văn Trấn, Trần Thu, Vũ Thư Hiên... Đã đành sách của họ chỉ là những hồi ký, những điều mắt thấy tai nghe, chưa đi sâu vào phân chiến lược, bởi lẽ giản dị là các văn khố của đảng và nhà nước lưu trữ những tài liệu mật chưa được giải tỏa cho công chúng.

Ngày nay, cộng sản Việt Nam đang lần mò xây dựng lại chế độ Miền Nam, một chế độ mà họ từng dựng thành chiêu bài để đẩy hàng triệu thanh niên sinh Bắc tử Nam.

Chỉ nội điều đó đủ chứng minh rằng cả cuộc chiến 50 năm qua, mà tài nguyên đất nước, tiềm năng dân tộc bị hủy hoại, biến Việt Nam thành một Quốc Gia lạc hậu và nghèo đói nhất thế giới, thủ phạm chính là đảng cộng sản Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, tôi đã mạo muội chuyển ngữ cuốn sách của Giáo Sư Stephen B. Young để đóng góp thêm phần nào cho những ai muốn tìm hiểu thêm về cuộc chiến này.

California, Mùa Thu 2001.

MỞ ĐẦU

STEPHEN B. YOUNG

Xuất bản cuốn sách liên quan đến cuộc chiến Việt Nam đúng vào thời điểm mùa Thu năm 2001 làm tôi bức xúc: Đại hội 9 của đảng cộng sản Việt Nam diễn ra vài tháng trước đây đã quay mặt với những luận điểm trọng yếu về chủ thuyết cộng sản nhưng đồng thời cũng không tìm được hướng đi mới cho đảng cũng như dân tộc Việt Nam. Từ khi Nga Xô đổ sụp, những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam cố gắng tìm một luận lý mới để họ tiếp tục độc quyền cai trị. Hào quang Mác-xít-Leninism đã bốc hơi bay mất, sau năm 1991, còn chẳng chỉ là những bọt nước, chẳng thể nào đẩy nổi chiếc thuyền chính trị và guồng máy của nó trôi đi mà khỏi bị chìm xuống đáy vực sâu.

Ngày nay, đảng cộng sản Việt Nam không còn xem việc cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam trước đây vào năm 1975 là một chiến thắng của họ nữa. Nếu chủ nghĩa cộng sản là không tưởng và những điều hứa hẹn chỉ là hảo huyền khi dựng nên một cuộc chiến, hy sinh hàng triệu

người để áp đặt chủ nghĩa đó lên trên một đất nước, quả thật đó là một đất nước, quả thật đó là một điều lầm lẫn và hơn thế là điều đáng nguyền rủa. Nói khác đi, một cuộc chiến thắng mà không mang lại lợi ích đến cho dân tộc thì huyền thoại anh hùng của đảng cộng sản Việt Nam không còn được thế giới trọng nề.

Những con người từng dâng hiến cuộc đời họ cho đảng như Nguyễn Hộ và Trần Độ... Ngày nay cũng lên tiếng chỉ trích sự độc tài của đảng và kêu gọi mở rộng dân chủ. Dân chúng Việt Nam đã đòi đảng phải trả lại cho họ quyền làm người. Đã có lần một đảng viên cộng sản nói với tôi: Việt Nam hiện tại cần chủ nghĩa Việt Nam chứ không phải chủ nghĩa Mác hay Mao.

Sau đại hội 9, đảng đã hé lộ là sẽ có thay đổi hiến pháp, nhưng sự thay đổi đó có phải để đáp ứng nguyện vọng của dân chúng Việt Nam hay không? Đặc biệt thế hệ trẻ Việt Nam, những người sinh ra và trưởng thành sau chiến tranh, họ hiểu thế nào về lịch sử và về Quốc Gia họ?

Cuốn sách này nhằm đáp ứng những điều đó.

Cuốn sách này cũng cung cấp những chứng liệu về lịch sử để họ bỏ lại sau lưng cái huyền thoại và tuyên truyền, trực diện với thực tiễn về cuộc chiến tại Miền Nam Việt Nam.

Nhưng điều quan trọng hơn hết, cuốn sách sẽ chứng minh Miền Nam Việt Nam đã đánh bại những người cộng sản, tại chiến trường, trong làng mạc, nơi rừng xanh... Họ sẽ thấy, Miền Nam bước đầu đã có dân chủ, mặc dù nó chưa hoàn chỉnh. Từ đó những người trẻ Việt Nam sẽ lấy lại niềm tin và chính họ sẽ tái xác lập bước đường dân chủ cho đất nước, trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Cuốn sách cũng chứng tỏ, chính người Miền Nam Việt Nam tự xác định giá trị mà họ theo đuổi, và họ không phải là bù nhìn của bất cứ quyền lực nào từ nước ngoài. Và cuối cùng, những người viết đọc sách này, xin hãy dành một khoảng khắc để tưởng nhớ đến những người đã hy sinh vì sự tự do và công bằng cho Miền Nam Việt Nam trước 30 tháng 4 năm 1975.

Cũng đừng trách lẫn trời gần đất xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

St. Paul Minnesota

Tháng 8 năm 2001.

CHƯƠNG 1
CHỈ CÓ TÔI LÀ KẺ NGƯỢC
DÒNG ĐỂ NÓI VỚI CÁC BẠN

Trong mối tương quan giữa người và người, thời gian sẽ là phép nhiệm mầu để giúp chúng ta quên đi những niềm trắc ẩn, những ảo giác, đã hằn sâu trong cuộc sống. Từ đó, thực tiễn sống động sẽ giúp chúng ta có những nhận định mới mẻ và chính xác hơn.

Khi những cảm tình về cuộc chiến Việt Nam đã bắt đầu ra khỏi nỗi ray rức của chúng ta và trở thành vấn đề của lịch sử thì đó cũng là lúc phải trả lại cho lịch sử sự thật về cuộc chiến tranh bi thảm này, một cuộc chiến mà các công dân Hoa Kỳ đã hy sinh vì họ tin vào sự hy sinh của họ không uổng phí và người Việt Nam hy sinh bởi họ tin cuộc chiến ấy có chính nghĩa vì để bảo vệ dân tộc họ có cuộc sống tốt đẹp hơn là dưới chế độ cộng sản thống trị.

Phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ đã thắng trong cuộc chiến Việt Nam. Nhận định này đúng cả ở hai mặt:

Thứ Nhất, họ đã ngăn chặn được sự trợ giúp của chính phủ Hoa Kỳ dành cho thành phần lãnh đạo người Việt Quốc Gia tại Miền Nam Việt Nam không còn đủ khả

năng để tự vệ khi Bắc Việt tràn chiếm vào năm 1975, ba năm sau khi Quân Đội Hoa Kỳ rút ra khỏi Việt Nam và cộng sản Hà Nội đã cam kết sẽ tôn trọng sự độc lập của Miền Nam Việt Nam theo hiệp định Paris.

Thứ Hai: Phong trào phản chiến Mỹ tin rằng phải dồn mọi nỗ lực để giúp cộng sản Việt Nam và những người ủng hộ họ phải chiến thắng với phía người Việt Quốc Gia thì dân tộc Việt Nam mới có dân chủ hơn. Đã hơn hai mươi năm qua, điều mà họ mơ tưởng vẫn chỉ là con số không, và hơn thế nữa là hậu quả việc ủng hộ của họ chỉ gây ra nỗi tang thương cho phía Đồng Minh chúng ta là Miền Nam Việt Nam.

Điều quan trọng, cuộc chiến Việt Nam ngày nay đã xa dần khỏi ký ức chúng ta nhưng vẫn còn là những thao thức cho những ai đã từng phản đối cuộc chiến ấy. Những câu chuyện mà họ đã viện dẫn để biện minh cho sự phản chiến của họ như là cuộc chiến này không có lý tưởng và vô nhân đạo, cuộc chiến này chúng ta không thể thắng được... qua thể nghiệm của thời gian, ngày nay những luận cứ trên đã không còn đứng vững nữa. Nó không chỉ là ngay từ sau năm 1975, những phần tử phản chiến đã bắt đầu xét lại quan điểm của họ, mà điều quan trọng hơn cả là sức mạnh của những người cộng sản từng chụp mũ lên cả nhân loại giờ đây hoàn toàn không còn là mối đe dọa nữa.

Hàng loạt đổi thay từ Liên bang Xô viết, Trung cộng và Ba Lan vẫn chưa đủ để cho những người cộng sản Việt Nam tỉnh thức, đã đặt ra câu hỏi về sự nhận định của chúng ta ở sự sống còn của chủ nghĩa cộng sản. Sự sụp đổ của các nước cộng sản đòi hỏi một sự tái thẩm định

về mục tiêu và chiến lược của Hoa Kỳ trong cuộc chiến Việt Nam.

Dù cho được giải thích theo cung cách lạc quan là giả thử trong một cuộc chiến mang đầy đủ bản chất đạo đức và chính nghĩa thì chế độ cộng sản có thể được áp đặt trong cuộc cách mạng mang tính sống còn ấy ở một vài xã hội chậm phát triển. Nhưng một khi chế độ cộng sản đã thất bại trong việc điều hành guồng máy xã hội thì đó lại là điều hiển nhiên để biện minh vai trò lịch sử Hoa Kỳ phải có mặt ở các nước Đông Dương.

Thử nhìn lại Việt Nam ngày nay, trong khi Liên xô, cộng hòa nhân dân Trung quốc, một số nước cộng sản cũ tại Đông Âu, các lực lượng chính trị đã hình thành và bắt đầu phát triển để thay thế chế độ cộng sản đã lỗi thời thì những người cộng sản Việt Nam dùng bạo lực để bám giữ chế độ ấy. Nói một cách khác, những người cộng sản Việt Nam chấp nhận sự hy sinh trong cuộc chiến vừa qua chỉ với mục tiêu duy nhất là chiếm được quyền lực để thực hiện một chế độ theo ý họ, bất kể chế độ ấy có đáp ứng được nguyện vọng của dân tộc họ hay không.

Thảm kịch về cuộc chiến tranh Việt Nam không phải là do Hoa Kỳ gây ra mà là do ước vọng và nhận định lầm lẫn của người Mỹ khi tạo điều kiện cho phía Hà Nội thắng trận.

Nhận định mới về chiến tranh được rút ra từ sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản trong lịch sử loài người hẳn dân tộc Việt Nam phải được kể lại trước hết và trên hết. Đọc lại chiến sử với nhiều trang nói về công cuộc dựng nước và giữ nước của họ, trong nhiều trường hợp, những nhà lãnh đạo dân tộc Việt Nam đều đã áp dụng chiến tranh

du kích. Quan sát thái độ và giá trị của dân tộc Việt Nam đang sống dưới chế độ hiện nay, chúng ta có thể rút ra được những mấu chốt về sự xung đột đã ẩn dấu.

Sức mạnh Hoa Kỳ là vô địch kể cả quân sự lẫn tiềm năng kinh tế, những nhà quan sát thường nhìn Hoa Kỳ dưới sự nghiên cứu như thế. Nhưng thật sự cách lượng giá ấy đôi khi đã vượt qua khỏi sự thật. Họ không nhìn thấy, đối với những nước có một nền văn hóa và ngôn ngữ xa lạ thì khả năng hiểu biết của Hoa Kỳ còn rất yếu kém. Chính vì thiếu sự hiểu biết đó mà trong cuộc chiến Việt Nam, sự tham dự của Hoa Kỳ được xem như là kẻ ngoại cuộc kể cả hai phía, Đồng Minh lẫn kẻ thù của mình. Ngày nay, tiếp xúc với người Việt Nam ở cả hai phía, người không cộng sản hay cộng sản, đang có mặt tại khắp các quốc gia Tây phương, chúng ta mới hiểu rõ được những suy nghĩ đích thật của họ và cho phép chúng ta nói lên một nhận định mới về chiến tranh.

Tôi đã có nhiều cơ hội nghiên cứu về văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam, và giờ đây tôi muốn nói với quý vị về những gì tôi đã khám phá ra trong cuộc chiến này, khác với những điều mà bạn đã biết từ trước tới nay. Thế giới quan của người Việt Nam và quan niệm cuộc sống như sau: Đức, Số và quan trọng hơn hết là Thế. Tích tụ ơn phước của giòng họ truyền lại là Phúc Đức và muốn trở thành một vị lãnh đạo có khả năng quy tụ được quần chúng thì cần phải có Uy Tín. Một khi bạn hiểu rõ quan niệm trên và áp dụng nó vào các hoàn cảnh cụ thể, bạn có thể nghĩ bạn là một người Việt Nam.

Một lỗi lầm lớn nhất của người Mỹ có lẽ là những gì mà tôi đã tìm hiểu và rút ra được về những phản ứng

của người Việt Nam chung quanh chính sách và chương trình của Hoa Kỳ đối với đất nước này kể từ năm 1954. Không phải chỉ qua văn hóa, tôi đã hiểu được đích thật về người Việt Nam, mà hơn thế nữa, với tư cách một nhân viên của chính phủ được cử sang xứ này làm việc, tôi đã hội nhập vào cuộc sống đầy bất trắc và nhiều lúc cận kề với cái chết tại xứ sở bất hạnh này.

Với ý hướng nhập cuộc trong tinh thần thận trọng, tế nhị và uyển chuyển do thân phụ tôi để ra, đã khiến tôi ngưỡng mộ ông. Tôi đã nhìn thấy ước vọng và sự tích cực hỗ trợ cho phía người Việt Quốc Gia của ba tôi trong nền tảng kiến tạo sách lược Hoa Kỳ, để giúp người Việt không cộng sản xây dựng một chế độ độc lập ở nửa phần còn lại tại Miền Nam Việt Nam, theo hiệp định Genève 1954, chấm dứt sự đô hộ người Pháp trên bán đảo Đông Dương. Ba tôi được cử sang tham dự hội nghị Genève trong khi ông đang là một thương thuyết gia về phía lực lượng quân sự Đồng Minh đang thương thuyết với Trung cộng và cộng sản Bắc Hàn tại Bàn Môn Điếm trong nỗ lực chấm dứt cuộc chiến tranh Triều Tiên. Sau này, nhiều lần thân phụ tôi đã cho biết, trách vụ mà ông được trao phó trong phái đoàn Hoa Kỳ có mặt tại hội nghị Genève nhằm cứu vãn càng nhiều càng tốt cho những người chống cộng tại ba nước Việt, Miên và Lào sau khi Pháp bị Hồ Chí Minh đánh bại. Hội nghị Genève kết thúc, thân phụ tôi đã được chỉ định làm Chủ Tịch Ủy Ban Á Châu Thái Bình Dương tại Bộ Ngoại Giao và thực hiện toàn bộ chính sách hỗ trợ hữu hiệu cho những người không cộng sản tại các nước Đông Dương trong sách lược toàn cầu của Hoa Kỳ, nhằm ngăn chặn sự bành trướng của

cộng sản tại các Quốc Gia nhược tiểu. Sách lược này trên nguyên tắc được áp dụng trường kỳ cho đến khi nào các quốc gia cộng sản chịu thay đổi, chấp nhận một thể chế theo hiến pháp nhân đạo và tôn trọng nhân quyền.

Tôi đã hiểu được tại sao chúng ta phải can dự vào Miền Nam Việt Nam nhờ sự chỉ dạy của ba tôi và tôi đã ngưỡng mộ những gì mà ông ấy đã và đang làm để thực hiện mục tiêu đó. Chính vì thế mà sau này, tôi nối tiếp bước đi của ông để tôi tự nguyện xin sang phục vụ tại Việt Nam. Quả thật, những đứa trẻ vừa đến tuổi trưởng thành được phép cha mẹ cho sống một cuộc sống tự lập như thế hệ của tôi vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 lại bị cuốn hút ngay vào cuộc tranh luận về cuộc chiến ngay chính tại Hoa Kỳ, thì vùng đất Việt Nam xa lạ kia trở thành đáng lo ngại cho chính tôi. Với đồng môn của tôi, tốt nghiệp Đại Học Harvard vào năm 1967 thì không có ai ủng hộ cuộc chiến Đông Dương, thế nhưng, tôi đã ngược dòng, chính vì ảnh hưởng của thân phụ tôi. Tôi đã tới tham dự ngay tại nơi cuộc chiến bùng nổ hàng ngày.

Khi còn là sinh viên của những năm cuối tại Harvard, tôi đã dành nhiều thời gian để tranh luận với một chuyên viên ngoại hạng của chính phủ Hoa Kỳ về cuộc chiến tranh này. Đó là ông Martin Peret, sau này là một trong những nhà trí thức trở thành chủ nhân tờ tạp chí “Nền cộng hòa mới”. Chúng tôi bắt đầu tranh luận và cho rằng, khi Tổng Thống Lyndon Johnson ra lệnh oanh kích Bắc Việt là cơ hội tốt nhất để các nhà phân tích phản bác lại những lập luận phản chiến mà những thành phần ưu tú của hai Viện Đại Học Harvard và MIT đã đưa ra. Martin cũng giống như bao nhiêu thành phần trí thức khác đã

bối rối về cuộc tranh luận này. Họ nghĩ rằng họ là những thành phần trí thức, tiếng nói của họ ảnh hưởng đến quần chúng nên phía cộng sản hay không cộng sản đều muốn lợi dụng họ để hỗ trợ cho cuộc tranh chấp quyền lực tại Miền Nam Việt Nam. Trong thời đại chiến tranh lạnh hiện nay, tôi đã phân tích giữa những khác biệt về các cuộc chiến khác với cuộc chiến tại Việt Nam, nơi mà Hoa Kỳ phải dùng sức mạnh của mình để tạo sự cân bằng về quyền lực nhằm giúp cho dân tộc này có cơ hội quyết định thể chế của họ.

Tôi cố gắng trình bày và đưa ra những dữ kiện để thuyết phục Martin nhưng không dễ dàng để anh ta chấp nhận tất cả quan điểm của tôi. Đối với Martin có hai vấn đề quan trọng đã ăn sâu vào nhận thức của anh. Trước hết, theo anh, ông Hồ Chí Minh là người đã hiến dâng cuộc đời của mình để phục vụ cho dân tộc ông và thứ đến, sự tham gia của Hoa Kỳ. Có phải là điều cần thiết để mang đến một cuộc chiến thắng trong loại chiến tranh như thế này không? Tôi đáp lại, ông Hồ Chí Minh không phải là người Quốc Gia, chẳng qua ông ta chỉ mạo xưng và người ngoài đã ngộ nhận. Cụ thể là ông ta đã sát hại tất cả những người Quốc Gia khi đứng chung trong mặt trận của ông. Chúng ta, tôi nói tiếp với ông Martin, hãy giúp cho dân tộc Việt Nam có cơ hội để nói lên tiếng nói đích thực về một chặng đường lịch sử của họ, rằng thực chất, Hồ Chí Minh và những đồng chí của ông ta, là những đảng viên cộng sản khi ông sống tại Pháp và mang chủ thuyết cộng sản từ Tây phương về áp đặt lên đất nước của ông.

Thân phụ tôi chỉ dạy tôi hiểu rõ bản chất của cuộc chiến

tranh Việt Nam khi ông có dịp tiếp xúc với những người Việt không cộng sản và được họ mô tả lại những cuộc sát hại khủng khiếp do những người cộng sản chủ trương nhằm tiêu diệt hàng ngũ Quốc Gia vào những năm 1945 và 1946. Mặc dù tôi cố gắng thuyết phục nhưng Martin dường như không thể nào thoát ra được khỏi định kiến của anh. Hơn nữa, định kiến ấy ngày càng được nuôi nhét do phong trào phản chiến tại Quốc Hội Hoa Kỳ, nơi mà sau năm 1973 đã quyết định số phận cho cuộc chiến Việt Nam.

Tôi vẫn giữ quan điểm của tôi trong khi trao đổi với Martin nhưng nhẹ nhàng hơn: “Cho đến khi anh hiểu về người Việt Nam, lúc ấy anh mới có thể thoát ra được khỏi những thiên kiến sẵn có”.

Cuối cùng, trong thái độ bức dọc, Martin đã nói: “Steve, anh chẳng bao giờ đạt mục tiêu chính trị mà anh mong muốn trừ phi anh biết từ bỏ những gì mà thân phụ anh truyền lại”.

Tôi chẳng bao giờ từ bỏ những gì mà ba tôi đã dạy bảo và đối với thành phần tả phái thì quan điểm chính trị của tôi bao giờ cũng sai. Tôi chấp nhận điều đó. Điều quan trọng trong cuộc sống là dám trải nghiệm những điều mình suy nghĩ và mình cho là đúng, hơn là chẳng làm gì.

Khi thân phụ tôi qua đời năm 1972 hẳn ông đã mang theo niềm trắc ẩn về cuộc chiến tranh mà ông tin rằng có chính nghĩa và tận tụy hy sinh suốt đời, thì chính nó lại là đầu mối cho cuộc phân hóa ngay tại Hoa Kỳ vài năm sau đó. Trường Đại Học Harvard đã dành cho thân phụ tôi một học vị danh dự: Kenneth T. Young, Chủ Tịch Ủy Ban Nghiên Cứu Trung Hoa-Việt Nam.

Trong những năm 1954 và 1955 khi người Mỹ, như một khách xa lạ bắt đầu đến Việt Nam, thì nhà văn Graham Green đã chiêm bism một cách mỉa mai. Những người Mỹ không thích chế độ thực dân, không ưa chế độ cộng sản, đang có mặt tại Việt Nam, nơi mà nền văn hóa Tây phương đã ăn sâu vào các nước Á Châu, thì cùng lắm, may ra chỉ có những người Quốc Gia mới kết thân với họ, bởi vì họ có khả năng tổ chức và có một nền kinh tế vững mạnh.

Còn nữa, Graham Green còn mang tư tưởng ấy khai triển rộng hơn trong một tác phẩm nhan đề “Người Mỹ Trầm Lặng” (The Quiet American). Trong cuốn sách, nhân vật chính được ông mô tả là một người Mỹ tốt bụng, hào phóng, muốn giúp đỡ những ai cần giúp, nhưng cuối cùng vẫn lãnh hại vào thân. Và người Mỹ tốt bụng đó đã tốt nghiệp tại Harvard. Khi tôi từ già gia đình để vào học tại Trung Tâm Giảng Dạy Tiếng Việt Nam thuộc Bộ Ngoại Giao thì ba tôi đã tặng cho tôi cuốn sách ấy và cho tôi biết rằng nhờ nó mà ông vững tin hơn về những gì ông đang theo đuổi.

Graham Green đã có lý nếu ông nhìn Harvard là nơi thích sống cho tất cả những người Mỹ không tin những gì đã có sẵn, họ chỉ tin rằng, Quốc Gia này là một Quốc Gia có nhiều dị biệt, không cứng nhắc theo thông lệ phán đoán về những gì đang xảy ra và cũng không nhằm tuân theo nhất thiết những thông lệ đã vạch sẵn.

Từ truyền thống, nền giáo dục Harvard đã dựa trên nền tảng thực nghiệm của Cộng Đồng Hoa Kỳ, những người Thanh Giáo đến Boston đã tự đặt cho mình một sứ mệnh là xây dựng một thế giới bị đổ vỡ trở nên hoàn mỹ

hơn. Huynh Trưởng khả kính John Windrop đã chuyển lại chúng ta thông điệp, là người Hoa Kỳ chúng ta có thể chiêm ngưỡng những thành quả to lớn mà chúng ta đã hoàn thành được nhưng đồng thời cũng không bao giờ được quên thân phận gian nan ở từ bước khởi đầu.

Từ tâm khảm, người Mỹ luôn là kẻ tìm kiếm, tìm kiếm, tìm kiếm và đi tìm kiếm những điều gì, trong khi những dân tộc khác, đã từ lâu, tìm thấy sự an bình cho dù nhiều trường hợp họ phải trả giá cho sự an bình đó đôi khi qua cung cách sự dối lừa. Thời Đệ Nhị Thế Chiến, ba tôi phục vụ trong công binh xưởng ngành Hải Quân: “Những điều gì khó khăn chúng ta phải làm một lần, còn những điều gì dễ dàng thì chúng ta có thể thư thả hơn”. Tinh thần dẫn thân đó đã thấm sâu vào tôi, nhưng quả thật, qua cuộc chiến Việt Nam, áp dụng tinh thần ấy không mấy dễ dàng suôn sẻ.

Vào buổi chiều ngày 2 tháng 11.1963 cũng là ngày sinh nhật của tôi, từ văn phòng của ông tại New York, ba tôi đã gọi điện thoại cho tôi. Lúc ấy tôi đang học tại Harvard. Thân phụ tôi trước kia cũng học ở Trường này và là bạn của Joe, anh của Tổng Thống Kennedy. Sự quan hệ giữa hai người đủ thân thiết để khi John Kennedy lên làm Tổng Thống, ông ta đã bổ nhiệm ba tôi là kẻ tiên phong nghiên cứu những phương cách giúp chính phủ Thái Lan chặn đứng sự bành trướng của đảng cộng sản tại xứ này. Vì vậy mà khi vào học Harvard, lúc ấy tôi đang sống ở Bangkok, Thủ Đô nước Thái, nơi mà ba tôi đang làm Đại Sứ tại đó.

Qua điện thoại, ba tôi đã cho tôi biết rằng, ông ta đã nhận được tin từ Washington, một số Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam đã làm cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống

Ngô Đình Diệm (người mà ba tôi tin tưởng có thể cứu vãn Miền Nam Việt Nam từ năm 1955) và dường như chính quyền Ngô Đình Diệm sẽ không còn nữa. Cuộc đảo chánh này đã chấm dứt được sự xáo trộn giữa chính phủ ông Diệm với phe Phật Giáo và sinh viên trong nhiều tháng qua tại Miền Nam Việt Nam.

Với tôi, vào thời điểm ấy, tuy ông Diệm mất đi khả năng để kiểm soát chính phủ nhưng không trầm trọng đến nỗi phải lật đổ ông để đưa đến tình trạng mất ổn định chính trị tại Miền Nam. Chiều hôm ấy, tôi ngồi ăn một mình trong ý nghĩ buồn nản đó. Không có ai để tôi chia sẻ quan điểm này vì với họ, Việt Nam là một đất nước xa lạ. Tôi đành thả bộ ra công trường Harvard để xem phim.

Nội dung cuốn phim hôm đó mô tả một chàng thanh niên người Anh đã xông xáo đến Ả Rập giúp cho những người yêu nước xứ này giành lại quyền tự chủ, thoát ra cuộc đô hộ của Thổ Nhĩ Kỳ. Cuối cùng, anh ta là kẻ đứng giữa hai lần đạn. Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ coi anh ta là kẻ thù còn những người Ả Rập mà anh từng cộng tác đấu tranh trước kia cũng ruồng bỏ và bạc đãi anh. Khi cuốn phim kết thúc, tôi đi trở lại phòng báo chí của sinh viên để tìm xem những tin tức mới nhất đã xảy ra tại Sài Gòn do hãng Thông tấn AP phổ biến.

Từ ngoài cửa, phải xuyên qua khoảng hành lang thiếu ánh sáng để vào phòng báo chí, một người nào đó đã nói với tôi: “Ông Diệm đã chết rồi”.

Sáng hôm sau, vài sinh viên học về ngành báo chí đi phân phát bản tin đó ra với thái độ hớn hờ. Có cả cờ Việt cộng được dán trên tường. Bầu không khí trong phòng có điều gì khác thường, hân hoan hơn thường lệ. Dường

như Hoa Kỳ sẽ trút bỏ được một gánh nặng nếu Miền Nam Việt Nam không có một nhà lãnh đạo có khả năng tập hợp được quần chúng để chiến đấu gian khổ giành lại quyền tự chủ cho chính họ. Qua hiện tượng đó, bỗng dưng tôi chợt nhận ra những nhà báo và các nhà trí thức Mỹ đã thiếu sự hiểu biết đích thật về cuộc chiến tranh Việt Nam là thành phần trẻ, tốt nghiệp Harvard và cựu chủ bút của Grimson, David Halberstam lại là phóng viên tường thuật từ Sài Gòn.

Hai mươi ngày sau, cũng tại phòng báo chí đó, tôi đã nhìn Walter Cronkite khi thông báo: “Tổng Thống đã chết”. Nhưng vị Tổng Thống đó là Tổng Thống Kennedy chết vì bị ám sát ở Dallas.

Sau tháng 11.1963 cả Miền Nam Việt Nam lẫn Hoa Kỳ đều bị cuốn hút vào sự hỗn loạn. Sẽ còn nhiều người nữa sẽ hy sinh tại Miền Nam Việt Nam hơn là tại Hoa Kỳ. Nhưng người Mỹ không nhìn ra điều đó mà chỉ thấy rằng đây là vết thương tinh thần trong cuộc chiến tranh văn hóa nhằm thách thức giá trị và lòng tự tin nơi chúng ta mà thôi. Nó chẳng phải là điều đáng bận tâm cũng giản dị giống như một nhà lãnh đạo trẻ bị sát hại. John Winthrop qua cựu ước đã chẳng giải thích, chỉ có những việc làm đúng mới đáng trọng, chúng ta không thể quên điều đó. Người Việt Nam sẽ xem đó là số phận của họ.

Nhưng nếu thân phụ tôi và tôi đã mang trong người dòng máu Tần Anh Cát Lợi, nơi mà ảnh hưởng chính trị đã ăn sâu vào tận từng tế bào và phục vụ cho quần chúng là lẽ sống thì chúng tôi không phải là những người đơn độc. Vẫn còn nhiều người tin vào truyền thống của Hoa Kỳ. Chiến tranh Việt Nam sẽ là một trải nghiệm

cho chúng ta gồm cả những người có niềm tin cũng như những người đã đánh mất niềm tin. Hai người đã không đánh mất niềm tin của mình đó là William Colby và Ellsworth Bunker. Định mệnh run rủi, tôi đã có dịp phục vụ nên hiểu biết rõ hai người này. Họ là những tinh hoa của đất nước Hoa Kỳ nên thân phụ tôi và tôi đều trọng kính họ và riêng tôi luôn luôn ao ước được làm việc với hai người này nếu có cơ hội.

Cả hai người này đều có vị trí xứng đáng mà không ai có thể dị nghị. Tôi biết rất rõ điều đó trong khi hai nhân vật khả kính này cũng coi tôi như một cộng tác viên thân mật của họ. Mãi sau này tôi mới nhận ra tình cảm đặc biệt ấy mà hai ông đã dành cho tôi. Cả hai ông đều có những nét đặc thù về cá tính nhưng rất giống nhau ở sự cương quyết khi ban lệnh và rất cẩn trọng trong khi muốn nghiên cứu về một vấn đề nào đó. Thiếu sự hỗ trợ và chỉ bảo của hai ông có lẽ sự hiểu biết của tôi còn hạn chế hơn, nhất là sau khi cộng sản chiến thắng Miền Nam Việt Nam năm 1975 khi mà tất cả những gì chúng tôi đã cố gắng tại xứ đó dường như uổng phí.

Năm 1969, ông Colby (sau này trở thành Giám Đốc cơ quan Trung Ương Tình Báo) được bổ nhiệm trông coi Chương Trình Phát Triển và Bình Định tại Miền Nam về phía Hoa Kỳ. Lúc ấy tôi đang phục vụ tại Tỉnh Vĩnh Long thuộc đồng bằng Sông Cửu Long, thì ông Colby rút tôi về Sài Gòn làm việc dưới quyền ông. Ông trao cho tôi trách nhiệm là nghiên cứu kế hoạch để dành lại quyền kiểm soát các xã ấp đã rơi vào tay cộng sản tại Miền Nam Việt Nam. Chính qua công tác này mà tôi đã có dịp chứng kiến dân chúng Miền Nam, với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ từ

mùa Thu 1968 đến đầu năm 1972 đã đánh bại kế hoạch bành trướng của cộng sản.

Sau này, khi cuộc chiến đã mất, ông Ellsworth Bunker đã yêu cầu tôi giúp ông viết lại kinh nghiệm lịch sử mà ông đã có được suốt thời gian từ năm 1967 đến 1973 khi ông làm Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn.

Đọc lại những tài liệu riêng của ông Ellsworth Bunker, phỏng vấn và trao đổi nhiều lần tại tư thất của ông ở East Dummerston, Tiểu Bang Vermont, đã giúp tôi hiểu được thật sự những gì đã xảy ra giữa nhân vật cao cấp của Hoa Kỳ và chính phủ Miền Nam Việt Nam trong giai đoạn Quân Đội Hoa Kỳ đông đảo nhất có mặt tại Đông Dương.

Tôi cũng hết lòng ngưỡng mộ người đã cộng tác trong chương trình với chúng tôi là cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy. Ông là một chính trị gia lỗi lạc, một nhà trí thức ưu tú. Ông lãnh đạo đảng Tân Đại Việt. Giáo Sư Huy đã đứng sau (soạn thảo) Hiến Pháp Miền Nam Việt Nam 1967 và đã áp dụng thành công Chương Trình Phát Triển Xã Ấp từ năm 1968 đến năm 1972. Nhờ học hỏi nơi ông, tôi rút ra được bài học là muốn thực hiện những công tác mang tính chính trị tại Việt Nam, thì trước hết phải hiểu rõ truyền thống và văn hóa của người Việt Nam.

Tôi đã tìm thấy nơi Giáo Sư Huy tất cả cá tính, khuynh hướng, tôn giáo, địa phương... đã quyện lẫn nhau, tiêu biểu cho những khát vọng mà người Việt Nam muốn làm cho họ. Tân Đại Việt là một đảng chính trị hoạt động bí mật và Giáo Sư Huy là linh hồn của tổ chức này. Tôi đã được Tân Đại Việt tin tưởng và cho phép tôi tham dự như một thành viên.

Sau năm 1975, khi Giáo Sư Huy đến định cư tại Hoa Kỳ, chúng tôi vẫn tiếp tục hoạt động bên nhau. Chúng

tôi đã hợp tác thực hiện một vài dự án nghiên cứu cho Trường Luật Harvard. Sau đó tôi đã thảo luận với cơ quan Ford Foundation để tìm một ngân khoản nhằm trợ giúp cho công cuộc dịch thuật Bộ Luật Việt Nam viết từ thời 1433. Giáo Sư Huy bấy giờ làm Trưởng nhóm và cảm ơn Trường Đại Học Báo Chí Ohio, người Mỹ đã có bản dịch bằng Anh ngữ khi nghiên cứu căn bản lịch sử về chủ thuyết người Việt Quốc Gia. Tiếp theo, Giáo Sư Huy và tôi cùng viết chung một cuốn sách nhằm đưa ra những nhận định mới khẳng định Trung Hoa và Việt Nam là hai Quốc Gia có chủ quyền và nhân quyền riêng biệt.

Giáo Sư Huy và tôi cũng đã hình thành những nhóm trí thức riêng, khởi đầu bằng sự dị biệt do cách suy nghĩ giống nhau trong nhiều lãnh vực. Người Việt Nam cho đó là cơ duyên tiền định thì cũng đúng thôi. Cả hai chúng tôi cùng sinh vào ngày 2 tháng 11. Qua sự quan hệ với Giáo Sư Huy, tôi đã học và hiểu biết về người Việt Nam hơn cả những nhân viên tình báo CIA đã từng theo dõi suốt 20 năm sống tại nước đó.

Qua sự truyền đạt của thân phụ, qua kinh nghiệm tôi có được từ Giáo Sư Huy và nhiều người Việt Nam khả trọng khác, qua thời gian làm việc với ông Colby trong cơ quan Bình Định và Phát Triển, và thừa kế những gì mà cố Đại Sứ Bunker để lại, tôi sẽ đưa ra mọi điều khác biệt, khác với những điều mà mọi người thường nói về tại sao Hoa Kỳ đã can dự vào cuộc chiến Việt Nam.

Câu chuyện của tôi khởi đầu từ năm 1967. Vào tháng giêng năm này, Tổng Thống Lyndon Johnson đã bổ nhiệm ông Ellsworth Bunker làm Đại Sứ Hoa Kỳ rút quân chiến đấu ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Ellsworth Bunker nhận lãnh trọng trách này trong muôn vàn khó khăn. Việt Nam thời ấy là nơi vùi dập bao nhiêu nhân vật danh tiếng Hoa Kỳ. Tháng 5 năm ấy, tôi vừa tốt nghiệp Đại học Harvard. Tháng 9, tôi bắt đầu theo học lớp ngôn ngữ Việt Nam. Nơi học là một nhà để xe rộng ba tầng lầu nằm trên Đường Roslyn, Virginia, băng qua bờ sông Potomac từ tượng đài của Lincoln, được Bộ Ngoại Giao chỉnh trang thành Trung Tâm Huấn Luyện Việt Nam. Không lớp học nào có cửa sổ và vây kín chung quanh là những cột trụ bằng xi măng. Tôi phải ở đó cho đến tháng 9 năm 1968.

Sở dĩ tôi chọn thời điểm vào năm 1967 khi Ellsworth Bunker được bổ nhiệm làm Đại Sứ tại Việt Nam làm mốc thời gian cho chính tôi, bởi vì tôi muốn tường thuật tóm tắt với các bạn về lịch sử của cuộc chiến này. Hy vọng nó sẽ giúp ích phần nào cho các bạn. Cuộc chiến giữa những người Việt Nam xảy ra dù có hay không có đảng cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã bắt đầu từ tháng 3 năm 1946 khi Hồ Chí Minh đã nhận bán đứng quyền lợi Quốc Gia để nhận sự bảo hộ của Pháp. Trong hiệp định, không lấy gì làm vinh dự, ngày 6 tháng 3. 1946, ông Hồ chí Minh chấp thuận cho quân đội viễn chinh Pháp trở lại Miền Bắc và Trung Phần Việt Nam để đổi lấy sự đồng thuận của Pháp là cho ông ta làm lãnh tụ cả nước.

Hình ảnh Hồ chí Minh trở thành một vị anh hùng của dân tộc, một Tito hay một George Washington tại Việt Nam chẳng qua chỉ là một sự dàn dựng, tuyên truyền, đồng thuận giữa những người cộng sản và những tên thực dân.

Trước đó, Hồ Chí Minh đã nhận được sự giúp đỡ của

một số sĩ quan thơ ngây thuộc cấp trung của cơ quan tình báo OSS của Mỹ, có căn cứ tại Côn Minh, Trung Hoa. Khi quân Tưởng Giới Thạch vào Việt Nam giải giới quân đội Nhật, Hồ đã lợi dụng cơ hội này. Trước hết Hồ hứa cung cấp cho cơ quan OSS tìm kiếm những phi công Hoa Kỳ mà máy bay của họ đã bị quân đội Nhật bắn hạ trong vùng cực Bắc của Đông Dương. Hồ cũng hứa với OSS là thực thi nền dân chủ cho đất nước ông. Đồng thời ông ta cũng dùng vàng bạc của đồng bào Miền Bắc của ông ta để cung phụng cho đám quân của Tưởng Giới Thạch để đổi lấy sự ủng hộ của họ.

Đối với những người ngoại quốc thì Hồ dùng những xảo thuật nịnh bợ như thế. Nhưng còn đối với những nhà chính trị Việt Nam, nhất là những tổ chức chính trị, nhân cơ hội Nhật bại trận, đứng trong hàng ngũ với ông để cùng giành lại quyền tự chủ cho đất nước thoát khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp thì Hồ lại dùng chính sách “Kẻ thù của kẻ thù là bạn của ta” để biện minh cho việc ông ta hợp tác với thực dân Pháp.

Những người Việt Quốc Gia, trong khi đó, lại được lực lượng Đồng Minh hỗ trợ. Vua Bảo Đại thoái vị vì ông nghĩ rằng chính phủ của Hồ Chí Minh đã được Hoa Kỳ giúp đỡ để ngăn chặn sự trở lại của thực dân Pháp tại Đông Dương sau Thế Chiến Thứ Hai. Và được Võ nguyên Giáp, một người thân cận với Hồ chí Minh lúc ấy hứa là chính phủ của ông Hồ là một chính phủ liên hiệp để chuẩn bị cho một cuộc bầu cử tự do và công bằng.

Nhưng từ tháng 3 thì dân chúng Việt Nam bắt đầu ngờ vực chính phủ của ông Hồ. Cuộc bầu cử tháng 12 năm 1945 do chính phủ này tổ chức không có gì công bằng.

Lực lượng quân sự của Hồ đã thất bại trong các cuộc tấn công vào căn cứ địa của đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cả hai phía Hoa Kỳ cũng như Tưởng Giới Thạch không ai ngăn cản sự trở lại của quân đội Pháp.

Vào tháng 11, để che dấu sự sợ hãi của đồng bào, Hồ tuyên bố giải tán đảng cộng sản. Chưa đủ, Hồ còn tìm đủ mọi cách để kiểm soát chính phủ và lực lượng công an. Người Pháp vì tham vọng muốn giữ lại Đông Dương như thuộc địa cũ nên hết lòng củng cố thể lực của Hồ.

Hiệp định sơ bộ đối với người Việt Nam không ai nhấp nhậm nhưng họ không đủ sức mạnh để phản đối. Trong khi suốt mùa Xuân và mùa Hè, lấy lý do là phải ở lại Paris thương thuyết với Pháp thì những cán bộ thân cận của Hồ được lực lượng an ninh của Pháp hỗ trợ đã ra tay sát hại, bắt bớ tất cả những thành phần lãnh đạo của các đảng chính trị của người Việt không cộng sản. Một số sống sót được nhờ may mắn chạy trốn kịp sang Trung Hoa.

Sau khi tiêu diệt xong các đảng phái Quốc Gia, vào mùa Thu năm 1946, Hồ bắt đầu quay sang chống Pháp.

Người Pháp thì dùng chiêu bài chia đôi người Việt Nam thành hai trận tuyến để lôi kéo các lực lượng Công Giáo, lực lượng thủ cựu, những thành phần thân Pháp đứng chung hàng ngũ hầu giúp họ tiếp tục giữ Việt Nam trong vòng tay bảo hộ của họ.

Còn Hồ thì dùng chiêu bài, che dấu tham vọng cộng sản dưới danh nghĩa là người Việt Quốc Gia để phát động một cuộc chiến tranh du kích lâu dài hầu phá vỡ ý đồ của Pháp. Họ đã thắng lợi bởi vì các lực lượng đối lập với Hồ bị ngoại bang chi phối nên không còn đủ chính nghĩa để thắng trong cuộc chiến tranh này.

Năm 1954 người Pháp cảm thấy đường như đã đủ và họ chấp nhận đến Genève thương thuyết lần thứ hai với Hồ. Lần này, Pháp đã đồng ý chia đôi Việt Nam, dành cho Hồ quyền kiểm soát phân nửa lãnh thổ từ Miền Bắc.

Cuộc chiến tranh giữa Hồ và Pháp đã hủy hoại đời sống chính trị của dân tộc Việt Nam. Phần lớn những lãnh tụ chính trị ưu tú của người Việt không cộng sản đã bị hy sinh. Phần còn lại phải rút về sống trong nửa nước ở Miền Nam và bị phân hóa trầm trọng.

Đánh thắng Pháp xong, Hồ bắt đầu lộ diện ông ta là người theo chủ nghĩa cộng sản. Những người Việt Nam đã hợp tác với người Pháp trước kia đã thiếu hẳn bản lĩnh. Những thành phần bảo thủ và Công Giáo, với kinh nghiệm về cộng sản trước kia, họ vẫn tiếp tục xem cộng sản là kẻ thù. Không có một nhà lãnh đạo nào có cái nhìn chiến lược và uyển chuyển hơn. Thoát ra được mặc cảm là những kẻ thua trận và những xáo trộn tại Miền Nam, có một người, đó là ông Ngô Đình Diệm.

Mặc dù là người Công Giáo thuần hành, nhưng ông Diệm vẫn tự xem ông chỉ là một người Việt Nam yêu nước. Và đúng như vậy, ngay từ lúc còn là một thanh niên trẻ vào đầu thập niên 1930, ông ta đã tham gia vào chính quyền cải cách của Bảo Đại. Và để làm giảm áp lực những khuynh hướng thân Pháp, ông ta có mối quan hệ chặt chẽ với đảng Đại Việt có khuynh hướng người Việt Quốc Gia. Vào tháng 3 năm 1945, khi quân Nhật chiếm đóng Đông Dương từ tay người Pháp và muốn tìm một người Việt Quốc Gia thuần túy để mời đảm nhận chức Thủ Tướng thì ông Ngô Đình Diệm là người được Nhật nghĩ đến trước tiên.

Suốt trong cuộc chiến tranh giữa Pháp và Hồ, ông Diệm đã rời khỏi nước vì ông không muốn hợp tác với cả hai phía, thực dân hay cộng sản. Năm 1954, chấm dứt cuộc chiến tranh này thì Bảo Đại là người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam không cộng sản cũng mời ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng.

Ông Ngô Đình Diệm trở về Sài Gòn và bắt đầu thành lập một chính phủ không cộng sản vượt thoát ra khỏi ảnh hưởng của người Pháp và đồng thời củng cố hàng ngũ để chuẩn bị chống lại cộng sản. Người Pháp phản ứng mạnh bằng cách cô lập ông. Ông Diệm cũng hiểu rõ lý do tại sao người Pháp phải làm như thế là vì ông muốn mang Việt Nam ra khỏi chế độ cai trị của Pháp. Phần khác, Pháp đã ngầm thỏa thuận với Hồ là Pháp sẽ dùng uy tín và quyền lực của mình để khống chế và chặn đứng mọi mưu toan mà Miền Nam Việt Nam có thể chống lại Hà Nội, đổi lại Hồ cho Pháp được quyền trở lại buôn bán tại Miền Bắc.

Khi đảm nhận chức vụ Thủ Tướng, một trong những công tác đầu tiên của ông Diệm đã thực hiện là phủ nhận những thỏa thuận trong hiệp định Genève. Ông Diệm viện dẫn lý do là hiệp định này không do chính phủ ông ký kết và không đáp ứng nguyện vọng của dân tộc Việt Nam.

Nhưng người Mỹ, đặc biệt là thân phụ tôi, lại kính trọng ông Diệm. Ba tôi đã tìm mọi cách để giúp người Miền Nam Việt Nam thoát khỏi quỹ đạo đô hộ của người Pháp, đồng thời thúc đẩy ông Diệm mở rộng chính phủ để kết hợp tất cả những thành phần người Việt Quốc Gia trước khi cộng sản mưu đồ lợi dụng thành phần này để chống lại chế độ Miền Nam. Biểu hiện cụ thể là qua bức

thư do chính thân phụ tôi soạn thảo vào tháng 10 năm 1954 được Tổng Thống Eisenhower ký và gửi cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, đoạn hứa rằng Hoa Kỳ sẽ tích cực hỗ trợ cho chính quyền mới hình thành và con non yếu của ông.

Ông Eisenhower nói thêm, chính phủ Hoa Kỳ tận tình giúp đỡ nếu chính phủ của ông Diệm thật sự tiêu biểu cho người Việt Quốc Gia và có quyết tâm đương đầu trong trường hợp sự xâm lăng của cộng sản Bắc Việt Nam xảy ra.

Người Pháp không muốn nhìn thấy ông Diệm thoát ra khỏi ảnh hưởng của họ. Vì vậy Pháp đã ngấm tạo ra một lực lượng gồm những người họ có thể sai bảo được và Pháp trả lương để chống lại ông Diệm. Đối với người Pháp, họ đã bắt đầu xem ông Diệm là kẻ phản bội lại họ nhưng được sự giúp đỡ và hỗ trợ của Hoa Kỳ. Chính phủ người Việt Quốc Gia do ông Ngô Đình Diệm đứng đầu ngày càng đứng vững. Khả năng lãnh đạo của ông đã được chứng tỏ là vào tháng 4.1955, ông đã ra lệnh cho Quân Đội, một Quân Đội đã do người Pháp tuyển mộ và trả lương, tấn công thẳng vào sào huyệt của những lực lượng chống đối chung quanh vùng Sài Gòn-Chợ Lớn. Quân Đội đã thi hành lệnh của ông và đã đập tan lực lượng Bình Xuyên do Pháp bảo trợ.

Khi được tin ông Diệm ra lệnh trên, Tổng Thống Eisenhower và Bộ Trưởng Ngoại Giao Foster Dulles đã báo cho người Pháp biết là chính phủ Hoa Kỳ không can dự gì vào quyết định của ông Diệm cả. Nhưng rồi sau đó, được báo cáo của tình báo tại Sài Gòn cho biết là Quân Đội Việt Nam đã thể trung thành với ông Diệm.

Bộ Trưởng Ngoại Giao Foster Dulles yêu cầu thân phụ tôi liên lạc với Giám Đốc Cơ Quan Trung Ương Tình Báo, lúc bấy giờ là ông Allen, em của Ngoại Trưởng Dulles, để tìm hiểu thêm tình hình trước khi quyết định những gì cần làm. Quyết định cuối cùng là Hoa Kỳ không thể là không hỗ trợ mạnh mẽ ông Diệm trong giai đoạn ông đang gặp khó khăn khi đương đầu với những thành phần hợp tác với Pháp.

Cuối cùng thì ông Diệm đã trút phế Bảo Đại qua một cuộc trưng cầu dân ý. Chính phủ của ông đứng vững và đã ổn định đời sống cho một triệu người từ Miền Bắc bỏ chế độ Hồ mà di cư vào Nam. Ông Diệm đã áp dụng một chương trình cải cách ruộng đất phù hợp với nguyện vọng quần chúng và đưa nền kinh tế phát triển.

Theo nhận định của ba tôi thì ông Diệm ngày càng xa rời thực tế. Sau năm 1958 thì Hà Nội bắt đầu tấn công Miền Nam. Ông Diệm đã không kết hợp được các khuynh hướng chính trị cũng như những tôn giáo khác biệt hậu thuẫn ông để chống lại mối đe dọa do Hà Nội gây ra. Áp lực của Hà Nội ngày càng một leo thang, từ sự tuyên truyền, ám sát các nhân viên làng xã, chuyển sang hình thành các lực lượng vũ trang, ấy thế mà ông Diệm vẫn bị những người trong gia đình, những người Công Giáo thân cận và những người cộng tác với ông bưng bít nên ông không hay biết gì. Sự xuất hiện của ông trước quần chúng mang đầy tính phong kiến và quan liêu đã làm cho quần chúng xa rời ông và các lực lượng chính trị đối lập chống đối ông mạnh hơn.

Đặt tình cảm gia đình quá nặng nên ông Diệm đã không ngăn chặn đúng mức những thân quyến làm

những điều mà dân chúng phẫn hận. Bào huynh của ông Diệm là Giám Mục Công Giáo đã có những hành động gây bất bình cho Phật Giáo. Bào đệ của ông Diệm là ông Ngô Đình Nhu, một nhân vật thông minh tài giỏi. Do đó ông Nhu đã vượt quá quyền hạn của ông để đưa ra những chỉ thị, những quyết định thuộc trách nhiệm của Tổng Thống Diệm, và quan trọng là ban phát nhiều đặc ân cho dòng họ ông. Em dâu của ông Diệm là bà Trần Lệ Xuân, một nhân vật có vẻ đẹp quý phái, cũng đã lợi dụng quyền lực của chế độ đã làm những điều quá đáng. Năm 1963 ông Diệm và ông Nhu đã bị một nhóm Tướng lãnh đảo chánh và sát hại. Những ông Tướng này đã từng sát cánh với ông để đưa Việt Nam thoát khỏi quỹ đạo của Pháp.

Thực ra chính phủ của ông Diệm tưởng chừng đã tiêu vong vào năm 1959. Vào tháng 5 năm đó, những nhà lãnh đạo Hà Nội đã có quyết định là phải chiếm Miền Nam bằng vũ lực. Trong nghị quyết 15 của bộ chính trị cộng đảng đã khẳng định con đường giải phóng Miền Nam phải thông qua bằng cuộc cách mạng vũ trang. Việc ám sát các viên chức chính phủ Miền Nam ở nông thôn đã bắt đầu gia tăng kể từ năm 1958 nhưng sau nghị quyết này của bộ chính trị, sư đoàn 559 của quân đội cộng sản Bắc Việt được trao phó trọng trách thiết lập đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua Lào để đảng có thể bí mật đưa cán bộ và tiếp liệu, vũ khí vào Miền Nam, mở lại cuộc chiến tranh du kích chống chế độ Ngô Đình Diệm.

Hà Nội hiểu rằng dân chúng Miền Nam vẫn chẳng ưa gì chế độ cộng sản, và cũng để tránh việc quốc tế có thể lên án họ đã vi phạm hiệp định Genève khi họ mang quân xâm chiếm Miền Nam, nên Hồ để ra Mặt Trận Giải

Phóng Miền Nam để làm bình phong chống chế độ Diệm. Vào cuối năm 1959 và đầu 1960 một số nhà chính trị ở Miền Nam đã bắt đầu xa rời chính phủ, phần lớn trong số này đã chịu ảnh hưởng về nền giáo dục của Pháp, đã được Hồ móc nối tham gia mặt trận. Những đơn vị quân sự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã được hình thành và có khả năng bắt đầu chống lại lực lượng quân sự của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Khi ông John F. Kennedy tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ vào năm 1961 thì Miền Nam Việt Nam cũng như Lào đang ở trong tình trạng tồi tệ. Không thể dùng lực lượng quân sự để chặn đứng ưu thế của cộng sản tại Lào, Tổng Thống Kennedy quyết định phải đối đầu với cộng sản tại Miền Nam Việt Nam. Thế nhưng, dù sự có mặt của Hoa Kỳ ở Miền Nam cũng không thể ngăn cản Hà Nội dùng đường mòn Hồ chí Minh để thâm nhập.

Sau thất bại của cuộc đổ bộ Vịnh Con Heo ở Cuba và chạm trán với lãnh tụ Sô viết Nikita Kruchew tại Áo, Tổng Thống Kennedy rút ra bài học là không thể nhân nhượng cộng sản hơn thế nữa. Ông đã dứt khoát đưa Hoa Kỳ đứng cùng chiến tuyến với Miền Nam Việt Nam. Đó là lý do tại sao vào cuối năm 1961 Hoa Kỳ đã tiếp cứu ông Diệm.

Với nguồn tiếp liệu và huấn luyện của Hoa Kỳ, Quân Đội Miền Nam ngày càng phát triển. Tiền của Hoa Kỳ đổ ra, với sự cộng tác do những người Anh làm cố vấn, kế sách Ấp Chiến Lược của chính phủ Diệm đã áp dụng thành công trong công việc ngăn chặn cán bộ cộng sản Hà Nội thâm nhập vào hạ tầng cơ sở nông thôn. Nhưng phần trọng yếu, nhờ những trực thăng quân sự do các phi công Hoa Kỳ lái nên đã hướng dẫn cho Quân Đội

Miền Nam tràn chiếm và tiêu diệt những căn cứ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Sau năm 1962, chính phủ ông Diệm vững mạnh, có khả năng tiêu diệt các lực lượng du kích của đối phương.

Nhưng tình hình lại bắt đầu xấu đi ở năm sau. Lực lượng cảnh sát đã áp những người Phật Tử biểu tình chống ông Diệm. Khi những vị sư sãi tự thiêu để bảo vệ Phật pháp thì ông Diệm đã hiểu sai lệch về ý nghĩa những cuộc tự thiêu đó. Ông Diệm đã không còn đủ những tình tảo. Tình hình chiến sự tại nông thôn ngày càng xấu dần. Những cuộc biểu tình trên đường phố đã bắt đầu đòi hỏi thay đổi chế độ. Các phóng viên Hoa Kỳ kêu gọi cần có một cuộc đảo chánh. Kennedy đã gửi một Đại Sứ mới đến Sài Gòn để tìm cách thuyết phục ông Diệm rời khỏi chính quyền.

Sự kiện đó đã xảy ra ngày 1 tháng 11.1963. Một số Tướng lãnh cao cấp thân cận với ông Diệm cùng một số sĩ quan trẻ là những đảng viên của đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng là thành phần chủ chốt trong cuộc đảo chánh này. Trong nhóm sĩ quan trẻ ấy có những người từng sát cánh với ông Nguyễn Ngọc Huy, người mà sau này tôi được quen biết và ngưỡng mộ. Người cầm đầu cuộc đảo chánh đó đã tự ra lệnh là phải giết hai anh em ông Diệm và Nhu. Cái chết của hai ông đã làm hả dạ cho những người ủng hộ Phật Giáo và đồng thời cũng mang đến nỗi kinh hoàng cho những người có liên hệ đến Công Giáo.

Sau cuộc đảo chánh, tình hình đã xấu còn trở nên tồi tệ hơn. Các Tướng lãnh đã không còn dám tin vào những sĩ quan trẻ kia nhưng cũng không thể thiết lập một chế

độ mới mà không cần sự tiếp tay của họ. Họ chọn một chế độ Diệm nhưng không có ông Diệm. Và mọi việc tồi tệ đã tới. Ở nông thôn, những lực lượng nghĩa quân bảo vệ xã ấp đã buông súng để đi theo phía Mặt Trận Giải Phóng. Du kích quân cộng sản đã lớn mạnh và bắt đầu phản công. Các Ấp Chiến Lược bị hủy bỏ vì ngay tại địa phương cũng như tại trung ương không ai còn trách nhiệm với nó nữa.

Đối với những người Việt Nam mong muốn cho xứ sở của họ được tự do và không bị ảnh hưởng chi phối bất cứ thế lực ngoại bang nào thì biến cố vừa qua là mối quan tâm hàng đầu của họ. Họ lo lắng chính những xáo trộn chính trị đã dẫn đến sự phân hóa và làm tê liệt khả năng có thể chiến thắng được cộng sản ở thời gian đầu. Hai người Việt Nam đã từng hoạt động với cơ quan tình báo của Pháp trong nhiều năm, bị lưu đày ở Paris, đã quay trở về Việt Nam mang theo những khoản tiền to lớn. Vào cuối tháng giêng năm 1964, nhóm sĩ quan trẻ đã chủ động và chỉ huy những đơn vị quân sự làm cuộc đảo chánh cùng đảng cộng sản của ông Hồ để tìm sự đồng thuận trong mưu toan trung lập hóa Miền Nam Việt Nam.

Kế hoạch trung lập hóa Miền Nam đã được Tổng Thống Pháp Charles De Gaulle cổ vũ trước đó không lâu, thực chất là người Pháp muốn cắt sự ủng hộ của Mỹ tại Miền Nam bằng sự có mặt và ảnh hưởng của họ. Viễn ảnh đó đã đã tạo nên sự bất bình và chống đối trong hàng ngũ đảng Đại Việt cũng như Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Lập tức nhóm sĩ quan trẻ trên đã thông báo cho một số cố vấn cao cấp của Hoa Kỳ về mưu đồ của người Pháp, đồng thời họ làm một cuộc đảo chánh và bắt giữ số tướng

lãnh có quan hệ với Pháp. Cuộc đảo chánh thành công. Chỉ có một người bị giết: Đó là viên sĩ quan đã giết ông Diệm và Nhu trước đó. Phải chăng đây là quả báo về hành động sát nhân?

Ông Nguyễn Ngọc Huy và vài nhân vật dân sự trong đảng Đại Việt được cấp bách mời trở lại Sài Gòn để nhóm sĩ quan trẻ tham khảo, sau 8 năm bị chế độ ông Diệm lưu đầy ra khỏi nước. Về nước, ông Huy bắt tay vào làm việc ở những Tỉnh mà những đảng viên Đại Việt có quan hệ tốt với chính quyền địa phương.

Khi những nhân vật lãnh đạo cuộc đảo chánh họp tại tư dinh viên Tỉnh Trưởng Gia Định, những người dân sự bối rối hỏi nhóm Quân Đội: “Bây giờ phải làm gì? Ai là người lãnh đạo đất nước đây?”

Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa, 5 năm sau trở thành bạn của tôi, đề nghị rằng để có thể kết hợp các lực lượng thì người lãnh đạo đất nước nên trao cho một vị tướng lãnh. Ông ta không tài giỏi gì nhưng là người đứng đầu nhóm Tướng lãnh thành công trong cuộc đảo chánh ông Diệm và gần đây cũng đứng đầu nhóm Tướng lãnh muốn bắt tay với Pháp và Hà Nội để trung lập hóa Miền Nam Việt Nam. Còn ghế Thủ Tướng thì nên trao cho một vị dân sự, sinh trưởng miền đồng bằng Cửu Long, lãnh tụ đảng Đại Việt. Có thể thì thành phần nội các mới bao gồm những khuynh hướng chính trị tiêu biểu cho người Việt Quốc Gia. Ông Nguyễn Ngọc Huy được đề cử đi mời ông Dương Văn Minh đóng giữ vai trò đó.

Lúc ấy ông Minh đang ngồi trầm ngâm trong tư dinh Tổng Thống, ngôi biệt thự khang trang, đẹp đẽ, được xây trong thời gian Pháp đô hộ. Ông ta đã từ chối nhận vai

trò này. Ông than phiền: “Các ông đã bắt giữ bạn bè tôi. Hãy thả họ ra thì tôi mới chấp nhận những gì các ông muốn”. Ông Huy lịch sự đáp lại rằng, các Tướng lĩnh trên chỉ bị giam lỏng thôi và chưa thuận tiện được thả ra lúc này. Cả hai người đều bất đồng quan điểm với nhau.

Ông Huy trở lại địa điểm nơi Bộ Tham Mưu những người đảo chánh có mặt để trình bày cuộc gặp gỡ vừa qua giữa ông và ông Minh. Một người trong nhóm đảo chánh cười lớn và mỉa mai với ông Nghĩa: Người ông đề nghị là thú gà chết. Rồi ông ta đề nghị, người đã từng nâng đỡ ông, một vị tướng hai sao, đang làm Tư Lệnh Quân Sự tại Miền Trung. Vị Tướng lĩnh này là đảng viên đảng Đại Việt, từng che chở cho một số sĩ quan là đảng viên Đại Việt trong Binh Chung Nhảy Dù thất bại trong vụ lật đổ ông Diệm vào năm 1960.

Ông Nghĩa cũng là đảng viên Đại Việt từng phục vụ trong ngành thiết giáp, được chỉ định lái xe đi đón vị Tướng vừa được chỉ định thay ông Minh. Ông Diệm và ông Nhu đã cùng bị sát hại trong chiếc xe kiểu này do ông Nghĩa chỉ huy vào tháng 11 trước đó. Sự có mặt của ông Nghĩa trong khi hai anh em ông Diệm-Nhu bị giết đủ để cho những người Đại Việt xác định một cách chính xác là ai đã giết hai ông ấy và vì sao họ phải giết.

Khi Tướng Nguyễn Khánh được mời về Bộ Tham Mưu của phe đảo chánh bằng chiếc thiết vận xa đã khiến ông ta hãi sợ. Vừa đến nơi những người phe đảo chánh đang họp, ông ta cúi người quỳ trên sàn nhà và xin mọi người tha tội. Người sĩ quan trẻ đã tiến cử ông lúc trước vội kéo ông đứng dậy: “Đừng làm thế! Chúng tôi muốn đưa ông lên làm Nguyên Thủ Quốc Gia mà”.

Dựa trên mối quan hệ qua đảng phái đó mà Tướng Nguyễn Khánh khi trở thành Nguyên Thủ Quốc Gia chỉ loay hoay trong đảng của mình, bỏ mặc Miền Nam chìm đắm trong những hỗn loạn chính trị. Quân Đội Miền Nam trước đó vốn đã hùng mạnh, trở nên suy sụp, mất tinh thần chiến đấu. Để chặn đứng đà leo thang chiến tranh của việt cộng, Hoa Kỳ không còn con đường nào khác hơn là phải đưa quân chiến đấu của mình vào Miền Nam Việt Nam.

Chính quyền của Tướng Khánh chỉ tồn tại được vài tháng vì bất lực. Ông Minh lên thay thế. Ông Minh được giới Phật Tử ủng hộ vì họ xem ông là người đứng ra bảo vệ Phật pháp chống lại thế lực Công Giáo qua việc ông cầm đầu cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm. Ông Khánh trở thành Thủ Tướng và lãnh tụ đảng Đại Việt trở thành Phó Thủ Tướng Đặc Trách Chương Trình Bình Định. Ông Huy là người phụ tá trọng yếu cho vị Phó Thủ Tướng đó.

Vừa nhận chức, ông Huy đã đưa ra một kế hoạch nhằm thay thế chương trình Ấp Chiến Lược”. Đó là tổ chức Nhân Dân Tự Vệ và đào tạo cán bộ lãnh đạo ở hạ tầng cơ sở.

Lý thuyết Đại Việt được hình thành ở cuối thập niên 1930 do một sinh viên của Trường Đại Học Hà Nội. Ông ta đặt tên lý thuyết đó là “Dân Tộc Sinh Tồn”. Đó là đặc trưng giữa bản thể tính dân tộc hòa quyện với nền văn hóa quốc gia. Không giống như chế độ phong kiến Trung Hoa, mọi giá trị xã hội đều do ông Vua quyết định và bổ nhiệm quan chức đi cai trị dân từ thượng tầng đến hạ tầng (từ thế kỷ 19 trở về trước, Việt Nam cũng áp dụng cung cách đó). Và cũng không giống chủ thuyết cộng

sản Mác-xít-lênin-nít mà Hồ đã mượn của Tây phương áp dụng độc tài để cai trị và cưỡng bức dân chúng phải tuân hành, thuyết Dân Tộc Sinh Tồn lấy cá nhân làm nền tảng để xây dựng một hệ thống chính trị từ hạ tầng đến thượng tầng.

Lý thuyết thuần nhất Việt Nam này có sự tương trùng kỳ lạ với học thuyết cá nhân chủ nghĩa của Herbert Spencer là cũng đề cao giá trị nhân bản. Thuyết Sinh Tồn cũng đáp ứng được giữa hai lớp người Việt Nam, thế hệ cũ chịu ảnh hưởng nặng nề về Phật Giáo, Lão Tử và kinh điển với lớp người mới, lượng giá con người qua góc cạnh chính trị và kinh tế.

Chính vì thế, trong khi những người cộng sản Việt Nam phủ nhận giá trị truyền thống xã hội và cơ cấu chính trị Quốc Gia vì cho đây là sản phẩm của thời phong kiến Trung Hoa và ngụ ý trang che dấu bộ mặt cộng sản của họ dưới những ngôn từ thuần lý Tây phương để kêu gọi toàn dân chống Pháp thì những đảng viên Đại Việt lại vẫn tự hào những gì họ có. Họ là những người Việt Nam và bắt kịp đà tiến bộ của thời đại mới.

Thuyết Dân Tộc Sinh Tồn cũng được những người lãnh đạo cuộc đảo chánh áp dụng vào nội các chính phủ mới. Hầu hết nhân sự tham gia nội các đều sinh trưởng trong thời Việt Nam cận đại. Tất cả các khuynh hướng đều được mời tham dự. Họ là những Phật Tử hay Thiên Chúa Giáo. Có người đã phục vụ dưới thời ông Diệm. Cũng có người bị đày ải dưới chế độ đó. Những người Hòa Hảo, Cao Đài làm việc tại các Bộ. Các lãnh tụ hai đảng Đại Việt và Quốc Dân Đảng được mời giữ những Bộ chủ yếu. Nhóm Duy Tân, tiêu biểu cho tầng lớp trí thức Miền Bắc

được mời lãnh đạo Tổng Liên Đoàn Lao Động. Một cách chung, nội các là một tổng hợp tiêu biểu cho người Việt Quốc Gia bằng thực tiễn chứ không phải chỉ trên mặt lý thuyết. Đó cũng chẳng phải là một sự chia chác quyền hành mà là một kết hợp hài hòa theo truyền thống của người Việt Nam, những người không bị cơ cấu chính trị ràng buộc bởi vì họ sống trên quan điểm cá nhân.

Cuộc đảo chánh của nhóm Đại Việt này làm cho chính phủ Hoa Kỳ bối rối. Hoa Kỳ đã không lường trước được những biến chuyển sau cuộc đảo chánh đã xảy ra, không ngờ được có những đổi thay táo bạo (hay hiểu được về lý thuyết sinh tồn) và hơi dè dặt về tình huống chính trị do một nội các mang đến. Người Mỹ hoan nghênh chủ thuyết Trung Lập và tán đồng đề nghị của De Gaulle nhưng lại muốn ông Khánh là sản phẩm của Hoa Kỳ.

Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Robert McNamara vội vàng bay sang Miền Nam để duyệt xét tình hình ngay tại chỗ. Chính phủ mới của Johnson không muốn có sự thay đổi tại Sài Gòn. Chỉ đơn thuần với mục tiêu chính trị thì khó có thể đương đầu với một cuộc chiến tranh, nhưng để khích động mọi người lao vào cuộc chiến, và với chiến dịch du kích chiến, thì nhân tố chính trị lại là điều cần thiết. Washington hiểu rằng nếu những người lãnh đạo chính phủ Miền Nam không thống nhất thì cuộc chiến sẽ trở nên tồi tệ ngay.

Và rồi Washington phải đón nhận những gì họ muốn tránh. Ông Khánh lúc nào cũng tuyên bố là Hoa Kỳ chỉ ủng hộ mỗi một mình ông ta mà thôi. Thiếu suy nghĩ sâu sắc và là cơ hội chủ nghĩa nên ông Khánh thường tỏ ra không được thận trọng. Lại sợ quyền hành từ tay mình

roi vào nhóm Đại Việt nên ông Khánh đã từ bỏ đảng Đại Việt để liên kết với những nhóm chính trị mới. Ông ta dùng chiêu bài chia rẽ, chính phục lẫn đe dọa để đối xử với những người trong chính phủ. Đặc biệt ông ta tìm cách gây mâu thuẫn, chia rẽ, đổ kị, ngờ vực giữa Phật Giáo và Công Giáo.

Trong Quân Đội, Khánh cũng cất nhắc những sĩ quan tay chân của ông thay thế những sĩ quan có gốc gác Đại Việt. Và nguy hiểm hơn hết là Khánh đã tạo ra những hiểm khích để chia rẽ Đại Việt thành hai nhóm, nhóm Đại Việt Miền Trung và nhóm Đại Việt Miền Nam như Nguyễn Ngọc Huy và Dương Hiếu Nghĩa.

Kế hoạch Bình Định của Nguyễn Ngọc Huy bị ngưng lại. Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn Henry Cabot Lodge đã phúc trình về Washington là ông ta không hiểu được, với một kế hoạch thành công như thế mà bỗng dưng chính phủ lại hủy bỏ. Đại sứ Lodge quả thực đã không thể hiểu rằng Nguyễn Khánh đã trao trách nhiệm duyệt xét ngân sách các Bộ cho một nhân vật phục vụ từ thời chính phủ Ngô Đình Diệm, và ông này “quên” duyệt xét ngân sách của Bộ Phát Triển thành thử Bộ này không có tiền nên chương trình hoạt động phải ngưng

Đại Việt thấy rằng, đã lật đổ ông Diệm, rồi nhóm Tướng lãnh thì không thể để một người như Khánh tiếp tục lãnh đạo đất nước. Cuộc đảo chánh đầu tiên nhằm lật đổ Khánh xảy ra hồi tháng 9.1964 nhưng không hoàn toàn thành công vì có một số người do Khánh cân nhắc đã ủng hộ ông ta. Trong số những người ủng hộ Khánh lúc đó có Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ.

Nhưng sau cuộc đảo chánh này thì quyền lực của

Tướng Khánh đã lung lay. Ông Nguyễn Ngọc Huy lại rời khỏi nước vài tháng. Một nội các liên hiệp ra đời hầu hết là những Quân Nhân và những người chỉ thích tiếng tăm và trình diễn hơn là thật sự muốn phục vụ cho đất nước và đưa đất nước tiến lên.

Người Mỹ theo dõi, tưởng chừng như một gánh xiếc về chính trị, nhưng họ không hiểu tại sao. Lợi dụng tình hình phức tạp đó. Khánh đã đề nghị, vào giữa năm 1964, là hãy đưa quân chiến đấu vào vùng cao nguyên Trung phần để chặn đứng sự xâm nhập của Hà Nội để Miền Nam có đủ thời gian ổn định lại. Ý kiến của Khánh không hoàn toàn bị phản đối, nhưng vào thời điểm đó, Hoa Kỳ chỉ đồng ý là giúp Khánh những trận đột kích chống sự thâm nhập của quân Bắc Việt mà thôi. Vào tháng 8 năm đó, tàu vũ trang cộng sản tấn công một diệt lồi hạm của Hoa Kỳ trong hải phận quốc tế, gần nơi một cuộc hành quân của Miền Nam chống quân Bắc Việt. Ống phóng hỏa tiễn bắn tàu Mỹ này sau đó đã được trưng bày tại bảo tàng viện chiến tranh ở Hà Nội. Khi chiếc diệt lồi hạm thứ hai báo cáo bị tấn công vài ngày sau, Tổng Thống Johnson mới ra lệnh oanh kích Bắc Việt trả đũa, và yêu cầu Quốc Hội Hoa Kỳ ra Nghị Quyết cho phép, trong trường hợp cần thiết, Tổng Thống có thể sử dụng Quân Đội Hoa Kỳ để bảo vệ Miền Nam Việt Nam. Người Mỹ tham dự vào cuộc chiến Việt Nam với những uẩn khúc đó.

Cuộc đảo chánh Khánh tiếp theo vào năm 1965. Lý do là Quân Đội Miền Nam đang thua cuộc chiến do Hà Nội gây ra. Tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã lan rộng vào các thôn ấp. Nguyên nhân là do cuộc tranh giành ảnh hưởng và quyền lực của các Tướng lãnh và

các sĩ quan đã làm tiềm năng chiến đấu của Quân Đội không còn hữu hiệu nữa. Đất Nước trở thành vô chính phủ không còn ai tin tưởng.

Chớp lấy thời cơ này, Hà Nội đã xua quân đội vào Miền Nam mở rộng tấn công. Để chặn đứng áp lực này của Hà Nội và bày tỏ thái độ cương quyết của chính phủ Hoa Kỳ đối với phe cộng sản. Tổng Thống Johnson bắt đầu leo thang chiến dịch oanh kích những mục tiêu quân sự và những trục giao thông chính của Bắc Việt.

Hành động này chỉ thỏa mãn lòng tự ái của Hoa Kỳ nhưng không làm cho những nhà lãnh đạo Hà Nội yếu đi và cũng chẳng có lợi ích gì để giúp cho Miền Nam Việt Nam tìm ra một nhà lãnh đạo tốt hơn.

Cuối cùng ông Khánh cũng phải ra đi. Nhưng con gấu vẫn ở trước cửa. Vào tháng 5 và tháng 6, Quân Đội Miền Nam đã mất đi từng Tiểu Đoàn mỗi tuần. Những tân binh không đủ bổ sung cho các đơn vị tổn thất mãi cho đến mùa Thu. Theo đà thất bại này thì Miền Nam có thể rơi vào tay cộng sản bất cứ lúc nào. Lãnh đạo Quân Đội Mỹ tại Sài Gòn là Tướng William Westmoreland đã phúc trình về Washington tình hình nguy kịch này. Theo Tướng Westmoreland thì chỉ có Quân Đội Đồng Minh vào Miền Nam tức khắc thì mới có thể chặn đứng được đà tấn công của cộng sản mà thôi.

Vị Tướng Hoa Kỳ cũng ước tính cần tới 44 Tiểu Đoàn với đầy đủ trang bị và yểm trợ mới có khả năng khoanh vùng và tấn công các đại đơn vị tinh nhuệ của cộng sản Bắc Việt ẩn náu trong những căn cứ trong rừng già. Còn cho dù lực lượng ấy được đáp ứng cũng chưa đủ để đánh bại được lực lượng của cộng quân hay bảo vệ được vùng

nông thôn mà du kích quân cộng sản thường xuyên quấy phá. Tướng Westmoreland cũng cảnh giác rằng, để tiêu diệt hoàn toàn cộng quân hơn là chỉ để cứu Miền Nam trong nhất thời, thì trong tương lai Hoa Kỳ còn phải gửi thêm quân sang Việt Nam hơn nữa.

Ngày 25 tháng 7.1965 Tổng Thống Johnson đã thỏa mãn lời yêu cầu gửi sang Việt Nam 44 Tiểu Đoàn và hứa là sẽ gửi thêm quân, nếu cần. Tướng Westmoreland tiên đoán là sẽ chiến thắng được cộng quân trong năm ấy. Nhưng bây giờ cho thấy đó chỉ là giấc mơ. Hoa Kỳ sẽ bị thất bại trong tương lai nếu đó là lời tiên đoán thì hiện tại phải đối phó ra sao khi chạm trán với những tham vọng và tuần tự leo thang của Hà Nội.

Tổng Thống Johnson đã nhận diện cuộc chiến Việt Nam qua ảo giác. Những nhà phân tích dân sự trong Bộ Quốc Phòng của ông McManara đã ngồi đếm những con số tử vong của cộng quân để luận đoán về chiến thắng của Hoa Kỳ. Vì vậy chỉ cung cấp cho người lính Hoa Kỳ đầy đủ hỏa lực, di chuyển quân bằng trực thăng, là mục tiêu (trên lý thuyết) đã đạt tới. Nhưng Hà Nội lại chọn cách đánh khác và mục tiêu cũng đã đạt tới. Họ buộc đối thủ Hoa Kỳ phải kéo dài trận đấu trên sân. Hồ và các đồng chí của ông đã từng phác họa rằng, để có chiến thắng sau cùng, họ không cần những trận đánh thắng trên mặt trận. Cứ kéo dài cuộc chiến cho đến khi nào người Mỹ không còn đủ kiên nhẫn để theo đuổi, chừng ấy Washington sẽ giải quyết.

Hà Nội bất chấp thất bại về nhân mạng và những tổn thất to lớn ở trận địa. Họ chỉ cần mua thời gian. Thời gian, không phải là chiến lược do quân đội cộng sản mà là do

thành phần phản chiến chống Washington chọn lựa. Và thời gian là lúc mọi nỗ lực của người Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ Miền Nam Việt Nam đã cạn, đó mới là điều mà Hà Nội luôn luôn tính toán.

Quyết định của Johnson thả bom Bắc Việt và gửi quân sang Miền Nam chiến đấu và chết tại miền đất này đã giúp cho phe phản chiến có lý do để chiến thắng và chấm dứt cuộc chiến Việt Nam với cụm từ mỉa mai: Thua thế cho Sài Gòn.

Phong trào phản chiến bắt đầu chẳng đáng kể. Phát xuất từ Trường Đại Học Harvard. Lần xuống đường biểu tình đầu tiên của phe này không quá 25 người tham dự. Nhưng thành phần trí thức uy tín tại xứ sở này đã số lại xuất thân từ Trường Đại Học đó. Tôi đã làm việc cho phong trào nhân quyền, đến tham dự Đại Hội Đảng Dân Chủ tại Atlantic City với tư cách là một ủng hộ viên của đảng Dân Chủ từ Mississippi. Những người bạn thân đã đi về phương Nam để ghi danh bầu cử là những cử tri đảng da đen theo một chiến dịch đã vận động trước. “Phong trào” của chúng tôi có mục đích là đoàn kết, phát triển và kết hợp những người từng xuất thân từ Harvard.

Mario Savio, con người có tài hùng biện nẩy lửa ở Berkeley cũng có mặt nhưng không phải để tranh luận mà vì tò mò, muốn tìm hiểu nhiều hơn.

Ông Lyndon Johnson đã đánh bại ứng viên Barry Goldwater trong cuộc tranh cử Tổng Thống 1964 và ông hỗ trợ thành công cho liên đoàn cử tri tách rời và trả lại cho Miền Nam tái hình thành những cộng đồng mang màu da theo sắc tộc. Niềm sung sướng của tôi là được nhìn thấy hướng đi lên vững chắc của quốc gia, giữ trung

dung, nhưng hướng đi tốt nhất ấy lại không phù hợp với một số người. Họ thích một xã hội mà những sự kiện đang diễn biến làm cho họ không tin tưởng.

Cuộc ném bom xuống Bắc Việt đã làm cho những người Mỹ thỏa mãn quyết định của Johnson, mỗi người một cách khác nhau. Trước hết, lý luận của nhóm ủng hộ ông Johnson đưa ra như sau: Chính phủ Mỹ đã không có những việc làm đúng mức do đó những người từng ủng hộ ông ta đã bị các tổ chức làm suy yếu đi niềm tin. Những kẻ chống đối thì cho rằng dường như còn những điều gì liên quan đến vấn đề đạo đức còn đang ẩn dấu.

Trong thực tế về cuộc chiến Việt Nam thì nhận định của hai phía trên đều trở nên vô nghĩa vì sự kiện thực tiễn hiếm khi giúp cho những bộ óc hay nhạy cảm đạt đến những kết luận mang tính khách quan. Những sự kiện không đầy đủ có thể bị ngộ nhận hoặc làm giảm giá trị, những sự kiện đối lập có thể tìm ra, những sự kiện được đưa ra phải luôn luôn phù hợp với một lý thuyết hay những lý thuyết mà bộ óc có thể dung nạp được.

Trò chơi về những sự kiện và tranh luận được gọi là “Chủ nghĩa ngụ biện”. Bắt đầu từ năm 1965, câu chuyện đầu môi ở các đại học xá và những nhà trí thức Mỹ lúc nào cũng khởi đầu từ câu chuyện về Việt Nam và qua đó duyệt xét lại căn bản luận lý và bản chất của Hoa Kỳ.

Thiên kiến những thành phần đối lập với cuộc chiến cho rằng cần phải theo gương Pháp. Từ giữa thế kỷ 19 (đúng ra là từ thế kỷ 17, khi những nhà truyền giáo Pháp đến Việt Nam) những nhà biên khảo Pháp đã giải thích người Việt Nam theo nhận định của người Trung Hoa. Các nhà truyền giáo đã nhận định có sự tương đồng giữa

Thiên Chúa Giáo và Khổng Giáo. Thiên Chúa Giáo gọi là Chúa Cha thì người Trung Hoa gọi là ông Trời. Chúa Con thì người Trung Hoa gọi là ông Vua. Vua là con của Trời.

Người Việt Nam dùng văn tự Trung Hoa, nhưng dân tộc tính khác người Trung Hoa từ căn bản. Nguồn gốc nguyên thủy ở vùng Đông Nam Á Châu, họ quý trọng tình mẫu tử, chuộng đời sống cá nhân. Vì thế họ sùng đạo Phật và xem trọng đời sống tinh thần hơn là xã hội phong kiến của Khổng Tử. Thế nhưng về thượng tầng kiến trúc xã hội thì Việt Nam và Trung Hoa lại có một hình thức giống nhau.

Vào năm 1802 thì gia đình phải tuân thủ quyền lực cũng như pháp luật rập theo khuôn khổ phong kiến Trung Hoa, thậm chí ngay cả bộ luật được áp dụng cũng giống luật của Trung Hoa từng chữ. Mặc dù vậy, chỉ có tầng lớp quan lại mới chịu ảnh hưởng của phong kiến Trung Hoa mà thôi. Người Việt Nam sống trong các làng xã vẫn giữ nguyên nếp sống cổ truyền, một nếp sống mà nền văn hóa, chính trị đã được hài hòa để trở thành nét đặc trưng của dân tộc và được bảo tồn qua các thời đại Lý, Trần, Lê, tạo nên sức mạnh đánh bại và đẩy ra khỏi bờ cõi bao nhiêu lần xâm lăng của người Tàu và thực dân.

Người Việt Nam mang những nét đặc thù vượt lên trên sự bình thường cho nên thực dân Pháp đã không cảm nhận ra nổi thực tiễn đó. Người ngoại quốc bị ấn tượng sâu đậm với những gì họ chỉ hiểu một cách nông cạn của các nền văn hóa khác cho nên khi thấy các Vua Quan Việt Nam có cung cách giống như Trung Hoa, họ bị ngộ nhận. Những nhà biên khảo và những nhà cai trị của Pháp ở Việt Nam đã hiểu Việt Nam theo thiên kiến của họ hơn là

theo thực tế. Và để hoàn tất vai trò cai trị, họ đã phủ nhận tính cơ bản về tinh thần chủ nghĩa quốc gia của người Việt Nam, và chính chủ nghĩa quốc gia đó là ngọn đuốc thiêng đã soi đường cho người Pháp, bất kể đàn ông hay đàn bà, đứng lên chống lại chủ nghĩa đế quốc của người Anh và người Đức vào thế kỷ 19. Nếu tinh thần quốc gia là một tiềm ẩn trong mỗi người Việt Nam thì sự cai trị của Pháp ở Việt Nam không thể nào dung nạp được, dù là ở Việt Nam hay ở Paris. Quy chế bảo hộ dễ dàng chấp nhận hơn nếu nó không tạo ra những ông quan thuộc địa lúc nào cũng hống hách và những tên thực dân lúc nào cũng tự phụ chỉ có họ mới mang đến cải cách khoa học và kinh tế cho dân tộc Việt Nam, còn những bản xứ thì không có khả năng thực hiện. Với sách lược cai trị thuần túy, đã bao phủ tinh thần quốc gia của người Việt Nam làm cho họ không nhìn thấy sự nhận định nguy hiểm và thiếu chính xác của họ.

Người Pháp đã nói với chính họ cũng như người Việt rằng sự có mặt của họ tại Việt Nam là để hoàn thành sứ mạng văn minh hóa xứ này. Tiếng Pháp và nền giáo dục của Pháp đã trở thành một trào lưu bắt buộc cho những người Việt Nam khoa bảng muốn nhập vào vòng quay của họ. Việt Nam đã được hướng định để đưa xã hội chia thành giai cấp giàu và nghèo. Không có sự kết hợp đồng nhất để không có thể chống lại ngoại bang. Các quan đô hộ Pháp đã liên kết với thành phần khoa bảng bản xứ (đối tượng chính đã được văn minh hóa) và ban phát cho thành phần này những đặc quyền chính trị.

Kết thúc Thế Chiến Thứ Hai, người Pháp đã phải đổi đầu và rơi vào tình huống bị thảm khi họ không chấp

nhận chủ nghĩa quốc gia của người Việt Nam. Do vậy, họ đã liên kết với chủ nghĩa cộng sản qua Hồ Chí Minh, một con người mà theo sự hiểu biết mơ hồ của họ, là một người Việt Nam yêu nước. Sự có mặt của người Nhật trong Thế Chiến Thứ Hai tại Việt Nam đã xác định được vai trò của Pháp. Những lãnh tụ của Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo đã được người Nhật đặc biệt che chở và khuyến khích tìm về giá trị tinh thần Đông phương thay thế cho Tây phương.

Tháng 3 năm 1945, người Nhật đã tước bỏ hoàn toàn quyền lực của người Pháp và người Việt Quốc Gia đã bắt đầu hít thở được không khí của sự tự do. Nhưng vào mùa Thu năm ấy, De Gaulle đã gửi nhân viên chính trị và quân đội sang tái chiếm thuộc địa Việt Nam. Trong số những lãnh tụ đảng phái Việt Nam duy nhất hợp tác với Pháp, đó là ông Hồ Chí Minh.

Jean Sainteny, một thương thuyết gia của De Gaulle vào hồi ấy, cần liên kết với họ Hồ. Dưới mắt của Sainteny, bối cảnh lịch sử lúc đó, có thể dùng Hồ như một người ái quốc, một người quốc gia, cần thiết để mang nền văn minh của Pháp trong sứ mệnh nhằm tái lập thuộc địa cũ.

Quả Hồ là đặc trưng cho một hàng ngũ trí thức kiểu mới, mặc dù là một người cộng sản, nhưng Pháp có thể lợi dụng để trở lại đô hộ Việt Nam cũng giống như thời vua chúa trước. Hơn thế nữa, dưới trướng của Hồ lại có một số tay chân đàn em, và Hồ đã tiếp thu được nền văn minh của Tây phương. Nói theo ngôn từ văn chương thì Hồ là người tiêu biểu cho chủ nghĩa thực dân kiểu Pháp, lột xác nguồn gốc Á Châu từ khi ông ta sống ở Paris.

Qua sự đánh bóng của Sainteny và những cộng sự viên

của ông này như Paul Nus và Phillipe Devilliers thì Hồ biến thành một đại lãnh tụ đáng kính. Một lượng giá sai lầm hẳn đã phải dẫn đến hậu quả tồi tệ. Một khi chủ nghĩa quốc gia hòa nhập với chủ nghĩa cộng sản trong con người của Hồ và các đồng chí của ông ta thì chủ nghĩa quốc gia sẽ không còn nguyên vẹn và tồn tại. Những ai chống đối vì cho rằng Hồ không tiêu biểu cho người quốc gia thì liền bị chụp mũ, xuyên tạc dưới những cụm từ chính trị như phản động, Việt gian, bù nhìn, phá hoại, ti tiện... Nói một cách khác, chỉ có Hồ là người đáng được Pháp thần thánh hóa, còn những người Việt Nam khác đều là đồ bỏ.

Hồ và đảng của ông ta khoái trá trong cung cách lừa dối đó. Với chiến thuật mặt trận thống nhất làm bình phong che đậy những tham vọng của người cộng sản, trước tiên là chống lại Pháp và sau này dùng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam để chống Sài Gòn và Mỹ, những người cộng sản luôn luôn núp dưới chiêu bài quốc gia. Thế nhưng cái chủ nghĩa quốc gia ấy bốc hơi ngay sau khi họ chiến thắng một lực lượng quân sự nước ngoài, và cũng lạ lùng thay, những gì không phải là truyền thống của dân tộc Việt Nam lại được mang ra áp dụng trên nước họ. Thực chất họ không phải là những người theo chủ nghĩa quốc gia thuần túy, truy nguyên quá khứ của họ thì thấy rõ, nhưng lại dùng chủ nghĩa này để phỉnh gạt quần chúng, giúp cho họ trở nên chiến thắng.

Khi trên đầu môi những nhà trí thức Hoa Kỳ luôn miệng đưa ra những lập luận nhằm phản đối về cuộc chiến tại Việt Nam năm 1965, họ vội vàng chụp lấy những huyền thoại mà Sainteny đã thêu dệt từ trước. Họ chỉ trích chính phủ đã hỗ trợ cho Miền Nam Việt Nam

là sai lầm, chính phủ Sài Gòn không đại diện cho ai cả, là bù nhìn, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mới là tiêu biểu cho “Bác Hồ”, đấu tranh cho kẻ nghèo, cho nông dân và cho bình đẳng. Lý luận xa hơn nữa, chỉ có ông Hồ và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam mới thật sự tiêu biểu cho khát vọng của dân chúng Việt Nam, vì vậy những thế lực chống đối là đi ngược lại quyền lợi của dân tộc.

Họ còn bảo ông Hồ không phải là người cộng sản, chẳng qua chính phủ Mỹ gán ghép cho ông ta hình ảnh xấu xa đó thôi, chứ ông Hồ là người quốc gia yêu nước (!). Tóm lại, nhờ Sainteny mà Hồ chí Minh trở thành một huyền thoại.

Sainteny vẽ chân dung ông Hồ như thế vẫn chưa đủ. Vào đầu thập niên 1960 có Phillippe Devilliers tô thêm sơn vào. Devilliers giải thích thực chất cuộc nổi dậy tại Miền Nam Việt Nam không phải do quyết định của Hà Nội nhằm chống lại chế độ không cộng sản của ông Diệm, mà đó là hậu quả của chính Diệm tạo nên. Nào là những người lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không phải là đảng viên đảng cộng sản, họ thuần túy là những người quốc gia và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra đời là thể theo nguyện vọng của dân chúng Miền Nam để chống lại sự đàn áp của chính phủ Diệm và để mang lại nền công lý.

Thực tế ông Diệm có đàn áp thành phần đối lập và cũng thực tế, vì sự đàn áp ấy mà một số người đã phải chạy theo Hà Nội. Thế nhưng theo lập luận của Devilliers thì Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không do cộng sản dựng lên là một lập luận hoàn toàn sai. Bởi vì vào tháng 5.1959 chính trị bộ Hà Nội đã quyết định kế hoạch tạo

cuộc nổi dậy bằng võ trang tại Miền Nam do cán bộ cộng sản gửi từ Hà Nội vào điều khiển.

Trong năm 1961, rồi 1965, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã đưa ra những bạch thư lên án Hà Nội chủ động trong việc gây ra cuộc chiến tại Miền Nam và phổ biến những nghị quyết mật của chính trị bộ vào năm 1959. Lễ tất nhiên vào năm 1965 người phát ngôn của phong trào phản chiến đã lên tiếng phủ nhận và cho rằng chính phủ đã dựng đứng, xuyên tạc sự thật. Phong trào phản chiến vẫn bám lấy những lập luận sai lầm về nền văn hóa và xã hội Việt Nam từ nền đô hộ Pháp đưa ra.

Giáo Sư George Mc Kahin của Trường Đại Học Cornell viết: “Không có bằng chứng hiển nhiên, đáng tin cậy như những bạch thư mà Hoa Kỳ đã đưa ra trong năm 1965 là “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành hình dưới sự điều khiển của Hà Nội”. Đây chỉ là một vấn đề giả thiết và vì vậy nó thiếu hoàn toàn căn bản vững chắc, như thế là giả thiết mà Ngoại Trưởng Rusk đưa ra, là cuộc chiến có thể hoàn toàn chấm dứt trong 24 giờ nếu Hà Nội bảo đảm rằng họ không tiếp tục cố gắng chiếm lấy Miền Nam và Lào bằng võ lực”.

Ông ta đã lớn tiếng phủ nhận thực trạng của lịch sử Việt Nam do chính phủ đưa ra. Giáo Sư Kahin đã sao chép lại những gì mà Devilliers và Jean Lacouture đã viết.

Vào những năm 1965 và 1966 khi phong trào lên mạnh, tôi đã trình bày cho thành phần phản chiến ngại biện này về nguyên nhân sự xung đột tại Miền Nam. Mặc dù không được chọn vào ban biên tập tòa soạn của báo sinh viên do Crimson làm chủ nhiệm, tôi đã viết một tiểu luận phân tích khá kỹ về cuộc chiến tại Miền Nam Việt

Nam dưới cách nhìn của một nông dân. Một bên là một chính phủ bất lực và phía bên kia là những du kích quân lúc nào cũng chĩa mũi súng vào và bắt họ tin những gì mà đám du kích kia tuyên truyền. Người nông dân có nỗi ước mong duy nhất là làm thế nào sinh mạng của họ được an toàn, tài sản được bảo đảm và rồi cuộc sống sẽ tốt đẹp và văn minh hơn.

Bài viết của tôi đã bị từ chối. Ban biên tập cho rằng tầm thường và nhạt nhẽo. Tôi đáp lại, bài này phản ánh vài điều quan trọng, căn bản, một chuyển biến của lịch sử và phù hợp với nếp suy nghĩ của mọi người. Họ cười. Theo họ bài viết của tôi chưa đạt tiêu chuẩn của một người viết báo. Phải sôi nổi hơn, xác định học thuyết và những giá trị căn bản, cần suy tưởng, biện luận vững vàng và viết trôi chảy hơn. Họ khuyên tôi như vậy.

Tôi đã phải chạm trán với cung cách viết báo trẻ con như thế và quyết định không từ bỏ cung cách viết mang nét đặc thù riêng của tôi.

Liền sau đó thì tôi lại rơi vào một trạng thái bất bình khác là đám của họ có những cái nhìn bất công đối với người Việt Nam bình thường. Theo cách nhìn của họ, những gì xảy ra cho người Việt Nam chẳng qua, dựa trên nền văn hóa Hoa Kỳ, chúng ta có truyền thống can dự vào những cuộc chiến địa phương, hơn là những nhu cầu đích thật là người Việt Nam cần đến. Bởi thế, sau năm 1975, khi những thuyền nhân bị cưỡng bức rời khỏi Việt Nam và những người Kampuchea sống sót sau họa diệt chủng, đến xin tỵ nạn tại Hoa Kỳ, thì những nhà trí thức, khoa bảng thông minh và sáng giá nhất của chúng ta, những người từng có luận cứ sắc bén để chống lại

cuộc chiến tranh, đã im hơi, không dám cất lên tiếng nói để ủng hộ hay giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh tại Đông Dương.

Do thế mà những người trí thức phải bước ra khỏi các khuôn viên của Đại học xá để cất lên tiếng nói của lương tâm. Được sự chia sẻ của các phe cánh tả lớn tuổi qua việc hợp tác chung với phong trào nhân quyền, và rồi lớn mạnh dần nhờ sự hỗ trợ của giới thương mại từng xuất thân ở các Trường Đại Học, những chính trị gia, tôn giáo, giáo sư đại học, nhà văn, những nhà bình luận... tiếng nói của họ đã tạo nên sự chú ý là xem xét lại quan điểm của Hoa Kỳ mà cuộc chiến Việt Nam là tấm gương cho mọi người nhìn lại, để rút ra những bài học tốt cho tương lai.

Thảm hại thay, thành phần thiên tả mới và những người lưng chừng, phong trào phản chiến đã không còn lý do để biện minh cho thái độ của họ nữa. Những luận cứ của họ đưa ra để kết án cuộc chiến này là thiếu đạo đức bởi vì để chống lại một người yêu nước như Hồ Chí Minh, giờ đây đã trở thành phi lý và không ai có thể còn tin được. Những ai mô tả cuộc chiến Việt Nam là lầm lẫn đã được xem họ không phải là người Hoa Kỳ.

Do huyền thoại hóa cuộc chiến tranh theo lối không tưởng của Pháp, không có gì có thể biện minh trong việc xâm phạm quyền tự quyết của một dân tộc khác, mà phong trào phản chiến dùng làm lợi khí trong trận bút chiến, đã làm tách đôi ra giữa nhóm tự do và bảo thủ tại xứ này. Theo những điều luật trong kinh Cựu Ước, đã hằn sâu trong tim của mỗi người Mỹ, là chỉ có những người lương thiện mới được hưởng phước lành và ân sủng trong Chúa. Bởi vì Vua Do Thái thời cổ xưa đã

không theo dấu chân của David và Solomon nên dân của ông đã bị lưu đày, và Hoa Kỳ nếu theo đuổi một mục tiêu phi chính nghĩa tại Việt Nam thì không trông mong gì có thể thắng được, dù là thắng tại chiến trường hoặc thắng ngay trong hậu phương quê nhà. Luận điểm phe phản chiến đã dùng là chiêu bài đó.

Và rồi nó đã trở nên những lời tiên tri. Tin rằng chúng ta không thể có được cuộc chiến thắng và chẳng bao giờ có cuộc chiến thắng, nên Quốc Hội Hoa Kỳ giữa năm 1973 và năm 1975 cấm đoán không cho sử dụng quân lực Hoa Kỳ và ngăn cản không cung cấp viện trợ quân sự lẫn kinh tế cho Miền Nam Việt Nam.

Rập khuôn theo nhãn quan của Pháp, đảng Dân Chủ cũng có cách nhìn người Việt Nam thiện cận như vậy. Robert Kennedy và những người thân cận ông trong chính phủ Kennedy đã ám ức phải rời Thủ Đô Washington vào tháng 1.1961 để trao lại quyền lãnh đạo cho Lyndon Johnson. Mặc dù không phải cùng nhóm với Kennedy, nhưng Johnson vẫn giữ lại nhiều nhân vật quan trọng từ thời hai anh em Kennedy.

Trong cuốn tiểu sử của Robert Kennedy, Arthur Schlesinger, một thân cận của gia đình Robert, đã dự phóng cuộc chiến Việt Nam sẽ ra sao vào giữa năm 1965 và đầu năm 1967. Điều dự phóng đó thúc đẩy Robert Kennedy đã tách rời khỏi Johnson và tranh với ông ở chức Tổng Thống. Chiến dịch tranh cử của Kennedy để giành lấy quyền lực đã làm những vận động viên trong đảng Dân Chủ xé lẻ ra, mất đi truyền thống tập trung sức mạnh vận động chủ điểm ở những thành phố kỹ nghệ lớn, trong các nghiệp đoàn, và tại các Tiểu Bang Miền

Nam. Mục tiêu chính trị của chúng ta trở nên ảo tưởng và không thực tiễn, từ đó, cánh cửa đã mở để cho đảng Cộng Hòa chiếm lấy thế thượng phong trong tay của Richard Nixon, Ronald Reagan và George Bush.

Nhìn lại, dường như mục tiêu mà Robert Kennedy đeo đuổi là chỉ để đối đầu với Johnson hơn là một cuộc đấu tranh mà ông và người anh của ông đã quyết định chọn lựa. Và ông thì từng tuyên bố là sẽ không bao giờ để thất bại, và anh của ông, cũng vì theo đuổi mục tiêu đó, đã có những quyết định không xứng đáng trong việc khuyến khích lật đổ ông Diệm, và cũng vì cuộc đấu tranh này mà thời đại của Johnson đã kêu gọi một cuộc thánh chiến để chống lại chủ nghĩa cộng sản. Chỉ có những người Pháp mang đầy tham vọng về Việt Nam mới cổ vũ giải thích và xem ông như một người làm cách mạng trong chiến tranh. Ông đã “khám phá” một cách muộn màng rằng Hoa Kỳ đã rơi vào một cuộc chiến sai lầm.

Tôi may mắn được gặp Robert Kennedy trong một chuyến công tác của ông, mang thông điệp trong ngày lễ nhậm chức Tổng Thống, và qua thông điệp đó. Hoa Kỳ xác định là sẽ trả bất cứ giá nào và chấp nhận mang bất cứ thách thức nào để bảo vệ tự do do người cộng sản chính thức hay ẩn dấu tạo nên. Cùng với vợ ông là Ethel, Robert Kennedy đã đến Bangkok năm 1962 sau một thời gian dừng chân ngắn ngủi ở Sài Gòn. Là một Đại Sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan, thân phụ tôi là người chủ yếu lập chương trình cho ông trong cuộc viếng thăm Thái Lan lần này, từ cuộc họp báo tại nhà hàng thiếu máy lạnh tại phi trường Don Muang đến cuộc thăm viếng Hoàng cung, bên cạnh những dinh thự cũ kỹ là những lâu đài kiến trúc theo kiểu mới

nhằm tạo cho các cường quốc Tây phương thấy rằng Thái Lan có thể trở nên một quốc gia tiên tiến mà không cần sự bảo hộ của thực dân. Kennedy và vợ ông đã ở trong căn phòng có máy lạnh sát phòng tôi, tầng trên của nhà khách, nằm trong khuôn viên rộng và đồ sộ của Tòa Đại Sứ.

Hình bóng ông và cả những điều ông phát biểu đã cuốn hút tôi. Ông đã đạt được mục tiêu qua cuộc họp báo. Tôi hãnh diện và tự hào vì thân phụ tôi đã được phục vụ trong chính phủ này và đồng thời tôi tin rằng chúng ta sẽ thắng được những mục tiêu mà người cộng sản đã đề ra ở Đông Nam Á. Ở tuổi 17, tôi đã thiến cận đến nhường nào. Thái Lan đã tồn tại sau những lần bị cộng sản khuynh đảo dưới nhiều hình thức là bởi vì ngay từ những năm 1961 đến 1963 ba tôi đã khuyến cáo những nhà lãnh đạo Thái cùng các cố vấn Hoa Kỳ là phải đặt trọng tâm tại những vùng nông thôn bằng cách là phải mang đến cho người dân một guồng máy chính quyền ở hạ tầng tốt và một sự kinh tế vững mạnh.

Nhưng rồi 4 năm sau, suốt năm 1966, qua một cuộc thăm dò thiếu đúng đắn và nghiêm túc ở hàng ngũ tiêu biểu của Hoa Kỳ, ba người thân cận nhất với Robert Kennedy đã viết ra những cuốn sách nhằm chỉ trích việc oanh kích Bắc Việt và việc Hoa Kỳ đã gửi lực lượng quân sự vào Miền Nam của Tổng Thống Johnson. Richard Goodwin, Arthur Schlesinger Jr và John K. Galvraith, mỗi người một cách khác nhau, đã cóp nhặt lối phân tích của Pháp “Chủ nghĩa cộng sản như thể là chủ nghĩa quốc gia” (communism as Nationalism) để biện luận rằng Hoa Kỳ không có những điều kiện bức thiết để phải can dự vào cuộc chiến tranh này.

Ảnh hưởng khởi đầu từ Robert Kennedy. Ông ta đã làm thay đổi quan điểm một số người vì chứng minh cho họ thấy rằng hình ảnh ông Hồ không phải là con người quá tồi tệ. Rồi nhà báo Joseph Kraft nhảy vào nhóm Kennedy qua việc đứng ra điều đình với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam phóng thích số thường dân Hoa Kỳ bị họ bắt giữ.

Năm 1966 Kraft đã viết lời giới thiệu trong ấn bản tiếng Anh cuốn sách của Jean Lacouture cho rằng, Hoa Kỳ đã sai lầm nghiêm trọng trong việc chống lại Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Cuốn sách của ông đã có tác động mạnh mẽ hơn là cuốn sách tương tự đã có từ trước đó của Bác Sĩ Benjamin Spock. Rồi chính De Gaulle cũng khuyên Kennedy là chính sách của Hoa Kỳ sai lầm, bởi vì người dân Miền Nam Việt Nam không bao giờ để cho ông Hồ biến xứ sở của họ thành cộng sản đâu. De Gaulle nói tiếp, Hồ là con người có cái nhìn chính trị thực tiễn nên sẽ không áp đặt ước vọng của ông ta vào Miền Nam. (trang 824)

Tháng giêng năm 1967, nhóm cầm đầu phản chiến Tim Hayden và Staughton Lynd, sau chuyến đi Hà Nội về, viết rằng cộng sản Hà Nội không muốn chinh phục Miền Nam. Trong sách của Hayden và Lynd cũng dựa lên những ý kiến của những nhà bình luận Pháp, để mô tả rằng người cộng sản Việt Nam từ bản chất là yêu nước.

Vào ngày 8 tháng giêng, trong một bài diễn văn, Kennedy nói rằng chủ nghĩa cộng sản khi ứng dụng tại Việt Nam đã mang màu sắc “sáng tạo của quốc gia với cuộc cách mạng mang tính truyền thống và năng động”. Goodwill và Schlesinger cùng những cố vấn đã giúp cho

Kennedy soạn thảo bài diễn văn để đối đầu với Johnson trong vấn đề chiến tranh. Bài diễn văn đã được đọc vào ngày 2 tháng 3 năm 1967. Ông mô tả những người cộng sản thực tiễn không có gì đe dọa đến những mục tiêu của Hoa Kỳ và cho rằng cuộc chiến tranh mà chúng ta đã can dự vào là sai lầm, do thế mà mọi công dân Mỹ phải chịu lấy trách nhiệm.

Vào tháng 4, Kennedy đã nói với Schlesinger, Lyndon Johnson nhất định tìm sự chiến thắng bằng quân sự và dường như điều ấy có thể xảy ra bởi vì đó là hậu quả tất yếu do ý chí của con người (trang 836). Vào cuối tháng 5, ông ta lại hỏi Schlesinger “Làm thế nào chúng ta có thể tồn tại 5 năm nữa dưới thời đại của Johnson? Năm năm nữa của một con người điên cuồng?”.

Mặc cho sự xuyên tạc và tạo xúc động ở quần chúng trong chiến dịch tranh cử của Robert Kennedy chống lại ông qua nỗ lực hỗ trợ cuộc chiến tranh, Lyndon Johnson vẫn cử Ellsworth Bunker đến Sài Gòn.

CHƯƠNG 2
**ELLSWORTH BUNKER
VÀ SỬ MỆNH CỦA ÔNG**

Tôi không có chủ đích để chuẩn bị sự trả lời. Nông trại của Ellsworth Bunker ở Vermont, bên trong nhà với lối trưng bày cổ kính, hài hòa nhưng không phải là những đồ dùng đắt tiền và bên ngoài là những dãy đồi tiếp nối dễ đưa người ta vào cõi mộng mơ quyến rũ. Tôi đã ở đó. Ngồi bên trái của Ellsworth Bunker, trong bầu không khí lặng yên, tôi bắt đầu hỏi những kinh nghiệm ông đã có, suốt thời gian làm Đại Sứ từ năm 1967 đến năm 1973 tại Miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi đã viết chung một cuốn sách, tường thuật lại những công việc đã làm và những suy nghĩ của ông về cuộc chiến tranh ấy. Tôi đã san định, đánh máy và sửa soạn gửi đến cho tờ *New York Times* vào những năm đó. Nhưng, như nguyên tắc của tôi đã vạch ra, tôi muốn thẩm định lại trí nhớ và quan điểm của ông về những bài viết liên quan đến Việt Nam mà tờ này đã từng đăng từ trước. Chúng tôi muốn kể lại kinh nghiệm của ông từng ngày, kể từ lúc vừa đến Sài Gòn vào tháng 5.1967 ra đi 6 năm sau.

Rồi một buổi sáng, một ý nghĩ thoáng đến, tôi bất chợt hỏi Ellsworth Bunker: Tại sao Lyndon Johnson lại chọn ông để cử đi Sài Gòn?

- Dễ hiểu thôi, ông ta đáp bởi nước Cộng Hòa Dominique. Tôi chẳng biết ông muốn nói gì, bèn tiếp:

Cộng Hòa Dominique ư? Tại sao lại có thể phân tích trường hợp xứ này với Miền Nam Việt Nam? Tôi chưa hề nghe ai dùng cách so sánh như thế cả. Ông ta đã làm cho tôi sáng tỏ qua câu trả lời thú vị:

- Tôi đã mang Johnson ra khỏi sự sa lầy ở Cộng Hòa Dominique và hoàn tất mục tiêu chính trị của ông ấy.

Vào mùa Xuân 1965, Johnson đã gửi 25.000 quân Hoa Kỳ sang Cộng Hòa Dominique để ổn định tình hình chính trị xứ này vì một lực lượng quân sự thân với Castro đã thắng phe kia và chuẩn bị cướp chánh quyền sau một cuộc nội chiến. Việc gửi quân sang thì dễ nhưng việc thương thuyết với phe đối lập qua đường lối ngoại giao để tìm một giải pháp thì lại muôn vàn khó khăn cho Johnson vì đã tạo ra nhiều tranh luận gay gắt ngay từ trong nước. Trừ phi một giải pháp đã đạt được thì lực lượng thân Castro mới không còn thắng thế và Quân Đội Mỹ mới có thể rút về. Ellsworth Bunker đã đạt được giải pháp đó qua cuộc thương thuyết và hồi hương được Quân Đội Mỹ. Sau đó, nước Cộng Hòa Dominique đã ổn định và các nước dân chủ trên thế giới thì cũng chẳng hiểu giải pháp ấy ra sao.

Tương tự như vậy, năm 1967, Johnson muốn rút ra khỏi cuộc chiến tranh Đông Dương và yêu cầu Ellsworth Bunker tìm ra giải pháp.

Lệnh gọi Ellsworth Bunker đi Sài Gòn đến với ông bất

ngờ và ông cũng không tiên đoán trước. Trên đường trở về nhà, sau khi tham dự một hội nghị tại Buenos Aires, Ellsworth Bunker nhận được công điện khẩn cấp của Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rush yêu cầu ông trở lại Washington trong thời gian sớm nhất. Gặp Rush, ông ta báo cho Ellsworth Bunker biết: “Tổng Thống đang ở Texas và muốn gặp ông vào sáng thứ ba khi Tổng Thống trở về. Theo tôi thì hình như Tổng Thống muốn ông đi Việt Nam”.

Theo chương trình, Ellsworth Bunker gặp riêng Tổng Thống tại phòng bầu dục, nơi không phải là biểu tượng sức mạnh mà là danh dự của Tổng Thống. Sau khi mời ngồi, Tổng Thống đi ngay vào vấn đề:

- Tôi muốn ông đi Việt Nam.

Rồi Tổng Thống tiếp:

- Ngày nay, vấn đề rối rắm nhất của chúng ta là tại đất nước này, vì thế tôi cần ông đến đó.

Những yêu cầu mà người khác không còn có cơ hội chọn lựa là nét đặc trưng của Johnson, Ellsworth Bunker cũng vậy, ông ta không muốn từ chối trách nhiệm mà Tổng Thống đã tin cậy trao phó.

Ellsworth Bunker bối rối khi nghe chỉ thị này. Mới đây, Johnson đã bổ nhiệm ông làm Đại Sứ toàn quyền tại Trung Đông, nhưng điều đó không quan trọng. Điều quan trọng nhất là ông ta vừa mới thành hôn với Carol Laise, một chuyên viên ngoại giao và đang làm Đại Sứ tại Nepal sau khi bà vợ đầu của ông mất năm 1963. Ông muốn hỏi ý kiến vợ. Nhìn thái độ của Ellsworth Bunker do dự, Johnson hiểu ý.

- Phải rồi, tôi sẽ cung cấp cho ông một máy bay. Ông

hãy đến và nói với Carol rồi sau đó gặp lại tôi ở Guam (là địa điểm cuộc họp giữa Tổng Thống Johnson và nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa theo chương trình đã định trước).

Việc bổ nhiệm làm Đại Sứ tại Miền Nam Việt Nam đã đặt Ellsworth Bunker trước một việc đã rồi. Johnson thừa hiểu rằng, Ellsworth Bunker là một con người đã từng phục vụ dưới 4 đời Tổng Thống và khi Tổng Thống trao trách nhiệm thì ông không hề từ nan dù nhiệm vụ có khó khăn đến đâu. Lần này cũng thế, ông không từ chối và chỉ muốn biết Tổng Thống muốn ông ta thực hiện những gì và tại sao.

Johnson tránh xác định và tập trung nỗ lực vào công việc chấm dứt chiến tranh. Tổng Thống chỉ muốn Ellsworth Bunker hoàn tất sứ mạng của Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam. Bắt đầu là rút quân chiến đấu Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu do cuộc chiến đòi hỏi, ưu tiên hàng đầu, là phải tăng cường quân số và huấn luyện Quân Đội Miền Nam Việt Nam để họ có thể chịu trách nhiệm và thay thế những nơi mà quân Hoa Kỳ sẽ rút. Khi Quân Đội Miền Nam lớn mạnh và đủ khả năng, chừng ấy mới bắt đầu rút đơn vị chiến đấu Hoa Kỳ. Song song việc làm đó, Johnson muốn các nhà lãnh đạo Miền Nam hãy quảng bá trong quần chúng để họ chuẩn bị tinh thần tự đảm nhận lấy trách nhiệm của mình. Nói cách khác, vai trò của Hoa Kỳ tại Miền Nam co giãn theo nhịp độ tăng trưởng, trong tinh thần tự bảo vệ của đồng bào Miền Nam Việt Nam.

Câu trả lời của Ellsworth Bunker đã làm tôi sáng tỏ nghi hoặc. Suy nghĩ của tôi bỗng đuổi theo những thành

quả dự phóng mà ông vừa trình bày. Johnson đã bị báo chí và phong trào phản chiến kết án sai lầm. Qua giải thích của Ellsworth Bunker, ông ta nói rõ là một con người mưu lược hơn, uyển chuyển hơn và nhạy bén hơn trong giải pháp giúp cho những người Việt Quốc Gia. Nếu Ellsworth Bunker thực hiện thành công, lịch sử cuộc chiến Việt Nam sẽ được viết lại và những “con bồ câu” hản không còn cơ hội để đưa ra những nhận định bất công, những chỉ trích sai lầm về kế hoạch và hành động của Lyndon Johnson. Lắng nghe Ellsworth Bunker trình bày, những nghi hoặc từng đè nặng trong trí tôi đã được thanh thỏa, một câu chuyện mới về chiến tranh Việt Nam đã được nói ra.

Phần lớn những người viết về những quyết định của Johnson qua chiến tranh Việt Nam, vì lý do này hay lý do khác, đều viết một cách hản học đối với ông ta. Nó đã trở thành câu chuyện đầu môi của nhiều người, rằng Jonhson là người đã leo thang và thích chiến tranh, trong khi đó thì Kennedy, được coi bản chất là một con người mong tìm kiếm một cuộc rút quân trong hòa bình để không can dự vào Miền Nam Việt Nam trong tương lai.

Theo những văn kiện chính thức được ghi nhận của Lyndon Johnson thì mãi đến tháng 3 năm 1968 ông ta mới có quyết định leo thang cuộc chiến tranh. Quyết định đó xuất phát là do vị Tân Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford và những nhà phân tích chiến lược, sau trận tổng công kích Tết Mậu Thân vào 29 tháng giêng trước của cộng sản, đã đề nghị. Thật ra, vào đầu năm 1967, chứ không phải đến năm 1968, Tổng Thống Jonhson đã tìm kiếm một giải pháp trong việc xuống thang và từ từ giải

giới. Tại sao ông ta không đưa ra trước công luận xem đó là một phần trong kế hoạch của ông? Chỉ có mình ông ấy biết.

Tổng Thống Johnson chưa bao giờ công bố là vào những tháng đầu năm 1967 ông ta đã nghiên cứu một sách lược để rút Quân Đội Hoa Kỳ về nước. Ngày nay cả Ellsworth Bunker và Lyndon Johnson, cả những sự kiện mà Ellsworth Bunker đã cho tôi biết là bằng vào những phúc trình báo cáo khít khao giữa hai người qua những điều Tổng Thống đã hướng dẫn, mà Ellsworth Bunker còn để lại.

Điều trần trở của tôi là tại sao từ đầu năm 1967 Johnson đã bắt đầu nghiên cứu một phương cách để rút quân nhưng vẫn giữ quyết định ấy trong vòng bí mật, trong khi ông là một vị Tổng Thống trong thời chiến tranh? Nhìn lại cung cách ấy, có một điều gì thiếu trong sáng. Ông đã đưa mọi người vào cuộc chiến theo tiếng gọi của ông và cung cấp cho mọi người những thành công của ông với cách thế của một nhà lãnh đạo quốc gia.

Sách lược về chiến tranh Việt Nam của Johnson, trước tất cả, là ở một trong hai thế: Súng hoặc bơi. Ông không bao giờ chọn đứng giữa hai thế. Chẳng hạn, về chiến thuật quân sự, ông dùng kế hoạch trải thảm bom Bắc Việt, lùng và diệt các đơn vị chiến đấu quân miền bắc, trong khi đó những căn cứ dưỡng quân ở Lào và Cambodia của Hà Nội thì ông ra lệnh Quân Đội Hoa Kỳ giới hạn hoạt động. Johnson nhập cuộc với lối đánh thật điều hâu nhưng rồi có lúc tự giới hạn lối đánh thật bồ câu. Cuối cùng ông ta hài lòng với chiến thuật ấy.

Do sự khuyến cáo của các cố vấn, mục tiêu chiến lược

của Johnson là tìm sự hậu thuẫn mang tính chất tương đối qua những sách lược mà ông đã đề ra. Những bí mật ở tầm cỡ quốc gia mà ông đã trao cho Ellsworth Bunker thi hành, đối với Johnson quả là điều quan trọng bởi vì nó đánh lạc hướng sự chú ý của thành phần chống đối ông. Bởi vậy, tôi tin rằng, ngay trong thời điểm ông tuyên bố là sẽ sẵn sàng gửi thêm quân chiến đấu Hoa Kỳ sang Việt Nam thì ông đã chuẩn bị sẵn một kế hoạch để rút quân.

Ellsworth Bunker đã đến Sài Gòn và thi hành những điều mà Johnson mong đợi. Khi ông rời Sài Gòn vào tháng 5 năm 1973 thì tất cả quân chiến đấu Hoa Kỳ đã rút về nước. Miền Nam Việt Nam đã tự bảo vệ được họ với một nền kinh tế tương đối ổn định so với trong thời chiến, và những người cộng sản Việt Nam đã phải ký vào hiệp ước, long trọng tuyên bố Miền Nam Việt Nam đã phải ký vào hiệp ước, long trọng tuyên bố Miền Nam Việt Nam là một thực thể và có một chủ quyền độc lập riêng. Trong khi những vị Đại Sứ tiền nhiệm của ông đã thử thách và thất bại, thì Ellsworth Bunker đã thành công. Ông quả là con người mà Johnson đã tin cậy đúng chỗ.

Đã trải qua bao thế hệ với đức tin của người theo đạo Thanh Giáo và theo truyền thống người Mỹ, thì gọi Ellsworth Bunker là con người được sinh ra để phục vụ trong ngành ngoại giao, cho nên ông dễ gần gũi và dễ gây cảm tình với những người Việt Nam chống cộng theo Lão Giáo và Phật Giáo hơn. Với cá tính trầm mặc, người Đại Sứ già Hoa Kỳ đã đến Sài Gòn vào tháng 5 năm 1967 để nhận lãnh trách nhiệm ngang tầm của ông mặc dù thân người ông cao lớn tương phản với người Việt Nam nhỏ con ra đón chào ông.

Ellsworth Bunker cho rằng chỉ có sự lương thiện và chân thật mới nảy sinh được tình người. Với ý kiến phóng khoáng theo lối Mỹ cộng với đức tin lạc quan giúp cho Ellsworth Bunker tính bao dung và độ lượng khi trực diện với bất cứ ai. Ông luôn giữ thái độ từ tốn với người Việt Nam cũng như nhân viên trực thuộc. Đối với người Việt Nam ông quan niệm mở rộng sự quan hệ trong tinh thần hiểu biết và tương kính và cho họ thấy rằng sự có mặt của ông là để bảo đảm nền tảng quyền lợi của hai nước.

Thông thường, cá tính người Mỹ thường tương phản lại những gì họ nói, đã gây những ngộ nhận cho người Việt Nam. Vâng, người Việt Nam nào cũng mang nặng cá nhân chủ nghĩa để đưa đến sự bất hòa trong gia đình, tạo nên tình bạn mong manh và gãy đổ trong những liên kết về chính trị. Người Việt có khuynh hướng hay nghiêm khắc, ngờ vực với kẻ khác nhưng lại tha thứ và dễ dãi với chính mình. Đối với người Việt, cá nhân chủ nghĩa là đặc tính mà Trời đã ban cho họ, một đặc tính mà thượng đế tạo ra để khi nhìn vào ta phân biệt ngay, người nọ khác người kia. Bởi vậy, người Việt Nam tìm kiếm sự tự do trong tầm tay của họ để họ có thể thi thố những tài năng sẵn có.

Của cải làm ra là trên hết tất cả vì đó là biểu thị cho khả năng ở mỗi con người. Người Việt Nam diễn đạt qua ngôn ngữ của văn hóa sự hài hòa về chủ nghĩa cá nhân và của cải làm ra dưới danh từ gọi là “phúc đức”. Hiểu biết người Việt qua nhận định trên nên Ellsworth Bunker và những người Việt Nam đồng chiến tuyến với ông dễ dàng gần gũi nhau hơn là lúc ban đầu.

Chọn Ellsworth Bunker làm Đại Sứ tại Sài Gòn quả là điều không lầm lẫn. Ông là một con người hoàn hảo. Ellsworth Bunker luôn luôn có một sự phán đoán sâu sắc và chính xác trong mọi công việc. Và khi bắt tay vào, ông nói rất ít, chỉ để những sự việc diễn tiến một cách tự nhiên mà vai trò của ông là một nhạc trưởng điều hợp cung điệu đẩy đưa các phía chính trị đạt được thỏa ước như ông ta dự đoán. Hoàn toàn tự tin nơi mình, Ellsworth Bunker không cần phô trương quyền lực như chúng ta thường có để đẩy cho quãng cách quan hệ càng xa hơn. Ông thường nói với tôi, nguyên tắc làm việc của ông trong những vấn đề ngoại giao là phải thiết lập một sự tin cậy. Có được niềm tin nơi kẻ khác, ông ta sẽ đạt được những mục tiêu ông muốn. Không có niềm tin, thỏa ước khó có cơ hội hoàn thành hoặc nếu có thì nó chẳng phải là điều kiện để tồn tại lâu dài. Không bao giờ phơi bày những cảm tình để tránh ngộ nhận những điều ông muốn trình bày.

Đồng bào Miền Nam, với lòng trọng kính, đã gọi ông là “ông già tử lạnh”. Trong khi thương thuyết, ông hòa nhã, trình bày những sự kiện ngắn gọn qua bối cảnh của tình hình chính trị. Và để những sự kiện đó tự kết thúc theo cách phán đoán của ông trong tinh thần đồng thuận và tương kính lẫn nhau. Một nhà ngoại giao Châu Mỹ La Tinh đã có lần nói, Ellsworth Bunker là một tổng hợp giữa “nhung lụa và sắt thép”.

Sự thành công của Ellsworth Bunker đã khiến mọi người xem ông như một nhà ngoại giao có tầm vóc vĩ đại của quốc gia. Khi làm Đại Sứ tại Argentina, nghiệp vụ ngoại giao đầu tiên được bổ nhiệm, từ là một nhà kinh doanh, Giám Đốc điều hành của một công ty Đường,

Ellsworth Bunker làm giám sự căng thẳng trong quan hệ ngoại giao với nhà độc tài Juan Peron. Sau đó, làm Đại Sứ Ấn Độ, do mối quan hệ tốt cho nên ông đã giúp cho Tổng Thống Nehru hình thành và lãnh đạo Phong Trào Các Nước Không Liên Kết chống lại chủ nghĩa bành trướng của cộng sản. Nhờ vào thành công của ông mà Tổng Thống Eisenhower đã thăm viếng Ấn Độ. Sang thời chính phủ Kennedy, ông đã thuyết phục Đức từ bỏ chủ quyền ở phần đất xa họ nửa Tây bán cầu là Tân Guinea để sau đó sát nhập chung vào với Nam Dương.

Kể đến, khi Tổng Thống Ai Cập Nasser phát động chiến tranh để chống lại Saudi Arabia tại Bắc Yemen, Ellsworth Bunker đứng làm trung gian thương thuyết để Vua Saudi chấp nhận rút quân về nước và cuộc chiến giữa Ai Cập và Saudi Arabia vì thế đã không xảy ra. Trước khi đặt bút ký vào thỏa ước này, Vua Faisal đã nói với Ellsworth Bunker: “Tôi không tin tưởng vào Nasser nhưng vì tin ông nên tôi đã chấp nhận”.

Năm 1966 Ellsworth Bunker đã giải quyết vấn đề Dominique ổn thỏa. Rồi 6 năm ở Việt Nam, những gì mà Ellsworth Bunker đã thực hiện thì các bạn đã biết. Công việc cuối cùng của ông, giải quyết về sự chấm dứt và trả lại chủ quyền kênh đào Panama.

Giải thích tài năng của Ellsworth Bunker, có lẽ vì ông trưởng thành trong thời kỳ đen tối của lịch sử. Niên thiếu, ông sống trong thời đại vàng son của Hoa Kỳ. Bắt đầu vào đời, ông đã nhận ra rằng, thế kỷ này là thế kỷ mà Hoa Kỳ trở thành một cường quốc của thế giới. Thế nhưng, để đạt được một nền khoa học kỹ thuật tuyệt đỉnh, đất nước này phải trải qua những tháng năm đen tối và u buồn.

Vào thế hệ này những thanh niên Mỹ sinh ra, trải qua các lớp kinh doanh và được vào học những Trường như Yale, Princeton, Harvard (Bunker tốt nghiệp Yale năm 1916) thì họ tự tin là định mệnh của họ phải thi hành bản hiến chương mà đất nước và dân tộc đã trao phó. Họ không huênh hoang và cũng không hãi sợ.

Đúng lúc thay, vào thế chiến thứ hai, thì vừa lúc thế hệ đó trưởng thành, Franklin Roosevelt, Dean Acheson, George Marshall, Dwight Eisenhower, John Mc Cloy, Harry Truman, Cordell Hull là những biểu tượng. Trong niềm tự hào, họ dẫn đưa Hoa Kỳ đóng vai trò lãnh đạo thế giới, đánh bại chế độ phát xít và sau đó đập tan tham vọng bành trướng chủ nghĩa cộng sản của Liên Xô. Cùng tin vào sứ mệnh như các vị trên, Ellsworth Bunker đã trở thành một thương thuyết gia ngoại hạng.

Khi Ellsworth Bunker đến, Miền Nam Việt Nam là một nửa nước của một Quốc Gia đã hình thành lâu đời. Nguồn gốc dân tộc Việt Nam theo truyền thuyết của họ, đã xuất hiện trước cả người Trung Hoa ở vùng đất cực Bắc của Trung Hoa vào thời đại nguyên thủy. Tương phản, Miền Nam Việt Nam lại chỉ mới hình thành vào năm 1954 theo sự dàn xếp của các cường quốc, để cho chế độ cộng sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo chiếm nửa nước của họ ở Miền Bắc. Những người cộng sản không được quyền thống trị phần đất còn lại nên một quốc gia tại Miền Nam phải được ra đời.

Sự xuất hiện một Quốc Gia tại Miền Nam Việt Nam cũng tương tự sự ra đời trước đây của Tây Đức và Nam Hàn. Sau Thế Chiến Thứ Hai, các cường quốc Đồng Minh chiến thắng đã tự phối trí để đóng giữ vai trò cảnh sát thế

giới để quản trị các phần đất do Đức quốc xã và phát xít Nhật trao lại.

Lãnh tụ Sô viết Stalin đã áp đặt ngay trên những vùng đất do Nga Sô kiểm soát, thành những quốc gia do các đảng cộng sản trong quỹ đạo Stalin cầm đầu. Quốc gia cộng sản có tên là Cộng Hòa Dân Chủ Đức đã ra đời ở phía Đông của nước Đức. Chế độ cộng sản Kim Nhật Thành ra đời ở Bắc Triều Tiên. Những người không cộng sản Đức do Konrad Adenauer lãnh đạo, với sự giúp đỡ kinh tế của Hoa Kỳ qua kế hoạch Marshall, với sự dẫn dắt quân sự Hoa Kỳ qua khối các nước Đồng Minh NATO, đã đưa nước Đức phục hồi do những tàn phá sau cuộc chiến tranh do Hitler gây ra.

Tương tự, Nam Hàn đang hỗn loạn, một con người vượt trội, Lý Thừa Vãn không cộng sản trở thành nhà lãnh đạo của Nam Hàn suốt trong thời kỳ chiến tranh tàn phá và tiếp theo những năm hòa bình, sau đó đã tái thiết và xây dựng nền kinh tế cho Nam Hàn. Sự có mặt của Quân Đội Hoa Kỳ cùng với viện trợ kinh tế là hai điều kiện giúp Nam Hàn có khả năng chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản và chọn một đời sống tự do.

Ellsworth Bunker muốn áp dụng tại Miền Nam như một số nước vừa kể. Hợp tác quân sự và viện trợ về kinh tế để chặn đứng tham vọng của cộng sản. Mặt khác, kiện toàn chính phủ và xây dựng kinh tế để tạo đất nước ổn định.

Mục tiêu của Hoa Kỳ vào năm 1967 tại Miền Nam Việt Nam không đạt được. Việc bảo vệ Miền Nam khó khăn hơn nhiều so với Tây Đức và Nam Hàn trước đây.

Không giống trường hợp hai nước kia, cộng sản và không cộng sản có giới tuyến hẳn hoi, trái lại ở Miền Nam

Việt Nam, giữa cộng sản và người quốc gia không có giới tuyến. Những nhà lãnh đạo tại Hà Nội đã chuyển quân của họ không phải bằng con đường xuyên qua giới tuyến 17 mà bằng lối đi vòng khác. Một khi cuộc chiến trá hình dưới hình thức một cuộc nội chiến thì chặn đứng tham vọng của những người cộng sản thật là khó khăn.

Với viễn tượng đã được xem xét, chính phủ Kennedy cũng dự đoán những hậu quả sẽ dẫn đến nếu những người cộng sản chiến thắng tại Miền Nam Việt Nam: “Những ai phản đối việt cộng lập tức sẽ bị đàn áp”. Đất của người nông dân sẽ trở thành đất của nhà nước. Những lời hứa “quyền tự trị dành cho dân tộc thiểu số” sẽ không bao giờ được nói tới nữa. Đảng cộng sản sẽ kiểm soát tuyệt đối mọi sinh hoạt chính trị. Chế độ cộng sản và độc tài sẽ được áp dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam một thời gian ngắn sau đó và 14 triệu dân chúng Miền Nam đầy năng động sẽ sống chung trong “trại xã hội chủ nghĩa”. Đối với những quốc gia láng giềng, nếu những người cộng sản kiểm soát hoàn toàn Việt Nam thì hậu quả không lường trước được. Số phận nước Lào sẽ mong manh. Tình trạng trung lập của Cam Bốt sẽ bị sức ép đè nặng và tăng dần.

Xa hơn nữa Bộ Ngoại Giao đã phân tích: “Nếu việt cộng thành công trong việc áp đặt tham vọng của họ tại Việt Nam thì các quốc gia lân bang, qua sự xâm chiếm chính thức hay trá hình, rồi ra cũng sẽ trở thành các nước cộng sản. Không có lý luận nào xác đáng để cho rằng những người cộng sản sẽ từ bỏ kỹ thuật đã giúp cho họ thành công.

Vào mùa Thu năm 1965, lực lượng Hoa Kỳ đã cứu vãn sự sụp đổ của chính phủ Miền Nam Việt Nam nhưng

không thể đẩy lùi người cộng sản về vùng đất của họ. Tổng Thống Johnson đã chỉ thị Quân Đội Hoa Kỳ không được vượt khỏi biên giới Miền Nam Việt Nam để tấn công vào những hậu cứ của cộng sản đã đặt tại quốc gia trung lập Lào. Quân Đội Hoa Kỳ đã lùng và diệt các đơn vị cộng sản tại các vùng rừng núi, cộng sản chấp nhận những tổn thất nhưng rồi sau đó họ trở lại chiến trường với quân số nhiều hơn.

Hoa Kỳ chấp nhận nguyên tắc chiến tranh toàn diện nhằm mục đích gây cho cộng sản những tổn thất to lớn để Hà Nội không còn đủ mạnh nhằm xâm chiếm Miền Nam. Với chiến thuật này, Johnson hy vọng Hà Nội phải chấm dứt cuộc chiến bởi họ không thể thắng trong chiến tranh. Đó là lý do đã khiến cho Johnson quyết định gửi quân chiến đấu tối đa tới Miền Nam Việt Nam. Thế nhưng khi Hoa Kỳ leo thang thì Hà Nội cũng leo thang. Qua đường mòn Hồ Chí Minh, họ đã tăng cường quân và tiếp liệu vào Miền Nam tối đa.

Thành Phố Sài Gòn, Thủ Đô của Miền Nam Việt Nam, đầy đặc những khói mù do máy bay Hoa Kỳ lên xuống, gây một ảnh hưởng xấu về mặt tâm lý trong quần chúng, biến nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm bảo vệ Miền Nam Việt Nam thành một cuộc xâm lăng của Hoa Kỳ tại Châu Á.

Việc bổ nhiệm Ellsworth Bunker được giới thiệu với các nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam tại hội nghị gồm các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam tại Đảo Guam. Hội nghị này có hai mục đích. Trước hết, Johnson muốn cử một Đại Sứ mới đến Sài Gòn và ông muốn đặc biệt giới thiệu vị Tân Đại Sứ này với các nhà quân sự đang lãnh đạo Miền Nam được biết những tiến trình mà các

Tướng lãnh đang lãnh đạo đất nước chuyển giao quyền cho một chính phủ hợp pháp và tự do theo hiến pháp.

Giây phút quan trọng trong cuộc họp này xảy ra lúc đó là lúc phía Việt Nam đã trao cho Tổng Thống Johnson bản sao về một hiến pháp mới qua đó một cuộc bầu cử tự do sẽ được tổ chức để chọn người lãnh đạo quốc gia. Vào tháng 9 năm 1966 trước đó, một cuộc bầu cử đã được tổ chức để chọn Dân Biểu. Các vị dân cử này có nhiệm vụ soạn thảo Hiến Pháp cho Miền Nam Việt Nam với việc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Dân Biểu Nghị Sĩ Lưỡng Viện Quốc Hội, bao gồm cả việc bầu cử địa phương cơ cấu dân cử ở Hội Đồng Tỉnh, Thành Phố, Thị Xã. Sau cuộc bầu cử theo hiến pháp mới, Hội Đồng Tướng Lãnh sẽ bàn giao lại trách nhiệm.

Bản sao Hiến Pháp mới đó đã trao cho Johnson với bìa bằng màu da đỏ, Johnson hoan hỉ nhận lấy. Ông nói trong nỗi vui mừng: Đây là đứa con của tôi. Sau đó ông xin các Tướng lãnh Việt Nam hãy tặng cho ông một món quà nhân ngày sinh nhật của ông vào tháng 8 sắp tới: Đó là cuộc bầu cử tự do theo hiến pháp mới. Phía Việt Nam trả lời là sẽ thực hiện.

Phái đoàn Việt Nam tham dự hội nghị Guam đứng đầu là Tướng Nguyễn Văn Thiệu. Là một sĩ quan gốc trừ bị, một người có óc sáng tạo và thông minh, 43 tuổi, hiện đang nắm Chủ Tịch Hội Đồng Tướng Lãnh, lãnh đạo Miền Nam. Thiệu là người Việt Nam gần gũi nhất với Ellsworth Bunker trong suốt 6 năm Bunker có mặt ở Việt Nam. Người thứ hai, sau này thành đối thủ của Thiệu, là Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ, con người lúc nào cũng sôi nổi và ăn mặc thời trang, Chủ Tịch Ủy Ban Hành

Pháp Trung Ương là người điều hành vận mệnh quốc gia này theo nguyên tắc từng ngày. Những bạn thân của Kỳ đã nắm giữ hầu hết các chức vụ quan trọng trong Chính Phủ và trong Quân Đội. Trong hội nghị tại Guam, Kỳ là người phát biểu nhiều nhất trong phái đoàn Việt Nam trong khi Thiệu tỏ ra già dặn và sâu sắc hơn.

Ellsworth Bunker nhớ lại, trong phần thuyết trình của vị Tư Lệnh lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam, Tướng Westmoreland cho biết tình hình quân sự đang phần khởi. Qua phúc trình này, Bunker nhận thấy trong một cuộc chiến tranh quy ước, chúng ta có thể tiêu diệt các đơn vị Bắc Việt dễ dàng, nhưng với lối chiến tranh du kích thì việc đương đầu với các đơn vị cộng sản chẳng phải điều nhanh chóng. Thế nhưng, Bunker tự nghĩ, chúng ta cũng rất khó tìm ra những lý do chính đáng để tự biện minh cho lương tâm về sự không can dự của Hoa Kỳ ở cuộc chiến này, cho dù thành phần chống đối cuộc chiến đang lớn mạnh ngay tại quê nhà.

Tướng Westmoreland đã đưa ra những nhận định của ông để khuyến cáo với Ellsworth Bunker. Theo Westmoreland, nếu không chặn đứng được sự xâm nhập người và vũ khí từ Bắc vào Nam, và nếu không tách rời việc tuyển mộ của việt cộng với những thành phần ở nông thôn Miền Nam, thì thời gian chấm dứt cuộc chiến không lường trước được. Không thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Viễn tượng ấy tại hội nghị lại không trình bày lên Tổng Thống Johnson.

Trước đó, Westmoreland đã gửi cho Tổng Thống Johnson hai dự thảo trong vấn đề nhằm chấm dứt chiến tranh. Thứ nhất, Westmoreland nói rằng, nếu cung cấp

cho ông 570 ngàn quân thì đến năm 1970, các đại đơn vị chủ lực của Miền Bắc mới bị nghiền nát và an ninh của dân chúng Miền Nam mới được bảo đảm. Thứ hai, 665 ngàn quân thì từ năm 1969 Miền Nam Việt Nam an ninh an ninh được bảo đảm. Cuối cùng ông ta kết luận rằng, nếu gửi mức 470 ngàn quân thì cuộc chiến trở nên khó khăn vì Miền Nam Việt Nam có an ninh sớm nhất cũng phải từ 1972.

Kế hoạch của Westmoreland đã đặt những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ trước những sự lựa chọn: Rút quân? Leo thang bằng cách tăng cường các cuộc dội bom xuống Bắc Việt song song với việc tăng cường quân chiến đấu Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam và tấn công thẳng vào những căn cứ dưỡng quân của Hà Nội tại các nước trung lập Lào và Cam Bốt? hoặc thương lượng điều đình với Hà Nội? Nếu Hà Nội vẫn ngoan cố thì vẫn duy trì khả năng chiến đấu hiện tại của Hoa Kỳ cho đến khi nào trao trả trách nhiệm ấy cho dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Bunker đã nói với Tướng Westmoreland trong niềm tin cần là Tổng Thống Johnson muốn từ từ kín đáo rút quân ra khỏi cuộc chiến này. Tại hội nghị Tổng Thống Johnson còn cầm giữ trên tay ông kế hoạch dự thảo của Westmoreland. Ông ta lưỡng lự trong việc muốn tăng thêm quân chiến đấu Hoa Kỳ. Cường độ chiến tranh gia tăng đến mức tột đỉnh suốt 21 tháng qua, đó là điều mà Hoa Kỳ đã thực hiện được cho Miền Nam Việt Nam. Và đó cũng là thời điểm mà thái độ của thành phần ủng hộ cuộc chiến lên cao nhất. Bunker đã hiểu nổi bối rối của Johnson trong việc tăng cường thêm quân chiến đấu và cũng hiểu mục đích mà Tổng Thống Johnson có cuộc hội

ng nghị thượng đỉnh tại Guam là nhằm thực hiện mục tiêu Hoa Kỳ qua một phương cách mới.

Sau hội nghị, Johnson đã nói trước công chúng, đây là một cuộc chiến đấu phức tạp và khó khăn. Vì vậy nó không dễ dàng tìm ra cách giải quyết ổn thỏa ngoại trừ ta phải trực diện với những khó khăn đó. Ông ta thêm rằng, cuộc chiến này mang tính chất nghiêm trọng, cho nên nếu không giải quyết những nguyên nhân mấu chốt, thì chúng ta không thể tìm ra câu trả lời những gì sẽ xảy ra trong tương lai.

Ngày 28 tháng 4 năm 1967, Ellsworth Bunker đã trình ủy nhiệm thư lên vị Nguyên Thủ Miền Nam Việt Nam là Tướng Nguyễn Văn Thiệu. Cùng với Trưởng Ban Nghi Lễ, trong chiếc xe riêng của ông Thiệu, có đoàn mô tô mở đường, Bunker đã được hướng dẫn đi vào Dinh Độc Lập. Buổi lễ được tổ chức đơn giản. Một toán quân danh dự trong đồng phục màu trắng đón chào ông Bunker đọc một bài phát biểu ngắn trên mảnh giấy đã viết sẵn. Ông Thiệu đáp lại cũng ngắn gọn. Rồi cùng nâng ly chúc mừng.

Tiệc dứt, Thiệu đã mời Tân Đại Sứ Bunker gặp riêng ông khoảng 40 phút. Tiếp theo là cuộc gặp trao đổi với những nhân vật trọng yếu trong chánh phủ Miền Nam Việt Nam. Nhân cơ hội lần gặp tiên khởi này, Bunker khẳng định rằng, cốt lõi của sự thành công trong cuộc chiến tranh này là phải ổn định sự an ninh tại các xã ấp trong cả nước.

Nguyên nhân sâu xa đã đưa đẩy Bunker để tìm thấy được, việc cấp thiết là phải bảo vệ và gìn giữ an ninh cho nông dân, nó chẳng phải là ông rút ra sự hiểu biết từ sách vở hay nghiên cứu mà là dấu ấn từ thời niên thiếu ông đã

chúng kiến và còn ám ảnh mãi trong trí ông là cuộc cách mạng tại nông thôn ở Mỹ Tây Cơ.

Là một thanh niên vừa mới tốt nghiệp Đại Học Yale chẳng bao lâu, Bunker đã đầu tư vào một đồn điền trồng mía tại vùng hạ lưu gần biển tại Mỹ Tây Cơ. Vì công việc nên thỉnh thoảng ông phải đến sống tại đây. Một lần, sau khi rời đồn điền mía, ông ta ngủ lại một đêm tại một khách sạn nhỏ gần nhà ga xe lửa để chờ sáng hôm sau đáp xe lửa đi vùng biển. Tối hôm ấy, chung quanh khách sạn hai tầng nơi ông trú ngụ, những tiếng súng nổ đã xảy ra. Sáng hôm sau, khi mở cửa phòng, ông đã hoảng hốt nhìn thấy một người đàn ông bị bắn chết nằm ngay hành lang lối đi gần phòng ngủ của ông. Ông chợt nhận diện rằng, lực lượng cách mạng đã vượt ra ngoài sự kiểm soát của quân đội chính phủ, chiếm giữ một phần lãnh thổ Mỹ Tây Cơ và đang tiến chiếm Thành Phố Mexico City. Đường xe lửa đã bị gián đoạn và những chuyến du lịch xuống vùng biển luôn luôn bị tấn công và ngăn cản. Trở lại đồn điền, ông xin từ chức.

Sau đó, Bunker luôn luôn rút ra bài học rằng, chính những người nông dân chân đất đã làm việc với ông tại đồn điền và gia đình họ là những người đã bảo vệ ông thoát ra khỏi sự ngờ vực và sát hại từ hai phía đấu tranh nhằm tới mà những nhà trí thức khoa bảng đang nắm quyền lực quốc gia họ không thể nào nhận chân ra được, trong tầng lớp lao động ấy, với bản chất e ngại, rụt rè, nhẩn nại, chính họ mới là những con người mang đầy đủ nhân tính nhất.

Cùng ngày trình ủy nhiệm thư, Ellsworth Bunker cũng tiếp xúc với đối thủ của Thiệu là Thủ Tướng Nguyễn Cao

Kỳ. Buổi gặp gỡ mang tính phổ biến hơn là kín đáo. Kỳ nói như một nhà hùng biện. Khi Ellsworth Bunker hỏi Kỳ, vấn đề quan trọng nhất mà Thủ Tướng phải đối phó hiện nay là gì thì Kỳ đáp ngay: “Tôi có thể trả lời ngắn gọn, đó là cuộc cách mạng xã hội”.

Kỳ giải thích, sau 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ và 20 năm cuộc chiến ý thức hệ tàn bạo thì Miền Nam Việt Nam cần phải thực hiện một cuộc cách mạng xã hội để đưa một xã hội công bằng cho tuyệt đại đa số đồng bào là tầng lớp nông thôn đang sống tại nơi chôn nhau cắt rốn của họ.

Nhưng mãi mãi về sau này Ellsworth Bunker chưa hề được nghe Kỳ nói thêm là làm thế nào để thực hiện cuộc cách mạng xã hội mà ông Kỳ từng tuyên bố đó cả. Sau lần gặp gỡ ấy, Ellsworth Bunker đã thấy, khả năng của Kỳ không thể làm nổi những gì mà ông ta nói.

Qua những cuộc trao đổi đầu tiên này giữa Thiệu và Kỳ. Ellsworth Bunker nghĩ Thiệu là người ông ta có thể cộng tác trong những năm sắp tới cho dù sự bất đồng về đường lối chính trị giữa Thiệu và Kỳ đã làm cho tình hình rối ren thêm. Sau 96 tuần lễ làm việc. Ellsworth Bunker đã gửi một bản phúc trình về Tòa Bạch Ốc cho Tổng Thống Johnson, qua đó ông cho biết, Thiệu và Kỳ cả hai người đều có những nhận định hợp lý nhưng vấn đề là thời gian không thể cùng một lúc thực hiện ý kiến của cả hai người.

Trở lại Tòa Đại Sứ, Ellsworth Bunker đã trình bày với những chuyên viên cao cấp những nhận định của ông về nỗ lực của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Trước hết, Hoa Kỳ đã bị cuốn hút đưa đẩy vào con đường phải đương đầu với một

cuộc xung đột kiểu mới, phức tạp hơn nhiều. Thú đến, do bản chất một cuộc chiến tranh mang tính giới hạn nên Hoa Kỳ không thể tìm lấy sự chiến thắng do tự mình quyết định trong thời gian nhanh nhất mà trái lại phải cần có sự kiên nhẫn và chịu đựng.

Ellsworth Bunker đã chỉ thị cho các nhân viên dưới quyền phải thật tỉnh táo khi trực diện với những vấn đề khó khăn và khi giải quyết không để cho những áp lực ảnh hưởng, trái lại, cần giữ cho bộ óc được trầm tĩnh, thoải mái và thanh thản. Ông nói thêm, chúng ta thường có thói quen hay hối hả khi bận rộn. Đức tính ấy đôi lúc có thể chấp nhận được nếu sự hối hả đó là để suy nghĩ tìm ra một hướng đi tốt nhất mà ta phải chọn. Bên cạnh sự trình bày đó, Ellsworth Bunker còn chỉ thị 12 nhân viên cao cấp trong Tòa Đại Sứ phải xét lại quan điểm của các nước Á Châu, nhân danh ông, để tìm hiểu và lắng nghe ý kiến của họ về việc Hoa Kỳ nỗ lực giúp Miền Nam Việt Nam.

Ellsworth Bunker tái xác định với những thuộc cấp về mục tiêu của Hoa Kỳ tại Miền Nam. Đó là mang đến miền đất này một nền hòa bình lâu dài, và giúp đỡ dân chúng nước này có cơ hội tự quyết định một thể chế chính trị, xây dựng vững chắc một nền kinh tế và một bản Hiến Pháp mà họ chọn lựa và làm sáng tỏ chính nghĩa. Vì nền an ninh của các quốc gia trên thế giới cũng như của các nước trong khối Liên Phòng Đông Nam Á, Hoa Kỳ phải có trách nhiệm can dự để chặn đứng sự xâm lăng của cộng sản.

Ngay từ lúc nhận nhiệm vụ Đại Sứ, Ellsworth Bunker để đề ra 4 mục tiêu ưu tiên hàng đầu phải thực hiện.

Trước hết, khuyến cáo những nhà lãnh đạo Miền Nam, nhu cầu bức thiết, một chính phủ phải được phản ánh nguyện vọng của các lực lượng chính trị trong cả nước.

Thứ hai, một chương trình bình định thành công sẽ đưa đến sự ổn định an ninh tại nông thôn, chặn đứng được các lực lượng võ trang có những hành động bạo hành với đồng bào.

Thứ ba, Quân Đội Miền Nam Việt Nam sẽ thay dần Quân Đội Hoa Kỳ trong việc đương đầu với các đại đơn vị cộng sản.

Thứ tư, giúp chính phủ Miền Nam Việt Nam xây dựng nền kinh tế phát triển vững mạnh để nâng cao mức sống và đủ khả năng tài chánh để tiếp tục đương đầu với cộng sản Bắc Việt trong lâu dài.

Đến Sài Gòn, Bunker đã tự đặt cho chính ông một sứ mệnh là phải bảo đảm cho Miền Nam Việt Nam trong tương lai là một xứ sở hoàn toàn độc lập với một nền kinh tế vững mạnh. Ngày 24 tháng 5.1967 Bunker đã phúc trình về cho Tổng Thống Johnson rằng “Chinh đồn và Cải tổ” lực lượng quân sự Miền Nam là ưu tiên thứ ba sau khi một chính phủ theo Hiến Pháp được bảo đảm và điều kiện an ninh tại nông thôn đã được phát triển.

Đại Sứ Ellsworth Bunker quan niệm rằng, cho dù Hoa Kỳ đã làm những gì và đã phải hy sinh đến đâu thì việc ngăn chặn cuộc chiến tranh này cũng trở nên vô ích nếu không tạo cho dân chúng Miền Nam Việt Nam ý thức được rằng họ phải đóng giữ vai trò sống còn trong việc bảo vệ nền an ninh cho chính họ. Ellsworth Bunker luôn yêu cầu Tướng Westmoreland báo cáo cho ông biết sự tiến triển của Quân Đội Miền Nam Việt Nam hàng tuần.

Vào cuối tháng 5.1967 Bunker đã tới thăm một số Tỉnh gần Đà Nẵng, một Thành Phố lớn và chiến lược ở Miền Trung Việt Nam. Tháng trước đó, Thành Phố này đã xảy ra những trận đánh lớn. Theo tài liệu tịch thu được cho biết, các đại đơn vị của địch đã ẩn náu trong vùng đồi núi. Mùa mưa lũ đến, cây cối trở nên dày đặc trên những vùng núi, là lợi điểm cho các đơn vị cộng quân ẩn náu.

Rời Đà Nẵng, Ellsworth Bunker bay xa hơn về hướng Bắc, nhìn ngắm cảnh thiên nhiên núi non hùng vĩ lẫn vào đâu đó những chức tích của chiến tranh trải dài. Đà Nẵng là một Hải Cảng đẹp tuyệt vời với biển nước sâu xanh thẳm. Những ngọn núi xanh um nổi bật trên các cánh đồng lúa bên những thôn làng nhỏ đã làm cho Bunker gợi nhớ đến những làng tương tự an bình tại các nước Đông Nam Á.

Vừa đáp xuống một ngôi làng được chính quyền địa phương cho biết là có an ninh, phái đoàn Bunker đã bị du kích bắn sẻ. Bunker cười thầm, nhớ lại những bản báo cáo mà ông đã từng đọc mang đầy tính lạc quan trước đây. Phái đoàn sau đó cũng đến thăm một trại định cư, nơi có 12.000 dân chúng tỵ nạn từ biên giới sát vĩ tuyến 17 vừa chuyển vào. Họ đang tạm trú trong những căn nhà đang xây cất mà nhân công là những Binh Sĩ Quân Đội địa phương, một số dân sự tỵ nguyện đến từ Sài Gòn, với sự trang bị và tiếp liệu của Hoa Kỳ.

Theo Ellsworth Bunker, trại này quả là một mẫu mực, khéo tổ chức. Đường sá được xây dựng, những giếng nước được đào, dân chúng đang xếp hàng để chờ chích ngừa, kẻ khác đang được điều trị trong Bệnh Xá. Hầu hết họ cảm thấy vui mừng vì thoát ra khỏi vùng đang diễn ra cuộc chiến.

Tiếp nối cuộc hành trình, Ellsworth Bunker đã dùng trực thăng bay quan sát vùng phi quân sự. Ông ta đã thấy ngọn đồi 117 mà lực lượng Hoa Kỳ đã chiếm giữ và những Binh Sĩ đang phá hủy những giao thông hào do cộng quân thiết lập trước đó để chuẩn bị những cuộc tấn công vào các Tỉnh cực Bắc Miền Nam Việt Nam.

Nhưng điều đã gây xúc động nhất cho Bunker trong chuyến đi này là lúc dừng chân thăm Tàu Bệnh Viện Repose đang thả neo vài dặm ngoài Cảng Đà Nẵng, Ellsworth Bunker đã bật khóc khi nhìn thấy những thanh niên mang đầy nhựa sống mà nay đã thành tàn phế, bị trọng thương, đang chào đón ông. Tiến đến từng dãy các thương binh đang điều trị. Bunker đã cúi xuống, nói chuyện với từng người vừa an ủi vừa khuyến khích. Y Sĩ Trưởng Khoa Giải Phẫu đã yêu cầu Đại Sứ trao huy chương ngành dương liễu cho một thanh niên trẻ mà đôi chân của anh vừa bị cưa bỏ ngày hôm qua. Người thanh niên da đen, trẻ và đẹp trai đó đã đón nhận chiếc huy chương cao quý với dáng lạnh lùng đã làm trái tim Bunker trở nên tê buốt.

Rồi một thanh niên khác, đôi mắt đã vĩnh viễn không nhìn thấy ánh sáng, đôi chân đã bị cắt bỏ tới đầu gối, thế nhưng tinh thần lại vẫn đầy lạc quan. Khi Bunker thăm hỏi, anh ta đáp: “Không sao, tôi vẫn khỏe mạnh. Ngày mai tôi sẽ trở lại nhà”.

Với Quân Đội Hoa Kỳ cộng với lực lượng quân sự của Đồng Minh, Tướng Westmoreland đã tự đề ra ba mục tiêu cho năm 1967: Thứ nhất, chặn giữ quân đội cộng sản Hà Nội ở biên giới Miền Nam Việt Nam. Thứ hai, truy lùng và tiêu diệt các đại đơn vị Hà Nội trong lãnh thổ

Miền Nam Việt Nam. Thứ ba, thâm nhập và vô hiệu hóa các hậu cứ đóng quân của Hà Nội.

Bắt đầu từ năm 1967, Tướng Westmoreland đã mở những cuộc hành quân quy mô để tiêu diệt các cứ điểm địch quân chỉ sát vùng Tây Bắc Sài Gòn với các chiến dịch Cedar Falls tại vùng Tam Giác Sắt, chiến dịch Junction City gần chiến khu C. Các tiếp liệu và đường hầm kiên cố của địch quân đã bị tịch thu và hủy diệt. Thêm vào đó, các đơn vị cộng quân, do sức ép của Quân Đội Hoa Kỳ đã rút ra khỏi những mật khu, đã bị Quân Đội Miền Nam Việt Nam tấn công, và lần đầu tiên trong nhiều năm qua, Quân Đội Miền Nam đã gây cho quân đội cộng sản miền bắc nhiều tổn thất nặng nề.

Những mật khu mà Hà Nội thường tự hào là bất khả xâm phạm gần Sài Gòn đã không còn là nơi chốn an toàn cho họ nữa, bắt buộc bộ chỉ huy của cộng quân và những hậu cứ tiếp liệu của họ rời xa Sài Gòn. Cuộc hành quân Thayer II, tiếp theo là cuộc hành quân Persing của Sư Đoàn 1 Không Kỵ Hoa Kỳ đã đẩy cộng quân ra khỏi nửa Tỉnh phía Bắc Bình Định nơi mà họ từng rêu rao là vùng đất giải phóng của họ trong quá khứ.

Dọc theo vùng phi quân sự, sát với Miền Bắc Việt Nam, một loạt các cuộc hành quân đã triển khai bắt đầu từ tháng 1 năm 1967 đã chặn đứng các sư đoàn Bắc Việt phải nằm bên kia giới tuyến của họ. Các đơn vị Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam, lần đầu tiên, tiến sâu vào phân nửa cực Nam vùng Phi Quân Sự để khóa chặt sự xâm lăng của Bắc Việt.

Sát với vùng Nam giới tuyến, Tướng Westmoreland đã thiết lập những cứ điểm Bộ Binh và Pháo Binh có khả

năng bề gãy mọi mưu toan của Hà Nội trong việc chuyển quân của họ vào các Tỉnh cực Bắc của Miền Nam Việt Nam. Hàng loạt những trận chiến đẫm máu giữa Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ với Bắc Việt để cuối cùng lực lượng Hoa Kỳ đã chiếm giữ những ngọn đồi chiến lược chung quanh thung lũng Khe Sanh. Súng cá nhân M16 bị chỉ trích không có đủ hiệu năng so với AK của địch quân trên chiến trường. Dọc theo biên giới phía Tây của Miền Nam, các cuộc hành quân Sam Houston và Frances Marion đã đẩy các đơn vị cộng quân về sát vùng Đông Bắc của Cam Bốt.

Phần lớn các Tỉnh phía Bắc của Miền Nam Việt Nam bị áp lực của cộng quân ngày một gia tăng. Có ít nhất là ba sư đoàn của Hà Nội đã thâm nhập qua vùng Phi Quân Sự. Tướng Westmoreland đã phải tăng cường thêm các Đơn Vị Thủy Quân Lục Chiến ra vùng này và thành lập ba Lữ Đoàn Bộ Binh Đặc Nhiệm tại Tỉnh Quảng Ngãi một Tỉnh nằm dọc theo miền Duyên Hải, để làm giảm thiểu các nỗ lực hoạt động của đối phương ở những vùng mà họ từng kiểm soát từ nhiều năm qua. Quân của chính phủ Miền Nam đã bị tổn thất khá nặng. Có lẽ Quảng Ngãi là Tỉnh duy nhất mà Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã bám rễ sâu vào các tầng lớp dân chúng ở nông thôn. Cũng Tỉnh này trong cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh là nơi mà lực lượng quân sự của Pháp không hề đặt chân đến được các làng mạc ở nông thôn.

Có lẽ không có một cuộc chạm trán nào mà Quân Đội Hoa Kỳ cảm thấy gay go hơn là tại Quảng Ngãi. Khác với vùng rừng núi hay những nơi khác, Quảng Ngãi, cộng quân sống lẫn lộn trong quần chúng, vì vậy khi hỏa lực

của Hoa Kỳ nhằm tấn công cộng quân thì đồng thời cũng gây những tổn thất nặng nề cho tài sản của dân chúng.

Để tránh tổn thất cho dân chúng, Bunker đã đồng ý với chiến thuật của Westmoreland đưa ra. Tại nơi này, Quân Đội Hoa Kỳ phải xé nhỏ ra thành từng Trung Đội tác chiến, xa cách vùng dân chúng cư ngụ và hoạt động chung với các đơn vị của Miền Nam Việt Nam. Chương trình này được gọi là “Chương trình phối hợp hoạt động cấp Trung Đội” (CAP: Combined Action Platoon) đã làm giảm hiệu năng của Quân Đội vì hỏa lực không được sử dụng đúng mức và đàng khác, địch quân sống lẫn trong dân chúng.

Trước hết, đương đầu với một cuộc chiến tranh du kích, cuộc chiến kéo dài 24 giờ mỗi ngày, thường trực tại các làng mạc xã ấp, trách nhiệm tiên quyết phải về chính phủ Miền Nam với Quân Đội, Cảnh Sát, Nhân Dân Tự Vệ, Cán Bộ, đặc biệt các ngành do họ huấn luyện. Khi Quân Đội Hoa Kỳ có mặt tại đây năm 1965 đã không nhận diện ra điều khác biệt đó, không thấy rằng phải gọi đây là “một cuộc chiến khác” vì nó không phải là cuộc chiến được sử dụng hàng đại đơn vị mà là một cuộc chiến bao gồm kinh tế, chính trị mà quân sự chỉ dùng để hỗ trợ cho sự bình định. Chúng ta phải tìm một danh từ mới, đúng nghĩa hơn, để xác định bản chất sự tham dự của chúng ta vào cuộc xung đột này. Danh từ “Bình Định” mang một ý nghĩa thụ động, không diễn đạt hết ý hướng về việc can dự của chúng ta.

Bình Định là sự tái lập luật pháp và công bằng ở một quốc gia đang có chiến tranh và nền trật tự công cộng ở quốc gia đó bị bạo hành hơn là mang một ý niệm đơn giản là thực hiện vì công lý.

Công việc của tôi tại một ngôi làng nằm trong thí điểm mà Chương Trình Bình Định phải thực hiện: Trật tự cộng đồng được bảo đảm ngày cũng như đêm, những đồng lúa màu mỡ, những trường học tốt, những bệnh xá có đủ những tiện nghi tối thiểu, đường xá không hư hỏng nhiều, chợ búa sầm uất, văn hóa được phát triển, tôn giáo được tự do và tất cả những nhu cầu mà quần chúng đòi hỏi được đáp ứng.

Bunker hỗ trợ Tướng Westmoreland trong chiến thuật sử dụng Quân Lực Hoa Kỳ. Có lần ông ta đã nói, tại sao Miền Nam không có nơi nào được coi là an toàn nếu các đại đơn vị cộng sản được tự do chuyển quân tới nơi nào họ muốn. Nếu quân Hoa Kỳ và quân Miền Nam Việt Nam không dám đương đầu khi chạm trán họ, không đánh bật và đẩy họ ra khỏi những căn cứ nằm ngay ở nông thôn, không cô lập và ngăn chặn họ nằm sâu trong rừng núi thì rồi ra chiến tranh chỉ xảy ra tại những nơi mà cộng sản muốn và lựa chọn, giữa lòng các Thành Phố và ngay trong làng nơi dân chúng đang sống. Cuộc Tổng Công Kích vào dịp Tết Mậu Thân 1968 đã chứng tỏ điều đó và hậu quả là gây ra những thiệt hại to lớn về tài sản và tính mạng của đồng bào Miền Nam Việt Nam.

Nếu không đẩy nổi địch quân về sát vùng biên giới, điều đó cũng có nghĩa rằng, một phần lãnh thổ của Miền Nam Việt Nam thuộc về đối phương và do quân đội Bắc Việt chiếm đóng và kiểm soát. Chính phủ Miền Nam vì vậy khó có thể tồn tại được lâu dài. Chiến thuật “Lùng và Diệt” hữu hiệu trong giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến nếu cộng quân bị cản quét đẩy lui. Do đó, Bunker đã tán đồng kế hoạch này của Westmoreland. Ông ta tin rằng

Tướng Westmoreland là Tư Lệnh Chiến Trường hẳn phải có những nhận định chính xác hơn ông.

Kể đến, những gì Bunker tin tưởng ở vị Tư Lệnh Chiến Trường không sai lắm. Westmoreland tuy chậm nhưng đã tách được lực lượng cộng quân rời khỏi dân chúng, tạo điều kiện cho đồng bào Miền Nam nhận lãnh trách nhiệm của họ về cuộc chiến. Nền chính trị và kinh tế bắt đầu ổn định và phát triển.

Lyndon Johnson đã đưa ra một sách lược sai lầm vào năm 1967 là cấm Quân Đội Hoa Kỳ không được truy kích cộng quân ra ngoài biên giới. Tháng 6 năm 1967 Bunker đã khuyến cáo với Tổng Thống Johnson là cần phải cho phép Quân Đội Hoa Kỳ được quyền tiến vào lãnh thổ Lào để cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh. Nếu không thì Hà Nội vẫn tiếp tục gửi người và vũ khí vào Miền Nam và cuộc chiến vẫn cứ tiếp tục. Việc ném bom có thể làm giảm sút nhưng không đủ hiệu năng chặn đứng dòng người và tiếp liệu mà Bắc Việt, chuyển qua đường mòn này. Do vậy cường độ chiến tranh vẫn không yếu đi trong nhiều năm kế tiếp cho dù tách rời họ được xa cách quần chúng.

Đằng khác, có những cứ địa an toàn tại Lào và Cam Bốt, cho dù có bị tổn thất nặng nề nhưng rồi sau đó cộng quân có thể tái cung cấp và tiếp liệu để vẫn tiếp tục những trận đánh khác. Nói rõ hơn là Hà Nội vẫn chủ động cuộc chiến, bất chấp những tổn thất để kéo dài thời gian chiến tranh. Tất nhiên là dù có sự thâm nhập ồ ạt của quân Bắc Việt, lực lượng Hoa Kỳ cũng không thể bị đánh bại trên chiến trường Miền Nam Việt Nam, thế nhưng với những tổn phí to lớn mà chúng ta phải chịu đựng về cuộc chiến này sẽ dẫn ta đến thất bại về mặt chính trị ngay tại Hoa Kỳ.

Bunker không tin rằng dân chúng Hoa Kỳ sẽ ủng hộ chính phủ để theo đuổi một cuộc chiến lâu dài. Và đồng thời ông ta cũng không nhìn thấy một triển vọng sáng sủa nào nếu cuộc chiến chỉ duy trì ở mức độ là gây cho đối phương những tổn thất nặng nề. Giả như ngay từ năm 1967 chúng ta chặn đứng sự thâm nhập vào Miền Nam qua ngã Lào thì Hà Nội khó lòng thiết lập được những căn cứ an toàn tại Cam Bốt và đất nước này tránh được cuộc chiến tranh do sự bành trướng của Hà Nội ở những năm sau.

Tướng Westmoreland hoàn toàn ủng hộ những dự thảo của Bunker. Vị Tướng Tư Lệnh Chiến Trường này đã từng nhiều năm than phiền về chính sách cấm truy kích khi cộng quân rút về bên kia biên giới Lào và Cam Bốt. William Sullivan, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Lào, phản đối việc sử dụng Quân Đội Hoa Kỳ tại Lào. Ông ta nghĩ, chỉ ném bom trên đường mòn Hồ Chí Minh là mục tiêu của Hoa Kỳ đã đạt được rồi. Với cách nhìn quân sự như thế, nên người Mỹ ở Sài Gòn tặng cho ông ta danh hiệu là “Nguyên Soái Sullivan”.

Bunker dự đoán, rồi ra Washington cũng nói, ông ta một người điên. Đúng như ông đoán, vào năm 1967 Washington đã chỉ thị không cho phép Bộ Binh Mỹ truy nã cộng quân sang đất Lào. Năm 1961 Tổng Thống Kennedy đã quyết định không dùng quân sự để đối đầu với sức mạnh cộng sản tại Lào. Ông đã bắt đầu mở những cuộc thương thuyết. Cuối cùng vào năm 1962, một thỏa ước hòa bình đã đạt được, một chính phủ liên hiệp ra đời tại Lào.

Hà Nội đã không bỏ lỡ cơ may về bản thỏa hiệp đó. Và cũng không bao giờ rút quân của họ ra khỏi Lào như

Hà Nội đã hứa trong thỏa hiệp. Rồi thì, trận chiến tại Miền Nam càng ngày càng trở nên trầm trọng, Hà Nội kéo dài đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua vùng đồi núi miền cực Đông của Lào. Năm 1967 thỏa ước đã đạt được về một nước Lào trung lập đã nghiêm nhiên trở thành một thỏa ước giúp cho Hà Nội mở rộng cuộc xâm lăng của họ tại Miền Nam Việt Nam. Cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh ngay tại Lào bằng Bộ Binh Hoa Kỳ bị ngăn cấm vì thỏa ước đó. Bunker không hiểu nổi rằng tại sao một thỏa ước mà Hà Nội đã vi phạm từng ngày thế mà Washington vẫn cứ tin rằng thỏa ước đó có hy vọng giúp mục tiêu Hoa Kỳ đạt đến sự thành công.

Việc phản đối kế hoạch tấn công cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh đã làm giảm ý chí chiến đấu của phần lớn Quân Đội Hoa Kỳ. Vào tháng 6 năm 1967, Bunker cảm thấy rằng Washington vẫn tiếp tục gửi thêm quân sang Việt Nam tức khắc theo lời yêu cầu mà không cần gọi thành phần động viên trừ bị (việc gì đã xảy ra!) và số quân đông đảo này được sử dụng như một lực lượng phô trương trình diễn. Một bên đánh giặc theo kiểu bắt được kẻ thù, kể dao trên cổ hăm dọa rồi thả cho kẻ thù chạy, còn bên kia lại phải thắng cho bằng được bất kể xương máu đổ ra bao nhiêu.

Thứ ba, Washington quan niệm rằng, việc Hoa Kỳ đưa quân qua Lào có thể dẫn đến tình trạng Hoa Kỳ phải đương đầu với quân cộng sản Trung quốc. Chính quyền Johnson muốn giảm thiểu tối đa về những nguy cơ có thể đưa đến cuộc trạm trấn với Trung cộng.

Khi tôi hỏi Bunker về vấn đề này, ông ta không ngần ngại trả lời rằng không cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh là

một chiến lược sai lầm hệ trọng của Tổng Thống Johnson. Giọng nói của Bunker có điều gì khác thường khi ông ta nhắc đến Sullivan, người đã soạn thảo ra thỏa ước và là cha đẻ chính sách của Hoa Kỳ tại Lào. Lào là chiếc chìa khóa về mặt địa dư dẫn đến sự xung đột tại Đông Dương.

Tổng Thống Eisenhower đã nhận ra điều này. Trong lễ bàn giao Tổng Thống năm 1961, ông ta đã nói với Tổng Thống Kennedy rằng nếu Lào rơi vào tay cộng sản kiểm soát, ông không tin rằng phần Đông Nam Á còn lại có thể tự bảo vệ. Kennedy trong quyết định không tạo chiến tranh tại Lào và sau này, không lượng giá đúng mức sự vi phạm của Hà Nội qua thỏa ước 1962 là nền tảng căn bản giúp cho Hà Nội xâm chiếm Miền Nam. Chỉ cần tiếp tục thâm nhập qua ngã Lào đủ cho Hà Nội có cơ hội biến một miền đất nước an bình trở thành vùng đất chiến tranh.

Với lời yêu cầu của ông là chặn đứng Bắc Việt dùng lãnh thổ Lào, Ellsworth Bunker đã đưa ra một tầm nhìn chiến lược mà Hoa Kỳ phải tham dự vào cuộc chiến. Khi đưa ra những khuyến cáo đó, ông ta không hề nghĩ là đó là những lời chỉ trích hoặc chống lại chính sách mà đơn giản đó là lời nhận xét của một người đang nhận lãnh trách nhiệm. Thế nhưng những lời khuyến cáo của ông ta, Washington không hề quan tâm.

Sau khi kế hoạch của Bunker cắt đường mòn Hồ Chí Minh đã bị từ chối, Bộ Trưởng Quốc Phòng của Johnson là McNamara liền đến Sài Gòn vào tháng 7. Nhằm phát triển Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Tướng Westmoreland đã đưa cho McNamara những dự thảo để tăng cường sức mạnh Quân Đội không chỉ là lực lượng Địa Phương Quân vùng chung quanh Sài Gòn mà phải tái

trang bị tất cả các lực lượng Nghĩa Quân, Nhân Dân Tự Vệ ở tất cả các Tỉnh Miền Nam Việt Nam. Song song với điều đó, cần phát triển thêm thành phần sĩ quan, nhân viên tình báo, thám báo... Cả vấn đề lương bổng cũng phải được tăng hơn. Hàng Tam cá nguyệt mỗi dự án trên phải được duyệt xét và được điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Westmoreland cũng phải phối hợp với Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa để chuẩn bị cho những cuộc hành quân hỗn hợp trong chiến dịch được dự trù vào năm 1968, qua đó xác định vai trò và nhiệm vụ mà Quân Đội của mỗi bên cần phải đạt tới trong cuộc hành quân. Đó là những bước vững chắc đầu tiên mà Bunker cố gắng để chuyển giao từ từ cuộc chiến cho nhân dân Miền Nam Việt Nam đảm nhận.

Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara hoàn toàn ủng hộ những dự án này. Ông ta đã nói với Thiệu và Kỳ, để có một nền an ninh lâu dài, các lực lượng chiến đấu Miền Nam Việt Nam cần được phát triển để đảm nhận trọng trách đó hơn là tùy thuộc vào lực lượng Hoa Kỳ. McNamara đồng thời cũng lo báo cho Bunker và Westmoreland biết những quyết định mới nhất của chính phủ Mỹ. Các đơn vị trừ bị Hoa Kỳ sẽ không được chỉ định để đưa vào cuộc chiến Việt Nam. Quân số cao nhất mà Hoa Kỳ trù liệu đã đạt tới. Tổng Thống Johnson đồng ý một điểm duy nhất là chỉ tăng thêm quân số tại Việt Nam trong trường hợp thật sự cần thiết. Vào ngày 8 tháng 3 năm 1967 là thời điểm mà quân số Hoa Kỳ ở Việt Nam đạt con số cao nhất, 525 ngàn người, dưới mức tối thiểu mà Tướng Westmoreland đã yêu cầu vào mùa Xuân trước đó.

Quyết định này của Tổng Thống được thông báo ngắn gọn, đơn giản là điều hiển nhiên chứng tỏ Johnson muốn rút bỏ khỏi cuộc chiến và đòi hỏi Bunker tìm phương thức để Hoa Kỳ rút lui mà không xem là kẻ bị đối phương đánh bại.

Song song với kế hoạch đó, những người được lệnh của Tổng Thống đến thuyết phục các nước Đồng Minh Á Châu như Nam Hàn, Thái Lan, Úc Châu và Tân Tây Lan, gửi thêm quân chiến đấu vào Miền Nam Việt Nam. Những nước này đã có quân chiến đấu của họ tham dự vào cuộc chiến như một nỗ lực bày tỏ quan điểm của họ chống lại tham vọng xâm lăng của Hà Nội.

Thái độ thiếu can đảm trong quyết định không cung cấp đủ quân số do nhu cầu chiến trường đòi hỏi của Johnson, đã được chiến lược gia số 1 của Hà Nội là Võ Nguyên Giáp khai thác triệt để. Chiến lược của Hà Nội là cố kéo dài trận chiến tranh đã có tác dụng. Trong mùa Hè năm 1967, Giáp đã viết một tiểu luận bằng tiếng Anh “đại thắng đại thử thách” qua đó ông đã đưa ra một lời tiên đoán: “Vào lúc này, Hoa Kỳ đã không có đủ quân để đáp ứng chiến trường do Westmoreland đòi hỏi. Nền kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ phong phú, cho dù là vĩ đại nhưng không phải là bất tận”. Và cũng từ đó, Giáp đã chuẩn bị tổng công kích vào dịp Tết Mậu Thân 1968.

Với hai quyết định đưa ra vào tháng 6 và tháng 7 năm 1967 rõ ràng là Lydon Johnson không muốn Hoa Kỳ có sự chiến thắng quân sự ở Việt Nam. Quyết định không cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh cho phép Hà Nội có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cuộc chiến của họ tại Miền Nam cho đến khi nào Hoa Kỳ không còn đủ ý chí kiên nhẫn và Washington có quyết định không tăng cường thêm quân,

thì lúc ấy đối với Hà Nội, cuộc chiến thắng của họ đã gần kề. Kẻ đối đầu chủ yếu với lực lượng Hoa Kỳ và nhất quyết tìm lấy sự chiến thắng trong cuộc xâm lăng của họ tại Miền Nam là cộng sản Bắc Việt thì cả hai triều đại Tổng Thống Kennedy cũng như Johnson không ai có kế hoạch phải lật đổ chính quyền cộng sản đó cả.

Sự chiến thắng hay thất bại của Hoa Kỳ giờ đây chỉ còn được xác định do dân chúng Miền Nam Việt Nam. Nếu họ đủ khả năng để bảo vệ xứ sở họ thì chiến lược của Hoa Kỳ được xem như chẳng bao giờ đạt tới. Quả thật đây là một điều xuẩn động khi mục tiêu của một cường quốc lại trút trả cho một Đồng Minh mà khả năng của họ còn đang yếu kém. Nhưng trái lại, đó là một nghĩa vụ cao quý nếu sự can dự của Hoa Kỳ không nhằm vào mục tiêu xâm lăng mà chỉ giúp cho một Đồng Minh để tự vệ. Hoa Kỳ đã trút trách nhiệm trên vai những người Việt Nam không cộng sản.

Suốt mùa Hè và đầu mùa Thu năm 1967 các nhà báo Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam đã phản ứng và cho rằng Mỹ đã nhận lãnh trách nhiệm quân sự quá nặng so với các Đồng Minh. Rồi thì, theo cái nhìn thiển cận là Hoa Kỳ không phải đến xứ này để mong tìm một cuộc chiến thắng quân sự mà John Wayne đã dựng thành phim. Nhiều phóng viên Mỹ quay sang chỉ trích dân chúng Miền Nam và đặc biệt là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Cũng giống như những lần trước, họ đã viện dẫn những luận cứ để biện minh chính nghĩa cho phe gây nên chiến tranh. Người Pháp đã đồng hóa những người cộng sản Việt Nam là người theo chủ nghĩa quốc gia, để rồi từ đó báo chí chỉ trích về khả năng và sức mạnh của Quân Đội Miền Nam.

Theo họ, những người Miền Nam Việt Nam không phải

là những người quốc gia chân chính, mà đó chỉ là một sự tự nhận, bởi vì nếu là người theo quốc gia chủ nghĩa thì họ phải kiêu hãnh về cuộc chiến đấu của họ, họ phải hiến thân cho đất nước của họ... Với lời nhận định ấy đưa họ đến kết luận rằng Miền Nam Việt Nam không thể nào đánh bại được những người cộng sản bởi vì những người cộng sản này mới là những người chính thống quốc gia. Lối lý luận tráo trở, lộn sòng này dần dà đã trở thành phổ biến, tạo trong quần chúng Mỹ mỗi ác cảm với Quân Đội và Sĩ Quan Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Suốt mùa Hè và mùa Thu năm 1967, với sự cố vấn của Bunker và Westmoreland, Quân Đội Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ gọi tắt là ARVN, đã bắt đầu đảm nhận số trọng trách chủ yếu của họ. Thế nhưng báo chí Mỹ chỉ đề cập rất ít về sự tiến bộ này. Bunker cảm thấy đây là một điều thiếu lương thiện. Tờ Time và Newsweek đã có những bài bình luận quan trọng để đưa ra nhận định lượng giá thấp về khả năng Quân Đội Miền Nam. Chủ bút Newsweek tại New York đã có bài dưới tựa đề châm biếm “Những con sư tử của họ và những con thỏ của chúng ta”. Bài báo kết luận: “Quân Đội Miền Nam Việt Nam kém cỏi lại bệnh hoạn. Giống như cái xã hội đã sản sinh ra nó, nó mang bộ mặt đối kháng, ỷ lại, hư hỏng, thiếu năng lực, khiếp sợ hèn nhát”. Trong khi thực tiễn thì Quân Đội Miền Nam đã có một bước tiến khá dài và có khả năng đánh bại quân chính quy của Hà Nội. Bài báo cũng không hề đề cập đến vai trò và sự phát triển của Quân Đội Miền Nam trong thời gian vừa qua.

Vào tháng 8, tường thuật của tờ Time đã tạo cho mọi người đọc có ấn tượng là Quân Đội Miền Nam muốn

trốn tránh giao chiến. R. W. Apple của tờ New York Time cũng trong tháng 8 đã viết: “Theo quan điểm của phần lớn các nhà quan sát, cuộc chiến không tiến triển tốt. Chiến thắng không gần tầm tay và có thể không đạt được”.

David Halberstam tiếp xúc với một số nhân vật Hoa Kỳ ở Sài Gòn trong một cuộc viếng thăm ngắn vào cuối năm 1967, về lại Hoa Kỳ, ông đã viết: “Hãy nhìn kỹ để thấy được bóng tối đường hầm còn kéo dài tận đâu”. Ông ta viết tiếp, cho dù cách nhìn khoan dung nhất thì Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn được xem là đạo quân “yếu kém về mặt chỉ huy và thiếu khả năng chiến đấu”. Rồi kết luận: “Tôi không nghĩ, Đồng Minh của chúng ta có thể làm được phân nửa trận thắng trong cuộc chiến này”.

Vào giữa tháng 9, Peter Arnett của hãng thông tấn AP viết “Quân Đội Miền Nam đã lẩn tránh, chỉ để cho Hoa Kỳ chiến đấu”. Arnett được giải thưởng Pulitzer viết trong một tác phẩm khác: “Sài Gòn, một thành phố hưởng thụ trong vùng đất tử thần”. Bài này đã gây một tác động, vì “trong khi những người Mỹ chết ở ngoài xứ sở của họ thì Sài Gòn, quân và dân Việt Nam vẫn sống, vẫn trác táng thụ hưởng. Cuốn sách này đã khiến những người Mỹ hiểu một cách sai lầm hoàn toàn những gì đang thật sự xảy ra tại Việt Nam.

Newsweek ghi nhận trong số ra ngày 13 tháng 11.1967 là báo chí Mỹ đã có sự thay đổi về cách nhìn của cuộc chiến, khi Bắc Việt đưa quân của họ vượt qua vùng phi quân sự vào mùa Xuân năm này. Cuộc chiến được hiểu là không còn do phía Hoa Kỳ gây nên. Những nhà phân tích thời sự đã bắt đầu viết lại. Sự hiểu biết mù mờ về kẻ thù dần dần được sáng tỏ ra.

Một nhà báo Mỹ đã nói với Bunker là dân chúng Miền Nam sẽ phải hy sinh một khi Hoa Kỳ không có khả năng chịu đựng một trận chiến lâu dài.

Tướng Westmoreland, con người sống với niềm tin tuyệt đối ở lời tuyên hứa tại West Point: Trách Nhiệm-Danh Dự-Tổ Quốc, thì gần như không thể nào hiểu nổi mục tiêu và cung cách làm việc của những nhà báo trẻ tuổi. Không có một bài báo nói lên một Tướng lãnh đã tận tụy phục vụ, bởi vì tin sự phục vụ đó là cho tổ quốc và sự tận tụy đó là để hoàn thành trách nhiệm mà ông ta được tổ quốc ủy thác. Chẳng hạn giải thích R. W. Apple trong phần bài viết của ông vào tháng 8 năm 1967 cho rằng cuộc chiến tranh đã đi vào chỗ bế tắc.

Westmoreland đã viết cho thượng cấp của ông rằng: “Apple là con người đầy bi quan và ngờ vực... Hẳn ta vẫn tiếp tục lên án chúng ta là thiếu lương thiện trong việc tường trình về những tổn thất và chúng ta đã dựng lên những hình ảnh giả tạo. Trong những tháng gần đây, tôi đã thấy Apple chỉ trích ngày càng trở nên gay gắt hơn, thóa mạ ngày càng táo tợn hơn. Dựa trên những điều hoang tưởng và đảo ngược tình huống thuận lợi đang xảy ra tại đây, chúng ta tiên đoán, rồi ra anh ta vẫn tiếp tục đóng vai của một kẻ luôn nghi ngờ và chỉ trích. Có thể hẳn ta đang cố gắng để chiếm một giải Pulitzer” (Larry Bermanm Trang 59).

Xét cho cùng thì anh ta không phải là người ác ý, chỉ là một con người vô trách nhiệm. Westmoreland chỉ rơi vào trường hợp, những tin tức sai lệch cứ được chuyển ra khỏi Sài Gòn vì giải Pulitzer đã không trao cho những người cung cấp những nguồn tin đứng đắn. Đối với những nhà

báo trẻ, con đường để vươn lên thì Việt Nam là nơi duy nhất tạo cho họ có cơ may, thu nhặt những câu chuyện để được đăng trên những trang báo đầu và làm cho tên tuổi họ được mọi người biết đến.

Trong một bữa cơm chiều đơn giản mà Ellsworth Bunker thường hay tổ chức để dành riêng cho báo chí, Bunker lần đầu tiên đã gặp Arnett, loại người ồn ào, nhiều ý kiến và cũng lắm phản đối. Nhưng những buổi gặp gỡ mang tính chất vừa cho vừa nhận ở cả hai bên. Bunker cảm thấy cần thiết vì qua đó, báo chí sẽ cho ông ta biết về những nhận định của họ qua chiến cuộc đang diễn tiến. Ellsworth Bunker luôn giữ thái độ thân thiện khi nghe báo chí bình luận những gì tại Sài Gòn nhưng quả thật ông cảm thấy những lời bình luận đó thiếu đúng đắn và chân thật.

Trái lại, ông ta thường gặp gỡ với một số ít phóng viên, đặc biệt với những nhà báo lớn tuổi đã từng tham dự và viết tin trong thời Thế Chiến Thứ Hai hay chiến tranh Triều Tiên. Những nhà báo trẻ như Arnett hay Halberstram dường như ẩn dấu một điều gì khó hiểu đối với Bunker. Những năm sau này qua những trao đổi gần gũi, ông đã cho tôi biết rằng, thật sự, ông không hiểu phương hướng và giá trị ở những nhà báo trẻ này. Ở họ ông chỉ nhìn ra là những con người luôn luôn châm biếm và luôn luôn bóp méo sự thật.

Bunker đã không thể nào hòa nhập được vào nấc thang giá trị kỳ lạ do hậu quả tất yếu của một nền văn hóa thời chiến đưa đến. Ellsworth Bunker với bản lãnh khả tín, tự tin của một người chiến thắng, trong khi những nhà báo trẻ lại mang tâm trạng hụt hẫng, rã rời, tiêu biểu cho thế

hệ từ từng lớp trung lưu Hoa Kỳ vào những thập niên 1950 và 1960. Ông ta đã nhìn những ký giả trẻ tuổi dưới đôi mắt nghiêm khắc, là nhà báo thường phải gắn liền với sứ mệnh cao cả theo định nghĩa nguyên thủy mà danh từ này đã xác định. Trong khi đó, qua những bài viết, những ký giả trẻ này lại chỉ phản ánh sự đánh mất niềm tin, sự hãi sợ và những xúc động thiếu cân bằng cho thời đại mà họ cứu mang.

Lẽ tất nhiên cách nhìn của Bunker có lý vì ông là con người lúc nào cũng tự tin và tự làm chủ lấy bản thân mình. Ellsworth Bunker là con người của thế hệ cũ mà cá tính của ông đã được một nhà tâm lý học diễn đạt: “Hoàn toàn tự tin và đầy xác tín, không giáo điều, suy nghĩ không cố chấp... tôn trọng và không để tình cảm bị chi phối khi phê phán kẻ khác... nhận hoàn toàn trách nhiệm mà không đổ lỗi cho thuộc cấp... bất cứ việc làm nào cũng đều nghĩ đến bốn phận và trách nhiệm trên hết, không muốn ai nghĩ rằng họ đã bị ông ta lợi dụng... khoan dung và tôn trọng những điều dị biệt, tránh can dự vào các cuộc tranh luận... minh bạch ở những gì mình có và của người khác, không lợi dụng chức vụ để cưỡng đoạt... tính tình độ lượng và không có những phản ứng bùng bột... ít xúc động và đối đầu với mọi trường hợp khó khăn xảy đến” (*Atlantic*, tháng 9.1988).

Những nhà báo trẻ thì ngược lại, họ nhìn Bunker là lớp người không hiểu và cũng không chia sẻ những nỗi lo nghĩ của họ về cuộc chiến. Sự thất bại của Hoa Kỳ là nỗi ám ảnh to lớn trong trí họ, đó là biểu hiện của lớp người đã đánh mất hướng đi. David Halberstam đã viết vào tháng 12.1967, câu hỏi quan trọng được đặt ra về cuộc

chiến này là “Liệu chúng ta có thể thắng được không?” Anh ta còn tiếp, chỉ có giải thể chính quyền Miền Nam Việt Nam thì câu hỏi trên mới được trả lời và rằng, điều chủ yếu là phải tái lập cuộc chiến theo mục tiêu của Hoa Kỳ. Halberstram đã tạo ra một cuộc tranh luận, cuộc chiến này là của người Mỹ chứ không phải vì lợi ích và chính nghĩa của dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Những nhà báo trẻ như Halberstam đã nhìn cuộc xung đột tại Việt Nam qua lăng kính của một người bệnh hoạn về thần kinh. Họ là những con người vốn sinh ra để phủ nhận tất cả mọi tiên kiến, ước lệ, khước từ can dự vào những định chế xã hội sẵn có do con người đặt ra như thời thập niên 1920 mà Hemingway và Scott Fitzgerald từng mô tả.

Với chủ nghĩa “kẻ chiến thắng là anh hùng” (Victorian heroism) và tin vào mọi giá trị phải được khoa học kiểm nghiệm mà vào cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa hoài nghi còn để lại, bất cứ một vấn đề gì có hợp lý đến đâu, đối với họ cũng trở nên là những tra vấn. Khước từ nhập cuộc vào Thế Chiến Thứ Nhất lúc đang có những cuộc tàn sát đẫm máu diễn ra tại mặt trận miền Tây nước Đức, Hemingway đã nói cho một thế hệ tự phủ định rằng hãy thoát ra khỏi sự ràng buộc dân sự và xác định chính họ mới là những kẻ bị mất mát, thua thiệt.

Nhân vật chánh, một gã đàn ông trong cuốn “Mặt Trời Vẫn Mọc” (The Sun Also Rises) ngẩng nhìn viên đạn ra khỏi nòng súng mà gã ta là xạ thủ, hấn chột nhận ra chính hấn phải đối diện với những rủi ro và cứu mang trách nhiệm về sự sai lệch hoặc trúng đích trước khi có hàng ngàn đôi mắt khác phán xét, đúng hơn, hấn là kẻ xa lạ.

Hemingway đã mô tả chàng thanh niên này mang đầy đủ bản chất thú tính, đam mê xác thịt, một tên đã được, không có khả năng làm gì được cho chính gã như bao nhiêu đàn ông khác có thể làm, nhưng hắn đã làm được với đàn bà. Thụ động, lơ đãng, luôn tìm cách trách cứ kẻ khác, đó là loại người luôn luôn chỉ biết đòi hỏi nhưng ngần ngại can dự vào bất cứ vấn đề gì. Với một cảm tình như vậy thì hắn là không thể nào tìm ra được những điều lạc quan ở một điểm đúng đắn dẫn về cuộc chiến Việt Nam.

Tương tự với lối diễn đạt đầy chất hiện sinh trên, Scott Fitzgerald đã dựng nên cuốn truyện để dẫn đến những thúc bách trong vụ án mạng Nick đã giết bạn mình là Gatsby. Nick cũng là người thụ động, viễn mơ. Còn Gatsby thì tự anh ta thấy rằng anh chẳng có lỗi lầm gì để khiến việc giàu sang và quyền lực của anh phải đưa anh đến chỗ chết. Chủ đích của Fitzgerald là nói đến định mệnh về sự thịnh vượng và quyền lực của người Mỹ hay nói rõ hơn, Hoa Kỳ có nên dùng sự thịnh vượng và quyền lực của mình tại Việt Nam hay không, hay đó chỉ là lời cảnh cáo?

Những nhà báo trẻ tại Sài Gòn không phải là những người Mỹ duy nhất quan ngại đến vấn đề bị thất bại tại Việt Nam. Thực tiễn đã có một người trước đó, là Tổng Thống John F. Kennedy cũng đã e ngại về sự thất bại nên muốn tránh can dự vào cuộc xung đột tại Việt Nam. Quyết định của Kennedy vào năm 1961 rằng Việt Nam, chứ không phải Lào hay Cuba, là nơi sẽ diễn ra những cuộc xung đột mới nhằm tự vệ để chống lại sự bành trướng của cộng sản.

Dùng những ngôn ngữ nhẹ nhàng để ám chỉ sự kiện ấy, chính quyền của ông ta đã bị kết án là thiếu cương quyết đối đầu với những người cộng sản. Quyết định đó đã được đưa ra sau cuộc đổ bộ thất bại ở Vịnh Con Heo, sau khi chạm trán với Nikita Krushchev tại Áo, và sau khi có quyết định lại không dám đương đầu với Bắc Việt và Liên xô tại Lào.

Robert McNamara, Bộ Trưởng Quốc Phòng, người cha đẻ chiến lược quân sự Hoa Kỳ tại Việt Nam qua hai triều Tổng Thống Kennedy và Johnson, vì nhận định không đúng mức nên ông xem cuộc chiến theo cung cách cổ điển bằng những trận đánh trên chiến trường hơn là một cuộc chiến mang tính chiến lược là phải tiến thẳng vào Lào và cả Miền Bắc Việt Nam.

Mục tiêu của ông ta là làm sao tránh cho Hoa Kỳ không bị thất bại chứ không nhằm đến một cuộc chiến thắng và cũng không xác định phương cách phải tiến tới. Thái độ này không những đã được cổ vũ qua cách khuyến cáo của ông mà còn tìm thấy ở các cố vấn dân sự của ông qua các tài liệu trong hồ sơ Ngũ Giác Đài. Bởi vậy, khoảng cuối năm 1965, khi có những chỉ dấu cho thấy Hà Nội bắt đầu áp dụng chiến thuật biến người nên phải tăng cường lực lượng của họ, thì McNamara vẫn lúng túng trong lối chiến tranh cổ điển, rồi dần dà những tư tưởng chủ bại về cuộc chiến ám ảnh trong suy nghĩ của ông.

Nhập cuộc chiến với một tinh thần chủ bại là điều bất bình thường. Bởi vì tư tưởng bị đánh bại sẽ dễ dàng nảy sinh, chế ngự và làm khả năng đề kháng giảm đi phân nửa khi phải trực diện với những khó khăn đưa đến. Chỉ có lòng tự tin ở chính nghĩa mới vào cuộc chiến với

sự can đảm và quả cảm. Nói một cách khác, những ai có sự chọn lựa đúng, cộng với lòng tự tin, họ sẽ có cơ hội thành công dù là trong một cuộc chiến hay trong đời sống bình thường.

Những nhà báo trẻ ở Sài Gòn cùng với Kennedy và McNamara đã lung lạc cho nền chính trị Hoa Kỳ mang đến sự thất bại cuối cùng sau một thời gian gần hoàn tất vai trò giúp cho Miền Nam Việt Nam bảo vệ xứ sở của họ. Hoa Kỳ không thể nào chiến thắng được cuộc chiến là nỗi ám ảnh to lớn trong hàng ngũ trí thức trên bình diện quốc gia, là đầu mối để cho phong trào phản chiến ngày càng lớn mạnh. Biểu hiệu buông xuôi, hãi sợ, đầu hàng của một số thành phần khoa bảng, trí thức uy tín đã dẫn đến sự ô nhục ở cuộc chiến này.

Trái với những ấn tượng mà báo chí Mỹ đã đưa ra, từ giữa năm 1967, các đơn vị Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã bắt đầu đạt được những chiến thắng khả quan. Hàng loạt những cuộc chạm trán đã xảy ra và đã chứng tỏ Quân Đội Miền Nam không những có thể đương đầu mà còn có khả năng đánh bại các đơn vị chính quy của bộ đội cộng sản. Những trận đánh này đã mang một ý nghĩa lịch sử bởi đã chứng minh được rằng, trong chiến lược chuyển giao trách nhiệm cuộc chiến cho Quân Đội Miền Nam, họ có đủ ý chí để đảm nhận vai trò đó mà không nhất thiết cần phải có Quân Đội Hoa Kỳ. Thế nhưng nỗ lực của họ đã không được báo chí Mỹ loan báo trung thực.

Ngày 26 tháng 6, một hàng binh cộng sản đã thông báo cho biết địa điểm trú quân của một tiểu đoàn cộng quân. Sư Đoàn 18 của Miền Nam, một Sư Đoàn được coi là kém khả năng nhất trong Quân Đội Miền Nam thời đó, đã

chỉ định hai Tiểu Đoàn phối hợp với hai Tiểu Đoàn Biệt Động Quân để chặn đường rút quân của đơn vị việt cộng trên. Quân Đội Miền Nam tổn thất 53 người trong cuộc giao tranh đó trong khi cộng quân chết 123.

Vào giữa tháng 7, trung đoàn 141 cộng sản Hà Nội đã tấn công địa điểm đóng quân của hai Đại Đội thuộc Tiểu Đoàn 2 Sư Đoàn 5 Bộ Binh. Với 200 Binh Sĩ của hai Đại Đội ấy đã chống cự cuộc tấn công của một trung đoàn, kết quả cộng quân chết 112, mười tù binh bị bắt gồm có một đại úy và 83 vũ khí bị tịch thu. Trong khi đó phía Miền Nam chỉ thiệt hại có 14 Chiến Sĩ và vợ một Quân Nhân.

Thế nhưng, tại nơi khác ở phía Nam Đà Nẵng, cộng quân đã tấn công vào một trại giam và họ thành công. Họ đã giải thoát được 1.200 tù nhân trong đó có nhiều đồng chí của họ đã bị Quân Đội Miền Nam bắt giữ trước đó. Ngày 9 tháng 7, một quả mìn Claymore đã nổ đối diện với một cơ quan Hoa Kỳ ngay tại Sài Gòn. Cuộc chiến trong tình huống như thế đó.

Quân Đội Miền Nam Việt Nam cũng được xem như thành công trong một trận đánh xảy ra giữa một đơn vị của Sư Đoàn 1 Bộ Binh với quân Bắc Việt sát Vùng Phi Quân Sự. Miền Nam chết 10, bị thương 80, trong khi Bắc Việt chết 146.

Tương tự, Sư Đoàn 7 Bộ Binh cũng đã đạt một chiến thắng ý nghĩa trong một cuộc hành quân quy mô gần vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, nơi có Quốc Lộ 4, con đường chính tiếp tế lúa gạo và thực phẩm cho Sài Gòn thường xuyên bị đặt mìn. Nơi khác, trung đoàn 141 cộng sản Hà Nội, sau khi được bổ sung, lại tái phục thù Tiểu

Đoàn 2 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh Miền Nam. Nhờ Không Quân yểm trợ, Tiểu Đoàn này đã bẻ gãy được cuộc tấn công của cộng quân vào lúc 3 giờ 30 sáng và một giờ rưỡi sau đó lại tái xáp chiến. Cuối cùng trung đoàn cộng quân đã bị quân Miền Nam gây tổn thất nặng nề.

Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã chiến đấu một cách anh dũng trên khắp các vùng chiến thuật. Suốt tháng 7, đã có 3877 địch quân bị giết trong 6 Tỉnh thuộc Vùng 1 Chiến Thuật, sát Vùng Phi Quân Sự. Trong khi đó Miền Nam Việt Nam chỉ tổn thất có 1.206 người. Không có một đơn vị Hoa Kỳ nào lâm trận.

Ngày 13 tháng 8, một tiểu đoàn cộng quân tấn công địa điểm đóng quân của hai Đại Đội Địa Phương Quân gần Cổ Đô Huế, thế mà vẫn không chiếm nổi vị trí của đơn vị địa phương này. Trong khi đó về phía Miền Nam, một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân đã phát hiện một đơn vị cộng quân vào buổi chiều. Cuộc chiến đã kéo dài suốt đêm và cuối cùng đơn vị cộng quân này đã bị tiêu diệt. Rồi tiếp theo, chiều ngày 19 tháng 8, một Đại Đội Địa Phương Quân gần Sài Gòn đã đánh tan một đơn vị cộng quân trước khi họ chuẩn bị mở một cuộc pháo kích vào Phi Trường Tân Sơn Nhất.

Nhưng Quân Đội Miền Nam cũng không thể ngăn cản cường độ cuộc chiến leo thang trước ngày bầu cử Tổng Thống vào tháng 9. Thành Phố Quảng Ngãi ở Miền Trung đã bị cộng quân xâm nhập và một trại giam hơn 1.000 tù nhân đã bị giải thoát. Thế nhưng khi 1.200 cộng quân tấn công vào một trại giam ở Thị Xã Tam Kỳ, Miền Trung Việt Nam, đích thân vị Tỉnh Trưởng chỉ huy cuộc phản kích ban đêm và đẩy lùi cuộc tấn công của địch. Những

cuộc đột kích nhằm vào các trại giam đã cho thấy rằng, cộng quân cần giải thoát những người này để bổ sung vào lực lượng đang thiếu hụt, đồng khác, dân chúng Miền Nam đã không hưởng ứng cuộc tuyển mộ vào hàng ngũ của họ.

Tại Sài Gòn, nhờ lời khai của một mật báo viên, đã bắt được thành phần chủ chốt trong một đường dây nhằm đặt chất nổ phá hoại các cơ sở Hoa Kỳ trong mưu toan ngăn chặn các cơ quan này ủng hộ chính phủ Miền Nam Việt Nam tổ chức cuộc bầu cử. Chính đường dây này đã trực tiếp điều hợp 27 lần tấn công khiến 15 người Hoa Kỳ bị thiệt mạng và 56 người khác bị thương. Trong tuần lễ bầu cử, cộng quân đã sát hại 190 thường dân, làm bị thương 426 người và bắt cóc 237 người. Nhiều cây cầu ở chung quanh Thành Phố Đà Nẵng và trên Quốc Lộ 4 Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long đã bị giệt sập.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 1967, trung đoàn 88 Bắc Việt đã tấn công một Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh Miền Nam đang trú đóng ở một làng gần biên giới Việt-Miền thuộc Tỉnh Phước Long. Với quân số bằng một phần ba của cộng quân, Tiểu Đoàn này vẫn giữ vững tinh thần và bẻ gãy ba đợt tấn công bằng biển người mà kết quả có 134 cộng quân bị sát hại.

Cũng tháng này, hai Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh đã bị tấn công vào lúc ba giờ sáng. Họ đã dũng cảm chiến đấu. Trận chiến kéo dài cả ngày tới suốt đêm hôm sau. Cuối cùng cộng quân phải rút lui, để lại 137 xác chết.

Một lần nữa, gần biên giới Cam Bốt, một tiểu đoàn thuộc lực lượng giải phóng miền nam đã tấn công nơi đóng quân của một lực lượng địa phương, tại Thành Phố

Lộc Ninh nhỏ bé. Không Quân và Pháo Binh lập tức yểm trợ. 7 Đại Đội Địa Phương Quân được gửi đến tăng cường. Một Tiểu Đoàn Hoa Kỳ được điều động để làm nút chặn. Cộng quân lập tức rút lui. Vài ngày sau họ lại tái mở cuộc tấn công nhưng lần này trung đoàn 272 Việt cộng đã bị giết tới 371 người. Thế nhưng một tuần lễ sau đó, một Tiểu Đoàn Quân Đội Miền Nam trong một cuộc hành quân truy kích cũng tại vùng này, đã bị tổn thất nặng nề và nhiệm vụ không hoàn thành.

Cũng từ ngày 21 đến 31 tháng 10, các đơn vị Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã mở ra 29 cuộc hành quân cấp Tiểu Đoàn hay lớn hơn, với 4 lần đụng độ lớn và 65 lần đụng độ nhỏ với quân Bắc Việt.

Tháng kế tiếp, tháng 11, một số đơn vị Miền Nam đã chiến thắng trong mặt trận Dakto, vùng rừng núi miền Cao Nguyên. Chung quanh Dakto, Tiểu Đoàn 2 và Tiểu Đoàn 3 Dù đã mở những cuộc hành quân để cùng tiến tới điểm gặp gỡ với một Tiểu Đoàn Bộ Binh đang chiếm cứ những ngọn đồi chiến thuật đang chống lại trung đoàn 24 cộng sản Bắc Việt. Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã bị tổn thất nặng nề. Tiếp theo là miền Đồng Bằng Sông Cửu Long, một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến đã hứng chịu những trận hỏa pháo nặng nề. Liên sau đó, 4 Đại Đội đã được tái phối trí, tấn công thẳng vào các địa đạo của cộng quân. Các đơn vị Việt cộng đã mất liên lạc, thoát chạy như đàn vịt, để lại 154 xác chết. Phía Thủy Quân Lục Chiến thiệt hại 41 và 99 người bị thương nặng nhẹ

Đầu tháng 12.1967 Sư Đoàn 21 Bộ Binh được tăng cường với một số Tiểu Đoàn Biệt Động Quân đã bao vây một lực lượng khá quan trọng của cộng quân tại Tỉnh

Chương Thiện. Kết quả là 439 việt cộng bị giết, trong khi phía Miền Nam chỉ thiệt mạng có 67 người. Dọc theo Vùng Phi Quân Sự, Sư Đoàn 1 Bộ Binh đã bắt đầu thay thế các đơn vị Hoa Kỳ để nhận lãnh trách nhiệm ở một số cứ điểm chiến thuật. Trong một trận đùng độ một tiểu đoàn Bắc Việt, một đơn vị của Sư Đoàn 1 đã tiêu diệt hai phần ba nhân mạng của tiểu đoàn địch quân.

Các đơn vị Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đã chứng tỏ họ có thể đảm nhận trận chiến để đương đầu với kẻ thù, thế nhưng đảm nhiệm toàn diện cuộc chiến thì cần phải có thêm thời gian. Nhận rõ điều đó, cho nên trong một bài diễn văn đọc trước Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia tại Hoa Thịnh Đốn ngày 21 tháng 11 năm 1967, Tướng Westmoreland nói rằng, nhiệm vụ của ông là vừa hỗ trợ để cho Quân Đội Miền Nam Việt Nam ngày càng lớn mạnh, đồng thời vừa tiếp tục tiêu diệt các đơn vị của cộng quân. Khi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đủ mạnh, thì Hoa Kỳ sẽ trao hoàn toàn cuộc chiến này cho họ.

Tướng Westmoreland nói thêm rằng, với đà tiến triển hiện nay của Quân Đội Miền Nam, Hoa Kỳ có thể bắt đầu rút quân về nước trong vòng hai năm sắp tới hay ngắn hơn. Để sáng tỏ thêm về chiến lược này, Ellsworth Bunker cũng đã phúc trình cho Tổng Thống Johnson vào cuối năm 1967 là ông đang chuẩn bị một kế hoạch rút dần quân chiến đấu Hoa Kỳ về nước, cho dù Bắc Việt có chịu thương thuyết để chấm dứt chiến tranh hoặc nếu họ vẫn tiếp tục với tham vọng gây chiến thì Quân Đội Miền Nam Việt Nam cũng đủ khả năng đương đầu.

Robert Kennedy giờ đây đã đẩy Lyndon Johnson chịu trách nhiệm ở một vùng đất xa xăm, “lúc nào cũng nghe

nhức tại những tiếng bạo hành, tàn sát, man rợ”. Vào tháng 11 trong khi Westmoreland và Bunker đã chuẩn bị kế hoạch rút toàn bộ Quân Đội Hoa Kỳ ra khỏi cuộc chiến thì Kennedy vẫn lớn giọng với khán thính giả Mỹ: “Các bạn có hiểu không? Những gì mà chúng ta đang làm cho người Việt Nam chẳng khác gì Hitler đã từng ra tay với dân tộc Do Thái”.

Những ngôn ngữ không tự chế ấy đã làm cho các phán đoán của Kennedy trở nên vô giá trị. Nhưng Kennedy không phải là kẻ cô đơn. Ông ta đã nói thay cho một số lớn người Mỹ có một sự hiểu biết về Miền Nam Việt Nam trong trạng thái u muội và khiếp nhược.

CHƯƠNG BA
TÌM KIẾM NHÀ LÃNH ĐẠO
QUỐC GIA THỰC TÀI

Bunker đến Miền Nam Việt Nam với nỗi âu lo nhiều hơn là những suy nghĩ, làm thế nào để Quân Đội Miền Nam có đủ khả năng tự bảo vệ cuộc chiến? Ông ta đáp xuống Phi Trường Tân Sơn Nhất thuộc ngoại ô Thành Phố Sài Gòn đúng lúc tại đây đang có nhiều đổi thay. Hoàn toàn ông ta không hề nghĩ là phải tìm kiếm một hình thái chính trị kiểu nào để áp đặt với những người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam.

Miền Nam Việt Nam sẽ áp dụng một Hiến Pháp mới vào tháng 9 năm 1967 sau khi cuộc bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống và lưỡng Viện Quốc Hội được tổ chức. Hai nhân vật quân sự đang ở vai trò lãnh đạo tối cao Miền Nam Việt Nam: Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ và Chủ Tịch Hội Đồng Tướng Lãnh Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, đều muốn được trở thành Tổng Thống đắc cử, và hai ông Tướng này đang kình chống nhau.

Từ một nền văn hóa chính trị đa dạng như Miền Nam Việt Nam thì trong nỗ lực giúp đỡ cho đất nước này tiến

đến một nền dân chủ đích thật đối với Bunker không phải là chuyện đơn giản. (Chính tôi, một mặt nào đó, tôi cũng cảm nhận ra điều khó khăn này). Thoát thai từ cách nhìn, chịu ảnh hưởng nặng của Pháp, cho nên luôn luôn họ nhận thức rằng chỉ có Quân Đội Quốc Gia mới có khả năng đương đầu lại với cộng sản của Hồ chí Minh.

Một tiến trình thực thi nền sinh hoạt chính trị mở rộng và dân chủ và qua đó đãi lọc, chọn lựa thành phần không cộng sản để lãnh đạo Miền Nam Việt Nam chống lại sự xâm lăng của Hà Nội là điều mà những bộ óc thiên cận và đầy ác cảm của thành phần phản chiến không thể nào hình dung ra được. Với họ thì bằng cách nào cũng phải cũng phải mô tả rằng Quân Đội Miền Nam Việt Nam không có tinh thần chiến đấu, rằng cho dù Miền Nam Việt Nam đã có Hiến Pháp theo định chế dân chủ thì đó cũng chỉ là thứ dân chủ giả hình.

Từ điểm đứng ở hệ thống sinh hoạt chính trị tại Hoa Kỳ, họ nhìn về đời sống chính trị tại Miền Nam Việt Nam cũng như tình huống xứ này đang phải đối phó với sự xâm lăng của cộng sản từ Miền Bắc, để dẫn họ đến kết luận là những người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam không có dân chủ.

Chẳng hạn, trong tác phẩm khá phổ biến, cuốn “Fire In The Lake”, bà Frances Fitzgerald đã diễn đạt những lực lượng chính trị không cộng sản “chỉ muốn người Hoa Kỳ đến cứu họ” (trang 400). Bà ta còn khẳng định một cách chắc chắn rằng: “Với tiền bạc và được người Mỹ bảo vệ, chính quyền Sài Gòn không làm gì khác hơn là chỉ hành động theo sự chỉ dẫn của Hoa Kỳ, một Quân Đội không có tinh thần đã khởi đầu ngay từ thời chế độ Diệm, đã

cho thấy chính quyền Miền Nam không cai trị được ai và cũng không đại diện cho ai ngoại trừ những người Công Giáo di cư từ Miền Bắc” (Trang 422-423).

Trong phần mở đầu cuốn sách, Fitzgerald đã minh xác phần lớn sự hiểu biết của bà về Việt Nam là qua các nhà nghiên cứu người Pháp Paul Mus. Vai trò của Mus là giúp cho Sainteny vào năm 1947, dùng Hồ chí Minh như con bài để Pháp tái thực hiện chế độ thực dân kiểu mới tại Đông Dương. Sau đó Mus đã viết những loạt bài để ngụ ý trá mục tiêu đô hộ của Pháp dưới hình thức đánh bóng Hồ chí Minh trở thành thần tượng, một người quốc gia mẫu mực. Ảnh hưởng từ sự tự gian trá của Mus, Fitzgerald lại gian trá với độc giả của bà để giảm đi những sự kiện đích thật đã xảy ra giữa người Việt Nam.

Nhưng một số Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam lại thực hiện những điều mà bà Fitzgerald đã viết. Cung cách hoạt động chính trị của họ không phải cung cách của những người quốc gia theo ý nghĩa là phục vụ cho tổ quốc hay bảo vệ giá trị nhân bản của dân tộc Việt Nam mà trái lại, xem chính trị là đường tiến thân cho chính bản thân họ.

Cao điểm là dưới thời Tướng Nguyễn Khánh. Ông ta đã dùng những loại Tướng này, ban phát cho họ những điều kiện để bước lên những nấc thang danh vọng rồi sử dụng họ chống lại Đại Việt khi đảng này có những áp lực đòi hỏi chính phủ phải phục vụ tốt hơn.

Một trong các Tướng lãnh đó là Nguyễn Cao Kỳ. Vài trò ông ta như một Thủ Tướng khi nắm giữ Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương. Kỳ nói đến một cuộc cách mạng xã hội nhưng luôn luôn chống lại Phật Tử Miền

Trung cũng như Phật Tử ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Nhận định của ông ta về một cuộc cách mạng xã hội thật mơ hồ và cũng chẳng đưa ra một kế hoạch nào để cho cuộc cách mạng xã hội của ông đạt đến hiệu quả. Thế nhưng ông ta đã thực hiện được, cấp giấy phép cho nhiều người thân cận độc quyền nhập cảng hàng hóa và những loại xa xỉ phẩm từ nước ngoài trong mục tiêu trục lợi.

Cuộc đời binh nghiệp của ông ta chẳng bao giờ dính dáng gì đến các đảng phái quốc gia hay bất cứ tổ chức nào. Là một thanh niên tìm đường tiến thân, ông ta nhập ngũ vào ngành Không Quân của Pháp và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa của Pháp. Cung cách hoạt động chính trị của Kỳ rất khác với mọi người. Đó là nhận định của Dương Hiếu Nghĩa, một đảng viên trẻ tuổi của Đại Việt, đã đóng giữ vai trò trọng yếu trong các cuộc đảo chánh vào những năm 1963, 1964 và 1965, và cũng là ý kiến của Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, một Sư Đoàn ở địa đầu giới tuyến được xem là có khả năng chặn đứng các cuộc thâm nhập của quân cộng sản Bắc Việt vào cuối năm 1967. Trưởng xuất thân từ một gia đình hoạt động chính trị phe Quốc Gia, thành thật và được sự trọng nể hơn Kỳ. Vợ của ông Trưởng cũng là cháu của một nhà văn Việt Nam nổi tiếng vào thập niên 1930, Nguyễn Tường Tam.

Khi Ellsworth Bunker đến nhận Đại Sứ tại Sài Gòn thì đối thủ quyền lực của Kỳ là Nguyễn Văn Thiệu, đang giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quân Lực và rồi trở thành người nắm giữ quyền lực tối cao về Quân Đội và Hành Chánh. Thiệu lúc nào cũng chừng mực hơn là thích nói nhiều và thích “nổ” như Kỳ. Thiệu luôn luôn đứng giữa

hai phía người Quốc Gia và phía tự nhận là thành phần đứng giữa. Chính phủ này là đầu mối dẫn Quân Đội đến sự chia rẽ theo hai khuynh hướng chính trị khác nhau.

Anh của ông Thiệu là Nguyễn Văn Kiểu, là đảng viên Đại Việt trong nhiều năm. Và chính cá nhân ông Thiệu cũng gia nhập Đại Việt vào tháng 11.1963 sau vụ đảo chánh ông Diệm thành công. Thế nhưng trong khi ông Khánh tìm mọi cách để lũng đoạn và phân hóa thành phần lãnh đạo đảng Đại Việt và đưa những sĩ quan thân cận với ông ta nắm giữ những chức vụ trọng yếu thì ông Thiệu lại sắc sảo hơn, tránh xa mọi hoạt động của đảng Đại Việt. Ông Thiệu cũng chưa bao giờ giật sập những chiếc cầu nối liền sự quan hệ giữa Đại Việt và quần chúng ở cả ba miền (miền cận Bắc, Miền Trung và Miền Nam).

Trong cuộc đảo chánh lật đổ Khánh, ông Kỳ không phải là đối tượng nhắm đến vì lẽ ông ta không phải là người của Khánh và cũng không dùng thủ đoạn đối với Đại Việt Miền Nam cũng như các tổ chức khác. Vào tháng 7.1965 khi ông Thiệu nắm giữ Hội Đồng Tướng Lãnh còn Kỳ thì nắm giữ Hội Đồng Chính Phủ, tinh thần Quân Đội tại xứ này xuống thấp đến nỗi dường như không còn đủ khả năng để ổn định tình hình chính trị tại Sài Gòn. Làm thế nào để tập trung mọi nỗ lực cho cuộc chiến tranh? Đó là mối âu lo mà những người làm cuộc đảo chánh Đại Việt Miền Nam mà Nguyễn Ngọc Huy là tiêu biểu, phải tìm kiếm. Và quyết định sau cùng là thúc đẩy một cuộc cải tổ hiến pháp và bầu cử.

Theo họ, chỉ còn có con đường đó mới loại bỏ dần quyền lực của Kỳ và những thân cận của ông ta, hình thành một chính phủ bao gồm nhiều khuynh hướng dị

biệt về đảng phái chính trị và tôn giáo tại Trung Ương cũng như Địa Phương, làm cho người Mỹ thấy được những chuyển biến chính trị mới tại Miền Nam Việt Nam để họ vẫn tiếp tục hỗ trợ cuộc chiến, tập trung được sức mạnh để giữ vững nền an ninh tại nông thôn. Và cũng từ đó, bắt đầu từ giữa năm 1965, không còn cuộc đảo chánh nào xảy ra tại Sài Gòn.

Kỳ và một số Tướng lãnh như ông, muốn trút cả gánh nặng chiến tranh và cuộc chiến đấu chống sự xâm lăng từ Hà Nội cho phía Hoa Kỳ. Họ không muốn Miền Nam Việt Nam lãnh trách nhiệm chủ yếu về cuộc chiến và cũng cảm thấy không mấy sốt sắng trong viễn tượng Miền Nam sẽ có những cuộc bầu cử và để quyền lực và những lợi nhuận của họ bị mất dần.

Nhưng Bunker thì trái lại. Ông ta nghĩ rằng muốn chuyển đổi từ một trạng thái tiêu cực sang tích cực của người Mỹ trong nỗ lực về chiến tranh, là phải thúc đẩy Miền Nam Việt Nam vào một guồng máy chính trị mà mọi người đều tham dự. Và dưới một hệ thống chính trị như thế thì mọi khuynh hướng chính trị của người Miền Nam Việt Nam mới được kết hợp, tạo thành sức mạnh để đương đầu với sự xâm lăng của cộng sản Bắc Việt. Và cũng chỉ có con đường ấy thì đồng bào Miền Nam Việt Nam mới đứng sau lưng chính phủ và Quân Đội để hỗ trợ trong công cuộc tự bảo vệ với cộng sản sau khi quân đội Hoa Kỳ đã triệt thoái về nước.

Ellsworth Bunker không còn cách nào khác hơn là phải thực hiện tiến trình đó, một tiến trình mà theo ông không phải là để can dự vào vấn đề của một dân tộc khác mà ngược lại, thúc đẩy cải tổ chính trị sâu rộng và sẽ

mang đến lợi ích thiết thực cho dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Thế nhưng Bunker vẫn luôn quan ngại và có lẽ, ông nghĩ, cũng là một khuyết điểm, khi ông thúc đẩy một sự cải cách như vậy. Bởi vì, người Việt Nam khó có thể bắt kịp một tiến trình đổi thay nhanh chóng dưới một mô thức chính trị như ông nghĩ. Khác, một cuộc cải cách nào cũng đòi hỏi mọi người phải tuân thủ một số điều kiện và thường thì không phải ai cũng có thể chấp nhận những ràng buộc đó được. Tiến trình dân chủ hóa dễ đưa đến sự ngộ nhận một khi thúc đẩy bước tiến tới của nó quá nhanh. Mục tiêu của Ellsworth Bunker là giúp cho người dân Miền Nam thực hiện thành công một nếp sinh hoạt chính trị đa nguyên theo Hiến Pháp quy định, không nhằm Mỹ hóa một nền văn hóa lâu đời tại vùng Đông Nam Á.

Trên bước đường dân chủ hóa chính trị, ba trở ngại đã nổi bật. Trước hết, một số các Tướng lãnh chỉ huy cao cấp tại Miền Nam Việt Nam, từ năm 1965, đã chia xứ sở này thành từng vùng chịu ảnh hưởng của từng nhóm. Do đó họ không chấp nhận thi hành đúng đắn những điều mà Hiến Pháp đã quy định. Thứ đến, một vấn đề tạo nên tranh luận sôi động là Kỳ, Thiệu hay cả hai sẽ là ứng cử viên của Quân Đội ra tranh cử Tổng Thống trong cuộc bầu cử lần đầu tiên theo Hiến Pháp mới. Trở ngại thứ ba hệ trọng nhất là ai sẽ trở thành Tổng Thống, phía Quân Đội hay phía ứng cử viên dân sự?

Bunker đã tường trình với Tổng Thống rằng, nếu Hoa Kỳ thành công trong việc xây dựng được một chính phủ hợp hiến và với đà phát triển như thế, đủ để nói lên tất cả

mục tiêu của Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam là một thực thể chính trị được phát triển là một yếu tố cơ bản để hỗ trợ cho việc Hoa Kỳ rút quân chiến đấu về nước nhưng Hà Nội vẫn không thể chiến thắng trong mưu đồ xâm lăng Miền Nam Việt Nam.

THIỆU HẠ KỲ

Tháng 5.1967 tình trạng ứng cử viên Tổng Thống vẫn còn mơ hồ. Thủ Tướng và là Tướng Không Quân Kỳ tuyên bố ra tranh cử Tổng Thống trong khi đó Tướng Thiệu vẫn úp mở để thăm dò dư luận trước khi đưa ra quyết định. Thực tiễn thì Thiệu muốn phối kiểm một cách kín đáo khả năng và mức độ mà Kỳ đã được ủng hộ. Không xuất hiện nhiều trước quần chúng, đó là một điểm yếu của Thiệu để cho Kỳ có nhiều ưu thế.

Sau khi cứu xét về những diễn biến của dư luận và thăm dò qua các mối quan hệ. Thiệu lượng giá thành phần ủng hộ Kỳ không đáng quan ngại. Thiệu đã ra tay. Một mặt thì chứng tỏ đường như muốn liên kết với Kỳ và mặt khác thì tìm sự hỗ trợ về đường lối chính trị cho cá nhân ông. Thiệu đã khéo và biết cách vận động.

Tại Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ, Thiệu thân với một nhân vật là Bộ Trưởng Ngoại Giao, thường hay liên lạc với Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Qua nhà ngoại giao này, Thiệu muốn cho người Mỹ biết rằng nếu Hoa Kỳ tán đồng nhà ngoại này sẽ là một Tổng Thống dân sự đắc cử trong tương lai thì ông sẽ không ra tranh cử. Thiệu muốn thăm dò quan điểm của người Mỹ.

Các nhân viên Tòa Đại Sứ của Bunker thì luôn quan tâm về sự bất đồng giữa Thiệu và Kỳ. Bởi vì nếu cả hai cùng ra

tranh cử chắc chắn hàng ngũ Quân Đội sẽ bị xé đôi và các Tướng lãnh sẽ dành nhiều thời gian lo bảo vệ chiếc ghế của họ tại Sài Gòn hơn là lo đối đầu với cộng quân.

Tại hội nghị thượng đỉnh Guam, Tổng Thống Johnson trong lần gặp gỡ riêng tư, đã nói với hai nhà lãnh đạo cao cấp Việt Nam “Đây là thời điểm các anh phải sát cánh với nhau. Nếu không, các anh sẽ gặp nhiều trở ngại”.

Mặt khác, nếu phe Quân Đội hợp thành một ứng cử viên duy nhất, thì viễn ảnh đắc cử của một ứng cử viên Tổng Thống dân sự khó có thể thành công được và rồi hố sâu chia rẽ và ngăn cách giữa Tướng lãnh và những nhà lãnh đạo dân sự ắt phải xảy đến, đưa đến tình trạng bất ổn định, như trường hợp sau vụ đảo chánh Ngô Đình Diệm vào năm 1963, Bunker khuyến cáo Thiệu là quan điểm của Washington mong muốn Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa phải đoàn kết và đứng ra ngoài những cuộc tranh chấp chính trị.

Tham vọng của Thiệu là muốn dung hòa cán cân quyền lực giữa các Tướng lãnh và những chính trị gia, thành phần mà từ hai năm vừa qua họ không được tham chánh. Luật ứng cử Tổng Thống sẽ thỏa mãn yêu cầu của các ứng cử viên dân sự lẫn quân sự. Quốc Hội lập hiến Miền Nam Việt Nam đã soạn thảo Bản Hiến Pháp nhưng chưa chấp nhận một luật bầu cử. Bản soạn thảo hiện thời được xem như là luật, không đặt ra vấn đề là phải bỏ phiếu lần thứ hai trong trường hợp vòng bầu cử đầu tiên không có ứng cử viên nào đắc cử với hơn 50% tổng số cử tri. Điều đó có nghĩa là, một Tổng Thống đắc cử chỉ cần số thăm bầu nhiều nhất mà không cần đòi hỏi phải quá bán. Điều này đã giúp cho phe Quân Đội có nhiều ưu thế bởi vì họ có

thể thắng được với số thăm nhiều nhất nhưng khó có thể thắng được với số thăm quá bán.

Trái lại, nếu có bầu cử vòng hai để có được số phiếu quá bán thì phe dân sự sẽ có nhiều lợi điểm hơn, bởi lẽ, sau vòng đầu, các phe dân sự có thể kết hợp thành một để đương đầu với phe Quân Đội cho nên dân chúng sẽ dồn phiếu cho họ nhiều hơn, thay vì phân tán cho nhiều ứng viên dân sự như ở vòng đầu.

Ngày 9 tháng 5.1967 Tướng Kỳ quyết định ra tranh cử, gặp và yêu cầu ông Thiệu hoặc đứng chung liên danh với ông ta hoặc đứng ra tranh cử để tạo sự đoàn kết trong Quân Đội. Thiệu trả lời lập lờ là rất đồng ý với Kỳ rằng Quân Đội phải giữ được sự đoàn kết. Thế nhưng Thiệu không nói ai sẽ là người được Quân Đội ủng hộ. Kỳ không hiểu nổi câu nói bóng gió của Thiệu.

Cùng ngày, Kỳ nói với Bunker với vẻ đầy tự tin, nếu ra tranh cử, ông sẽ đắc cử. Một cuộc thăm dò dự luật đã cho thấy quần chúng để ý tới Kỳ nhiều hơn là Thiệu. Kỳ nhấn mạnh rằng ông ta không có tham vọng cho cá nhân, nhưng vì Việt Nam đang cần có một cuộc cách mạng xã hội cho nên ông ta phải đứng ra, mang tài năng của mình để đáp ứng cho nhu cầu đó. Thái độ lưỡng lự của Thiệu về việc nên hay không nên ra tranh cử đã đẩy các Tướng lãnh phải tìm một người lãnh đạo khác, giúp cho Kỳ được thuận lợi nhiều hơn. Nhưng rồi, với cá tính thiếu điển dạm, Kỳ đã làm cho các Tướng lãnh, những người đã được ông cân nhắc giữ những chức vụ trọng yếu xa rời ông dần dần...

Bunker sau đó, đã đặt vấn đề với Kỳ là dùng áp lực của chính phủ để vận động lá phiếu là điều hoàn toàn bất lợi

trong một tiến trình dân chủ. Lời cảnh giác đó không nhằm vào việc đả kích cá nhân mà chỉ căn cứ vào một số hiện tượng đã xảy ra trong thực tiễn. Bunker luôn luôn né tránh việc phê phán với những người mà ông ta cộng tác để làm việc. Nguyên tắc của ông ta là hãy để những sự kiện tự nó nói lên những điều mà Bunker muốn tìm hiểu và qua đó lượng giá đúng được vấn đề. Bởi vậy nên Ellsworth Bunker đã đề nghị Kỳ nên tìm một chính trị gia dân sự làm ứng cử viên Phó Tổng Thống chung liên danh với ông ta. Kỳ đáp lại, ông ta ít có thiện cảm với các chính trị gia dân sự bởi vì họ luôn luôn đặt nặng vấn đề cá nhân và thiếu tinh thần trách nhiệm.

Rồi Kỳ tập trung nỗ lực để chuẩn bị cho cuộc bầu cử của ông ấy. Vấn đề đặt ra là luật bầu cử có chấp thuận cho việc phải tái tranh cử vòng nhì nếu người đứng đầu cuộc bỏ phiếu không đạt một tỷ lệ quá bán. Thiệu thì đồng ý cũng như phía Hoa Kỳ mong muốn, nhưng Quốc Hội lập hiến (trách nhiệm soạn thảo luật bầu cử này) muốn ủng hộ Kỳ nên không đặt ra. Cuộc bỏ phiếu chấp thuận không có bầu lại vòng nhì với kết quả 44 trên 34. Bị áp lực của Kỳ nên các Dân Biểu Quốc Hội lập hiến phải chấp nhận kết quả này. Trong lúc bỏ phiếu, một số Dân Biểu thuộc các Tỉnh Vùng Đồng Bằng Cửu Long đã bỏ ra ngoài để phản đối nhưng cuối cùng Kỳ vẫn thắng.

Bunker đã từng trình bày với Kỳ là Washington mong muốn, trong cuộc bầu cử sắp đến, người thắng cử sẽ đạt được số phiếu tối đa để chứng minh cho thế giới thấy rằng, vị thắng cử đã được đồng bào Miền Nam tín nhiệm. Ngược lại, nếu không có cuộc bầu cử vòng hai, để đạt con số quá bán, uy tín của vị Tổng Thống vừa đắc cử sẽ

bị giam sát rất nhiều. Đáp lại, Kỳ cho rằng, bất cứ ai mà đạt được 40 phần trăm số phiếu, là điều quá lý tưởng và mong ước của đồng bào Việt Nam rồi.

Còn về bầu cử vòng nhì như Bunker đề nghị thì theo ý Kỳ, chỉ tạo cơ hội để những người cộng sản phá hoại mà thôi. Bunker cảm thấy thất vọng.

Cao điểm trong chiến dịch vận động, Kỳ quyết định là chính phủ tặng cho tất cả các Quân Nhân và Công Chức Cán Bộ thêm tiền để mua gạo cho gia đình họ. Mặt khác, ông ta cũng muốn những gia đình nghèo được quyền mua các cổ phiếu ở các công ty quốc doanh. Ngày 12 tháng 5.1967 ông Kỳ công bố chính thức việc ứng cử của ông. Ông nói với báo chí: “Tôi không nghĩ là Tướng Thiệu sẽ ra tranh cử”. Rồi ông nhún vai, nói thêm dường như ra vẻ hối tiếc: “Không có một điều gì được gọi là chắc chắn ở Việt Nam”. Bunker thì hiểu rằng Thiệu chưa đưa ra quyết định dứt khoát.

Kỳ trở nên một nhân vật sáng giá do lực lượng Không Quân của ông ta đã đóng giữ những vai trò chủ động trong những lần đảo chánh sau vụ lật đổ chính thể ông Diệm. Kỳ cũng là nhân vật chủ chốt đã đẩy ông Trần Văn Hương ra khỏi ghế Thủ Tướng năm 1965. Rồi tiếp theo là năm 1966, với chức vụ Thủ Tướng, ông ta đã tái lập trật tự an ninh ở hai Thành Phố Huế và Đà Nẵng thuộc Miền Trung Việt Nam do một số đơn vị Quân Đội thân Phật Giáo phá rối, chiếm giữ.

Vừa là một Thủ Tướng do Hội Đồng Quân Nhân chỉ định, Kỳ cũng vừa là Tư Lệnh Không Quân. Sinh ra ở một Tỉnh phía Bắc của Hà Nội, người vợ đầu của ông ta gốc Pháp lai Algérie. Sau khi ly dị, ông tái kết hôn với một

nữ chiêu đãi viên khá duyên dáng của Hàng Không Việt Nam. Không sâu sắc, xông xáo, hình ảnh Kỳ như thể một người chơi khúc côn cầu. Ham đánh bài, thích đá gà, mê xe thể thao, ưa sống về đêm là những đam mê của ông ta. Con người ấy, thế mà lại ra tranh cử chức Tổng Thống Miền Nam Việt Nam.

Quân Đội Miền Nam Việt Nam bị phân hóa thành nhiều khuynh hướng. Ellsworth Bunker đã nói với Tổng Thống Johnson, ông ta hy vọng là chỉ gây ảnh hưởng đến những nhóm chính mà thôi để Sài Gòn vẫn giữ được hướng đi chính trị chủ yếu và tránh thúc đẩy Miền Nam phải thực hiện những bước chính trị “quá rộng và quá sâu”. Do thế mà Bunker đã trao đổi với Kỳ và Thiệu một cách riêng rẽ, để tìm hiểu về cuộc bầu cử sắp tới. Cuộc trao đổi hoàn toàn bằng tiếng Anh.

Ở mỗi người, Bunker thường thảo luận, dự phóng những hậu quả có thể xảy ra và tìm hiểu xem mỗi người đưa ra cách giải quyết nào tốt nhất. Bunker cũng đặt vấn đề, là dù Kỳ hay Thiệu đắc cử, mà không giải quyết được những khó khăn của đất nước và không tập trung nỗ lực của dân chúng Miền Nam Việt Nam để nhận lấy trách nhiệm của cuộc chiến thì sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp ngay tới Hoa Kỳ cũng như các nước Đồng Minh đặc biệt là Úc và Tân Tây Lan. Bởi vì viện trợ của các nước Đồng Minh đặt nền tảng căn cứ trên thiện chí của nước được nhận viện trợ.

Hơn thế nữa, những ai đã từng vận dụng dư luận trên khắp thế giới để hỗ trợ Miền Nam Việt Nam chống lại sự xâm lăng của Hà Nội đều mong muốn nhìn thấy những chứng cứ hiển nhiên là Miền Nam Việt Nam đã có những

tiến triển đích thực. Đó là quyền lợi hỗ trợ, Bunker nói tiếp, và đó cũng là điều tối quan trọng theo ông nghĩ.

Bunker không tin tưởng hoàn toàn những nhà lãnh đạo Việt Nam có thể chia sẻ những điều ông trình bày. Ông nói với tôi như vậy. Nhưng theo ông, không còn cách chọn lựa nào khác hơn là đành phải tin tưởng nơi họ. Trong bất cứ trường hợp nào có dịp gặp, ông đều nói với hai nhà lãnh đạo Việt Nam, bốn phần của ông chỉ là giúp cho hai nhà lãnh đạo phục vụ cho xứ sở họ tốt nhất.

Trong cuộc đời ngoại giao, Bunker đã tự tìm cho mình một cách thế riêng. Theo ông, hàng rào ngôn ngữ và văn hóa có thể vượt qua suôn sẻ nếu chúng ta đặt thẳng vấn đề quyền lợi và giá trị thực tiễn với người đối diện. Ông nhận định, tâm lý thương tình của con người, dù là đàn ông hay đàn bà, ở bất cứ đâu, cũng là điểm khó khăn nhất của một nhà thương thuyết, là làm thế nào để mọi người đều nhìn thấy mấu chốt của vấn đề và cùng bắt tay giải quyết trên căn bản tất cả đều có lợi. Khi đã có những cảm thông từ bước đầu, tâm hồn sẽ mở rộng, và mong muốn tìm hiểu quan điểm của người khác và điểm quan trọng là họ thật sự muốn lắng nghe. Tất nhiên là họ không bao giờ ngừng nghi ngờ những lý lẽ mà phía bên kia vừa trình bày. Một nhà thương thuyết thành công là phải điều hợp những vấn đề như thế.

Ellsworth Bunker nói với tôi, có một lần, do một nhà hàng dầu tên ở Brattleboro, Vermont, bảo trợ, ông đã dùng cơm tối với một số người Việt Nam mà ông đã từng quen biết trước kia, luôn cả Thiệu và Kỳ, nhân đó ông nhắc lại: “Tôi đã báo động để các ông tự cứu, những gì một khi nó xảy ra, thì các ông chẳng còn gia đình, xã hội, chính phủ

và ngay cả chính bản thân các ông nữa. Nói lên điều này, tôi cố gắng để chứng minh rằng những điều tôi nói trước kia đều đặt trên nền tảng ích lợi chung và tình chiến hữu”.

Trở ngược lại Sài Gòn vào thời điểm 1967, Ellsworth Bunker luôn dùng cách ngoại giao riêng của ông và ông luôn luôn tự kiểm chế. Sau nhiều đắn đo, Thiệu cuối cùng quyết định ra tranh cử. Bunker hoàn toàn thất vọng. Không phải thất vọng vì hiềm khích cá nhân giữa hai người mà e ngại sự chia rẽ giữa hai viên Tướng này sẽ làm dư luận Hoa Kỳ vào một đất nước chiến tranh lại xảy ra tình huống như thế, liệu có còn nên tiếp tục nữa hay không? Thật ra Bunker cũng biết được giữa Kỳ và Thiệu đang có sự đối đầu thế nhưng ông nghĩ rằng, sẽ không lộ liễu và ông hy vọng sẽ tạo cơ hội để hai người tự giải quyết. Sự kiện hai người cùng tranh cử vượt ra ngoài dự đoán của ông Bunker.

Bunker mở cuộc tiếp xúc riêng với Kỳ ngày 30 tháng 5 và yêu cầu Kỳ nên để cho cuộc bầu cử được công bình, sự vận động tranh cử nên ngay thẳng và báo chí phải được đối xử bình đẳng trong vấn đề kiểm duyệt. Nhà ngoại giao Mỹ già này không quan tâm về những cá tính của Kỳ: Chủ quan, phản ứng bén nhạy, thích biện luận nhưng lại không sâu sắc, thường hời hợt trong mọi vấn đề, nhưng ông chỉ mong mọi việc diễn tiến trong tinh thần tôn trọng luật pháp.

Khi Bunker đề nghị Kỳ nên gặp Thiệu để tìm cách giải hòa những dị biệt giữa hai người, Kỳ trả lời, ông ta đã mời Thiệu đến gặp ông ta cùng 10 Tướng lãnh khác để thảo luận về những dị biệt này nhưng Thiệu đã cáo lỗi vì lý do “bệnh nặng”.

Thiệu thận trọng hơn, nhờ người anh của ông ta nói với một cộng tác viên dân sự thân cận với Kỳ, dàn xếp bất đồng hai người để chỉ còn một người ra tranh cử. Cả hai người làm trung gian ấy đều báo cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ biết nội dung những cuộc thảo luận giữa hai bên. Sau đó Bunker đã yêu cầu Tổng Thống Johnson là hãy để cho người Việt giải quyết chuyện của họ theo cung cách riêng của họ. Người đại diện cho Kỳ đã có lần giải thích cho Bunker biết rằng những bất đồng cần phải thảo luận nhiều thời gian nhưng Hoa Kỳ nên hiểu rằng đó là tập quán riêng của người Á Đông.

Để tìm một sự thỏa hiệp, Kỳ đưa ra giải pháp, nếu Thiệu không ra tranh cử thì Kỳ sẽ vận động để Thiệu trở thành Tư Lệnh Quân Đội hay giữ chức Chủ tịch Thượng Viện. Thiệu không bằng lòng. Thiệu nói với Bunker, ông ta cảm thấy danh dự bị tổn thương khi bài phát biểu của ông bị phe cánh Kỳ, do một viên Tướng làm Bộ Trưởng Thông Tin, kiểm duyệt bỏ. Ngoài ra còn một viên Tướng khác của Kỳ làm Bộ Trưởng Phát Triển Nông Thôn đã yêu cầu Thiệu rút lui đi để cho mình Kỳ ứng cử.

Người anh của Thiệu đã cho Tòa Đại Sứ Mỹ biết là các bà vợ của một số Tướng lãnh quan trọng đã vô cùng bức tức. Một số các bà, theo lời người anh của Thiệu, đã chỉ huy các ông chồng. Bunker không ngạc nhiên. Mặc dù chưa thấy những chứng cứ hiển nhiên nhưng ông luôn cảm nghiệm được quyền lực của các bà vợ trong xã hội Việt Nam.

Trong khi Thiệu và Kỳ đang tranh luận thì một vị nhân sĩ thuộc miền Đồng Bằng Sông Cửu Long là Cụ Trần Văn Hương cũng quyết định ra tranh cử. Ông Hương 64 tuổi,

là một nhà giáo, dưới thời Pháp dạy tại một Trường Trung Học khá nổi tiếng, nhiều khuôn mặt chính trị Miền Nam xuất thân từ Trường này, thuộc Vùng Đồng Bằng Cửu Long. Năm 1954 ông được mọi người thương mến khi làm Đô Trưởng Sài Gòn. Cuộc sống của ông trầm lặng. Tháng 4 năm 1960 ông đã ký tên trong bản hiến chương kêu gọi Tổng Thống Diệm cải cách. Sau đó ông bị Cảnh Sát của ông Diệm bắt trong cuộc đảo chánh không thành công vào tháng 11.

Năm 1964 ông trở thành Thủ Tướng. Vì tham vọng của Khánh, chính phủ của ông bị lật đổ do đó chức vụ Thủ Tướng của ông được có ba tháng. Những thành phần Phật Tử quá khích và các Tướng lãnh thân cận với Khánh xem Nội Các của ông Hương là “quá yếu”. Ông Hương thiếu sự thông minh bén nhạy nhưng có nhận định chính xác, bao quát, sâu sắc và có nhiều người tận tụy theo ông.

Kỳ tiếp tục tìm kiếm sự hỗ trợ. Lợi dụng tình trạng khối Phật Giáo Hòa Hảo bị chia đôi, Kỳ đã vận động gần một triệu tín đồ tôn giáo này ủng hộ ông ta. Để kiếm thêm phiếu, Kỳ hứa với Cộng Đồng Người Hoa nếu người Việt gốc Hoa chịu bỏ phiếu cho ông ta thì Kỳ sẽ hậu thuẫn cho việc trả lại bất động sản bị quốc hữu hóa dưới thời ông Diệm những năm trước đó.

Kỳ cũng tiếp xúc với lãnh tụ Tổng Liên Đoàn Lao Động, một nhóm Công Giáo, một hệ phái của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông ta cũng ký một điều luật cấm chủ đất không được thu lại tiền cho thuê ở những vùng bị cộng sản kiểm soát. Xuất hiện trước quần chúng, Kỳ lấy hết tiền trong túi ra để cho kẻ nghèo khó. Nhưng khi rời khỏi đám đông, người phụ tá của Kỳ lại lấy tiền bỏ vào đầy túi

ông ta. Trên tay Kỳ lúc nào cũng có điều thuốc Salem cầm đúng kiểu cách.

Thiệu bây giờ mới bắt đầu nhập cuộc. Vợ Thiệu mở những cuộc viếng thăm Viện Mổ Còi và Trường Học.

Có lần Bunker nhấn mạnh Kỳ là hãy quan tâm về Thiệu, Kỳ liền đáp: “Ông đừng có lo ngại. Đây cũng chẳng khác nào một cuốn phim cao bồi miền Tây nước Mỹ mà thôi”. Kỳ tiếp: “Mọi việc đều diễn ra tốt đẹp khi kết thúc”.

Trong bản tường trình cuộc đàm thoại này với Tổng Thống Johnson, Bunker nhận định rằng ông hy vọng mọi diễn biến sẽ không đến nỗi bị đổ vỡ.

Thế những Thiệu và Kỳ không thể nào có thể trao đổi một cách thẳng thắn với nhau dù là vấn đề cá nhân hay về quan điểm chính trị. Mỗi quan hệ hạn hẹp giữa hai người là một trở ngại trong việc thực hiện những mục tiêu quan trọng, chẳng hạn việc đoàn kết được Quân Đội, nhưng lại là nét đặc trưng rất Việt Nam giữa hai người.

Đầu tháng 6, Kỳ lại tái xác định với Bunker là ông ta dự định gặp Thiệu để giải quyết những bất đồng. Nhưng thiện ý của ông ta chỉ là thiện ý của phân nửa trái tim. Bunker vẫn cố thuyết phục với các Tướng lãnh là hãy đứng ra ngoài sự tranh chấp của Kỳ và Thiệu. Ông đã chuẩn bị một cuộc trao đổi với các vị Tướng lãnh này là Washington không hề xác định và ủng hộ ai sẽ là ứng cử viên Tổng Thống nhưng mối lo ngại của Hoa Kỳ là sự tranh chấp giữa hai ông sẽ đưa đến những hậu quả tại hại cho cuộc chiến hiện nay.

Ông cũng đã định nói với Kỳ, kỹ thuật vận động trong chiến dịch tranh cử của ông ta đã tạo nên một ấn tượng là thiếu sự công bằng. Viên Tư Lệnh Cảnh Sát, Tướng

Nguyễn Ngọc Loan, đã có kế hoạch dùng lực lượng Cảnh Sát ở các Tỉnh để hỗ trợ Kỳ. Loan là viên Tướng thân cận nhất của Kỳ. Mặc dù theo luật bầu cử, bích chương của các ứng cử viên chỉ phổ biến vào ngày 3 tháng 8 nhưng vì Kỳ là Thủ Tướng nên trước ngày đó, bích chương vận động của ông ta đã xuất hiện khắp nơi tại Sài Gòn. Biểu hiệu của Kỳ (con Rồng đen bay) đã xuất hiện trên Vô Tuyến Truyền Hình. Kỳ cũng nói rằng, báo chí vẫn tiếp tục bị kiểm duyệt trong suốt chiến dịch tranh cử Tổng Thống.

Cuối cùng thì Bunker, ngày 14 tháng 6, cũng phải khôn khéo nói cho Kỳ biết rằng sự khác biệt giữa một cuộc vận động tranh cử một cách công bằng với cuộc tranh cử dùng cơ sở chính quyền nhà nước làm hậu thuẫn. Kỳ bào chữa: Loan là bạn nối khố với ông ta. Và Kỳ hứa sẽ khuyến cáo Loan không sử dụng lối dùng áp lực như thế nữa.

Cũng trong ngày đó, 14 tháng 6, Bunker đã gặp Thiệu. Ông nhắc lại lời hứa của Thiệu với Johnson trong lần gặp gỡ ở Guam là không để tình trạng Quân Đội bị phân hóa do những cuộc khủng hoảng về chính trị. Thiệu cho Bunker biết thái độ của Kỳ đã làm cho ông ta bị tổn thương đến mức nào và ông ta quyết định ra tranh cử là vì lương tâm, nhân danh cá nhân chứ không phải nhân danh một Tướng lãnh trong Quân Đội. Nếu chỉ để cho Kỳ thì cuộc bầu cử sẽ không công bằng. Và với tư cách Chủ Tịch một nước, ông ta xấu hổ về điều đó.

Thiệu dẫn chứng về sự nhúng tay của Loan, không hề nói đến những thất bại của Kỳ trong thời gian ông ta cầm quyền mà khắp nơi chỉ thấy những biểu ngữ, bích chương: “Kỳ không phải là chính phủ. Hội Đồng Quân Lực mới là chính phủ. Kỳ là Chủ Tịch của Hội Đồng

này...” Thiệu cũng nói, bạn thân của Kỳ là Bộ Trưởng Phát Triển Xây Dựng Nông Thôn sẽ dùng những Cán Bộ trong những chiếc áo bà ba đen, đi sâu vào các xã, làng thay đổi lá phiếu để bỏ cho Kỳ. Kỳ sẽ trở thành một ông Diệm thứ hai nếu đắc cử. Đồng bào sẽ mất niềm tin vào chính phủ và rồi một cuộc đảo chánh và những chính biến tiếp theo sẽ tái diễn.

Trước đó, Thiệu đã nói với Bunker, ước vọng của ông ta là tách rời Quân Đội khỏi chính trị. Chương trình Phát Triển và Bình Định tại nông thôn mới là điểm quan yếu về mặt chính trị để đối đầu với cán bộ cộng sản. Thiệu cũng đã xác định minh bạch rằng Kỳ là loại người không thể hoàn tất kế hoạch như thế.

Ngày mà Thiệu chính thức công bố trước dân chúng rằng ông ta sẽ ra tranh cử Tổng Thống, Thiệu kêu gọi cần phải có một cuộc bầu cử công bình và lương thiện. Thiệu đã tồn tại sau bao lần chính phủ đổi đời kể từ khi lật đổ ông Diệm hồi tháng 11.1963. Ông ta luôn luôn giữ một khoảng cách với bất cứ tổ chức chính trị nào kể từ khi trở lại Đạo Công Giáo, theo đạo của vợ ông ta. Thiệu cũng là đảng viên đảng Đại Việt và anh của ông là một thành viên sáng lập về sự cải cách của đảng này tại phân bộ Miền Nam.

Thiệu cũng từng theo mặt trận Việt Minh năm 1945 thời chống Pháp nhưng sau đó đã từ bỏ bởi vì cán bộ Việt Minh đã ám sát những thành phần đối lập và triệt tiêu hội đồng bộ lão trong làng của ông. Sau đó Thiệu được huấn luyện để trở thành một sĩ quan chống cộng trong hàng ngũ Quân Đội sau năm 1949 dưới thời Vua Bảo Đại để đương đầu với lực lượng của Hồ Chí Minh.

Sinh trưởng trong một ngôi làng mà vách nhà chỉ được đắp bằng rơm rạ trộn bùn, nằm giữa núi và biển ở Miền Trung Việt Nam, Thiệu đã cưới một cô gái, năm 1951, thuộc gia đình khá giả, nổi tiếng tại Đồng Bằng Sông Cửu Long. Thân phụ ông là một người lúc nào cũng nghiêm khắc và kỷ luật. Thiệu nhớ lại, hồi còn bé, lúc nào ông cũng bị người cha già kèm chế, kiểm soát.

Với vầng trán cao do hói tóc đã tạo cho Thiệu dáng vẻ của một nhà giáo khi ông ta cầm chiếc gậy thước lá. Dưới thời Diệm, ông ta cũng được tín cẩn và trao cho ông ta đảm nhiệm hai lần chức Tư Lệnh hai Sư Đoàn khác nhau. Năm 1962 Diệm còn trao cho Thiệu trách nhiệm Tư Lệnh một Sư Đoàn phòng vệ Sài Gòn để ngăn ngừa những cuộc đảo chánh. Nhưng trong vụ đảo chánh Diệm tháng 11.1963 Thiệu đã chuyển các đơn vị thuộc Sư Đoàn này ra Miền Trung.

Để tìm ưu thế, Thiệu đưa ra chủ đề về một cuộc bầu cử trong sạch để chống lại Kỳ. Mặt khác, Quốc Hội lập hiến cũng bỏ phiếu chấp thuận yêu cầu chính phủ hủy bỏ việc kiểm duyệt báo chí. Phản ứng lại, vào cuối tháng 6, Kỳ cũng đã tuyên bố trước công chúng là cần phải có một cuộc bầu cử tự do và trong sạch. Tối thiểu đây cũng là những lời nói đúng đắn của ông ta. Kỳ khẳng định và chỉ thị, phải có một cuộc bầu cử lương thiện và đáng được hoan nghênh. Nhưng Bunker thì hiểu rằng đó chỉ là những điều Kỳ nói chứ chưa phải là những điều mà chính phủ của Kỳ thực hiện.

Giữa lúc Kỳ và Thiệu bày tỏ những bất đồng công khai. Bunker đã mời cả hai người dùng một bữa ăn trưa. Cùng dự bữa ăn này còn có Tướng Tổng Tham Mưu Trường

Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa và Tướng Westmoreland. Bunker nghĩ rằng với sự có mặt của hai nhân vật cao cấp nhất của Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam, Washington muốn chứng tỏ mối quan tâm sâu xa là suốt trong thời gian bầu cử, lực lượng Quân Đội Miền Nam Việt Nam đứng ngoài cuộc tranh chấp chính trị, để tập trung mọi nỗ lực để thi hành trách nhiệm mà Quân Đội đã được trao phó và tiến hành Chương Trình Bình Định một cách hiệu quả hơn. Ngày hôm ấy, với bữa ăn trưa thì Thiệu có “đủ sức khỏe” để đi dự buổi lễ kỷ niệm hai năm ngày Hội Đồng Quân Lực đảm nhận trách nhiệm lãnh đạo đất nước do Kỳ tổ chức.

Kết quả cuộc thảo luận trong bữa ăn trưa ấy được coi là tốt đẹp ngoài sức tiên liệu mà Ellsworth Bunker đã dự tính. Họ đã trao đổi trong tinh thần tương kính trong suốt hai giờ rưỡi và trong bầu không khí cởi mở. Các nhà lãnh đạo Việt Nam hứa là sẽ mở rộng thêm các cuộc hành quân, thỏa thuận mà Bunker không ngờ đến, và cũng đồng ý sẽ gọi động viên thêm Quân Đội sau khi cuộc bầu cử chấm dứt.

Bunker cũng đề nghị cả ba vị khách quan trọng nhất của Việt Nam hiện diện trong bữa ăn trưa là hãy cùng đưa ra một bản kêu gọi là lực lượng Quân Đội phải đứng ngoài trong chiến dịch vận động bầu cử sắp tới. Bản nhận định như thế, theo Ellsworth Bunker, phải được phổ biến đến sĩ quan các cấp và các Tư Lệnh Sư Đoàn và Quân Đoàn phải có trách nhiệm thi hành lời kêu gọi này.

Vị Đại Sứ Hoa Kỳ cũng nói rõ rằng, một cuộc bầu cử trong sạch và Quân Đội không nhúng tay vào cuộc vận động bầu cử này là một yếu tố cần thiết để Hoa Kỳ tiếp

tục hỗ trợ. Dân chúng Hoa Kỳ, Bunker nói tiếp, khó có thể tiếp tục một cuộc chiến đấu cho Việt Nam nếu một khi Quân Đội Miền Nam đảo ngược nhiệm vụ quan yếu của họ để quay sang chiến đấu trong mục tiêu tranh giành ảnh hưởng về chính trị.

Kỳ và Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội đồng ý những đề nghị mà Bunker đưa ra nhưng Thiệu thì còn một chút lưỡng lự. Ông ta nghĩ rằng, một lời kêu gọi như thế chỉ nên phổ biến theo hệ thống thông thường trong Quân Đội là đủ rồi.

Cuộc trao đổi giữa Ellsworth Bunker với hai ông Thiệu, Kỳ luôn luôn được diễn ra trong tinh thần tương kính và giống như một dịch vụ thương mại, nhưng Bunker không thể nói được rằng, rồi sau đó, hai nhà lãnh đạo Việt Nam này có thật sự cảm thông được với nhau không hay đó chỉ là sự gắn liền tạm bợ, nhất thời.

Trong cuộc hội nghị thượng đỉnh ở Guam hồi tháng 3, Kỳ đã tạo cho ông Bunker một sự mạnh mẽ về ông, Kỳ nói tiếng Anh lưu loát hơn Thiệu và linh hoạt hơn đối thủ của ông ta. Kỳ lại có điều kiện nói nhiều hơn khi điều hành guồng máy chính phủ. Nhưng khi phân tích điểm mạnh và điểm yếu giữa hai người, Ellsworth Bunker lại hoàn toàn nhận định rằng Thiệu là con người có khả năng và sâu sắc hơn Kỳ. Kỳ có nhiều kịch tính hơn, bay bướm hơn và có nhận xét ở mặt nổi của vấn đề. Sự thông minh và khôn ngoan của Thiệu vượt trội hơn Kỳ. Thiệu luôn luôn đi thẳng vào vấn đề, nói ngay với người đối thoại những điều mà ông ta không đồng ý.

Bunker ít tin vào sự thẳng thắn của Kỳ. Người Việt Nam này có thể nói với bạn những điều mà ông ta nghĩ,

là bạn muốn nghe, nhưng sau đó Kỳ làm theo cách của ông ta. Kỳ thiếu tinh thần trách nhiệm và thiếu những dự đoán hơn đối thủ của ông ta. Nói một cách khác, một khi Thiệu thấy một chương trình không thể thực hiện được, ông ta từ chối ngay và vấn đề đó có thể mang ra thảo luận cho đến khi nào mọi người đều đồng ý và chấp nhận cho thông qua. Bunker không thể tìm thấy những điều tương tự như thế ở Kỳ.

Thiệu thường nghiêm trang nhưng vẫn có chất khôi hài. Thông thường, nếu có những ý kiến hay chợt đến. Thiệu luôn luôn ghi nhớ rồi tự suy nghĩ chín chắn. Trái lại, Kỳ có thể khởi đầu ngay bất cứ vấn đề gì. Kỳ luôn luôn có những ý kiến nhưng thường là những ý kiến không đúng chỗ. Ellsworth Bunker đoán Kỳ có khả năng tạo nên sự xúc động ở một vấn đề nào đó.

Lẽ tất nhiên, khi người Việt Nam tùy thuộc vào sức mạnh của Hoa Kỳ thì những nhà lãnh đạo Việt Nam hẳn phải quan tâm đến những gì mà vị Đại Sứ Hoa Kỳ muốn trình bày dù thực tình họ không đồng ý. Hiểu được trở ngại về mặt tâm lý đó mà mở rộng mối quan hệ với những nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam, Ellsworth Bunker luôn luôn cố gắng lắng nghe một cách cẩn trọng để xóa bỏ những ngờ vực, mang đến niềm tin giữa những người mà ông ta thường giao tiếp. Lắng nghe đã là điều quan trọng nhưng làm sao để những cuộc đối thoại diễn ra trong tinh thần tương kính và những vấn đề được trình bày qua thái độ biết tự chế, đó là nét đặc thù nổi bật mà Bunker tự huấn luyện và học hỏi qua nhiều năm kinh nghiệm của ông.

Tôi tự thấy hãnh diện khi tôi và Bunker, cả hai đi vào

một vấn đề, điều hệ trọng trong cuộc sống là làm thế nào để đời mình được luôn trong sạch và lương thiện. Cả đời Bunker luôn tìm và giữ lấy mục tiêu đó. Còn tôi, với niềm tin vào sự phán đoán và hiểu biết của mình, đã làm tôi xúc động khi nhận chân ra được cung cách làm việc của Bunker.

Ngày 27 tháng 6, Tướng hồi hưu Dương Văn Minh người lãnh đạo cuộc đảo chánh và chấm dứt chế độ Ngô Đình Diệm vào tháng 11 năm 1963, bắt chột tuyên bố từ nơi ông đang bị lưu vong ở Bangkok, Thái Lan, là ông ta muốn ra tranh cử Tổng Thống tại Miền Nam Việt Nam. Ông ta chỉ trích chính phủ Quân Nhân Thiệu-Kỳ là không đủ khả năng. Chính lời tuyên bố của Minh khiến Thiệu-Kỳ phải đứng chung liên danh.

Đơn ứng cử Tổng Thống sẽ hết hạn nộp vào ngày thứ hai 30 tháng 6. Một tuần trước thời hạn chót, các Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam đã triệu tập một phiên họp của Hội Đồng Quân Nhân để giải quyết những bất đồng giữa Thiệu và Kỳ. Hội đồng này không phải là một chính phủ nhưng là một tập hợp bao gồm đủ 48 Tướng lãnh thiết lập nên chính sách và chọn người lãnh đạo về mặt chính trị. Sự tái xuất hiện của Tướng Minh đã làm cho các Tướng lãnh trong Hội Đồng này bối rối e ngại. Ông Minh có thể được sự ủng hộ của các tổ chức Phật Giáo và nhiều chính trị gia nổi tiếng thuộc những gia đình quý phái ở miền Đồng Bằng Sông Cửu Long. Phần lớn các Tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Lực này không được xuất thân từ những gia đình giàu dưới thời Pháp thuộc do đó bước đường chính trị của ông Minh được thành phần xã hội này ủng hộ. Không có một Tướng lãnh nào trẻ tuổi được

cử giữ những chức vụ chỉ huy cao cấp trong thời chiến tranh Pháp và Việt Minh ngoại trừ Tướng Minh và một số nhỏ Tướng lãnh thân cận với ông ta. Là những sĩ quan trung cấp thời đảo chánh 1963 và họ đã nhoi lên nắm quyền lực sau 1964 là khi ông Minh và các cộng sự của ông bị hất ra khỏi chính trường.

Việc Tướng Minh bất chợt muốn trở lại quyền lực làm cho số Tướng lãnh kia e ngại là nếu hai ông Thiệu và Kỳ cùng ra tranh cử riêng rẽ thì số phiếu ủng hộ của Quân Đội sẽ bị chia đôi, như thế cuối cùng Tướng Minh sẽ là người thắng cuộc. Do đó các Tướng lãnh trẻ đã yêu cầu hai ông Thiệu và Kỳ, vì lợi ích chung, hai ông phải dung hòa những khác biệt.

Đầu tiên Hội Đồng loan báo, vì đe dọa đến an ninh quốc gia, nên không cho phép Tướng Minh trở lại quê hương. Kế đến, Kỳ được chỉ định ra tranh cử, còn Thiệu rút ra khỏi cuộc tranh cử để trở thành Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội. Đó là quyết định của Hội Đồng.

Thiệu rời khỏi phòng họp và suy nghĩ. Rồi ông ta trở lại với một sự xúc động, gần như khóc và nói với trước Hội Đồng rằng, ông ta sẽ xin từ nhiệm trong Quân Đội để ra tranh cử với tư cách cá nhân và dân sự. Với tư cách ấy, ông ta cho rằng sẽ không làm sức mẻ đoàn kết trong hàng ngũ Quân Nhân. Thiệu cũng cáo buộc các Tướng lãnh là thiếu tinh thần trách nhiệm với ông ta và không biện minh cho ông ta đã là Nguyên Thủ Quốc Gia và bây giờ không thể yêu cầu ông nắm giữ chức vụ của một phụ tá, một chức vụ mà người phụ tá ông xin rút lui và bỏ trống vào tháng 5 trước đó.

Thiệu cũng kết án những cộng tác viên của Kỳ và cho

rằng chính những người này đã thúc đẩy các Tướng lãnh đưa đến quyết định ngày hôm nay, và chính quyết định của Hội Đồng Tướng lãnh sẽ làm chia rẽ hàng ngũ Quân Đội và làm giảm tiềm năng chiến đấu. Cuối cùng, ông ta nói với các Tướng lãnh rằng ông ta mong có một cuộc bầu cử công bằng.

Bị chỉ trích bất chợt vào những sai lầm của mình, Kỳ không đủ những lý lẽ để biện minh. Vì vậy, Kỳ tuyên bố rút lui khỏi cuộc tranh cử. Theo cách nói của người Việt Nam, Thiệu đã chuyển từ bại thành thắng. Kỳ đã chứng tỏ là con người cố leo lên những nấc thang quyền lực. Đã có lần ông ta đã bị đặt để, theo tập quán người Việt, là con người thiếu tự trọng. Và đó là cá tính của Kỳ. Nhưng ông ta biết tự trọng, lần này, tự tuyên bố rút lui cuộc tranh cử. Tất cả máy bay của ông ta bỗng dừng trở thành vô nghĩa.

Sau quyết định của Kỳ, một số Tướng lãnh đã sang một phòng hội khác để thảo luận phương thức giải quyết cuộc xung đột giữa Kỳ và Thiệu. Thiệu cảm thấy ông ta là một ứng cử viên yếu nếu ông ta đứng tranh cử một mình. Kỳ nói, ông ta sẵn sàng đứng chung liên danh với Thiệu nếu vai trò của ông ta không phải là bù nhìn. Cuối cùng, mọi người tán đồng Thiệu là ứng cử viên Tổng Thống còn Kỳ là ứng viên Phó Tổng Thống. Với chức vụ này, Kỳ có quyền thành lập Nội Các và giám sát một số hoạt động quan trọng trong guồng máy chính phủ. Một bản văn được soạn thảo và Thiệu đồng ý ký vào.

Phần lớn diễn tiến của biến cố này được viết theo Hồi Ký của một Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam, Tướng Lâm Quang Thi, một thành viên của Hội Đồng Quân Lực, có tham dự phiên họp hôm đó.

Mọi việc ổn định, sáng thứ hai, liên danh Thiệu-Kỳ đã đăng ký cùng 17 liên danh dân sự khác. Có những liên danh xứng đáng như Trần Văn Hương và đồng thời cũng có nhiều liên danh ô tạp.

Bunker cảm thấy, vào thời điểm đó, Hoa Kỳ đã may mắn vì Thiệu đã khước từ vai trò lãnh đạo Quân Đội do Hội Đồng Quân Lực đề cử để ra tranh cử Tổng Thống. Học vấn Thiệu bị giới hạn nhưng là người không hung hiểm và có tinh thần trách nhiệm. Kỳ ít kiên nhẫn hơn trong những mục tiêu lâu dài, thực hiện những điều gì mà ông ta cảm thấy có lợi và ở trong tầm tay. Thiệu kiên trì hơn và mọi hành động đều có dự tính và luôn luôn theo dõi khi thi hành. Thiệu thấy hài lòng khi công việc của ông đã được hoàn tất, Kỳ thì tìm kiếm một việc làm khác sau khi công việc ông đang làm không thành công.

Các Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam đã giải quyết sự bất đồng giữa Kỳ và Thiệu theo tập quán riêng của họ. Kỳ nói có lý, mọi việc rồi ra sẽ kết thúc trong tốt đẹp mà không phải đổ máu mặc dù ông ta không phải là người hoàn toàn chủ động.

Kết quả những cuộc thảo luận đã chỉ đưa đến những quyết định vào thời gian cuối cùng trước hạn kỳ, đó là nét đặc thù của người Việt Nam. Và những điều đó lại được tái diễn vào tháng 10 năm 1968 và tháng 10 năm 1972 trong cuộc thương thuyết tại Paris để tìm giải pháp chấm dứt cuộc chiến Việt Nam.

Vào thời điểm ấy, người ta đã không thấy hoặc cố tình không thấy những nỗ lực để cải tổ một hệ thống chính trị độc đoán mà chính quyền Miền Nam Việt Nam đã hướng đến và đã thực hiện. Kể cả nhiều nhà trí thức Việt Nam

có uy tín vẫn nghĩ rằng chính Bunker đã kiểm soát và đạo diễn tấn tuồng bầu cử Tổng Thống tại Miền Nam Việt Nam để đưa những tay sai của ông ta theo quỹ đạo của Hoa Kỳ. Tại các quán cà phê sang trọng ở Sài Gòn nơi mà những chính khách sa lòng thường tụ họp. Bunker được gọi là “phù thủy mắt xanh” để ám chỉ việc Bunker nhúng tay một cách kín đáo vào quyền lực của người Việt Nam. Nhưng Bunker lại thích một tên gọi khác mà người Việt gán cho ông ta là “Ông già tử lạnh” vì diễn tả đúng phong thái của ông.

Nhiều người Mỹ chưa từng làm việc chung với Thiệu và Kỳ, họ khó có thể tin được rằng, tại sao sự có mặt đông đảo của người Mỹ tại Việt Nam mà Hoa Kỳ lại không nhúng tay áp đặt và dàn dựng những nhân vật chính trị như người Mỹ muốn. Sự thất bại về “ưu thế” của người Mỹ đối với Miền Nam Việt Nam là một đề tài để cho nhiều tác giả của Pentagon Papers thuộc Bộ Quốc Phòng nghiên cứu vì động lực nào mà chúng ta phải can dự vào cuộc chiến. Chẳng hạn những tổn hại, cả người Việt Nam và Hoa Kỳ đều nhìn thấy, việc Thiệu ra tranh cử vẫn còn đáng dấp về chế độ độc tài nếu ông ta thắng cử hoặc một số ứng cử viên bị từ chối như trường hợp Dương Văn Minh vào năm 1967 (ông ta cũng ra tranh cử năm 1971 nhưng sau đó bỏ cuộc) hoặc việc bắt giữ những nhân vật đối lập như Trương Đình Dzu (bị thất bại trong cuộc bầu cử 1967) hoặc báo chí vẫn bị kiểm duyệt trong các cuộc bầu cử nhưng dưới hình thức khác.

Thêm vào đó, tiến trình dân chủ hóa tại Miền Nam Việt Nam lại bị xuyên tạc, bóp méo bởi những người như Frances Fitzgerald rằng tiến trình này thực chất là do

Bunker và những nhân viên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ dàn dựng để đẩy những người Miền Nam Việt Nam trở thành công cụ, đạo quân đánh thuê, chống cộng thể cho Mỹ tại Miền Nam Việt Nam, rằng một tiến trình dân chủ như thế là thiếu chính nghĩa.

Điều kỳ lạ là những nét đặc trưng của một chế độ dân chủ đã ngấm sâu ở cá tính và xã hội của người Việt Nam. Năm 1966, các Tướng lãnh lãnh đạo Miền Nam đã đồng ý là cần phải có một bản hiến pháp và một cuộc bầu cử theo đòi hỏi của dân chúng Miền Nam. Những thành phần gây rối loạn có vũ trang đã xuất hiện trên các đường phố. Những lãnh tụ Tân Đại Việt qua sự thúc đẩy của Nguyễn Ngọc Huy vẫn tiếp tục công cuộc cải cách. Điều này chứng tỏ chính quyền Miền Nam tự nhận lấy trách nhiệm mà không hề có sự áp đặt nào của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn hay một viên chức Hoa Kỳ nào khác.

Theo truyền thống Khổng Giáo, người Việt Nam nghĩ rằng khi đảm nhiệm những chức vụ được quần chúng giao phó, người đàn ông phải chứng tỏ những biệt tài về khả năng cá nhân của mình để được mọi người trọng kính. Đồng thời, tiếp thu một phần di sản của chế độ phong kiến Trung Hoa, người Việt Nam luôn luôn có tinh thần thượng tôn luật pháp, xem nặng những điều mà lễ luật và hiến pháp đòi hỏi.

Chủ nghĩa cá nhân là một trong những nét đặc thù của người Việt Nam, vì vậy họ có khuynh hướng chấp nhận một nền chính trị dân chủ hơn là một chế độ xã hội chủ nghĩa độc tài. Trong mỗi trái tim người Việt nào cũng mang tham vọng. Không ai có thể hiểu họ nếu không cảm nghiệm, trong dù bất cứ hoàn cảnh nào, điều kiện ra

sao, sự xuất hiện của họ trước quần chúng không phải là để nghe theo quần chúng mà là để đám đông phải nghe theo họ.

Thực tiễn, những bất trắc luân lý do chủ nghĩa tôn sùng cá nhân đưa đến, đã được mô tả trong một tác phẩm văn chương nổi tiếng Việt Nam, đó là truyện Kim Vân Kiều. Chuyện kể về một giai nhân sắc nước khuynh thành phải chịu nhiều gian truân để trả nợ nghiệp chướng của tiền kiếp. Định mệnh khắc nghiệt đã trói buộc nàng mãi đến khi trả xong, đời nàng mới được phẳng lặng. Truyện thơ phản ánh đức tin của một tín đồ Phật Giáo và kết thúc theo luân lý Phật dạy. Người Việt Nam phần lớn là Phật Tử do tập quán từ thế hệ trước trong gia đình truyền lại.

Được viết trước năm 1820, nhân vật chính là Thúy Kiều, con nhà khuê các, đã có những lời thề ước với người mà nàng yêu là Kim Trọng, qua một cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên. Những thề non hẹn biển giữa hai người đã không được gia đình cho phép. Nhưng cả hai đều là trai tài gái sắc nên không thể xa nhau. Rồi số phận nghiệt ngã vây phủ lấy Kiều. Thân phụ nàng bị kết án hàm oan và bị bắt. Nàng đành bán thân nhận làm vợ cho một người xa lạ để lấy tiền chuộc cứu cha nàng, rồi người đàn ông mà nàng gọi là chồng đó đã bán nàng cho một động lầu xanh sau khi đã thỏa mãn.

Cuộc đời Kiều từ đó đã bồng bềnh, trôi nổi, hết ổ điểm này sang ổ điểm khác, cho đến khi Kiều tái ngộ với Kim Trọng. Nghĩ đến đời mình như cánh hoa đã rũ tàn không còn xứng đáng với người yêu thuở trước, Kiều đành yêu cầu Kim Trọng hãy cưới em gái nàng thay cho nàng cho dù nàng vẫn còn thiết tha yêu chàng.

Phần kết thúc tập thơ Truyện Kiều, tác giả đã muốn cho chúng ta một đạo lý: Trong mỗi chúng ta, từ bản chất đã có mầm mống của sự thiện. Theo tác giả, mỗi cá nhân đều mang trách nhiệm về thân phận của mình. Định mệnh là những gì mà mỗi chúng ta mang hết khả năng để thực hiện những ước vọng của chính mình. Tất cả đều nằm trong luật Nhân Quả. Mọi điều ác đều phải nhận quả báo.

Theo nhãn quan của tín đồ Phật Giáo, con người, thông qua với những quy luật vũ trụ, có thể tự hoán cải định mệnh của chính mình. Triết thuyết Phật Giáo đã gần gũi với chủ nghĩa cá nhân ở những nơi mà những cộng đồng chính trị quốc gia không có những vai trò rộng lớn để thúc đẩy một định chế xã hội mẫu mực. Trong những xã hội ảnh hưởng Phật Giáo thường là khoan dung và độ lượng.

Truyện Kiều đồng thời cũng nói lên một nét đặc thù khác, ăn sâu trong nền văn hóa Việt Nam, bản chất của người Việt trước sự an bài của định mệnh:

Ngẫm hay muôn sự tại Trời

Bắt phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Người Việt Nam rất tin ở tướng số, tử vi. Các ông thầy tử vi thường được tham khảo trước khi họ có những quyết định quan trọng, kể cả trong lãnh vực chính trị. Quốc Hội Lập Hiến năm 1966 và năm 1967 đã có 117 Dân Biểu và Hiến Pháp cũng gồm 117 điều khoản. Bởi vì 1 cộng 1 cộng 7 là 9. Con số hên nhất.

Người Việt đồng thời cũng tin vận mạng mỗi người biểu hiện qua nét mặt, thường được gọi là tướng số.

Bunker kể lại, có người xem và cho ông ta biết, sở dĩ ông ta thành công là vì có một người đã chết luôn luôn phù hộ ông ta

Người Việt cũng tin vào địa lý ở mỗi căn nhà, văn phòng và ngay cả nơi an táng cũng rất quan trọng với người Việt. Ed Lansdale người đã hỗ trợ ông Ngô Đình Diệm nắm giữ quyền lực tại Sài Gòn vào năm 1955 sau khi đã đánh bại quân du kích cộng sản tại Phi Luật Tân, là một người chịu ảnh hưởng và cũng tin tưởng những điều này như người Việt Nam. Có lần Lansdale đã nói với Bunker rằng Dinh Độc Lập của Tổng Thống Miền Nam đã xây trên một khoảng đất không hợp với khoa địa lý. Người Pháp chẳng bao giờ quan tâm đến điều này nên đã xây cất một dinh thự trên khoảng đất ấy đầu tiên để viên chức cao cấp của Pháp ở và làm việc và cư ngụ. Vì vậy mà các Tổng Thống Miền Nam thường gặp tai họa xảy đến.

Thiệt tin vào điều đó nên có một thời gian ông ta không sống trong Dinh Độc Lập mà sống trong một căn nhà gỗ di động gọi là trailer, nhưng được trang bị đầy đủ tiện nghi, đặt trong Dinh trên một khoảng đất do thầy địa lý quyết định.

Thiệt sau đó cũng cho xây một công trường mới với một hồ nước, mà đuôi con rồng chạy hướng Trung Tâm Sài Gòn, tại con Đường Duy Tân, nhằm giảm thiểu những điều không may xảy đến cho Sài Gòn. Dân chúng cho biết, nhờ đuôi con rồng xây đó mà chính phủ Sài Gòn đã thoát qua những cuộc thăng trầm mà tồn tại vào những năm 1964 và 1965.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã sống tại Dinh Độc Lập này. Sau đó Dinh này đã bị một số sĩ quan Không Quân

ném bom và một phần Dinh bị hư hại. Diệm đã dời sang một Dinh khác có hướng địa lý tốt hơn. Gia đình Diệm có nghĩa trang tại Miền Trung Việt Nam dành riêng cho dòng họ khi qua đời. Đã nhiều năm cũng tin vào địa lý do gia đình khuyên, Diệm đã cho treo một bức ảnh lớn của ông ta trước tiền đình Tòa Đô Chính Sài Gòn, mặt quay ra bờ Sông Sài Gòn, cách đó vài con đường, ám chỉ hợp với phong thủy. Khi Diệm cho lệnh tháo gỡ bức hình ấy thì chẳng bao lâu sau, một cuộc đảo chánh đã xảy ra và ông đã bị giết hại.

Một số người Việt Nam tin rằng, vào thế kỷ thứ 19, đất nước của họ bị người Pháp đô hộ bởi vì một vị vua vào thời ấy đã ra lệnh cho xây lăng tẩm của ông ta ngay tại nơi mà khi sinh tiền, ông ta thường ngày dùng làm chỗ ngâm đọc thơ và uống trà. Hình thể khoảng đất ấy xây lăng tẩm đã không đúng cách để có thể hưởng những phúc lộc và truyền lại cho con cháu thừa kế. Vì vậy mà triều đại vua chúa đã phải nhận những tai ương và cuối cùng đất nước Việt Nam đã rơi vào sự đô hộ của người Pháp.

Thiệu vẫn tự tin rằng ông ta sẽ trở thành người có nhiều quyền lực, bởi vì, vào khoảng thập niên 1950, Thiệu đã chọn và dời ngôi mộ của ông nội của Thiệu về địa điểm được xem là đắc địa, nằm gần một tảng đá có hình dáng giống như con long phụng. Điều đó đúng, bởi vì sau khi dời ngôi mộ ấy, cuộc đời Thiệu bắt đầu thăng quan tiến chức.

Chủ nghĩa định mệnh đã ngấm sâu vào người Việt tạo điều kiện cho chủ nghĩa tôn sùng cá nhân nảy nở. Tệ sùng bái cá nhân đã phát xuất lâu đời qua lao tưởng của Lão Tử, Trang Tử, một môn đệ của Lão Tử, người Trung Hoa,

đã viết vào thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên. Con người khi đã quán triệt được tư tưởng của Lão Tử thì “họ không còn phải tra tấn về chính họ nữa”. Ông tiếp: Rồi ra, ai ai cũng sẽ được an bài theo cách thế riêng của mỗi người.

Một môn đệ khác của Lão Tử đã viết, một triều đại đã được trị vì như thể một con cá bé đã được phơi khô. Con cá ấy chỉ hữu hạn, đơn độc và chẳng thể cân đo hay lượng giá.

Danh từ “Tự” trong thế giới xa xưa của Lão Tử đã đồng hóa qua ngôn ngữ Việt Nam theo nghĩa tự do. Chẳng hạn, dưới thời Tổng Thống Thiệu, một chương trình nhằm kêu gọi mọi người dân phải lo lấy đời sống chính mình được gọi là “tự lực”. Kêu gọi mọi người phải kết hợp gọi là “tự cường”. Sau vụ Tết Mậu Thân 1968, kêu gọi mọi người dân hãy tự nguyện gia nhập vào các tổ chức phòng vệ được gọi là “Nhân Dân Tự Vệ”. Những điển hình trên chứng tỏ rằng cốt lõi sự tôn sùng cá nhân đã chuyển hóa thành ngôn từ “tự” đối với những người không cộng sản.

Người Việt Nam chú trọng đến tư cách cá nhân, điều đó có nghĩa là luật pháp được chọn lựa theo hiến pháp thì người thi hành phải thực thi đúng với những gì mà người dân mong muốn dựa trên nền tảng luật pháp như về thuế má, động viên, cải cách ruộng đất. Vì thế, Thiệu dù đắc cử Tổng Thống mà mãi đến vài năm sau ông ta mới được sự ủng hộ của số Dân Biểu ở Hạ Viện.

Những người làm chính trị ở Việt Nam khi đắc cử hiểu rõ những đặc quyền mà người dân dành riêng cho họ và những đòi hỏi mà người dân mong muốn họ phải thi hành. Đó là những điều cơ bản bước đầu cho một nhà nước dân chủ.

Thành phần phản chiến Mỹ chủ trương chấm dứt việc Hoa Kỳ giúp đỡ Miền Nam trong một cuộc chiến tranh tự vệ của họ, đã không hề có những bài viết đứng đắn nhằm tìm hiểu hoặc nói lên những triển vọng ở nét đặc thù về nền văn hóa Việt Nam đã mang những nét cơ bản của một chế độ dân chủ.

Thêm nữa, những đặc tính dân chủ đã được biểu hiện rõ ràng trong đời sống chính trị của dân chúng tại Miền Nam. Thực tiễn là đã có những kiểm soát và hạn chế trong vấn đề tìm kiếm hoặc tạo cơ hội để trở nên có quyền lực. Chính điều này đã làm cho hệ thống chính trị của người Miền Nam bị phân hóa mà Bunker thường lo ngại là Miền Nam khó có khả năng tập hợp thành một khối thống nhất (một mặt trận chính trị quốc gia) để đương đầu với cộng sản.

Những tín đồ Phật Giáo và Công Giáo thì luôn luôn đố kỵ. Ngay cả khối Phật Giáo cũng đã phân hóa thành hai, có khi thành ba, khuynh hướng khác nhau. Phật Giáo Hòa Hảo cũng chia thành hai theo khuynh hướng chính trị. Cao Đài cũng tương tự. Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng chia ra nhiều hệ phái. Đại Việt thì hai nhóm và nhóm thứ ba thì ít quyền lực hơn nhưng lại quy tụ những thành phần trí thức và có uy tín. Và một Công Đoàn Lao Động chỉ có hình thức hơn là ảnh hưởng trực tiếp đến các tổ chức nghiệp đoàn.

Ở hàng ngũ Quân Đội, những sĩ quan gốc sinh trưởng miền Đồng Bằng Sông Cửu Long thì không thích những sĩ quan gốc Miền Bắc di cư vào Nam năm 1954. Trái lại, những sĩ quan Miền Bắc thì xem những sĩ quan Miền Nam là kém hiệu năng. Những người Miền Nam chịu

ảnh hưởng từ thời Pháp, khôn ngoan, thông minh chân chất thì không hòa hợp được với người Miền Bắc di cư mà dưới mắt họ, số người di cư này chỉ biết kiếm tiền và kiếm quyền thế dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và sau này, dưới thời Nguyễn Cao Kỳ, một người di cư và rồi trở thành Thủ Tướng.

Miền Nam chỉ nhập cảng nhiều và các chính trị gia bị một thiểu số người Tàu giàu có bỏ tiền ra chi phối họ. Giữa những người hoạt động chính trị cũng luôn kình chống lẫn nhau.

Thế nhưng phải nói rằng, tối thiểu thì nét sinh hoạt chính trị Miền Nam đã có những chuyển động. Dù muốn hay không, đó là những điều kiện thuận lợi để cho nền dân chủ phát triển. Tiến trình dân chủ đã nở hoa trong một xã hội đa dạng như Ấn Độ hay tại nơi mà mà quyền lực đã bị phân tán như Nhật Bản, Ba Lan, đảng cộng sản độc tài đã loãng tan dần vào cuối thập niên 1980 là nhờ có sự hiện hữu của khối Công Giáo và các trang chủ ở các nông trại. Sự đổi thay cơ cấu lãnh đạo, một biểu tượng để đạt đến nền dân chủ, do Công Đoàn Đoàn Kết thúc đẩy, đang được hình thành.

Nhưng làm thế nào để những bất đồng trong nếp sinh hoạt chính trị Việt Nam chỉ xảy ra trong giới hạn theo mẫu mực hợp pháp đã được luật pháp soạn thảo và tiên liệu lại là điều tối quan trọng. Nếu thiếu mẫu mực ấn định đó sẽ dẫn đến tình trạng tệ hại, mất ổn định chính trị như trường hợp sau vụ lật đổ Tổng Thống Diệm.

Sau khi các Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam áp lực hai ông Thiệu-Kỳ ghi danh tranh cử, Bunker lo lắng. Ông ta e ngại rằng như thế thì tạo ra sự chia rẽ một bên là quân

sự và một bên là dân sự. Và mục tiêu của Bunker cố gắng thực hiện để phía Quân Đội cùng dân sự kết hợp để đối phó với cuộc chiến sẽ chẳng thể thành công được.

Ngay sau khi liên danh Thiệu-Kỳ ghi danh tranh cử, Bunker đã riêng rẽ gặp hai người và khuyến cáo rằng, nếu hai ông đắc cử thì thành phần nội các nên được bổ nhiệm nhiều nhân vật dân sự giữ chức Bộ Trưởng. Với khuyến cáo này, Bunker giải thích với Thiệu-Kỳ rằng, thực hiện như thế sẽ gây được nhiều thiện cảm với người Hoa Kỳ đối với một chính phủ mới ra đời.

Một điều khác đáng làm cho Bunker e ngại là những thành phần ủng hộ Kỳ, chẳng hạn như Tướng Loan, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, đã có những hành động làm cho quần chúng có cảm tưởng cuộc bầu cử sắp đến chẳng có gì mấy trong sạch. Với hai nhân vật đang lãnh đạo đất nước, cũng là hai nhân vật chủ yếu trong Quân Đội lại đứng chung một liên danh để tranh lấy quyền lực thì hẳn đó không phải là cuộc bầu cử cân đối. Bunker đã tường trình về với Tổng Thống Johnson, cặp Thiệu-Kỳ đắc cử, một chế độ do Quân Đội cầm quyền như hiện nay, phải còn lâu mới có thể có những biến chuyển. Bunker biết rằng, nếu hai ông Thiệu-Kỳ thắng, thì mọi tình huống vẫn giữ nguyên trạng, khác chẳng chỉ là về phần hình thức mà thôi.

Những ngày sau khi các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống cùng những liên danh ứng cử vào Thượng Viện đã được đăng ký theo luật bầu cử quy định, đã có nhiều tranh luận chung quanh vấn đề gian lận, thiếu công bằng, lầm lỗi đã xảy ra, ngay cả tại Sài Gòn, giữa các ứng cử viên. Tất nhiên mọi việc đều được giải thích do sơ

xuất và thiếu cân trọng. Quốc Hội sẽ xét liên danh nào hợp pháp được phép tranh cử, có nghĩa là những người thụ ủy liên danh sẽ có những cuộc tranh luận giữa họ.

Cặp liên danh ứng cử Tổng Thống Thiệu-Kỳ đã bị Ủy Ban Đặc Biệt Bầu Cử của Quốc Hội bác bỏ. Đại Sứ Sài Gòn tại Hoa Thịnh Đốn, một đảng viên Đại Việt gốc Miền Bắc do Kỳ bổ nhiệm, đã được cử đến gặp Bunker trong mục đích tìm hiểu xem phản ứng của Bunker ra sao nếu Quân Đội giải tán Quốc Hội. Bunker xác định rõ là ông ta không muốn nhìn thấy tình huống ấy xảy ra. Lời xác định ấy quả nhiên có hiệu quả. Buổi xế trưa hôm đó, người đại diện của Thiệu và Kỳ trở lại và cho Bunker biết rằng, các Tướng lãnh Quân Đội cảm thấy họ có đủ sự ủng hộ từ phía Quốc Hội ảnh hưởng đến Ủy Ban Bầu Cử và các Tướng trong Quân Đội đồng ý chấp nhận một giải pháp ôn hòa.

Nhưng chẳng bao lâu sau đó, đây tiếng đồn về cuộc chính biến, Quân Đội chuyển quân, biểu tình ủng hộ, biểu tình chống phe “biểu tình ủng hộ” do Công Giáo tổ chức, xuống đường ủng hộ Big Minh, xuống đường chống phe “ủng hộ Big Minh” khi cuộc bỏ phiếu duyệt xét các liên danh ứng cử hợp pháp được thông qua tại Quốc Hội, tình hình nhanh chóng trở lại yên tĩnh. Liên danh Thiệu-Kỳ đã được đa số phiếu và hợp pháp.

Duyệt xét hồ sơ của liên danh ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Quốc Hội lập hiến đã bác bỏ đơn của Big Minh vì không đủ tiêu chuẩn cùng với đơn của một cựu Bộ Trưởng Kinh Tế. các ủy viên trong Ủy Ban đã rõ ràng trong một cuộc bàn thảo. Tướng Loan Tư Lệnh Cảnh Sát, đã xuất hiện trên tầng lầu của Quốc Hội, tay cầm lon

bia. Chủ tịch Quốc Hội cũng là một ứng cử viên Tổng Thống, đã chống việc Big Minh ứng cử. Cả ông ta và Big Minh cùng dựa vào sự ủng hộ của khối Phật Tử.

Viên cựu Bộ Trưởng Kinh Tế không đủ điều kiện ứng cử, tìm thỏa hiệp với cộng sản bởi vì ông ta chủ trương hòa bình bằng bất cứ giá nào, điều mà trong Bản Tân Hiến Pháp cấm đoán. Trong cuộc vận động sơ khởi của ông ta, những mục tiêu nhằm tranh cử của ông đã được dịch và in bằng Anh ngữ, không đáp ứng đa số nguyện vọng của cử tri, nhưng làm hài lòng một số ký giả Tây phương, những ký giả không muốn có người thông dịch chuyển ngữ những mục tiêu của ông ta phảng phất có màu sắc chính trị. Cuối cùng còn 11 liên danh ứng cử Tổng Thống và 480 ứng cử viên tranh cử vào Thượng Viện được coi là hợp lệ.

Việc xác định bất hợp lệ của hai ứng viên Tổng Thống đã đẩy lên bầu không khí cho rằng cuộc bầu cử không công bằng hơn. Trái lại, nếu hai người này không đủ điều kiện ứng cử thì không phải vì thế mà cuộc bầu cử thiếu công bằng, bởi vì dù cho số người ủng hộ Dương Văn Minh đi bầu thì cũng không ảnh hưởng đến tuyệt đại đa số cử tri của dân chúng Miền Nam Việt Nam. Ellsworth Bunker đã tỉnh táo để nhận rõ rằng, trong đời sống thường, chúng ta phải chấp nhận những điều xảy đến không mấy hoàn hảo nhưng an toàn hơn những gì thiếu an toàn nhưng hoàn hảo, Bunker không phải là một lực sĩ nên ông ta do sự thành công của ông chỉ bằng phân, ly chứ không bằng gang tấc để cho những bước tiến mà ông thực hiện vẫn tăng trưởng đều đặn.

CHIẾN DỊCH

Trong suốt chiến dịch tranh cử, Ellsworth Bunker đã phải tiếp những vị khách không mời, đủ tầm cỡ trong giới chính trị gia Việt Nam. Dù cho những cuộc gặp gỡ thoải mái hay rối rắm, ông ta luôn luôn giữ quan điểm trung dung. Cách chung, nổi bật lên sự quan ngại, phía Quân Đội sẽ leo lái để có một cuộc bầu cử thiếu công bằng và rồi họ sẽ thắng cử. Người Việt Nam cứ bị ám ảnh một cách nguy hiểm rằng dù cho thành phần nào đắc cử thì rồi chính phủ đó không có gì khác hơn là bù nhìn của người Mỹ, và rằng một chính phủ như thế thì không thể nào tạo nên niềm tin về một tương lai của Miền Nam Việt Nam.

Tiền liệu trước những điều đó, ngày 15 tháng 7, Bunker đã cho phổ biến trước công luận để minh xác một cách rõ ràng là chính phủ Hoa Kỳ không hề hỗ trợ cho bất cứ cá nhân nào ra tranh cử Tổng Thống. Xa hơn nữa, để tránh những ngộ nhận rằng Hoa Kỳ đã nhúng tay vào cuộc bầu cử Tổng Thống, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đã mời một số quan sát viên đến quan sát viên đến quan sát cuộc bầu cử theo dự trù vào ngày 3 tháng 9.

Bunker hết sức theo dõi về lợi điểm của hai ông Thiệu và Kỳ sẽ làm dư luận hiểu sai lệch rằng cuộc bầu cử sẽ mất đi sự trong sạch. Thế nhưng, một đại diện của Kỳ hỏi Bunker là liệu Thiệu có nên từ chức Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương trong khi tranh cử hay không thì Bunker liền đáp ngay là không nên. Một số các Dân Biểu muốn là hai ông này từ chức.

Trái lại, Bunker đề nghị, hai ông Thiệu và Kỳ hãy xin nghỉ ngắn hạn trong thời gian tranh cử nếu các Dân Biểu

Quốc Hội yêu cầu và giải quyết được những đòi hỏi chung. Mặt khác, Bunker cũng ngầm cho biết, sẽ không có việc Quân Đội đảo chánh nếu Quốc Hội yêu cầu hai ông từ chức, chỉ cần rời khỏi những chức vụ trong Quân Đội thì hai ông Thiệu và Kỳ đã đáp ứng được Luật Bầu Cử rồi.

Thật ra, Kỳ nghĩ là có một số Dân Biểu Quốc Hội hậu thuẫn cho ông ta và trong thâm ý, Kỳ muốn Thiệu chỉ là cái bóng mờ phía sau ông ấy. Thế nhưng những Dân Chủ ủng hộ Kỳ tại Quốc Hội lại không hài lòng khi thấy Kỳ là nhân vật thứ hai trong liên danh của Thiệu. Họ muốn Kỳ đứng trên hoặc tách rời khỏi Thiệu trước khi họ ủng hộ Kỳ. Bunker và Bộ Tham Mưu của Tòa Đại Sứ không muốn can dự vào vấn đề này.

Những ứng cử viên trong chính quyền không còn độc giữ vấn đề truyền thông. Việc kiểm duyệt báo chí đã được hủy bỏ vào cuối tháng 7. Tuy thế, Thiệu và Kỳ vẫn còn những lợi điểm. Hai ông đã tặng và chi tiêu khoảng 70 triệu đồng cho chiến dịch vận động trong khi những ứng cử viên đối lập dân sự như cựu Đô Trưởng Sài Gòn Trần Văn Hương chỉ được có 4 triệu đồng để vận động.

Căn cứ vào những dữ kiện, Tòa Đại Sứ tiên đoán hai ông Thiệu và Kỳ sẽ chỉ được từ 35 đến 40 phần trăm tổng số phiếu. Nhưng ngày 3 tháng 9 hai ông chỉ được có 34, 8 phần trăm. Mặc dù số phiếu ấy vượt xa những ứng cử viên khác nhưng không phải con số mà hai ông Thiệu và Kỳ tin tưởng là sẽ đạt được, và còn thấp hơn nữa nếu trừ bỏ bớt đi theo những kiện cáo vì gian lận.

Ngày 3 tháng 8, tất cả 11 ứng viên xuất hiện trên truyền hình quốc gia để trình bày chương trình hoạt động của mỗi liên danh. Nhiều chủ điểm được đưa ra đã tạo sự

chú ý của cử tri. Một ứng cử viên mà một số người đã biết đến, ông Trương Đình Dzu, đã đặt vấn đề hòa bình cho Miền Nam Việt Nam là mục tiêu quan trọng của ông. Một ứng cử viên Phó Tổng Thống đưa ra vấn đề cải cách ruộng đất. Tất cả các ứng cử viên đều nói lên tình huống của đất nước và phương thức cứu nước của họ.

Vài ứng cử viên đã cho rằng cuộc vận động thiếu công bằng. Dzu yêu cầu Thiệu và Kỳ phải từ chức thì cuộc bầu cử mới trong sạch. Tất cả các ứng viên đều được chính phủ tài trợ và đều được sử dụng phương tiện truyền thông giống nhau. Kiểm duyệt đã được hủy bỏ và những viên chức chính phủ đã đứng ngoài cuộc vận động. Bunker đã chỉ thị cho một số nhân viên Hoa Kỳ quan sát cuộc vận động cả dân sự lẫn Quân Đội và thúc đẩy để cuộc bầu cử thật sự công bằng. Ông ta cũng báo cho Thiệu và Kỳ biết, báo chí Hoa Kỳ phàn nàn là bị khó khăn trong việc theo dõi cuộc vận động. Sau này, Kỳ nói với Loan là Kỳ cảm thấy dường như Bunker muốn “áp lực” với ông ta.

Khối Phật Giáo tranh đấu đã không kêu gọi tẩy chay cuộc bầu cử mặc dù Big Minh đã bị xem là không hợp lệ và Thiệu cùng Kỳ có những bằng cớ thiếu ngay thẳng trong việc vận động. Một khối Phật Giáo khác đã ủng hộ một ứng cử viên Tổng Thống đương nhiệm là Chủ tịch Quốc Hội lập hiến, một lãnh tụ Cao Đài lớn tuổi.

Ông Hương tố cáo Thiệu và Kỳ đã có những xếp đặt như sử dụng công chức và sĩ quan Quân Đội làm việc cho liên danh hai ông, dùng phương tiện nhà nước vào vận động riêng và áp lực với phóng viên báo chí. Bunker đã không tin về những điểm mà ông Hương tố cáo nhiều lắm. “Áp lực” là một cái gì mơ hồ, luôn xuất hiện ở những

ai đã vượt thắng kẻ khác. Thiệt cảm của những viên chức địa phương đối với người chỉ huy họ ở Trung Ương là điều khó có thể kiểm soát và cũng khó có thể ngăn chặn. Trái lại, cũng có nhiều viên chức hành chánh cao cấp ở các Tỉnh cũng có những hoạt động để ủng hộ ông Hương hay những ứng cử viên dân sự khác. Một số viên chức chính phủ thuộc đảng Tân Đại Việt, chẳng hạn, lại ủng hộ ông Trương Đình Dzu.

Ông Dzu, một luật sư và theo ông Bunker thì ông ta chỉ là một kẻ theo chủ nghĩa cơ hội. Ông ta tạo nên nhiều cuộc tranh luận trong cuộc vận động của ông. Có lần ông đã gọi Kỳ là “một con chó”. Kỳ đáp lại, Dzu đã có lần viết rằng, Dzu đã từng đến và phục vụ Diệm như một con chó và một con ngựa, và nếu đắc cử, Kỳ sẽ mang một cái chuồng đến cho Dzu. Bunker hiểu đó là cách ăn miếng trả miếng của người Việt Nam.

Trong một chuyến viếng thăm Việt Nam ngắn, tôi đã được giới thiệu với ông Dzu vào năm 1966. Dzu cho tôi biết rằng ông ta sẽ tranh cử Tổng Thống và ông muốn tôi giới thiệu ông ấy với thân phụ tôi và với những người mà Ba tôi quen biết. Ông cũng nói với tôi rằng, ông ta đã từng được bầu vào chức Chủ Tịch của Hội Sài Gòn Rotary Club và đã được một nhóm đảng viên Tân Đại Việt hỗ trợ. Tôi không có khái niệm gì về Tân Đại Việt trước đây, mãi đến khi Dzu kể chuyện, tôi mới nhận ra tầm ảnh hưởng quan trọng của đảng này.

Với tôi, Dzu chỉ là con người tìm cơ hội nên không làm tôi chú ý nhiều. Và tôi cũng không hiểu tại sao một con người mà uy tín rất giới hạn như ông ta lại có thể dựa vào Quân Đội tổ chức, để tranh cử Tổng Thống

Không có một ứng cử viên nào bị chèn ép trong chiến dịch tranh cử vào năm 1967. Một ứng viên Phó Tổng Thống, người đã từng ra tranh cử chống ông Diệm trước kia, đã cho biết rằng cuộc bầu cử vào năm 1967 đã được tự do hơn bất cứ cuộc bầu cử nào đã từng xảy ra tại Việt Nam dưới thời Pháp, thời cộng sản hay thời ông Diệm. Nhận định đó đã làm cho Bunker phấn khởi và khuyến khích ông theo đuổi con đường mà ông thực hiện.

Một sự kiện mà các ứng cử viên cáo buộc chính quyền nhúng tay vào cuộc vận động xảy ra tại Tỉnh Quảng Trị vào ngày 6 tháng 8, vì bị gió mạnh, nên viên Phi Công đã đáp xuống một phi trường sai địa điểm. Vì thế mà không ai đón tiếp những ứng cử viên Tổng Thống dân sự này khi máy bay đáp. Trong khi đó thì Thiệu và Kỳ lại đáp tại một phi trường khác. Các ứng cử viên đã từ chối không để cho những chiếc xe vận tải đầy bụi bặm là phương tiện duy nhất có ngay tại chỗ lúc ấy, chở họ đến một địa điểm gần Phi Trường Đà Nẵng rồi dùng máy bay đi tiếp. Những ứng viên này đòi hỏi phải có những chiếc xe tiện nghi hơn. Nhân viên lúc ấy không ai có thẩm quyền liên lạc với sĩ quan chỉ huy vì ông ta đang ngủ trưa mà viên sĩ quan phụ tá thì lại không dám đánh thức ông ta dậy.

Các ứng cử viên giận dữ bay trở lại Sài Gòn. Họ liền gửi cho Thiệu và Kỳ một lá thư đầy phẫn nộ, kết án là chính quyền có âm mưu muốn sát hại họ. Thiệu cố phân trần cho trường hợp vừa xảy ra chỉ là sự bảo vệ không đúng mức. Một số ứng cử viên, đặc biệt là ông Hương cho rằng sự kiện này chứng tỏ chính quyền muốn làm giảm uy tín của các lãnh tụ chính trị gia dân sự. Chính quyền phủ

nhận. Kỳ nói: “Ai có thể thoải mái du lịch hạng sang trong một đất nước tan hoang vì chiến tranh?”

Các ứng cử viên dân sự khước từ mọi cuộc gặp gỡ tranh luận kể từ đó, điều duy nhất là luật bầu cử cho phép. Rồi thì câu chuyện được thổi phồng, đồn đại, thêu dệt và chuyển điện tới tấp về Hoa Kỳ do các nhà báo Mỹ thực hiện. Hoa Thịnh Đốn hốt hoảng. Điện tín, điện thoại hoạt động liên tục. Không ít Dân Biểu Nghị Sĩ Mỹ hối hả kết án cho đây là một trò bầu cử bịp. Báo chí quay mặt với Thiệu và Kỳ. Bảy mươi lăm nhân vật ngoại hạng của Mỹ bao gồm cả Edward Rioshaeur, John Kenneth Galbraith và Jerome Weisner gửi một bản tuyên cáo cho Tổng Thống Jonhson và yêu cầu ông ta phải dẹp bỏ chính phủ Miền Nam Việt Nam.

Mỗi bên đều nhìn kẻ đối nghịch bằng đôi mắt thiếu thiện cảm, do đó phía chính quyền và bên đối lập đều giữ thái độ lạnh nhạt với nhau. Bunker tìm hiểu và biết rõ điều đó nên đã nói với cả hai ông Thiệu và Kỳ, thành phần đối lập với chính phủ có thể có những hành động không trách nhiệm nhưng một chính quyền thì phải có trách nhiệm về hành động của mình và yêu cầu hai ông hãy tạo điều kiện để cuộc bầu cử diễn ra như đã dự định.

Trong khi đó, nhân viên chính thức của Tòa Đại Sứ đã tiếp tục tiếp xúc với ba nhân vật dân sự ứng cử quan trọng và yêu cầu họ tiếp tục tranh cử. Bunker cũng kêu gọi Thiệu và Kỳ cùng xuất hiện chung với các ứng cử viên dân sự trong những chương trình chung. Tuy nhiên, cả Thiệu và Kỳ đều cho biết họ phải đi khắp nước để giám sát vì trách nhiệm của một Nguyên Thủ Quốc Gia cũng như trách nhiệm của một vị Thủ Tướng.

Thiệu đã đọc một bài diễn văn trước công chúng xác định rằng chính phủ sẽ làm hết sức mình để đáp ứng những gì mà các ứng cử viên yêu cầu. Tiếp sau lời của Thiệu, một viên chức cao cấp của chính phủ đặc trách việc bầu cử, đã viết thư nhận lỗi đã gây ra với các liên danh dân sự. Các liên danh chấp nhận lời xin lỗi và cuộc vận động lại tiếp tục tiến hành. Thực ra trên thực tiễn các liên danh dân sự luôn tiếp tục vận động khắp nơi ngoại trừ Sài Gòn trong suốt thời gian phản đối với chính quyền.

Công cuộc vận động trở lại sôi nổi sau khi hai bên đã giải quyết những bất đồng. Một số liên danh đã cực lực chỉ trích chính phủ, một điều mà dưới thời ông Diệm hoặc các chính quyền trước chưa hề xảy ra. Tại các Thành Phố và Đô Thị, kể cả những vùng quê đầy rẫy những bích chương, biểu ngữ truyền đơn, bong bóng được tung ra trong mục tiêu tranh cử. Một buổi sáng, Thiệu đã chân thành nói với Bunker rằng chưa hẳn liên danh của ông ta sẽ được đắc cử. Tại khu vực ảnh hưởng người Tầu ở Chợ Lớn, cuộc thăm dò cho thấy số cử tri ủng hộ Thiệu và Hương ngang ngửa bằng nhau. Thiệu nói với Bunker, vấn đề quan trọng không phải là liên danh của ông ta thắng hay thua mà là một chính quyền được dân chúng ủng hộ.

Thiệu biết tự chế, trầm tĩnh, ôn hòa và lắng nghe khi bị chỉ trích. Kỳ thì dễ dàng nóng tính và đôi khi có phản ứng thiếu thận trọng. Khi chiến dịch vận động lên cao điểm, chính phủ đã bị công luận đã kích nặng nề. Thiệu vẫn chưa hy vọng là ông ta có thể thắng. Những người ủng hộ ông ta cũng như ủng hộ Kỳ đã không có cách phối hợp hiệu quả.

NGÀY BẦU CỬ

13 tháng 9 là ngày đối với những người trưởng thành tại Miền Nam Việt Nam quan tâm đến vấn đề nền dân chủ cho xứ sở họ đều phải chú ý đến. Khoảng 5, 8 triệu người đã đăng ký đi bầu. Đó là con số 76 phần trăm trong lớp người đủ điều kiện đã đăng ký đi bầu. Ngày bầu cử đã có 86 phần trăm trong số người đã đăng ký đi bỏ phiếu. Nếu vấn đề an ninh của Miền Nam được bảo đảm. Bunker và nhân viên Tòa Đại Sứ nghĩ như vậy, sẽ có 90 phần trăm số người hợp lệ, hay 7.650. 000 người đăng ký đi bầu. (Trong kỳ bầu cử Tổng Thống kế tiếp vào năm 1971, Miền Nam đã có 7,2 triệu cử tri, đó là nhờ sự thành công của Chương Trình Bình Định đã tái lập an ninh tại nông thôn).

Các quan sát viên ngoại quốc đều nhìn nhận đây là một cuộc bầu cử ngay thẳng. Cuộc bầu cử năm 1967 là một sự kiện quan trọng, đánh dấu thái độ chọn lựa và quyết định của người dân Miền Nam hơn là những cuộc bầu cử tương tự đã xảy ra tại Miền Bắc và hơn cả các nước cộng sản, cả Liên xô trước khi đổi mới 1989.

Trong cuộc bầu cử 1967 đã có 120 quan sát viên từ 24 quốc gia đến quan sát, 600 nhà báo ngoại quốc theo dõi tại chỗ. Riêng Hoa Kỳ đã có 22 quan sát viên đủ khuynh hướng, chia ra từng nhóm 7 người:

Nhóm thứ nhất dẫn đầu bởi Henry Cabot Lodge, vị Đại Sứ Sài Gòn tiền nhiệm của Bunker và thành viên bao gồm các chính trị gia, trí thức, thương mại, báo chí, cựu chiến binh.

Nhóm thứ hai do Whiteney Young, đại diện nhóm thiểu số.

Nhóm thứ ba do Nghị Sĩ William Fulbright, lãnh tụ nhóm bồ câu, muốn moi móc để xem cuộc chiến xảy ra ra sao và người dân Miền Nam có muốn can dự vào cuộc chiến đó hay không.

Một quan sát viên quan trọng khác là Richard Scamman, một chuyên viên ngoại hạng về bỏ phiếu và bầu cử.

Bộ Tham Mưu Tòa Đại Sứ đã chuẩn bị cho các cuộc viếng thăm của họ, chỉ định nhân viên cao cấp hướng dẫn và đưa họ đến những nơi họ muốn bằng đường bộ hoặc bằng máy bay. Bunker cũng đã trình bày trước phái đoàn quan sát rằng mọi người đều có thể đi đến bất cứ nơi nào họ muốn, riêng rẽ hay từng nhóm, hỏi thăm và tìm hiểu ở bất cứ cá nhân nào họ thích. Trong suốt bốn ngày có mặt tại Việt Nam đó, tất cả đều hài lòng. Hầu hết họ đã rút được kinh nghiệm khó khăn đang xảy ra tại Miền Nam Việt Nam.

Hai quan sát viên, Nghị Sĩ Murphy và Thống Đốc Tiểu Bang North Dakota là William Guy đã đến một làng gần Đà Nẵng vừa lúc một quả mìn nổ gần nơi bỏ phiếu làm ba người dân chết và 27 người khác bị thương. Thùng phiếu đã được tái lập, người dân lại tiếp tục đi bầu trong số ấy có cả người vừa bị thương nhẹ.

Khắp cả Miền Nam, các nhà báo ngoại quốc đưa tin, mọi người nô nức đi bầu. Đối với Bunker đó là điều phấn khởi làm cho ông ta quên đi những căng thẳng, bi quan trong suốt một tháng vừa qua. Khi giờ bỏ phiếu chấm dứt, mọi diễn tiến đều suôn sẻ. Tiến trình dân chủ đích thực dường như đang bắt đầu.

Điều ngạc nhiên trong cuộc bầu cử Tổng Thống là kết quả số phiếu của các ứng cử viên dân sự đã được dân

chúng tín nhiệm. Ứng cử viên chủ trương “hòa bình” Luật sư Trương Đình Dzu được 17,2 phần trăm phiếu. Hai ứng cử viên cao tuổi và có uy tín Trần Văn Hương và Phan Khắc Sửu cũng chỉ có một số phiếu khiêm nhường. Ông Hương được 10 phần trăm trong khi Tòa Đại Sứ Mỹ dự đoán phải là 25 đến 30 phần trăm. Ông Sửu, một nhân sĩ của Cao Đài và cũng là Chủ tịch Quốc Hội lập hiến cũng được 10 phần trăm thay vì 20 phần trăm như Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ước tính. Thiệu và Kỳ được nhiều nhất 34, 8 phần trăm, nhưng đó không phải là số phiếu vẻ vang.

Cuộc bầu cử Thượng Nghị Sĩ cũng diễn ra cùng ngày. Nhóm bảo thủ và khối Công Giáo chống cộng đã vận động hữu hiệu. Tại 8.800 thùng phiếu khắp nước, với 100.000 người, bao gồm cả những giáo viên trách nhiệm trông coi, cử tri chọn 6 trong 48 liên danh để bầu vào Thượng Viện. Mỗi liên danh có 10 người, in hình trên bích chương và phiếu. Người Công Giáo, với truyền thống tổ chức chặt chẽ nên đã đi bỏ phiếu sốt sắng. Bốn trong 6 liên danh đặc cử thì người thụ ủy đều là Công Giáo.

Thế nhưng liên danh đạt số phiếu cao nhất là của cựu Tướng Trần Văn Đôn, nhân vật nòng cốt trong vụ đảo chánh ông Diệm năm 1963. Đôn đã được giới Phật Tử Miền Trung ủng hộ nhiều nhất. Đứng chung liên danh với ông ta còn có thêm một nhân vật khác gốc Hoàng tộc và cũng là thành phần nòng cốt trong cuộc đảo chánh Diệm, một nhân vật lãnh tụ Đại Việt gốc Miền Bắc và cũng là chủ nhiệm một tờ nhật báo uy tín ở Sài Gòn. Vì thế liên danh Đôn đã thu hút được nhiều cử tri thuộc thành phần trí thức. Ngoài 4 liên danh gốc Công Giáo, một liên danh của Đôn và liên danh về cuối là do đảng

Đại Việt cách mạng Miền Trung vận động và hỗ trợ.

Thượng Viện đầu tiên này có khuynh hướng bảo thủ, bao gồm những nhân vật người Việt có uy tín và ủng hộ chính sách của Thiệu sau này, khi có nhu cầu.

Cuộc bầu cử không phải chỉ chấm dứt sau khi bỏ phiếu. Theo luật bầu cử, Tổng Thống được công nhận là đắc cử sau khi được thông qua với đa số phiếu tại Quốc Hội lập hiến. 53 Dân Biểu trong Quốc Hội này đã ra tranh cử Nghị Sĩ Thượng Viện và 48 người trong số ấy đã thất cử. Số người này khi bỏ phiếu hợp thức hóa cuộc bầu cử, họ đã đòi hỏi phải được đền bù. Đồng thời, trong Quốc Hội lập hiến, Kỳ cũng đã có một nhóm 30 Dân Biểu đứng đằng sau lưng ông ta và sẵn sàng bỏ phiếu bất tín nhiệm cuộc bầu cử theo Kỳ yêu cầu để làm mất danh dự của Thiệu. 18 người trong nhóm này cũng thất bại trong cuộc tranh cử vào Thượng Viện.

Rất nhiều người bị thất bại trong cuộc bầu cử vừa qua đã kêu gào cho rằng cuộc bầu cử gian lận và yêu cầu Quốc Hội lập hiến hủy bỏ cuộc bầu cử. Tám trong số những liên danh thất cử Tổng Thống đều tuyên bố là cuộc bầu cử gian lận. Họ nêu ra rằng Kỳ, trong tháng 7, đã hăm dọa sẽ có đảo chánh, rằng Thiệu và Kỳ vẫn giữ chức vụ trong suốt chiến dịch tranh cử, rằng hai ông này vẫn xuất hiện trên hệ thống truyền hình vào ngày 2 tháng 9 sau khi thời hạn tranh cử đã chấm dứt.

Bunker theo dõi và nghĩ rằng đây không phải là những lời tố cáo chính đáng. Thế nhưng, Bunker cũng đã ra lệnh cho nhân viên Tòa Đại Sứ tìm cách phối kiểm những chứng cứ mà phe thất cử đã tố cáo.

Ba nhân vật thất cử đã tổ chức cuộc họp báo và cho

rằng có sự gian trá trong cuộc bầu cử. Cảnh Sát đã để cho họ tự do. Khối Phật Tử kêu gọi cần phải được bầu cử lại. Nhưng lý do họ nêu ra đã bị dân chúng lơ là, không quan tâm.

Liền ngay sau khi cuộc bầu cử đã qua, Bunker đã yêu cầu chính phủ Việt Nam không nên bắt giữ ứng cử viên chủ trương hòa bình Trương Đình Dzu nhưng đồng thời Bunker cũng trình cho Washington biết rằng, chính phủ Miền Nam Việt Nam khó có thể giữ một thái độ yên lặng trước việc Luật sư Dzu kêu gọi hòa bình và chỉ trích chính quyền Miền Nam một cách mạnh mẽ, đặc biệt là chỉ trích Kỳ.

Thế nhưng lời yêu cầu của Bunker đã không được chính quyền Miền Nam đáp ứng. Ngày 15 tháng 9 Dzu đã bị bắt với lý do dùng ngân phiếu không tiền bảo chứng, và chuyển một số tiền bất hợp pháp là 11.500 Mỹ kim đến một ngân hàng tại San Francisco Hoa Kỳ. Hành động này của Dzu xảy ra trước chiến dịch tranh cử và ông ta bị kết án 9 tháng tù và bồi thường tiền phạt.

Dzu liền phổ biến một thông báo bằng Anh ngữ tại Sài Gòn nội dung ông ta muốn gặp ký giả ngoại quốc tại văn phòng Luật sư của ông vào buổi sáng và tại tư thất của ông vào buổi chiều. Một số sinh viên, do tiền Dzu tài trợ trong cuộc vận động tranh cử, đã xuống đường, từng bước gây áp lực với chính quyền. Một đoạn phim do phóng viên đài CBS là Bert Quint thu hình, lúc Cảnh Sát đàn áp một phụ nữ biểu tình đã làm cho anh ta nhận được một giải thưởng. Bunker đã cho gọi Quint tới và nói với anh ta rằng, anh ta nên nhấn mạnh đó chỉ là trường hợp cá biệt xảy ra.

Rồi thì, chuyện rắc rối khác xảy đến, Viên Tư Lệnh Cảnh Sát, bạn thân của Kỳ, là Tướng Loan, ngày 22 tháng 9 lại “mời” ông Bộ Trưởng Kinh Tế, người nạp đơn ứng cử Tổng Thống nhưng bị bác vì bất hợp lệ, đến trình bày cho Cảnh Sát biết việc ông tham gia đảng cộng sản trong thời gian ông du học tại Paris. Kỳ trước đó đã nói với Loan rằng việc bắt giữ Thanh chưa cần thiết vì chúng có của ông ta đã hiển nhiên nên có thể bắt giữ bất cứ lúc nào. Mãi đến khi, một phần tử thuộc một tổ chức của việt cộng tại Sài Gòn bị bắt và khai rằng anh ta đã được Thanh kết nạp vào cộng đảng năm 1965 thì Loan mới quyết định thẩm vấn Thanh.

Loan đã đến nhà ông Thanh. Bà Thanh không cho ông ta vào. Loan trở về, làm thủ tục cho hợp pháp. Khi Loan trở lại thì nhà bà Thanh đã đầy nhà báo ngoại quốc do Thanh mời đến để chứng kiến việc bắt giữ ông. Việc dàn dựng để có những ký giả Tây phương chứng tỏ ông Thanh đã trình diễn khéo léo hơn là Cảnh Sát. Loan ra lệnh mời tất cả những nhà báo đang có mặt rời khỏi nhà ông Thanh và yêu cầu ông Thanh đến văn phòng Loan vào ngày hôm sau. Và khi Thanh rời nhà để tới Trụ Sở Cảnh Sát thì ông ta bị bắt, bị còng tay. Nhưng ngày hôm sau thì Thanh được thả với lời xin lỗi của Loan.

Loan là con người bốc đồng nhưng tốt bụng. Thiếu trầm tĩnh nên không có những suy nghĩ chín chắn cần thiết cho một viên chức giữ nhiệm vụ cao trong chính quyền, chẳng hạn trong những buổi họp. Loan thường mang súng lục ra đùa nghịch, dù đạn đã lên nòng. Một lần, một người phụ tá của Loan đã đánh một người dân trong vụ xuống đường trong khi Loan ngồi trên vỉa hè,

tay cầm lon bia và tay kia choàng lên vai người Phật Tử lãnh đạo cuộc biểu tình đó.

Bunker đã nói với hai ông Thiệu và Kỳ về những kết quả trái ngược trong việc bắt giữ và hành động đàn áp của Cảnh Sát ngày càng gia tăng. Hai người Việt Nam (Dzu và Thanh) bị bắt hoặc bị thẩm vấn vừa rồi chẳng phải là những người ảnh hưởng gì nhiều đối với quần chúng, dưới mắt Bunker. Thế nhưng việc Dzu và Thanh chỉ là khởi đầu cho một loạt bắt giữ và truy tố những thành phần chính trị đã tham gia hoặc ủng hộ cho cộng sản. Ellsworth Bunker, nói một cách chung, không thể nào áp lực được Thiệu về những gì mà Thiệu muốn làm. Mặc dù Bunker đã nhìn thấy những hành động của Thiệu, trước công luận, đã bị ngoại quốc chỉ trích. Thế nhưng Bunker vẫn giữ mối liên hệ theo hình thức bởi vì những gì Thiệu làm, hợp với Luật Pháp cho phép.

Ellsworth Bunker thúc đẩy Thiệu và Kỳ bằng mọi cách phải khống chế thành phần bất mãn tại Quốc Hội lập hiến để những Dân Biểu thân chính quyền đủ túc số thông qua kết quả cuộc bầu cử. Theo ông ta, thì Miền Nam Việt Nam có lợi hơn là việc bắt giữ Thanh và Dzu. Sau đó, 4 Dân Biểu trong Quốc Hội thân Kỳ, đã nói với nhân viên CIA rằng họ sẽ bỏ phiếu thông qua cuộc bầu cử nếu Kỳ được quyền chỉ định Thủ Tướng và ba Bộ Trưởng quan trọng trong chính phủ, nếu quyền lực chính phủ và Quân Đội nằm trong tay Kỳ, và nếu mỗi Dân Biểu trong nhóm hậu thuẫn Kỳ được tặng 300. 000 đồng, Họ muốn Bunker đưa điều kiện của họ cho Thiệu. Thế nhưng Bunker đã nói với một thân tín của Kỳ rằng nếu đòn phép vừa nói không chấm dứt thì Bunker sẽ đưa ra trước công luận về

những điều kiện mà nhóm thân Kỳ đòi hỏi. Cuối cùng, Bunker đã chấp nhận lời yêu cầu của Kỳ để nói với Thiệu là trong nhiệm kỳ đầu Tổng Thống của ông ta, những người thân tín của Kỳ sẽ được mời cộng tác.

Tiếp theo, một vấn đề khác lại xảy ra. Dzu đã bị bắt lại trong những ngày trước khi Quốc Hội họp để thông qua cuộc bầu cử. Sau đó lại được trả tự do. Tình hình chính trị quả thật phức tạp. Bunker rút kinh nghiệm rằng, tại Sài Gòn, cứ chuyện rắc rối này vừa giải quyết xong thì lại xảy ra chuyện khác.

Thiệu đã dành nhiều ngày để tiếp xúc với các Dân Biểu trước khi cuộc bỏ phiếu thông qua cuộc bầu cử xảy ra. Và cuối cùng, kết quả thắng cử của Thiệu-Kỳ đã được các Dân Biểu trong Quốc Hội lập hiến xác định là hợp lệ với số phiếu khít khao 58 trên 43. Thiệu đã chính thức trở thành người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam, người mà Bunker có thể cộng tác để hoàn tất sứ mạng rút quân chiến đấu Hoa Kỳ về nước như Tổng Thống Johnson đã ủy thác.

CHƯƠNG 4

C.O.R.D.S

Cơ quan mà tôi đã phục vụ tại Miền Nam Việt Nam được gọi là C. O. R. D. S viết tắt từ ngữ Civil Operations Revolutionnary Development Support, do thời Tổng Thống Lyndon Johnson soạn thảo vào năm 1967, là một phần trong kế hoạch dài hạn, nhằm chuyển giao cuộc chiến cho phía người Việt Quốc Gia nếu chương trình này được thi hành. Không chỉ Johnson gửi Bunker đến Sài Gòn với những chỉ thị bí mật mà ông ta còn gửi cho Tướng Westmoreland hai người phụ tá mới. Một là Tướng Creighton Abrams, nhân vật cao cấp Hoa Kỳ, trực tiếp nghiên cứu và đáp ứng những nhu cầu cần thiết cần nâng cao khả năng chiến đấu của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa lên hàng chiến tranh quy ước. Người thứ hai là Robert Komer, trực tiếp ứng dụng chương trình trên trong nỗ lực nhằm phát triển tối đa nền an ninh và thịnh vượng đến các Vùng Nông Thôn tại Miền Nam Việt Nam.

Bản Hiến Pháp mới đã đặt tối ưu cho sự phát triển khả năng chiến đấu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Kế

Hoạch Bình Định và Phát Triển là những điểm nổi bật tại Hội Nghị Thượng Đỉnh Guam vào tháng 3 năm 1967.

Kể từ năm 1958 khi có những chỉ dấu cho thấy Hà Nội đang có những nỗ lực lật đổ ông Diệm, Hoa Kỳ liền có những đáp ứng tuy là có hiệu quả nhưng đó chỉ là một cách tạm bợ, vá vúi khi thì quân sự, lúc thì chính trị và có khi là kinh tế. Nói một cách tổng quát, mỗi người Mỹ có mặt tại Miền Nam Việt Nam lúc ấy chỉ thực hiện những gì mà các ông ngồi ở bàn giấy tại Washington nghiên cứu. Các Cố Vấn quân sự được khuyến cáo là phải chống lại mọi cuộc tấn công du kích của kẻ địch có hiệu quả. Nhưng nhân viên chính phủ đặc trách phát triển được thúc bách là cần phải nâng cao đời sống kinh tế của người dân Miền Nam nếu muốn nền an ninh được bảo đảm, còn các nhân viên ngoại giao cùng một số nhân viên tình báo ngoại hạng được chỉ định là phải thần tượng hóa lãnh tụ Miền Nam Việt Nam.

Chính vì xuất phát chính sách như thế nên không ít người Mỹ có mặt tại xứ này chỉ lo phân phát thực phẩm cho người dân để đổi lại những tiếng cười và những lời ca tụng.

Không có một đường hướng mang tính nghiêm túc và kết hợp. Washington đã buông thả cho mỗi viên chức thực thi những điều theo họ nghĩ, chương trình phát triển thực hiện nơi khu vực này, chủ động về an ninh thực hiện tại khu vực khác. Và cũng chính vì chính sách đã đặt ra, nên những dự án giữa dân sự và Quân Đội đã không kết hợp, riêng rẽ, rời rạc từng lãnh vực.

Do vậy, Hoa Kỳ đã thất bại, vào cuối thập niên 60, trong việc giúp ông Diệm đáp ứng kịp thời và hiệu quả của lực

lượng bình định tại nông thôn để ngăn chặn sự phát triển của cộng sản, như Hoa Kỳ đã từng thực hiện và thành công tại Phi Luật Tân, hơn là chỉ lo phát triển một Quân Đội chính quy cho Miền Nam Việt Nam.

Mãi đầu năm 1967, Robert Komer khuyến cáo Tổng Thống Johnson là phải phối hợp Quân Đội và dân sự trong việc bình định tại Miền Nam Việt Nam. Kể từ đó, vấn đề an ninh, phát triển và chính trị đã được tổng hợp trở thành một kế hoạch chống lại cơ sở Việt cộng. Đó là C.O.R.D.S Năm 1972, phần lớn cơ quan này đã phối hợp với người Việt Miền Nam để hình thành một tổ chức được gọi là Trung Tâm Bình Định và Phát Triển.

Phối hợp Quân Đội bảo đảm an ninh nỗ lực phát triển Tướng Westmoreland đã đặt trách nhiệm bình định tại nông thôn về phía Hoa Kỳ. Komer là phụ tá của ông ta và cơ quan CORDS là một bộ phận trong Bộ Chỉ Huy Quân Sự MACV. Tại CORDS những nhân viên dân chính và Quân Đội đã sát cánh nhau trong những mục tiêu chung. Đây là cấu trúc duy nhất trong lịch sử Hoa Kỳ rất hiệu quả thắng chiến tranh, thế nhưng chương trình ấy, sau chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã lãng quên. Chẳng hạn, tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia (FMLN) của El Salvador sau năm 1981, đã áp dụng một cuộc chiến tại nông thôn theo chiến thuật và chiến lược tương tự như ở Việt Nam, thế nhưng bài học của CORDS đã không mang ra áp dụng. Hậu quả là đã kéo dài.

Năm 1966, khi quyết định nhận sang Việt Nam phục vụ, tôi chỉ biết một tổ chức nằm trong một cơ quan dân sự Phát Triển Thế Giới, sẽ gửi tôi đến Việt Nam phục vụ tại làng mạc để nghiên cứu việc chống lại sự bành trướng

của du kích cộng quân. Lúc bấy giờ cơ quan CORDS chưa ra đời, lực lượng quân sự thì không có kế hoạch nào để chống lại sự bành trướng của cộng quân một cách có hiệu quả. Và những cơ quan ngoại quốc phục vụ tại Việt Nam thì không muốn nhân viên của họ vất vả.

Thế nhưng khi tôi đến Việt Nam thì vừa lúc ấy, cơ quan CORDS bắt đầu thành lập. Tôi được chỉ định vào cơ quan này và làm việc chung với các sĩ quan Quân Đội và những người khác làm việc cho cơ quan CIA.

Tôi đã từng sống ở các làng quê trước đó. Trường Đại Học Harvard đã cho tôi hiểu rõ sự thực về những gì ở trong các nước thuộc thế giới thứ ba.

Người Hoa Kỳ đã sống và đã tiếp thu nền văn hóa ngoại quốc qua nhiều điều kiện khác nhau. Có người tiếp thu qua nghiên cứu. Thế nhưng sống tại ngoại quốc và biết được ngôn ngữ ngoại quốc chưa có gì chắc chắn để kết luận là người ấy hiểu một cách thấu đáo về con người và xứ sở ấy. Rất nhiều người Mỹ khi ở ngoại quốc, chỉ suy nghĩ theo cách riêng của họ hơn là những điều thực tiễn về một nền văn hóa ở quốc gia mà họ đang sống. Lại có những người Mỹ tính kỳ thị, luôn sống cô lập và xa cách với những phong tục tập quán mặc dầu họ đang sống ở xứ sở đó.

Nhìn chung, phần lớn những người Mỹ khi ra nước ngoài thường có những nhận định sai lầm theo hai cách:

Một là nghĩ rằng dân tộc trước đó cũng giống như họ và rằng giá trị đạo đức của Hoa Kỳ là tiêu biểu cho các nước.

Hai là dân tộc nước đó còn kém văn minh nên không cần phải đối xử lịch sự. Khi lớn lên, tôi thấy thân phụ tôi đã tránh thoát ra khỏi hai cực đoan về lối suy nghĩ

trên. Và rồi tôi ứng dụng những kinh nghiệm của ông về những năm ông phục vụ tại các quốc gia Á Châu. Ba tôi đã nghiên cứu và kính trọng lịch sử và tôn giáo các nước Châu Á, nhưng không bao giờ quên ông và cách làm việc của ông là người Hoa Kỳ. Ông luôn biết mình và hiểu người để xem xét những vấn đề khi ứng xử. Ông cố nhận diện những điểm mà các phía có thể tương đồng, những điều cá biệt mà mỗi bên đòi hỏi. Nếu bảo thủ những ý kiến của mình mà quên đi những nhu cầu của phía đối nghịch thì không những chỉ sự quan hệ giữa hai bên sẽ đổ vỡ mà những tai hại có thể xảy đến không lường được.

Những người tính thận trọng như Ellsworth Bunker và William Colby thì thường dùng cách ứng xử theo những điều đã sẵn có. Ba tôi lại thích chọn những kỹ thuật riêng của ông ta, và ngay từ hồi còn trẻ, tôi đã thấy người Á Châu tin tưởng ông. Thân phụ tôi làm Đại Sứ tại Thái Lan chỉ có hai năm rưỡi, vậy mà vài thập niên sau người Thái vẫn còn quý mến ông.

Cốt lõi những gì Ba tôi học hỏi được ở người Á Châu, một hình thái của thuyết nhân quả. Với tôi, tôi hiểu đó là tinh thần phục vụ, nhận lãnh trách nhiệm trao phó mà không phải do dự, làm việc không phải để khoe khoang. Tôi ứng dụng những điều đó nhưng tôi cũng biết rằng, quả thật đó là những điều khó khăn trong công tác của tôi, bởi vì những đức tính ấy nó không phải là những nét đặc thù của người Mỹ.

Mùa Hè năm 1963, trong những ngọn đồi núi của Tỉnh Nan Thái Lan, đường xá chưa có, tôi đã nhập vào với một nhóm người xa lạ. Đó là những người Phi Thong Luang, người dân thường gọi họ là “Tinh hoa của chiếc lá vàng”

bởi họ sống cùng các ngọn đồi nhưng lại ít khi gặp thấy nhau. Người Phi Thong Luang không có nhà, sống trong những túp lều tạm bợ và lang thang đi tìm, đào những rễ loại cây thuốc bắc. Họ cũng tự gọi họ là người M'Bri. Họ không mặc quần áo, chỉ đóng khố (giống người Cao Nguyên Việt Nam). Cuộc sống gần thiên nhiên và đơn giản đó làm tôi cảm thấy dễ chịu hơn là sống tại tư thất Tòa Đại Sứ của ba tôi hay trong khuôn viên Trường Đại Học Harvard.

Cuối cùng, tôi cũng phải rời nhóm nghiên cứu về sắc dân này, bao gồm hai người Anh, một nhà khảo cổ học và một Bác Sĩ người Đức để trở về lại Hoa Kỳ.

Hai năm sau, tại Trường Harvard, huyền thoại về tổ chức Biên Giới Mới (New Frontier) đã cuốn hút và làm tính phiêu lưu của tôi sống lại lối nghĩ phải nhập cuộc, lên đường để ra sức làm những gì cho nhân loại bớt khổ đau và ổn định. Ảo tưởng này đã ảnh hưởng tôi qua các nhà tư tưởng và lãnh đạo Tây phương. Do đó mà mùa hè năm ấy, tôi đã gia nhập vào chương trình để sống và làm việc với người Zinacantecan, một bộ lạc người gốc Maya Indians tại Chiapas, Mễ Tây Cơ.

Nhờ thế mà mười ngày sau, tôi đã có người bạn mới tên là Chep, Chủ Tịch của bộ lạc, và cũng là người trách nhiệm giải quyết các vụ thừa kiện trong bộ lạc xảy ra. Thừa kiện nhiều nhất liên quan đến những vấn đề do uống rượu gây ra. Người dân nào trong bộ lạc này cũng biết uống và nấu rượu, kể cả Chep.

Hồi ở Harvard, vì liên quan đến ngành khảo cổ nên tôi đã học qua ngôn ngữ T'zot'il tiếng của người Maya. Do đó mà tôi đã giúp Chep ghi chép và giải quyết các vụ kiện.

Vài tuần lễ sau, các viên chức trong bộ lạc đề cử tôi giữ chức Phó Chủ Tịch trong bộ lạc.

Chep và tôi cùng thích một cô gái Mỹ. Cô ta là Hiệu Trưởng Trường dạy người Indian cùng thung lũng nơi tôi ở nhưng khác con đường. Chep thì đã có vợ, một người Indian, nhưng không vì thế mà anh ta không còn thích người đẹp. Chep đã ghen khi cô ta mời tôi khiêu vũ hay đi du ngoạn ngoài trời cùng với bạn nàng. Nàng cho phép tôi gọi nàng là Noli.

Tại Zinacantan, tôi đã thấy được người dân giận dữ, can đảm, say sưa, nghèo đói, lầm than. Tôi đã thấy được thế nào là con người khốn cùng.

Rồi bất ngờ, tôi nhận được một tạp chí Time, đưa tin về việc Tổng Thống Lyndon Johnson quyết định gửi quân chiến đấu Hoa Kỳ sang Việt Nam và tiên đoán trận chiến tại đây sẽ kéo dài. Thoạt tiên tôi muốn bỏ học để tình nguyện, nhưng rồi tôi đổi ý, là chờ cho đến khi học xong, tôi sẽ xin sang Việt Nam để phục vụ tại các vùng thôn quê, đó là Chương Trình Phát Triển và Bình Định.

Theo tôi, điều cốt lõi để cho Hoa Kỳ có thể thắng trong cuộc chiến tranh tại Miền Nam nằm ở nông thôn. Một khi dân chúng đã được tổ chức và du kích quân đã bị đánh bại thì Hà Nội sẽ trở thành kẻ đi chinh phục cô đơn. Và chừng ấy Miền Nam Việt Nam có thể đương đầu với họ. Một kiểu chiến tranh như thế thật khó thắng dễ dàng. Đánh bại du kích chiến sẽ dẫn đến khả năng một cuộc chiến tranh quy ước, và trong trường hợp ấy xảy ra thì Miền Nam Việt Nam dễ dàng đối phó hơn kể cả về mặt chiến thuật lẫn tâm lý.

Xa hơn, tôi nghĩ rằng, khi cuộc chiến tranh du kích bị

đánh bại thì tại Hoa Kỳ quần chúng sẽ ủng hộ cuộc chiến này hơn và cũng là điều cơ bản để chính phủ Miền Nam Việt Nam thực thi hiến pháp theo chế độ dân chủ. Nói theo danh từ chiến lược, cuộc chiến phải được thắng tại nông thôn và các vấn đề khác chỉ là chiến thuật. Và đó cũng là quan điểm của Bunker và nhận định của Colby. Và cũng chính vào suy nghĩ như thế, tôi đã không ngần ngại hỗ trợ cho đảng chính trị Việt Nam là Tân Đại Việt, cũng như sau ngày Miền Nam thất bại, tôi đã mở cửa Hoa Kỳ để đón nhận hàng trăm ngàn người Đông Dương tỵ nạn vì chọn nơi này là vùng đất tự do.

Nhằm nghiên cứu thêm những nhận thức về chính trị tại nông thôn, mùa Hè năm 1966 tôi đã trở lại Thái Lan. May mắn cho tôi là tôi có được một ngân khoản về chi phí di chuyển do văn phòng Khoa Trưởng Harvard cấp cho. Tại đây tôi đã được một chi nhánh của cơ quan Phát Triển Quốc Tế có Trụ Sở tại Thái, thuê trong mùa Hè với nhiệm vụ giống với mục tiêu mà tôi đang nghiên cứu. Vùng thôn quê tôi tìm hiểu là Vùng Đông Bắc Thái, nơi mà những người cộng sản du kích Thái đặt trọng tâm ở trong những hoạt động tuyên truyền và quấy động chiến tranh du kích. Đề tài tôi nghiên cứu cũng chính là luận án của tôi sau này đệ nạp tại Harvard.

Nội dung công tác nghiên cứu của tôi là phân tích và so sánh giữa những người nông dân tại Vùng Đông Bắc Thái và người gốc Da Đỏ Zinacantecans tại Mỹ Tây Cơ và những ý thức hệ chính trị của họ. Từ đó tôi đưa ra luận điểm, một người nông dân Thái, dù họ phải sống trong nghèo khó, xa Thủ Đô, xa chính quyền nhưng họ luôn ủng hộ chính phủ bởi vì đó là biểu tượng cho quê

hương họ. Trái lại, người Zinacantecans họ lại không tha thiết gì đến công trình của chính phủ bởi vì họ không nghĩ là họ là người Mễ Tây Cơ mặc dù họ sống trên đất nước này và họ vẫn nghĩ họ là người Da Đỏ.

Ứng dụng việc nghiên cứu trên, trái ngược với những luận điểm của Marx đã đưa ra, bởi vì theo Marx, con người chính trị là con người đặt trên nền tảng giai cấp hay hiện trạng đời sống kinh tế. Đàng khác, sự nghiên cứu của tôi cũng đến khả năng, tầng lớp nông dân nếu tạo cho họ hiểu rõ chính nghĩa, tự họ sẽ chống lại sự tuyên truyền và xâm nhập của hàng ngũ du kích. Nói một cách khác, chống lại một kế hoạch xúi dục bạo loạn của đối phương, không phải chính quyền tìm cách tuyên truyền để thắng lấy trái tim và bộ óc của quần chúng và cũng không phải bằng cách chính quyền chỉ lo nuôi ăn quần chúng.

Tôi dùng phần lớn thời gian sống và nghiên cứu ở Làng Ban Chiang thuộc Tỉnh Udom. Một hôm đi ra ngoài làng lang thang, tôi bước lách qua một cây cổ thụ, vấp ngã, mặt tôi úp xuống đất. Tôi chợt nhìn thấy một lọ bình cổ xưa bị lá bụi che khuất nằm ngay dưới chân tôi. Chiếc lọ bình làm bằng đất sét nung màu đỏ nhạt, chưa bao giờ thấy ở Thái Lan.

Tôi đoán là rất cổ xưa, từ thời làm bằng đất nung khô. Tôi mang về Bangkok và nhờ giáo nghiệm để có kết quả chính xác hơn là qua kinh nghiệm. Tôi cho rằng chiếc lọ bình này đã được làm từ thời tiền sử. Rồi tiếp theo, tôi đưa nhóm khảo cổ học ở Trường Đại Học Pennsylvania và Bảo Tàng Viện Quốc Gia Thái tới đào tìm thêm.

Kết quả đã tìm thấy những đồ dùng bằng đồng và bằng sắt của những người dân Ban Chiang cổ xưa. Những đồ

đồng ở Ban Chiang còn cổ xưa hơn cả những đồ đồng xưa nhất đã tìm thấy ở Trung Hoa. Điểm đó chứng tỏ nguồn gốc của nền văn minh cổ ở Đông Á xuất phát từ Đông Nam Á chứ không phải xuất phát từ phương Bắc như từ lâu các nhà khảo cổ học đã tin như vậy.

Lịch sử Á Châu phải được viết lại do sự khám phá tình cờ của tôi. Và nó cũng đã xác định thêm rằng nguồn gốc văn minh của nền văn hóa Việt Nam, theo truyền thuyết của người Việt thường tự hào, là những gì độc lập, không ảnh hưởng hay dính dáng từ Trung Hoa. Nguồn gốc tự chủ từ nguyên thủy về văn hóa ở Đông Nam Á đã giúp cho người Việt Nam có thêm một điều cơ bản về sự hiện hữu và sự hình thành một quốc gia của chính riêng họ.

Năm cuối của tôi ở Harvard 1967 cũng là năm báo động do làn sóng chống chiến tranh lên cao độ sẽ xảy ra vào năm sau đó khắp cả Hoa Kỳ. Năm ấy, nhóm sinh viên phản chiến đã kéo về khá đông trong một Hội Trường tại Harvard nhân buổi viếng thăm và nói chuyện của Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara để phản đối ông ta. Tôi đã ngược dòng với đám đông ấy để đặt và trả lời những câu hỏi nhằm biện minh cho chính sách của ông ta. Thành phần phản chiến phân hóa gần như hỗn loạn. Cảnh Sát nhà trường đã mở đường để cho ông McNamara và tôi ra khỏi đám đông sinh viên ấy, thoát bằng đường hầm phía dưới khu nhà ở của trường Harvard. Hẳn là McNamara chẳng bao giờ cảm ơn tôi nhưng tôi cảm thấy yên ổn và sung sướng vì những điểm tôi trình bày lúc ấy đã được không ít sinh viên phản chiến tán đồng và ủng hộ.

“Hô! Hô! Hồ Chí Minh và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ thắng”! Đám đông đã tràn ra những con đường

nhỏ xung quanh Trường, diễn hành và hát những bài ca xứng tụng cộng sản ấy.

“Và nếu họ muốn giúp đỡ cho dân tộc Việt Nam thì họ phải làm những gì”? Tôi tự hỏi. “Họ biết quá ít về xứ sở này và vô trách nhiệm”. Tôi đã kết án các đồng môn của tôi như thế.

Nhìn ngắm và lắng nghe, tôi nghĩ, đó là điều cần thiết nhưng chưa hẳn là đầy đủ bởi vì đằng sau những lời nói đầy hùng biện thường còn ẩn dấu những điều họ muốn bào chữa, bảo vệ. Điều ấy tôi chưa nhìn thấy lúc còn ngồi ở ghế nhà trường, cho mãi những năm sau tôi mới khám phá, khi trao đổi, gặp gỡ lại các bạn học của tôi, những người phản chiến. Họ hãi sợ. Không phải sợ bị thương hay chết mặc dù đó là loại sợ hãi không ai muốn nhưng là một nỗi sợ hãi khác có thể chỉ xảy ra trong một xã hội tân tiến thịnh vượng nhưng đã đánh mất niềm tin vào huyền bí và ma thuật. Đó là thứ sợ hãi trách nhiệm, thích thụ hưởng và không chịu ràng buộc vào bất cứ vấn đề gì.

Cuộc chiến tại Việt Nam, Hoa Kỳ đã không muốn can dự. Lyndon Johnson năm 1965 đã nói là ông ta không muốn trở thành một kẻ đứng gác cổng, nhưng không còn cách chọn lựa nào khác hơn. Hấp thụ truyền thống vì danh dự của thế hệ lớn tuổi Hoa Kỳ, Johnson đã không lần tránh trách nhiệm. Trái lại, thế hệ trẻ của tôi ở Harvard đã chọn điều ấy. Một số ít cùng lớp với tôi đã đến Việt Nam. Một số ít các lớp khác cũng đã làm điều ấy. Nhưng đó chỉ là con số tượng trưng, phần lớn thụ động, quan ngại theo giáo dục của Harvard. Trong thành phần tự nguyện sang Việt Nam thời điểm ấy, không ai trong chúng tôi muốn tiêu hủy tuổi thanh xuân của chính mình, nhưng chúng

tôi muốn chứng tỏ cho những người dân Hoa Kỳ đang nghèo khổ và thiếu học vấn thấy rằng không phải chỉ có tầng lớp của họ mới bị gửi sang Việt Nam còn những thành phần khác trong xã hội lại được quyền lẫn tránh.

Thế hệ của chúng tôi tại Harvard, nhìn chung, thiếu tinh thần nhận lãnh trách nhiệm bởi lẽ hầu hết trong chúng tôi ít ai chịu suy tưởng về chính mình. Những học vị, bằng cấp đạt được chẳng qua là do cá nhân bỏ công sức tập rồi đúc kết. Hãi sợ sự thất bại bởi vì không đủ nhận thức để dự phòng những vấn đề của xã hội sẽ xảy đến nên phần lớn chúng tôi quay lưng và chống lại những gì mà xã hội đòi hỏi. Sự khước từ và chống đối chúng tôi chỉ lập lại những thói quen mà thế hệ cha anh và các nhà lãnh đạo đã thực hiện, đôi khi thiếu đạo đức, hơn là do nhận thức từ những suy nghĩ chín chắn. Cả thế hệ xuống đường vào năm 1968 và sau đó đều là những thành phần trẻ, mới vào đời, chịu ảnh hưởng tiểu thuyết hiện sinh của Hemingway và Fitzgerald đã viết 40 năm trước đó, để chỉ biết chối bỏ những khó khăn và mong hưởng thụ.

Tóm lại, tôi tốt nghiệp trong một bối cảnh như vừa kể, cùng lúc ông Thiệu đắc cử Tổng Thống Miền Nam Việt Nam, và bắt đầu theo học khóa ngôn ngữ Việt trong một nhà để xe được tu chính tại Roslyn, Virginia.

TRIỂN VỌNG VỀ

CHƯƠNG TRÌNH BÌNH ĐỊNH NÔNG THÔN

Bunker đã thúc đẩy chính quyền Miền Nam Việt Nam thực hiện chương trình phát triển nông thôn. Theo ông, việc phát triển và xây dựng tại nông thôn phải do chính người nông dân tại địa phương quyết định.

Ellsworth Bunker luôn nhận định, chỉ nhằm phát triển khả năng Quân Đội Miền Nam và giúp đỡ cho người dân Miền Nam được tự do bầu cử theo Bản Hiến Pháp dân chủ mới là bước đầu để Hoa Kỳ muốn rút quân ra khỏi đất nước này... Cơ bản mà Ellsworth Bunker đeo đuổi là người Việt Quốc Gia tại Miền Nam có một cuộc ổn định chính trị và một nền kinh tế thịnh vượng. Để thực hiện điều này, Bunker thấy rõ rằng người Việt là chủ động còn Hoa Kỳ chỉ có thể hỗ trợ tài chính và kỹ thuật.

Theo Bunker, Bình Định tại các Vùng Nông Thôn Miền Nam Việt Nam không gì khác hơn là tạo điều kiện để luật pháp được áp dụng công bằng và kinh tế được phát triển theo những nhu cầu mà người dân tại địa phương mong muốn. Nói một cách khác là tạo điều kiện để mọi sinh hoạt trong xã hội được tái sinh động. Bình Định là Chương Trình nhằm cải tổ đời sống và mang đến sự an ninh tại nông thôn. Đó cũng là điều kiện tất yếu mà chính quyền Trung Ương phải mang đến cho người dân trước khi đòi hỏi họ tham gia vào đời sống chính trị của cả nước.

Kinh nghiệm sống nhiều nơi tại Á Châu và Châu Mỹ La Tinh cộng thêm sự quan sát ở những người nông dân láng giềng tại Vermont, Bunker rút ra được kinh nghiệm là những người nông dân sống không bằng ảo tưởng mà bằng những thực tiễn họ bắt gặp tìm thấy qua đời sống thường nhật. Họ không thích có những đổi thay như thành phần trí thức tiểu tư sản. Với họ, cuộc cách mạng, đặc biệt là cuộc cách mạng võ trang là mối quan ngại đối với họ. Chính vì thế, Bunker tin tưởng rằng, nếu Chương Trình Bình Định không kết quả, chính quyền Miền Nam khó có thể chiến thắng thì nó cũng trở nên vô nghĩa.

Ngày 24 tháng 5 năm 1967, Bunker đã nói cho Tổng Thống Johnson là nếu Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam thành công trong Chương Trình Bình Định, thì Hà Nội sẽ không còn đất để bám vào, để thâm nhập người và vũ khí.

Ellsworth Bunker cũng khám phá được, bình định qua ngôn ngữ Việt Nam, đồng nghĩa với chữ “bình”. Bình nghĩa là cuộc sống hài hòa và cùng nghĩa với “thái bình” theo truyền thống Trang Tử của Trung Hoa.

Bunker đã từng thảo luận với Thiệu, Kỳ và các nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam là chính phủ Sài Gòn phải thực hiện sự an ninh xã hội như một bảo đảm đối với dân chúng trước khi đòi hỏi dân chúng ủng hộ chính phủ. Tối thiểu thì chính phủ phải giữ được an ninh, trật tự nơi mà dân chúng đang sống. Điều đó có nghĩa là, vào năm 1967, chính phủ phải có mặt tại các làng mạc, nơi mà cộng sản đang kiểm soát hay có ảnh hưởng.

Ngay sau khi cuộc bầu cử, Bunker đã đề nghị với Thiệu là hãy vạch ra một chương trình táo bạo để thực hiện trong vòng 6 tháng đầu nhiệm kỳ. Bunker cũng hứa với Thiệu là sẽ hỗ trợ mạnh mẽ về chương trình mà Thiệu sẽ đưa ra, đồng thời cũng đưa ý kiến là Thiệu nên mời một nhân vật dân sự có uy tín với các đảng phái chính trị tham gia chính phủ. Theo quan điểm của Bunker, người mà ông kính trọng chính là Cụ Trần Văn Hương, Thiệu đồng ý.

Bởi vậy vào cuối tháng 9 năm 1967, Bunker đã trình cho Thiệu một tài liệu bao gồm 13 điểm qua đó Hoa Kỳ hợp tác, làm việc chung với chính phủ Miền Nam, hầu nâng cao tầm mức quan trọng của các đảng phái chính trị, giảm thiểu sự chia cách, động viên nhân lực, trao

trách nhiệm địa phương cho các Tỉnh Trưởng và Hội Đồng Dân Cử Tỉnh, Xã, Ấp, cứu giúp thành phần cựu chiến binh, nâng cao sản xuất nông phẩm, giảm thiểu nạn lạm phát...

Mặc dù Thiệu là vị Tổng Thống đắc cử nhưng Kỳ vẫn giữ quyền lực. Phần lớn những chức vụ then chốt trong chính phủ đều lọt vào tay những nhân vật do Kỳ chỉ định. Kỳ vẫn nghĩ rằng, ông ta là một con người có thực quyền mặc dù Thiệu đã được đắc cử Tổng Thống. Và đã từng nhiều lần tuyên bố trước dân chúng rằng ông không muốn đóng vai trò của một Phó Tổng Thống theo hiến pháp. Kỳ cũng luôn luôn tìm cách tránh né Thiệu nếu có thể được.

Mãi đến tháng 5.1968 Thiệu mới thật sự có quyền hành. Thế nhưng từ tháng 9.1967 trong một cuộc trao đổi với Thiệu, Bunker đã khuyên Thiệu là nên giảng hòa với Kỳ để sử dụng năng lực và khả năng của ông ta.

Sau khi ông Trần Văn Hương, lần thứ ba, đã từ chối tham gia Nội Các theo lời mời của Thiệu, Thiệu đã nói với Bunker có lẽ ông phải chấp nhận người do Kỳ bổ nhiệm thay thế vai trò của ông Hương. Khi những Dân Biểu tại Quốc Hội lập hiến thuộc phe của Kỳ đã bỏ phiếu xác định cuộc bầu cử hợp lệ, cuối cùng, Thiệu đã phải chọn người của Kỳ để đảm nhận chức vụ Thủ Tướng. Thế mà tại một quán cà phê sang trọng ở Sài Gòn, nơi gặp gỡ của các chính trị gia sa lông, họ vẫn hô hoán “chức vụ Thủ Tướng chưa được bổ nhiệm vì Bunker chưa đồng ý”.

Mặt khác, báo chí Việt Nam đã không còn bị kiểm duyệt kể từ tháng 7, đã đăng hàng loạt bài nhằm xuyên tạc cho rằng Hoa Kỳ đã có những hành động chen vào công việc nội bộ của người Việt Nam. Do thế mà Bunker

đã cảnh giác với Tổng Thống Johnson, theo hiến pháp mới, Hoa Kỳ phải thận trọng trong việc chọn lựa những lãnh vực để hợp tác với chính phủ Miền Nam nhằm tránh sự ngộ nhận về mặt chính trị có thể xảy ra.

Sau đó, Ellsworth Bunker đã nhận được thư ngỏ, ký tên do một ứng cử viên thất cử, đã cáo buộc “ông đã can dự vào những vấn đề của Việt Nam”. Bức thư chẳng nêu lên những luận cứ chắc chắn, nên Bunker đã không quan tâm. Một số báo chí ở Sài Gòn đã chỉ trích và cho rằng Bunker nhúng tay vào sự thành lập của tân chính phủ.

Tại Washington, cả Johnson và Quốc Hội đều nhận định Miền Nam Việt Nam quá yếu. Họ đã không ngần ngại khuyến cáo Thiệu đủ điều. Tại Sài Gòn, người ta trút trả mọi tức giận lên người Mỹ: “Biết người Mỹ quá mà”. Đó là thái độ gièm xĩa của báo chí và lạnh nhạt của chính phủ. Chúng ta chẳng bao giờ rút ra được bài học, Bunker tự thắc mắc rằng người Việt Nam luôn tự cao tự đại, và chính đặc tính này đôi khi đã làm tổn thương chính họ và thiêu hủy tính tự trọng nơi họ.

Trong suốt năm 1967, Ellsworth Bunker đã dồn mọi nỗ lực vào Chương Trình Bình Định, và đã đạt được những kết quả khả năng hơn là đặt trọng tâm vào lãnh vực chính trị. Ông ta cũng đã chuyển giao trách nhiệm chiến đấu cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tại các vùng nông thôn, một số nơi, vấn đề an ninh đã tái lập khả quan. Một trở ngại rơi vào lòng lẫn lẩn, không thành công trong Chương Trình Bình Định thì sự phát triển về mặt chính trị chỉ là tạm bợ nhưng nếu chính quyền không nhúng tay vào để chính trị được tự do nảy sinh quá đà thì Chương Trình Bình Định sẽ bị thất bại.

Chính quyền dân sự tại Miền Nam, đặc biệt trong các Vùng nông Thôn, đã có những nỗ lực quá mức. Với một chính phủ vừa hình thành theo hiến pháp mới, chính quyền Miền Nam Việt Nam đã chứng tỏ những hoạt động cụ thể. Mặc dù tại Miền Nam Việt Nam, như tất cả các Quốc Gia đang phát triển khác, thiếu rất nhiều nhân tài, thế nhưng công việc bình định, cải tổ chính trị và phát triển kinh tế đã đều được áp dụng.

Kế hoạch của Bunker là thúc đẩy Đồng Minh của ông ổn định sự an ninh tại các làng mạc và các Cổ Vấn Hoa Kỳ đặc trách thực hiện công việc cải cách tại nông thôn. Quyết định đầu tiên của ông là trao kế hoạch được soạn thảo và nghiên cứu tại Washington để thực hiện tại Miền Nam Việt Nam, đó là Chương Trình Bình Định cho Tướng Westmoreland, vị Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ và cũng là Cổ Vấn cao cấp của Hoa Kỳ cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Robert Komer, một nhân viên dân sự Mỹ, phụ tá cho Westmoreland đặc trách nhiệm vụ này. Điều đó có nghĩa là các nhân viên dân sự Mỹ phục vụ tại các Tỉnh dưới những tổ chức như cứu trợ, tình báo, thông tin đều đặt dưới sự giám sát thuộc Quân Đội Hoa Kỳ. Một số các nhân viên dân sự Mỹ cảm thấy rằng tổ chức như thế thì không thể nào thành công được trong việc chiến thắng trái tim và bộ óc của người nông dân Việt Nam.

Họ e ngại dưới một kế hoạch mới về Bình Định và Xây Dựng Nông Thôn như thế lại trao cho những sĩ quan Quân Đội, những người theo họ chỉ có khả năng tác chiến hơn là làm nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế, thì kế hoạch trên không thể hoàn tất.

Bunker xác định với Tổng Thống Johnson thành phần dân sự tham gia vào toàn bộ chương trình này không phải là không có ý nghĩa. Chính sách cải thiện đời sống tại nông thôn do chính Bunker nghiên cứu. Đưa những nỗ lực riêng rẽ trong chính sách trở thành một tổng hợp để thực hiện đồng bộ mục tiêu là hướng chính đáng mà Hoa Kỳ cần thực hiện. Các mục tiêu sẽ chẳng bao giờ hoàn tất nếu không được kết hợp và điều hành đúng mức. Sau này, Bunker đã nói với tôi những gì mà ông ta áp dụng tại Việt Nam là kinh nghiệm của hơn 34 năm học hỏi trong ngành của ông.

Tổ chức mới được hình thành đặc trách vấn đề Bình Định và Cải Thiện Đời Sống Nông Thôn tên là C. O. R. D. S. một tổng hợp giữa những hoạt động quân sự và dân sự. Nói khác đi, những nhân viên quân sự và dân sự Hoa Kỳ có nhiệm vụ Cố Vấn cho các viên chức người Việt Nam tại các Làng, Quận, Tỉnh và cả chính quyền Trung Ương. CORDS có trách nhiệm phải thực hiện đời sống an ninh tốt hơn tại nông thôn và cải tổ tốt hơn chính quyền hiện hữu khắp cả nước.

Những nhân viên dân chính nằm trong tổ chức mới này được chỉ huy và điều động từ những sĩ quan Quân Đội, thi hành nhiệm vụ do một Hội Đồng trực thuộc của Bunker nghiên cứu. Chẳng hạn, những thành phần sĩ quan trừ bị trẻ, tuổi 20, phục vụ tại ngoại quốc, có thể được Bộ Chỉ Huy CORDS tuyển chọn qua một cuộc khảo sát của một số sĩ quan cao cấp và Tướng lãnh. Nếu được tuyển chọn, những nhân viên dân chính trẻ này sẽ trở thành những Cố Vấn về chương trình cho các sĩ quan phục vụ tại cơ quan CORDS.

Thời Bunker, đã có hàng chục nhân viên dân chính, biết ngôn ngữ Việt Nam được tuyển chọn, như tôi, để trở thành những nhân viên Cố Vấn cho CORDS phục vụ khắp Miền Nam Việt Nam.

Người có trách nhiệm trực tiếp để đưa chương trình này được thực hiện một cách trôi chảy, giải quyết những thắc mắc giữa người Mỹ và người Việt là Bob Komer. Là người phụ tá cho Westmoreland, Komer đã gắn cờ Tướng lãnh 4 sao trên xe ông ta. Các Tướng lãnh không lấy gì hài lòng và cả Westmoreland cũng cảm thấy khó chịu. Nhưng Komer giải thích, nếu không làm thế thì vai trò của ông ta khó làm việc. Ông ta không thích ngồi ở bàn giấy, ai thích hay ghét ông, ông cũng chẳng cần để ý. Thế nhưng, chỉ có Bob Komer là người tổ chức và điều hành để đưa cơ quan CORDS thực hiện hữu hiệu những gì mà Chương Trình Bình Định đã đòi hỏi ròng rã suốt 9 năm.

Bunker luôn tự ý thức, ông chỉ là người điều hợp còn thực hiện là do công sức của những người khác. Với ông, chỉ có một cuộc chiến duy nhất, không phải cuộc chiến xảy ra nơi này là do Bộ Binh, nơi khác là do Hải Quân, còn Quân Đội Miền Nam Việt Nam thì lại chiến đấu tại một vùng nào đó. Ông ta luôn theo dõi và hỗ trợ tối đa cấp thừa hành khi thực hiện nhiệm vụ và cũng luôn phân tích để thuộc cấp nhận rõ phần việc của họ rất hệ trọng vì nằm trong một chính sách chung.

Sau khi đến Sài Gòn, Bunker khám phá ra rằng Komer đã trả lại Washington hệ thống liên lạc riêng của ông ta mà không báo gì cho Bunker biết. Komer giải thích cho Washington là mọi việc ông ta muốn để Bunker quyết định. Thực ra trước đó có một hệ thống liên lạc

riêng dành cho Komer và nhân viên của ông trực tiếp với Washington sử dụng trong trường hợp khẩn cấp. Bunker biết điều ấy nên ông ra lệnh mọi công điện gửi về Washington phải trình và do ông quyết định. Mặc dù Bunker không nói với Komer điều đó nhưng Komer đã nhận ra đó là nguyên tắc mới mà Bunker đặt ra.

Komer đã gặp Ellsworth Bunker và nói: “Tôi biết là ông muốn kiểm soát mọi nguồn thông tin trước khi được chuyển về nước”. Bunker đáp: “Vâng. Tôi muốn điều đó”.

Komer là người đã giúp cho Bunker thực hiện chương trình Bình Định của ông tiến triển nhanh chóng. Vào giữa tháng 6 năm 1967, trong khi tổ chức CORDS trong thời kỳ phôi thai. Komer đã trình cho Bộ Tham Mưu của Bunker một kế hoạch bao gồm 8 điểm ưu tiên mà Hoa Kỳ và chính phủ Miền Nam cần phối hợp thực hiện trong năm 1968.

Trong kế hoạch do Komer đề nghị đưa ra những điều kiện hấp dẫn hơn để chiêu dụ việt cộng hồi chánh, Cảnh Sát hoạt động hữu hiệu hơn để khám phá và chặn đứng phần tử việt cộng nằm vùng, phá hoại, thu thuế, phục vụ đời sống dân tỵ nạn tốt hơn, tăng cường lực lượng quân sự tại Tỉnh và Làng Xã lên con số thêm 100.000 người để an ninh được bảo đảm hơn, thêm Cố Vấn Hoa Kỳ và phương tiện truyền thông.

Vào giữa tháng 8, khi chiến dịch vận động bầu cử Tổng Thống đang tiến hành, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đang phục hồi tinh thần chiến đấu cao hơn và phía Hoa Kỳ đã nhận được những chỉ dẫn người dân Miền Nam Việt Nam bắt đầu quan tâm đến Chương Trình Bình Định, Bunker đã mời Thiệu, Kỳ, Tướng Tổng Tham Mưu

Trường Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, Bộ Trưởng Kế Hoạch cùng ông Komer và Tướng Westmorland họp thảo luận những dự án mà phía Hoa Kỳ đưa ra nhằm nâng cao hiệu năng của Chương Trình Bình Định. Quan điểm của Kỳ cũng giống với Komer.

Trong 13 điểm mà Bunker đã thảo luận với Thiệu sau khi cuộc bầu cử Tổng Thống, phần lớn các điểm quan trọng là khuyến cáo phải tăng thêm quyền hành cho các địa phương Xã Ấp trong kế hoạch phát triển tại địa phương. Bunker nghĩ rằng chính quyền tại Miền Nam sẽ hiểu rõ những nhu cầu và mong muốn của dân chúng tại địa phương mình hơn là chính phủ Trung Ương tại Sài Gòn.

Kinh nghiệm này Bunker có được là nhờ học hỏi qua Gandhi và Nehru vào cuối thập niên 1950 khi Bunker làm Đại Sứ tại Ấn Độ.

Mùa Thu năm 1967, đợt bầu cử đầu tiên theo hiến pháp mới của Miền Nam Việt Nam quy định đã hoàn tất. Ngày 22 tháng 10 các vị dân cử của 44 Tỉnh bắt đầu làm việc tại Tòa Nhà Hạ Nghị Viện. Trong số những Dân Biểu dân cử này nhiều người có uy tín với dân chúng Miền Nam, có cả lãnh tụ của phe đệ tứ quốc tế Trotskyte đã sống sót sau vụ tàn sát của lực lượng theo phái Stalinist do Hồ Chí Minh lãnh đạo vào năm 1945. (Ông ta sau đó đã chết trong nhà tù cộng sản năm 1980 vì tranh đấu cho nhân quyền).

Hai chính trị gia đối lập tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long cũng được đắc cử. Tiêu biểu cho các tôn giáo và các miền đều có người vào Hạ Viện. Phía Công Giáo không có nhiều người đắc cử như Thượng Viện. Truyền thống các đảng phái chính trị cũng không hoạt động hữu hiệu tại Hạ Viện. Thiệu cảm thấy hài lòng vì thấy Hạ Viện

có nhiều khuôn mặt tiêu biểu và có uy tín đã được dân chúng tín nhiệm.

Về phía Hoa Kỳ. Bunker cho rằng, thành phần vừa đặc cử vào Hạ Viện sẽ là một lực lượng chính trị quan trọng. Ông ta báo cáo thẳng lên Tổng Thống Johnson về nhận định của ông, nếu không có quan hệ tốt với số Dân Biểu vừa đặc cử này thì những chương trình mà Hoa Kỳ mong muốn chính phủ Miền Nam Việt Nam thực hiện, mặc dù được Thượng Viện ủng hộ nhưng chưa chắc đã được Hạ Viện thông qua vì đa số những Dân Biểu ở Hạ Viện là người không đảng phái.

Ngày 30 tháng 10 năm 1967, theo hiến pháp mới, Thiệu và Kỳ làm lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Các chiêm tinh gia xác định ngày này là ngày tốt, Thiệu nói với Bunker như vậy.

Lễ nhậm chức được tổ chức đơn giản nhưng trang nghiêm. Bunker lạc quan và phấn khởi. Trong lúc tiếp tân, bốn quả đại bác rót gần khán đài nhưng không gây thiệt hại gì về phần quan khách tham dự. Trong diễn văn nhậm chức Thiệu nêu ra một số điểm trong chương trình mà hồi tháng 9 Bunker đã thảo luận với ông, làm chủ điểm để thực hiện.

Phó Tổng Thống Hubert Humphrey, đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ. Bunker rất ngưỡng mộ Humphrey nên mời ông ta nói chuyện với tất cả nhân viên Tòa Đại Sứ. Mọi người tập hợp ngoài sân dưới bầu trời nóng gay gắt. Bunker nói với Humphrey: “Tôi xin Phó Tổng Thống nói ngắn, khoảng 10 đến 15 phút vì trời quá nóng”. Thoạt đầu ông ta nói cũng ngắn, rồi nói thêm, cuối cùng phải mất 52 phút.

Humphrey thường nói với báo chí trong thời gian có mặt tại Việt Nam: “Tất cả những gì chúng ta có thể thực hiện được bây giờ là tại Việt Nam. Nếu không, Hoa Kỳ sẽ không còn là một cường quốc”.

Ông ta cũng nói với Bunker là “nếu nỗ lực của Hoa Kỳ được xem là thất bại thì các xứ sở sẽ mất niềm tin và chắc chắn là Hoa Kỳ trên đà xuống dốc”.

Sau khi nắm chức vụ, Thiệu bắt đầu công việc gia tăng quyền hạn và trách nhiệm cho các vị Tỉnh Trưởng và đồng thời tuyển chọn và huấn luyện chuyên môn cho các sĩ quan này. Đó là bước quan trọng để giảm dần ảnh hưởng quyền lực của các Tướng lãnh. Việc thực thi hiến pháp sẽ thiếu đi ý nghĩa một khi các quyền về dân sự còn nằm trong tay các Tướng lãnh quyết định.

Đặt vai trò bổ nhiệm và kiểm soát Tỉnh Trưởng và Quận Trưởng vào quyền hạn của Thủ Tướng chính phủ thì chính phủ sẽ trở về đúng vị trí điều hành quốc gia và các Tướng lãnh Quân Đoàn và Sư Đoàn chỉ lo đối phó về mặt chiến đấu. Bốn Tư Lệnh 4 Vùng không còn trách nhiệm kiểm soát chánh quyền địa phương thì quyền hạn như lãnh chúa của một ông cũng sẽ không còn nữa. Từ đó, các ông đủ thời gian để lo chu toàn chức năng của các ông là chiến đấu và chiến thắng các đơn vị chính quy của Hà Nội.

Trong tháng 11.1967, Hội Đồng Liên Bộ họp duyệt xét và quyết định đặt Bộ Phát Triển trực tiếp dưới quyền Thủ Tướng. Komer đã thúc đẩy kế hoạch này. Tướng Nguyễn Đức Thắng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Tham Mưu Trưởng đặc trách huấn luyện Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn và các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Ông

ta bắt đầu thực hiện chương trình huấn luyện kỹ thuật cho các Trung Đội Xây Dựng Nông Thôn nhằm đưa hiệu năng chiến đấu và bảo vệ an ninh cao hơn tại các địa phương.

Thế nhưng tỷ lệ số cán bộ này bỏ ngũ ngày càng lên cao, đó là một triệu chứng xấu. Lý do là chính phủ Sài Gòn đã có những chỉ thị chậm chạp để cải tổ theo những đề nghị quan trọng mà Thắng đã yêu cầu. Washington đã chỉ cho Bunker thêm ngân khoản để tăng cường Cố Vấn cho các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân và thêm nhân viên tình báo để chống lại việt cộng.

Bob Komer cũng đã chuyển một số ngân khoản từ quỹ Bình Định sang công tác này. Bộ Phát Triển chỉ chi tiêu có 58 phần trăm ngân khoản cho đến cuối tháng 10 trong khi đó thì quỹ dùng cho những người tỵ nạn đã tăng 31 phần trăm so với ngân khản đã được chuẩn chi.

Với một hiến pháp đã có, một chính phủ mới đã thành lập và nắm quyền, Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã tỏ ra chiến đấu có hiệu năng hơn. Chương trình Phát Triển Bình Định đã thực hiện với kết quả khả quan. Tất cả những yếu tố trên đủ để cho Tướng Westmoreland mạnh mẽ loan báo một sách lược mới về mục tiêu mà Hoa Kỳ nhằm đạt được trong cuộc chiến Việt Nam là bảo vệ độc lập cho đất nước và tự do cho dân tộc này.

Tình huống Miền Nam Việt Nam ngày một khả quan và vững mạnh đã làm cho tinh thần chiến đấu của hàng ngũ cộng sản bị Hà Nội thúc bách đưa vào Nam ngày càng mất ý chí. Một thách thức cuối mà Hà Nội phải chọn lựa là phải chấm dứt cuộc xâm lăng của họ hoặc phải tiếp tục một cuộc chiến mà họ không bao giờ thắng vì Miền Nam Việt Nam đã mạnh, đã tự tin và có thể chấp nhận

những người Miền Nam có khuynh hướng thân Hà Nội được có một đời sống chính trị.

Ngày 21 tháng 11.1967, trong một bài nói chuyện đọc trước Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia tại Washington, Tướng Westmoreland đã đề cập đến vấn đề ổn định tại Miền Nam Việt Nam trong tương lai ông ta mô tả, và nỗ lực hiện tại của Quân Lực Hoa Kỳ là tiếp tục tiêu diệt các đơn vị cộng quân đồng thời vừa phát triển khả năng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đây là bước cuối cùng trước khi Hoa Kỳ chuyển trao trách nhiệm cuộc chiến cho chính phủ Miền Nam Việt Nam.

Khi được hỏi về giới hạn thời gian, Tướng Westmoreland trả lời rằng ông ta tin tưởng quân chiến đấu Hoa Kỳ có thể bắt đầu rút quân “trong vòng hai năm tới hay ngắn hơn”.

Các đơn vị chủ yếu của cộng quân tấn công trong dịp Tết Mậu Thân 1968 tuy không còn khả năng chiến đấu nhưng chưa hẳn đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng chưa đến hai năm, sau sự tiên liệu của Tướng Westmoreland, đơn vị chiến đấu Hoa Kỳ đầu tiên trở về nước vào tháng 8.1969. Và Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh đang trên tiến trình thực hiện. Việc rút quân này đồng bộ với sự phát triển quân số và hiệu năng chiến đấu của Quân Đội Miền Nam Việt Nam bởi vì Hà Nội tiếp tục tăng cường quân chiến đấu của họ.

Chương Trình Việt Nam Hóa tiến triển tốt đã giúp cho Ellsworth Bunker vào cuối năm 1967, đặt trọng tâm của ông vào việc phục hồi nền kinh tế của Miền Nam. Suốt cuộc du hành quan sát của ông ở đất nước này, Bunker thấy được tại các Vùng Nông Thôn, đời sống của dân chúng không sung túc như tại thành thị. Ông cũng đã

từng khuyến cáo với Johnson việc phát triển kinh tế để nâng cao mức sống của dân chúng Miền Nam là một việc làm đạo đức cần thiết.

Johnson đã từng sinh trưởng và lớn lên tại vùng đồi núi và nông trại, nên ông hiểu rõ thế nào về nhu cầu dân chúng ở nông thôn, cần những người chở mồi để bán sản phẩm của họ được giá hơn là bán qua tầng lớp trung gian. Còn Bunker đồng thời cũng thấy được, một tiến trình để tư sản hóa nông dân và tầng lớp lao động thợ thuyền, sẽ làm giảm đi sự đối kháng của họ với chính quyền. Tiền bạc ở trong tay nông dân là nhu cầu cần thiết về tâm lý và cả mặt chính trị. Khi họ có tiền, họ tự kiểm soát được định mệnh của chính họ. Chỉ đặt trọng tâm trong việc phát triển về giá trị nhân phẩm mà giảm đi mục tiêu phát triển đời sống kinh tế thịnh vượng, sẽ dẫn đến hậu quả là sự luân lưu của đồng tiền có thể bị ngưng đọng, trí tuệ. Thị trường tự do vì thế đã chặn đứng được sự bế tắc này.

Muốn cho Chương Trình Phát Triển Nông Thôn có hiệu quả, Bunker chủ trương cần tăng giá các nông sản cao hơn. Ông ta thảo luận với Johnson và cũng tiên liệu sẽ có phản ứng bất lợi đối với tầng lớp người dân sống ở thành thị. Bunker cũng thảo luận với vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam vừa đắc cử. Thiệu tỏ ra dè dặt vì theo ông ta, việc tăng giá nông phẩm sẽ làm lợi cho thành phần trung gian, phần lớn nằm trong tay người Trung Hoa đang kiểm soát thị trường lúa gạo hơn là trực tiếp ảnh hưởng đến tầng lớp sản xuất nông dân.

Thiệu nhận định đúng. Vào tháng 8 năm 1967, giá nông phẩm đã được tăng lên 30 phần trăm trong năm. Việt cộng tăng cường phá hoại Quốc Lộ 4 từ Đồng Bằng

Sông Cửu Long, ngăn chặn việc chuyên chở tiếp tế lúa gạo, gia súc, rau quả. Giá cả thực phẩm tại Sài Gòn tăng vọt. Phần lớn Công Chức, Quân Nhân sống tại Thành Phố có đồng lương thấp, ảnh hưởng trực tiếp. Đời sống khốn đốn. Mọi việc đều xáo trộn. Bunker cấp bách tìm cách cứu vãn đời sống quân cán chính Miền Nam.

Theo chính sách của các chính phủ Hoa Kỳ trước đó, để làm giảm áp lực lạm phát, phải nhập cảng hàng tiêu dùng cho Miền Nam Việt Nam. Việc nhập cảng và chuyển vận do Mỹ đài thọ và trách nhiệm, nhằm mục đích để kiểm soát hàng nhập cảng đúng tiêu chuẩn và quân bình ngân sách mà Hoa Kỳ dự trù viện trợ cho chương trình này, đồng thời Mỹ cũng viện trợ cho chính phủ Miền Nam thêm một ngân khoản để điều hành ngân sách quốc gia theo nhu cầu. Với nguồn tài chánh cân bằng giữa cung và cầu, áp lực lạm phát đã được giảm thiểu.

Việc nhập cảng hàng hóa cũng giúp cho chính quyền Miền Nam có thêm một lợi điểm khác, chính phủ thu được tiền từ tư nhân để trang trải những khoản thiếu hụt vì không thu được thuế do sản xuất hay do lợi tức của dân chúng.

Quyết định chống nạn lạm phát bằng cách nhập cảng hàng tiêu dùng, Hoa Kỳ đã thực hiện khá lâu cho Miền Nam trước khi Bunker đến, tạo nên hậu quả không mấy sáng sủa về mặt xã hội và tâm lý xã hội này. Hàng tiêu dùng tràn ngập ảnh hưởng đến đa số người Việt Nam, đặc biệt là tại các Thành Phố, có đời sống cao hơn là đời sống khốn khó thực tiễn của một đất nước phải lo chiến đấu để tồn tại.

Toàn xã hội Miền Nam đã trở thành Tây phương

hóa với đầy dãy xe gắn máy, radio, đồng hồ Seiko. Giới thương mại trở thành kẻ hưởng nhiều lợi nhuận trong chiến tranh. Nhiều du khách Tây phương đã quan ngại về sự sống còn của Sài Gòn, sự thịnh vượng xuất hiện hỗn độn, bất thường của một đất nước đang có chiến tranh.

Sài Gòn là một Thành Phố với không khí ăn chơi, trác táng quỵên lẩn với sự tan tác và thảm cảnh của trận chiến. Người ta có thể bắt gặp một trẻ mồ côi chờ khách đánh giầy trước một cửa hàng bán xe thể thao đắt tiền hoặc những chiếc áo dài bằng lụa thêu sang trọng chợt xuất hiện bất ngờ.

Sau cuộc bầu cử, Bunker chuyển sang việc điều chỉnh cơ cấu trong việc hỗ trợ tài chánh cho Việt Nam. Ông ta muốn người Miến Nam phải tăng gia hàng sản xuất nội địa, điều đó có nghĩa là dân chúng nỗ lực thêm nữa trong việc đóng góp tài chánh cho cuộc chiến vì chính họ. Bởi vậy ông đã đề nghị với chính phủ Miến Nam cho phép Hoa Kỳ được chia sẻ, tham dự trong việc duyệt xét lại ngân khoản mà chính phủ Miến Nam dự trù chi tiêu trong năm 1968. Bunker nghĩ rằng, một khi Washington cắt giảm ngân sách trợ giúp cho Sài Gòn thì ông phải biết Miến Nam phải cần ngân khoản viện trợ bao nhiêu để ông yêu cầu Washington phải thực hiện.

Nhằm tăng lương nhưng ngân sách chính phủ không bị thiếu hụt, Bunker khuyến cáo Thiệu tăng thuế xăng dầu song song với việc tăng lương cho thành phần cao cấp thuộc Quân Cán Chánh. Nhưng các chuyên viên kinh tế thì lại đề nghị tăng thuế những hàng hóa nhập cảng vì theo họ, việc tăng thuế xăng dầu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giới nghèo trong khi đó tăng thuế hàng hóa

nhập cảng chỉ ảnh hưởng đến tầng lớp giàu có mà thôi.

Nhưng phía chính phủ Miền Nam cũng đồng ý với Bunker, một cách tổng quát, việc tăng thuế là một điều cần thiết và số gạo mà Hoa Kỳ viện trợ chính phủ Miền Nam sẽ bán cho dân chúng với giá rẻ để chặn đứng việc giá gạo sản xuất tại nội địa có thể tăng lên. Bunker đồng ý với chính phủ Miền Nam và chờ họ áp dụng. Miền Nam Việt Nam tự họ quyết định.

Cuối cùng, chính phủ Miền Nam đồng ý tăng lương cả Quân Nhân lẫn Cảnh Sát và tăng thêm ngân sách về việc cứu trợ những nạn nhân cộng sản. Điều đó có nghĩa là phải tăng thuế. Tháng 12 năm 1967 đã đồng ý trên nguyên tắc là sẽ tăng thuế và tăng giá lúa gạo cao hơn. Hai ông Thiệu, Kỳ dự trù sự tăng đó sẽ áp dụng vào tháng 1 năm 1968, sau Tết Việt Nam để tránh dân chúng hoang mang. Bunker đã báo về Washington biết là Hoa Kỳ đã thành công trong việc thúc đẩy Miền Nam Việt Nam nhận tăng thuế.

Vào cuối năm 1967, Bunker tin tưởng rằng, tất cả những điều ông tiên liệu đã xảy ra đúng. Sau 6 tháng, chính phủ của Thiệu đã được dân chúng ủng hộ. Những điều tối cần đã bắt đầu thực hiện. Đã kêu gọi động viên thêm vào Quân Đội, các lực lượng chiến đấu được phát triển và huấn luyện, lương bổng được tăng, các Tỉnh Trưởng đã được thay. Hoạt động phát triển bình định được mở rộng. Sự xáo trộn được ổn định và đã đưa ra một mô thức để thực hiện hòa bình với Hà Nội.

Chương Trình Bình Định chưa hẳn đã được kết quả hoàn toàn cho dù là kéo dài tới những năm sau đó, nhưng dân chúng ở các Vùng Nông Thôn đã được bảo vệ an ninh

nhiều hơn, công việc sản xuất tăng hơn. Bunker đồng ý cho dù không được Đồng Minh hỗ trợ nhiều, nhưng chính phủ Miền Nam đã thực hiện nhiều công tác quan trọng cho dân chúng hơn là năm 1967

Đầu tháng 12, Sư Đoàn 21 Bộ Binh của Miền Nam đã được tăng cường Tiểu Đoàn Biệt Động Quân để bao vây và tiêu diệt một lực lượng lớn của việt cộng tại Tỉnh Chương Thiện. Việt cộng bị chết 439 người trong khi phía Miền Nam chỉ tổn thất 67.

Cuối tháng ấy, 4 đơn vị thuộc một Sư Đoàn của Miền Nam cũng đã dành được sự chiến thắng trong khi chạm súng với đối phương. Trước sự tiến triển khả quan đó, Tướng Westmorland đã trao cho Sư Đoàn 1 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa nhận lãnh trách nhiệm một số cứ điểm nằm dọc phía Nam Vùng Phi Quân Sự. Sau khi nhận trách nhiệm, một đơn vị Sư Đoàn này chạm trán và tiêu diệt hai phần ba quân số của một tiểu đoàn Bắc Việt.

Duyệt xét tình hình chiến sự, Bunker đã báo cho Tổng Thống Johnson biết, trong suốt 12 tháng tới, ông ta sẽ áp dụng chiến thuật như đã áp dụng trong năm 1967: Khóa chặt biên giới Miền Nam Việt Nam để giảm thiểu sự xâm nhập của quân đội Bắc Việt. Lùng và diệt các lực lượng cộng quân tại Miền Nam Việt Nam, cô lập các hậu cứ dưỡng quân của đối phương.

Để hoàn tất kế hoạch đó, Tướng Westmoreland chỉ được bổ sung thêm một số rất ít các lực lượng của Đồng Minh đến từ Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan, Đại Hàn, còn lực lượng Hoa Kỳ là 525.000 vẫn không thể tăng hơn nữa. Bù lại, Tướng Westmoreland được tăng cường thêm các phi vụ B52.

Một cuộc trắc nghiệm quan trọng đầu tiên là tăng cường lực lượng quân sự Miền Nam, phát triển khả năng lãnh đạo chỉ huy và để cho Miền Nam tự đảm nhận khả năng tiếp vận. Hoàn tất vai trò trên có nghĩa là các đơn vị chiến đấu rồi ra sẽ có thể hành quân di chuyển xa hơn ở hậu cứ đóng quân của họ. Hoa Kỳ cũng quan tâm trong việc tái tổ chức cơ cấu chỉ huy có hiệu năng trong Quân Đội Miền Nam.

Hai vấn đề nan giải xảy ra mà Bunker đã phải giải quyết là Quân Đội Miền Nam thiếu trực thăng và quân đội Bắc Việt vẫn sử dụng lãnh thổ Lào và Cao Miên làm hậu cứ. Ông ta đã nói với Tổng Thống Johnson những hậu cứ này cho phép đối phương tiếp tục đe dọa các mục tiêu của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á và trở nên đầu mối nguy hiểm trong bất cứ một cuộc thương thuyết hòa bình nào với Hà Nội và việc rút quân chiến đấu của Hoa Kỳ.

Bunker luôn nghĩ rằng, nỗ lực của Quân Đội chắc chắn là phải khó khăn hơn nữa. Ông ta báo với Johnson là đã chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch cho việc rút quân chiến đấu của Hoa Kỳ cho dù cuộc đàm phán có thành công hay không.

Bunker rời khỏi Sài Gòn lần đầu tiên sau vụ Tết Mậu Thân 1968 theo lời mời của Thiệu cùng với các Đại Sứ khác như Đại Hàn, Trung Hoa Quốc Gia, Thái Lan, Phi Luật Tân và Nhật Bản, để thăm Tỉnh An Giang, và sau đó là Vĩnh Long. Đó là một ngày nóng gay gắt, Phái Đoàn Tổng Thống rời Sài Gòn lúc 8 giờ sáng và trở về lúc 7 giờ chiều.

An Giang là một Tỉnh giàu vì ruộng lúa phì nhiêu, cũng là một cứ điểm mà việt cộng không bao giờ đặt chân tới được. Thăm nơi này người ta không thể nào nghĩ rằng đây là một đất nước đang xảy ra cuộc chiến tranh. Mục

tiêu của cuộc viếng thăm là để Thiệu làm lễ cấp phát bằng khoán chủ quyền ruộng đất cho khoảng 1.350 nông dân.

Đại diện cho những nông dân nhận bằng khoán hôm ấy đọc diễn văn cảm ơn, là một cụ già, tóc bạc dài búi phía sau trong bộ bà ba trắng. Rồi quan khách từ Sài Gòn đi xem một thửa ruộng mẫu. Thiệu được mời cấy năm mạ đầu tiên. Ông ta tháo giấy, xắn quần và lội xuống ruộng trước sự hoan hô và vỗ tay của nông dân. Có lẽ Thiệu cảm thấy thoải mái khi gần với những nông dân hơn là phải đối phó với việc tranh giành quyền lực tại Sài Gòn.

Rời thí điểm, Bunker đến một làng khác để xem biểu diễn cách sử dụng máy móc dành cho nông trại, như máy gieo lúa, máy gặt, máy xay... Bunker tự hỏi, làm thế nào có thể ứng dụng máy móc ấy trong một xứ sở chưa phát triển. Thiệu leo lên một chiếc máy cày, lái một vòng chung quanh ruộng trước sự ngạc nhiên của những nông dân.

Trở lại Sài Gòn, vấn đề chính là phải xây dựng một người lãnh đạo quốc gia vững mạnh tại Miền Nam là điều không thể rời khỏi óc của Bunker. Khi gặp Thiệu vào hôm 6 tháng 5 năm 1968, phía Hoa Kỳ đã đề nghị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam là hãy quan tâm đến việc thay thế vị Thủ Tướng thiếu tín nhiệm bằng vị lão thành Trần Văn Hương. Bởi lẽ Cụ Hương được đông đảo quần chúng kính trọng vì ông là con người thẳng thắn và tiêu biểu của một người Quốc Gia mẫu mực. Khác, Cụ Hương cũng quen biết nhiều với những nhà lãnh đạo chính trị lớn có ảnh hưởng đến quần chúng, xuất thân từ những gia đình uy tín tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Do đó mà Cụ Hương có thể mời được những người vào Nội Các và tạo cho chính phủ gần gũi

với những người có uy tín với giới chức chính trị tại địa phương tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Điều đó người gốc Miền Bắc không thể làm được.

Ông Hương sinh ra trong một gia đình nghèo tại Tỉnh Vĩnh Long như lời ông kể với Ellsworth Bunker, và đã từng làm một phu khuân vác. Hương là một con người tiêu biểu nét bình dị của dân tộc ở xứ sở này. Và Ellsworth Bunker đã kính trọng Hương về quá khứ của ông. Giới luật pháp đã tỏ ra không hài lòng với Nội Các hiện tại, do đó, việc chỉ định ông Hương làm Thủ Tướng sẽ làm sự quan hệ giữa hành pháp và luật pháp tốt đẹp hơn.

Mặc dù đã từng mời Cụ Hương giữ chức Thủ Tướng ngay sau khi đắc cử Tổng Thống, nhưng Thiệu cho biết, Cụ Hương là một người rất khó cộng tác. Thiệu cũng nhận định rằng ngay cả những người trong giới luật pháp, sự quan hệ về mặt chính trị giữa họ cũng không thống nhất. Chính lý do đó mà Thiệu đã kín đáo thúc đẩy hình thành nhiều nhóm mang màu sắc địa phương và những người lãnh đạo từng nhóm ấy được phổ biến rộng rãi để quần chúng biết và theo dõi. Ý kiến của Thiệu đã tạo sự chú ý của Bunker. Thiệu cũng chứng tỏ, vai trò chính trị của ông phụ thuộc vào giới Quân Đội, các ông “Tướng vùng” và chính phủ của Thiệu cũng thiếu sự hỗ trợ mạnh mẽ về phía quần chúng.

Bunker cũng nhìn thấy ở ông Hương thiếu sự năng nổ và bén nhạy. Thêm nữa, khối Phật Giáo và Quân Đội cũng không hoàn toàn ủng hộ ông ta. Thế nhưng, điều quan trọng, theo Bunker nhận xét, ông Hương là con người lương thiện, thẳng thắn, và có cái nhìn rộng rãi về những ý kiến của người Mỹ nên Bunker có thể làm việc với ông ta.

Nói một cách khác, ông Hương có khả năng đưa guồng máy chính phủ đến chỗ mạnh hơn bất cứ một chính trị gia nào vào thời ấy. Người anh của Thiệu, một nhân vật chủ yếu thuộc Đại Việt Miền Nam cũng đề nghị ông Hương làm Tân Thủ Tướng.

Bunker và Trung Ương Tình Báo không biết, phần lớn những vấn đề quan trọng liên hệ đến Quốc Gia, đều có sự trao đổi kín đáo giữa Tổng Thống Miền Nam Việt Nam, do người anh của Thiệu đại diện và đảng chính trị Tân Đại Việt. Anh của Thiệu đã là một đảng viên đảng Đại Việt từ năm 1946. Thiệu cũng gia nhập đảng sau vụ đảo chánh chính phủ Ngô Đình Diệm 1963, một cuộc đảo chánh mà những đảng viên Tân Đại Việt trẻ đóng vai trò chủ động.

Nhưng buồn thay, năm 1964, đảng Đại Việt đã bị phân hóa vì vấn đề dân chủ hóa cho Miền Nam Việt Nam giữa một nhân vật lãnh đạo đảng cùng với nhóm của ông ta với đảng. Do đó mà người anh của Thiệu tách rời và lập ra Tân Đại Việt. Nhân vật chủ yếu đặc trách việc cải tổ đảng là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, người mà Hà Nội muốn thủ tiêu nhất tại Miền Nam và sau này trở nên bạn thân và cũng là người làm việc chung với tôi tại Trường Luật Harvard.

Huy đổi tên đảng là Tân Đại Việt. Sau đó, vào những năm 1964 và 1965 Tân Đại Việt đã tổ chức những cuộc đảo chánh nhằm tách rời ảnh hưởng của các phần tử trong Quân Đội khỏi quyền lực. Nhưng rồi Kỳ, Tư Lệnh Không Quân, đã chống lại Tân Đại Việt. Cuộc đảo chánh chấm dứt, mục tiêu cuộc đảo chánh bị đảo ngược, từ đó Kỳ và Thiệu, từng giai đoạn lên nắm quyền hành.

Bấy giờ thì Thiệu dùng Tân Đại Việt để thực thi Chương Trình Phát Triển Nông Thôn và Bình Định các Xã Ấp, một chương trình dựa trên lý thuyết “Dân Tộc Sinh Tồn” của đảng Tân Đại Việt. Bản Hiến Pháp Miền Nam 1967 phản ánh những nét cơ bản từ lý thuyết Dân Tộc Sinh Tồn do Huy soạn thảo.

Khi tôi mới quen và rồi trở thành bạn thân thiết với Huy tại Miền Nam Việt Nam cũng như sau năm 1975, tại Boston, tôi học hỏi được tinh thần làm việc của những chính trị gia Miền Nam hơn là Bunker đã có. Trong khi tiếp xúc với Ellsworth Bunker để ghi chép những tài liệu dùng viết nên cuốn sách này, tôi đã cố tránh để sự hiểu biết của tôi qua những mối quan hệ của các chính trị gia Miền Nam không ảnh hưởng đến những điều mà Bunker đã phản ánh với tôi.

Tuy nhiên, Ellsworth Bunker cũng đoán được sự nhận định khách quan của tôi qua vấn đề này và ông đã tỏ ra quý trọng những ý kiến mang chất nghiên cứu ấy. Sự tương kính mà Ellsworth Bunker dành cho tôi to lớn và quan trọng hơn những gì mà gia đình và bạn bè đã oán giận, khi từ Miền Nam trở về vào năm 1971. Với kinh nghiệm và hiểu biết xứ sở này, tôi đã đứng trong hàng ngũ những người ủng hộ chính phủ can dự vào cuộc chiến Việt Nam và rồi tự nguyện trở thành những nhân tố hoạt động về xã hội và chính trị trong nỗ lực đó.

Không phải chấp nhận ý kiến của Tân Đại Việt, nhưng người ủng hộ chính phủ can dự vào cuộc chiến ở Việt Nam và rồi tự nguyện trở thành những nhân tố hoạt động về xã hội và chính trị trong nỗ lực đó.

Không phải chấp nhận ý kiến của Tân Đại Việt, nhưng

sáng suốt, cuối mùa Xuân 1968, Thiệu đã dùng những đảng viên của Tân Đại Việt thay thế dần vị trí và chức vụ những sĩ quan và công chức thân tín của Kỳ. Thiệu nghĩ phần lớn đảng viên lãnh đạo Tân Đại Việt gốc người Miền Nam nên họ sẽ dễ dàng chấp nhận ông Hương đảm nhận vai trò Thủ Tướng.

Tướng Khiêm, người do Thiệu đưa về trong khi ông ta đang bị trục xuất ra khỏi Miền Nam, cũng là người nổi lên giữa Thiệu và các chiến lược gia của Tân Đại Việt.

Nhu cầu cần một chính phủ mạnh và có uy tín để làm việc với Quốc Hội đã thể hiện rõ nét khi Hạ Viện đã chống lại sự chấp thuận ngân sách dành cho Thủ Tướng và Thượng Viện đã biểu quyết, đặt chính phủ vào thế thiếu khả năng hoạt động vào những năm sau đó. Một tuần lễ sau, Thiệu nói với Bunker là ông muốn mời Hương vào chính quyền với điều kiện là ông Hương không đưa những thành phần cực đoan gốc Miền Nam vào chính phủ quá nhiều vì như thế sẽ gây sự chia rẽ với nhóm thân Kỳ gốc Miền Bắc.

Cuối tháng tư, việc chỉ định ông Hương bị trở ngại, vì Kỳ không đồng ý. Thiệu phải hoãn lại, Bunker tin ở sự dè dặt và khôn ngoan của Thiệu và cũng tự biết rằng, ở một cương vị Tổng Thống, Thiệu có những nhận định và phán xét đúng hơn Bunker.

Đầu tháng 4.1968, Lực Lượng Đồng Minh đã tung ra 100 ngàn quân, mở các cuộc hành quân càn quét xung quanh Sài Gòn. Trong 96 cuộc hành quân ở chiến dịch đó, Quân Đội Miền Nam tự đảm nhận 46 cuộc. Những khó khăn về kinh tế và xã hội ở các vùng vừa giải phóng đã trở thành một vấn đề khó khăn lớn lao, nhưng rồi

sau đó, Miền Nam Việt Nam đã giải quyết và ổn định nhanh chóng.

Ngày 24 tháng 4, Thiệu tiên đoán, một đợt tấn công mới của cộng quân có thể xảy ra khi cuộc thương thuyết giữa Washington và Hà Nội bắt đầu tại Paris. Điều tiên đoán này của Thiệu đã trúng. Mặc dù các cuộc hành quân rộng lớn đã được mở ra nhưng một số lực lượng cộng quân vẫn còn lẩn trốn khu ngoại ô Sài Gòn và mở đợt tấn công thứ hai vào ngày 4 tháng 5.1968.

Các đơn vị địch đã thâm nhập vùng ven biển phía Nam của Thành Phố Sài Gòn và lần này, các nguồn tình báo của lực lượng Đồng Minh đã không hề biết trước thời điểm và những mục tiêu mà cộng quân chuẩn bị cho cuộc tấn công. Hầu hết các cuộc tấn công không nhằm vào các cứ điểm quân sự. Trong 156 Thị Trấn và Thành Phố mà cộng quân đã đột nhập, không có một căn cứ đóng quân nào của lực lượng Đồng Minh bị tấn công.

Các Sinh Viên trong các tổ chức tự vệ đã góp phần bảo vệ các Thành Phố đó. Thế nhưng những trận đánh nhau vùng ven biển Sài Gòn đã tạo nên một làn sóng người tỵ nạn mới. Khoảng 15.500 nhà cửa bị tiêu hủy và 155 ngàn người cần chính phủ cứu trợ.

Ellsworth Bunker nhận ngay ra được, cộng sản Hà Nội muốn tìm lập tiếng vang ở mặt trận tâm lý và chính trị bởi vì họ đã đưa quân của họ vào Thành Phố Sài Gòn để tấn công và để chết. Một cuộc tấn công như thế chỉ nhằm để tạo một ấn tượng là chính phủ Sài Gòn không có khả năng để bảo vệ dân chúng và Thành Phố.

Đồng thời Hà Nội cũng muốn đánh thử ván bài là lực lượng của họ tấn công vào Sài Gòn thì thử xem

Washington có trả đũa bằng những cuộc tái oanh tạc Miền Bắc hay không, và nếu không thì Washington đã thật sự muốn xuống thang chiến tranh. Hiểu ý đồ đó, Bunker đã yêu cầu Tổng Thống Johnson tiếp tục cuộc ném bom vào các mục tiêu Bắc Việt nằm trong vĩ tuyến 19 cho đến khi nào Hà Nội xác định họ ngưng tấn công vào các mục tiêu dân chúng.

Tướng Loan, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, đã bị thương trong đợt viếng thăm tấn công lần thứ hai này, do đó ông ta từ chức. Lính cộng sản của Hà Nội vẫn còn lẩn khuất trong các cao ốc ở Sài Gòn. Việc Loan bị thương và từ chức đã làm cho Kỳ yếu thế. Vì vậy Kỳ đã đồng ý bổ nhiệm ông Hương làm Thủ Tướng. Hương đã thành lập Nội Các ngày 18 tháng 5.

Sau đó Thiệu nói với Bunker là ông ta muốn giữ Tướng Cao Văn Viên ở chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội mặc dù bà vợ của ông Viên không trong sạch thể nhưng Tướng Viên đã từng chống lại việc vợ làm. Thiệu muốn giữ Viên ở vai trò quan trọng đó bởi vì Viên là Tướng lãnh Tham Mưu giỏi, không lợi dụng Quân Đội làm mục tiêu chính trị cho ông ta và Viên cũng không có tham vọng chính trị để có thể đe dọa đến quyền lực của Thiệu.

Thiệu cũng quan tâm đến một vài Tướng lãnh cao cấp nhưng theo ông thiếu khả năng. Tướng Khang từng là Tư Lệnh Vùng Biệt Khu Thủ Đô, Tư Lệnh Sư Đoàn thiện chiến Thủy Quân Lục Chiến, Tư Lệnh Quân Đoàn III nhưng đã tỏ ra không có khả năng khi đảm nhiệm ba chức vụ ấy. Cuộc tấn công tháng 5 vào Sài Gòn, cộng quân đã thâm nhập từ lãnh thổ do Tướng Khang trách nhiệm. Khang là người thân cận với Kỳ và cũng là người

phản đối việc để cho dân sự cầm quyền và thực hiện dân chủ.

Thiệu cũng tâm sự với Bunker, những cộng tác viên cao cấp của ông thường muốn trút trách nhiệm lên chính ông ta nhưng Thiệu đã cương quyết bác bỏ. Ông Diệm đã từng nhận lãnh như thế và đã thất bại vì không thể có một chính phủ đủ mạnh. Lý do là những kẻ thừa hành luôn luôn tìm cách trút trách nhiệm về cấp chỉ huy của họ.

Sau đó, Thiệu muốn cử Kỳ sang thương thuyết với cộng sản Hà Nội tại Paris. Bunker hy vọng việc cử Kỳ làm Trưởng Đoàn Thương Thuyết Hòa Bình sẽ giúp chính phủ bớt sự chống đối từ các phe cực đoan như thành phần Công Giáo chống cộng di cư và nhóm Đại Việt Miền Trung.

Ngày 26 tháng 5.1968, ông Hương công bố thành phần Nội Các. Chính phủ của ông Hương rộng rãi thành phần và mạnh hơn chính phủ tiền nhiệm mặc dù chưa phải là một chính phủ lý tưởng. Hương cho Bunker biết ông muốn chính phủ của ông thật sự là một chính phủ tiêu biểu nhưng có những nhân vật ông mời đã từ chối. Rồi ông Hương nói với Bunker: “Miền Nam Việt Nam như một con thuyền sắp chìm. Và khi tôi là Thuyền Trưởng, tôi không muốn con thuyền bị chìm”.

Kỳ lại đưa ra một nhãn quan trái ngược. Ông ta gọi những người lãnh đạo xú sở của ông là “một đám nô lệ” đã bán linh hồn cho người Mỹ, rồi thêm, “nếu cần, tôi sẵn sàng đổ máu và đốt sạch mọi thứ”.

Khi Bunker hỏi ông Hương, ông ta đáp: “Mọi người đều trông chờ phép lạ nơi tôi. Nhưng tôi lại không có cây gậy thần”.

Ông Hương là một người thực tiễn, uyển chuyển và nhạy cảm. Ông ta là con người biết tổ chức và lý luận. Bản tính khoan dung và không hối hả. Ông tự giới thiệu những mục tiêu mà chính phủ tiến tới và phải thực hiện. Ông Hương có chủ đích đưa chính phủ của ông thực thi những quyền lợi quốc gia theo hiến pháp và luật lệ quy định.

Với Hoa Kỳ, ông Hương cho rằng, ông tin người Mỹ nhưng trước công luận, ông ta có thể có những điều khác người Mỹ. Sự quan hệ giữa ông và Tòa Đại Sứ thân thiết nhưng chừng mực bởi vì không muốn Hà Nội nhìn ông như thể là thứ tay sai của Hoa Kỳ. Ông Hương cũng yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ cho chính phủ của ông ta làm việc. Bunker đáp là sẽ không để cho những nhu cầu mà chính phủ Miền Nam bị thiếu hụt nhưng Bunker nghĩ rằng ông Hương thật sự cũng có những khó khăn trong việc đưa ra những quyết định trong chính phủ của ông ta.

Thiệu tiếp tục thay thế một số Tỉnh Trưởng. Bunker đề nghị thêm vào đó cần thay thế 8 trong số 50 Quận Trưởng mà Tòa Đại Sứ đã điều tra và xác định là họ thiếu khả năng đảm nhận. Bob Komer cũng đã giữ một danh sách tương tự.

Bắt đầu cuối tháng 5, cộng quân bắn hỏa tiễn vào khu vực dân chúng tại Sài Gòn. Những trận pháo hỏa tiễn hàng đêm từ những dàn phóng do Liên xô chế tạo, vẫn tiếp tục rót đều vào tháng 6 đã sát hại và làm bị thương nhiều thường dân. Ellsworth Bunker đã thấy được những viên chức Hoa Kỳ tại đây đã tỏ ra bình tĩnh và kiên nhẫn chịu đựng suốt các tuần lễ căng thẳng này. Thiệu nói với Bunker, ông ta lo ngại, nếu vụ pháo kích này tiếp tục kéo dài, sẽ làm dân chúng trở nên dao động. Thiệu nhận định,

đối phương tiếp tục pháo hỏa tiễn vào các Thành Phố bởi họ tin không có dấu hiệu nào chứng tỏ Johnson quyết định trả đũa bằng cách tái oanh tạc Bắc Việt.

Nhu cầu bức thiết là giữ vững nền an ninh tại các thôn làng đã đòi hỏi sự thay đổi toàn bộ tiến trình chính sách Bình Định. Một chiến thuật đơn giản là trao thêm trách nhiệm cho Quân Đội, phải tăng cường, động viên thêm nhân lực để các thôn làng có đủ quân số tự bảo vệ an ninh cho chính họ. Chính phủ phải võ trang cho đồng bào địa phương để tự họ có thể chống lại cộng sản.

Chiến thuật đơn giản đó đã tạo ra một trở ngại mới trong chính sách Bình Định bởi vì chính phủ thường có phản ứng chậm chạp tại các thôn làng, khi có vi phạm cộng động. Chiến Thuật ấy chẳng khác nào tát hết nước biển để tìm du kích quân cộng sản đang lẩn trốn trong đó, rơi vào cách giải quyết cổ điển của một cuộc chiến tranh du kích.

Bunker đồng ý mục tiêu trước mắt của kế hoạch Bình Định và phải giữ vững an ninh tại thôn làng. Chỉ có bảo đảm sinh mạng của người dân thì kế hoạch Bình Định mới đạt được kết quả. Đồng thời ông ta cũng đặt trọng tâm, hãy tăng giá bán nông phẩm để làm cho nông dân tin tưởng là chính phủ quan tâm thực sự đến sự sản xuất của họ. Phần lớn dân chúng thuộc thành phần nông dân, khi giới lãnh đạo của họ bảo đảm về vấn đề an ninh và sức lao động của họ bỏ ra trong việc sản xuất được đền bù xứng đáng, thì chính phủ có thể giữ lấy trái tim và khối óc của họ hơn là đưa ra những lý thuyết cao xa, những cuộc mít tinh rầm rộ.

Vào 1 tháng 6, lực lượng chính quy Hà Nội có thể tham

chiến tại Miền Nam đã giảm, còn khoảng 190 tới 228 ngàn kể cả 100 ngàn quân mà Hà Nội vừa gọi vào bổ sung sau những tổn thất từ vụ Tết, thay vì từ 225 đến 250 ngàn như con số Hà Nội có trước Mậu Thân tại Miền Nam.

Đầu tháng 6, những nhân sự thân cận Kỳ trong chính phủ Miền Nam Việt Nam đã không còn nữa. Lý do là vì một tai nạn thảm khốc do chiến tranh, một chiếc trực thăng Hoa Kỳ tham dự trận chiến để đẩy việt cộng ra khỏi hướng cực Nam Thành Phố Sài Gòn đã ngộ nhận và bắn nhầm một hỏa tiễn vào một ngôi trường đang có Bộ Tham Mưu của Quân Đội Miền Nam chỉ huy trận chiến có mặt làm 6 người chết và một người bị thương.

Như một định mệnh run rủi, tất cả những người ấy đều là bạn thân của Kỳ, bao gồm cả Đô Trưởng Sài Gòn. Đó chỉ là một tai nạn (mà nhiều người Việt Nam đã đồn rằng do Mỹ muốn hạ vây cánh của Kỳ). Tướng Abrams chịu trách nhiệm về việc ra lệnh dùng hỏa lực trong Thành Phố Sài Gòn. Bạn của Kỳ, Tướng Khang chịu trách nhiệm về việc đã để xảy ra tai nạn và đã từ chức Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô. Thiệu bấy giờ yên tâm thay thế người của ông ta vào các chỗ tay chân của Kỳ. Tướng Loan đã bị thương, và Thiệu đã bổ nhiệm lần đầu tiên viên Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia.

Thành Phố Sài Gòn được bảo vệ bằng những khu quân sự mới hình thành. Tư Lệnh là người thân cận của Thiệu. Viên sĩ quan gốc Miền Nam thân cận với Tướng Khiêm được cử làm Đô Trưởng Sài Gòn.

Ngày 13 tháng 6 Kỳ từ chức chức vụ điều hành lực lượng Nhân Dân Tự Vệ. Ngày 18 tháng 6, Tướng Thắng, thân cận của Kỳ, đã từ chức chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn

IV, một chức vụ mà ông đã đảm nhiệm và hoàn thành một cách mỹ mãn. Tướng Thắng nói với Bunker, lý do ông từ chức là vì Thiệu thiếu thiện cảm với ông ta.

Tướng Thắng từ chức đúng lúc nhưng ngoài ước tính của Bunker vì theo ông, Thắng là một người xông xáo và nhiệt tình. Ông ta cũng vừa được thăng Trung Tướng mặc dù với ba sao, Tướng Thắng lúc nào cũng có mặt tuyến đầu trận địa. Việc Tướng Thắng từ chức, Bunker không thể ngờ được. Nhưng tính cách cá nhân trong xã hội Việt Nam, người Việt thường không chịu đựng được sự khủng hoảng khi cá nhân họ cảm thấy bị tổn thương, khác với những gì mà người Mỹ thường làm. Thiệu đã bổ nhiệm viên Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh thay Tướng Thắng. Ông Tướng này gốc Miền Nam, có kinh nghiệm về Bình Định và hiểu biết ở chính quyền địa phương. Tháng sau đó, Thiệu lại chỉ định Tướng Đỗ Cao Trí làm Tư Lệnh Quân Đoàn III thuộc các Tỉnh chung quanh Sài Gòn.

Những thay đổi này đã làm cho Kỳ không còn những người thân tín ở những chức vụ quan trọng, nhưng Kỳ, với cách nói khôn khéo, ám chỉ rằng Thiệu thay đổi để nhắm đến những mưu đồ riêng tư.

Sự sắp xếp hoán chuyển các viên Tư Lệnh và các Tỉnh Trưởng những Tỉnh quan trọng, Thiệu đã tháo bỏ được ảnh hưởng quyền lực của các ông “vua” trong Quân Đội Miền Nam. Lần đầu tiên có những chỉ dấu cho thấy rằng chính Thiệu có ý hướng muốn thực thi hiến pháp một cách nghiêm chỉnh qua việc bổ nhiệm ông Trần Văn Hương vào chức vụ Thủ Tướng mà không bị các Tướng lãnh ngăn cản.

Việc thay thế Tướng Loan trong vai trò Tư Lệnh Cảnh Sát cũng là một bước tiến quan trọng của Thiệu, đã chứng tỏ Thiệu có đầy đủ uy quyền ở một chức vụ cao nhất được hiến pháp thừa nhận, một điều mà từ sau năm 1963, việc cai trị đất nước chỉ dựa vào sức mạnh của Quân Đội và tiền do các Tướng lãnh nắm giữ.

Vào ngày 11 tháng 6, Tướng Creighton Abrams nhận chức Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ tại Miền Nam và cũng trở thành vị Cố Vấn cao cấp của Mỹ cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Cùng khóa với Westmoreland tại Trường Võ Bị West Point, Abrams bề ngoài trông có vẻ hiền hòa nhưng lại là con người đầy nhạy cảm với bộ óc suy luận sắc bén. Ông ta thường nói: “Không cần phải dùng đến một cái búa thật to trong khi có thể dùng cái nhỏ hơn”.

Vào năm 1967, kế hoạch của Abe chẳng ai biết đến nhưng lại đạt được kết quả mỹ mãn mà mọi người đều nhìn thấy, khi Abe chỉ huy Quân Đội Liên Bang ổn định trật tự, để cho sinh viên da đen được ghi danh tại Đại Học Alabama mà không có đổ máu xảy ra. Thế nhưng ông ta cũng biết khi nào thì phải cần đến cái búa lớn. Abrams từng là sĩ quan của đơn vị Thiết Giáp tại Âu Châu và được Tướng Patton tin cậy. Đứng trên tháp súng của xe, ông ta đã chỉ huy Tiểu Đoàn 37 Thiết Giáp xuyên qua Pháp để tiến vào Đức. Tiểu Đoàn của Abe là đơn vị đứng đầu của Sư Đoàn 4 Thiết Giáp và Sư Đoàn này được xếp vào loại xuất sắc thứ ba trong Quân Đội. Abe cũng đã dẫn đầu đơn vị Patton vào tiếp cứu Bastogne. Đã có lần ông ta nói: “Tôi thích được chỉ định vào những nơi mà không ai muốn đảm nhận”.

Abrams thích nghe loại nhạc cổ điển, khi đến Sài Gòn

ông ta cũng mang theo những băng nhạc cổ điển mà ông ta đã sưu tầm. Abe thường nói với Bunker, nhạc làm cho ông ta vui nổi nhọc nhằn sau một trận chiến. Ellsworth Bunker thích quan điểm ấy của Abrams.

Abrams thường rời văn phòng ông ta tại Macv (được xem như Ngũ Giác Đài Phương Đông) vào lúc 5 giờ 30 chiều và đi bộ xung quanh tư thất của ông, cũng nằm trong vòng rào khu vực Macv, để nghe những bản nhạc cổ điển mà ông ưa thích.

Abe không ưa những bản thống kê. Một lần nói với Bunker. “Có thể tôi khai triển định lý này: Phương thức để những công việc to lớn được trôi chảy là cần đào sâu sự suy nghĩ về công việc đó. Gạt bỏ những vụn vặt và chú tâm vào phần chính yếu”. Ở một buổi thuyết trình, Abrams tâm sự: “Trong một thế giới đầy hỗn mang mà lòng yêu nước và giá trị đạo đức được rao bán thì tại sao chúng ta lại làm công việc vô bổ là ngồi phân loại bản chất sự hỗn mang ấy xảy ra ở cấp một hay 2 hay 3”? Abrams nhìn trực diện vào vấn đề, không thích nhìn hiện tượng. Ông ta thích lắng nghe. Thái độ trầm tĩnh, phản ứng nhẹ nhàng, và quý trọng những người Việt Nam mà ông hợp tác hay dưới quyền.

Abe không thích giới báo chí. Ông ta thẳng thắn và thân mật với giới ký giả nhưng không đồng ý về cách nhìn cuộc chiến qua thái độ thụ động của giới này.

Thay thế trách nhiệm của Tướng Westmoreland, Abrams đã điều chỉnh phương thức sử dụng các đơn vị Hoa Kỳ. Mục tiêu của ông ta là nhằm bảo vệ những khu vực dân cư, không để trở lại vào thế phải tự vệ và do đó, phải chặn đứng sự thâm nhập, khoanh vùng khu vực dân

chúng. Abe muốn vô hiệu hóa các đơn vị Hà Nội, không chỉ tìm và tiêu diệt mà còn nhằm cắt đứt mọi đường tiếp liệu và vận chuyển để buộc các lực lượng đối phương phải lui vào thế phòng thủ, tự vệ.

Abrams đã ra lệnh Quân Đội của ông hành quân tiến chiếm các cứ điểm tiếp liệu của cộng quân và hủy diệt mọi căn cứ dưỡng quân mà Hà Nội trước đó xem là nơi chốn an toàn của họ.

Mục tiêu hành quân của Abrams là “bẻ gãy hệ thống tổ chức” của cộng quân để buộc Hà Nội không còn khả năng để phản công, vì theo ông, trước khi mở ra các cuộc tấn công lớn, Hà Nội buộc phải có những khu vực an toàn để ẩn chứa những đồ tiếp liệu. Với chiến thuật mới của Abrams buộc cộng quân phải di chuyển xa căn cứ của họ để đón nhận những tiếp liệu, vì vậy họ dễ bị lộ diện trước khi kế hoạch tấn công được thi hành. Khác, ông ta cũng chia những đơn vị Hoa Kỳ thành những toán nhỏ để lũng tìm địch, buộc đối phương phải di chuyển thường trực.

Đối với những căn cứ dưỡng quân lớn của cộng quân, tại những vùng rừng rậm và núi non, Abrams sử dụng máy bay chiến lược B52 với những tấn thuốc nổ mạnh để tiêu diệt, chặn đứng đường tiến quân của đối phương phải di chuyển thường trực.

Thế nhưng, việc sử dụng bom có thuốc nổ mạnh ở những vùng rừng núi đã bị hướng dẫn sai lệch để những người chống chiến tranh Việt Nam chỉ trích, so sánh những cuộc ném bom này với những trận oanh kích thời Đệ Nhị Thế Chiến. Sự so sánh ấy đã hoàn toàn phi lý. Bởi lẽ, chẳng hạn, B52 đã trải thảm xung quanh vùng đối

núi Khe Sanh hay những vùng rừng rậm dọc biên giới Cam Bốt là để hủy diệt kế hoạch tấn công của cộng quân. Những cuộc ném bom ấy có ảnh hưởng tác động về mặt địa dư nhưng không gây nguy hiểm đến thường dân. Trái lại, vào thời Đệ Nhị Thế Chiến, Hoa Kỳ đã phải oanh tạc những mục tiêu ngay cả những khu vực dân chúng đang sinh sống. Điều đó đã không xảy ra tại Miền Nam Việt Nam. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam không bao giờ có một chính sách cho phép được thả bom vào các làng mạc, thành phố, khác với những điều đã xảy ra trong kế hoạch chống Nhật Bản vào thời Đệ Nhị Thế Chiến.

Abrams đã có tầm nhìn sâu rộng. Ông ta biết nơi nào phải dùng đến lực lượng quân sự và nơi nào phải để chính trị dẫn đầu. Abrams và Ellsworth Bunker hai người thường xuyên trao đổi và thảo luận về tính chất chiến lược và cùng hiểu được rằng nỗ lực quân sự và kế hoạch Bình Định là một trường hợp chiến lược để đưa đến sự thành công, tạo điều kiện để Miền Nam Việt Nam có khả năng tự bảo vệ chính họ theo hiến pháp mà dân chúng Miền Nam đã lựa chọn.

Vào năm 1969, Abrams đã nêu ra một tiêu chuẩn trong chương trình quân sự của ông, dựa trên 4 đặc tính của Trung Hoa: “Để bảo vệ đất nước thì dân chúng phải được an toàn”. Và ngược lại “Nếu dân chúng được an toàn thì đất nước sẽ được bảo vệ”. Đó là một phần chiến lược mà Abrams đã mang ra áp dụng và Bình Định tại Việt Nam. Abrams rất khác với Westmoreland về cung cách xử thế, nhưng Ellsworth Bunker đều quý trọng tài năng của hai người.

Ngày 19 tháng 6, lệnh tổng động viên, ảnh hưởng đến

tất cả thanh niên Miền Nam Việt Nam đã được ban hành. Theo luật này, tất cả thanh niên tuổi từ 17 đến 43 đều phải phục vụ và bảo vệ Tổ Quốc. Những thanh niên từ 18 đến 83 đều bị gọi động viên và từ 39 đến 50 đều phải đứng trong hàng ngũ Nhân Dân Tự Vệ. Cuối cùng Miền Nam Việt Nam đã có một căn bản pháp lý để huy động toàn lực vào cho cuộc chiến tranh.

Năm 1972 Miền Nam đã huy động một triệu một trăm ngàn quân chánh quy và hai triệu người vào lực lượng tự vệ, một nỗ lực tối đa mà quốc gia này đã thực hiện. Tất cả những Quân Đội chính quy ấy cùng với lực lượng Nhân Dân Tự Vệ chẳng bao lâu sau đó đã bị Quốc Hội Hoa Kỳ bỏ rơi, để lại cho họ những trại cải tạo và thứ công dân hạng hai dưới sự chiến thắng của những người cộng sản Hà Nội.

Vào tháng 6 năm 1968 những sự chuẩn bị cho một cuộc tấn công khác của cộng sản vào Sài Gòn đã được phát hiện nhưng các phản công của lực lượng Đồng Minh và cả B52 đã tỏ ra chậm trễ. Vào cuối tháng 6, các hoạt động của cộng quân đã bị ngăn chặn Thành Phố Sài Gòn đã tái lập an ninh hơn bao giờ. Với 77 ngàn lực lượng Đồng Minh đồn trú xung quanh Sài Gòn đã thiết lập 500 cuộc phục kích mỗi đêm. Tướng Abrams đã chuẩn bị một kế hoạch để bảo vệ Thành Phố Sài Gòn. Những tháp đài radar đã thiết lập để bắn trả những nơi cộng quân pháo kích, gây cho họ những tổn hại lớn. Những cuộc thâm nhập và pháo kích của cộng quân vào những khu dân cư đã giảm thiểu rõ rệt. Vào cuối tháng 6, theo những báo cáo của những Cố vấn Hoa Kỳ trong tổ chức CORDS, 63 phần trăm dân chúng Miền Nam Việt Nam đã được

bảo vệ an ninh, mặc dù vẫn còn thấp so với trước cuộc tấn công. Nhưng chỉ có 27 ngàn so với 897 ngàn người là không có nhà ở so với hồi cộng quân tấn công Tết Mậu Thân, phải tạm trú trong những căn lều vải.

Bunker và Abrams đều nghĩ rằng các đơn vị cộng quân đã bị đẩy lui để tái trang bị và bổ sung quân số. Sự thâm nhập của quân đội Bắc Việt vẫn tiếp tục gia tăng kể từ tháng 12 năm 1967 chứng tỏ rằng Hà Nội vẫn nuôi dưỡng cuộc chiến trong tương lai. Đối với những ai ủng hộ luận điệu Hà Nội là muốn Hoa Kỳ rút bỏ gánh nặng tại Miền Nam Việt Nam thì biện luận rằng, tình hình yên tĩnh giữa mùa Hè là một dấu hiệu chính trị của Hà Nội muốn chứng tỏ thiện chí của họ khi cuộc hòa đàm Paris vừa mới bắt đầu, để đòi hỏi Hoa Kỳ đáp ứng việc xuống thang chiến tranh.

Phái đoàn Hoa Kỳ tại Paris đã đạt được một số kết quả qua cuộc đàm phán. Bunker cảnh giác với Tổng Thống Johnson, hoạt động quân sự của Hà Nội xuống thấp không phải là thiện chí chính trị của họ, mà qua những tù binh của họ bị bắt cho biết họ đang chuẩn bị để mở một cuộc tấn công mới. Bunker nói thêm, trong thời gian sắp tới, mục tiêu chính của Hà Nội là làm cho dân chúng Hoa Kỳ mất đi sự kiên nhẫn và rằng Hà Nội sẽ phát động những cuộc tấn công khi cần để phá vỡ những đề nghị của chúng ta.

Cho đến lúc đối phương chưa tuyên bố là họ muốn xuống thang chiến tranh thì theo Bunker, chưa có lý do gì để kết luận rằng đó là thiện chí ấy. Dự phóng không chính xác về việc làm của đối phương để chúng ta hy vọng hoặc sợ hãi, tất cả đều dẫn đến con đường tự hủy diệt.

Vào cuối tháng 6, một chương trình khá tốn kém đã

mang ra thi hành, chi ra lên đến 200 triệu Mỹ kim để tái trang bị lực lượng chính trị và Địa Phương Quân bằng súng cá nhân M16, súng đại liên, súng cối và phương tiện truyền tin, bởi vì những vũ khí trước đó kém hiệu năng so với vũ khí của việt cộng AK47 hoặc hỏa tiễn B40. Nếu lực lượng quân sự địa phương, đặc biệt là Nghĩa Quân, được trao trách nhiệm bảo vệ dân chúng tại nông thôn để các đơn vị chính quy Miền Nam rảnh tay tấn công các đại đơn vị của cộng quân thì việc tái trang bị cho các lực lượng võ trang tại Tỉnh và làng xã là điều cần thiết để họ đủ khả năng tự vệ. Sự thay đổi võ trang này đã làm chính phủ Miền Nam dành được sự kiểm soát tại nông thôn.

Sau đó Thiệu nói với Bunker là ông ta muốn thay đổi lý thuyết của Chương Trình Bình Định. Thay vì có những toán cán bộ đến với các làng xã thì ông ta muốn, ngay ở nơi thôn làng tổ chức những toán tự vệ lẫn những cán bộ chính trị. Có nghĩa là Thiệu muốn lấy địa bàn nông thôn làm cơ bản để phát triển nền an ninh lãnh thổ. Thiệu đã không nói với người Mỹ rằng chính sách của ông ta là rút từ chiến lược nông thôn làm cơ bản để phát triển nền an ninh lãnh thổ. Thiệu đã không nói với người Mỹ rằng chính sách của ông ta là rút từ chiến lược nông thôn của lãnh tụ Tân Đại Việt. Chiến lược ấy là của người bạn tôi, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, đã mang ra áp dụng trước năm 1964 và rồi chính Nguyễn Khánh và những tay chân của ông ta đã phá hoại chính sách đó khiến cho quân chiến đấu Hoa Kỳ phải có mặt tại Miền Nam Việt Nam. Tôi thường phản ánh rằng nếu kế hoạch của Giáo Sư Huy vào năm 1964 được một cách trọn vẹn thì cuộc chiến Việt Nam có thể chẳng bao giờ được Mỹ hóa.

Và cũng chính vì vậy mà bây giờ chính phủ Sài Gòn phải lo hàn gắn những đổ vỡ do trận Tết Mậu Thân xảy ra. Bunker nhớ lại một chuyến viếng thăm đầy phần khởi của ông với những người tỵ nạn cộng sản gần Sài Gòn. Chính phủ đã xây cất một địa điểm với 1100 đơn vị gia cư tiền chế mà mỗi đơn vị chia thành hai gia đình, có nghĩa là có khoảng 13 ngàn dân chúng sống tại chung cư này. Điện nước và các tiện nghi công cộng như chợ, trường học đều đã có trong đồ án xây cất. Bunker cảm thấy dân chúng sống tại đây hẳn họ cảm thấy được điều kiện sống tốt hơn trước kia khi còn ở trong những căn nhà ổ chuột.

Ở một khu vực khác, một cao ốc 4 tầng cũng được chính phủ đang xây cất với vật liệu nặng, mỗi cao ốc dành cho 2200 gia đình. Những cao ốc tương tự cũng đã có đồ án và chờ xây cất. Tất cả những cao ốc này sẽ phân phối cho dân chúng nhằm thay thế những căn nhà cũ kỹ thiếu tiện nghi. Ngân khoản xây cất đều do Washington tài trợ. Ellsworth Bunker tự cảm thấy sung sướng vì những gì Việt Nam cần, ông cố gắng thực hiện.

Để thấy những nỗ lực mà chính phủ đang ra sức tái xây dựng, Thủ Tướng Hương đã mời Bunker tháp tùng cùng ông đi thăm sự tàn phá ở Cố Đô Huế. Bởi vậy, thay vì dùng buổi điểm tâm thư thả, Bunker phải vội vàng để kịp rời khỏi phi trường Sài Gòn lúc 8 giờ sáng và thêm một ngày nữa dưới sự nóng cháy da của Miền Trung. Có mặt tại Huế mới nhìn được sự tàn phá của chiến tranh, mới thấy được sự man rợ của những tên khủng bố nhân danh cuộc chiến.

Bunker cùng Hương đi một vòng Thành Phố. Cổ Thành với những bức tường đầy mà việt cộng đã chiếm cứ và

cuối cùng đã bị những đơn vị Hắc Báo dùng chiến thuật cận chiến đánh bật ra, giờ đây có vẻ trầm lặng. Các vị chỉ huy địa phương Việt Nam và Hoa Kỳ đã thuyết trình ngắn gọn cho Thủ Tướng Hương và Đại Sứ Bunker biết tổng quát về tình hình quân sự và dự đoán của họ về những âm mưu của cộng quân.

Tại một trại tạm cư, khoảng 2500 người tỵ nạn cộng sản vẫn còn đó. Một số khác đã quay trở về nhà của họ sau khi sửa chữa vội vàng. Ông Hương và Bunker đã được mời tham dự và cắt băng khánh thành một chiếc cầu mới xây cất vì chiếc cầu cũ đã bị cộng quân phá hoại.

Rồi phái đoàn qua Cầu Sông Hương tiến vào Thành Phố mới để thăm một Trường Đại Học và một Bệnh Viện Tỉnh đã bị tàn phá, hư hại nặng. Dùng bữa ăn trưa tại tư dinh của vị Tỉnh Trưởng và thưởng thức ban nhạc của Hoàng Cung. Thân mẫu của vị Vua cuối cùng đang sống tại Huế và chăm sóc ban nhạc với 12 nhạc công cổ truyền.

Một ấn tượng sâu đậm đã để lại trong Bunker trong cuộc viếng thăm này là tinh thần của dân chúng, những nơi ông đi qua, dù cho là một trại tỵ nạn hay trong những căn nhà bị tàn phá và được sửa chữa vội vàng, dân chúng vẫn đón mừng và dành cho vị Thủ Tướng của họ những cảm tình chân thành và nồng hậu.

Ngày 14 tháng 7, Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford đến Sài Gòn. Tại Washington, ông ta đã thật sự thúc đẩy việc thay thế M16 và những tiếp liệu khác cho Miền Nam Việt Nam để có đủ khả năng tự vệ. Mặc dù không tuyên bố trước công luận nhưng Clifford muốn rằng Miền Nam Việt Nam phải chấp nhận hy sinh hơn nữa cho cuộc chiến ấy.

Là một Tân Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông ta nghĩ rằng ý kiến của ông thúc đẩy Tổng Thống Johnson rút khỏi cuộc chiến Việt Nam trước đó, đã thành công. Thực tiễn Clifford đã không được Johnson báo cho ông ta biết khi bổ nhiệm ông một năm trước đó, là Johnson đã quyết định đặt mức leo thang tối đa về cuộc chiến Việt Nam.

Khi Clifford gặp gỡ Mission Council, ông ta nói, khi các cuộc thương thuyết đã bắt đầu thì việc rút quân chiến đấu Hoa Kỳ về nước là điều nên làm. Bunker liền phản đối, cho rằng một chính sách như vậy thì tất cả những gì chúng ta hy sinh nơi đây đều trở nên vô nghĩa. Nó cũng phản lại nguyên tắc tự vệ mà chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đã từng theo đuổi bởi vì chúng ta đã bỏ rơi Miền Nam Việt Nam trước khi họ có đủ khả năng để tự bảo vệ họ. Bunker tin rằng, một cuộc triệt thoái của Hoa Kỳ không có gì khác hơn là tạo cho dân chúng Miền Nam Việt Nam một ấn tượng là chính phủ của họ chẳng tồn tại được bao lâu nữa. Clifford lịch sự ngồi lắng nghe những điều Bunker giải thích.

Tướng Abrams, sau đó có nói với Bunker, tại sao không để một nhân viên trong Hội Đồng trả lời cho Clifford, cần gì phải nói điều đó. Rồi Abe tiếp, tôi biết ông muốn can dự vào cuộc tranh luận này để tiếp tục hỗ trợ cho người Việt Nam và tiếp: “Đó là lý do tại sao ông là vị Đại Sứ”.

Thiệu đã từng nói với Bunker trước đó và chính Ellsworth Bunker cũng đã từng suy nghĩ về điều này, là Miền Nam Việt Nam sẽ rơi ngay vào tình trạng bất ổn định trong vòng hai hoặc ba ngày khi họ biết tin Hoa Kỳ đã bỏ rơi họ vì họ không đủ sức đương đầu với cả khối cộng sản sau lưng Hà Nội. Thiệu hiểu tâm lý đồng

bào của ông ta. Sau này, vào mùa Xuân 1975, khi Quốc Hội Hoa Kỳ, cuối cùng đã cắt đứt viện trợ quân sự trong tương lai cho Miền Nam, dân chúng Miền Nam đã rơi vào sự hỗn loạn trước trận tấn công của Hà Nội.

Vài ngày sau buổi thuyết trình nơi phòng họp của Tòa Đại Sứ trên tầng lầu thứ ba. cùng văn phòng của Bunker, Clifford và Bunker cùng Thiệu bay đến Honolulu để họp với Jonhson. Đây là một phiên họp bất thường, không đúng với nghi thức ngoại giao mà chưa bao giờ Bunker đã gặp. Mọi đề tài đều có tính cách nóng bỏng và khẩn cấp.

Tổng Thống Johnson chỉ dành cho Thiệu một bữa ăn trưa đơn giản sau ngày làm việc và Thiệu cũng mời lại tương tự vào buổi chiều ngày hôm sau. Nhưng rồi Johnson quyết định phải trở về Texas vì công vụ nên Thiệu phải hỏi giờ nào ở ngày hôm sau thì ông ta mới có thể đi lại được. Cái không khí thân mật như thế đã diễn ra trong cuộc Hội Nghị. Thiệu đã tỏ ra có đầy đủ bản lĩnh, kinh nghiệm và thân mật với Johnson.

Có lẽ có thêm một lý do khác để đưa cuộc họp thành công tốt đẹp là sự tham dự rất hạn chế. Johnson mang theo có Dean Rush, Walt Rostow, Richard Helms của CIA và George Christian để lo về vấn đề báo chí. Bunker chỉ mang hai người phụ tá. Nhóm của Clark Clifford thì có Tướng Wheeler và William Bundy cùng đến từ Sài Gòn. Thiệu cũng giới hạn số người tham dự. Do vậy mỗi bên chỉ có 8 người.

Bunker rời Sài Gòn lúc 4 giờ 30 ngày thứ năm và đến Honolulu cùng ngày theo giờ địa phương. Johnson đến lúc 2 giờ 30 và Bunker cùng đi với Tổng Thống đến địa điểm họp Kaiser, một dinh thự lộng lẫy nằm gần biển.

Phái Đoàn Mỹ đã đến trước 2 giờ khi Thiệu đến vào lúc 5 giờ. Johnson đã hỏi Bunker cho ông ta biết những gì mà ông ta cần phải quan tâm đối với phái đoàn Việt Nam. Bunker cảm thấy có 4 cơ hội để trình bày quan điểm của ông với Tổng Thống trước khi cuộc họp được bắt đầu.

Rồi Clark Clifford cũng đưa ra quan điểm của ông là phải cố đạt được một thỏa hiệp với Hà Nội trong vòng 6 tháng trước khi nhiệm kỳ của Tổng Thống Johnson chấm dứt. Clark nói thêm, ông ta muốn đưa kế hoạch dự thảo để đạt đến mục tiêu trên cho Thiệu tại Sài Gòn nhưng Bunker đã phản đối vì cho rằng kế hoạch của ông làm cho người Việt Nam nghi ngờ thái độ trốn chạy của Hoa Kỳ. Và bây giờ, Clifford nói, ông ta muốn trình bày kế hoạch ấy trực tiếp với Tổng Thống, mặc dù biết Bunker không đồng quan điểm với ông ta.

Johnson không chấp nhận giải pháp của Clifford. Ông ta không muốn vì một cuộc bầu cử Tổng Thống sắp đến mà phải đồng ý giải pháp theo Hà Nội đòi hỏi. Sau đó thì chuyển sang những vấn đề tổng quát, trước khi Phái Đoàn Tổng Thống dùng trực thăng đến Hickam Field, nơi mà Thiệu vừa đến.

Ngày hôm sau, hai vị Tổng Thống đã gặp riêng một giờ rưỡi trước khi phiên họp toàn phần hai bên bắt đầu. Những báo cáo, tường trình hai bên đưa ra đều được thảo luận. Sau bữa ăn trưa do Thiệu đãi, buổi chiều hai bên chia ra từng nhóm nhỏ để thảo luận. Buổi ăn tối do Tổng Thống Johnson mời được tổ chức tại Kaiser. Trong phần trao quà lưu niệm, phía Việt Nam đã tặng cho Johnson bức tranh sơn mài. Còn phía Hoa Kỳ tặng cho Tổng Thống Thiệu những vật dụng trang hoàng trên bàn giấy.

Bản tin phổ biến đến báo chí được sửa chữa nhiều lần, mãi đến 11 giờ 30 đêm hôm sau.

Sáng thứ bảy, Tổng Thống Johnson đưa ra một bản tuyên bố ngắn với báo chí và sau đó giới thiệu Tổng Thống Thiệu với cuộc họp báo. Vài viên chức Mỹ kể cả Tổng Thống Johnson hơi lo lắng về cuộc họp báo của Thiệu nhưng Bunker đã trấn an, cho rằng Thiệu có đủ kinh nghiệm về những cuộc gặp gỡ với báo chí như thế này. Khi cuộc họp báo chấm dứt, mọi người đồng ý là Thiệu khôn khéo và chủ động được cuộc họp báo này.

Phía Việt Nam rất hài lòng về những kết quả ở cuộc họp thượng đỉnh. Họ đã nhận được sự cam kết từ vị Tổng Thống Hoa Kỳ là sẽ không bỏ rơi họ. Cùng thời điểm ấy, họ đã duyệt xét lại toàn diện về cuộc hòa đàm Paris và với sự cam kết của Hoa Kỳ họ toàn quyền chủ động trong các cuộc thương thuyết với vị trí chủ yếu của họ. Thế nhưng Thiệu vẫn chứng tỏ là ông ta rất uyển chuyển trong những đề nghị mà phía Hoa Kỳ đưa ra.

Ellsworth Bunker rất mừng bởi Johnson đã đưa ra những phản đề nghị cứng rắn theo khuyến cáo của ông để phản bác lại những đề nghị gian trá mà phía Hà Nội đã đưa ra. Theo Johnson, nếu thỏa ước không đạt được một cách công bằng thì ông sẽ từ chối và để cho vị Tổng Thống kế nhiệm giải quyết.

Cũng nhân kỳ họp thượng đỉnh ấy, Thiệu đã thúc đẩy Johnson nên chính thức loan báo cho dân chúng Mỹ biết là Quân Đội Hoa Kỳ bắt đầu rút quân vào năm 1969. Nhưng Johnson đã từ chối. Sau này, ông ta đã viết, lý do là không muốn Hà Nội ngộ nhận đó là một sự nhượng bộ của ông. Thế nhưng đó lại là một tính toán có ít nhiều lầm lẫn của Johnson.

Giả như nếu bản tuyên bố rút quân được đưa ra, sẽ làm giảm đi sự lo lắng dân chúng Hoa Kỳ trong nước về cuộc chiến, tạo được chính nghĩa vì sao Hoa Kỳ phải có mặt tại Miền Nam, một chỉ dấu để dân chúng Miền Nam Việt Nam thấy rằng họ phải nhận thêm trách nhiệm về cuộc chiến này và tránh cho Hà Nội lợi dụng điểm yếu, tính thiếu kiên nhẫn của dân chúng Hoa Kỳ, để kéo dài cuộc chiến vô hạn định theo họ muốn.

Johnson đã thành công trong việc thúc bách Thiệu hỷ quan tâm nhiều hơn vì nỗ lực kế hoạch Bình Định. Thiệu trở về Sài Gòn trực tiếp chỉ đạo Hội Đồng Trung Tâm Bình Định, một tổ chức được hình thành theo khuyến cáo của Bob Komer vài tháng trước đó. Thiệu thường xuyên trình bày với các Tướng lãnh của ông về vấn đề an ninh lãnh thổ và xem đó là kế hoạch quan yếu trong năm 1969 sắp đến. Vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam đã có cái nhìn sâu rộng là đặt mục tiêu trước mắt mà chính phủ ông phải thi hành là phải kiểm soát được những vùng mà dân chúng đang sanh sống hơn là tìm sự chiến thắng qua các trận đánh lớn tại chiến trường.

Trong khi đó thì đoàn ngũ hóa Nhân Dân Tự Vệ lại phát triển chậm. Thủ Tướng Hương không tin vào hiệu năng về lực lượng này. Ông e ngại việc cấp phát vũ khí cho Nhân Dân Tự Vệ dễ bị họ lợi dụng để chống lại kẻ khác và như thế thì sẽ làm phân hóa thêm về mặt chính trị. Ông Hương đã hiểu sai lệch tầm mức quan trọng ở lực lượng này.

Một trở ngại khác nữa là thiếu sự huấn luyện quân sự cho thành phần Nhân Dân Tự Vệ trước khi trao cho họ vũ khí. Mặc dù vậy, con số cán binh rời bỏ hàng ngũ việt cộng để quay về chính phủ Miền Nam bắt đầu gia tăng.

Ngày 15 tháng 8, Bunker tường trình với Tổng Thống Johnson là theo báo cáo của Tướng Abrams, đợt tấn công thứ ba của cộng sản Hà Nội trong năm Mậu Thân sẽ bắt đầu trong thời gian rất ngắn, có thể xảy ra trong vài ngày tới. Thời gian im ắng đã qua rồi. Ellsworth Bunker nhận định, mục tiêu chính của cuộc tấn công sắp đến là nhằm quấy động dư luận quần chúng Mỹ về cuộc chiến, suốt thời gian đảng Dân Chủ họp đại hội toàn quốc tại Chicago sẽ được tổ chức thời gian ngắn sau đó. Và nếu cuộc tấn công không xảy ra do nỗ lực ngăn chặn của chúng ta thì Hà Nội cũng sẽ huênh hoang tuyên bố để tìm lấy thuận điểm về mặt chính trị là họ đã quyết định xuống thang chiến tranh. Mặc dù vậy, Tướng Abrams đã tung quân của ông bẻ gãy các đơn vị đối phương trước khi họ có khả năng tiến vào Thành Phố.

Trong đợt tấn công lần thứ ba trong năm 1968 này, các đơn vị cộng quân đã bị chặn đứng từ 7 đến 8 cây số bên ngoài các Thành Phố mà họ nhằm chiếm cứ. Kế hoạch của họ tấn công vào Sài Gòn, Cần Thơ, vùng giới tuyến phi quân sự và Thành Phố Huế đã bị các đơn vị hành quân Hoa Kỳ bẻ gãy.

Nỗ lực chủ yếu để tiến chiếm Đà Nẵng đã bị thất bại hoàn toàn. Các khu vực dân cư ngoại ô do các lực lượng Không Quân và Pháo Binh oanh kích và pháo kích, không bị thiệt hại nhiều như hai lần trước. Trong khi đó, các lực lượng quân sự Miền Nam Việt Nam đã tham dự trận chiến này nhiều hơn bất cứ trận chiến nào đã từng xảy ra. Trong đợt tấn công lần thứ ba, 60 phần trăm cộng quân bị giết tại chiến trường là do Quân Đội Miền Nam thực hiện. Trong khi đó, về phía Mỹ, 60 phần trăm tổn

thất nằm trong các lực lượng Đồng Minh chứ không phải là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Cuộc tấn công kéo dài bảy ngày cho đến giữa tháng 8. Suốt thời gian này, lực lượng cộng quân đã bị tổn thất hàng ngàn người trong khi họ không gây được một tiếng vang nào như hồi tháng 5. Kế hoạch Bình Định vẫn không bị đảo ngược và các đơn vị Đồng Minh không phải kéo về để lo bảo vệ các Thị Trấn hay Thành Phố. Vào cuối tháng 8, ba trăm Binh Sĩ Miền Nam cùng với các Cố Vấn Hoa Kỳ đã đánh trả thành công cuộc tấn công ban đêm của 1000 cộng quân vào một Quận lỵ nhỏ Đức Lập gần Đà Nẵng. Cộng quân đã bị tổn thất 445 người và Quân Đội Miền Nam chỉ có 61.

Abrams đã báo cáo với Bunker, Quân Đội Miền Nam quả thật là “Quân Đội thiện chiến”. Trung Đoàn 2 của Sư Đoàn I Bộ Binh Miền Nam, mặc dù bị tấn công bất ngờ nhưng đã xóa tên tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 138 cộng quân Bắc Việt gần Vùng Phi Quân Sự. Lực lượng Nhân Dân Tự Vệ đã bảo vệ được Thành Phố Tây Ninh. Tại Cao Nguyên, một đơn vị nhỏ của Miền Nam Việt Nam tuy bị phục kích nhưng đã tập hợp để chống trả ba tiểu đoàn thiện chiến của Hà Nội.

Song song với các cuộc tấn công vào Thành Phố, mặc dù bị thất bại, cộng sản vẫn cố gắng thiết lập ủy ban giải phóng tại các làng xã ở nông thôn. Các ủy ban này có chức năng giống như chính quyền địa phương của họ. Mục đích họ dùng những ủy ban này xem như thể thức để đòi được tham dự vào chính quyền địa phương hay một chính phủ liên hiệp tại bàn hòa đàm Paris. Theo báo cáo từ các Tỉnh, đứng đầu ủy ban giải phóng này hầu hết là những đảng viên cộng sản.

Trong nỗ lực thiết lập các ủy ban giải phóng, gắn liền với sự gia tăng việc ám sát và thủ tiêu tại các thôn làng. Những người cộng sản muốn triệt tiêu thành phần đối kháng không ủng hộ ủy ban do họ đặt ra. Thực ra, trong mục tiêu xâm chiếm Miền Nam, Hà Nội đã áp dụng chính sách ám sát, thủ tiêu này từ một thập niên về trước tại nông thôn. Trong đầu tháng 8, chỉ có 62 thường dân bị sát hại, nhưng ở tuần lễ 12 tháng 9 số thường dân bị giết lên tới 274 người, 761 người khác bị thương và 492 bị bắt cóc.

Vào tháng 9, Thiệu mời Bunker cùng thăm viếng ở một vùng đặc biệt vừa được Bình Định. Đó là vùng thuộc Quận Ba Tri, nơi mà nhiều năm trước kia, việt cộng xem là cứ điểm của họ. Giống như bao lần viếng thăm, thanh tra trước, Phái Đoàn gồm những thành viên cao cấp của chính phủ đi từ Sài Gòn được viên Quận Trưởng, một sĩ quan trẻ, hướng dẫn thăm xem các khu vực đã được Bình Định. Bất ngờ, đoàn xe dừng lại. Viên Quận Trưởng hốt hoảng, không biết việc gì xảy ra. Bunker cũng rời xe của ông rồi tiến về phía trước. Thiệu đi chiến xe đầu tiên và ông ta ra lệnh cho đoàn xe: “Dừng lại. Đây là căn nhà mà người đàn bà nuôi heo”.

Thiệu nhớ lại, khoảng một năm về trước, ông cũng xuống viếng thăm Quận này. Ông ta đã gặp người đàn bà sống trong căn nhà tranh khoe với ông, qua Chương Trình Bình Định, bà đã được cấp phát heo giống để nuôi. Bây giờ, đi ngang căn nhà này. Thiệu muốn biết xem công việc nuôi heo của người đàn bà tiến triển tới đâu. Người đàn bà sừng sốt, không ngờ một Tổng Thống đã đến căn nhà của bà và thăm hỏi. Thiệu một mình vào nhà, hỏi thăm và xem những con heo. Bà ta khoe nhờ những con heo này mà bà ta có tiền.

Quận Ba Tri bấy giờ đã có đông thanh niên trở về sinh sống. Khoảng 3000 người đã tình nguyện gia nhập vào Quân Đội chính quy và khoảng 2000 phục vụ trong hàng ngũ Nhân Dân Tự Vệ. Không chỉ những người đàn ông này từ chối đứng trong hàng ngũ cộng sản, họ còn gia nhập lực lượng bảo vệ thôn làng nơi họ sinh sống.

Ở một lần khác, Thiệu đưa Bunker về thăm nơi sinh trưởng của ông ta. Thân phụ của Thiệu là người được dân làng kính trọng và ngôi nhà của gia đình có vẻ đồ sộ hơn những ngôi nhà khác trong làng. Người chị của Thiệu đang sống trong ngôi nhà ấy. Chị của Thiệu là một nông dân, gầy và dong dỏng cao. Mái tóc đen của bà buông thả ra phía sau để lộ ra khuôn mặt gầy có nhiều nếp nhăn, dấu vết của nhiều năm lao động nhọc nhằn. Dân làng sản xuất nước mắm. Ellsworth Bunker ngửi mùi những con cá đã lên men làm ông nhớ mãi hai chữ “nước mắm”. Thiệu thấy thoải mái khi trở về làng, mọi người gặp ông đều cười, hỏi han có vẻ tự nhiên.

Vào cuối tháng 9, đã có 67 phần trăm dân chúng sống trong những khu vực được bảo vệ an ninh, như tình trạng trước khi cộng quân mở các cuộc tấn công hồi trước Tết. Cả nước có 239.264 người được huấn luyện để đứng trong hàng ngũ Nhân Dân Tự Vệ. Các đơn vị địch quân cũng đã bắt đầu ngưng các cuộc phá rối. Tướng Abrams chỉ sử dụng máy bay trinh sát dọc theo giới tuyến và vùng rừng núi tại Lào. Thế nhưng cộng quân bắt đầu chuyển quân về Cam Bốt nhằm đe dọa Sài Gòn.

Để đối phó, vài đơn vị Hoa Kỳ đã di chuyển từ vùng giới tuyến phi quân sự về trú đóng giữa Sài Gòn và biên giới Cao Miên. Tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long họ

đã hành quân tiến sâu vào các mật khu cộng quân gần lãnh thổ Cam Bốt. Nhật ký một cán binh việt cộng ta tịch thu được tại một Quận đã ghi lại, đây là thời điểm đen tối nhất cho họ vì họ phải chấp nhận những điều kiện khó khăn chưa hề xảy ra.

Những kho tiếp liệu do các lực lượng du kích địa phương cất giữ để cung cấp cho các đại đơn vị cộng quân trong những cuộc tấn công sắp đến đã bị các lực lượng tuần thám Đồng Minh phát hiện và tịch thu. Bunker báo cáo với Johnson một cách đầy tự tin rằng, chính nghĩa của cuộc chiến bây giờ thuộc về phía Đồng Minh. Nếu Washington cứng rắn hơn thì cuộc chiến tranh bi thảm và những xung đột gay gắt như thế này sẽ được ngăn chặn ở tương lai.

CHƯƠNG 5

1968 - NĂM MẬU THÂN

Đối với người Việt Nam và cả những người Á Châu dùng âm lịch, ngày Tết là một chỉ dấu báo hiệu khởi đầu cho một năm mới mà mọi việc trong vũ trụ đều đổi thay. Vào đúng lúc giao thừa, bắt đầu chu kỳ của 12 tháng mới, sinh khí Âm và Dương lại bắt đầu. Dương khí đã bị Âm khí lấn áp làm cho ngày tối thêm và lạnh thêm vào mấy tháng trước ở mùa Đông, mau chóng trở dậy, cho khí trời sinh động, người ta đã gọi là mùa Xuân.

Mỗi năm, sự tuần hoàn trong vũ trụ có sắc thái riêng rẽ, ảnh hưởng đến vận mệnh của từng cá nhân về những chuyển biến hệ trọng xảy ra trong năm. Mỗi năm mang một tên riêng, không phải là một chuỗi những con số tiếp nối như Tây phương, mà là những biểu tượng của tạo hóa. Tại Việt Nam, những nhà chiêm tinh thường hay đoán vận mệnh căn cứ vào ngày tháng năm sinh theo Âm lịch bởi vì sinh lực của năm sinh là điều tiền định ở sinh mệnh của mỗi con người.

Năm Thân là năm dương thịnh, năm của phái Nam làm

nên đại cuộc. Năm Thân 1788, một Tướng lĩnh Việt Nam đã đánh bại đạo quân xâm lược của Trung Hoa nhằm chiếm Việt Nam để thiết lập chế độ bù nhìn của họ. Sau chiến thắng đó, vị Tướng đã lên ngôi Vua để đưa Quốc Gia đến tự chủ. Cũng năm Mậu Thân 1428, một nhà lãnh đạo quân sự khác của Việt Nam đã chiến thắng sau 10 năm kháng chiến chống lại sự xâm lược và đô hộ của triều đại vua Nhà Minh bên Tàu.

Lợi dụng sự kiện lịch sử ấy, năm Mậu Thân 1968 bắt đầu từ nửa đêm 30 tháng 1.1968 Hà Nội đã đưa cuộc chiến Việt Nam vào biển máu bằng cách mở các cuộc tấn công ồ ạt vào các Thành Phố, Thị Trấn Miền Nam Việt Nam vào thời điểm mà Hà Nội tin là Miền Nam không phòng thủ, bảo vệ. Cả Bunker cũng kinh ngạc ở cuộc tấn công này.

Áp dụng đúng quy luật chiến tranh, lợi dụng yếu tố bất ngờ, khi các mục tiêu quân sự chủ quan và thiếu cảnh giác. Hà Nội đã mở ra cuộc tổng công kích vào dịp Tết nhằm nâng cuộc chiến tranh du kích lên một bước cao hơn. Hà Nội đã đưa các đơn vị bộ binh của họ vào nhà và các đường phố ở Thị Trấn cũng như ở Thành Phố.

Sau Tết Mậu Thân 1968, tình huống đã thay đổi. Cuộc leo thang chiến tranh vào dịp Tết trước đó làm cho các đơn vị chính quy Hà Nội bị thiệt hại nặng nề. Miền Nam Việt Nam đã tìm thấy niềm tin mới. Nghịch lý thay, trong khi ấy thì công luận tại Mỹ ủng hộ cuộc chiến tranh này nhanh chóng giảm sút. Xuất phát từ những quan điểm chủ bại của một số trong tầng lớp có ảnh hưởng đến quần chúng, thành phần e ngại và sợ hãi Hoa Kỳ sẽ bị thất bại và yêu cầu phải chấm dứt cuộc chiến Việt Nam ngay tức khắc với bất cứ giá nào, đã lan rộng khắp cả đường phố.

Ngày thứ hai trước Tết, một tín hiệu buồn cười đã đến với Ellsworth Bunker. Trong giờ ăn trưa và đang có những trao đổi quan trọng với Tướng Westmoreland và Robert Komer thì một tiếng nổ khá lớn xảy ra bên ngoài của tư thất Bunker. Sợ những điều bất trắc, người lính Thủy Quân Lục Chiến gác tư dinh Đại Sứ liền bấm còi báo động lập tức, chung quanh tư dinh đầy lính bảo vệ. Bunker vẫn tiếp tục cuộc họp. Liền sau đó, viên Chỉ Huy của Toán Thủy Quân Lục Chiến có nhiệm vụ bảo vệ tư dinh bước lên tầng lầu, nơi mà Bunker và các vị khách đang dùng bữa ăn trưa, báo cho ông ta biết tiếng nổ vừa rồi xuất phát từ một chiếc pháo do một người lính Miền Nam làm và đốt để mừng ngày Tết sắp đến.

Những giờ phút mở đầu cho một năm mới tại Việt Nam thường được cả nước qua những tràng pháo nổ như một chỉ dấu cho mỗi gia đình sẽ được gặp nhiều may mắn, hạnh phúc và an lành trong năm sắp đến.

Suốt những ngày Tết, người Việt Nam quây quần trong gia đình của họ. Đàn bà thì thường xuyên trong nhà bếp để chuẩn bị nấu nướng những món ăn ngon đãi họ hàng thân hữu. Đàn ông chơi bài, uống rượu. Còn trẻ con thì kéo nhau đến chúc tuổi ông bà. Trên bàn thờ tổ tiên đầy hoa và trái cây. Dù có đi xa hay bận rộn quanh năm, vào ba ngày Tết, người Việt Nam nào cũng phải cố gắng trở về gia đình của họ. Chuyện đất nước họ gác lại, không mấy quan tâm. An ninh xã hội cũng lơ là.

Chính quyền của Thiệu vừa mới đắc cử nên muốn tạo cho dân chúng Việt Nam những cuộc vui trong những ngày Tết trọng đại này. Lần đầu tiên trong nhiều năm bị cấm đoán, dân chúng được đốt pháo trong mấy ngày Xuân.

Quân Đội và viên chức chánh quyền luân phiên được nghỉ phép để về ăn Tết với gia đình. Dưới cái nhìn của chính phủ Thiệu, cuộc chiến được tạm ngưng vài ngày. Phía cộng sản Hà Nội cũng tuyên bố ngưng chiến trong ngày Tết của dân tộc như phía Miền Nam Việt Nam và Đồng Minh. Thiệu cũng rời Sài Gòn để về ăn Tết bên phía quê vợ ông ở Mỹ Tho thuộc Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Chủ quan vì tin vào những điều đối phương tuyên bố, chính quyền Miền Nam đã buông thả, mọi việc không đề phòng. Đúng vào lúc chính quyền sơ hở nhất, cộng quân đã phát động cuộc tổng công kích. Phần Bunker, ông ta đã dự đoán qua những chuyển động và chuẩn bị của đối phương trong năm 1967, cộng quân sẽ mở những cuộc tấn công vào dịp Tết.

Chẳng hạn, Hà Nội đã tăng cường lực lượng quân chánh quy của họ ở phía Bắc dọc Vùng Phi Quân Sự, và cả ở vùng biên giới tại Lào. Vùng này trước đó chỉ có hai sư đoàn Bắc Việt nay đã tăng lên tới 4 sư đoàn. Hoa Kỳ đã tăng cường quân về phía Bắc và Westy đã nói với Bunker là quân của ông đã sẵn sàng để đối phó với Bắc Việt. Tin tức khai thác từ những tù hàng binh cộng quân cũng đã xác định là họ đã được lệnh chuẩn bị cuộc tấn công.

Westmoreland tin rằng, những trận tấn công lớn sắp sửa phải xảy tới trước mắt, chung quanh Sài Gòn, một số các đơn vị Hoa Kỳ đóng quân tại vùng rừng núi đã được lệnh di chuyển về đóng quân chung quanh khu dân cư. Những cuộc chuyển quân này chỉ xảy ra trước Tết vài ngày theo yêu cầu của Tư Lệnh Vùng của Westmoreland và cũng theo những nguồn tin tình báo mà Westmoreland thu thập được.

Westmoreland cũng đã hoãn thi hành kế hoạch mở các cuộc càn quét về phía Bắc Sài Gòn mà ông đã dự trù.

Kể từ cuối mùa Thu năm 1967, mức độ tăng cường quân Bắc Việt vào Miền Nam Việt Nam có những chỉ dấu cho thấy chậm lại, thế nhưng khi nào, nơi nào, và đâu là mục tiêu chính trong cuộc tấn công này thì chưa biết rõ. Nguồn tin tình báo cũng chỉ cho biết là sắp có những cuộc tổng công kích, thế thôi.

Đầu tháng 10 năm 1967, Bunker đã gọi cho Tổng Thống Johnson lưu ý về một tiểu luận do viên tướng Hà Nội là Võ nguyên Giáp vừa mới in ra. Bunker đặc biệt lưu ý đến điều mà Giáp gọi là “sáng tạo”, tập trung nỗ lực để pháo kích và đặt chất nổ vào các mục tiêu đã chọn lựa song song với việc tấn kích các cứ điểm khác, rồi rút quân.

Và rồi suốt tháng 1.1968 đã có 42 vụ tấn kích vào các Thị Trấn và Thành Phố. Tuần lễ trước Tết, một nơi cất dấu vũ khí AK47 do Hà Nội chuyển vào Sài Gòn đã bị Cảnh Sát khám phá. Lệnh báo động được ban hành. Sáng ngày 30 tháng 1, Tướng Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 đóng tại Huế đã ban hành lệnh cấm trại. Tướng Trưởng nghi ngờ là cộng quân sẽ mở các cuộc tấn công tại các Tỉnh Vùng Cao Nguyên.

Và việt cộng đã bắt đầu tấn công. Hoa Kỳ liền hủy bỏ lệnh ngưng chiến trong dịp Tết. Tướng Westmoreland thông báo cho các đơn vị Hoa Kỳ biết là chiến dịch tấn kích của cộng quân đã bắt đầu. Nhưng cả Westmoreland và Bunker đều không dự đoán là mục tiêu của cộng quân nhằm vào các khu đông dân cư. Cả hai ông đều cho rằng những nhà quân sự của cộng quân không ngu xuẩn đến độ, muốn có một kết quả về chính trị, họ lại xua quân của

họ tàn sát và hủy diệt sinh mệnh và của cải của dân chúng Miền Nam Việt Nam và đồng thời đưa quân của họ vào các nơi tự sát.

Trong đêm 30 tháng 1.1968, Bunker tham dự một bữa tiệc theo lời mời của hai nhân viên trẻ trong Tòa Đại Sứ, ăn mừng ngôi nhà khang trang mà họ vừa thuê được. Bữa tiệc ấy cũng còn có ý nghĩa là để ăn mừng Tết. Trong thiệp mời với dòng chữ ghi rõ để đón mừng “Ánh sáng đã thấy được ở cuối đường hầm”. Ellsworth Bunker không thể ngờ rằng những xáo trộn to lớn về mặt quân sự mà cả đời nghiệp vụ của ông chưa hề trải qua, sẽ xảy đến vài giờ sau đó. Trong lúc tiếp tân, Bunker vẫn thanh thản dự trù sẽ đọc lại một số sách báo, tài liệu đang chờ ông vào những ngày Tết này.

Cùng đêm ấy, Hồ Chí Minh đã đưa lệnh tấn công, qua bài thơ đọc trên đài phát thanh Hà Nội: “Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua”. Hà Nội hy vọng rằng với cú đấu bất thần về mặt tâm lý ấy, họ đã loại Hoa Kỳ ra khỏi vòng chiến, điều mà trên lãnh vực quân sự họ không thể thực hiện được. Cũng giống như khi chiếm được Điện Biên Phủ năm 1954, họ đã chấm dứt được sự đô hộ của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Vào mùa Hè 1967, khi kế hoạch tổng công kích vào dịp Tết đã được đặt ra, chiến lược gia hàng đầu của Hà Nội là Võ Nguyên Giáp đã tiên liệu, nỗ lực mà Lyndon Johnson để ứng phó vào cuộc chiến đã lên đến tột đỉnh. Bổ túc cho nhận định này, Giáp viết thêm, Hoa Kỳ đã cạn khả năng để leo thang chiến tranh. Xuất phát từ nhận định đó, Hà Nội cho rằng thời điểm đã chín mùi để họ giải quyết cuộc chiến Việt Nam.

Khoảng trước ba giờ sáng đêm 31 tháng giêng, một tiểu đội thuộc tiểu đoàn C10 đặc công cộng quân đã rời một nhà để xe cùng con đường mà Bunker vừa tham dự buổi tiệc “Ánh sáng cuối đường hầm” vào lúc tối để tiến về khu vực 4 mẫu của Tòa Đại Sứ nằm ngay Trung Tâm Sài Gòn.

Sau khi đặt chất nổ phá thùng một lỗ lớn bức tường, toán đặc công tiến vào khuôn viên Tòa Đại Sứ, chung quanh một cao ốc nhiều tầng vừa mới xây bao gồm văn phòng chính của Tòa Đại Sứ, bắn chết 4 Quân Cảnh Mỹ. Họ bắn vài quả phóng lựu vào tòa nhà, ngay lối đi ở tầng một, tạo vài nơi loang lỗ. Thế nhưng đội cảm tử đã không vào được bên trong tòa cao ốc và lần lượt họ bị giết hoặc bị bắt. Thoạt đầu Toán Quân Cảnh và Thủy Quân Lục Chiến Mỹ có nhiệm vụ bảo vệ Tòa Đại Sứ cũng lúng túng. Họ không ngờ.

Sống trong căn nhà khá sang trọng và rộng rãi thuộc khuôn viên của Tòa Đại Sứ là George “Jake” Jacobson, một điều hợp viên của Bunker, đặc trách giải quyết những tổ chức bất đồng quan điểm về chính sách của Hoa Kỳ. Jake hiểu rõ những phức tạp về Việt Nam và đã giải quyết rất khôn khéo. Ông ta chạy đến Bunker và báo cho biết là đang có cuộc tấn công vào khu vực Tòa Đại Sứ. Ellsworth Bunker bình tĩnh, hơi ngạc nhiên hỏi: “Việc gì đang xảy ra? Tình huống ra sao”?

Sau khi nói cho Bunker biết là có vài việt cộng đã đột nhập vào bên trong khuôn viên và đang chống trả với các lực lượng an ninh, Jake tiếp: “Mẹ kiếp! Nếu có súng tiểu liên, tôi sẽ hạ chúng từng thằng”.

Khi tấn công Tòa Đại Sứ, tư thất của Bunker là nơi bị đạn nhiều nhất. Căn nhà nằm ở cuối một con đường

ngắn. Dọc theo lối đi từ đường vào nhà là bức tường dài, cao và dày đứng sừng sững của nghĩa trang, tăng thêm phần an ninh cho khu này. Đường này ít xe cộ lưu thông nên cũng dễ kiểm soát. Hai anh em ông Diệm và Nhu sau khi bị sát hại cũng mai táng tại nghĩa trang đó. Thế nhưng trong những giờ cao điểm của đêm 31 tháng 1, cộng quân đã đột nhập vào phía bên kia bức tường nơi có nghĩa địa để bắn vào nhà Bunker và bức tường trở thành bia chắn khi họ bị bắn trả.

Ngay khi phát súng nổ đầu tiên, Toán Thủy Quân Lục Chiến bảo vệ tư thất Bunker liền đánh thức ông ta. Chưa kịp thay quần áo, họ đã vội vàng đưa Bunker đến một ngôi nhà khác an toàn trong bộ áo ngủ của ông. Nhà này dành cho Trưởng Phòng An Ninh bảo vệ Sứ Quán, được trang bị đầy đủ phương tiện truyền tin. Người giúp việc đã nghỉ Tết và khách cũng không có.

Vừa vào trong nhà, Bunker liền gọi điện thoại cho Westmoreland và được báo là cuộc tổng công kích của Hà Nội bắt đầu được triển khai. Cộng quân đã lần lượt tấn công vào 5 trong 6 Đô Thị lớn của Miền Nam, 36 trong 44 Tỉnh lỵ và 64 trong 242 Quận lỵ. Một cách chung, tất cả các mục tiêu, phần lớn nằm trong khu vực dân chúng đang sinh sống. Ngoại trừ Long Bình, căn cứ tiếp liệu của Hoa Kỳ nằm về phía Bắc Sài Gòn bị bỏ trống, vì các đơn vị đã bị điều động theo lệnh của Westmoreland, tăng cường phòng thủ ở các Thành Phố. Vì các đơn vị cộng quân đã lộ diện xa những vùng rừng núi ẩn dấu của họ nên họ đã bị các đơn vị Hoa Kỳ tấn kích và gây thiệt hại nặng nề.

Vào hừng sáng, Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã có mặt

đẩy tư thất của Bunker. Dùng hơi gas bắn vào các nơi tình nghi là còn việt cộng đang ẩn náu. Ellsworth Bunker chờ hết hơi gas mới trở lại nhà, thay quần áo và lên văn phòng Tòa Đại Sứ làm việc. Trên đường đến nơi Bunker đã thấy được những thiệt hại do cộng quân gây ra và cũng nhìn thấy xác những đặc công việt cộng chết còn nằm trong khu vườn Tòa Đại Sứ.

Jake đã có mặt tại văn phòng để chờ Bunker đến. Đêm ấy, Jake đã ẩn trốn trên tầng lầu hai của nhà ông trong khi lính việt cộng cuối cùng theo hướng dẫn đã khám biết ra nhà ông. Một Quân Cảnh trẻ Mỹ liền quăng cho Jake khẩu súng và chính Jake phải hạ bắt đặc công người lính việt cộng này khi hắn ta xuất hiện trên tầng lầu. Khi Bunker đến, Jake đã trở lại trạng thái bình tĩnh, rất biết ơn người Quân Cảnh Mỹ mà ông ta không thấy mặt vì đêm tối đã quăng cho ông ta khẩu súng vừa đúng lúc.

Rồi Westmoreland cũng tới và nói về trận chiến. Cùng lúc ấy, các phóng viên báo chí Hoa Kỳ trú ngụ tại các khách sạn cách đó không xa cũng hối hả chạy đến. Tướng Westmoreland đành phải mở cuộc họp báo bất thường ngay tại sân cỏ trước tiền đình Tòa Đại Sứ. Westy đã tỏ ra tự tin và lạc quan về sự giáng trả chính xác cho dù tình huống xảy ra trong một trường hợp thật căng thẳng. Ông ta nhấn mạnh, khắp Miền Nam Việt Nam, quân đội của Hà Nội đã lộ diện nguyên hình và chính Hà Nội đã đẩy quân lính của họ vào chỗ tự nguyện để chết trước hỏa lực của Quân Đội Miền Nam Việt Nam cũng như Quân Đội Hoa Kỳ và Đồng Minh. Cuộc tấn công bất ngờ của Hà Nội đã bị đánh bại. Westmoreland kết luận, không cần phải chờ đến kiểm chứng và dù cuộc tổng công kích chỉ

mới xảy ra ngày đầu, ông ta vẫn dự đoán rằng, Hà Nội vẫn tiếp tục tung vào cuộc chiến những đại đơn vị của họ đang nằm bên kia vùng giới tuyến phi quân sự.

Đứng đằng sau Westy, yên lặng quan sát các phóng viên, Bunker thấy rõ thái độ e ngại và nghi ngờ của họ lộ hẳn trên nét mặt khi họ lơ đãng nghe những nhận xét của vị Tướng Tư Lệnh Hoa Kỳ. Ellsworth Bunker liền nói với Jake: “Những gì Westy vừa nói là sự thật. Nhưng việc cộng cũng dành được phần thắng to lớn ở mặt trận tuyên truyền”.

Những phóng viên trẻ và từng nhiều năm thiếu hiểu biết về cuộc chiến này không mấy khả tín khi nghe lực lượng địch quân bị phản công. Nơi nào mà Tướng Westmoreland thông báo là lực lượng cộng quân đã bị chặn đứng thì hầu như những nhà báo có mặt đều bày tỏ thái độ nghi ngờ. Bởi vì họ chẳng bao giờ được cảnh giác trước một tình huống tồi tệ như thế này có thể xảy ra. Đối với họ lúc này, Westmoreland là con người tệ hại, trốn tránh trách nhiệm và trước mắt là Tướng Westmoreland phải chịu trách nhiệm đã không chặn đứng được một cuộc tổng tấn công. Họ cảm thấy vì tính chủ quan và khinh địch, Westmoreland đã đưa Hoa Kỳ đến bờ vực của sự thất bại, cuộc tổng công kích Mậu Thân sẽ chẳng thể xảy ra (theo họ) như Westmoreland và Bunker nhận định và dân chúng Hoa Kỳ đã tin, là cuộc chiến thắng đang trên đà tiến triển.

Bunker đã không có một lời bình luận nào trong cuộc họp báo và liền trở về phòng làm việc của ông ở lầu ba. Ông ta gọi điện thoại cho vợ, đang là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Nepal, báo tin ông bình an, và nói cảm nghĩ đầu tiên của

ông về cuộc tấn công này là cộng sản muốn tác động về mặt tâm lý hơn là cố tìm một chiến thắng về quân sự. Quân Đội Miền Nam Việt Nam, tổng quát, đã chận đứng có kết quả cuộc tổng tấn công này và dân chúng Miền Nam Việt Nam rất cảm phẫn vì cộng sản Hà Nội đã sát hại gia đình họ trong lúc sum vầy ở ngày Tết thiêng liêng của dân tộc họ.

Bunker ra lệnh triệu tập “Hội Đồng Đặc Nhiệm” bao gồm cấp chỉ huy của mỗi cơ quan Hoa Kỳ được chỉ định phục vụ tại Việt Nam. Ellsworth Bunker lạc quan vì cảm thấy chính nghĩa giả tạo mà kẻ thù đã từng hô hào đưa ra để bảo vệ cuộc chiến của họ đã bị lật trần.

Những người cộng sản Hà Nội đã vừa phơi bày cho chính phủ Sài Gòn thấy rằng dân chúng Miền Nam Việt Nam đã không nổi dậy để đón đợi họ như điều họ đã lượng giá. Và dân chúng Miền Nam đã ủng hộ những người lãnh đạo họ hiện nay. Bất ngờ Giáp dường như đã bỏ rơi chiến cuộc của ông và bị mất chức. Bunker nghiên cứu diễn biến này. Trừ phi một Tướng lãnh không còn tìm thấy thuận điểm về một chiến lược, mới dùng chiến thuật tấn công như trên. Điển hình như Napoleon ở trận Waterloo, Hitler ở trận Bulge, Lee ở trận Gettysburg và Mc Arthur ở Incho. Giáp đã tung toàn lực quân đội của ông ta và lộ diện khi tấn công vào những nơi mà lực lượng đối phương mạnh nhất, hẳn nhiên họ phải trả một giá thiệt hại nhân mạng nặng nề.

Những năm về sau, tháng 8.1981, vào một buổi chiều tại nông trại của Bunker trên những dãy đồi ở Vermont, một nhân vật cao cấp trong hàng ngũ cộng sản trong thời chiến tranh, đã xác định với Bunker rằng, cuộc tổng công

kích vào Tết Mậu Thân phải tung ra bởi vì vào giữa năm 1967, những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam nhận định rằng họ không thể tìm thấy cuộc chiến thắng bằng quân sự được nữa. Quân Đội Hoa Kỳ đã cắt đứt mọi kiểm soát của họ với dân chúng nông thôn và cán binh cộng sản đã mất niềm tin vào trận chiến của họ. Những chiến dịch Junction City và Cedar Falls đã cắt đứt mọi hoạt động giữa những nhà lãnh đạo tại Hà Nội và bên trong lãnh thổ Miền Nam Việt Nam bởi vì những căn cứ đầu não tại Miền Nam đã bị phá hủy. Ngay cả Trương như Tăng trong mặt trận miền nam phải trốn dưới hầm ba ngày và uống nước tiểu của chính ông ta để sống sót trong đợt hành quân ấy.

Cho dù có lạc quan cách mấy, dưới mắt Bunker, để cho cuộc tổng công kích xảy ra, vẫn là một điều tồi tệ. Thực tiễn, cộng quân bị tổn thất nặng nề sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân, nhưng họ đã có mặt tại nhiều Thành Phố và Thị Trấn. Trong khi Quân Đội và Cảnh Sát Miền Nam về ăn Tết với gia đình, trong bước đầu, Hà Nội đã chủ động được ở nhiều nơi.

Tại Bến Tre, Tỉnh lỵ Kiến Hòa, tỷ lệ tổn thất nhân mạng giữa Miền Nam và cộng quân là 6 trên 1. Tại Vĩnh Long, những nhân viên dân chính và Nhân Dân Tự Vệ đã giúp trong việc bảo vệ cơ quan Cảnh Sát và Tòa Hành Chánh Tỉnh trong khi việt cộng tràn ngập ngoài phố. Tại Huế, khoảng 16 tiểu đoàn cộng quân hoàn toàn chiếm giữ Thành Phố này. Phải sau một tháng với những trận đánh cận chiến, 11 Tiểu Đoàn Việt Nam và 3 Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, cuối cùng mới đánh bật việt cộng ra khỏi Thành Phố và lấy lại quyền chủ động.

Trong suốt thời gian làm chủ tình hình tại Huế, những người cộng sản Việt Nam đã phơi trần bản chất phi nhân của họ và đó cũng là điều để xác định tại sao chúng ta phải giúp cho người dân Miền Nam Việt Nam có cơ hội để tự bảo vệ giá trị nhân phẩm theo truyền thống của dân tộc này.

Tại Huế, đã có hơn 3000 thường dân bị cán bộ cộng sản Hà Nội bắt đi và thủ tiêu. Tờ Newsweek đã tường thuật, một cán bộ đi theo cộng sản đã quay về với gia đình, đã không chút ngần ngại đưa súng bóp cò giết ông bà nội, chú, cô và 10 người khác trong họ hàng anh ta. Chỉ còn một người chị sống sót nhờ nhanh chân trốn thoát.

Những thường dân Hoa Kỳ cũng bị bắt và bị giết. Các Bác Sĩ người Tây Đức và các Linh Mục người Pháp cũng chung số phận tương tự. Sự bắt bớ, trại tập trung và những vụ hành quyết lại được tái diễn tại Miền Nam Việt Nam sau năm 1975, khi cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam này.

Nhưng điều tệ hại, những chiếc máy ảnh, máy quay phim của giới truyền thông Hoa Kỳ không ghi lại những cảnh thảm sát ở Huế. Người Mỹ tại quê nhà chỉ thấy những Tết Mậu Thân qua hình ảnh khổ sở của những Thủy Quân Lục Chiến phải chiến đấu để chiếm từng căn phố, nhà cửa bị tiêu hủy và bốc cháy, những người dân lành cố trốn thoát khỏi nơi đang xảy ra trận chiến. Và Tướng Loan lạnh lùng đưa tay bóp cò, bắn một sĩ quan việt cộng đang mặc quần áo dân sự vừa bị bắt.

Sau đó, Loan nói với Thiệu, và Thiệu kể lại với ông Bunker khi Ellsworth Bunker chỉ trích hành động thiếu đạo đức và không tự chủ của Loan, rằng khi bắn tên việt

cộng gia, Loan không nghĩ rằng chính ông cũng đã nhúng tay vào sự sát hại và hủy diệt nhiều người vô tội. George Carver thuộc Cơ Quan Tình Báo CIA viết rằng: Người mà Loan đã bắn chết là trưởng toán đặc công tại Sài Gòn, đã từng ám sát nhiều gia đình Quân Nhân và Cảnh Sát. Loan biết điều này nên mới hành động như vậy.

Mô tả bản chất của cuộc chiến với một bên là một rừng báo chí ngoại quốc tự do và phía bên kia là một guồng máy khổng lồ để tuyên truyền, Hoa Kỳ đã gánh chịu bao điều bất lợi về mặt chính trị và cộng sản Hà Nội thì không hề một chút e ngại về những tội ác to lớn mà họ đã gây ra.

Thảm cảnh về chiến tranh đã trở thành câu chuyện đầu môi tranh luận tại quê nhà nhằm chỉ trích những nỗ lực mà Ellsworth Bunker hỗ trợ Miền Nam Việt Nam tự vệ. Bao nhiêu lần lặp lại với lối bêu riếu, ngạo báng câu nói của một sĩ quan Mỹ: “Chúng ta đã hủy diệt Thành Phố để cứu lấy nó”. Và xem câu nói ngây ngô như khuôn mặt của anh ta, như thể đó là lý do chính đáng khiến chúng ta can dự.

Thế nhưng một sinh viên Việt Nam tại Huế, sau cái Tết Mậu Thân hoang tàn đã xác tín: “Chúng ta phải hy sinh nếu muốn việt cộng không còn nữa”.

Tại Miền Nam Việt Nam, quyết định chiến đấu, chấp nhận hy sinh “nếu muốn việt cộng không còn nữa”.

Tại Miền Nam Việt Nam, quyết định chiến đấu, chấp nhận hy sinh và mất mát thuộc quyền quyết định của dân chúng, những con người không muốn sống dưới chế độ cộng sản thống trị. Dân chúng Sài Gòn không xuống đường khi những bộ đội việt cộng có mặt trên đường phố bắc loa kêu gọi “Chúng tôi là giải phóng quân miền nam Việt Nam. Nhân dân hãy cùng chúng tôi giải phóng Sài Gòn”.

Trên bình diện tổng quát, Quân Đội chính phủ Miền Nam đã chiến đấu can trường để bảo vệ trong cuộc tổng công kích Tết. Nhiều đơn vị đã rất xuất sắc. Điều đó đã giúp cho Tổng Thống Thiệu, vừa đắc cử không lâu, thay thế một số vị chỉ huy quân sự cao cấp và các Tỉnh Trưởng mà phần lớn được Kỳ bổ nhiệm trước khi có hiến pháp ra đời.

Kể từ khi Hà Nội mang cuộc tấn công vào các Thị Trấn và Thành Phố, sự hủy diệt về nhân mạng và nhà cửa tăng lên nghiêm trọng. Bao nhiêu kẻ vô tội bị giết hoặc bị thương trong lúc trận chiến xảy ra. Khoảng 800.000 dân chúng cần sự cứu trợ về nhà ở và thực phẩm.

Tối thiểu Hà Nội đã tung 84.000 quân chính quy và du kích vào trận tổng công kích Tết Mậu Thân. Một tháng sau đêm khởi đầu, phân nửa trong số ấy đã bị giết hoặc bị bắt và Hà Nội chẳng chiếm được gì tại Miền Nam Việt Nam để đổi lại sự mất mát to lớn của họ. Thế nhưng Bunker lại rút ra được bài học cay đắng, nghiệt ngã khác ngay tại Hoa Kỳ chẳng bao lâu sau đó.

BỊ ĐÁNH BẠI TRÊN QUÊ NHÀ

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân đã đưa tiến trình chính trị của Tổng Thống Hoa Kỳ vào chỗ thiếu tự tin. Những tinh hoa cốt lõi của Thanh Giáo vẫn bám sâu vào nền văn hóa người Mỹ, được chuyển đổi trở thành kẻ tự hủy diệt khi đối đầu với một viễn ảnh cảm thấy bị thất bại. Theo lý luận của Cựu Ước và trở thành Mỹ hóa, sự thành công chỉ xảy đến với một việc làm mang tính đạo đức. Thiếu xác định và trưng dẫn những căn cứ về mặt đạo đức, hành động nào cũng mặc nhiên đưa đến sự thất

bại không thể biện minh. Ai ai cũng đều có kinh nghiệm rằng những việc làm bị thất bại được xem như vì nó thiếu chính nghĩa. Trận chiến Tết Mậu Thân được nhìn như hậu quả tất yếu của sự thất bại về mặt chính trị đối ngoại của Hoa Kỳ, sự lôi kéo sai lệch của những chính trị gia và những thành phần trí thức là những kẻ bàng quan với đất nước họ trong trận chiến này.

Eugene Mc Carthy khi tranh cử với Tổng Thống Johnson trong cuộc tranh chức ứng cử viên Tổng Thống vòng đầu của đảng Dân Chủ tại New Hampshire, nói rằng, vị thế của chúng ta tại Miền Nam Việt Nam bây giờ tồi tệ hơn là vào đầu năm 1966. George Romney vận động để trở thành ứng viên của đảng Cộng Hòa thì lại nói, vụ Tết Mậu Thân đã chứng tỏ một điều là dân chúng Miền Nam Việt Nam đã “ủng hộ” cộng sản.

Trong ngày 8 tháng 2.1968 Robert Kennedy đã ồn ào lớn giọng chống lại cuộc chiến. Ông ta cho rằng đã đến lúc Hoa Kỳ phải đối diện với sự thật rằng một cuộc chiến thắng bằng quân sự chẳng bao giờ tìm thấy được và chẳng bao giờ sẽ xảy ra. Robert Kennedy cũng kết án chính phủ Miền Nam Việt Nam là thiếu khả năng, tham nhũng và kêu gọi cần có một sự thỏa thuận để tạo cho việt cộng có cơ hội tham dự đời sống chính trị vào đất nước này. Ông ta hỏi Arthur Schlesinger: “Anh nghĩ sao nếu 10 năm sau, tất cả chúng ta quay nhìn lại quá khứ và tự hỏi, tại sao dân chúng Hoa Kỳ lại đi quá xa vào sự tồi tệ như thế”? Rồi kết luận: “Chúng ta phải bắt buộc thoát ra khỏi cuộc chiến này. Bởi vì nó đang hủy diệt xứ sở đó”.

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân được tường thuật trên hầu hết báo chí ở Hoa Kỳ và xem biến cố ấy chẳng

khác nào một bụi bông hồng vừa mới nảy lộc đã bị bật tung gốc lên. Bụi hồng vừa mới do Westmoreland trồng tại Washington vào tháng 11 năm 1967 khi Tổng Thống Johnson triệu hồi ông ta về nước để phúc trình tình hình chiến cuộc.

Trong bài nói chuyện tại Câu Lạc Bộ Báo Chí tại Washington, Tướng Westmoreland đã xác định rằng địch đang thua và ngày mà Quân Đội Hoa Kỳ trở về nước “tùy thuộc nơi chúng ta quyết định bởi vì những gì mà đối phương hy vọng đã bị phá sản”.

Nhưng rồi sau Tết, sự tiên đoán Quân Đội Hoa Kỳ sẽ rút về trong năm 1969 bây giờ được một tờ tạp chí mới xuất bản dè dặt: “Một sự đối trá hay một tính toán sai lầm”? Bất cứ ai còn tin rằng, cuộc chiến đang chuyển sang một khúc quanh khác sáng sủa hơn, đều bị gọi là “đần độn”. Tờ báo ấy kêu gọi cần phải có một sách lược mới. Còn tờ Newsweek viết: “Cơ hội một Miền Nam Việt Nam không cộng sản chắc chắn dần dần biến mất trước hai con quy”. Viện thăm dò dư luận Harris đưa ra một con số mỉa mai khôi hài là Nixon dẫn đầu 20 Tiểu Bang, George Romney 5 Tiểu Bang, số còn lại là Việt cộng dẫn đầu.

Người bạn láng giềng vào mùa Hè của Ellsworth Bunker tại Vermont là kinh tế gia tốt nghiệp tại Harvard, tên là John Kenneth Galbraith, viết rằng chính quyền Miền Nam Việt Nam sẽ đổ sụp trong vài tuần lễ sắp tới, và Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa sẽ tan rã. Và ông ta không phải là người duy nhất đưa ra những lời tiên đoán như thế. Tờ tạp chí *Time* cho rằng cuộc chiến thắng này, có lẽ và chẳng xảy ra lần thứ hai, một sự sắp xếp ngoạn mục vượt ra ngoài vòng kiểm soát của các siêu cường”.

Walter Cronkite đến Sài Gòn ngày 11 tháng 2, lưu lại vài hôm. Khi trở về Mỹ, ông ta đã tường thuật trên đài CBS rằng Hoa Kỳ đã “lún sâu vào chỗ không có lối thoát”. Tướng Westmoreland yêu cầu viên Tư Lệnh Vùng của ông ta thuyết trình về những kết quả mà phía Quân Đội Miền Nam đã đẩy lui các cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân của cộng quân. Tất cả Chỉ Huy Trưởng các đơn vị đã được báo động ở đêm trước khi có cuộc tấn công xảy ra.

Sau khi lắng nghe vị Tướng lãnh Vùng trình bày việc chuẩn bị của ông để đối phó với vụ tấn công, sự tổn thất nặng nề của cộng quân, sự thất bại của Hà Nội đã không được dân chúng Miền Nam Việt Nam ủng hộ theo lời kêu gọi của họ. Cronkite đáp lại, mặc dù vị Tướng lãnh vừa rồi đã nêu ra những sự kiện đáng khích lệ, nhưng ông ta không tường thuật bản tin ấy trên đài CBS.

Sau đó, Cronkite đã ra Huế, đã nhìn thấy những quan tài chưa đóng nắp, chứa hàng trăm thi hài của những người dân vô tội đã bị việt cộng sát hại trong trận chiến. Đó là hậu quả của một cuộc chiến bi thảm. Cronkite nói như thế, và ông ta sẽ làm mọi thứ có thể làm được, để đưa cuộc chiến đến chỗ chấm dứt.

Tinh thần chủ bại không chỉ thể hiện qua các chính trị gia và những nhà báo bên ngoài chính phủ. Ngày 26 tháng 2.1968 Cơ Quan Tình Báo CIA tại Washington đã đệ nạp chính phủ một bản nghiên cứu tổng hợp nhằm tái lập chính sách tại Miền Nam Việt Nam từ A tới Z. Bản báo cáo này đưa ra nhận định rằng chính quyền Miền Nam Việt Nam quá yếu kém, vì vậy trong tương lai không thể nào đủ khả năng để đương đầu với cộng sản Hà Nội.

Một bản phúc trình thứ ba, cũng tương tự loại như thế, CIA cho rằng, trong vài tháng sắp tới, tình hình nguy khốn sẽ xảy ra cả về mặt Quân Đội lẫn chính quyền Miền Nam Việt Nam, vô phương cứu vãn” (Vol. II Trang 551-553)

Các chuyên gia dân sự trong văn phòng phân tích thuộc Ngũ Giác Đài nói, kể từ khi lực lượng Đồng Minh có mặt tại Việt Nam, với con số cao nhất trước tháng 8.1965, Hoa Kỳ đã thực hiện được mỗi một việc là rơi vào sự bế tắc toàn diện, cho nên cần phải có một chiến lược mới. Clark Clifford, người đảm nhận chức Bộ Trưởng Quốc Phòng sau vụ Tết, ngày 1 tháng 3.1968 đã được phúc trình là phải thay đổi toàn bộ, nếu không thì không thể thực hiện kế hoạch chấm dứt chiến tranh”.

Trong cuộc chiến tranh nội chiến, trận đánh đầu tiên của Bull Rum cũng đã làm quan điểm của Washington chao đảo. Sách vở đã ghi lại, mọi người ngồi buồn thảm, rã rời, hoàn toàn tuyệt vọng. Một số người sẵn sàng chờ đợi bị bắt. Horace Greeley, nhà bình bút lừng danh đã viết về Lincoln: “Có thể nào, sau khi kẻ nổi loạn bị thất bại, lại xảy ra một điều kỳ lạ, cảm tưởng của quần chúng nhìn chúng ta như thế, nguyên do kẻ phản loạn bị dẹp tan là vì ta chưa đến lúc thua trận?” (Sandberg). Những con tim yếu hèn ấy không bao giờ tìm thấy trong những người luôn ở tuyến đầu.

Peter Braestrup, phóng viên của tờ Washington Post có mặt tại Sài Gòn suốt trong thời kỳ Tết Mậu Thân đã phân tích việc được tin của báo chí trong vụ này (Big Story). Có đoạn ông ta viết “Thái độ chững chạc của người làm báo và cả của viên chức chánh quyền là phải chờ đợi những

chúng có hiển nhiên. Thế nhưng, dựa trên nhận định chủ quan và phân tích những sự kiện xảy ra ngắn hạn trong ngày, hậu quả là giới truyền thông đã tường trình sai lạc một cách nghiêm trọng”.

Sự tường thuật không chính xác trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân này đã đưa dân chúng Hoa Kỳ vào cơn sốt thiếu niềm tin một cách không cần thiết. Đã 20 năm trôi qua, bây giờ là năm 1989, với những bộ óc tỉnh táo, với những nhận định khách quan và kể cả những người đã một thời là thù địch với chúng ta, đều dần dần chấp nhận, cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là một thất bại to lớn về phía Hà Nội.

Với phán đoán riêng tôi, các phóng viên Hoa Kỳ làm việc cho các hãng truyền hình đã gửi về đài những thước phim hầu hết phóng đại về cuộc chiến. Những đoạn phim tồi tệ qua truyền hình đã tác động đến quan điểm của dân chúng Hoa Kỳ. Phần lớn các nhà báo Mỹ chỉ có mặt tại Việt Nam một thời gian ngắn, sau đó họ được bổ nhiệm đến một nhiệm sở mới. Theo dõi cuộc chiến Việt Nam chỉ trong một giai đoạn rất ngắn trong nghiệp vụ của họ. Nếu các phóng viên làm cho các đài truyền hình thu thập được những thước phim hấp dẫn, họ không những được đài thưởng bằng cách tăng lương mà còn có thể chỉ định đến một cơ sở khác tốt hơn. Trái lại, khi Giám Đốc một chi nhánh truyền hình tại Sài Gòn cung cấp thiếu, họ liền bị chuyển đi nơi khác còn xấu hơn.

Các phóng viên truyền hình đâu có nhiều lợi nhuận trong mỗi câu chuyện. Khi họ gửi về New York nghiệp vụ của họ được sáng láng, để ý. Tiền thưởng tăng dần. Họ luôn bị sức ép từ các Chủ Nhiệm ở New York sáng tạo ra

những thước phim để dùng trong bản tin buổi tối. New York muốn có những thước phim và hình ảnh hấp dẫn chứ không cần những thước phim mang tính chất đúng đắn nhằm cung cấp sự hiểu biết toàn diện về cuộc chiến cho khán thính giả.

Chính vì để thỏa mãn thị hiếu của khán thính giả truyền hình Mỹ mà nhiều phóng viên truyền hình đã không đưa hình ảnh Quân Đội Miền Nam Việt Nam vào những thước phim của họ. Phó Chủ Tịch của hãng truyền hình NBC đã có lần nói: “Đây không phải là cuộc chiến tranh của người Việt Nam. Đây là cuộc chiến tranh của Hoa Kỳ tại Á Châu và vì thế, chỉ có những vấn đề liên quan đến người Mỹ mới được đón nhận”. (Epstein, trang 250)

Theo Frank: “Sức mạnh lớn nhất của ngành báo chí, truyền hình không phải để chuyển đạt những tin tức mà là chuyển đạt những kinh nghiệm vui buồn, hốt hoảng, sợ hãi, những vỡ vụn của tin tức”. (Epsten, trang 39)

Trận Tết Mậu Thân là một kho vàng cho những ký giả truyền hình loại này. Những mẫu chuyện được thêu dệt, thêm thắt, những cuộc tấn công đột xuất và những bất cẩn của lực lượng Đồng Minh đủ gây những xúc động tuyệt vời cho khán thính giả truyền hình tại Hoa Kỳ. Đáp ứng đúng nhu cầu của quần chúng Mỹ về vấn đề Việt Nam, truyền hình đã cung cấp một chiều, thỏa mãn những giận dữ và những bất trắc theo thị hiếu. Những loại nhà báo như thế đã vô trách nhiệm vì họ làm xói mòn niềm tin của công luận.

Người Thư Ký của Bunker, trong một lần về phép Hoa Kỳ, xem truyền hình nhìn thấy hình ảnh cuộc chiến Việt

Nam, đã bị phản bội qua tin tức. Khi trở lại Sài Gòn, ông ta đã nói với Bunker “Nếu Việt Nam giống như những điều họ nói trên truyền hình thì chính tôi là người chống lại cuộc chiến tranh này”.

Một phần do chỉ thị từ các công ty báo chí nơi đang làm việc đặt họ vào thái độ thụ động khi thực hiện những sự kiện liên quan đến chiến tranh, nhưng phần khác, các phóng viên đã không tìm thấy niềm tin. Chính vì thế, các phóng viên Mỹ bị đẩy vào tình huống không mấy thiện cảm với chính quyền Miền Nam Việt Nam và ngay cả chính quyền Hoa Kỳ. Bunker nghĩ rằng, bất kể, những phóng viên họ cố tình để làm sai lệch sự thật hoặc sự thật dưới mắt họ là như thế, thì tại sao họ lại từ bỏ chức năng nghiệp vụ của phóng viên để xuyên tạc những nỗ lực hiển nhiên của ông ta, đó vẫn là điều mà Bunker không thể nào hiểu nổi.

Bunker chấp nhận đương đầu với những nguồn thông tin mang đầy tính bị quan bằng thái độ lạc quan và niềm tin ở việc làm của ông. Ellsworth Bunker đã nêu vấn đề đó với nhà báo Stewart Alsop và gọi những người phóng viên đó là loại “vi khuẩn thứ 10”, thứ vi khuẩn tệ hại đang đục phá giới thanh niên trẻ Hoa Kỳ đã thâm nhập vào một tâm lý làm xói mòn niềm tin của quần chúng.

ĐÁP ÚNG TRẬN TỔNG CÔNG KÍCH

Ở những nơi nào mà báo chí nhằm công kích, như trường hợp biến động ở Tết Mậu Thân, thì Bunker không lùi bước và bằng mọi cách, phải chiến thắng. Vừa đi qua sân cỏ, nhìn thấy cảnh đổ nát để vào phòng làm việc của Tòa Đại Sứ, Bunker liền triệu tập một phiên

hợp với Bộ Tham Mưu của ông. Mỗi người trong Hội Đồng Đặc Nhiệm được ông yêu cầu trình bày phương thức và kế hoạch cần thiết nhằm tái ổn định tức khắc những xáo trộn vừa mới xảy đến. Bunker đã tiên liệu và muốn chặn đứng đám “vi khuẩn thứ 10” báo chí đục phá về mặt đạo đức.

Ngày hôm sau, Bunker đã nói chuyện với Thiệu và trình bày đây là thời điểm mà vị Nguyên thủ Quốc Gia phải bày tỏ và kêu gọi tinh thần đoàn kết quốc gia. Vị Đại Sứ Hoa Kỳ đã thúc đẩy vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam nên gặp các lãnh tụ Quốc Hội để cùng soạn thảo và đặt ra kế hoạch nhằm cứu trợ và phục hồi tinh thần dân chúng.

Bunker đề nghị Thiệu, vì vấn đề tâm lý, Thiệu nên đưa ra chương trình cụ thể cho mọi người yên tâm, và thành lập một Hội Đồng bao gồm những thành phần dân sự có uy tín với dân chúng, đảm trách phần cố vấn, để lập tức làm giảm sự tàn phá do trận tổng công kích vừa xảy ra tạo nên. Trận tổng công kích đã đánh vào Washington qua những bàn tay vấy máu nhưng không thể làm chùn bước tinh thần làm việc của người Đại Sứ Hoa Kỳ cao tuổi này ở Sài Gòn.

Vào ngày 2 tháng 2 năm 1968 Thiệu họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, bao gồm những nhân vật lãnh đạo của Quốc Hội đương nhiệm. Cũng vào thời gian ấy, Hội Đồng Đặc Nhiệm của Tòa Đại Sứ đã đề nghị với Thiệu là hình thành ngay một tổ chức hỗn hợp bao gồm các nhân vật cao cấp trong chính phủ Miền Nam Việt Nam cùng với những nhân vật của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, để trực tiếp giải quyết những khó khăn về mặt xã hội lẫn kinh tế tại các Thành Phố do hậu quả của trận chiến vừa rồi gây ra:

Tất cả những thương dân tỵ nạn kể cả những người bị thương đều được cấp phát nhà ở và thực phẩm, hàng hóa tái chuyển vận về các Thành Phố, chợ búa tái hoạt động, và niềm tin của người dân phải được ổn định.

Tướng Westmoreland và Bunker gặp Thiệu đưa ra kế hoạch để thực hiện chương trình trên. Ngày hôm sau, hai bên lại họp tiếp. Westy phải sử dụng một số những vật liệu và thực phẩm có sẵn trong Quân Đội và Tiếp Liệu để chuyển sang chương trình này.

Ngày 3 tháng 2, Thiệu đã thành lập một Ủy Ban, đứng đầu là Phó Tổng Thống Kỳ. Vai trò này đúng sở năng của ông ta và ông Kỳ bắt tay ngay vào công việc. Ủy Ban lao vào hành động.

Theo dõi và quan sát tình hình vài ngày sau cuộc tổng tấn công, Bunker có nhận định, dân chúng Miền Nam Việt Nam đã rơi vào trạng thái sợ hãi. Niềm tin của họ vào sự bảo vệ của các lực lượng Đồng Minh đã giảm thiểu. Họ e ngại sự chiến thắng của cộng quân nếu trở thành thực tiễn, mạng sống của họ sẽ có nhiều đổi thay.

Phát động một cuộc tổng công kích đẩy tàn phá và hủy diệt như thế để đổi lấy một uy tín về mặt chính trị, Hà Nội rõ ràng, dưới mắt của dân chúng Miền Nam Việt Nam, đã chứng tỏ họ không quan tâm gì đến mặt đạo đức. Miền Nam Việt Nam đang do Thiệu lãnh đạo thì khác, người dân không biểu lộ sự sợ hãi trên nét mặt như họ từng sợ hãi cộng sản. Họ cũng không cảm phẫn chế độ Sài Gòn như như cảm phẫn chế độ Hà Nội.

Một tuần sau cuộc tổng tấn công, sự xáo trộn về mặt tinh thần của dân chúng đã bắt đầu giảm dần. Bunker vẫn tiếp tục hỗ trợ Thiệu bằng cách thúc đẩy ông cùng

Nội Các thường xuyên xuất hiện trên các hệ thống truyền hình và truyền thanh để tăng thêm niềm tin của dân chúng.

Ủy Ban Đặc Nhiệm do Kỳ đứng đầu họp ngày 4 tháng 2, và qua hệ thống truyền hình, đã đưa ra một chương trình nhằm phục hồi sự tàn phá. Hơn 2400 Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn được chuyển từ Trung Tâm Huấn Luyện đi khắp nơi để phục vụ vấn đề thực phẩm và nơi tạm trú cho những người tỵ nạn.

Về phía Hoa Kỳ, Bunker đã chỉ định Bob Komer phối hợp với chính phủ Miền Nam để thực hiện chương trình này. Giống như Kỳ, Komer là con người năng nổ, có tinh thần trách nhiệm. Ngoài việc lo cứu trợ, Bunker còn yêu cầu Komer sử dụng cơ quan CORDS hoàn tất công tác xây dựng và tái cấu trúc niềm tin về mặt xã hội của người dân Miền Nam Việt Nam vốn đã bị tổn thương trong những ngày xảy ra trận chiến. Sài Gòn và các Thành Phố nhờ Ủy Ban Đặc Nhiệm hỗn hợp đó do Kỳ và Komer trực tiếp lãnh đạo, đã dần dần ổn định.

Thiệu đã xuất hiện trên đài truyền hình Hoa Kỳ qua chương trình “Face The Natino” và sau đó đã nói với Bunker: “Họ đã tấn công tôi dồn dập với những câu hỏi hóc búa. Thế nhưng tôi từng là một Quân Nhân nên sẵn sàng giáng trả lại...” Ellsworth Bunker cũng đã xem chương trình ấy qua đài truyền hình Quân Đội Hoa Kỳ, và ngoại trừ Bob Shaplan còn giữ được phong cách lịch sự, những người khác đều có thái độ hằn học khi chất vấn ông ta. Với những câu hỏi đầy ác ý kèm theo các dẫn chứng thổi phồng dường như để buộc tội hơn là để tìm biết sự thật, họ đã chứng tỏ thiếu tinh thần tự trọng, đứng

đầu, trong các mối tương quan giữa người và người chứ đừng nói gì, người họ đang chất vấn lại là một Nguyên Thủ Quốc Gia. Thế nhưng bằng những dẫn chứng xác đáng, bằng Anh ngữ, Thiệu đã trả lời trôi chảy mọi vấn đề. Ông ta luôn luôn chủ động, trầm tĩnh và lịch sự.

Trong ngày 9 tháng 2, Thiệu đã đọc một bài diễn văn trước Quốc Hội, kêu gọi ban hành nhanh chóng Luật Tổng Động Viên, điều chỉnh nhanh chóng ngân sách quốc gia và đặc biệt yêu cầu Quốc Hội ủy quyền thêm cho ông việc khẩn cấp giải quyết những vấn đề kinh tế và tài chánh. Bài diễn văn của Thiệu đã tác động mạnh mẽ dân chúng Việt Nam mà theo Bunker, cũng chẳng khác bài diễn văn của Franklin Roosevelt đọc sau khi Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng.

Sau bài diễn văn của Thiệu trước Quốc Hội ấy, mặc dù không phải toàn thể dân chúng Miền Nam ủng hộ vị Tổng Thống của họ, thế nhưng về mặt chính trị, họ đã đáp lại lời kêu gọi của Thiệu. Hơn 10.000 thanh niên trong tháng 2 đã trình diện nhập ngũ, gấp hai lần so với tháng 2 năm 1967. Lần đầu tiên dân chúng Miền Nam Việt Nam đã đặt niềm tin của họ vào Quân Đội, mặc dù chưa hẳn nơi nào Quân Đội cũng tỏ ra có tác phong và kỷ luật. Tất cả mọi sự phân hóa, chia rẽ, mà theo Bunker tưởng chừng như không thể hàn gắn, bỗng được thay đổi, họ đã đoàn kết để cùng Thiệu thực hiện những điều tốt hơn bao giờ, ngoài sự ước tính của mọi người.

Nói một cách khác, Miền Nam Việt Nam đã đẩy Hà Nội ra khỏi vùng đất này và gây cho cộng sản một sự thiệt hại to lớn về quân sự kể từ lần Giáp đã bị tổn thất nặng nề vào năm 1951 khi mở chiến dịch phản công chống Pháp.

Các Dân Biểu Quốc Hội đã hủy bỏ thời gian nghỉ trong dịp Tết để quay về Thủ Đô nhóm họp. Thượng Viện đã ban hành tình trạng khẩn trương và kiểm duyệt báo chí dựa trên những điều mà hiến pháp quy định.

Sài Gòn sau trận tổng tấn công của việt cộng có nhiều thay đổi. Cuộc sống buông thả tự giới hạn. Bunker hồi tưởng lại, có lần làm việc đến quá khuya. Đã đến giờ giới nghiêm nên người tài xế Việt Nam cho một nhân viên cao cấp trong Tòa Đại Sứ không thể trở về nhà được. Bunker phải dùng chiếc xe của ông đích thân lái đưa người tài xế này về nhà cùng với đoàn xe hộ tống võ trang. Và cũng vì thế, Bunker cảm nhận được cái rộn người khi đi qua những đường phố Sài Gòn vắng lặng. Chẳng thấy Thành Phố có một chuyển động nào ngoài chiếc xe của ông đang chạy với người Cảnh Sát dẫn đường và chiếc xe jeep hộ tống phía sau. Nhà cửa chìm trong đêm đen với ánh đèn đường vàng nhạt và đâu đó vài ánh hỏa châu bay vút lên cao, vang vọng tiếng đại bác từ xa dội về. Sài Gòn, cả Thành Phố đang ngủ.

Sài Gòn giới nghiêm đã trở thành đề tài bàn cãi ở những viên chức Hoa Kỳ tại đây, đặc biệt là các bà khi phải tự giam mình tại các chung cư hay khách sạn từ 7 giờ tối. Với những tràng đạn dòn dã nổ ban đêm, một cuộc tấn công mới lại được dự phóng và những câu chuyện lại bắt đầu. Và ngay cả Komer cũng thần thờ thất vọng, e ngại kế hoạch Bình Định của ông khó có thể tái phục hồi như trước, đến nỗi Bunker phải dành cho ông hai tuần lễ về nhà nghỉ phép.

Có lẽ không ai chịu đựng một sức ép nặng nề và căng thẳng như Bunker. Ellsworth Bunker đến tham dự buổi lễ

tiền đưa phục vụ lần cuối cùng của vị Mục Sư tại Thánh Đường Christopher, nơi mà ông ta thường dự lễ vào cuối tuần. Quyết định rời khỏi Việt Nam của vị Mục Sư này đến thật bất chợt. Sau vụ tấn công Tết Mậu Thân, vị Mục Sư này trở nên khủng hoảng tinh thần và rồi quyết định rời khỏi nơi đây. Nhìn thái độ buồn nản của ông ta khi đọc lời giã biệt, thế nhưng Bunker không sao chia sẻ được nỗi đau đớn ấy với vị Mục Sư này. Thái độ từ bỏ là thái độ đã được chọn lựa và Bunker kính trọng sự chọn lựa của tu sĩ đó.

Sau đó Bunker thăm viếng Giám Đốc của hai Trung Tâm Tin Lành, Quaker, một trụ sở chính tại Quảng Ngãi, Miền Trung Việt Nam và một tại Sài Gòn. Các vị Giám Đốc này thông báo cho Bunker biết là sẽ rút toàn bộ nhân viên về trở lại Hoa Kỳ vì không chấp nhận chiến tranh. Theo họ, tất cả mọi cuộc chiến đều tồi tệ và cách hay nhất là tránh xa khỏi nơi ấy. Những tổn thất về nhân mạng trong trận chiến vừa rồi đã để lại trong họ một chứng tích thê thảm. Vị Giám Đốc Trung Tâm tại Quảng Ngãi đã khóc khi mô tả cuộc chiến tại đây.

Ellsworth Bunker đáp lại, chính ông cũng ghê rợn cuộc chiến, cũng kinh tởm những chém giết, tàn phá và những trò chơi man rợ, chính ông cũng như giáo phái Quakers muốn chấm dứt cuộc chiến, thế nhưng vấn đề đặt ra, ảnh hưởng trực tiếp đến hiện tại và cả những thế hệ mai sau, là Hà Nội đã dựng nên cuộc chiến và đưa cuộc chiến vào Miền Nam này.

Cơ Quan Thiện Nguyện Quốc Tế, một tổ chức hòa bình của những người trẻ Hoa Kỳ, tất cả đều muốn giảm mức hoạt động. Bunker nhận ra rằng trận chiến Tết Mậu Thân

là nguyên nhân chính tạo ấn tượng cho các cơ quan thiện nguyện này cảm thấy bất ổn khi họ hoạt động tại đây.

Trở lại Washington để học thêm về ngôn ngữ Việt Nam, trong 8 giờ mỗi ngày, nhưng tôi không bao giờ không theo dõi những bản tường trình về Việt Nam qua vụ Tết Mậu Thân. Đặc biệt là những tin tức liên quan đến dân chúng và Quân Đội Miền Nam Việt Nam phản ứng về cuộc tấn công này. Thấy họ trực diện đương đầu với kẻ thù, tinh thần tôi sáng khoái. Với những hiểu biết căn bản trong vấn đề lịch sử, và với định hướng của người gốc Thanh Giáo Tân Anh Cát Lợi đã giúp tôi nhận ra sự hy sinh to lớn để từng bước Miền Nam Việt Nam đã đạt được sự thành công trong biến cố Tết Mậu Thân.

Sự mạo hiểm đầy khó khăn và rộng lớn của cộng quân đã bị đẩy lui, điều mà họ tưởng cuộc chiến thắng đã nằm trong tầm tay của họ đã bị chặn đường, và còn chẳng chỉ là những kinh hoàng và thất vọng. Những trận bị tấn công bất ngờ trong thời nội chiến tại Valley Forge, Burning of Washington năm 1814 và trận Trân Châu Cảng vào thời Đệ Nhị Thế Chiến không phải là những bài học vô ích.

Điều mà tôi đã nhìn thấy ở trận chiến Tết Mậu Thân không có gì khác biệt so với những lần thất bại trong những trận mang tính lịch sử nói trên. Thế nhưng điều mà tôi không nhìn thấy là thế hệ của chúng tôi đã thiếu cứu mang tinh thần trách nhiệm và ràng buộc theo truyền thống của các thế hệ trước.

Thế hệ tôi, năm 1968, thời điểm anh hùng tính đã đi vào quên lãng. Còn lại là nghiện ngập, gái, nhạc điên cuồng, và không màng đến trách nhiệm. Hỗ trợ cho người Miền Nam Việt Nam chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản

Hà Nội, trong suy nghĩ của tôi, là một sự hy sinh cao cả, nhưng đó lại là điều nghịch lý dưới cái nhìn của nhiều thanh niên cùng thế hệ, bởi vì, chẳng có gì quan trọng hơn là phải lo toan đời sống thường hằng cho chính họ.

Chính phủ của Thiệu đã phục hồi nhanh chóng Miền Nam Việt Nam sau vụ tấn công Tết Mậu Thân. Chính sự phục hồi này đưa Kỳ gần gũi với Thiệu, điều mà Tổng Thống Thiệu và Phó Tổng Thống Kỳ chưa hề hàn gắn được để tạo sự đoàn kết trước khi trận Mậu Thân xảy ra. Với vai trò Chủ Tịch Hội Đồng Cứu Trợ kiêm Chủ Tịch Ủy Ban Hỗn Hợp Việt-Mỹ, Kỳ vừa lo điều hành công việc, vừa phải bay ra Huế để nghiên cứu những nhu cầu về tài chánh cần cung cấp để tái thiết cho Tỉnh này, đồng thời phải bảo vệ an ninh cho việc chuyển vận lúa gạo từ Đồng Bằng Sông Cửu Long về Sài Gòn, lại phải lo nơi cư trú cho dân chúng tỵ nạn, chẳng bao lâu thì Kỳ đã đuối sức. Kỳ đề nghị giao cho vị Thủ Tướng đảm nhiệm vai trò Chủ Tịch của ông.

Do đề nghị và hỗ trợ của Kỳ, cựu Tướng Trần Văn Đôn, một khuôn mặt nòng cốt trong vụ đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1963 và hiện là Nghị Sĩ Thượng Viện, đứng ra tổ chức Mặt Trận Cứu Quốc nhằm kết hợp tất cả những lực lượng chống cộng.

Cùng lúc ấy, Thiệu đã âm thầm riêng rẽ tiếp xúc với những vị lãnh đạo các tôn giáo để tìm hiểu những âm mưu của cộng sản trong những đợt tấn công mới và bàn thảo phương thức đối phó. Thiệu nói với Bunker, trường hợp ở Việt Nam, những tổ chức có tính cách mặt nổi như tổ chức của Đôn khó có thể thực hiện được điều gì. Một tổ chức kết hợp nhiều thành phần như thế có nghĩa là

chẳng ai làm gì cả. Tốt hơn hết là gặp và vận động riêng rẽ từng nhóm.

Chính một Cố Vấn dân sự của Thiệu, một người quốc gia lão thành, sinh trưởng tại Miền Nam Việt Nam, đã từng chống Pháp năm 1945, là người đã kết hợp một nhóm để nghiên cứu và đưa ra kế hoạch làm thế nào để chấm dứt cuộc chiến qua bàn thương thuyết và Hoa Kỳ vẫn có thể rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Cuộc khủng hoảng vào dịp Tết đã làm cho vị Thủ Tướng giảm đi hiệu năng. Những phiên họp của Hội Đồng Nội Các đã kéo dài ngoài thời biểu ba hay bốn giờ liền. Trên bàn giấy ông ta đẩy những hồ sơ chờ ông ta giải quyết. Theo Kỳ đề nghị, thúc giục, Bunker cảm thấy đã đến lúc Thiệu phải chọn một nhân vật khác làm Thủ tướng. Vào thời điểm đó, nhân vật này cần phải có uy tín về lãnh đạo, không những chỉ đưa ra những quyết định mà còn phải năng nổ, hoạt động.

Bạn của Kỳ phần lớn đều nắm những quyền lực trong chính quyền. Do đó, Bunker đã khuyến cáo Thiệu hãy tìm một vai trò nào để Kỳ có thể huy động những tài năng ấy vào những chức vụ chính thức mà không e ngại họ có thể khống chế Thiệu. Thiệu đã từng yêu cầu Kỳ tiếp tục vai trò Chủ Tịch trong Ủy Ban Hỗn Hợp Việt-Mỹ thêm một thời gian nữa. Nhưng Kỳ, theo đề nghị của những thân cận, lại muốn tu chính hiến pháp để Kỳ có thể kiêm nhiệm chức Thủ Tướng.

Bunker tán đồng quan điểm của Kỳ, vì với chức vụ như thế, Kỳ chứng tỏ Quân Đội vẫn còn nắm giữ vai trò quan trọng. Theo Bunker, điều thiết yếu là tạo điều kiện để Thiệu và Kỳ cùng hợp tác với nhau. Mỗi người, tuy riêng

re, nhưng thành phần Quân Đội luôn luôn hậu thuẫn mạnh mẽ cho họ, một yếu tố cần thiết trong thời chiến tranh. Ở mỗi người, giữa Thiệu và Kỳ, không ai tìm cách nuốt chửng lẫn nhau. Chính nhìn thấy điều đó nên nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã tìm cách để chứng tỏ sự kết hợp giữa hai người là điều cần thiết.

Bunker luôn luôn ngay thẳng với hai người, không bao giờ nói chuyện với người này mà không thông báo với người kia biết những gì đã thảo luận. Bunker hoàn toàn tin tưởng cả hai ông Thiệu và Kỳ hơn bất cứ một nhà lãnh đạo Việt Nam nào khác.

Đối với Bunker, niềm tin cần là yếu tố cơ bản được áp dụng trong mọi trường hợp, đặc biệt là trong lúc thương thuyết. Trực diện với Thiệu, Kỳ và những người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam khác, Bunker chỉ chứng tỏ mỗi một điều là thảo luận và thương thuyết hơn là phôi bày quyền lực Đại Sứ của một siêu cường. Đôi lúc Bunker cũng rơi vào trạng huống kẻ cả của một Đồng Minh nhưng đó là những lúc thuộc hạ của ông có mặt hoặc đôi lúc xuất phát từ thái độ của chính những người lãnh đạo Miền Nam.

Bunker thường tâm sự với tôi, thiếu sự tin cần, chúng ta không thể nào đạt được sự thành công trong vấn đề thương thuyết cũng như trong vấn đề quan hệ giữa hai phía. Tạo được lòng tin là điều kiện thương thuyết trong bất cứ mọi vấn đề cần giải quyết.

Niềm tin là khởi đầu và ngôn ngữ của một nhà ngoại giao đòi hỏi một sự ngay thẳng. Không bao giờ, Bunker thường lập lại, tìm cách thuyết phục kẻ đối diện bằng những lời gian dối. Bunker không thích có một lớp đường ngọt ngào bọc ngoài một viên thuốc đắng. Ông ta

không gian trá, khoác lác, hay nói những điều để tạo nên ngộ nhận. Có những điều ông đưa ra kẻ đối diện không hài lòng, không muốn lắng nghe, nhưng Bunker nghĩ, kẻ đối diện phải suy nghĩ và trả lời những vấn đề mà ông đã đặt ra.

Để tránh những ấn tượng ngộ nhận về việc ông đã dính dáng vào công việc điều hành của chính phủ Miền Nam, nên thay vì trao đổi qua điện thoại, Bunker thường thu xếp để gặp Thiệu, Kỳ tại văn phòng làm việc hay tại tư thất của mỗi người. Tư thất của Kỳ nằm trong Căn Cứ Không Quân Tân Sơn Nhất được trưng bày nhiều hình ảnh và những vật lưu niệm do những hoạt động của ông trong qua khứ. Văn phòng của Thiệu rộng hơn, và trên bức tường Thiệu treo bức tranh lớn, hình ảnh chiếc cầu do chính phủ vừa xây lại tại làng quê Tri Thủy, nơi ông sinh trưởng. Thiệu tỏ ra yêu thích bức tranh vẽ chiếc cầu này vì theo Thiệu, chiếc cầu đã nối liền mạch sống giữa dân làng, qua con sông để đến chợ búa.

Không có một nhân vật Hoa Kỳ nào tiếp xúc Thiệu hay Kỳ nếu Bunker không giới thiệu. Thế nhưng thông thường Bunker gọi những nhân viên trong Hội Đồng Đặc Nhiệm có mặt cùng ông trong các vấn đề cần thảo luận với các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Vào cuối tháng 2.1968 Thiệu quyết định thay thế hai viên Tướng thân cận của Kỳ, một là Tư Lệnh Vùng 4 Chiến Thuật và người kia là Tư Lệnh Vùng Cao Nguyên với lý do thiếu trách nhiệm trong vụ viêt cộng tấn công Tết Mậu Thân.

Cùng thời gian ấy, Nghị Sĩ Trần Văn Đôn đã yêu cầu Tòa Đại Sứ ngăn cản việc Thiệu định hình thành một

tổ chức chính trị nhằm làm giảm những nỗ lực của Mặt Trận Cứu Quốc mà Đôn đã thành lập. Trái lại, Thiệu cho rằng, việc Đôn tạo ra một mặt trận chính trị là nhằm xin ngân khoản tài chánh của Tòa Đại Sứ Mỹ để phục vụ mục tiêu chính trị của Đôn. Theo hiểu biết của Bunker thì hai nhóm chính trị mới sẽ xuất hiện. Một tổ chức do Kỳ và một tổ chức do Thiệu lãnh đạo. Bunker nghĩ rằng tuy là hai lực lượng chính trị riêng rẽ thế nhưng cùng có chung một mục tiêu là phục vụ dân chúng Miền Nam Việt Nam thì đó là điều đáng khuyến khích.

Vào cuối tháng 2, Thiệu tiến thêm một bước xa hơn trong mục đích chính trị của ông. Thiệu trực tiếp đảm nhận chức Chủ Tịch Ủy Ban cứu trợ và đưa ra quyết định giảm bớt quyền hành của các viên Tư Lệnh Vùng Chiến Thuật. Ông đặt các vị Tỉnh Trưởng dưới quyền giám sát của Bộ Nội Vụ.

Việc tái phân chia trách nhiệm mới này đã giúp cho các Tướng lĩnh trong Quân Đội rảnh tay và chỉ lo đối phó với các đơn vị chính quy của cộng quân. Chương Trình Bình Định và Phát Triển Địa Phương trước đó không đạt được hiệu quả khả quan, nay có nhiều triển vọng tiến bộ hơn. Chính quyền địa phương đã thoát được ra khỏi sự khống chế của giới Quân Đội để thực thi vai trò chính trị. Guồng máy chính phủ, một cách tổng quát, giới Quân Đội không tán đồng, nay đã đóng giữ những vai trò chủ động.

Một người vẫn luôn luôn tìm mọi cách để chống lại Thiệu là Tướng Loan, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, Trung Tâm Quyền Lực số 2 trong nhóm của Kỳ. Vị Thủ Tướng do Kỳ đề nghị và bổ nhiệm lại không muốn nằm trong quỹ đạo của Kỳ. Chẳng những thế, ông ta còn tìm cách

chống lại sự liên kết giữa Kỳ và Loan. Do đó mà Loan trở thành tấm bia cho mọi phe nhằm đốn ngã.

Ngay sau vụ tổng công kích Tết, Thiệu đã yêu cầu Quốc Hội dành cho chính phủ nhiều quyền đặc miễn nhưng những Dân Biểu trong Quốc Hội thân Kỳ không chấp nhận, Loan dùng những căn phòng tại khách sạn Bát Đạt để cho các vị dân cử thân Kỳ sử dụng bất cứ lúc nào. Ngày 27 tháng 2, nhóm Dân Biểu thân Kỳ đã chính thức hình thành mà dân chúng thường gọi đó là Nhóm Bát Đạt.

Qua đôi mắt của Loan, Bunker nhìn ông ta không mấy thiện cảm. Những lần Bunker mời đến tư thất, Loan không bao giờ đến đúng giờ, rồi ăn mặc thiếu lịch sự, giống như một lối tạo cho mọi người chú ý tới mình.

Sau lần bị bên lập pháp đánh bại, Thiệu bắt đầu mở những cuộc họp, tiếp xúc riêng rẽ với các vị lãnh đạo từng nhóm trong Quốc Hội để tìm hậu thuẫn, trong khi Kỳ thì cố vận động phía Quân Đội để làm áp lực đòi thay đổi chính phủ. Bunker đã nói với Kỳ, với tình trạng Miền Nam Việt Nam hiện nay, chính phủ Hoa Kỳ không ủng hộ cho bất cứ một cuộc đảo chánh nào, và đồng thời cũng xác định với Thiệu là Hoa Kỳ luôn hỗ trợ ông ta theo hiến pháp của Miền Nam Việt Nam.

Khi Kỳ nói với Bunker là ông ta muốn trực tiếp điều hành tổ chức Nhân Dân Tự Vệ, nhưng Thiệu chưa có quyết định dứt khoát để trao cho ông trách nhiệm đó, Bunker liền thảo luận và đề nghị Thiệu nên để cho Kỳ đóng giữ vai trò này vì chức năng ấy phù hợp với ông ta. Thế nhưng, là một Tổng Thống, Thiệu cũng có lý do riêng của ông, là muốn ngăn chặn trước tình trạng có thể xảy đến là một chính phủ trong một chính phủ.

Vào cuối tháng 2.1968 Bunker đã đưa ra nhận định với Tổng Thống Jonhson về tình hình Việt Nam:

Thứ nhất, mặc dù cộng quân đã bị tổn thất hơn 40.000 người, phân nửa số quân tung vào trận Mậu Thân, cộng quân vẫn đang chờ sự bổ sung từ miền Bắc, để có thể tiếp tục các cuộc tấn công khác, và hiện họ đang chuẩn bị chiến thuật mới của họ.

Thứ hai, sự duyệt xét về mặt chiến lược đối với Hà Nội là điều cần thiết nhằm để củng cố tinh thần binh sĩ các cấp vốn đã bị mất niềm tin vì thất bại trong trận tổng công kích vừa qua, trận tổng công kích mà Hà Nội đã tuyên truyền trong hàng ngũ Quân Đội của họ đó là trận thắng cuối cùng.

Thứ ba, cộng quân đã ước tính sai lầm nghiêm trọng khi cho rằng quần chúng tại nông thôn sẽ nổi dậy lật đổ chính quyền. Nhận định ấy có thể đúng vào một thời điểm đã khá xa trước khi có Thiệu, bởi vì từ khi Thiệu cầm quyền, chính phủ của ông ta đã tạo được sự đoàn kết, hướng dẫn và tập trung dư luận quần chúng vào mục tiêu chung là chống cộng.

Thứ tư, về phía cộng quân, Hà Nội vẫn có khả năng duy trì sự thâm nhập quân đội của họ, và đã tái trang bị cho các đơn vị chiến đấu những vũ khí tối tân hơn là những vũ khí mà Hoa Kỳ đã trang bị cho Quân Đội Miền Nam Việt Nam. Quân đội của họ chấp nhận hy sinh, kỷ luật và chủ động.

Thứ năm, những thiệt hại to lớn về mặt vật chất trong cuộc tổng công kích vừa qua là một gánh nặng đối với chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cộng thêm guồng máy chính phủ cần được tăng cường thêm nhân viên.

Thứ sáu, Chương Trình Bình Định phải bị chậm lại bởi vì phân nửa Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn đã phải rời khỏi những nơi đã được chỉ định để về công tác tại các Thành Phố cũng như các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân, đặc biệt là tại các Vùng Miền Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Bunker kết luận, cuộc chiến bây giờ đã trở thành một cuộc chạy đua tại nông thôn. Ai kiểm soát được nông thôn, phần thắng sẽ thuộc về bên đó. Vấn đề quan trọng đối với Ellsworth Bunker là các lực lượng Đồng Minh không đủ quân số để bảo vệ những Thành Phố. Một khi chính phủ Miền Nam Việt Nam rút ra khỏi làng mạc thì quân của việt cộng sẽ chiếm đóng các làng mạc ấy và từ đó họ sẽ thâm nhập vào nhiều vùng khác tại nông thôn.

Hà Nội cũng không đủ quân số để thực hiện tất cả những nhu cầu họ muốn. Đưa quân vào các Thành Phố, Hà Nội cũng bắt buộc từ bỏ những vùng mà họ đã từng kiểm soát và ngưng những mục tiêu mà họ dự trù chiếm cứ. Thế nhưng Quân Đội của chính phủ rơi vào tình huống phòng thủ, thụ động (theo ước tính của nhiều Tướng lãnh Miền Nam) thì rồi ra cộng quân sẽ tuyển mộ thêm nhiều người vào giải phóng quân miền nam, có cơ hội để dự trữ lương thực và sẽ làm đổ sụp sự hiện diện chính quyền địa phương tại Miền Nam Việt Nam hiện đang kiểm soát ở nông thôn.

Thiếu ước tính, cộng quân sẽ không trở lại cuộc chiến du kích với những đơn vị lẻ tẻ tại nông thôn. Ông ta nghĩ Hà Nội sẽ cố gắng tối đa để tung vào cuộc chiến nhằm buộc chính phủ Miền Nam Việt Nam lo bảo vệ tại các Thành Phố, trong khi đó, cộng quân tái thiết lập sự kiểm

soát tại nông thôn để đưa vị trí của họ vào thế mạnh tại bàn thương thuyết. Thiệu tiên liệu, Hà Nội sẽ ngồi vào bàn hội nghị một cách nghiêm chỉnh vào cuối năm 1968 và đầu năm 1969. Điều Thiệu tiên đoán đã xảy ra đúng.

Hà Nội đã chuẩn bị và ước tính chu đáo để biến đổi thành quả trong kế hoạch tổng tấn công hỗ trợ cho sự thắng lợi cuối cùng về mặt chính trị của họ. Trong tiểu luận phác họa những bước tiến trong tương lai dành cho những đảng viên cộng sản “Đại thắng lợi, đại thử thách” (The Big Victory, The Great Task) viết vào năm 1967 Võ nguyên Giáp đã báo trước và nhấn mạnh rằng cuộc đấu tranh quân sự sẽ chuyển sang giai đoạn đấu tranh bằng chính trị. Ông ta cho rằng, để tìm lấy sự chiến thắng, người cộng sản phải có tính sáng tạo, phải gây mâu thuẫn ở chủ nghĩa thực dân kiểu mới giữa Hoa Kỳ và dân chúng Việt Nam, từ đó tách rời và cô lập chính quyền Sài Gòn ra khỏi dân chúng.

Giáp lập luận, chính phủ Hoa Kỳ đã lạm dụng danh nghĩa dân chúng Miền Nam Việt Nam để phô trương ưu thế quân sự của họ, cho nên “đây là một cơ hội để dân chúng Miền Nam tập hợp đấu tranh về mặt chính trị”. Nếu dân chúng Miền Nam bỏ rơi chính phủ Sài Gòn thì Hoa Kỳ, rồi ra cũng không thể đơn phương lao vào trận chiến, chừng ấy Hà Nội sẽ là kẻ thắng trận. Phần lớn những trận đánh quan trọng năm 1968, như Giáp đã viết, xảy ra tại các Thành Phố, nơi mà những đổ vỡ do chiến tranh sẽ là động cơ thúc đẩy một sự thay đổi về mặt chính trị ngay trung tâm quyền lực của chính phủ Miền Nam.

Ngày 2 tháng 9.1967 Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lần đầu tiên kể từ khi được thành lập năm 1960, đã cho

phổ biến bản cương lĩnh chính trị. Theo Giáp bản cương lĩnh này là “nền tảng vững chắc để đạt đến sự chiến thắng vĩ đại trong công cuộc chống Mỹ cứu nước”.

Điểm đáng lưu ý trong cương lĩnh này là kêu gọi tập hợp mọi thành phần, lực lượng quốc gia và các tổ chức tranh đấu cho dân chủ tại Miền Nam Việt Nam. Vào khoảng cuối năm 1967, cả hai ông Thiệu và Bunker cùng nhận định, một cuộc đàm phán nghiêm chỉnh với những người cộng sản Hà Nội là một điều hão huyền khi Hà Nội cảm nhận họ không thể tìm sự chiến thắng tại Miền Nam Việt Nam bằng võ lực và đưa cuộc chiến tranh vào một bước ngoặt mới.

Tướng Westmoreland nhận được những báo cáo cho biết, cộng quân đã thất bại trong việc tuyển mộ binh sĩ tại các vùng nông thôn ở Miền Nam Việt Nam nên họ bắt buộc phải chuyển quân từ Bắc vào qua các ngã đường mòn Hồ Chí Minh. Hà Nội không thể thắng bất cứ trận nào trước hỏa lực mạnh mẽ của lực lượng Đồng Minh hiện có. Cộng quân đã hoàn toàn thất vọng trong ảo tưởng chiến thắng bằng quân sự của họ khi đối diện với lực lượng Hoa Kỳ. Miền Nam Việt Nam đã được bảo vệ chắc chắn và đó cũng đủ để gọi là chúng ta đã chiến thắng.

Mặt khác, Tướng Westmoreland cũng không đủ quân số để đánh bại cộng quân một cách nhanh chóng. Một khi đường mòn Hồ Chí Minh vẫn còn bỏ ngõ, Lào và Cam Bốt vẫn là nơi ẩn trú an toàn của đối phương thì tướng Giáp vẫn còn có thể kéo dài trận chiến sang nhiều năm. Cuộc chiến sẽ trở thành ván bài không bao giờ chấm dứt như Bunker và Westmoreland đã từng nhận định và chỉ trích. Miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ không

ở thế chủ động để kết thúc chiến tranh một khi Giáp chưa ngừng tay.

Về phía Giáp, ngay từ giữa năm 1967, ông ta đã nhận ra rằng, dù cuộc chiến ông ta có thể duy trì trong nhiều năm, Giáp cũng không thể nào thắng được tại Miền Nam trừ phi phải thay đổi căn bản chiến lược để huy động toàn bộ sức mạnh về quân sự. Cuộc tổng công kích Mậu Thân, Giáp nhắm vào chiến lược đó. Giáp muốn qua trận tấn công này chứng tỏ ông ta vẫn còn ở thế chủ động, lực lượng ông ta không suy sụp như Tướng Westmoreland đã từng đưa ra tại Washington vào tháng 11 năm 1967.

Vấn đề hệ trọng đặt ra cho chúng ta là ý nghĩa về những sự kiện xảy ra đã bị phóng đại, thổi phồng. Chính phủ đã đưa ra những nhận định đứng đắn và những nhà bình luận trong giới truyền thông, Quốc Hội, các Trường Đại Học và các Nhà Thờ đã dự phóng sai lầm. Chúng ta đã biết bao lần thống trách cho rằng giúp cho Miền Nam Việt Nam là một thất bại, rơi vào chỗ không lối thoát, những viên chức chính phủ đã diễn đạt sai lầm, một phán đoán lầm lỗi tệ... Giờ đây thời gian đã qua đi đủ để cho chúng ta duyệt xét lại một cách nghiêm chỉnh những sự kiện xác thực đã xảy ra trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân.

Trong tiểu luận viết vào tháng 9.1967, tướng Giáp của Hà Nội đã viết rằng một khi Sài Gòn còn trông cậy vào lực lượng của Mỹ để tồn tại thì Quân Đội Miền Nam Việt Nam phải đóng giữ “vai trò chủ yếu song song với Hoa Kỳ trong chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân theo kiểu mới. Sài Gòn là công cụ chính trị của lực lượng Mỹ. Vì thế mà Giáp chủ trương cuộc tổng công kích nhằm đối

tượng mục tiêu chính trị, không phải là mục tiêu quân sự nằm sâu trong các Thành Phố, Thị Trấn, nơi mà người dân Miền Nam Việt Nam ủng hộ cuộc chiến tranh”. Điều đó có nghĩa là các chiến lược gia Hà Nội đã xác định rằng, họ không thể tìm cuộc chiến thắng bằng quân sự. Hà Nội không thể đánh bại Quân Đội Hoa Kỳ trên chiến trường.

Nhưng Giáp đã thất bại. Cuộc tổng công kích Mậu Thân, Hà Nội cũng không đồn ngã được Quân Đội Miền Nam và chính phủ Sài Gòn. Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn lớn mạnh và kiên cường. Dân chúng Miền Nam vẫn tiếp tục hỗ trợ cho chính phủ vừa mới được bầu lên. Chính quyền do họ dựng lên tại một số địa phương đã không được dân chúng hưởng ứng. Những điều những người cộng sản tuyên truyền với dân chúng đã không thực hiện được. Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là một trắc nghiệm cụ thể về niềm tin và nỗ lực của Bunker đã giúp Miền Nam Việt Nam và ông đã thắng ở niềm tin ấy.

Nếu dân chúng Miền Nam Việt Nam đáp ứng những điều mà Giáp trông đợi thì cuộc chiến tranh đã chấm dứt, và Giáp được là anh hùng thêm lần nữa. Thế nhưng điều đó đã không xảy ra là những người dân Miền Nam Việt Nam lại có sự bắt đầu tranh chấp gồm những người ủng hộ lực lượng Hoa Kỳ và những người cho rằng cần có nền tự quyết và độc lập về chính trị.

Vì thế, Bunker đã nói với Tổng Thống Johnson, dân chúng Miền Nam Việt Nam không ủng hộ Hà Nội trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân tại Miền Nam đã chứng tỏ rằng nỗ lực của Hoa Kỳ hỗ trợ cho xứ sở này hoàn toàn khác xa với cuộc phiêu lưu tìm thuộc địa của Pháp. Người Pháp đã thiết lập một chính phủ, một nền hành

chánh và một quân đội ở Việt Nam là để phục vụ quyền lợi của nước Pháp. Trong trường hợp này, người Việt Nam phải dùng Pháp như một đồng minh để họ nhằm tiến đến một mục tiêu ở tương lai. Vì vậy mà khi Pháp bị đánh bại tại Điện Biên Phủ và từ bỏ quyền lực của Pháp tại Đông Dương thì quyền lực của những người ủng hộ Pháp tại Miền Bắc rơi vào tay cộng sản và tại Miền Nam, những người thân Pháp bị đẩy ra khỏi chính quyền của Ngô Đình Diệm.

Nhưng tháng 2.1968 vị trí đứng của Việt Nam khác xa thời thuộc địa trong cuộc kháng chiến của Việt Minh. Quân Đội Miền Nam Việt Nam và chính quyền Miền Nam không phải là công cụ của Hoa Kỳ. Đúng hơn, Hoa Kỳ phụ thuộc vào Miền Nam. Không có một người Mỹ nào kể cả Bunker, có thể chỉ thị cho người Việt Nam thực hiện những điều theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ. Chúng ta không có lý do và cũng không có quyền lực gì để đòi hỏi điều đó. Chúng ta có mặt tại đó với một nhu cầu duy nhất: Sự hiện diện của một chính phủ với một nước bạn đồng hành. Họ không thể tồn tại nếu không có Hoa Kỳ giúp đỡ. Và đồng thời chúng ta cũng nói lên bản chất chính trị của cuộc chiến đấu, rằng sự can dự của Hoa Kỳ nhằm vào mục tiêu là nhằm bảo đảm nguyện vọng mà dân chúng Miền Nam Việt Nam đang phấn đấu và lựa chọn. Sài Gòn và Washington mỗi bên đều có quyền độc lập và kiểm soát lẫn nhau.

Cũng giống như sự liên minh với chính phủ Churchill vào thời Đế Nhị Thế Chiến để chống lại Đức quốc xã, chúng ta phải có mặt tại Việt Nam. Hình thức tuy giống nhau những khả năng lại khác, người bạn Đồng Minh

Miền Nam Việt Nam chúng ta đã bắt đầu gục ngã. Trong Trận tổng công kích Tết Mậu Thân, Giáp muốn chặn đứng khả năng của chúng ta để Hà Nội thực hiện ước mơ của họ.

WESTMORELAND YÊU CẦU TĂNG QUÂN CHIẾN ĐẤU

Trong lãnh vực quân sự, sau Tết Mậu Thân. Westy không có nét thay đổi cơ bản nào ở kế hoạch đã chuẩn bị trước của ông, kể cả việc tập trung quân để tấn kích vào các đơn vị cộng quân đã bị lộ diện. Ưu tiên hàng đầu không nhằm để phản công mà là để bảo vệ các Thành Phố và căn cứ Khe Sanh để giảm thiểu sự thâm nhập quân Bắc Việt xuyên qua Vùng Phi Quân Sự.

Tại Huế, cộng quân đã tung ra nhiều tiểu đoàn để tràn chiếm, do vậy, Westy dự đoán, cộng quân sẽ tiếp tục phát động những cuộc tấn công mới nhằm vào các Thành Phố ở hai Tỉnh nằm cực Bắc Trung Phần Miền Nam Việt Nam. Cuộc tấn công vào các Thành Phố cũng có thể nằm trong chiến thuật của Hà Nội nhằm phân tán các lực lượng Đồng Minh rộng khắp Miền Nam để cộng quân tập trung quân tấn công vào những mục tiêu khác mà họ lựa chọn.

Những tuần lễ sau Tết Mậu Thân, Tướng Westmoreland đã cố gắng tối đa trong khả năng tập trung quân để tiêu diệt các đơn vị địch quân. Thành Phố Huế đã được giải tỏa và Căn Cứ Thủy Quân Lục Chiến tại Khe Sanh đã được bảo vệ. Bộ Tư Lệnh MACV đã được thành lập thêm gần Huế. Tướng Abrams đã được chỉ định làm Tư Lệnh điều hợp giữa Thủy Quân Lục Chiến và các Sư Đoàn Bộ Binh Hoa Kỳ mở các cuộc lùng và diệt các lực lượng địch

quân ở Vùng đồng bằng và rừng núi tại các Tỉnh Trung Phần Miền Nam Việt Nam.

Tướng Westmoreland đã chuẩn bị dùng Khe Sanh như một hậu cứ để sẵn sàng mở các cuộc tấn công sang Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh khi Washington đồng ý. Một vài e ngại cho rằng Khe Sanh sẽ trở thành Điện Biên Phủ thứ hai của Hoa Kỳ. Liên sau Tết, mặc dù một sự thất bại tại chiến trường như thế, nhưng Hà Nội đã làm cho Washington do dự trong việc tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh.

Thật vậy, 2 sư đoàn cộng quân Bắc Việt chung quanh Căn Cứ Khe Sanh đã bị Không Quân oanh tạc tạo nên sự tổn thất nặng nề, do đó họ không còn khả năng để tiếp viện mặt trận của họ tại Huế. Thế nhưng các đơn vị nhỏ hơn của Bắc Việt vẫn còn khả năng chuyển quân vào gần các Thành Phố lớn gần Vùng Phi Quân Sự.

Ngày 13 tháng 2, qua điện đàm, Westy đã yêu cầu Tham Mưu Trưởng Liên Quân, Tướng Earle Wheeler tăng cường khẩn cấp cho ông đủ quân số 525. 000 người như Bộ Tham Mưu đã hứa trước đó. Westmoreland đề nghị một phần của Sư Đoàn 82 Dù và một Trung Đoàn Thủy Quân Lục Chiến cần đến Việt Nam ngay. Với các đơn vị mới tăng cường này, Westy dự tính, đủ để bảo vệ kiên cố căn cứ Khe Sanh, Vùng Nam giới tuyến và đường tiếp liệu đến các đơn vị Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa một cách an toàn tại các vùng Khu Phi Quân Sự.

Wheeler bay đến Sài Gòn để nghiên cứu tại chỗ về những nhu cầu mà Westmoreland đòi hỏi. Khi trở lại Washington, ông ta tỏ ra bi quan. Wheeler cho rằng, trong đợt tấn công đầu tiên, cộng quân gần như đã

thành công trong việc chiếm giữ hàng chục Thành Phố, Thị Trấn, điều đó có nghĩa là, hy vọng một cuộc chiến thắng bằng quân sự của phe Đồng Minh còn mong manh, xa vời.

Wheeler đã không hề nhìn thấy Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã chiến đấu kiên cường để bảo vệ phần lớn những Căn Cú của họ mà lại đặt ra câu hỏi, làm thế nào Quân Đội Miền Nam có thể tồn tại trước những đợt tấn công của cộng quân? (Trái lại, Bunker, một dân sự, ông ta nghĩ rằng, Hà Nội không có khả năng tiếp liệu cho các đơn vị của họ để có thể duy trì một mức độ tấn công rộng lớn và lâu dài, chẳng khác, sự lộ diện của quân Bắc Việt là mục tiêu để phe Đồng Minh với hỏa lực hùng hậu, dễ dàng tiêu diệt).

Wheeler cũng được tường trình là vị Tư Lệnh của chiến trường của Hoa Kỳ, cho rằng những cuộc hành quân hỗn hợp giữa Hoa Kỳ và Quân Đội Miền Nam Việt Nam là một điều cần thiết. Mười Tiểu Đoàn của Hoa Kỳ chuyển về chung quanh Sài Gòn và những Tiểu Đoàn khác đang phối hợp với quân Miền Nam Việt Nam để tái chiếm Thành Phố Huế. Cuối cùng, Wheeler đồng ý, con số trên 525.000 quân sẽ được đưa sang Miền Nam Việt Nam và khuyến cáo Westmoreland đặt nặng kế hoạch phản công với quân số vừa được tăng cường đó.

Sau chuyến quan sát của Tướng Wheeler tại Sài Gòn, vào tháng 2 với sự thỏa thuận của ông, Westy đã yêu cầu đưa thêm 206.000 quân vào trận chiến.

Lời yêu cầu này nằm trong kế hoạch dự thảo với nỗ lực tối đa mà Westmoreland đã đệ trình cho Washington một năm trước đó, và rồi đã bị Tổng Thống Johnson bác

bỏ trong mùa Hè năm 1967, để chỉ đồng ý, tăng cường với mức quân số tối thiểu mà thôi.

Sau vụ Tết Mậu Thân, Washington hỏi Bunker, thay vì phải gửi thêm quân, Hoa Kỳ phải áp lực tối đa để chính phủ Miền Nam Việt Nam nhận lấy trọng trách nhiều hơn nữa, để Thiệu và Kỳ phải ngồi chung với nhau lo công việc, và để Hoa Kỳ dành quyền ưu tiên chấp nhận việc Thiệu-Kỳ bổ nhiệm những nhân vật trọng yếu.

Bunker đáp lại, ông ta tin tưởng chính phủ Miền Nam Việt Nam có thể làm tất cả những gì mà họ thấy là cần thiết cho đất nước của họ. Thế nhưng nếu chúng ta áp đặt thì chẳng bao giờ họ thực hiện những điều mà chúng ta muốn, và việc làm của họ chẳng bao giờ hoàn tất qua cách nhìn của báo chí, qua ác ý của một số dân cử tại Quốc Hội. Từ đó nảy sinh ra khuynh hướng chỉ trích, đả kích cho rằng chính phủ Miền Nam Việt Nam đã không thi hành hết trách nhiệm của họ, một trách nhiệm mà ngay cả người Hoa Kỳ cũng không thể hoàn tất nổi.

Bunker sau đó, tường trình, các nhà lãnh đạo Miền Nam đồng ý trên nguyên tắc về những mục tiêu mà Washington mong muốn. Thế nhưng, Ellsworth Bunker muốn chỉ thúc đẩy họ bằng ngôn từ và đồng thời loan báo những thành quả mà họ đã cố gắng đạt được. Ngay cả Thiệu, Bunker cũng hứa với ông ta, vai trò của Ellsworth Bunker là sát cánh để giúp Thiệu đạt được những mục tiêu có lợi cho đất nước của Thiệu.

Trong việc bổ sung thêm quân chiến đấu, Bunker nói với Washington, 7 Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và một phần của Sư Đoàn 82 Dù là một nhu cầu cần thiết để thay thế các vị trí xung quanh Sài Gòn do các đơn vị Hoa

Kỳ trấn đóng vừa di chuyển ra vùng giới tuyến Phi Quân Sự. Và 7 Tiểu Đoàn này đủ khả năng chặn đứng đợt tấn công thứ hai của cộng quân dự tính sẽ xảy ra vào tháng 5 hay tháng 6 ở xung quanh Sài Gòn.

Bunker đưa ra nhận định này nhằm tăng cường nhận định của Westmoreland trong nhu cầu đòi hỏi Washington tăng quân khẩn cấp. Tuy nhiên, ngoài nhu cầu cần thiết trước mặt, việc tăng thêm quân chiến đấu sẽ được duyệt xét lại vào mùa Hè sắp tới. Về điểm này, Bunker lại không đồng ý tăng quân tối đa Wheeler và Westmoreland đã ước tính. Theo Bunker, tăng quân mà không có phương thức sử dụng rõ ràng chỉ tạo nên cảm tưởng đây là cuộc chiến tranh của người Mỹ và đảng khác, đẩy chính quyền Miền Nam Việt Nam xa rời trách nhiệm của họ, để quay về điểm khởi đầu là Quân Đội Miền Nam chỉ lo phần phòng thủ ở nông thôn chứ không phải là đạo quân để chiến đấu.

Dean Rusk từ Bộ Ngoại Giao đã thường gọi cho Ellsworth Bunker để thăm dò phản ứng của dân chúng Miền Nam ra sao khi Hoa Kỳ gửi thêm quân. Bunker nghĩ rằng có lẽ ông Bộ Trưởng Ngoại Giao cũng cảm thấy dường như có điều gì bất ổn khi sự có mặt của Quân Đội Hoa Kỳ ở Việt Nam quá đông. Trao đổi với Rusk, Bunker, lại trình bày với ông ta việc Hà Nội sử dụng lãnh thổ bất hợp pháp tại Lào và Cam Bốt là một trở ngại chính trong công cuộc mang lại chiến thắng cho Hoa Kỳ cũng như cho Miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến tranh này. Giải quyết bế tắc trên, bất kể là bằng cách nào, đó mới là điều quan trọng. Quan trọng hơn cả việc gửi thêm quân chiến đấu.

Bunker cũng trao đổi, đáp ứng với việc Hà Nội leo thang chiến tranh, ưu tiên hàng đầu là phải tái trang bị vũ khí tối tân cho Quân Đội Đồng Minh Miền Nam Việt Nam. Có thể thì Quân Đội Miền Nam mới có đủ khả năng đối đầu với quân Bắc Việt và đồng thời đáp ứng được chính sách mới của Thiệu là động viên toàn lực cho cuộc chiến.

Cuối cùng, Bunker giải thích dùng những vũ khí có sức tàn phá mạnh theo kiểu chiến tranh Hoa Kỳ với những đơn vị được trang bị kỹ thuật cao được đưa vào cuộc chiến, vô hình trung đã làm cho chính phủ Miền Nam Việt Nam mất đi mục tiêu cơ bản là tạo đoàn kết về mặt xã hội, không thích ứng với một nền kinh tế còn yếu kém vì đất nước trong thời kỳ chiến tranh.

Tổng Thống Johnson đã hành động mạnh mẽ đúng lúc vào năm 1965 để cứu vãn tình hình Miền Nam Việt Nam, nhưng hành động ấy không còn là điều bức thiết để phải kéo dài đến ngày hôm nay.

Bunker hoàn toàn ủng hộ quan điểm tăng thêm nhiều quân chiến đấu Hoa Kỳ một khi kế hoạch tiến sang Lào và cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh được thực hiện. Bởi vì, theo Bunker, nếu kế hoạch trên được thi hành thì Hà Nội không có đủ khả năng để mở ra những trận tấn công quy mô như dịp Tết vừa qua.

Bản văn yêu cầu tăng cường thêm quân chiến đấu của Westmoreland bị tiết lộ ra tờ báo *New York Times* vào giữa tháng 3.1968 do một nhân viên dân sự làm việc tại Bộ Quốc Phòng (Daniel Ellsberg đã nói với Robert Kennedy, trang 905) Thế là bao nhiêu báo chí và nhân vật tại Washington hô hoán lên rằng những điều họ nghi ngờ

về cuộc chiến đang trên đà thành công là hoàn toàn có lý, rằng những dự phóng lạc quan đưa ra vào cuối năm 1967 là hoàn toàn giả tạo, và rằng trận Tết Mậu Thân là một thất bại nặng nề về phía Hoa Kỳ. Chẳng thế thì tại sao lại có vấn đề yêu cầu đòi tăng thêm quân chiến đấu?

Ngày 22 tháng 3, Tướng Westmoreland được thông báo chuẩn bị về Washington để nhận một chức vụ mới. Một cách nào đó, được xem đây là hình thức thưởng cho Westmoreland vì sự hy sinh của ông trong cuộc chiến Việt Nam. Nhưng với Bunker, đây là quả bom nổ bất thần khi qua hệ thống truyền thanh, Ellsworth Bunker nghe Tổng Thống Johnson vừa bổ nhiệm Westy đảm nhiệm chức Tham Mưu Liên Quân. Nếu được Thượng Viện thông qua, Westy sẽ nhận chức vụ mới vào ngày 2 tháng 7. Tướng Wheeler đã gọi điện thoại và báo cho Westmoreland tin đó.

Đối với Westy thì phân vân, đó là một điều đáng vui hay đáng buồn? Ông cảm thấy không hài lòng khi phải rời bỏ nhiệm vụ đang dở dang trong cuộc chiến Việt Nam và cũng không cảm thấy ông sẽ thành công hơn như Đô Đốc Sharp, Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương đã nói khi ông đảm nhiệm chức vụ mới. Nhưng với Bunker, dù Westmoreland được đề cử chức vụ cao nhất trong Quân Đội, nhưng đó là các sắp xếp của Johnson, không muốn danh dự của Westy bị mất uy vì bị các phe phái chính trị chỉ trích, tấn công.

Tất nhiên là Tướng Creighton Abrams là người kế vị Tướng Westmoreland. Khi Tổng Thống Johnson gọi Abrams về Washington để ông can tham khảo, thì Bunker hiểu đó là cách kính trọng trước khi bổ nhiệm Abe vào

chức vụ mới, Tư Lệnh Lực Lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Ellsworth Bunker thường gọi Westmoreland là Westy, nhưng cho dù với tên gọi ngắn gọn ấy, ai cũng hiểu được, ông là vị Tướng 4 sao, con người lúc nào cũng đặt bốn phận và trách nhiệm lên hàng đầu. Westy là tên gọi triu mến và thân thương mà mọi người dành cho ông. Trái lại, người phụ tá của Westmoreland là Crighton Abrams lại không thích gọi ông một cách ngắn gọn như thế. Ông đến Việt Nam một năm khi Westy rời khỏi xứ này, là con người trầm lặng, suy nghĩ, và hợp tác thân mật với các Tướng lãnh Việt Nam. Ông luôn chú trọng đến việc huấn luyện binh sĩ dưới quyền.

Ellsworth Bunker không rõ hết những khả năng quân sự của ông ta, ngoại trừ Bunker biết một điều là McNamara rất kính phục Abrams và chuẩn bị cho ông là người kế vị Tướng Westmoreland. Nếu Abe là Tư Lệnh, Bunker hy vọng Tướng Bruce Palmer sẽ là người phụ tá và theo phán đoán của Bunker, Bruce là một trong số các Tướng lãnh giỏi nhất mà ông được biết tại đây.

Westy và Abrams sau đó bay sang Manila để gặp Tướng Wheeler. Wheeler đến đó để trao đổi một số tin tức mà ông ta không muốn nói qua điện thoại và sau đó ông cùng Abrams bay về Washington để gặp Tổng Thống, còn Westy thì trở lại Sài Gòn mang theo nỗi thất vọng. Tại Manila, Wheeler đã cho Westy biết, khi Bobby Kennedy bắt đầu chạy đua vào cuộc tranh cử Tổng Thống thì cũng là lúc bắt đầu mở chiến dịch đả kích Washington dữ dội. Guồng máy của Kennedy đã bắt đầu thâm nhập vào các cơ quan cao cấp của chính phủ, đặc biệt là tại Ngũ Giác Đài. Nhóm của Kennedy đã tổ chức khá chu đáo và tất

nhiên dồi dào tài chính để tung ra từng chiến dịch chống phá chính phủ.

Sau chuyến đi Washington gặp Tổng Thống, về lại Sài Gòn. Abrams cũng cho biết, Tổng Thống Johnson đang phải đối phó với sự cô lập chính quyền ngày càng lớn mạnh. Trong khi thực tiễn, tình hình Việt Nam đang có những tiến triển khả quan sau Tết Mậu Thân, thì trái lại, tại Washington, sự phân hóa lại đang xảy ra. Abe nói, Thủ Đô tràn ngập không khí ngờ vực, nghi kỵ. Người ta không biết những tài liệu trên đường từ Bộ Quốc Phòng tới Tòa Bạch Ốc, thể nào mà lại tiết lộ ra ngoài, thậm chí người ta không còn biết, ai là kẻ đáng tin cậy.

Tổng Thống đã mời những con người có đầu óc thông minh nhất như Dean Acheson, Mc George Bundy, George Ball, Abe Fortes, các Tướng lĩnh Bradley, Ridgeway, Taylor... để họp với ông cùng Dean Rusk và Clark Clifford. Abrams cũng đã tham dự phiên họp ấy suốt ngày và kể lại cho Bunker rằng tất cả mọi người có mặt đều khuyên Tổng Thống thay đổi chính sách và rút ra khỏi Việt Nam, ngoại trừ 4 người. Thế nhưng Johnson không có chỉ dấu nào chấp nhận một sự thay đổi lớn lao như thế. Trái lại, ông ta muốn tiếp tục duy trì chánh sách hiện tại của ông tại Việt Nam.

TÁI LẬP AN NINH

Đầu tháng 3, Huế đã tái ổn định và sự đe dọa tại Căn Cứ Khe Sanh đã bị đẩy lùi. Với sự phối hợp giữa Pháo Binh, B52 và máy bay chiến đấu, khoảng 5.000 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ và 1.000 Binh sĩ Biệt Động Quân Miền Nam Việt Nam đã đánh tan 16.000 quân chính quy

Bắc Việt, trái với những điều dự đoán mà ban hợp ca bao gồm đám phóng viên báo chí và truyền hình khen tặng đó là đạo quân vô địch.

Trận thất bại Điện Biên Phủ thời Pháp thứ hai không thể tái diễn. Tướng Abrams trở về Tổng Hành Dinh tại Sài Gòn. Tướng Westmoreland đã phối hợp với Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa để hoạch định những kế hoạch phản công, nhằm tổ chức chiến dịch hành quân đánh thẳng vào sào huyệt cộng quân để chặn đứng những mưu toan tấn công vào các Thành Phố có thể tái diễn.

Ngày 15 tháng 3, 50.000 quân Đồng Minh bắt đầu hành quân tại các Tỉnh chung quanh Sài Gòn để truy kích khoảng từ 8.000 đến 10.000 địch quân mà theo nguồn tin tình báo, còn ẩn trốn trong khu vực trên. Lực lượng cộng quân vì thế phải phân tán mỏng. Quân Đội Đồng Minh đã khám phá và tịch thu nhiều kho lương thực và vũ khí của địch.

Thoạt đầu, các nhà quân sự nghĩ rằng những kho lương thực và vũ khí ấy do địch rút chạy nên không mang theo kịp nhưng theo Thiệu nhận định, đó là những tiếp liệu mà cộng quân dành cho đợt tấn công quan trọng vào Sài Gòn lần thứ hai, có thể xảy ra trong những tháng vào mùa Hè.

Vào giữa tháng 3, Bob Komer đã hoàn tất kế hoạch về Chương Trình Bình Định. Tỷ lệ dân chúng sống trong vùng chính phủ kiểm soát giảm xuống còn 59,8 phần trăm. Những thành công về mặt an ninh trong Chương Trình Bình Định vào năm 1967 đã tiêu tan. Trước Tết Mậu Thân, 7.761 xã ấp có an ninh 100%, sau Tết xuống

còn 4.472. Hai phần ba xã ấp đã mất quyền kiểm soát không có lực lượng Nghĩa Quân, Địa Phương Quân hay các lực lượng khác bảo vệ

Thế nhưng điều đó không có nghĩa là các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân bị tan rã. Khoảng 85% đến 95% lực lượng ấy vẫn còn tồn tại. Lực lượng đó chỉ bị điều động để bảo vệ tại các nơi gần Quận lỵ và Tỉnh lỵ. Các đơn vị Địa Phương Quân mới đáp ứng được 59% cấp số Sĩ Quan và 69% Hạ Sĩ Quan và 61% đơn vị chưa có vô tuyến điện thoại liên lạc. Theo sát những thống kê này Bunker đã đề nghị các nhà lãnh đạo Miền Nam hãy tập trung nỗ lực thỏa mãn nhu cầu hai lực lượng trên bởi vì lực lượng đó rất cần thiết đối với dân chúng.

Thiệu đã chứng tỏ là một nhà lãnh đạo có khả năng để phục vụ dân chúng của ông nhưng Kỳ thì bất mãn khi Thiệu thay thế hai vị Tỉnh Trưởng Biên Hòa và Gia Định. Đương kim Tỉnh Trưởng Gia Định là em vợ của Tướng Nguyễn Ngọc Loan còn Tỉnh Trưởng Biên Hòa là của ông Tướng đang giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng. Vị Tỉnh Trưởng này chẳng biết làm gì cho tỉnh ông ta đến đổi Bob Komer phải cắt hết mọi phương tiện dành cho Tỉnh Biên Hòa và đồng thời đặt Tỉnh Biên Hòa ra ngoài vòng bảo vệ của Quân Đội Hoa Kỳ.

Thiệu cũng cho Bunker biết là vị Thủ Tướng vừa quyết định cất chức Giám Đốc Quan Thuế và Tàn Cảng Sài Gòn vì hai người này đều là chân tay của Kỳ. Những quyết định của Thiệu chứng tỏ ông ta là người có bản lãnh và thật sự muốn đặt chính phủ nắm giữ đúng với trọng trách của nó, Bunker nghĩ như vậy. Thế nhưng điều đáng tiếc là trước dân chúng, Thiệu lại không chứng tỏ nổi ông ta

là con người quả cảm, năng động để mọi người đều có thể tin ông.

Đầu tháng 3, Thiệu thay thế tới 8 Tỉnh Trưởng kể cả Biên Hòa. Tạp chí Newsweek nhận xét rằng người mà Thiệu đưa lên làm Tỉnh Trưởng Huế và Thừa Thiên không có khả năng. Nhưng một năm sau, sau khi vị Tỉnh Trưởng này hoàn tất một số công tác cho Tỉnh ông, cũng tờ tạp chí ấy, khen ông ta là một con người khôn ngoan, lương thiện. “Người đã đưa Thành Phố Huế thoát khỏi cảnh hoang tàn”.

Thiệu sau đó đã chỉ thị cho các đơn vị Quân Đội Miền Nam Việt Nam quay trở lại bảo vệ nông thôn. Tổng Nha Nhân Dân Tự Vệ đã được thành lập trực thuộc Bộ Nội Vụ để điều hợp chương trình nhân dân võ trang. Vị Tàn Tư Lệnh Vùng 4 Chiến Thuật, một con người năng nổ dưới mắt người Mỹ và cũng là bạn chiến đấu của Kỳ, đã tạo dựng niềm tin trong hàng ngũ Quân Đội ở vùng đất trọng yếu của Miền Nam Việt Nam. Quân Nhân thuộc các Tỉnh vùng này giờ đây đã trở lại truyền thống có 30 phút nghỉ ngơi trong giờ trưa. Quốc Lộ 4 từ Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long về Sài Gòn đã hầu như hoàn toàn an ninh.

Bunker tham dự một buổi lễ tại Sân Vận Động Tào Đàn ở phía sau Dinh Độc Lập cùng Thiệu, để chủ tọa lớp mãn khóa huấn luyện quân sự dành cho sinh viên. Báo chí loan báo là có 13 ngàn sinh viên đã học qua khóa huấn luyện quân sự này. Trong buổi lễ hôm ấy Thiệu đã dành 15 phút để nói chuyện trước đám đông sinh viên đó. Bài nói chuyện không soạn sẵn vì không dự định sẽ có buổi nói chuyện trong chương trình. Thế nhưng chưa bao giờ Bunker thấy Thiệu nói chuyện hùng hồn và hấp dẫn như

buổi hôm ấy đến đổi Bunker không nghĩ người đang nói chuyện trước đám sinh viên kia là Thiệu.

Trong 15 phút, sinh viên đã vỗ tay hoan nghênh ông đến 9 lần, và khi chấm dứt, ba lần sinh viên đã đứng lên ngồi xuống liên tục hoan nghênh ông. Khi hai phần ba sinh viên diễn hành qua thì Thiệu, Hội Đồng Nội Các và Ngoại Giao Đoàn ra về. Khi vị Đại Sứ đi ngang qua sinh viên, vài người trong số ấy đã gọi “Bunker” và vỗ tay. Khi tiến gần đến chiếc xe thì ông đã bị đám đông sinh viên chặn lại, họ muốn ông đứng chụp hình chung với họ và chìa tay bắt tay ông. Có sinh viên đã lấy chiếc mũ của họ đội lên đầu Bunker và tất cả đều bày tỏ lòng nhiệt tình và thiện cảm. Bunker nghĩ, nỗi sợ hãi trong kỳ Tết vừa qua nay đã tan biến.

LYNDON JOHNSON HY SINH VÌ HÒA BÌNH

Vào cuối tháng 3, cuộc khủng hoảng chính trị do những đợt tấn công trong kỳ Tết Mậu Thân lại bộc phát dữ dội ngay tại Hoa Kỳ. Mặc dù được nhiều phiếu ủng hộ trong cuộc chạy đua vòng đầu tại New Hampshire cùng đối thủ của ông là Robert Kennedy của đảng Dân Chủ tranh ghế Tổng Thống, thế nhưng Tổng Thống Johnson lại loan báo giảm bớt một số mục tiêu ném bom tại Bắc Việt, kêu gọi cuộc thương thuyết để chấm dứt chiến tranh và tuyên bố không ra tranh cử lần thứ hai vào chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ. Ông là một nạn nhân thiệt thòi nhiều nhất trong vụ Tết Mậu Thân ở nhiệm kỳ làm Tổng Thống của ông. Và việc tự hy sinh để không ra tranh cử Tổng Thống đã làm giảm thiểu những thắng lợi về mặt chính trị mà ông đạt được, đó là tạo ngộ nhận trong quần chúng Hoa Kỳ nghĩ

rằng Hà Nội đã thắng trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân nên ông không ra tranh cử.

Việc Johnson hạn chế oanh tạc và phủ nhận đề nghị tăng quân chiến đấu Hoa Kỳ thật ra không làm cho Bunker ngạc nhiên. Johnson đã đưa ra những quyết định cơ bản đó từ mùa Hè năm trước khi ông ta từ chối lời yêu cầu tăng quân tối đa của Westmoreland. Nhưng việc Johnson quyết định không ra tranh cử đó mới là điều Bunker không hiểu nổi. Sau này thì Bunker hồi nhớ lại những biến động chính trị trong dịp Tết Mậu Thân đã ảnh hưởng nặng nề đến Johnson. Ông ta đã thắng với kẻ thù ở hải ngoại nhưng thất bại với đồng bào mình ngay tại quê nhà.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày thứ hai 1 tháng 4, tất cả thành viên trong Hội Đồng Đặc Nhiệm ngồi chung quanh chiếc bàn để lắng nghe bài nói chuyện của Tổng Thống, bài nói chuyện mà một phần nội dung đã được thảo luận với Bunker trước đó hai ngày qua đường viễn liên tối mật, liên quan đến việc oanh tạc Bắc Việt. Khi bài diễn văn chấm dứt, mọi người đều sững sờ, cả Bunker. Ellsworth Bunker và những cộng tác viên cao cấp của ông bắt đầu phân tích việc Johnson quyết định không tái tranh cử sẽ tạo một sự tranh luận về chính trị ngay tại Washington và những sự kiện đó ảnh hưởng đến mức độ nào về tình hình tại Việt Nam, mặt khác, phía Miền Nam Việt Nam sẽ đối phó ra sao về quyết định này của Tổng Thống Johnson.

Khi Tổng Thống đọc bài diễn văn đó thì tôi đang đứng ở trong căn phòng gần Trường Đại Học George Washington và chăm chú lắng nghe. Tôi không cảm nghiệm nổi ở bản lãnh chính trị của con người như Johnson, khi có thể đưa ra quyết định không tái tranh cử, như biểu hiện sự hy sinh

của chính ông trước sức ép do sự hướng dẫn sai lệch về sự thất bại trong cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân. Rõ ràng ông ta không đủ bản lĩnh để đương đầu với những khó khăn xảy đến như tôi từng suy nghĩ nhiều năm về trước và cảm thấy dường như có một sự gì đó đã bị phản bội.

Sau cuộc nói chuyện của Johnson, Bunker liền gặp Thiệu. Khi hỏi tại sao Johnson quyết định không tái tranh cử, Bunker đáp lại Thiệu, theo suy nghĩ riêng của ông ta, có lẽ ảnh hưởng từ sự chống đối do việc không kiểm soát nổi tình hình trong dịp Tết Mậu Thân. Khi đưa ra quyết định không tái tranh cử, Johnson muốn đặt Việt Nam ra khỏi vùng tranh chấp tại Washington để ông hoàn toàn theo đuổi cuộc thương thuyết theo sách lược của ông ta. Với một sự hy sinh cá nhân như thế, Johnson nghĩ, ông không còn là mục tiêu để mọi người chỉ trích.

Là những người Việt Quốc Gia đầu tiên quan tâm và e ngại việc Johnson rút ra khỏi cuộc tranh cử và hủy bỏ cuộc oanh tạc Bắc Việt, thế nhưng Thiệu và Bộ Tham Mưu của ông đồng thời cũng nhận ra được một chuyển đổi bức thiết đang xảy ra ở quan điểm về phía Hoa Kỳ và quan điểm ấy không hẳn đưa đến sự tiêu vong trong công cuộc Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Miền Nam Việt Nam.

Bắc Việt sau đó đã đáp ứng lời kêu gọi của Johnson về cuộc thương thuyết. Sau một tháng bàn cãi về địa điểm, cuộc hòa đàm bắt đầu tại Paris vào tháng 5, ngay sau cuộc tổng công kích đợt 2 mà Hà Nội vừa tung ra. Đối với Hà Nội, đàm phán chỉ có nghĩa là một ván bài bày ra cho họ rao bán, tuyên truyền. Thương thuyết không có nghĩa là từ bỏ những lợi điểm mà họ đạt được qua các cuộc bạo động có vũ trang. Sự ngây ngô của phong trào đòi hỏi

hòa bình ở Mỹ đã phóng đại những thành quả ở các cuộc thương thuyết, quả là điều không tưởng.

Sau khi Tổng Thống Johnson đưa ra tuyên bố hạn chế việc oanh tạc Bắc Việt, vào ngày 3 tháng 4, Thiệu và Kỳ tổ chức một cuộc họp báo. Trong lời phát biểu của Thiệu đã thay đổi thái độ qua nhận định: “Quân Đội của chúng ta đã phát triển mạnh mẽ qua kế hoạch tổng động viên, và nếu chính phủ Hoa Kỳ cảm thấy cần thiết, có thể bắt đầu rút một phần quân chiến đấu về nước vào cuối năm 1968”. Dưới thời Tổng Thống Nixon, kế hoạch đó gọi là Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

Thiệu vẫn nói trước công chúng, giữa ông và Kỳ có nhiều điều dị biệt, nhưng Thiệu vẫn xác định trên bình diện quốc gia, những vấn đề hệ trọng, ông và Kỳ đều cùng thảo luận và cả hai người cùng đồng ý. Thiệu trao cho Kỳ trách nhiệm đặc trách về lực lượng Nhân Dân Tự Vệ. Việc chính phủ Miền Nam Việt Nam đáp ứng nhanh chóng những yêu cầu của Johnson đưa ra hôm 31 tháng 3 đã làm tăng lên thế chủ động khi yêu cầu Hà Nội ngồi vào bàn thương thuyết. Thiệu chuẩn bị bài nói chuyện trước đồng bào ông về việc Hoa Kỳ rút quân về nước, về việc võ trang thành phần Nhân Dân Tự Vệ.

Sau những tuần lễ căng thẳng về tinh thần, Bunker trở về Washington để tham dự phiên họp với Tổng Thống Johnson và những phụ tá của ông. Vừa đến phi trường Andrews Air Force, Bunker mới chợt biết, Bộ Ngoại Giao đã thay đổi khách sạn tạm trú của ông đã giữ trước đó là Jefferson Hotel sang khách sạn Shoreham bởi vì, theo Bộ Ngoại Giao, nơi đây an toàn hơn.

Những kẻ nổi loạn đã tràn ngập Thủ Đô sau vụ Martin

Luther King bị ám sát. Sài Gòn không phải là nơi khó khăn duy nhất hiện nay mà chính phủ phải lo đối phó, mà là khắp các mặt.

Việc Luther King bị ám sát làm Bunker cảm thấy đau đớn, Bunker viết cho vợ rằng ông không thể ngờ được điều ấy lại có thể xảy ra ngay tại Hoa Kỳ. Đối với Bunker, với niềm tin mãnh liệt và định mệnh lịch sử Hoa Kỳ, thừa kế những di sản của tiền nhân, vấn đề chủng tộc người Mỹ gốc Phi Châu dần dần sẽ được san bằng, thay thế vào đó là sự công bằng và sự bình đẳng. Cái chết của King đã làm cho Bunker giảm đi nhiều hy vọng.

Tôi nghe tin ông Luther King chết được loan báo qua Radio trên chiếc xe thể thao. Khi ấy Ba tôi và tôi vừa dừng lại ở một tiệm burger ở Washington, ngoại ô Virginia. Tôi vội vã quay về nhà và chìm trong hỗn mang những suy nghĩ tại sao người ta lại có thể hành động như thế. Cũng giống như vụ ám sát John Kennedy xảy ra trước vụ King 5 năm về trước, cái chết của King đã tạo nên một cuộc khủng hoảng về niềm tin tại Hoa Kỳ.

Khi Ellsworth Bunker so sánh, với Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford và Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rusk trên máy bay trực thăng từ Camp Davis trở về Washington rằng hỗn loạn chẳng khác gì Sài Gòn thì Rusk mang câu chuyện ấy nói với Johnson. Johnson trả lời: “Ồ hay! Ai là người đã trượt ngã trên sự hỗn loạn ấy? Tôi đã nói với mọi người là hãy đưa Ellsworth Bunker vào Tòa Bạch Ốc”. Bunker đáp lại: “Tôi nghĩ, ở đây không được an toàn”.

Rồi Johnson đưa Ellsworth Bunker vào căn phòng khách, nơi mà Churchill đã là khách trú tại đó trong thời gian viếng thăm Bạch Ốc. Johnson nói với Ellsworth

Bunker: Churchill đã thức dậy lúc 4 giờ sáng, gọi rượu và vào phòng đánh thức Tổng Thống Eisenhower.

Sáng hôm sau, Johnson mời Bunker dùng điểm tâm tại phòng của ông. Tổng Thống còn mặc đồ ngủ, vừa đùa với cháu, vừa mở máy nghe những gì mà khách, qua điện thoại, nhắn lại. Vừa lúc ấy thì chuông điện thoại reo.

Sau khi nghe, Tổng Thống quay qua hỏi Bunker: “Họ nói với tôi, Hà Nội đề nghị cuộc đàm phán sẽ tổ chức ở Warsaw. Ông có đi Warsaw không”? Ellsworth Bunker đáp ngay: “Không, thưa Tổng Thống, tôi không đi”.

Johnson hỏi: Tại sao? Bunker phân tích: “Ba Lan là nước đã ủng hộ Hà Nội. Như thế Miền Nam Việt Nam sẽ chẳng bao giờ chịu đến thương thuyết ở một nước đã từng giúp cho Hà Nội đâu”.

Johnson trở lại chiếc điện thoại đang chờ và ông trả lời với phía bên kia đầu giây: “Không, Chúng ta không bao giờ đến Warsaw”. Rồi Tổng Thống gác ống nghe. Một ai đó xuất hiện và nhắc cho Tổng Thống biết là ông sẽ có cuộc hẹn vào lúc 10 giờ. “Tôi nghĩ là tôi phải chuẩn bị thì vừa. Rất tiếc”. Tổng Thống nói với Bunker như vậy.

Sau khi Johnson ra lệnh ngưng ném bom một phần tại Bắc Việt vào ngày 31 tháng 3. 1968 Thiệu đã chuẩn bị phương án cải tổ những nhân vật cao cấp trong chính quyền của ông ta. Với nhu cầu trước mắt là chính quyền Miền Nam cần phải được củng cố và cần một thể mạnh để chuẩn bị cho các cuộc thương thuyết hội đàm sắp xảy đến, Thiệu có đủ lý do vững chắc để loại những nhân vật thân Kỳ. Kỳ cũng cảm thấy việc Thiệu quyết định thay đổi một số nhân sự là điều cần thiết và ông ta không nghĩ sự thay đổi đó là chỉ nhằm cho lợi ích của cá nhân Thiệu.

Hai Tướng lãnh đang xem như bị lưu đầy ra khỏi nước đã được gọi về để giúp Thiệu. Người thứ nhất là Trần Thiện Khiêm, người Miền Nam, được xem như thành phần không nằm trong tổ chức lật đổ Diệm năm 1963. Khiêm còn là người đã cứu Diệm trong cuộc đảo chánh năm 1960, một đảng viên trung kiên của Đại Việt, được nhiều sĩ quan trong Quân Đội Miền Nam ủng hộ. Ông ta đã từng chiến đấu chống lại Việt Minh từ năm 1946. Vị Tướng thứ hai được gọi về là Đỗ Cao Trí, một con người chỉ biết chiến đấu, cũng người Miền Nam và được so sánh ông như một George Patton. Khả năng chính trị của Khiêm và Trí đều ngang tầm. Trí không phải là đảng viên Đại Việt và gần gũi với quan điểm và thái độ của nhóm Công Giáo từng phục vụ trong chính quyền của ông Diệm.

Không bao lâu sau đó thì đến ngày Lễ Quốc Tổ Hùng Vương, người có công dựng nước Việt Nam đầu tiên. Thiệu tham dự ngày lễ long trọng đó. Hùng Vương mở Triều Đại Hồng Bàng kéo dài từ 2879 đến 250 trước Công Nguyên. Tên nước được đặt là Văn Lang và chạy dài tận phía cực Nam ở Trung Hoa và ngày nay được gọi là Miền Trung Phần của Việt Nam.

Cũng trong ngày lễ này, một biểu ngữ đồ sộ khác cũng được treo lên để tưởng nhớ hai vị anh hùng khác của dân tộc Việt Nam và đã trở thành huyền thoại, đó là Lạc Long Quân và Âu Cơ. Theo truyền thuyết lịch sử Việt Nam, Lạc Long Quân và Âu Cơ đã sinh ra 100 người con, 50 người lên núi sống và ngày nay trở thành những Bộ Lạc người Cao Nguyên và 50 người khác đã đi xuống vùng biển và đã trở thành người Việt.

CHƯƠNG 6

KHỞI ĐẦU THƯỜNG THUYẾT

Vào sáng 3 tháng 9 năm 1968, trên chuyến bay số 627 của Hàng Không Việt Nam, tôi đã rời Hồng Kông để trở lại Sài Gòn. Cùng chuyến bay có 18 bạn đồng hành thuộc 4 nhóm đã hoàn tất chương trình học Việt Ngữ tại Trung Tâm Huấn Luyện Việt Ngữ thuộc Bộ Ngoại Giao. Tất cả cũng giống như tôi, đều là dân sự, và chẳng bao lâu nữa, sẽ tản mác khắp Miền Nam Việt Nam, trở thành những Cố Vấn cho cơ quan CORDS tại các cơ sở chính quyền địa phương Việt Nam.

Chúng tôi được huấn luyện căn bản một năm, hoàn tất khóa học, qua kỳ thi, tôi gần như đứng đầu lớp cả về giọng nói và chữ viết. Nghĩa là tôi có thể làm việc chung với người Việt mà không cần có người thông dịch.

Arnie Peters giỏi hơn tôi. Anh ta có khiếu về ngôn ngữ. Khi còn là một thanh niên tự nguyện phục vụ trong cơ quan hòa bình tại Thái Lan, anh ta đã đọc tiểu thuyết James Bond bằng ấn bản Thái ngữ. Vài người trong nhóm chúng tôi, Việt ngữ còn kém, và khi đến Việt Nam phục vụ trong

cơ quan CORDS, họ không hiểu gì nhiều về người Việt Nam. Có người xin từ nhiệm, một số người khác cảm thấy nhiệm vụ này khá nguy hiểm và khó hy vọng thành công.

Tính lạc quan trong con người tôi dường như không sửa đổi được. Tôi biết đây là một cuộc chiến tranh đầy phức tạp thể nhưng tôi vẫn tin rằng chúng tôi vẫn có thể làm việc chung với người Miền Nam Việt Nam để dành lấy cuộc chiến thắng trong cuộc chiến tranh này.

Tôi đã nghiên cứu về những đặc tính cần thiết trong kế hoạch phát triển tại Berea, Kentucky. Học qua Tae Kwon Do, bắn súng tại Georgetown và tham dự những buổi thuyết trình chống du kích chiến tại Trường Chiến Tranh John F. Kennedy ở Fort Bragg, Georgia. Người ta khuyên tôi nên giữ bên người vũ khí cá nhân nhưng tôi lại thích dùng súng lục. Thành thử tôi mua khẩu Smith 38 và tôi chỉ sử dụng có mỗi một lần bắn trả vì tự vệ.

Máy bay bắt đầu vào không phận Việt Nam, trời thật đẹp. Những cụm mây trắng chùng thấp, lãng đãng bay trên vùng biển xanh mênh mông rồi đâu đó trải dài vùng quê phì nhiêu đầy nhựa sống. Gần đến Sài Gòn, vết tích chiến tranh lại hiện ra, những hố bom, những căn nhà bị cháy đen nằm bơ vơ, lơ lửng giữa những khu vườn màu mỡ, đồng lúa xanh rì.

Chiếc xe van đưa chúng tôi về một cao ốc có nhiều tầng, Trụ Sở chính của cơ quan AID để làm thủ tục giấy tờ và cũng là nơi phân phối chúng tôi nhận địa điểm đến phục vụ. Trong khi đang đi vào những mẫu đơn thì một tiếng nổ đã xảy ra bên ngoài lối đi vào tòa nhà. Qua một người từng kinh nghiệm, làm việc trong tòa nhà, khuyên chúng tôi bình tĩnh. Rồi chúng tôi tiếp tục làm việc.

Trong chúng tôi hể ai xong giấy tờ lại bước sang phòng bên cạnh, ngồi đối diện trên một chiếc bàn dài rồi bàn tán về tiếng nổ vừa xảy ra. Đó là một tiếng nổ của một quả lựu đạn, một người nào đó đã ném vào nơi người Việt Nam canh gác lối ra vào tòa nhà. Có ít nhất 6 người chết và nhiều người bị thương. “Sự kiện này thường xảy ra không?”, tôi hỏi. Một nhân viên trả lời: “Không. Đây là lần đầu tiên xảy ra tại đây”.

Khi tôi trở ra đường phố, mọi người như không có gì xảy ra. Những người chết đã chuyển đi, chẳng còn dấu tích gì trên đường. Dòng xe cộ vẫn ngập tràn với những taxi, xe vận tải, xe gắn máy và xe đạp, ngược xuôi trên Đường Lê Văn Duyệt. Tôi hỏi người tài xế lái chiếc xe Buss chở chúng tôi rằng có e ngại khi làm việc cho cơ quan AID không, anh ta đáp gọn: Không. Rồi tiếp: Con người sống hay chết là do số mệnh cả. Ngày đầu tiên trở lại xứ này tôi đã trực diện với tình huống bi đát ấy.

Thành Phố Sài Gòn được kiến trúc theo lối cổ của Pháp với những Đại Lộ hai hàng cây cao đầy bóng mát giờ đây đang được nới rộng ra. Những hàng cây đó bị cắt ngắn và xén đi để tăng thêm chỗ đậu xe. Thành Phố sạch sẽ hơn so với hồi tôi đến đây lần đầu tiên năm 1966. Khách sạn Continental vẫn còn là nơi sang trọng. Hàng loạt những nhà hàng dọc bờ sông Sài Gòn vẫn nhộn nhịp khách ra vào mặc dù đã bị việt cộng đặt bom phá hoại vài năm trước.

Bất chợt tôi nhìn ra người con gái Việt Nam mà tôi đã gặp trong lần có mặt tại xứ này vài năm trước. Xuân nói với tôi hãy dừng đến nhà nàng ở Vùng Chợ Lớn và hẹn gặp tôi ở Câu Lạc Bộ Thể Thao “The Circle Sportif”. Nàng

dùng tiếng Pháp nói chuyện vì cho rằng tiếng Việt của tôi còn bì bõm. Nàng đến trong chiếc áo dài trắng, đôi giày trắng với chiếc bóp mang cùng màu. Xuân giới thiệu với tôi những bạn gái của nàng đang có mặt tại Câu Lạc Bộ. Một cô đã nghiêng người, đưa tay cho tôi bắt và để tôi hôn má nàng. Lối xã giao theo Pháp, và lúc ấy ngực tôi đang chạm vào ngực nàng. Tôi lịch sự nói: “Hân hạnh được biết cô”. Sau đó tôi vội vàng khước từ vì phải đi thăm người bạn của ba tôi đang làm việc trong Tòa Đại Sứ.

Tôi vừa bị trách cứ vì sự quan hệ giữa tôi với người phụ nữ Việt. Ngày ấy, người bạn trong nhóm 4 toán CORDS mời tôi dùng cơm trưa nhằm để khuyên bảo: “Bước đường chính trị trước mắt anh còn nhiều nhiều khê lắm, do đó đừng dính dáng đến đàn bà nhiều”.

Tối ngày hôm sau, một người bạn Việt Nam, anh ta điều hành một Chương Trình về Thanh Niên Hành Động, mời tôi đi ăn thịt bò bảy món. Khi tôi bước vào, những người khách khác nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. Người bạn đó nói với tôi, không được Thiệu kính trọng và vì thế ông Hương đã từ chức Thủ Tướng.

Một người bạn khác cũng trong tổ chức trên cố tình nói với tôi: “Chúng ta phải xây dựng một lực lượng thứ ba, đứng giữa những người cộng sản và chế độ đang đổ vỡ này”.

Người Cố Vấn cho Chương Trình Thanh Niên muốn tôi làm việc với ông ta tại Sài Gòn. Ông ta lịch sự, năng nổ, tế nhị nhưng lại không có một tý hiểu biết nào về những sinh hoạt chính trị đầy khúc mắc của người Việt Nam. Thậm chí, dưới mắt ông ta, Trường Đại Học Phật Giáo Vạn Hạnh là cơ sở giáo dục hoàn mỹ nhất tại Sài

Gòn. Vì muốn phục vụ tại các Tỉnh để trau dồi vốn liếng Việt ngữ nên tôi đã từ chối. Do đó tôi được chuyển xuống cơ quan CORDS Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long để chờ bổ nhiệm đi các Tỉnh trong Vùng này.

Vừa đến cơ quan Vùng tại Cần Thơ, vị sĩ quan CORDS muốn bổ nhiệm tôi đi Tỉnh Vĩnh Bình. Một người bạn khác khuyên tôi đừng nhận vì tại đây năm rồi, đã có hai người Mỹ dân sự bị giết. Anh ta khuyên Vĩnh Long tốt hơn. Tôi chọn Vĩnh Long.

Tại Vĩnh Long, tôi thuộc Toán Cố Vấn 52. Vị Cố Vấn Trưởng là Đại Tá Suplizio, người cao gầy và rất thông minh. Ông ta đã tốt nghiệp về ngành kinh tế và quản trị, đã từng dạy tại West Point. Cố Vấn Phụ Tá là Joe Bennett, người lớn tuổi, cùng thế hệ với ba tôi. Vì từng là một sĩ quan phục vụ tại hải ngoại, nên ông lại có cái nhìn ở mỗi vấn đề rất bén nhạy và tinh tế, hơn tất cả mọi người trong nhóm. Joe trầm tĩnh, nụ cười không hở môi, trái với Đại Tá Trưởng Toán luôn cười nói như thanh niên và việc gì cũng dụ vào.

Vĩnh Long vốn là một Tỉnh nổi tiếng tại miền Nam Việt Nam, còn có ý nghĩa là “con rồng bất diệt”. Thủ Tướng Hương sinh tại đây và Phạm Hùng, một nhân vật quyền uy của Hà Nội, cũng sinh tại Tỉnh này. Vùng đất Vĩnh Long trước kia thuộc lãnh thổ của Cam Bốt và trở thành đất của Việt Nam vài trăm năm gần đây. Năm 1867, đây là phần đất cuối cùng, và để cứu sinh mạng dân chúng, người chỉ huy đã ra lệnh đầu hàng trước sự xâm lăng của Pháp. Thế nhưng sau đó, những viên chức chính quyền cao cấp ở Tỉnh này đã tự sát vì tự xem không hoàn thành trách nhiệm trong việc bảo vệ Tổ Quốc của họ.

Người anh của Diệm, một Tổng Giám Mục Công Giáo, đã nâng Vĩnh long lên hàng Giáo Phận Công Giáo từ nhiều năm về trước, Vĩnh Long cũng là Trung Tâm đầu não của đảng Cần Lao dưới thời ông Diệm. Trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân, Vĩnh Long cũng là Thành Phố bị thiệt hại nhiều nhất.

Nhưng với tôi, dấu ấn đậm nét nhất là thời điểm Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa làm Tỉnh Trưởng. Nghĩa là một trong những sĩ quan quan trọng của Tân Đại Việt. Là người đã dự vào cuộc đảo chánh từ những năm 1963, 1964 và 1965. Ngày 2 tháng 11 hai anh em ông Diệm và Nhu bị sát hại trong một chiếc xe thiết giáp, thuộc đoàn thiết giáp do ông Nghĩa chỉ huy. Nghĩa và tôi mau chóng trở thành bạn và sau đó Nghĩa đã giới thiệu tôi với Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy

An ninh đã được tái lập tại Thị Xã cùng các làng xóm chung quanh Tỉnh Ly Vĩnh Long, thế nhưng thỉnh thoảng cộng quân vẫn pháo kích vào Thành Phố và gần sân bay Tỉnh lỵ. Tất cả các Cố Vấn Mỹ, Quân Đội lẫn dân sự buộc phải sống trong một Doanh Trại ở một cao ốc 4 tầng xung quanh là hàng rào kẽm gai vây bọc.

Buổi tối ngay khi tôi mới đến, một Cố Vấn gốc Quân Đội dùng bữa ăn tối cùng bàn với tôi. Ông ta vừa tắm rửa sau một ngày hành quân với lực lượng Địa Phương Quân Tỉnh. Đơn vị do ông cố vấn đã chạm trán với một đại đội việt cộng. Rồi Pháo Binh được gọi yểm trợ. Nhưng 4 quả pháo 105 ly lại rơi ngay giữa đơn vị hành quân của ông làm 8 người lính Địa Phương Quân chết và 11 người khác bị thương. Rồi ông mô tả tôi nghe từng trường hợp về cái chết oan nghiệt ấy, trong đó có người lính mà tôi vừa gặp

sáng nay, mang đôi kính màu đen, khuôn mặt nhỏ, vừa nói chuyện với tôi vừa pha cà phê.

Để có cuộc sống riêng tư, tôi tìm cách dọn ra ngoài ở tầng lầu 2 trong một cao ốc của thanh niên Mỹ làm ở tổ chức hòa bình thuê. Tôi được chỉ định phụ tá cho Cố Vấn Trưởng Đặc Trách Phát Triển tại Quận Châu Thành Tỉnh.

Toán chúng tôi bao gồm Thiếu Tá Murry Schooner, vị Đại Ủy già Tobin và Trung Ủy Lowendorf đặc trách vấn đề tình báo và tôi. Nơi tôi làm việc là tầng 2 trong một tòa nhà cũ xây gạch từ thời Pháp. Trước kia ngôi nhà này là Trụ Sở của Hội Đồng Thành Phố và nay dùng làm Trụ Sở Bộ Chỉ Huy Quân Sự Quận ở tầng dưới, với hàng rào kẽm gai nhiều lớp vây kín.

Vị Quận Trưởng là Thiếu Tá Khuê lại có cảm tình với tôi. Giống như nhiều người Việt Nam khác mà tôi đã gặp, Thiếu Tá Khuê có sự hiểu biết khá rộng rãi về những gì đã xảy ra trên thế giới.

Đêm thứ hai tại Quận, Thiếu Tá Khuê đã mời Toán chúng tôi dùng cơm chiều tại tư gia và trao đổi với tôi nhiều vấn đề. Theo ông, đây là thời điểm phải củng cố chính quyền ở hạ tầng cơ sở và đoàn ngũ hóa quần chúng. Ông hứa là sẽ hỗ trợ tối đa chúng tôi để Phát Triển Bình Định được thực hiện đúng mục tiêu ở Trung Ương đặt ra. Cùng dự bữa cơm ấy có vị Dân Biểu vừa đắc cử vào Hạ Viện, và vị này cũng nói với chúng tôi, ông hy vọng một tiến trình dân chủ và việc Phát Triển Nông Thôn sẽ được thi hành đồng bộ và sẽ thành công.

Bắt tay vào nhiệm vụ mới, tôi vừa làm việc vừa học hỏi với Khuê, Suplizio, Bennett, Schoner và nhiều người khác song đồng thời tôi cũng tự nghiên cứu tìm phương thức

để có thể gần gũi với người dân nông thôn Việt Nam tại các xã ấp. Bổng dừng một tiến trình hòa bình lại được dựng nên nhằm để tháo gỡ trách nhiệm Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam mà Paris là địa điểm được lựa chọn.

Ngày 9 tháng 10, lần họp tiên khởi với Hà Nội xảy ra trong bất ngờ, chỉ kéo dài 30 phút trong một cuộc trà đàm giữa Lê đức Thọ, ủy viên bộ chính trị Hà Nội (người mà sau này đã thương thuyết với Tiến Sĩ Kissinger để đạt đến hiệp định hòa bình Paris năm 1963) với hai phụ tá cao cấp đặc trách về thương thuyết của Hoa Kỳ.

Để thương thuyết với Hà Nội, Tổng Thống Johnson đã cử Averill Harriman và Cyrus Vance, Harriman, con người từng được mọi người biết đến về những thành quả ngoại giao của ông tại Đông Dương. Dưới thời Tổng Thống Kennedy, ông chủ trương hình thành một chính phủ liên hiệp với cộng sản tại Lào. Điều đó có nghĩa là để cho Hà Nội kiểm soát đường mòn Hồ chí Minh, có khả năng chuyển vận tiếp liệu và quân đội của họ vào Miền Nam Việt Nam và Hà Nội luôn ở thế thượng phong trong cuộc chiến để đánh thắng Hoa Kỳ sau này. Hà Nội không bao giờ tôn trọng Lào là một quốc gia trung lập như Harriman đã từng tốn công sức để đạt được thỏa ước như thế.

Rồi mùa Thu năm 1963, lúc bấy giờ ông ta là phụ tá Bộ Trưởng Ngoại Giao Đặc Trách vấn đề Đông Á. Harriman là người bật đèn xanh nhằm báo hiệu sự đồng ý của chính phủ Hoa Kỳ trong cuộc đảo chánh nhằm lật đổ chính phủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Và năm 1969 vai trò của Harriman lại ở một vị trí quan trọng hơn những lần trước. Ông ta được xem như một đảng viên đảng Dân Chủ hàng đầu và đã đạt được những thành quả to lớn

qua vai trò thương thuyết với những chế độ cộng sản. Với sự lượng giá quá cao về thực chất ở con người ông, Harriman đã trở thành nhân tố chính để cung cấp cho Tổng Thống Johnson những gì cần đến tại bàn hội nghị với Hà Nội.

Thật ra các cuộc thảo luận đã diễn ra từ mùa Hè 1968. Bởi vì, Harriman đã chuẩn bị, ông ta phải đạt được thỏa ước với Hà Nội trước cuộc bầu cử Tổng Thống vào tháng 11 để cho đảng Dân Chủ của ông tiếp tục làm chủ Tòa Bạch Ốc. Cẩn thận hơn, Harriman đã chỉ thị người phụ tá của ông, Cyrus Vance rời Paris trở về Washington để vận động chính phủ, đưa ra những đề nghị mới uyển chuyển hơn nhằm thỏa mãn những đòi hỏi của Hà Nội.

Trong cuộc trà đàm hôm 9 tháng 10 năm 1968, nhà ngoại giao Bắc Việt đã hỏi Vance về chuyến trở về Washington vừa qua của ông. Vance cho biết đã gặp Tổng Thống Johnson, Bộ Trưởng Ngoại Giao Rusk để tường thuật những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm và đã thảo luận tại Paris.

Harriman và Vance đã cố tình lập lại nhiều lần để phía Hà Nội hiểu rằng chính phủ Sài Gòn chỉ tham dự vào các cuộc thương thuyết sau khi Hoa Kỳ đã ngừng oanh tạc, rằng Washington sẽ sẵn sàng mở rộng cuộc hòa đàm để các phe có thể thảo luận về thể chế chính trị tương lai tại Miền Nam Việt Nam, và rằng đồng ý để cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam hay một tổ chức nào khác mà Hà Nội đưa ra được tham dự cùng phía với Hà Nội tại bàn hòa đàm. Hà Nội đã được biếu tặng tất cả những gì họ mong đợi.

Lê Đức Thọ hoan hỉ tuyên bố: “Nếu các ông muốn thảo

luận về vấn đề này, chúng tôi sẽ chuẩn bị”. Rồi ông ta thêm, vấn đề hệ trọng ấy không nên thảo luận tại khách sạn Majestic này. Hai bên đồng ý sẽ gặp lại vào ngày thứ sáu lúc 9 giờ 30 sáng 11 tháng 10.

Bunker cảm thấy e ngại về các nhà thương thuyết Hoa Kỳ tại Paris. Ngay từ lúc khởi đầu, họ đưa ra những đề nghị quá dễ dàng với Hà Nội và chắc chắn phía cộng sản sẽ chẳng dừng ở những điểm mà Hoa Kỳ đã nêu ra trong phản đề nghị của họ. Trong hồi hải để đạt được sự mong muốn, các nhà ngoại giao chuyên nghiệp Hoa Kỳ đã hy sinh tương lai của dân chúng Miền Nam Việt Nam để đổi lấy sự đồng thuận của Hà Nội.

Trong tháng 8, do lời mời của vị Cố Vấn Quân Sự trong Đoàn thương thuyết Hoa Kỳ, Bunker đã đến Paris. Vị Tướng lĩnh này đã xác định những điều mà Bunker từng lo âu: Viên chức trọng yếu thương thuyết của Hoa Kỳ, Averill Harriman, quả thật tìm mọi cách để có được một chung cuộc, Harriman, con người cốt cán của đảng Dân Chủ, lo ngại ứng cử viên của đảng Cộng Hòa Richard Nixon sẽ thắng trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1968. Và trong trường hợp ấy thì cơ hội để cho Harriman kết thúc cuộc chiến sẽ chẳng bao giờ còn nữa.

Ellsworth Bunker cũng muốn chiến tranh chấm dứt nhưng đồng thời không ngu xuẩn để cho những dòng máu đã chảy ra trở nên uổng phí, để cho những của cải vật chất và những sinh mạng đã hy sinh vì mưu tìm một nền công lý cho dân chúng Miền Nam Việt Nam trở thành vô ích. Ellsworth Bunker đã từng bày tỏ sự chống đối về thái độ hấp tấp này của Harriman khi họp với Tổng Thống Johnson vào tháng 8 qua tại Hawaii.

Bunker hồi tưởng rằng mục tiêu của Hà Nội tại bàn thương thuyết không phải để mưu tìm những nguyện vọng thân thiết của dân chúng Miền Nam Việt Nam mà là để phục vụ tham vọng quyền lực của đảng cộng sản. Nếu đặt quyền lợi của dân chúng Miền Nam là mục tiêu tối hậu mà Hà Nội đã từng rêu rao thì trận chiến và cuộc thương thuyết không còn là điều cần thiết xảy ra. Hà Nội hãy để thực trạng chính trị tại Miền Nam diễn tiến phản ánh đúng nguyện vọng mà người dân Miền Nam đã chọn lựa.

Hiểu rõ những nguy trá của những người cộng sản, Ellsworth Bunker đã tự khẳng định, Hà Nội chỉ lợi dụng cuộc thương thuyết với Hoa Kỳ để áp đặt một guồng máy chính trị tại Miền Nam theo quan điểm của họ. Tiếng nói về mặt ngoại giao và kể cả mặt công pháp quốc tế của Hà Nội nếu mỗi ngày càng lớn dần thì ngược lại, tính cách hợp pháp của chính quyền Miền Nam Việt Nam ngày càng giảm đi và vai trò của người Việt Quốc Gia ngày càng kém thế dần. Đúng hơn, Hà Nội tìm mọi cách để Hoa Kỳ phải bỏ rơi Miền Nam.

Trái với cách nhìn của Bunker, Harriman và Vance có tầm nhìn chiến lược thật hạn hẹp. Ngay khởi đầu cuộc thương thuyết, tương lai Miền Nam Việt Nam đã mang ra đặt trên bàn thương thuyết. Cả hai ông không hiểu và cũng chẳng có viễn kiến bảo vệ tương lai Miền Nam là mục tiêu tối hậu của Hoa Kỳ và cũng chính vì thế mà Hoa Kỳ đã hỗ trợ Miền Nam để chặn đứng tham vọng của Hà Nội. Với sự thiếu kiên nhẫn của hai nhà ngoại giao Hoa Kỳ, Hà Nội đã ngồi vào bàn thương thuyết ở thế thượng phong.

Ngày 11 tháng 10 cuộc họp giữa hai bên Washington

và Hà Nội, được tổ chức tại một ngôi nhà ở Paris gần Sceaux. Xuân Thủy của Hà Nội bắt đầu bằng cách yêu cầu Vance lập lại những điều mà Vance đã nói trong buổi trà đàm hôm thứ tư về các phe Việt Nam cùng dự thương thuyết. Vance đọc lại tóm lược lần trước. Lê Đức Thọ nêu ra hai câu hỏi: Thứ nhất, liệu Hoa Kỳ có ngưng oanh tạc Miền Bắc Việt Nam hay không, khi nào thì Hoa Kỳ xác định chắc chắn, Miền Nam Việt Nam sẽ tham dự chung cuộc hòa đàm, chỉ khi nào cuộc oanh tạc ngưng hẳn. Thứ hai, liệu Hoa Kỳ có xem xét Hà Nội phải đáp ứng những gì được xem như một “điều kiện” hay một hành động để đổi lấy việc ngưng oanh tạc.

Harriman và Vance trả lời câu hỏi thứ hai của Thọ vừa nêu ra trước, rằng Hoa Kỳ sẽ không xem sự trả lời đó là một điều kiện để đổi lấy một hành động tương phản, rằng như nhiều lần phía Hoa Kỳ đã từng nêu ra, một cuộc đàm phán theo nghĩa “ngghiêm chỉnh” không thể có được một khi chính phủ Sài Gòn không có mặt cùng với phía Hoa Kỳ. Trở lại câu hỏi thứ nhất của Thọ, khi nào thì ngưng cuộc oanh tạc toàn diện tại Miền Bắc, Harriman và Vance nói chờ có sự quyết định của Washington.

Quay sang thảo luận những vấn đề liên quan đến cái gọi là “điều kiện”, Phái Đoàn Mỹ cho biết: “Điều quan yếu phải hiểu rằng, chúng ta không bàn thảo đến những hành động tương phản hay điều kiện, mà là nhìn vào một thực tiễn thật đơn giản là sau khi ra lệnh ngưng oanh tạc toàn diện, Tổng Thống Hoa Kỳ muốn nhìn thấy hành động đối phương diễn tiến đến mức độ nào và tùy theo sự kiện đó mà duy trì cuộc ngưng ném bom hay cứ tiếp tục, Hoa Kỳ không tìm kiếm những điều kiện ràng buộc trong việc

ngưng oanh tạc, nhưng như đã trình bày, xem đó là một tình huống tốt tạo điều kiện thuận lợi cho một cuộc đàm phán nghiêm túc. Các ông nên hiểu rằng, vì vậy, chúng ta cần phải có những cuộc thảo luận riêng rẽ giữa chúng ta liên quan đến những hoạt động quân sự quanh Vùng Phi Quân Sự. Vì đó là điều kiện thiết yếu để duy trì việc ngưng oanh tạc lâu dài. Và tất nhiên các ông biết, những cuộc thảo luận của chúng ta cũng không loại trừ vấn đề việc các ông tung ra những đợt tấn công vào các Thành Phố. Rõ ràng một diễn tiến như thế không thể tạo nên một cuộc đàm phán ngay thẳng và dĩ nhiên cũng không thể duy trì một cuộc ngưng oanh tạc lâu dài”.

Lê Đức Thọ cho biết phái đoàn ông ghi nhận những điều mà phía Hoa Kỳ đưa ra việc ngưng oanh tạc và tất cả những hành động khác về chiến tranh không bị ràng buộc bởi một điều kiện nào. Thọ tiếp, giả thử Hà Nội đồng ý Sài Gòn được tham dự vào cuộc hòa đàm sau khi Mỹ ngưng oanh tạc thì các ông cũng không thể xác định điều đó ngay. Các ông phải tường trình về Washington.

Harriman và Vance xác định việc ngưng oanh tạc chỉ có Tổng Thống Johnson quyết định. Rồi phía Mỹ hỏi Thọ, thế nhưng tại sao ngay bây giờ ông không khẳng định là Sài Gòn được tham dự vào cuộc hòa đàm?

Thọ đáp lại, Hà Nội không biết chắc chắn là liệu Hoa Kỳ có chịu ngưng oanh tạc hay không, do đó mà ông ta không thể xác định ngay Sài Gòn được tham dự. Thọ đồng ý việc ngưng oanh tạc của Hoa Kỳ không ràng buộc phía Hà Nội phải có hành động hỗ tương. Nhưng Thọ hỏi lại, nếu có điều kiện đòi hỏi về phía Hoa Kỳ khi Hà Nội đồng ý để Sài Gòn tham dự thì sao? Nếu phía Hoa

Kỳ chấp nhận, Thọ nói, ông ta sẽ chuẩn bị để thảo luận về vấn đề này. Nhưng trước hết, Thọ muốn biết, liệu Hoa Kỳ có ngưng cuộc ném bom hay không nếu Hà Nội chính thức xác định câu hỏi là Sài Gòn được tham dự vào cuộc hòa đàm.

Tại sao Thọ lại đòi hỏi phải có hành động hỗ tương khi Hà Nội chấp nhận Sài Gòn được ngồi vào bàn hội nghị để thảo luận về tương lai của Miền Nam Việt Nam đối lại việc Hoa Kỳ đồng ý ngưng oanh tạc hoàn toàn ở Miền Bắc? Theo tôi, mưu đồ của Thọ, Hà Nội nhận được một nhượng bộ cụ thể trước mắt, biến Sài Gòn trở thành công cụ của Hoa Kỳ và vì thế, chính nghĩa của chính phủ Miền Nam Việt Nam mất đi, điều đó có nghĩa là biện minh việc xâm lăng của Hà Nội vào Miền Nam là hợp pháp.

Harriman và Vance liền hỏi Thọ, nếu Hoa Kỳ đồng ý trước việc ngưng ném bom thì các ông có trả lời ngay là đồng ý để Sài Gòn ngồi vào bàn thương thuyết hay không?

Thọ hỏi ngược lại, là các ông đang phân vân, nếu phía Hà Nội đồng ý để Sài Gòn tham dự thì liệu có gì bảo đảm để Hoa Kỳ ngưng oanh tạc hay không?

Harriman và Vance, lại một lần nữa, xác định, câu trả lời ngoài thẩm quyền của hai người.

Xuân Thủy muốn đưa thêm ra một suy nghĩ: Nếu Hà Nội trả lời câu hỏi mà phía Hoa Kỳ đặt ra trước và Harriman và Vance tường trình về Washington và khi Hoa Kỳ biết là Hà Nội đã trả lời thì đặt thêm ra những điều kiện khác, đồng thời dùng câu trả lời của Hà Nội vào mục tiêu tuyên truyền, thì sao?

Cả hai ông Harriman và Vance đều đáp, Hoa Kỳ không bao giờ làm điều ấy. Và hỏi lại, liệu các ông có đồng ý, nếu

chúng tôi tường trình về Washington, Hà Nội có thể chấp nhận, theo lời yêu cầu của Hoa Kỳ, chính phủ Sài Gòn được tham dự vào cuộc thương thuyết liên sau khi cuộc oanh tạc hoàn toàn ngưng.

Thọ đề nghị Harriman và Vance chuyển về Washington câu hỏi sau đây: Nếu Hà Nội chấp nhận sự tham dự của chính phủ Sài Gòn vào cuộc hòa đàm thì Tổng Thống Johnson có lập tức ra lệnh ngưng oanh tạc hay không?

Harriman và Vance nói, phía Hoa Kỳ mong muốn phía Hà Nội xác định ngay tại bàn hội nghị, Sài Gòn được chấp nhận tham dự nếu Hoa Kỳ ngưng ném bom Bắc Việt.

Lê Đức Thọ đáp lại: “Cũng thế thôi” (It is the same thing). Harriman hỏi Thọ giải thích thêm về câu hỏi vừa rồi, Thọ đáp: “Bản chất giống nhau”.

Kết thúc buổi họp, Thọ phát biểu: “Khi có sự trả lời của các ông, chúng tôi lập tức nghiên cứu. Chúng tôi không dành thế chủ động, và mong các ông cũng thế. Nếu phía tôi có, các ông không, hay ngược lại, rồi ra, sẽ không có một tiến triển nào có thể đạt được”.

Lượng giá những điều Hà Nội nêu ra trong phiên họp “trà đàm” hôm 9 tháng 10, và trong phiên “gặp gỡ riêng” ngày 11 tháng 10, Bunker cho rằng Hà Nội đang chuyển hướng, đưa mục tiêu cuộc chiến tại chiến trường sang bàn hội nghị. Liên đó, Bunker đã đưa ý kiến của ông về Washington rằng việc Hoa Kỳ ngưng oanh tạc hoàn toàn ở Miền Bắc có thể làm cho chính phủ Miền Nam Việt Nam e ngại, thế nhưng không ảnh hưởng to lớn đến tiềm năng chiến đấu. Lực lượng Đồng Minh vẫn ở thế chủ động tại Miền Nam.

Ngày 1 tháng 11, chính phủ Miền Nam bắt đầu mở

chiến dịch phản công lan rộng cả nước. Abrams và Bunker đều cho rằng Hà Nội không còn đủ khả năng để mở ra cuộc tấn công quy mô trong hai hay ba tháng sắp đến bởi vì họ cần dưỡng quân và chờ tiếp liệu.

Cuối phần nhận định, Bunker nói: “Chúng ta không muốn họ tạo ấn tượng để mọi người nghĩ rằng, cuộc chiến của chúng ta đã qua hay lực lượng quân sự của Bắc Việt đã hoàn toàn bị tan rã. Họ có niềm tin điên cuồng để thúc đẩy việc làm của họ. Họ sợ hãi sẽ bị ngược đãi hay trả thù tại miền Nam cũng như Miền Bắc một khi họ là kẻ thua trận. Họ là những con người lấy đấu tranh, cách mạng làm lẽ sống, là lý tưởng. Họ là những con người đã lặn lội đầu tư mạng sống và hy vọng chính họ trong nhiều năm, và với truyền thống tuân thủ kỷ luật của người Á Châu, với đôi vợ chồng phải đều là đảng viên đảng cộng sản mới được sống chung, tất cả những yếu tố ấy đã thúc đẩy Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lao vào cuộc chiến bất tận. Trước đây, Hà Nội xem vai trò chính trị là thứ yếu bởi họ nghĩ họ có thể chiến thắng bằng quân sự, ngày nay, vai trò chính trị được nâng lên hàng đầu, thế nhưng quân sự vẫn đóng giữ vai trò hỗ trợ mục tiêu của họ.

THƯỜNG THUYẾT TRONG THƯỜNG THUYẾT

Do kết quả trong phiên họp giữa Hoa Kỳ và Hà Nội hôm 11 tháng 10 tại Paris, Washington đã yêu cầu Bunker báo tin cho Tổng Thống Thiệu biết qua tiến triển phiên họp, Hà Nội bắt đầu chịu ngồi vào bàn hội nghị một cách nghiêm chỉnh và Tổng Thống Johnson hân hoan vì sự có mặt của Sài Gòn trong cuộc hòa đàm này. Vì thế mà Washington mong muốn cả hai Tổng Thống Thiệu và

Johnson cùng đưa ra một bản công bố chung về cuộc đàm phán hòa bình với phía cộng sản. Thiệu nói với Bunker rằng ông ta đồng ý.

Ellsworth Bunker đề nghị Thiệu nên thảo luận với thành phần Nội Các để đưa ra những chi tiết cho từng giai đoạn trong cuộc hòa đàm. Điểm mà Bunker vừa nói với Thiệu trái với chỉ thị từ Washington. Qua Bunker, Washington muốn Thiệu không đưa ra những triển khai của ông về cuộc hòa đàm cho đến khi Washington yêu cầu.

Vào chiều chủ nhật ngày 13 tháng 10, một cuộc trao đổi kéo dài 1 giờ rưỡi diễn ra tại Dinh Độc Lập giữa Tổng Thống Thiệu và Bunker cùng Tướng Abrams và Phó Đại Sứ Samuel D. Berger nhằm để duyệt xét những tiến triển đã đạt được tại Paris trong vài ngày vừa qua. Bunker trình bày, Washington tin tưởng Hà Nội quyết định ngồi vào bàn thương thuyết đúng đắn bởi vì lực lượng quân sự của Bắc Việt tại Miền Nam Việt Nam cũng như lực lượng việt cộng đã bị tổn thất nặng nề trong suốt năm 1968. (Ghi chú của người dịch: Trong cuộc hội thảo về cuộc tổng tiến công và nổi dậy do cộng sản Việt Nam tổ chức ngày 12 tháng 3.1998 tại Dinh Độc Lập cũ ở Sài Gòn, thuyết trình viên là trung tướng Lê đình Ước, viện trưởng viện lịch sử quân sự Việt Nam đã đọc bản nhận định của bộ chính trị cộng đảng Việt Nam về cuộc tấn công Mậu Thân như sau: “Sai lầm lớn về chỉ đạo chiến lược là sau thắng lợi của cuộc tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân, ta đã không kịp thời chuyển hướng tấn công, vẫn tiếp tục đẩy cuộc chiến tranh cách mạng vào Thành Thị, dẫn đến những tổn thất về thể và lực khiến tình hình khó khăn

kéo dài cho mãi đến đầu năm 1970 mới từng bước phục hồi, ổn định”)

Tướng Abrams đồng ý là lực lượng cộng quân bị suy yếu nhiều như Bunker vừa trình bày, và tiếp: “Lực lượng chúng ta mạnh hơn bao giờ và địch quân lại yếu hơn bao giờ hết”.

Điều chủ yếu mà Tổng Thống Thiệu quan tâm là liệu Hà Nội có thật sự thảo luận với chính phủ của ông một cách thành thật hay không? Bunker đáp lại: Washington tin tưởng đã đến lúc có những cuộc đàm phán nghiêm túc, nhưng điều ấy có thật sự xảy đến hay không thì phải chờ khi có những buổi thảo luận sắp tới.

Rồi Thiệu nói, cho đến lúc nào Hoa Kỳ còn tiếp tục duy trì lực lượng quân sự trong thế phản công tại Miền Nam Việt Nam và xác định sẽ tái oanh tạc Miền Bắc nếu Hà Nội vi phạm Vùng Phi Quân Sự hoặc tấn công vào các Thành Phố Miền Nam thì ông mới đồng ý cùng Hoa Kỳ đưa ra lời tuyên bố chung về cuộc đàm phán.

Thiệu giải thích cho ba vị khách Hoa Kỳ này biết: “Cuối cùng, vấn đề chính không phải là việc ngưng ném bom Bắc Việt mà là ngưng chiến tranh. Chúng ta thử đưa ra những lời tuyên bố như thế để xem Hà Nội nghiêm chỉnh đến độ nào”.

Bunker xác định rõ một bản tuyên bố chung như thế sẽ không đưa ra một điều kiện nào và cũng không đòi hỏi phía Hà Nội phải có hành động hỗ trợ nào liên hệ đến vấn đề ngưng oanh tạc. May mắn thay là Thiệu đã đồng ý cùng đưa ra lời tuyên bố của Tổng Thống Johnson về việc ngưng oanh tạc, Hà Nội đã bắt đầu họp với Hoa Kỳ và chính phủ Miền Nam Việt Nam tại Paris.

Ellsworth Bunker hoàn toàn ngạc nhiên về thái độ chấp nhận nhanh chóng của Thiệu trước những đề nghị của phía Hoa Kỳ. Washington tưởng rằng Thiệu sẽ cố tình trì hoãn và chậm trả lời.

Harriman và Vance họp lại với Bắc Việt vào ngày 15 tháng 10 đưa ra đề nghị, nếu Hà Nội tuyên bố đồng ý để Sài Gòn tham dự vào cuộc đàm phán thì, thứ nhất, Hoa Kỳ sẽ ra lệnh ngừng oanh tạc Miền Bắc ngay ngày hôm sau, thứ hai, cuộc đàm phán sẽ được diễn ra vào ngày sau tiếp.

Ngày 17 tháng 10, cuộc chạy đua tranh ghế Tổng Thống Hoa Kỳ cho thấy ứng cử viên đảng Dân Chủ Hubert Humphrey đang bị đứng sau ứng viên đảng Cộng Hòa Richard Nixon. Để chuẩn bị đưa ra lời tuyên bố chung, Thiệu và các cộng sự viên cao cấp của ông đã không thiếu sự duyệt xét đến sự kiện ấy.

Sự kiện này lại trở thành lớn chuyện khi Thiệu nêu vấn đề cần phải quan tâm đến danh từ “vòng tròn mở rộng”. Thiệu, ông ta không phải là nhà độc tài, cũng chẳng phải đòi hỏi những điều kiện gì quá đáng, mà chỉ muốn giảm thiểu sự phụ thuộc giữa Miền Nam với Hoa Kỳ qua bản tuyên bố chung. Cao điểm của sự căng thẳng đã đến với Bunker vào lúc 11 giờ đêm ngày 15 tháng 10 khi Washington đưa ra thời điểm để Bunker phải thi hành liền ngay khi cuộc điện đàm chấm dứt.

Ellsworth Bunker lại bị dựng dậy vào lúc 3 giờ 15 sáng ngày 16 tháng 10 và đúng 5 giờ rưỡi sáng, ông đã thay quần áo để sửa soạn đi gặp Thiệu. Đôi lúc, Bunker nghĩ, Washington đã ngập chìm với cách cư xử trong một thế giới quá giản dị hay hơn thế nữa, trong trạng thái bất cần,

của một kẻ có nhiều quyền lực. Lẽ tất nhiên những bất đồng cũng xuất phát từ Sài Gòn bởi vì đã có 12 lần xảy ra sự khác biệt quan điểm giữa hai Thủ Đô. Vì thế mỗi khi Washington gặp phản ứng thì mọi việc xảy ra đổ dồn Bunker và Bộ Tham Mưu của ông, dù là ban đêm.

Sau đó Bunker gọi điện thoại cho Thiệu vào 7 giờ sáng ngày 16 tháng 10 (giờ Sài Gòn) để thảo luận về bản dự thảo chung có thể công bố nếu Hà Nội đồng ý những điều Hoa Kỳ đã nêu ra. Thiệu đã không chấp nhận một số điểm phụ thuộc trong bản dự thảo và xác định rằng ông ta sẽ có một bản tuyên bố riêng cho đồng bào Miền Nam Việt Nam của ông nhưng sẽ tránh không đề cập gì đến việc “điều kiện” hay những hành động hỗ tương của phía Bắc Việt.

Thiệu sau đó họp với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và hai vị Chủ Tịch lưỡng Viện Quốc Hội. Phó Tổng Thống Kỳ cần xem bản dự thảo tuyên bố chung. Ông ta đọc chậm cho mọi người có mặt cùng nghe rồi nói: “Chúng ta không thể chấp nhận bản dự thảo này được. Nó mơ hồ quá”.

Theo Kỳ, hiện trạng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không rõ nghĩa: “Chúng ta phải phân biệt những vấn đề căn bản này trước khi chúng ta đồng ý đến Paris”. Đặt vấn đề hợp pháp của một mặt trận chính trị do Hà Nội dựng lên tại Miền Nam Việt Nam, Kỳ đã gián tiếp đòi hỏi một sự tái xác định hiện trạng hợp pháp của chính phủ Sài Gòn tại Miền Nam Việt Nam. Kỳ đã đòi hỏi kết quả chung cuộc của sự thương thuyết được giải quyết, trước khi có cuộc thảo luận được bắt đầu, đó là một câu hỏi không tưởng nhưng lại là một toan tính nhằm cảnh giác

Thiệu, người đã tuyên thệ bảo vệ chính quyền Sài Gòn trước sự xâm lăng của cộng sản.

Thiệu sau đó nói với Bunker: “Ông đã đặt tôi vào tình huống khó khăn vô cùng khi gặp tôi hôm sáng sớm ngày thứ tư (16 tháng 10 lúc 7 giờ sáng)”. Rồi tiếp: “Ông hãy hỏi Hà Nội, nếu họ đồng ý trả lời thì bản tuyên bố chung ngưng oanh tạc chỉ cần mất trong vài giờ là xong. Tôi giữ lời ông yêu cầu là không phổ biến đến bất cứ ai (dự trù trong trường hợp Hà Nội không chấp nhận) và chính tôi sẽ nghiên cứu và chấp nhận phần lớn những hệ trọng liên quan đến xứ sở tôi mà không ai được quyền biết. Tôi cũng sẽ giải thích cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia biết về sự khó khăn đặc biệt trong trường hợp này. Nếu tiết lộ, chỉ trong vài giờ những dự phóng và tin đồn sẽ đến ngay Paris, đến ngay Washington, đến ngay tại đây và bất cứ nơi nào. Đồng bào chúng tôi phần lớn đều nhạy cảm và cũng không hiểu rõ các sự kiện được. Tôi ở trong một tình huống thật khó khăn và cần phải tuyên bố lên điều gì để trấn an sự sợ hãi và thất vọng của họ. Sau phiên họp với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, mọi chuyện đã bị tiết lộ ra ngoài, và nếu tôi cùng Thủ Tướng chấp nhận nguyên tắc đến hội nghị mà không xác định rõ hiện trạng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì phản ứng bạo động có thể xảy ra ngay tại đây. Đã có những tin đồn như dân chúng xuống đường biểu tình chống chính phủ, và Kỳ ra lệnh ném bom Dinh Độc Lập nếu chấp nhận bản dự thảo ấy. Tin đồn sẽ ám sát tôi và nhiều chuyện khác nữa...”

Ở những ngày đầu tháng 3, Bunker đã thông báo về Wasington. Thiệu sẽ bằng mọi cách để giữ mối liên hệ chặt chẽ với Hoa Kỳ một khi những đề nghị tiên khởi về

cuộc hòa đàm ở phía Hoa Kỳ ông ta cảm thấy chấp nhận được, dù Kỳ có làm bất cứ điều gì. Thực tế, bản thảo tuyên bố chung, đã không xác định rõ ràng về hiện trạng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, điều này đã tạo nên phần lớn dân chúng Miền Nam Việt Nam lo sợ Hoa Kỳ sẽ bỏ rơi họ và chính Kỳ gần đây cũng đưa ra cùng nhận định như thế trước công luận.

Trong tháng 10, tin đồn đảo chánh lật đổ Thiệu được loan truyền rộng rãi trong dân chúng. Một tin đồn ở Sài Gòn cho biết. Tổng Thống tranh cử Nixon hỗ trợ cho một lãnh tụ Đại Việt đang có kế hoạch đảo chánh. Một tin đồn khác, Tổng Thống Johnson cũng ra lệnh làm cuộc đảo chánh để sau đó hình thành một chính phủ liên hiệp nhằm giúp ứng cử viên Tổng Thống Dân Chủ Humphrey. Lại một nguồn đồn đại khác, những nhân vật cao cấp Việt Nam ủng hộ Nixon tự làm một cuộc đảo chánh nhằm để chúng tỏ Sài Gòn không ổn định, đảng Dân Chủ lãnh đạo không đủ uy tín tại Việt Nam và cuối cùng là giúp Nixon trong cuộc tranh cử. Ngày 8 tháng 10, Thiệu đặt Quân Đội trong tình trạng báo động, chuẩn bị đối đầu, mà tin đồn đã lan rộng khắp nơi, là những phần tử Công Giáo chống cộng và lực lượng Không Quân đang sắp sửa bạo động.

Tại Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 10, Mc George Bundy đã đưa ra lời kêu gọi xuống thang chiến tranh. Bundy đã từng đóng vai trò chủ yếu trong việc thiết lập chính sách, Quân Đội Hoa Kỳ phải trực diện cuộc chiến tại Việt Nam, nay thì chính ông là người kêu gọi giải giới cuộc chiến.

Bunker lại gọi lần nữa cho Thiệu vào trưa ngày 16 tháng 10, ngay sau khi Thiệu họp xong Hội Đồng An

Ninh Quốc Gia. Vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam đã nói với Bunker, tất cả thành viên trong Hội Đồng đều nghiên cứu và rất quan tâm vai trò của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại bàn hội nghị. Thiệu nói, điều quan trọng nhất mà mọi thành viên trong Hội Đồng An Ninh Quốc Gia lưu ý là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ phản bội chiêu bài mà họ đã từng dựng ra để trở thành một phần tử của cộng sản Hà Nội. Chính phủ Miền Nam Việt Nam sẽ bị tổn thương đến mức nào và phải đối phó ra sao, giả thử, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có cờ riêng, băng tên riêng và những dấu hiệu khác riêng được sắp xếp ngồi đối diện với chúng tôi, còn Hà Nội ngồi đối diện với Hoa Kỳ. Điều đó có nghĩa là Hà Nội và Hoa Kỳ thương thuyết với nhau trên bình diện cả nước Việt Nam, còn Miền Nam Việt Nam và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ thương thuyết nửa nước Miền Nam mà thôi.

Bunker đáp lại, chính phủ Hoa Kỳ rất quan tâm đến việc Hà Nội cố dùng chiến thuật để tạo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có một vị trí biệt lập. Chính vì thế mà ngay từ đầu, Hoa Kỳ đã dùng danh từ phía chúng tôi, phía các ông” (our side, your side) như một thực thể để không xác định vai trò rõ ràng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Bunker cũng nói thêm rằng, với sự có mặt của Phái Đoàn Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam tại bàn hội nghị, chúng ta có thể chặn đứng những mưu toan mà Hà Nội cố áp đặt cho vai trò Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

May sao, sự bất đồng giữa Sài Gòn và Washington còn đang gay go thì cũng là lúc Hà Nội chưa chịu đến bàn hội nghị, Hà Nội không chấp nhận những yêu cầu mà Harriman đưa ra. Xuân Thủy đòi hỏi Hoa Kỳ phải ngưng

ném bom ngày hôm trước rồi hôm sau gặp Hà Nội để thảo luận. Hà Nội muốn đặt việc ngưng ném bom của Hoa Kỳ như một hành động vô điều kiện. Hà Nội cũng không đồng ý để Sài Gòn tham dự vào cuộc thương thuyết ngay từ đầu. Bắc Việt muốn đổ máu thêm nữa trên chiến trường để gây sự chú ý trong cuộc tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ.

Harriman và Vance trả lời, Hà Nội đã được ra một điều kiện mới thêm nữa và Hoa Kỳ không thể chấp nhận được. Hoa Kỳ đòi hỏi, Sài Gòn phải hiện diện ngay khi cuộc thương thuyết bắt đầu sau cuộc ngưng oanh tạc. Xuân Thủy nói sẽ tường trình về chính phủ Hà Nội về đòi hỏi này.

Tại Sài Gòn, vấn đề tối mật về cuộc thương thuyết đã bị tiết lộ, xuất phát từ phía chính phủ của Thiệu. Sau khi họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam Việt Nam đã thông báo cho các vị đại diện các nước Đồng Minh có quân tham chiến, là Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam đang duyệt xét về việc có thể ngưng oanh tạc Bắc Việt (điều này chính phủ Hoa Kỳ chỉ giới hạn thông báo đến những vị lãnh đạo cao cấp nhất các nước Đồng Minh mà thôi).

Nhân viên Tòa Đại Sứ phải vội vàng dàn xếp và trình bày phía Sài Gòn những vấn đề hòa đàm nên công bố chỉ khi nào đã bắt đầu tại Paris. Bunker cũng yêu cầu Thiệu giữ kín những tin tức tối mật như vậy.

Mặc dù thế, nhiều tin tức lan tràn khắp Sài Gòn về việc sắp sửa ngưng oanh tạc. Rồi thì từ đó suy diễn, đồn đãi ra những tin khác, việc ngưng bắn có thể diễn ra, việc trở lại Paris của Lê Đức Thọ, sau khi quay về Hà Nội, việc Bunker có hai cuộc họp với Tổng Thống Thiệu hôm 16 tháng 10.

Đêm 17 tháng 10, Bunker đã họp với Thiệu cùng sự có mặt của Bộ Trưởng Ngoại Giao và Cố Vấn Tổng Thống Nguyễn Phú Đức. Phía Hoa Kỳ tường trình là Hà Nội vừa rồi lại đưa ra đề nghị không muốn phía Sài Gòn có mặt tại cuộc hòa đàm Paris. Và phái đoàn Hoa Kỳ đòi hỏi chính phủ Miền Nam phải được tham dự như một điều kiện để ngưng oanh tạc. Thiệu hài lòng về đòi hỏi này của Hoa Kỳ. Ông ta nhấn mạnh, chính phủ của ông quả thật phải đương đầu với nhiều khó khăn một khi Hoa Kỳ ngưng oanh tạc, và cuộc thương thuyết tại Paris diễn ra chỉ có Hoa Kỳ và Việt cộng còn phía chính phủ Việt Nam Cộng Hòa không có quyền tham dự.

Tiếp tục chuẩn bị để bắt đầu các cuộc thương thuyết toàn diện, Bunker nghiên cứu những đề nghị của Thiệu thay đổi trong bản tuyên bố chung. Bunker tin rằng, rồi ra phía Hà Nội cũng phải chấp nhận những đề nghị của phía Hoa Kỳ để đổi lại việc ngưng oanh tạc và bản tuyên bố chung hẳn phải đưa ra liền ngay khi Hà Nội đồng ý Ellsworth Bunker một lần nữa yêu cầu Thiệu hãy giữ kín những điều đã được thảo luận để tránh những sự suy diễn tạo nên sự hoang mang về phía chính phủ Sài Gòn.

Ngày 18 tháng 10, Bộ Trưởng Ngoại Giao chính phủ Miền Nam đã báo cho vị cố vấn chính trị Hoa Kỳ biết là Tổng Thống Thiệu quyết định, chính phủ Sài Gòn sẽ không tham dự bất cứ một cuộc đàm phán nào tại Paris một khi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được xem như một thành phần riêng rẽ. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ có thể tham dự với tư cách, theo nguyên tắc “phía bên kia”.

Ngày 19 tháng 10, Thiệu tổ chức một cuộc họp báo tại

nơi nghỉ mát thuộc Thành Phố biển Vũng Tàu. Những lời lẽ ông ta đưa ra sau cuộc họp báo, được tường thuật và tạo nên ấn tượng như thể ông ta là một trợ ngại chính cho cuộc hòa đàm. Thật ra những nhận định của Thiệu đã bị diễn đạt thiếu đúng đắn. Thiệu chỉ đưa ra: Chưa đạt được những thỏa thuận căn bản giữa Hoa Kỳ và Hà Nội. Sài Gòn sẽ không xem Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và cũng không bao giờ thương thuyết nếu Mặt Trận Giải Phóng là thành phần riêng biệt hay một chính phủ tại bàn hòa đàm. Sài Gòn không phản đối nếu Mặt Trận Giải Phóng được xem là ở phía Hà Nội.

Hoa Kỳ vẫn luôn luôn tham khảo với Sài Gòn nhưng chính phủ Thiệu không được biết những chi tiết cụ thể ở những cuộc họp tại Paris. Trớ ngại chính trong việc ngưng oanh tạc Bắc Việt là do Hà Nội chứ không phải Sài Gòn. Hà Nội phải thảo luận trực tiếp với chính phủ Miền Nam Việt Nam và mặc dù Sài Gòn không có quan hệ ngoại giao với Hà Nội, Thiệu muốn thảo luận với những nhà lãnh đạo miền Bắc Việt Nam, những người đã tạo nên cuộc xâm lăng tại Miền Nam Việt Nam.

Cuối cuộc họp báo, Thiệu đã từ chối trả lời những câu hỏi liên quan đến những cuộc họp của ông ta với Bunker. Thiệu cũng đã không bình luận gì về những đồng ý hay bất đồng giữa Sài Gòn và Washington liên quan đến cuộc thương thuyết tại Paris.

Khi Hoa Kỳ hỏi ý kiến những gì Thiệu nói trước công chúng chung quanh về sự bắt đầu cuộc đàm phán, Ellsworth Bunker trả lời, những điều Thiệu đưa ra chỉ nhằm trấn an đồng bào của ông, không đả kích vị trí khác biệt giữa Hoa Kỳ và Sài Gòn, thế nhưng đối với công luận, người ta

có cảm tưởng dường như Thiệu không hài lòng vì tất cả những tiến trình về cuộc thương thuyết, phía Hoa Kỳ vẫn giữ bí mật cho đến khi mọi bên đều đồng thuận.

Cũng trong ngày này, Bunker đã cử Phó Đại Sứ Sam Berger gặp Kỳ. Kỳ nói: “Chúng tôi không phải là một”. Rồi thêm, Thiệu đã không bàn thảo gì với ông. Kỳ từ chối ủng hộ kế hoạch Washington nhằm đưa Sài Gòn đến bàn hội nghị và hứa sẽ không tìm cách ủng hộ Thiệu. Cùng ngày ấy, Hoa Kỳ đã nhận được tin đồn. Kỳ đã ra lệnh cho một số sĩ quan phi công chuẩn bị dội bom Dinh Độc Lập.

Tìm kiếm phương thức để đáp ứng phần nào những đòi hỏi mà phía Miền Nam Việt Nam đưa ra những điều kiện tiên quyết cho cuộc bắt đầu hòa đàm, Bunker đã yêu cầu Bộ Ngoại Giao và những nhà đàm phán Hoa Kỳ tại Paris hãy quan tâm và giải quyết một số những trở ngại có thể đưa cuộc đàm phán Hoa Kỳ tại Paris đến chỗ bế tắc, chẳng hạn, thỏa thuận vị trí chỗ ngồi, cờ, tên gọi, danh xưng cuộc họp, phái đoàn nào vào phòng trước... Bunker nói, phải giải quyết những điều đó trước, thì chính phủ Sài Gòn mới chấp nhận nói chuyện với Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng.

Ngày 19 tháng 10, trong buổi nói chuyện với dân chúng Miền Nam, trên hệ thống truyền hình vào buổi chiều, Thiệu lại gia tăng những đòi hỏi phải đáp ứng trước khi Sài Gòn đến dự hòa đàm Paris. Ông ta muốn Hà Nội phải chấp nhận một số điều kiện trước khi cuộc oanh tạc ngưng.

Hậu quả những điều Thiệu tuyên bố đã làm cho Sam Berger và Bunker phải gặp ông ngay sáng ngày hôm sau vào lúc 10 giờ. Ellsworth Bunker đi thẳng vào vấn đề, rằng Hoa Kỳ rất quan tâm về những quan điểm mà Miền

Nam Việt Nam đưa ra trước công luận vào ngày vừa qua, rằng nội dung các cuộc họp mật với Hà Nội chỉ có vài cố vấn đặc biệt của Tổng Thống Johnson được biết mà thôi. Và rằng, trong những lời tuyên bố chính thức của phía Hoa Kỳ phổ biến đến báo chí, luôn luôn gồm một câu ngắn gọn và giới hạn: “Không có một sự thay đổi căn bản nào ở vị trí (cả hai phía). Không đạt được một tiến bộ cụ thể nào”. Trái với lạng lẽ nghiên cứu ở Washington, Bunker tiếp, thì tại Sài Gòn, các viên chức chính quyền đã đưa ra trước công luận, kể cả các cuộc họp báo, những “điều kiện” để Hoa Kỳ ngừng oanh tạc.

Bunker hồi nhớ lại, toàn bộ nội dung các phiên họp của Hoa Kỳ, ông ta đã thông báo và thảo luận với Tổng Thống Thiệu trong phiên họp ngày 13.10. Ellsworth Bunker đã báo Thiệu biết, và vị Tổng Thống Miền Nam cũng đã đồng ý với quyết định của Washington, là ngừng cuộc oanh tạc đặt trên những “hiểu biết” mật đã được thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và Hà Nội mà qua đó, sau khi cuộc ném bom vừa thực hiện, Hà Nội tiếp tục phải thảo luận với Hoa Kỳ về những “hiểu biết” đã đồng ý đã nói ở trên.

Chính những sự đồng ý của Thiệu, Hoa Kỳ xem đó là những điều kiện cơ bản để thêm vào bản dự thảo những đòi hỏi của phía Hoa Kỳ với cộng sản ở Paris. Mặc dù những gì Hoa Kỳ nghĩ, đã trình bày rõ ràng và được Tổng Thống Thiệu đồng ý, thế nhưng khi đưa ra trước công luận, Thiệu lại nêu ra những khác biệt chung quanh “điều kiện” để Sài Gòn tham dự vào cuộc đàm phán tại Paris.

Bunker cho rằng, trong một cuộc xung đột hay trong cuộc chiến tranh, chỉ cần một bên nói chuyện với đối phương để đạt được bản thỏa ước. Hoặc chỉ đàm phán

“phía bên kia” mà không cần xác định “phía bên kia” là ai. Hoa Kỳ khi thảo luận phía bên kia không cần xác định đó là Hà Nội hay Mặt Trận Giải Phóng. Theo nguyên tắc “phía chung ta, phía bên kia” Washington và Sài Gòn luôn đứng về một phía trong mỗi tin cậy lẫn nhau, trái lại Đồng Minh chúng ta không thể kiểm soát được ở phía đối phương.

Cuối cùng, theo Bunker, Mặt Trận Giải Phóng là một đối cực trong cuộc chiến và vì thế không thể đẩy họ ra khỏi cuộc thương thuyết. Ngay cả Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ, Bunker nhớ lại, khi còn là quan sát viên thường trực của chính phủ Miền Nam Việt Nam ở cuộc hòa đàm, cũng đã xác định những trở ngại và đưa ra những phương thức giải quyết: “Trên nguyên tắc, chúng tôi phản đối việc chấp thuận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tham dự cuộc đàm phán, nhưng như là một hiện hữu và thực thể, chúng tôi biết, họ cần phải có mặt trong cuộc thương thuyết”.

Mãi mất 5 tháng, Bunker cho biết, Hoa Kỳ mới buộc được Hà Nội chấp nhận những “hiểu biết” mật trước khi cuộc ngưng oanh tạc được thi hành. Bây giờ thì Washington chờ Hà Nội đáp ứng. Đáng khác, nếu Hà Nội chấp nhận bản dự thảo của Hoa Kỳ và xác định thời gian để bắt đầu có những phiên họp nghiêm chỉnh tại Paris, trái lại, Sài Gòn từ chối tham dự vì lý do Mặt Trận Giải Phóng cũng được có mặt, thì quan hệ giữa Sài Gòn và Washington lại trở thành vấn đề nghiêm trọng. Nghiêm trọng hơn cả việc Sài Gòn từ chối tham dự vào cuộc thương thuyết hòa bình, sẽ là sự khó hiểu đối với quần chúng Mỹ, và đồng thời những thiện cảm mà thế giới vốn dành cho Sài Gòn sẽ giảm đi.

Bunker giải thích cho Thiệu, việc khước từ của ông ta vào cuộc thương thuyết với phía bên kia, sẽ tạo cho mọi người nghĩ rằng, chính phủ Sài Gòn thiếu tự tin ở sức mạnh của họ và vì thế, không đủ khả năng để dẫn bước vào bàn thương thuyết với phe cộng sản.

Tổng Thống Johnson, Bunker kể lại, cũng hoàn toàn xác định, Tổng Thống Thiệu, vị lãnh đạo của một quốc gia có chủ quyền, do thế mà ông ta có những quyết định riêng theo quyền lợi của đất nước của ông ta. Trước mắt, Hoa Kỳ chưa nhận được một sự trả lời nào của Hà Nội, thế nhưng, một khi có sự ưng thuận của cộng sản, Hoa Kỳ bắt buộc phải đáp ứng dựa trên nền tảng vì quyền lợi của dân tộc Hoa Kỳ.

Bunker giải thích, đó là quan điểm chủ yếu của Washington và vì thế sẽ không có những câu hỏi viển vông để xác định vị trí của Mặt Trận Giải Phóng tham dự vào cuộc thương thuyết mà then chốt là vấn đề chấm dứt cuộc chiến tranh. Ellsworth Bunker cũng lưu ý nếu công luận biết được có sự khác biệt về quan điểm giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa thì Hà Nội sẽ không bỏ qua cơ hội đó để tạo thêm sự phân hóa giữa các Đồng Minh chúng ta.

Rồi ra Hà Nội sẽ phải chấp nhận 3 đòi hỏi cơ bản mà Hoa Kỳ đã đặt ra nếu họ còn muốn tiếp tục cuộc thương thuyết. Thứ nhất, lập tức có những cuộc thương thuyết đứng đắn sau khi Hoa Kỳ ngưng oanh tạc. Thứ hai, không vi phạm vào Vùng Phi Quân Sự. Thứ ba, ngưng mọi hình thức tấn công vào các Thành Phố lớn ở Miền Nam Việt Nam. Chỉ khi nào Hà Nội đồng ý, Tổng Thống Johnson mới ra lệnh ngưng oanh tạc và bắt đầu chính thức ngồi vào bàn hội nghị với phía bên kia.

Bunker nói với Thiệu tiếp, đây không phải là thời điểm để hai Đồng Minh chúng ta chia rẽ. Cũng chẳng phải là lúc nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam xao xuyến, sợ hãi hay thiếu tự tin. Lúc này là thời gian đòi hỏi Hoa Kỳ và Sài Gòn bày tỏ cùng đứng chung chiến tuyến, cùng làm việc, cùng chiến đấu đạt một tiến trình hòa bình trong danh dự và công bằng.

Đáp lời Bunker, Thiệu nói: “Chúng tôi không phản đối việc ngưng ném bom. Một năm trước, tôi đã đưa ra nhiều điều kiện, nhưng tôi biết họ không thể đáp ứng. Và cũng là điều không thực tế nếu chúng ta đòi hỏi họ quá nhiều. Thế nhưng phía Hoa Kỳ chỉ đặt ra có ba điều kiện tiên quyết thì quả không đủ”.

Thiệu tiếp, hai Chủ Tịch của Lưỡng Viện Quốc Hội cũng như tất cả các thành viên trong Hội Đồng An Ninh Quốc Gia đều không xem việc tham dự hòa đàm Paris là để tìm một sự chiến thắng. Hơn thế nữa, Thiệu nói, tất cả trong Hội Đồng An Ninh Quốc Gia “đều đồng ý và chấp nhận sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng tại cuộc hòa đàm. Vấn đề là chúng tôi không chấp nhận sự hiện diện của Mặt Trận Giải Phóng như thể một phần tử biệt lập”. “Quá đáng ở chỗ nào?” Thiệu hỏi Bunker.

Thiệu giải thích, một số tin tức bị tiết lộ ra ngoài là điều khó tránh được khi đưa những vấn đề sống còn của đất nước ông tham khảo với một số nhân vật trọng yếu khác của Miền Nam. Thiệu hỏi, hiện trạng của Mặt Trận Giải Phóng đã giải quyết trước chưa? Bunker đáp: Một vài chi tiết như cờ của mặt trận, danh xưng... sẽ được phái đoàn Hoa Kỳ tại Paris mang ra thảo luận. Nhưng điểm mấu chốt, Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng, tự họ đưa ra trước

công luận rằng Mặt Trận Giải Phóng là một phần tử của phái đoàn Hà Nội và không phải là một phía riêng biệt, thì Hoa Kỳ không thể cưỡng bách Hà Nội và cũng không thể đơn phương thực hiện được điều này.

Ở điểm này, Thiệu đã bày tỏ vẻ e ngại và nghi ngờ của cá nhân ông: “Điều ấy dễ dàng đối với các ông, với Hoa Kỳ, một cường quốc đến bàn hội nghị cùng với Mặt Trận Giải Phóng mà không cần xác định căn bản họ là ai, nhưng lại không dễ dàng đối với chúng tôi, một nước nhỏ. Tôi không nghĩ, tôi không đủ mạnh để bước vào bàn thương thuyết. Nhưng quần chúng lại khác, mỗi người mang một tham vọng và họ sẽ lợi dụng yếu tố cơ bản này để gây khó khăn cho chúng tôi. Tôi đã là một Quân Nhân và tôi cũng đã chuẩn bị để đối phó những bất trắc có thể xảy đến. Nhưng tôi phải nói rõ rằng, sẽ có những hỗn loạn và bất ổn theo sau, nếu vấn đề trên trở thành đề tài thảo luận lan rộng cả nước. Lý do là dân chúng sợ hãi các ông sẽ bỏ rơi chúng tôi như trường hợp nước Pháp đã làm vào năm 1954”.

Đáp lại, Bunker nói với Thiệu, Washington đã xác định rõ ràng với Tổng Thống Kỳ và với một số các Tướng lãnh chính trong Quân Đội, là Hoa Kỳ không ủng hộ cho bất cứ một cuộc đảo chánh nào.

Thiệu, nhằm giải thích những điều ông tuyên bố trước công luận vừa qua, nói: “Tôi cần ông hỗ trợ. Những điều tôi đã thực hiện và tuyên bố tại đây là những bức thiết cho xứ sở tôi, mặc dù tôi biết đó là điều Hoa Kỳ không thể cảm thông được”.

Rồi tiếp, nếu cuộc oanh tạc được ngưng, dân chúng Miền Nam sẽ hiểu rằng đó là một nỗ lực để tiến tới hòa

bình và họ chấp nhận điều đó như thể một sự xuống thang chiến tranh của phía Đồng Minh để đổi lại một việc làm tương tự ở phía bên kia. Theo Thiệu, vấn đề chủ yếu có thể gây ra những bất ổn tại Miền Nam là chính phủ Sài Gòn có quan điểm như thế nào về phía Mặt Trận Giải Phóng tham dự vào bàn hội nghị.

Đến lúc cuối cuộc họp, Bunker nhấn mạnh, ông hy vọng Thiệu tự chế khi tuyên bố trước công luận để tránh đi những bất lợi về kế hoạch đàm phán. Đồng thời Bunker cũng giải thích thêm, mặc dù có những khó khăn tại Miền Nam Việt Nam làm chùn bước việc Thiệu đến bàn hòa đàm, thế nhưng khi ghi nhận rằng, phần lớn dân chúng Miền Nam Việt Nam đã mỏi mệt vì chiến tranh và muốn cuộc xung đột được kết thúc. Bunker tiếp, bởi thế, trong khi có một số phần tử chỉ trích việc ông tham dự vào cuộc thương thuyết thì cùng lúc ấy phần lớn dân chúng Miền Nam đã kích nếu ông không tham dự vào cuộc hòa đàm. Thiệu đáp lại, ông ta luôn có ước vọng mong muốn có một nền hòa bình tại Miền Nam Việt Nam và cũng chính vì lẽ đó, ông đã tìm kiếm một phương thức nào đó, ít tổn thương nhất, để chính phủ của ông có thể có mặt và thảo luận trong cuộc thương thuyết.

Buổi chiều tiếp theo, ngày 21 tháng 10, đoàn thương thuyết Mỹ tại Paris lại gặp đoàn Bắc Việt. Chính thời điểm này, Harriman và Vance nhận được chỉ thị và những mục tiêu từ Washington để bắt đầu thảo luận với Hà Nội về những thỏa thuận mật. Bunker đã được Washington tham khảo và hỏi ý kiến, những điều khoản nào đồng ý bí mật, chính phủ Sài Gòn có thể chấp nhận được. Hà Nội đã dự trù đưa ra bản tuyên bố, việc ngưng oanh tạc

là vô điều kiện và các cuộc thương thuyết sẽ được diễn ra giữa 4 thành phần. Hà Nội vẫn tiếp tục lẫn tránh từ ngữ “phía chúng tôi, phía các ông” như là một nguyên tắc tại bàn hội nghị.

Hà Nội vẫn giữ kín, cho đến phút cuối mới đưa ra:

A. - Dựa trên nguyên tắc căn bản những điều mà chúng ta đã thảo luận, Hoa Kỳ sẽ ngưng vô điều kiện tất cả trên không, trên biển, pháo kích ổ ạt cùng tất cả những hành động khác về vũ lực để chống lại nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Hà Nội) vào ngày...

B. - Để mưu tìm một giải pháp hòa bình cho Việt Nam, một cuộc đàm phán bao gồm (những đại diện của) Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Mặt Trận Giải Phóng, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa (Sài Gòn) sẽ được tổ chức tại Paris vào ngày...

Bộ Ngoại Giao cảm thấy Hà Nội đã nâng tầm vóc vai trò của Mặt Trận Giải Phóng đúng như Sài Gòn đã từng quan tâm và Hà Nội cũng tạo nên sự mơ hồ giữa từ ngữ “chính chúng ta” và “đồng minh chúng ta”. Harriman và Vance cũng chuẩn bị đưa ra lời công bố giữa Hoa Kỳ và Hà Nội liên quan đến cuộc họp giữa hai bên.

Dù bản tuyên bố của Washington chung với Hà Nội hay riêng rẽ, Bunker cũng được yêu cầu để thuyết phục sự đồng ý của chính phủ Miền Nam Việt Nam. Để đạt được sự chấp nhận của Hà Nội lẫn Sài Gòn về những vấn đề mà Hoa Kỳ đưa ra, không phải là điều dễ dàng nếu không muốn nói Hoa Kỳ đã trở thành mục tiêu chống đối của cả hai phía.

Ngày 22 tháng 10, Sam Berger và Bunker lại họp với Tổng Thống Thiệu hơn một giờ để giải quyết một số điểm mà chính phủ Sài Gòn đã đưa ra. Thiệu cho hai vị đại diện Hoa Kỳ biết là trong lần thảo luận hôm 13 tháng 10, ông ta

đồng ý với đề nghị của Hoa Kỳ nhiều vấn đề, ngoại trừ sự tham dự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không được xem là một thành phần riêng rẽ. Thiệu cho biết ông ta sẵn sàng thảo luận một cách nghiêm chỉnh nếu Hà Nội thực tâm thương thuyết với Sài Gòn. Thế nhưng Thiệu e ngại Hà Nội chẳng những không có thiện chí mà còn có thể bước ra ngoài phòng họp khi phái đoàn Sài Gòn phát biểu.

Bunker đáp lại, Hoa Kỳ không thể can dự vào hành động như thế của Hà Nội, nhưng quả thật, nếu có trường hợp ấy xảy ra, Phái Đoàn Hoa Kỳ sẽ tức khắc có phản ứng về thái độ như thế. Thiệu nói, trước khi cuộc thương thuyết bắt đầu, ông ta mong muốn cả Hà Nội lẫn Hoa Kỳ hiểu rằng cộng sản Hà Nội phải trực tiếp và nghiêm chỉnh thương thuyết với Miền Nam Việt Nam. Nếu có được một sự bảo đảm như vậy, Thiệu tiếp, đồng bào Miền Nam Việt Nam của ông sẽ không quan tâm về sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng tại bàn hội đàm.

Đáp lại ý kiến Thiệu đưa ra, Bunker cho đó là một điều nguy hiểm. Theo Bunker, Hà Nội có thể đồng ý một sự cam kết như thế theo cách “Dĩ nhiên là chúng tôi sẽ nói chuyện trực tiếp với Sài Gòn về các vấn đề A, B, C nhưng chúng tôi cũng dự đoán Sài Gòn sẽ phải nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam về các vấn đề X, Y, Z”. Như thế có nghĩa là chúng ta đã tạo cho Mặt Trận Giải Phóng một vị thế biệt lập. Bởi vậy, theo Bunker, tốt nhất là điều kiện của Thiệu không nên nêu ra, để Sài Gòn có thể nói chuyện với mặt trận theo thời điểm và chủ đề mà Sài Gòn lựa chọn. Phiên họp chấm dứt, chẳng đạt được sự đồng thuận nào của Thiệu.

Ngày hôm sau phiên họp lại tiếp tục. Phía chính phủ

Miền Nam Việt Nam có Thiệu, Kỳ và Bộ Trưởng Ngoại Giao tham dự. Thiệu và Kỳ xác định chính phủ Sài Gòn chỉ chấp nhận tham dự thương thuyết một khi ba điều kiện tiên quyết được đáp ứng:

Thứ nhất, Hà Nội xác định là sẽ thương thuyết với Sài Gòn. Thứ hai, Hà Nội tỏ ra có thiện chí thảo luận nghiêm chỉnh “không tráo trở hay để tuyên truyền”. Thứ ba, Hoa Kỳ bảo đảm Mặt Trận Giải Phóng không tham dự với tư cách một phần tử độc lập.

Bunker đáp lại, trong các bản tuyên bố gần đây, Hà Nội đã xác định họ muốn có các cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh bao gồm cả Sài Gòn. Luôn luôn Phái Đoàn Mỹ tại Paris đã phủ nhận những chiến thuật của Hà Nội nhằm gạt bỏ, giảm nhẹ vai trò hoặc áp buộc chính phủ Sài Gòn phải thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng. Bunker nhấn mạnh, Hoa Kỳ chẳng những không bao giờ đồng ý với Hà Nội về tính chất hợp pháp của Mặt Trận Giải Phóng mà còn xem mặt trận là một bộ phận do Hà Nội dàn dựng và vì thế không được coi đầy đủ pháp lý như thể một quốc gia riêng rẽ.

Thiệu nói, việc Hoa Kỳ ngưng oanh tạc không phải là điều quan trọng, chẳng qua, chỉ tạo cho dân chúng Miền Nam Việt Nam nghĩ rằng việc ngưng ném bom sẽ đưa đến chấm dứt chiến tranh và Hà Nội sẽ buộc phải thương thuyết với Sài Gòn về những điều mà ông đã từng nói với Bunker. Theo Thiệu, khó khăn chính là dân chúng Miền Nam sẽ không hiểu tại sao chính phủ của họ lại ngồi cùng bàn với phía Mặt Trận Giải Phóng và rồi phản ứng xảy ra với những thất vọng và sợ hãi, hậu quả là tiềm lực Quân Đội sẽ giảm đi và Chương Trình Bình Định sẽ chậm lại.

Bunker nhìn vắn nạn trên trái ngược. Theo ông, chính phủ Miền Nam Việt Nam hiện tại mạnh và vững vàng hơn bao giờ, và điều đó ông đã tường trình về Washington. Nếu Thiệu, Kỳ và Hương xem đó là những thành quả đạt được do chính quyền của họ lãnh đạo và giải thích cho dân chúng thấy được rằng, việc Hà Nội phải chấp nhận ngồi vào bàn thương thuyết vì chính phủ Sài Gòn vững mạnh. Sài Gòn đến bàn hội đàm vì cộng sản Hà Nội nhận ra họ vô phương tìm chiến thắng bằng quân sự và vì thế, đã đến lúc họ phải thương thuyết với chính phủ Sài Gòn. Vấn đề chủ yếu được đặt ra, theo Ellsworth Bunker, lực lượng đối phương đã bị Đồng Minh đánh bại tại chiến trường Việt Nam và buộc họ phải đến Paris, do đó, Đồng Minh vẫn giữ thế mạnh để đánh cộng sản qua các cuộc thương thuyết.

Phó Tổng Thống Kỳ thêm vào, chính phủ của ông không muốn đón nhận những nguy hiểm qua các cuộc thương thuyết và mong muốn Hoa Kỳ giải thích cho dân chúng Miền Nam hiểu rằng, chính phủ Miền Nam không bắt buộc phải thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng.

Bunker phản ứng: “Ông là một nhân vật lãnh đạo, thưa Phó Tổng Thống, điều đó chỉ tạo thêm sự phức tạp với dân chúng”.

Tiếp theo, Kỳ than phiền, thời điểm này không đúng lúc. Dân chúng Miền Nam sẽ cho rằng, do cuộc bầu cử của Hoa Kỳ, mà Sài Gòn phải nói chuyện với Hà Nội.

Bunker đáp lại, cuộc bầu cử của Hoa Kỳ không có gì liên quan đến vấn đề này. Đã gần 6 tháng qua, Hoa Kỳ đã cố gắng buộc Hà Nội phải chấp nhận xuống thang chiến tranh và nói chuyện với Sài Gòn. Hoa Kỳ đã không thể

giải quyết được những vấn đề chủ yếu và thúc bách họ phải nói chuyện với chính phủ Miền Nam Việt Nam. Giờ đây Hà Nội đã chấp nhận lời yêu cầu của Hoa Kỳ.

Kết thúc phiên họp, Bunker nói rằng, đã có một vài tiến triển ở Paris và Hà Nội đã đáp ứng một số điều kiện tiên quyết do Hoa Kỳ nêu ra. Vấn đề còn lại là khi nào ban lệnh ngưng oanh tạc và bắt đầu cuộc thương thuyết. Bunker hy vọng Thiệu và Kỳ hiểu cho rằng nếu phía bên kia thỏa thuận với Hoa Kỳ, thì Tổng Thống Johnson sẽ ra lệnh ngưng oanh tạc.

Tổng Thống Thiệu đã quên đi những điều mà Kỳ đã nói trước đó: “Chúng tôi không sợ phải đối đầu với cộng sản nhưng cần các ông lên tiếng với đồng bào chúng tôi là chúng ta không bắt buộc phải thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng”.

Bunker đã không thông báo cho các nhà lãnh đạo Sài Gòn biết là Hà Nội đã yêu cầu một thỏa thuận với Washington, liên quan đến các cuộc thương thuyết giữa bốn thành phần. Một sự thỏa thuận như thế sẽ làm cho Miền Nam Việt Nam xem như một vi phạm đến quyền tự quyết và độc lập của quốc gia này và từ đó mọi vấn đề mà Hoa Kỳ đã buộc Hà Nội chấp nhận đều trở nên vô ích. Thế nhưng Washington đã không chấp nhận thỏa thuận mật ấy do Hà Nội yêu cầu và vì thế, Bunker cảm thấy không cần thiết để thông báo đến Thiệu và các nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam khác.

Ngày 25 tháng 10, Bộ Trưởng Ngoại Giao Dean Rush đã gọi điện văn sang Harriman và Vance, chỉ thị hai ông áp lực mạnh với phái đoàn Hà Nội phải gạt bỏ những trở ngại không cần thiết để bản tuyên bố sớm được phổ biến.

Tiếp theo là vấn đề thời gian. Khi nào thì cuộc ngưng oanh tạc bắt đầu thực hiện? Ngày 2 tháng 11, cuộc họp đầu tiên bắt đầu như đã thảo luận lần trước, nay có còn giữ đúng thời điểm đó nữa không? Hà Nội bây giờ lại muốn có một số thay đổi.

Cùng ngày hôm ấy, Bắc Việt vẫn trao đổi mật với Hoa Kỳ, Xuân Thủy vẫn tiếp tục thảo luận về thời điểm nhưng cho biết, ngày ấn định chỉ được Hà Nội chấp nhận sau khi Washington đồng ý mật mà Hà Nội đã yêu cầu.

Trong những ngày này tại Sài Gòn, những trở ngại trong bản tuyên bố chung cũng đã xảy ra giữa những chuyên viên đặc trách chính trị Tòa Đại Sứ với Bộ Trưởng Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều vấn đề phức tạp lại được đặt ra chẳng hạn như phản ứng chính trị, danh dự, lý do, sự xúc động của quần chúng... dường như kéo dài bất tận...

Cuối cùng, ngày 28 tháng 10, Bunker lại gặp riêng với Tổng Thống Thiệu nhằm chuẩn bị lần cuối bản soạn thảo công bố chung. Ông ta nói với Thiệu, Hoa Kỳ không thể đi xa hơn những điều mà chính phủ Sài Gòn đã đòi hỏi ngoại trừ những điều mà hai bên đã thảo luận và đồng ý trước đây. Bởi vậy, chính phủ của Thiệu hãy quyết định có đúng chung trong bản công bố với Hoa Kỳ hay không là quyền của Thiệu. Và Bunker cũng lưu ý với Thiệu, Miền Nam Việt Nam hãy nhanh chóng quyết định và nên đưa ra những lời nhận định một khi Hà Nội đáp ứng đề nghị của phía Hoa Kỳ, kêu gọi các bên bắt đầu có những cuộc đàm phán nghiêm chỉnh để chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Nếu Miền Nam Việt Nam lại đặt ra những điều kiện mới và không tham dự vào cuộc đàm phán nhằm để

chấm dứt chiến tranh thì Ellsworth Bunker e ngại, Thiệu không thể lường trước được những khó khăn, hậu quả xuất phát từ việc chính phủ Sài Gòn vẫn cương quyết đơn phương theo đuổi chiến tranh.

Thiệu cũng đồng ý là ông ta quan tâm đến hậu quả như thế nhưng Thiệu nghĩ, Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam đã có những cam kết căn bản. Kết thúc cuộc trao đổi. Thiệu nói với Bunker: “Tôi không nghĩ là cần đòi hỏi gì thêm nữa”.

Cùng ngày ấy, Bunker lại gặp Thiệu, Kỳ và Bộ Trưởng Ngoại Giao cũng có mặt. Ellsworth Bunker thảo luận với các nhà lãnh đạo Miền Nam. Hà Nội mong muốn cuộc đàm phán sẽ bao gồm 4 lực lượng: Mỹ, Sài Gòn, Hà Nội, Mặt Trận Giải Phóng. Còn Sài Gòn thì chỉ muốn có 3 là Mỹ, Hà Nội, Sài Gòn. Theo Bunker, tốt nhất là đừng đặt đòi hỏi này trong bản công bố chung.

Sau khi bản dự thảo tuyên bố chung đã hoàn tất, Kỳ lên tiếng: “Một cách thẳng thắn, chúng tôi không hài lòng, nhưng với bản công bố này (sau khi đã thay đổi một số từ ngữ), chúng tôi có thể trấn an đồng bào chúng tôi nếu cuộc đàm phán kéo dài trong nhiều tháng, chúng tôi có thể ngăn chặn được cuộc khủng hoảng về tinh thần về phía chúng tôi”.

Bunker phản ứng, nhìn những cuộc đàm phán dưới vị trí đứng như thế là hoàn toàn sai lầm. Sài Gòn nên hiểu và nên bày tỏ đây là một thắng lợi một khi Hà Nội chịu ngồi vào bàn đàm phán với Sài Gòn.

Cùng thời điểm ấy, Tổng Thống Johnson đã chỉ thị Tướng Abrams hãy duy trì áp lực quân sự tối đa với quân cộng sản Hà Nội và chủ động các cuộc hành quân tại

Miền Nam Việt Nam để thay vào những bất lợi một khi ngừng tấn công lãnh thổ Bắc Việt.

Thời điểm quan trọng đã đến với Thiệu ngày hôm sau, khi Bộ Ngoại Giao báo cho Bunker biết, Hà Nội đồng ý ngày ngừng oanh tạc là 30 tháng 10 lúc 8 giờ sáng (giờ Sài Gòn) và phiên họp đầu tiên đủ các bên tại Paris sẽ bắt đầu vào ngày 2 tháng 11. Theo chỉ thị của Tổng Thống Johnson, Bunker đã đến gặp Thiệu để thảo luận và xác định thời điểm đọc bản tuyên bố chung. Đó là lúc 8 giờ sáng ngày 30 tháng 10 (giờ Sài Gòn) và 7 giờ chiều ngày 29 tháng 10 (giờ Washington). Bunker cũng được chỉ dẫn để thông báo cho cá nhân Thiệu biết, Tổng Thống Johnson không có ý định ngừng hẳn hoàn toàn cuộc oanh tạc và Johnson muốn cho cá nhân Thiệu biết điều đó để Thiệu có quyết định về những dự thảo.

Bắt tay Bunker, Thiệu đồng ý ngày và giờ đưa ra lời công bố chung. Nhưng ngày 2 tháng 11 là “quá sớm” và “quá nhanh” cho phiên họp đầu tiên với cộng sản. Ông ta hỏi Bunker, nếu có thể được, dời phiên họp đầu tiên lùi lại vài ngày. Khi Bunker hỏi lại Thiệu, chắc chắn là ngày nào, Thiệu nói, ông ta cần tham khảo ý kiến với Phó Tổng Thống Kỳ. Thiệu không muốn có một quyết định đơn phương mặc dù với tư cách là Tổng Thống, Thiệu có thể quyết định ngay điều đó.

Thiệu hỏi, tại sao phải cần đưa ra lời tuyên bố ngừng oanh tạc quá sớm?

Bunker đáp lại, Hoa Kỳ đã thảo luận suốt 6 tháng qua để đạt được sự thương thuyết bắt đầu và bây giờ Washington phải xác định ngày và thời gian Hà Nội đưa ra để họ không cò m lý do để trì hoãn.

Tối hôm đó, Thiệu họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia. Liên sau phiên họp đó, Bunker lại nói chuyện với Thiệu và Kỳ là Tổng Thống Johnson nghĩ là ông ta phải đưa ra lời tuyên bố ngưng oanh tạc vào ngày hôm sau và cả ngày họp đầu tiên tại Paris cũng không thể đổi lại.

Cả Thiệu và Kỳ đều cho rằng họ cần có thời gian để chuẩn bị phiên họp đầu tiên, cần khoảng 7 hay 10 ngày để chọn lựa thành phần tham dự phải đoàn và chuẩn bị tâm lý quần chúng.

Bunker cho biết, một sự trì hoãn như vậy không thể thực hiện được và thêm rằng, Tổng Thống Johnson cùng đến bàn hòa đàm với họ. Bunker giải thích, Hoa Kỳ và Miền Nam đã là bạn và cũng là Đồng Minh, đã từng sát cánh trong nhiều năm, bất chấp những thiệt hại to lớn ngay tại Hoa Kỳ hay ở ngoại quốc, và bây giờ mọi việc đã chuẩn bị, Tổng Thống Johnson mong muốn Sài Gòn hợp tác với ông.

Thiệu nói với Ellsworth Bunker, ông ta biết là trường hợp rất cấp bách nhưng ông ta muốn tham khảo với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Bunker nói, Hoa Kỳ cần sự xác định ngay tối nay và Bunker sẽ gặp lại Thiệu sau khi Hội Đồng An Ninh Quốc Gia họp. Ellsworth Bunker gọi về Washington báo cho biết là Sài Gòn chưa sẵn sàng mặc dù Hoa Kỳ đã báo cho họ biết từ lâu. “Tôi nghĩ Sài Gòn sẽ sẵn sàng đưa ra lời tuyên bố chung vào ngày mai hay ngày sau đó nếu chúng ta có thể hoãn lại phiên họp đầu tiên trong một thời gian ngắn”. Bunker tin rằng Washington đã đặt Thiệu vào tình huống khó khăn, qua đó Thiệu chưa sẵn sàng chuẩn bị dư luận cho dân chúng Miền Nam trước khi Miền Nam Việt Nam bước vào bàn hội nghị.

Lúc 1 giờ sáng ngày 30 tháng 10 (giờ Sài Gòn) Bunker trở lại Dinh Tổng Thống. Chỉ có Bộ Trưởng Ngoại Giao, không có Thiệu, trả lời cho Bunker. Bộ Trưởng Ngoại Giao cho Bunker biết các Chủ Tịch Quốc Hội Lưỡng Viện Quốc Hội khuyến cáo Thiệu phải chờ phiên họp Lưỡng Viện để chấp thuận và trao quyền cho Thiệu được vào bàn thương thuyết với Hà Nội. Ông ta cũng báo cho Bunker là Thiệu vừa nhận được một điện văn từ vị Đại Sứ Miền Nam Việt Nam tại Paris báo cho biết là Averill Harriman đã nói: “Hoa Kỳ không phản đối một phái đoàn riêng biệt của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đến từ Hà Nội”. Và rằng: “Hoa Kỳ không thể buộc Hà Nội đưa ra lời cam kết là họ sẽ có những cuộc thương thuyết trực tiếp với Sài Gòn”. Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam Việt Nam nói thêm, những điều Harriman đưa ra dường như có sự uyển chuyển, thay đổi so với bản tuyên bố chung. Ông tiếp, muốn có thêm thời gian để nghiên cứu và chuẩn bị phái đoàn đến Paris.

Bunker cực lực phản đối cho rằng Hoa Kỳ chưa bao giờ được chính phủ Việt Nam thông báo về việc cần phải được Quốc Hội cho phép để đến bàn hội nghị. Hoa Kỳ đã đòi hỏi phía Hà Nội những điều kiện, và Thiệu đã đồng ý, và giờ này Hà Nội đã chấp nhận những dự thảo ấy. Những điều đưa ra hôm nay ngoài những gì đã thảo luận hôm 13 tháng 10.

Nói một cách công bằng, những điều khoản trong hiến pháp Miền Nam Việt Nam một phần lớn do Hoa Kỳ đề nghị nhằm để bảo vệ xứ sở này, và giờ đây cũng chính hiến pháp ấy là bước cản về sự đồng ý giữa hai chính phủ Đồng Minh.

Trở lại vấn đề vị Đại Sứ Miền Nam tại Paris nhận định những phát biểu của Harriman, Bunker giải thích Hoa Kỳ không bao giờ từ bỏ cơ hội để nói với Hà Nội là họ phải hiểu những thành phần tham dự hòa đàm được xem như ở hai phía. Xa hơn nữa, Bunker không hiểu là Harriman có tuyên bố với nội dung như thế không, thế nhưng điều rõ ràng là Tổng Thống Johnson đã chỉ thị cho Bunker trình bày với Sài Gòn về một số những điều kiện mà Hoa Kỳ bảo đảm sẽ bảo vệ nó. Tất cả những sự kiện trên Bunker đã giải thích và Thiệu đã đồng ý. Bunker xác định, chính phủ Hoa Kỳ không bao giờ từ bỏ những điều đã cam kết.

Bunker nói với Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam là Washington cần sự trả lời dứt khoát của chính phủ Sài Gòn, đồng ý hay không, về những dự thảo của Hoa Kỳ. Washington có thể không dùng lại dù là phải đơn phương, nhưng Tổng Thống Johnson mong muốn là có sự hợp tác của chính phủ Sài Gòn.

Ellsworth Bunker hỏi ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Việt Nam, nếu ông muốn, chúng tôi có thể tường trình về Washington là Sài Gòn bây giờ không đồng ý tiếp tục tiến tới những điều căn bản mà hai chính phủ thảo luận và đã đồng ý. Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam phân tích, thỏa thuận trước kia như Bunker biết, sẽ dùng trong tuyên bố chung, bây giờ Harriman diễn dịch có vẻ mơ hồ. Thú đến, Tổng Thống Thiệu mong muốn cộng tác với phía Hoa Kỳ “nhưng ông ta cần có thêm thời gian” và “chính phủ chúng tôi không thể trả lời là không”.

Ellsworth Bunker kết thúc cuộc trao đổi với Nhà Ngoại Giao Miền Nam trong không khí căng thẳng và bày tỏ rất

tiếp là chính phủ Sài Gòn đã tỏ ra không sẵn sàng hợp tác với phía Hoa Kỳ. Sau đó Bunker gọi về Washington và đề nghị hoãn công bố ngưng oanh tạc trong 24 giờ và phiên họp đầu tiên tại Paris sẽ khai diễn vào ngày 4 tháng 11 thay vì là ngày 2 như đã dự liệu. Việc dời hoãn này, theo Bunker, giúp cho chính phủ Sài Gòn có đủ thời gian để giải quyết những khó khăn của họ.

Bunker lại gọi về Washington thêm nữa, nhằm để giải thích, Hoa Kỳ cần phải bày tỏ có sự đoàn kết với Sài Gòn, vì thế nên để cho Thiệu và Kỳ thêm thời gian để chuẩn bị việc công bố ngày ném bom và phiên họp đầu tiên tại Paris. Bunker đề nghị, Washington công bố việc ngưng oanh tạc vào lúc 8 giờ sáng ngày 31 tháng 10 (giờ Sài Gòn) nghĩa là 7 giờ chiều ngày 30 tháng 10 (giờ Washington) để dự phiên họp đầu tiên vào ngày 7 tháng 11 hoặc trễ hơn một hai ngày sau đó. Được như thế thì Sài Gòn có thêm một tuần lễ hay hơn nữa để dàn xếp công việc nội bộ của họ. Sau thời gian ấy, nếu Thiệu và Kỳ vẫn nhất quyết không đến bàn đàm phán hoặc tìm cách buộc Washington trì hoãn đưa ra tuyên bố chung về việc ngưng ném bom, thì Bunker mới có đủ lý do để nói với Sài Gòn, rằng Hoa Kỳ đã thực hiện tất cả những gì mà Miền Nam Việt Nam đã đòi hỏi và rằng, vì Sài Gòn không đáp ứng lời kêu gọi vào cuộc thương thuyết nên bắt buộc Hoa Kỳ phải đơn phương nói chuyện với cộng sản Hà Nội.

Vào lúc 1 giờ khuya ngày 30 tháng 10 (giờ Sài Gòn) Bunker lại đến Dinh Độc Lập để chuyển một công điện mà Tổng Thống Johnson gửi cho Tổng Thống Thiệu. Thiệu tiếp Bunker tại phòng làm việc của ông ta, không

xa phòng tiếp tân mà Thiệu và Bunker vẫn thường gặp. Cả hai đều dùng trà và nước ngọt với thái độ hối hả, căng thẳng. Trong công điện gửi cho Thiệu, Johnson nhấn mạnh, ông ta nghĩ rằng Thiệu hoàn toàn không quan tâm gì đến dân chúng cũng như chính phủ Hoa Kỳ. Nếu Tổng Thống Thiệu cố tình ngăn cản công cuộc hòa đàm, điều mà khó khăn lắm mới đạt được, thì dân chúng nước này sẽ không bao giờ quên người chịu trách nhiệm hành động ấy, không một nhà lãnh đạo Hoa Kỳ nào có thể cứu vãn được vị trí của con người đó trước quần chúng Hoa Kỳ.

Với ngôn ngữ không ẩn dấu, Tổng Thống Johnson cho rằng, nếu Thiệu là một trở ngại cho cơ hội của cuộc đàm phán thì Quốc Hội Hoa Kỳ “sẽ đảm nhận vai trò này và dứt khoát quyết định ngưng viện trợ cho chính phủ Miền Nam Việt Nam.”

Johnson cũng mong Thiệu hiểu cho, các Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ đều cho rằng, nếu Thiệu là một trở ngại cho cơ hội của cuộc đàm phán tại Paris sẽ tăng thêm sức mạnh quân sự của Quân Đội Hoa Kỳ cũng như Quân Đội Đồng Minh tại chiến trường. Do đó, theo Johnson, các vị Tư Lệnh Quân Đội sẽ lập tức phản đối nếu cơ hội này, nếu vì một lý do không chính đáng nào đó, bị bỏ qua.

Thiệu cũng nhận ra được, Tổng Thống Johnson đã trực diện những khó khăn to lớn, đến nỗi phải đưa ra “điều kiện bắt buộc” phải đàm phán đơn phương. Chúng ta không thể cưỡng bức Miền Nam Việt Nam phải thực hiện những điều mà họ không muốn làm. Miền Nam Việt Nam cũng không thể buộc chúng ta phải ngưng những điều mà chúng ta phải thực hiện vì quyền lợi của chúng ta. Liệu Tổng Thống Thiệu muốn Tổng Thống Johnson

phải thực hiện đơn phương? Hay là Tổng Thống Thiệu có thể đơn phương thực hiện?

Tổng Thống Johnson nói, ông ta nghĩ, vị lãnh đạo Miền Nam Việt Nam muốn lợi dụng tình trạng rối rắm về chính trị của nước Mỹ. Johnson cho rằng, nếu Thiệu nghĩ như thế thì quả là một toan tính tai hại, bởi vì dân chúng Hoa Kỳ sẽ có phản ứng gay gắt một khi họ nhận diện được sự hy sinh của con em họ tại ngoại quốc để bảo vệ cho những người có những toan tính không chính đáng trong cuộc bầu cử Tổng Thống tại Hoa Kỳ.

Đáp lại điện văn của Johnson, trong sự xúc động và ở trạng thái xa cách, Thiệu đã nói với Bunker: “Các ông là một cường quốc, các ông có thể nói với những nước nhược tiểu những điều các ông muốn. Chúng tôi hiểu rằng Hoa Kỳ đã hy sinh nhiều cho đất nước chúng tôi. Dân chúng Miền Nam chúng tôi đều biết rằng nền độc lập của chúng tôi có được là nhờ sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, nhưng các ông không thể cưỡng bức chúng tôi phải thực hiện những điều trái ngược với quyền lợi dân tộc chúng tôi. Cuộc đàm phán này không phải là sống còn với Hoa Kỳ nhưng là vấn đề chết sống của Miền Nam chúng tôi. Tôi sẽ đọc một thông điệp trước quần chúng, và nhân danh cá nhân, chính phủ và đồng bào tôi, tỏ lòng tri ân sâu xa về những gì mà Tổng Thống Johnson đã giúp đỡ chúng tôi”.

Rồi Thiệu trở lại vấn đề công điện của Johnson. Theo Thiệu, sự khó khăn để tìm một sự đồng thuận trong các cuộc thương thuyết tại Paris không phải là vấn đề thứ yếu như công điện của Tổng Thống Johnson đã vạch ra mà là những vấn đề căn bản hệ trọng đối với Miền Nam Việt Nam. Hai vấn đề then chốt, theo Thiệu là:

Thứ nhất, Mặt Trận Giải Phóng có phải là một bộ phận của phái đoàn Hà Nội tại bàn thương thuyết, Hà Nội có chấp nhận điều ấy không?

Thứ hai, Hà Nội có đồng ý thương thuyết trực tiếp với Sài Gòn hay không? Bunker nhằm tái xác định với Thiệu về việc Hoa Kỳ hoàn toàn hỗ trợ Miền Nam Việt Nam và thêm rằng, vị Đại Sứ Miền Nam Việt Nam tại Paris đã hiểu sai lệch bản công bố về vai trò của Mặt Trận Giải Phóng của Harriman, căn cứ vào điện văn của Phái Đoàn Mỹ tại Paris, Bunker giải thích, không có sự khác biệt nào giữa những gì mà Harriman đã nói với Đại Sứ Sài Gòn tại Paris với những gì mà Bunker đã nói với Thiệu. Cả hai đều tiên liệu rằng không thể nào đòi hỏi một thỏa thuận trước của Hà Nội qua việc xác định hiện trạng của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng như yêu cầu Hà Nội phải nói chuyện nghiêm chỉnh và trực tiếp với chính phủ Sài Gòn. Chính vì thế, chiến lược của Hoa Kỳ, để tránh những điều Hà Nội có thể lợi dụng, đã xác định “phía chúng tôi, phía các ông”.

Thay vì giải thích, thảo luận, Thiệu vẫn xoay quanh những vấn đề trở ngại để nêu ra. Bunker cuối cùng phải nói thẳng Hoa Kỳ không thể nào đạt được sự bảo đảm của Hà Nội về hai điều mà Thiệu đã đòi hỏi. Nếu sự đồng ý của Thiệu kèm theo những đòi hỏi bảo đảm như thế thì rồi ra, hai chính phủ Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam sẽ tự chọn hai con đường khác nhau. Ellsworth Bunker lại khuyến cáo Thiệu về những hậu quả không thể lường trước được nếu Thiệu đưa Washington vào hoàn cảnh phải đơn phương hành động. Rồi Bunker hỏi Thiệu, ông đã chuẩn bị hoặc không, cùng với Tổng Thống Johnson,

đưa ra tuyên bố chung trong hai ngày theo lịch trình đã sắp xếp và đã thảo luận với Thiệu trước đó.

Thiệu trả lời, ông cần một tuần lễ kể từ ngày đưa ra công bố chung ngưng oanh tạc đến ngày họp đầu tiên tại Paris. Vấn đề cần thiết, Thiệu nói, là Sài Gòn cần có sự bảo đảm trước của Hà Nội về việc chính phủ của ông được quyền tham dự vào cuộc đàm phán.

Bunker kiên nhẫn lập lại là Hoa Kỳ không thể đòi hỏi Hà Nội một sự bảo đảm như thế và hỏi lại Thiệu, có đồng ý hai ngày 31 tháng 10 và 4 tháng 11 không? Thiệu cho biết, ngày 4 tháng 11 phiên họp đầu tiên khai mạc là không thể nào chấp nhận được và Thiệu cần tối thiểu một tuần lễ từ ngày công bố ngưng ném bom. Nếu được như thế, Thiệu tiếp, ông đồng ý về thời điểm hai ngày như đã dự trù trước. Thế nhưng, Thiệu cũng cần tham khảo với chính phủ của ông để thuyết phục họ, nếu không ông sẽ bị cô lập và bị kết tội.

Không có gì khó khăn, Bunker tiếp lời Thiệu, để tránh chỉ trích của chính phủ một khi Hoa Kỳ tăng cường viện trợ để bù đắp vào ngân khoản khiếm khuyết và tái xác định ủng hộ chính phủ Sài Gòn. Thiệu tránh bình luận về việc giải thích vừa rồi của Bunker và thêm vào là ông cần tham khảo với nhiều nhân vật lãnh đạo khác. Thiệu sẽ trả lời cho Bunker về quyết định của ông trong ngày hôm ấy.

Bunker gọi điện thoại về Washington: “Rõ ràng là tôi không thể được biết câu trả lời tối nay sẽ ra sao. Tôi nghĩ, họ có thể đáp ứng và cũng có thể từ chối tuyên bố chung với chúng ta vào 8 giờ sáng ngày mai, giờ địa phương. Trong trường hợp thứ hai, tôi nghĩ, chúng ta phải nói cho họ biết, chúng ta đã chuẩn bị để hoãn lại phiên họp

đầu tiên thêm một tuần lễ. Nhưng chúng ta không thể trì hoãn đưa ra lời công bố ngừng oanh tạc quá thời gian nửa đêm ngày 31 tháng 10 (giờ Sài Gòn). Nếu họ không đồng ý thì bắt buộc tự chúng ta phải tuyên bố riêng rẽ”.

Chuyện chẳng may lại xảy ra, cuộc thương thuyết giữa Washington và Sài Gòn trở thành đầu mối trong cuộc tranh luận Tổng Thống giữa Hubert Humphrey và Richard Nixon. Anna Chennault, bà vợ người Trung Hoa của cố Claire Chennault, người sáng lập Đội Flying Tigers trong thời Đế Nhị Thế Chiến đã giúp Tưởng Giới Thạch chống lại quân phiệt Nhật, đã giới thiệu vị Đại Diện Miền Nam Việt Nam tại Washington với ứng cử viên Cộng Hòa cùng những nhân vật lãnh đạo đảng Cộng Hòa.

Ngày 27 tháng 10 năm 1968, vị Đại Sứ của chính phủ Sài Gòn, qua đường dây ngoại giao đã tường trình với Thiệu là ông ta đã “thường xuyên tiếp xúc với những người thân cận của Nixon” (Bùi Diễm, trang 245). Trong một cuộc tranh luận sôi nổi, gay gắt với ứng viên Dân Chủ, nhờ những yếu tố của Đại Sứ Miền Nam Việt Nam cung cấp, ứng cử viên Cộng Hòa đã được cả quốc gia ngưỡng mộ khi ông hùng biện để tấn công đảng Dân Chủ. Ngay cả Lyndon Johnson, người đã nhận báo cáo về sự liên hệ giữa bà Anna Chennault với những nhân vật cao cấp Miền Nam Việt Nam, và đã nói với Hubert Humphrey về vấn đề đó. Trong hồi ký của ông còn ghi lại việc Thiệu và Kỳ từ chối không đến bàn thương thuyết tại Paris vào cuối tháng 10 là một trong những lý do đã làm cho ứng cử viên Humphrey bị thất bại trong chiến dịch tranh cử.

Nhưng bất cứ ai nếu có cách nhìn khách quan về chiến

dịch tranh cử đều dễ dàng nhận ra, chính Humphrey đã bị áp lực đè nặng, phải tháo chạy ra khỏi cuộc chiến hơn là Nixon. Phần lớn những con bồ câu tìm cách chấm dứt cuộc chiến xuyên qua thỏa mãn những đòi hỏi của Hà Nội là các đảng viên Dân Chủ. Họ chỉ ủng hộ Humphrey khi nào chính sách của ông ta trút bỏ sự hỗ trợ mạnh mẽ cho chính phủ Sài Gòn.

Một tháng trước đó, nhà báo Stewart Alsop đã viết trên tờ tuần báo Newsweek “một cuộc ngưng oanh tạc, tiếp theo sau là các cuộc đàm phán hòa bình nghiêm chỉnh may ra mới cứu vãn Hubert Humphrey tồn tại qua các cuộc tranh luận”. Ngày 30 tháng 9, Humphrey nói, ông ta sẽ ngưng oanh tạc Bắc Việt để đổi lấy một nền hòa bình không ổn định. Sau bài diễn văn ấy, câu nói trên đã được phe chống chiến tranh dùng làm tiêu đề viết trên các biểu ngữ dựng lên xe vận động tranh cử ủng hộ Humphrey.

Bunker không biết những điều Thiệu đã nói với các Cố Vấn thân cận của Thiệu ra sao nhưng Bunker không tin rằng, nhằm giúp Nixon đánh bại Humphrey, đó là lý do nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam từ chối hợp tác với Hoa Kỳ, không bước vào một cuộc thương thuyết toàn diện với Hà Nội, dù việc đó xảy ra chỉ trước thời gian ngắn ngày bầu cử quan trọng ở Hoa Kỳ. Theo Bunker phán đoán, lý do chủ yếu là Thiệu tìm cách giảm thiểu những nhượng bộ mà Hoa Kỳ đã dành cho Hà Nội, đặc biệt là trong cuộc tranh cử Tổng Thống. Thiệu nghĩ, sau cuộc bầu cử, những áp lực không còn đè nặng, Washington đủ sáng suốt để thương thuyết với Hà Nội và chừng ấy Thiệu mới biết rõ quan điểm của Hà Nội về hiện trạng của Mặt Trận Giải Phóng

Tâm lý người Việt Nam là hay áp lực khi đối phương rơi vào thế yếu. Là người Việt Nam, những nhà lãnh đạo dù Hà Nội hay Sài Gòn đều nghĩ rằng phải áp lực và đòi hỏi tối đa sự nhượng bộ của Washington, có thể có được, trong mùa tranh cử tại Hoa Kỳ. Trong khi Hà Nội chơi ván bài đòi hỏi tối đa sự nhượng bộ của phe Dân Chủ trước khi bỏ phiếu thì Sài Gòn, trái lại, cố kéo dài cho đến khi cuộc bầu cử đã ngã ngũ.

Thiệu nhận định, sự thay đổi bất ngờ của Hà Nội mong muốn cuộc hòa đàm diễn ra trước cuộc bầu cử là để nhằm giúp cho cuộc chạy đua tranh cử của Hubert Humphrey, người mà Hà Nội cho rằng dễ nhượng bộ hơn là đối thủ của ông ta, phe diều hâu, Richard Nixon (Bùi Diễm, trang 239). Một khuynh hướng thường xảy ra đối với người Việt Nam là không nhìn những gì hiện hữu mà người khác đã thực hiện. Trái lại, họ dự phòng những tiềm ẩn mà người khác sẽ thi hành. Chính điều này là một trở ngại để tạo niềm tin giữa đôi bên và vì thế những thương thuyết thường xảy ra trong ngõ vực.

Kể đến, Thiệu không muốn để cho Kỳ ngộ nhận rằng Thiệu, vì áp lực, nên buộc phải chấp nhận một giải pháp bất lợi do Hoa Kỳ vạch ra. Mặt khác, đối với các nước tự do, Thiệu được xem là người ít có tinh thần bài ngoại nhất như những nhà lãnh đạo Việt Nam khác. Riêng Bunker, ông ta nghĩ, chẳng bao giờ Thiệu là người chịu đứng sau lưng ông ta và mọi việc để cho Bunker sắp xếp như bà Anna Chennault đã nói.

Vấn đề Miền Nam Việt Nam không phải chỉ có Harriman đại diện Washington thương thuyết tại Paris. Mặc dù, dưới mắt Hà Nội, Averill Harriman, theo chỉ thị

của Tổng Thống Kennedy, năm 1962, ông ta đã thương thuyết và đạt được một thỏa ước ấy, đã có những bỏ ngõ để Hà Nội sử dụng đường mòn Hồ chí Minh đưa cuộc chiến vào Miền Nam Việt Nam. Chính vì thế, lần này Hà Nội tin rằng Harriman cũng dễ dàng thỏa mãn những đòi hỏi của họ. Nếu Nixon thắng, có lẽ Harriman sẽ bị thay thế.

Một điểm khác nữa, với một Chiến Dịch Bình Định khởi đầu trong vài ngày, Thiệu đã nhìn thấy được kết quả. Ông ta tin rằng, trong vòng ba tháng tới, kế hoạch Bình Định sẽ đạt được bằng cả năm 1967. Mỗi tuần lễ qua đi, chính quyền của ông càng kiểm soát rộng ra tại nông thôn, và ngược lại. Mặt Trận Giải Phóng không còn đất còn dân để họ kiểm soát và tuyên truyền. Chính kết quả đó, Thiệu muốn trì hoãn cuộc thương thuyết.

Trong khi đó tại Paris, suốt trong những giờ đầu tiên vào sáng ngày 30 tháng 10, Harriman và Vance đã gặp phía Hà Nội tại Choisy Le Roi, hỏi Hà Nội đã chuẩn bị tiếp đến “thỏa thuận mật” hay chưa. “Thỏa thuận mật” ấy bây giờ Hà Nội cảm thấy không cần thiết, và Hà Nội có đồng ý về thời điểm ngưng oanh tạc và ngày bắt đầu cuộc thương thuyết mà Hoa Kỳ đã đề nghị không? Nếu Hà Nội đồng ý, Harriman và Vance được chỉ thị từ Washington để thông báo phía Bắc Việt biết rằng, Tổng Thống Johnson sẽ ban hành lệnh lúc 7 giờ hay 8 giờ chiều ngày 31 tháng 10 (giờ Washington) ngưng các hành động mang tính cách quân sự trên toàn lãnh thổ Miền Bắc Việt Nam. Lệnh này có hiệu lực 12 giờ sau đó. Johnson sẽ công bố lệnh này trước công chúng.

Harriman đồng thời cũng xác định Hoa Kỳ muốn thay

đổi phiên họp đầu tiên tại Paris vào thời điểm sau ngày thứ tư 6 tháng 11: “Điều này được thực hiện căn cứ trên cuộc trao đổi giữa chúng ta, những gì mà các ông đã nói và chúng tôi đã nói”. Phái Đoàn Mỹ hỏi tiếp, họ có thể báo cáo về Washington là phía Hà Nội đã đồng ý theo những gì mà hai phía đã thảo luận từ trước.

Xuân Thủy yêu cầu đọc lại đoạn công bố trên để họ tránh ngộ nhận. Sau khi đọc xong, Thủy muốn ngưng phiên họp một thời gian ngắn để tham khảo với những người trong phái đoàn phía Hà Nội. Sau 30 phút, phiên họp tái nhóm, Thủy nói ông ta muốn thảo luận vài điểm. Theo Thủy, gần 6 tháng trong những phiên họp không chính thức tại Paris, Hà Nội đã đòi hỏi Hoa Kỳ ngưng vô điều kiện cuộc oanh tạc và những hành động chiến tranh khác trên toàn lãnh thổ Miền Bắc Việt Nam. Hà Nội hiểu rằng việc ngưng ném bom là vô điều kiện.

Về điểm này, phía Hoa Kỳ đã nói theo tinh thần bản văn công bố, việc ngưng oanh tạc không kèm theo một điều kiện đáp ứng, và phía chính phủ Hoa Kỳ cũng không dùng danh từ “điều kiện” nào trong bản văn. Thủy tiếp, Miền Bắc đã không đòi hỏi một thỏa thuận mật và cả hai phái đoàn đều đồng ý các cuộc thương thuyết sẽ bao gồm Hoa Kỳ, Hà Nội, Sài Gòn và Mặt Trận Giải Phóng. Cuối cùng Hà Nội đồng ý ngày dự trù ngưng oanh tạc (31 tháng 10 thay vì 30 tháng 10) và phiên họp đầu tiên của các phía tại Paris (ngày 6 tháng 11 thay vì ngày 2 tháng 11). Trước khi kết thúc, Thủy xác định Hà Nội đồng ý với chính phủ Hoa Kỳ là các cuộc thương thuyết được diễn ra “ngghiêm chỉnh và tiến bộ”.

Washington cuối cùng đã có được sự đồng ý của Hà

Nội. Vấn đề còn lại là làm sao thuyết phục Sài Gòn tham dự vào cuộc thương thuyết. Hà Nội không có trở ngại nào để mang Mặt Trận Giải Phóng vào bàn họp theo thời gian đã quy định.

Sau khi gặp một số cộng tác viên Tòa Đại Sứ để thảo luận về bản văn mà Tổng Thống Johnson sắp sửa công bố về cuộc hòa đàm, Bunker gặp Thiệu vào sáng sớm ngày 31 tháng 10 (giờ Sài Gòn). Ellsworth Bunker thông báo cho chính phủ Miền Nam Việt Nam biết là đã đạt được một sự thỏa thuận tại Paris và không đề cập gì đến việc Johnson quyết định ra sao dù có hay không sự tham dự của Sài Gòn. Sau hơn 40 phút trao đổi, Thiệu chỉ hứa mỗi một điều là ông ta sẽ triệu tập phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và Chủ Tịch Lương Viện Quốc Hội vào buổi chiều.

Qua điện đàm về Bộ Ngoại Giao để tường thuật cuộc gặp gỡ vừa rồi với Thiệu, Bunker nói: “Tôi không thể nói với ông là Thiệu sẽ quyết định ra sao. Ông ta không phản đối nhưng không đủ thời gian để Thiệu trả lời với tôi những điều ông ta muốn thực hiện”.

Lúc 11 giờ sáng, Bunker gặp Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam Việt Nam và hai người đã duyệt xét toàn bộ tiến trình hòa đàm tại Paris ở phía Hoa Kỳ, nghĩa là phía Hoa Kỳ cần đạt được những mục tiêu nào mà phía Sài Gòn cho là quan trọng nhất. Tiếp theo, vào lúc 11 giờ 45 phút sáng, Bunker đến gặp Phó Tổng Thống Kỳ để trình bày những diễn tiến tại Paris như ông đã trình bày trước đó với Thiệu.

Kỳ cho biết, đây là thời điểm cấp bách và khó khăn và không còn thay đổi được. Nếu Sài Gòn đồng ý thảo luận

với Hà Nội thì Mặt Trận Giải Phóng cũng được có mặt tại đó và rồi họ cũng là một thành phần như Sài Gòn.

Kỳ nói với Bunker, ông ta đã chuẩn bị đại diện cho chính phủ Miền Nam tại Paris nếu Thiệu yêu cầu và ông ta sẽ dùng ảnh hưởng của ông vào phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia chiều nay để thuyết phục những thành viên trong Hội Đồng chấp nhận những đề nghị mà phía Hoa Kỳ đã đưa ra. Kỳ nói thêm, trên căn bản, giữa ông và Thiệu luôn có sự nhất trí và ông sẽ cố sức để giữ sự đoàn kết này.

Trong ba phiên họp liên tục, vất vả, bắt đầu từ 8 giờ chiều ngày 31 tháng 10 (giờ Sài Gòn) và kéo dài đến 7 giờ 45 sáng hôm sau ngày 1 tháng 11, Bunker và những cộng tác viên của ông chỉ thuyết phục mỗi một điều là làm sao người bạn Đồng Minh của mình chịu đến tham dự cuộc thương thuyết tại Paris mà trở ngại chính là những ngôn từ dùng trong bản công bố chung, mặc dù bản văn ấy đã thỏa thuận từ trước.

Những chướng ngại mà phía Miền Nam Việt Nam nêu ra cứ tăng dần lên, nhanh hơn là những gì đã được giải quyết. Đôi lúc những khó khăn ấy phía Hoa Kỳ tưởng như đã thu xếp xong thì những trở ngại khác lại đến. Phiên họp đầu tiên với Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam diễn ra tại phòng họp ở Dinh Độc Lập. Ông ta như thể một người châm ngòi nổ, đưa ra nhiều vấn đề gay gắt. Một cuộc trao đổi khôi hài là khi ông ta nói, nếu đối phương thất bại trong việc tấn công vào các Thành Phố thì nên phải hiểu rằng, đó không phải là sự xuống thang của phía Hà Nội mà là do sự chiến thắng của lực lượng quân sự chúng ta qua các cuộc hành quân, buộc đối phương không còn khả năng để tấn công.

Bunker đáp lại, cộng quân vẫn còn khả năng để tung ra các cuộc hành quân, điều đó có nghĩa là lực lượng của họ không hẳn hoàn toàn bị tiêu diệt và thậm chí, cộng quân còn có thể pháo kích và phóng hỏa tiễn vào các Thành Phố. Bunker dùng từ ngữ “khôi hài” để nhấn mạnh rằng, vừa rồi cộng quân đã bắn hỏa tiễn vào Sài Gòn, và một trong số ấy đã rơi vào khuôn viên Dinh Độc Lập, may mà trái hỏa tiễn ấy không nổ.

Cuối cùng Bunker nói, ông cần có một sự trả lời vì thời gian không còn nữa. Ông đã trình bày bức điện văn của Tổng Thống Johnson cho Tổng Thống Thiệu, ông đã làm tất cả những gì có thể làm được để đáp ứng sự đòi hỏi của Sài Gòn và đã giúp giải quyết những khó khăn của họ, bây giờ ông cần biết vị trí cuối cùng của họ: Đến Paris dự hòa đàm hay nhất quyết từ chối, ở lại nhà?

Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam trả lời: “Vấn đề căn bản là phía bên kia chỉ có một phái đoàn. Ông phải yêu cầu Hà Nội chấp nhận điều cơ bản đó. Mọi vấn đề khác sẽ giải quyết sau. Với ông, đó là vấn đề không hệ trọng nhưng quan điểm của chúng tôi, đó là vấn đề sinh tử”. Cần phải xác định với dân chúng Miền Nam chỉ có chính phủ Sài Gòn là chính phủ hợp pháp tại Miền Nam Việt Nam.

Bunker trả lời, ông ta đã trình bày vấn đề trên với Tổng Thống Thiệu rằng, Tổng Thống Johnson đã bảo đảm với Tổng Thống Miền Nam Việt Nam là Hoa Kỳ không bao giờ đề cập đến Mặt Trận Giải Phóng và xem họ như một phần của phái đoàn Hà Nội tại cuộc hòa đàm. “Chúng tôi không thể làm hơn thế nữa”, Bunker nói thêm câu ấy.

Sau đó Bunker yêu cầu gặp Thiệu trở lại. Phải chờ khá lâu Thiệu mới đến. Sau đó Kỳ cũng đến.

Thiệu đi ngay vào câu chuyện. Bắn hỏa tiễn vào Sài Gòn vào ngày Lễ Quốc Khánh của Miền Nam Việt Nam là điều chứng tỏ Hà Nội không có thiện chí để muốn có một cuộc đàm phán nghiêm chỉnh với đồng bào Miền Nam Việt Nam. Bunker đáp ngắn gọn, họ đã bắn hỏa tiễn vào đây và chúng ta đã oanh tạc trả đũa họ tại Miền Bắc.

Thiệu phản ứng gay gắt nói: “Họ là những người xâm lăng, chúng tôi là những người tự vệ, không thể so sánh như thế được”.

Rồi Thiệu tiếp, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia đã họp vào buổi chiều và vẫn giữ nguyên những điểm cần làm sáng tỏ trước. Chính phủ của ông nhận định, mục đích cuộc ngưng oanh tạc là để:

- a. - Chúng tỏ thiện chí xuống thang chiến tranh.
- b. - Thúc đẩy sự thương thuyết trực tiếp giữa Sài Gòn và Hà Nội.
- c. - Bảo đảm Mặt Trận Giải Phóng không được xem như một hiện trạng tách rời.

Thiệu tiếp, chính phủ của ông không bao giờ phản đối việc ngưng oanh tạc, nhưng cá nhân ông, cảm thấy không có ưu điểm nhiều lắm nếu điều đó thực hiện, đặc biệt, xem việc ngưng oanh tạc là vô điều kiện, một biểu hiệu tháo chạy của Đồng Minh.

Bunker nói, ông đã trả lời hầu hết những điều mà Bộ Trưởng Ngoại Giao đã nêu ra. Ông lập lại những lợi điểm cho Sài Gòn do việc ngưng oanh tạc mang đến và nói, Washington phải gay go trong một thời gian dài và vất vả mới buộc được bên kia ngồi vào bàn thương thuyết để bàn thảo tương lai Miền Nam Việt Nam theo yêu cầu phải có sự có mặt của chính phủ Hoa Kỳ. Bunker lập lại,

nếu những cuộc thảo luận không nghiêm túc, nếu Vùng Phi Quân Sự bị vi phạm hay lực lượng cộng quân vẫn tiếp tục tấn công vào các Thành Phố thì Tổng Thống Hoa Kỳ sẽ rút lại lệnh ngưng oanh tạc. Và bây giờ, phía bên kia đã chấp nhận những điều kiện mà Hoa Kỳ đã đưa ra, Tổng Thống Johnson nghĩ rằng ông ta phải tiến tới và hy vọng rằng Tổng Thống Thiệu cũng sẽ tiến tới với ông.

Bunker cũng khẳng định là Mặt Trận Giải Phóng không bao giờ được đối xử như một thành phần biệt lập và hỗ trợ Sài Gòn ngang hàng với Hà Nội và tiếp, dân chúng Hoa Kỳ sẽ không bao giờ hiểu được tại sao chính phủ của họ lại bỏ lỡ cơ hội để thương thuyết hòa bình ở phía bên kia. Bunker nhấn mạnh, dân chúng Mỹ sẽ ủng hộ Sài Gòn ở những vấn đề mang tính chất nguyên tắc, nhưng không cố chấp vào từng điểm cá biệt.

Thiệu giải thích, Miền Nam Việt Nam hoàn toàn tin tưởng vào việc tái oanh tạc của Hoa Kỳ một khi Hà Nội lợi dụng sự xuống thang chiến tranh của chúng ta và cũng tin rằng Hà Nội muốn có cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh, thế nhưng còn điểm thứ ba chưa giải quyết. Nếu không có gì chắc chắn là Mặt Trận Giải Phóng không được xem như một phái đoàn riêng rẽ thì Sài Gòn không thể nào chấp nhận được. Không phải chỉ có ông Phó Tổng Thống Kỳ mà “tất cả những người ông tham khảo” đều có cùng quan điểm như ông.

Bunker trả lời điều đó tùy thuộc vào kỹ thuật thương thuyết chính phủ của Thiệu muốn Hoa Kỳ quan tâm đến việc Mặt Trận Giải Phóng là một bộ phận biệt lập hay dính liền với Hà Nội cũng bằng thừa, một khi họ vẫn là một khối thống nhất, một khi họ tuyên bố họ tự tin và sẽ

hành động để làm lu mờ dần danh nghĩa Mặt Trận Giải Phóng thì lẽ tất nhiên ai cũng thấy được sự khác biệt sâu xa giữa Sài Gòn và Mặt Trận Giải Phóng.

Thiệu không đồng ý lời giải thích của Bunker và Kỳ ủng hộ Thiệu. Tranh luận thành bế tắc và đưa đến việc những nhà lãnh đạo Miền Nam không còn muốn lắng nghe những lý giải hợp lý nữa.

Cuối cùng, sau khi Kỳ nói, họ cần có thêm thời gian, Bunker hỏi họ, cần bao lâu nữa. Thiệu nói, cần thời gian để Sài Gòn nói chuyện với Hà Nội tại Paris, thúc đẩy họ chấp nhận công thức “ba quyền lực”. Điều đó có nghĩa là sự bế tắc vô phương cứu vãn.

Sam Berger, cùng có mặt với Bunker lúc đó, nếu Miền Nam Việt Nam muốn có một cuộc họp với Hà Nội theo hình thức ấy thì phía bên kia cũng có thể đưa Mặt Trận Giải Phóng vào phòng họp cùng với họ.

Thiệu nói trong vẻ bức bối: Nếu thế thì mọi việc xem như đã chấm dứt.

Kỳ tiếp lời, Washington nên để Sài Gòn có thêm thời gian dàn xếp với Hà Nội tại Paris về những điều kiện, theo đó, Sài Gòn mới bước vào cuộc thương thuyết. Kỳ thêm, Miền Nam sẽ không bao giờ chấp nhận những cuộc thương thuyết một khi Hà Nội xem Miền Nam Việt Nam ngang tầm với Mặt Trận Giải Phóng.

Bunker đáp lại, nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng và cư xử với họ như một phần của phái đoàn Hà Nội không có nghĩa là đặt họ ngang tầm với Hà Nội.

Kỳ đề nghị, trong bản tuyên bố chung, thay vì xác định ngày cho phiên họp đầu tiên, nên đổi là “vào một ngày sớm nhất, thời gian sẽ được thu xếp giữa hai bên”.

Bunker nói, nếu thế thì tạo một khoảng trống và Hà Nội là kẻ thắng vì họ có thể căn cứ vào đó, để kéo dài theo họ muốn giữa ngày ngưng oanh tạc và ngày có phiên họp đầu tiên. Chính vì thế mà Hoa Kỳ đã bắt buộc họ phải đến bàn hội nghị nhanh chóng, trước đó là ba ngày, nhưng sau kéo dài một tuần lễ theo lời yêu cầu của Sài Gòn.

Kỳ tiếp lời, nếu cần hai tháng để buộc Hà Nội chấp nhận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không phải là một phần tử riêng biệt thì hai tháng ấy cũng không phải là uổng phí. Những người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam không chuẩn bị để đầu hàng, qua ngôn ngữ ngoại giao. Bởi vì hàng bao nhiêu người đã hy sinh để ngăn chặn một mặt trận do Hà Nội hình thành tại Miền Nam.

Bunker đáp, dân chúng Mỹ sẽ không chấp nhận tiếp tục cuộc chiến bởi những câu hỏi mang nặng tính chất hình thức vừa rồi, ngăn cản các cuộc thương thuyết.

Kỳ đã kết thúc phiên họp vô bổ ấy sau khi kéo dài từ 8 giờ tối tới 3 giờ sáng ngày 31 tháng 10 đến 1 tháng 11, giờ Sài Gòn với lời yêu cầu hoãn tuyên bố ngưng oanh tạc 24 giờ.

Bunker liền tham khảo trực tiếp qua điện thoại với Bộ Trưởng Ngoại Giao Rusk về yêu cầu vừa rồi của Miền Nam Việt Nam. Đồng thời cũng được Tổng Thống Johnson điện đàm và nhận được bản văn phản đề nghị của Hoa Kỳ về những khuyến cáo bổ túc đòi thay đổi trong bản tuyên bố chung.

Khi cuộc thảo luận tái nhóm vào lúc 5 giờ sáng ngày 1 tháng 11, Bunker đã trao công điện thứ 2 của Tổng Thống Johnson cho Tổng Thống Thiệu và giải thích về những phản đề nghị của Hoa Kỳ. Vị Đại Sứ nhấn mạnh, những

phản đề nghị này là kết quả của sự tham khảo, thảo luận giữa Tòa Bạch Ốc cùng Bộ Ngoại Giao và Hoa Kỳ đã cố gắng hết mức để gạt bỏ những trở ngại.

Không khí phiên họp cuối cùng này thật tồi tệ, lạnh lùng. Càng ngày càng biểu lộ Thiệu và những nhân vật trong chính phủ của ông không quan tâm gì đến thời gian mà Hoa Kỳ đã đạt được với phía bên kia đã cận kề. Phía Mỹ xem đồng hồ từng giờ còn phía Miền Nam Việt Nam thì xem như chẳng có gì sắp xảy tới.

Thiệu nói, ông ta không có cách giải thích với chính phủ ông là tại sao chúng ta không thể chờ đợi thêm “một tuần hay mười ngày nữa”.

Thời điểm sắp tới của Bunker cố gắng đưa cuộc thảo luận vào một số kết luận nhưng vô ích. Tranh luận cứ xảy ra.

Thiệu bất chợt giận dữ, theo bản phúc trình của Washington chỉ trích ông đã tiết lộ những điểm trước công chúng, đã trình bày trước đồng bào của ông những điều ông đã nói.

Cao điểm của sự căng thẳng giữa Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam đã có lúc diễn ra như sau:

Tổng Thống Thiệu: Chúng tôi phải có sự thỏa thuận (của Hà Nội) tiên quyết trên căn bản (tại cuộc đàm phán tại Paris). Chúng tôi không thể dự đoán các kết quả sẽ đưa đến trong những phiên họp đầu tiên. Hãy để chúng tôi có cơ hội thực hiện điều đó.

Đại Sứ Bunker: Hãy vào bàn thảo luận.

Phó Tổng Thống Kỳ: Hội Đồng An Ninh Quốc Gia muốn có sự xác định là sẽ không bao giờ có Mặt Trận Giải Phóng ở phía bên kia.

Đại Sứ Bunker: Ông sẽ không bao giờ đạt được điều đó.

Phó Tổng Thống Kỳ: Bản thảo chúng tôi (về việc tuyên bố chung) đã hé mở một số hy vọng, một cơ hội để đạt được một mục tiêu nào đó (với Hà Nội). Tôi phải nói thẳng thắn, không thấy điều này.

Ông Đức: (Phụ Tá của Tổng Thống Thiệu) Vấn đề căn bản để mở đầu cuộc thương thuyết là Hà Nội phải xác nhận là chỉ có một phái đoàn.

Tổng Thống Thiệu: Tại sao ông phản đối chúng tôi đặt ra những câu hỏi với Hà Nội? Nguyên tắc tiên khởi cho cuộc thương thuyết là phải đặt căn bản trên vấn đề lãnh thổ.

Phó Đại Sứ Berger: Nếu chúng tôi thực hiện điều ấy tại cuộc thương thuyết, có nghĩa là Hà Nội chỉ có một phái đoàn, chúng tôi sẽ không hỗ trợ cho ông.

Tổng Thống Thiệu: Tôi sẽ lưu ý điều này. Ông nói là ông sẽ không ủng hộ chúng tôi nếu phía bên kia chỉ có một phái đoàn?

Phó Đại Sứ Berger: Tôi không nói như thế.

Đại Sứ Bunker: Tôi không nói như thế.

Tổng Thống Thiệu: Tôi đã thu bằng điều đó. Ông nói.

Phó Đại Sứ Berger: Ý của tôi là nếu ông xem đó là một điều kiện để tham dự cuộc hòa đàm, chúng tôi sẽ không hỗ trợ ông. Nhưng chúng tôi sẽ hỗ trợ ông trong tư thế thương thuyết, xem phía bên kia như một phái đoàn...

Phiên họp chấm dứt trong bầu không khí vẫn đục như lúc khởi đầu, nghĩa là Miền Nam Việt Nam không trả lời không chấp nhận về những dự thảo của Hoa Kỳ nhưng cũng không trả lời là đồng ý. Thời gian đã trôi qua và phía Miền Nam Việt Nam vẫn tiếp tục đòi hỏi những điều không thể thực hiện được để cho cuộc thương thuyết

được bắt đầu, nghĩa là cuộc đàm phán chỉ diễn ra một khi Sài Gòn nhận được những đáp ứng từ phía Hà Nội theo yêu cầu tiên quyết của họ.

Khi những nhà ngoại giao Hoa Kỳ rời khỏi văn phòng của Thiệu lúc ấy là 7 giờ 45 sáng ngày 1 tháng 11. Họ hiểu rằng và những nhà lãnh đạo Miền Nam cũng hiểu rằng Hoa Kỳ phải đơn phương tuyên bố việc ngưng oanh tạc. Bunker rảo bước đến chiếc xe trong trạng thái rã rời, dưới buổi sáng còn lạnh trong ngày Quốc Khánh của Miền Nam Việt Nam và cũng là ngày lật đổ ông Ngô Đình Diệm.

Vài phút sau đó tại Washington, Tổng Thống Johnson ra lệnh ngưng oanh tạc Miền Bắc Việt Nam càng sớm càng tốt và trễ lắm là 12 giờ sau khi lệnh ban hành. Tổng Thống cũng loan báo cho dân chúng Mỹ biết những phiên họp thường lệ đàm phán tại Paris sẽ diễn ra tuần lễ sau đó và đại diện chính phủ Miền Nam Việt Nam sẽ không tham dự. Ông ta lưu ý, sự có mặt tham dự của Mặt Trận Giải Phóng không có nghĩa Mặt Trận Giải Phóng là một tổ chức riêng rẽ hay một phái đoàn độc lập hợp pháp.

“Chúng ta đã tiến đến bàn hòa đàm”, Johnson nói “nơi mà những cuộc đàm phán thẳng thắn có thể bắt đầu. Chúng tôi xác định cho phía bên kia hiểu rằng, một cuộc đàm phán như vậy không thể tiếp tục nếu dùng quân sự như một lợi thế. Chúng tôi không thể có những cuộc đàm phán thẳng thắn trong thời điểm khi mà các Thành Phố bị pháo kích và Vùng Phi Quân Sự bị xâm phạm”.

Cuộc đàm phán hòa bình Paris để chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã có những tiến triển sau đó khi Washington thuyết phục và giải thích để Sài Gòn chấp nhận có mặt tại bàn hội nghị.

CHƯƠNG 7

1969 - NĂM DẬU: BÌNH ĐỊNH NÔNG THÔN. NỀN TẢNG CỦA VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH

Những tham vọng của viên chức chính phủ tại Washington là cố thực hiện bằng mọi cách để cuộc chiến ngày càng giảm xuống, tránh tái diễn trường hợp Tết Mậu Thân và những trao đổi gay gắt giữa Bunker và Thiệu đã ít nhiều bị tiết lộ ra công chúng đã ảnh hưởng đến tôi. Không có những viên chức hoặc người dân quê nào tại Miền Nam hy vọng những cuộc thương thuyết sẽ đưa đến một nền hòa bình và giúp cho đời sống của họ tốt hơn. Họ vẫn nghĩ, cuộc chiến sẽ tiếp tục cho đến khi nào, bên này hoặc bên kia, dành được thắng lợi hoàn toàn tại chiến trường. Vĩnh Long là một điển hình trong sách lược đó. Để bảo đảm an ninh, Vĩnh Long đã chia ra 65 làng và 185 ấp.

Tôi được chỉ định về phục vụ tại Quận lỵ nằm trong Thành Phố Tỉnh này và nhiệm vụ của tôi là đi thăm các làng xã và báo cáo về cho các vị Cố Vấn Trưởng của Tỉnh về khả năng và chất lượng của các Xã Trưởng. Tôi lại thích thú công việc này bởi nó giúp tôi thêm hiểu biết về

ngành khảo cổ học và văn hóa mà tôi đã nghiên cứu và hoàn tất từ trước.

Quận này gồm 110.000 dân và chia làm 14 xã. Khoảng 31.000 người sống tại Thành Phố, giao tuyến giữa nhánh sông của Sông Mekong và một kênh đào dài. Phật Giáo chiếm 44,5% dân chúng, 43,3% là Khổng Giáo hay Đạo do tổ tiên truyền lại, 5,2% Công Giáo và 4,8% Cao Đài. Thành Phố Vĩnh Long có ba Trường Trung Học lớn, Trường Trung Học Công Lập gồm 3.000 học sinh, Trường Trung Học Kỹ Thuật có 800 và Trường đào tạo Giáo Viên được xây cất từ ngân khoản viện trợ của Hoa Kỳ vào thời anh ruột của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đảm nhận chức Giám Mục tại địa phận đó. Có hai Trường Trung Học Tư Thục, một của Công Giáo và Trường dạy đánh máy nằm gần chợ của Thành Phố.

Nông sản chính của Tỉnh là gạo và trái cây cộng thêm một ít nông trại trồng rau. Về kỹ nghệ, chuyên về sản xuất gạch và Sông Mekong là một lợi điểm về phương tiện chuyển vận hàng hóa đi khắp nơi. Quận lỵ có nhiều đường giao thông, có đường được tráng nhựa và cũng còn một số là đường đất.

Vào thời tôi, dân chúng trong Quận được an ninh nhờ có 1400 binh sĩ Nghĩa Quân chia thành 40 Trung Đội bảo vệ. Một số các Trung Đội này chia ra đóng giữ 29 cứ điểm dọc theo đường giao thông hay gần những chiếc cầu quan trọng. Một số Trung Đội khác đóng tại Quận lỵ và xem như những đơn vị lưu động khi ông Quận Trưởng cần sử dụng. Thêm vào đó có Tiểu Đoàn 65 Địa Phương Quân, được trang bị vũ khí nặng đóng tại phi trường để bảo vệ căn cứ. Một đơn vị trực thăng Hoa Kỳ cũng đóng

tại đây để vận chuyển binh sĩ Việt Nam vào những cuộc hành quân lớn trong Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Lực lượng cộng quân bao gồm khoảng 250 du kích trong Quận. Họ sống ẩn nấp và chia ra thành những tiểu đội nhỏ. Vì thế tình trạng an ninh của Quận nếu bị đe dọa là do lực lượng cộng quân có căn cứ dọc theo kinh đào thuộc các Quận khác đưa đến. Tỉnh trưởng cộng quân cũng có những trận đột kích vào ban đêm để tấn công vào phi trường hay những vùng thuộc hướng Nam của Thành Phố Vĩnh Long. Tổng số lực lượng cộng quân toàn Tỉnh gồm khoảng 5.500 người được vũ trang, chia thành hai tiểu đoàn chính, mỗi tiểu đoàn bao gồm 750 người, một tiểu đoàn lưu động gồm 580 người, còn lại phân tán rải rác khắp 7 Quận với những đơn vị du kích nhỏ để phá hoại vào các làng xã. Đêm Tết Mậu Thân các đơn vị việt cộng đã có mặt tại các đường phố chính thuộc Trung Tâm của Thành Phố khi họ bị nhận diện.

Thời gian tôi đến vào giữa tháng 9, phần lớn những thiệt hại trong kỳ Tết đã được tu bổ mặc dù một số gia đình vẫn còn cư trú trong những túp lều tạm bợ và hầu như các viên chức phục vụ tại các xã ấp đã tiếp tục công tác bình thường của họ. Tỉnh cũng đã có kế hoạch đẩy lùi việt cộng ra khỏi các làng xã mà họ vẫn còn kiểm soát trong kỳ Tết. Do đó những khu vực chung quanh Tỉnh lỵ được xem như hàng đầu trong việc tái ổn định về vấn đề an ninh.

Quan niệm những cuộc hành quân mang tính thuần túy về quân sự quả không hữu hiệu: Binh sĩ được tuyển mộ và chỉ làm nhiệm vụ đóng giữ các tiền đồn trong Quận, mặc dù vào thời điểm ấy, tình hình an ninh đã được bảo vệ 24 giờ mỗi ngày và cộng quân không còn khả

năng để các đơn vị du kích có đất hoạt động kể cả ban đêm. Sự thâm nhập của du kích quân vào quần chúng bị chặn đứng và quần chúng cũng không còn ủng hộ và đóng thuế cho họ như trước.

Du kích quân là cá lòi trong biển, là dân chúng, thì Quân Đội khó có thể tìm, xác định và tiêu diệt, trừ khi dân chúng hợp tác với chính quyền. Chiến lược của chiến tranh nhân dân là đánh trả lại Hà Nội bằng cách đưa dân chúng chống lại những người cộng sản.

Một chiến lược như thế người ta cho là lảng mạn, ảo tưởng và xuẩn động, chẳng khác nào muốn “thắng cả tim óc” điều mà chỉ dùng để tuyên truyền và chỉ xảy ra trong sách vở, không thể nào thực hiện được trong quần chúng. Nhưng người ta quên rằng, để đánh bại du kích cộng sản, “tim và óc” phải xuất phát từ quần chúng.

Nói một cách rõ hơn, người ta có thể dùng kỹ thuật về một trận chiến quy ước để đánh bại những kế hoạch về chiến tranh du kích, nhưng người ta không thể dùng kỹ thuật ấy để chặn đứng việc đánh bại du kích quân thâm nhập vào quần chúng.

Một bài toán giải đáp phương thức thâm nhập đòi hỏi cách giải quyết “sự chiến thắng cả tim óc” cộng lẫn kỹ thuật quân sự. Quần chúng một khi chính họ tự tổ chức và điều hành thành những cơ cấu thì số phận các du kích quân không còn nơi ẩn trốn, và cuộc xung đột tự nó sẽ dần dần tan loãng. Một tổ chức quần chúng từ cơ bản phải trao trách nhiệm bảo vệ và phát triển thuộc quyền lãnh đạo tại địa phương. Vấn đề nổi dậy chỉ được giải quyết một khi dân chúng tại địa phương thấy được quyền lợi thiết thân của họ là do chính họ bảo vệ.

Sự lượng giá của của tôi về những người lãnh đạo các làng xã thuộc Quận bao gồm Tỉnh lỵ Vĩnh Long cũng dựa trên những nhận định trên. Nghĩa là phải thay đổi phương thức để các làng xã chủ động trong việc đánh bại những người cộng sản và cả những người đã ủng hộ họ. Một khi chính quyền xã ấp đã loại trừ được thành phần du kích ra khỏi địa phương của họ, thì nền tảng cơ bản để tạo nên cuộc chiến thắng về sự xâm lăng từ Hà Nội đã được hình thành và buộc Hà Nội phải trở về thế tự vệ. Hoa Kỳ từ đó có thể rút quân mà không sợ trận chiến bị thất bại.

Đó là những suy nghĩ của tôi vào năm 1968 là làm sao phải thắng cuộc chiến này. Tôi chỉ nghĩ, đó là những nhận định cá biệt, đơn lẻ. Thế nhưng tôi không ngờ rằng Ellsworth Bunker và một số viên chức Hoa Kỳ cao cấp cũng nghĩ giống tôi.

Vào tháng 9 và 10 năm 1968 khi tôi bắt đầu thăm viếng và gặp gỡ các viên chức và Chủ tịch Hội Đồng Xã, Ấp thì kế hoạch tái lập an ninh tại các làng xã đã được soạn thảo. Một chánh sách đặc biệt về Bình Định sẽ bắt đầu vào 1 tháng 11 năm 1968. Kế hoạch này được gọi là APC (Accelerated Pacification Campaign) phối hợp vừa chiến dịch hành quân về quân sự và tái lập sự an ninh cho khoảng 3.800 làng xã bao gồm ba triệu dân đang sinh sống. Lực lượng cộng quân thực ra chỉ kiểm soát chừng 18% số làng xã trong tổng số nói trên. Từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 2 năm 1969, khoảng 1.000 xã ấp đã được tái ổn định, số còn lại dự kiến sẽ ổn định vào những tháng trong năm 1969.

Kế hoạch APC không chỉ nhằm tái lập an ninh mà còn

là một tổng hợp, phát triển cả về mặt chính trị và kinh tế, có mục tiêu thực hiện một chính quyền theo nguyện vọng dân chúng tại địa phương. Kế hoạch này cũng không đảo ngược phần lớn kỹ thuật Bình Định đã mang ra áp dụng trước đó, sau khi ông Diệm bị lật đổ, tự nó có thể tiến hành không đòi hỏi Quân Đội chính quy phải thường trực để hỗ trợ. Từng toán cán bộ đặc biệt gồm công chánh, giáo dục, xã hội, y tế, họ có thể đến các làng hoạt động theo kỹ thuật chuyên môn của họ.

Thế nhưng còn phải có lực lượng quân sự địa phương bảo vệ họ, nếu không, an ninh cho họ không bảo đảm và việc hoạt động của họ bị ngưng trệ. Trái lại phần lớn lực lượng quân sự Miền Nam không nhìn thấy tầm quan trọng ở kế hoạch ấy và xem như họ không có trách nhiệm gì, mặc dù Tướng Westmoreland đã nhiều lần đề nghị phía Miền Nam Việt Nam nên dành một số Tiểu Đoàn để hỗ trợ chương trình đó.

Tổng Thống Thiệu đã thành lập Trung Tâm Bình Định và Phát Triển và cơ chế này trực thuộc Phủ Tổng Thống điều hành. Tất cả các bộ quan trọng đều nằm trong Hội Đồng này. Hội Đồng Trung Ương đặt mục tiêu để các Tỉnh thực hiện và có trách nhiệm quan sát việc thi hành ấy. Do đó mà vai trò của các vị Tỉnh Trưởng quan trọng và trách nhiệm nhiều hơn, hiệu năng cũng cao hơn.

Hội Đồng Bình Định Trung Ương và chính phủ đã đặt mục tiêu ưu tiên hàng đầu là phải bảo vệ từ 75 đến 85% dân chúng Miền Nam trong vùng do chính phủ kiểm soát. Mục tiêu ấy đã vô hiệu hóa sự tuyên truyền của Mặt Trận Giải Phóng rằng họ đã kiểm soát được phân nửa quần chúng và lãnh thổ để đòi hỏi một chính quyền liên hiệp.

Khởi đầu APC cùng các đơn vị quân sự địa phương vào các làng do Tỉnh Trưởng chọn lựa. Các đơn vị quân sự có nhiệm vụ kiểm tra những thành phần du kích quân ẩn trốn trong làng sau vụ Tết Mậu Thân. Trong khi đó, thì Toán Cán Bộ Bình Định hoạt động theo nhiệm vụ đã hướng dẫn trước. Đồng thời theo lệnh Tổng Động Viên mới ban hành, những thanh niên trong làng được gọi nhập ngũ, huấn luyện họ được trang bị súng cá nhân M16 và đại liên M60 do Hoa Kỳ cung cấp rồi gửi trả lại về địa phương của họ. Lực lượng quân sự trước kia giữ an ninh tại đó được di chuyển sang công tác ở một làng khác.

Với phương thức đó, làng này sau làng kia, xã này sau xã kia, khắp cả Miền Nam sẽ không còn bóng dáng cộng quân. Chủ yếu cho kế hoạch chống nổi dậy này là tạo cho địa phương đủ mạnh để họ tự bảo vệ chính họ. Lực lượng chính quy không còn lo bảo vệ địa phương, vì thế rảnh tay, mở ra những cuộc hành quân để lùng và diệt các đơn vị cộng quân ẩn trốn xa hơn là tại các làng xã, tạo cho sự an ninh tại các xã ấp vững mạnh hơn.

Một phần trách nhiệm mà đồng thời chương trình APC phải đảm nhiệm, song song với chương trình thiết lập trường học, xây dựng lại cầu đường... là phải huấn luyện hàng ngũ Nhân Dân Tự Vệ. Đó là lực lượng bao gồm cả nam lẫn nữ, không hưởng lương của chính phủ, tham gia vào việc gìn giữ an ninh tại địa phương của họ vào lúc đêm xuống. Sự có mặt của lực lượng này làm giảm thiểu sự hoạt động của các cán bộ cộng sản nhằm tuyên truyền hay thu thuế của dân chúng.

Tổ chức Nhân Dân Tự Vệ đã được nghiên cứu từ mùa Hè 1968 xem như điểm khởi đầu cơ bản để ngăn chặn kế

hoạch nổi dậy do cộng sản đưa ra khắp cả Miền Nam Việt Nam. Sự thành công của nó dựa trên điều kiện tạo được niềm tin nơi dân chúng giữa chính phủ trung ương và chính quyền tại địa phương.

Kế hoạch APC bắt đầu từ 1 tháng 11, ngay vào thời điểm cuộc hòa đàm nghiêm chỉnh bắt đầu tại Paris. Vào cuối tháng 11, bản thống kê cho thấy đã có 73 phần trăm dân chúng Miền Nam đã sống trong vùng do chính phủ kiểm soát, cao hơn là trước khi cuộc tấn công Tết Mậu Thân xảy ra. Dựa vào thành quả đó, Thiệu muốn tăng cường việc tuyển mộ và huấn luyện thêm các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân để dứt điểm trong vòng từ ba đến sáu tháng ở kế hoạch đã dự trù cho toàn năm 1969. Điều đó có nghĩa là Quân Đội Hoa Kỳ đủ điều kiện để rút quân về nước từ 50 ngàn đến 100 ngàn quân trong năm 1969. Thiệu đã đáp ứng được kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh theo ước muốn của Washington đã đề ra.

Trong vòng ba tháng, chương trình APC đã mang lại sự an ninh cho trên 100 ấp, so với toàn năm 1967, Kế Hoạch Xây Dựng Nông Thôn với cán bộ áo đen chỉ thực hiện được 107 ấp. Chương trình APC cũng được thăm dò và lượng giá hàng tháng về kết quả và khả năng của nó khắp cả Miền Nam Việt Nam. Cuộc thăm dò do các Cố Vấn Hoa Kỳ tại các Quận khắp Miền Nam Việt Nam đảm nhiệm được gọi là Hamlet Evaluation Survey, hay thường gọi tắt là HES. Trong 1333 ấp cuối cùng do chương trình APC Bình Định, khoảng 1055 được xem có bảo đảm an ninh, nghĩa là chính phủ kiểm soát thêm 1,6 triệu dân chúng. Vào thời điểm ấy, kết thúc cuộc thăm dò, đã có

đến 79% dân chúng Miền Nam đã được sống trong những vùng an ninh, HES đã báo cáo như vậy.

Chương trình APC chấm dứt, mặc dù cộng quân tung ra 4 đợt tấn công kể từ Mậu Thân, kết quả vẫn đúng vừng. Chỉ có hai Tỉnh cần tái lập lại sự Bình Định. Chỉ có 11 cứ điểm rơi vào tay địch quân hay bị bỏ và chỉ có 26.000 dân chúng phải rời bỏ nơi cư trú của họ. Và cũng chỉ có 34 trong số 7.000 đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân bị thiệt hại cần phải tái bổ sung.

Những thành quả do bản thống kê của HES thực hiện đã tạo nên một sự chỉ trích, cho rằng Bunker đã đưa ra những con số không đúng sự thật. Dân Biểu Tunney kết án là cuộc thăm dò của HES có giá trị chẳng khác gì hơn là rác rưởi. Trái lại, Bunker đã dùng những thống kê của HES như những chỉ dấu để đấu tranh với Hà Nội, và do đó là những tổng hợp, những yếu tố bao gồm như sự sản xuất lúa gạo, hoạt động thị trường, những mục tiêu Bình Định đã thực hiện được, tỷ số thương vong tại chiến trường và những địa điểm mà cộng quân đã chiếm cứ hoặc đã mất dần sự khống chế của họ.

Những báo cáo của HES từng xã ấp được thực hiện từng tháng một do những Cố Vấn CORDS ở 245 Quận có mặt khắp Miền Nam thực hiện. Những Cố Vấn này là những thanh niên, có người từ ngoại quốc đến, có người từ cơ quan AID cử sang, và cũng có những sĩ quan Quân Đội Hoa Kỳ từ cấp Đại Ủy trở lên, Cố Vấn cho các Quận được CORDS chỉ định để thực hiện theo những tiêu chuẩn do CORDS đề ra. Những Cố Vấn cho CORDS như tôi chẳng hạn, cũng được huấn luyện để thực hiện cả về mặt chiến thuật Hoa Kỳ, hỗ trợ cho các lực lượng Địa

Phương Quân và Nghĩa Quân về các mặt trợ giúp kinh tế, thực phẩm, tiền mặt tại các địa phương Quận hay Xã.

Căn bản đơn vị chính quyền của Miền Nam Việt Nam là làng. Nhưng mỗi làng được chia thành nhiều ấp. Toán Cố Vấn tại mỗi Quận được khuyến cáo là phải thăm viếng mỗi ấp, tối thiểu mỗi tháng một lần. Những thống kê của HES ghi nhận từ những chuyến đi tham quan như thế, những báo cáo hàng tháng, riêng tình hình an ninh mỗi ấp, phải trả lời 27 câu hỏi do APC đặt ra.

Và rồi mỗi tam cá nguyệt, báo cáo đúc kết đòi hỏi nhiều chi tiết bao quát hơn, chẳng hạn lực lượng Đồng Minh, phản ứng nhanh chậm khi tình hình an ninh tại địa phương bất ổn. Sự hiện hữu của nhân viên chính quyền và Cảnh Sát, nguồn thông tin của chính quyền tại địa phương, tình trạng giáo dục, tỵ nạn trợ cấp xã hội... Những báo cáo tam cá nguyệt như thế đưa ra những thống kê mang tầm vóc trung ương, cung cấp những sự kiện chính xác đủ diễn tiến, đôi khi khác xa những gì do các vị Quận Trưởng Việt Nam cung cấp.

Ngoài ra, CORDS còn có một hệ thống báo cáo khác. Đó là những bản phúc trình hàng tháng do Cố Vấn Trưởng tại các Tỉnh gửi về. Vì vậy mà những thống kê không chỉ mang tính chất số lượng mà còn cả những nhận định về chất lượng nữa.

Để thăm dò sự thăm dò của HES do cơ quan CORDS thực hiện chính xác đến mức độ nào, CORDS đã thực hiện một chương trình khác nữa. Vào năm 1967, 40 Toán sinh viên Việt Nam đã được gửi đến 40 Quận. Họ phỏng vấn từng người dân trong mỗi ấp, những câu hỏi tương tự như của HES. Kết quả của họ mang ra đối chiếu với

kết quả do các Cố Vấn của CORDS đã thực hiện. Sự khác biệt được rút ra, về tình hình an ninh, các bản báo cáo từ phía Cố Vấn CORDS vẫn tỏ ra lạc quan hơn là của sinh viên. Từ đó, tỏ ra dè dặt hơn trong các báo cáo về phía Cố Vấn Hoa Kỳ. Những thống kê cũng tỏ ra chính xác hơn ở những nơi nào mà Cố Vấn của CORDS thuộc thành phần dân sự hoặc Cố Vấn của CORDS nói được Việt ngữ.

Sau khi chiến dịch APC được đưa ra, Bob Komer đã rời nhiệm vụ chỉ huy cơ quan CORDS vào đầu tháng 11 tại Việt Nam để đảm nhận chức vụ mới là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Thổ Nhĩ Kỳ. Thế nhưng kế hoạch ông đặt ra trong Chương Trình Bình Định, cả hai phía Hoa Kỳ và Việt Nam vẫn tiếp tục áp dụng. Những sáng kiến của Bob Komer dựa trên những lý thuyết quản trị mà ông đã rút ra từ Trường Đại Học Quản Trị Harvard. Người thay thế Bob Komer là William Colby, con người trầm lặng bề ngoài nhưng có những phân tích và phán đoán sâu sắc bề trong, lại rất am tường về tình hình Việt Nam.

Colby ít xông xáo hơn Komer nhưng lại có khả năng thúc đẩy và hoàn tất những điều ông muốn. Ông luôn sát cánh với Abrams và các Tướng lĩnh Hoa Kỳ khác. Nhưng điều quan trọng hơn hết, Colby đã biến chương trình phát triển xã ấp trở thành chiến lược của một cuộc chiến tranh nhân dân và dùng chiến lược ấy để đánh bại kế hoạch nổi dậy trong mưu đồ xâm lăng Miền Nam của cộng sản Hà Nội.

CHIẾN LƯỢC TẠI NÔNG THÔN

Có lẽ sự hiểu biết của Bunker về sách lược Bình Định ít hơn là William Colby. Ông đảm nhận cơ quan này do

Bob Komer sáng lập và với quan niệm vết dầu loang để mang lại sự an ninh trên toàn lãnh thổ đã được Komer đưa ra áp dụng sau cuộc tổng công kích Mậu Thân và dùng nguyên tắc ấy làm nền tảng để thực hiện một cuộc cải tổ chính trị tại vùng nông thôn ở các làng mạc.

Mục tiêu của Colby nhằm tạo điều kiện để người Miền Nam Việt Nam có thể trở lại cách sống hợp quần của họ theo truyền thống có từ xa xưa ở các vùng thôn quê, và chính họ bắt đầu dự vào các cuộc bầu cử để chọn lựa những người đại diện tại các Hội Đồng ở xã cũng như ở Tỉnh.

Colby hy vọng, tạo dựng niềm tin nơi dân chúng tin tưởng vào tương lai với nền kinh tế thịnh vượng hơn, với một guồng máy địa phương do chính họ đích thật tuyển chọn và tự bảo vệ thì sự hợp tác giữa địa phương và trung ương sẽ gắn bó, tạo điều kiện vững chắc để đương đầu với cuộc xâm lăng của Hà Nội.

Chương Trình Bình Định thành công một phần nhờ chiến lược của Colby. Tính chất hợp quần ở làng, xã là mạch sống, là một tổng hợp tự nhiên của xã hội Việt Nam. Trọng tâm những chương trình của chính phủ đặt vào các làng xã, Chương Trình Bình Định lãnh thổ của Colby đáp ứng đúng bối cảnh xã hội đó.

Ngày xưa Việt Nam có khoảng 2.100 làng. Vào thế kỷ 19 dưới triều đại Nhà Nguyễn, làng trở thành vai trò chủ động trong các tổ chức xã hội và chính trị. Làng là một bộ phận của Quốc Gia, nhưng có quyền tự trị riêng và được trung ương thừa nhận. Nói một cách khác, chính quyền Trung Ương chỉ biết đến ông Xã Trưởng và chẳng biết những dân chúng dưới quyền của họ. Câu nói quen thuộc của người dân Việt Nam: “Phép Vua thua lệ làng”

để chỉ về quyền lực những người lãnh đạo địa phương là như thế. Danh từ “Làng, Xã” vẫn còn được người Việt Nam dùng đến ngày nay.

Lùi lại xa hơn nữa, các triều đại Lý, Trần và Lê, sự hợp quần ở làng xã vẫn giữ vai trò quan trọng trong những chuyển đổi về chính trị. Vào thế kỷ thứ 13, cả gia đình Vua Trần đã kêu gọi động viên tất cả nhân lực các làng xã, nhờ thế đã đánh bại cuộc xâm lăng của Mông Cổ. Nền tự chủ Việt Nam lần đầu tiên vào thế kỷ thứ 10 đã ghi lại, đằng sau vị lãnh đạo của họ là toàn thể dân làng tự trang bị và đứng lên hỗ trợ. Chương Trình Bình Định năm 1969 dựa trên nền tảng truyền thống căn bản ấy của dân tộc Việt Nam.

Kỹ thuật khơi động lại nếp sống hợp quần ở các làng xã và đưa họ gắn gũi với chính quyền Trung Ương trao về địa phương. Quyền lực tại địa phương bị tước đoạt tập trung về trung ương dưới triều đại Nhà Nguyễn đầu thế kỷ 19 và sau đó là đến thời Pháp cai trị. Ngay cả ông Diệm, xuất thân từ hàng ngũ phong kiến, và kể cả những người lật đổ ông vào những năm 1964 và 1965 cũng không ai nghĩ đến việc phải phân tán quyền lực trở lại địa phương một cách đúng đắn. Mãi đến hiến pháp 1967 do sự đóng góp của đảng Tân Đại Việt mới ghi thêm điều phải phục hồi tính chất hợp quần ở các làng, xã và Tỉnh. Chính nhờ điểm đã có trong hiến pháp này, Bunker và Colby đã nghĩ đến việc phục hồi và tạo những căn bản pháp lý để đề ra chiến lược làng xã của hai ông.

Quan điểm của Colby và Thiệu áp dụng trong năm 1969 trao quyền các Xã Trưởng được phép quyết định tài chánh trong việc mở mang kiến thiết trong xã, việc đưa

ra các nhu cầu về vũ khí để trang bị thành phần Nhân Dân Tự Vệ, việc phân phối ruộng đất theo kế hoạch cải cách ruộng đất và việc tự quản trị guồng máy hành chánh địa phương. Sự quan hệ giữa các cán bộ áo đen và các Xã Trưởng đã đảo ngược. Họ phải phục vụ theo nhu cầu của các viên chức trong xã chứ không phải hống hách với làng xã như vài tháng trước đó.

Tổng Thống Thiệu đã nói với Bunker vào đầu năm 1969, ông ta tin tưởng rằng việc phát triển guồng máy hành chánh xã ấp sẽ trở nên một nhân tố tích cực của người Quốc Gia. Để đương đầu với chiến tranh chống lại những cuộc nổi dậy phải là do chính những nông dân họ ý thức trách nhiệm, trong tay có vũ khí và tự xem là một phần tử trong guồng máy chính quyền nơi làng xã họ.

Nền tảng của việc trao quyền lực cho xã ấp dựa trên bộ luật số 45 ban hành ngày 1 tháng 4 năm 1969. Luật này đưa ra những trách nhiệm mới cho Hội Đồng Xã cũng như những viên chức trong Hội Đồng này. Hội Đồng có nhiệm kỳ và được bầu phiếu kín trong ba năm. Những người đắc cử vào Hội Đồng sẽ bầu ra một vị Xã Trưởng. Hội Đồng được quyền duyệt xét ngân sách và tài chánh, nhưng thực tế phần lớn những quyết định của họ đã bị Bộ Nội Vụ duyệt xét.

Một khi chính phủ Trung Ương Sài Gòn trao trách nhiệm để mỗi địa phương tự bảo vệ quyền lợi của họ thì người dân tại địa phương tự cảm thấy họ cần bảo vệ cả chính quyền Trung Ương vì mất nó thì quyền lợi tại địa phương không thể tồn tại. Đó là hành động hổ tương. Đó là nền tảng cơ bản để khởi đầu một hệ thống dân chủ.

Để các viên chức xã ấp sử dụng quyền lực trao cho

họ một cách đúng đắn, Colby đặt ra chương trình huấn luyện cho họ. Đó là bước thứ hai trong kế hoạch. Khoảng 15.000 Xã Trưởng đã được đưa về Trung Tâm Huấn Luyện Xây Dựng Nông Thôn tại Vũng Tàu, qua đó họ đã được học hỏi về trách nhiệm và quyền hạn lãnh đạo của họ.

Bước thứ ba của kế hoạch, các viên chức xã ấp do dân chúng bầu cử chú không do Tỉnh Quận chỉ định. Trên thực tế, họ là những phần tử lãnh đạo dân chúng tại địa phương, cho nên họ có thể huy động mọi nỗ lực để bảo vệ địa phương của họ hơn là chờ đợi chính phủ Trung Ương giải thích. Kế Hoạch Bình Định trong năm 1969 Bộ Nội Vụ được chỉ định tổ chức các cuộc bầu cử vào Hội Đồng Xã. Để thúc đẩy tiến trình này, Colby đã đặt nặng ngân khoản viện trợ Hoa Kỳ đến tận tay chính quyền xã ấp địa phương để họ có điều kiện phát triển. Vào tháng 6 năm 1969, 95% của 2.130 xã, đã có Hội Đồng Xã do chính dân chúng địa phương bầu ra.

Việc tuyển lựa những người xứng đáng để bầu vào hàng ngũ lãnh đạo đã là truyền thống cổ xưa của người Việt Nam cũng như Trung Hoa. Theo Khổng Tử và Mạnh Tử, quyền lực chính trị chỉ được trao cho những người có phẩm giá và đức hạnh và được quần chúng tín nhiệm. Dân chúng chọn người để họ theo, như Khổng Tử đã từng nói, chim bay đi tìm cây chứ cây không thể bảo chim đến làm tổ trên cành của mình. Tương tự như thế, Mạnh Tử đã khuyên, thần dân đã không thể phò một ông vua mà họ cảm thấy bất xứng.

Bước thứ tư của chương trình trong năm 1969 là kế hoạch tự phát triển xã ấp. Xã Trưởng được ủy quyền sử dụng những ngân khoản đặc biệt mà Bộ Phát Triển đã

trao. Ngân khoản này nhiều hơn ngân khoản bình thường mà họ có được, để xây dựng, kiến thiết theo nhu cầu. Những sĩ quan Quân Đội như Quận Trưởng không còn đến từng làng xã để chỉ thị, yêu cầu thực hiện những kế hoạch mà ông ta cho là cần thiết. Dân chúng tự họ quyết định. Kế hoạch địa phương tự phát triển, cả Colby lẫn Bunker đều nhìn thấy, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của dân chúng, tạo niềm tin giữa địa phương và chính quyền Trung Ương vững chắc hơn.

Phần thứ năm của kế hoạch là cung cấp cho dân chúng địa phương những vũ khí để họ có thể tự vệ. Vào cuối năm 1969 khoảng 400.000 vũ khí, phần lớn là súng carbines thời Đế Nhị Thế Chiến mà trước đó Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa sử dụng đã được phân phối cho thành viên Nhân Dân Tự Vệ ở các làng xã. Cùng thời gian đó, 100.000 súng cá nhân M16 đã được trang bị cho các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Nhờ thế hiệu quả chiến đấu tăng cao. Trong năm 1969 với 215.000 Nghĩa Quân họ đã gây tử thương 14.000 địch quân trong khi sự tổn thất của họ chỉ là 4.233 người chết và 8.942 người bị thương. Các đơn vị Nghĩa Quân đã để mất 1.797 súng các loại nhưng họ đã tịch thu được của đối phương 5.400 vũ khí đủ loại.

Lực lượng Địa Phương Quân hành quân xa hơn. Cùng năm này họ đã tiêu diệt 23.000 địch quân trong khi tổn thất của họ có 5.647 chết và khoảng 23.000 bị thương. Họ tịch thu 9.600 vũ khí trong khi chỉ mất 2.040. Không có sự hy sinh của các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân này, Chương Trình Bình Định đã thất bại.

Mục tiêu của Bunker, bằng tất cả tấm lòng của ông,

là không nhằm hỗ trợ Colby để thực hiện những điều trái với dân tộc Việt Nam mà muốn tái tạo sự quan hệ vốn là truyền thống tốt đẹp lâu đời giữa địa phương với địa phương và giữa địa phương với chính quyền Trung Ương. Điều đó đối với Bunker quả là quan trọng sau khi Hoa Kỳ rút quân về nước. Chiến lược phục hồi xã ấp ấy đã bị giảm tầm quan trọng dưới thời Tổng Thống Nixon nhưng chính chiến lược ấy đã đặt nền tảng chính trị cho một Việt Nam tương lai.

Năm 1969, lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân đã tăng thêm khoảng 100 ngàn người. Vì vậy mà 7 trong 30 Tiểu Đoàn chính quy được chỉ định để bảo vệ an ninh cho Kế Hoạch Bình Định đã được chuyển sang mục tiêu hành quân. Nhờ Kế Hoạch Bình Định thành công đã hỗ trợ cho Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Quân Đội chính quy Miền Nam Việt Nam đã nhận lấy trách nhiệm nhiều hơn trong việc chiến đấu thay thế Quân Đội Hoa Kỳ.

Mãi đến năm 1974, khi nói chuyện với Colby, tôi đã trình bày cho ông ta biết rằng chiến lược phục hồi làng xã của ông đã trùng hợp với kế hoạch mà các nhà lãnh đạo đảng Tân Đại Việt và hai cuốn sách *Dân Tộc Sinh Tồn* mà Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy đã viết ra trước đó. Khi ấy ông là Giám Đốc Cơ Quan Tình Báo. Colby ngạc nhiên vì hàng trăm nhân viên của ông đã không khám phá và trình bày với ông những điều như tôi vừa nói. Lý do giản dị, họ chưa đọc và nghiên cứu sách vở Việt Nam của các đảng chính trị Việt Nam và tầm mức ảnh hưởng của các đảng ấy đối với dân chúng, mà chủ quan cho rằng, đó chỉ là một nhóm người phân hóa.

Quan điểm chính trị của Tân Đại Việt lấy giá trị đạo đức cá nhân làm nền tảng khởi đầu. Đảng này đã phản ánh cốt lõi giá trị người Việt. Xã hội được cấu trúc từ căn bản sự quan hệ giữa người và người. Nó không phải là một nền chính trị mang bản chất độc tài như người Trung Hoa từng áp dụng dưới thời phong kiến, và đã từng tạo ra những cuộc tranh luận. Cộng sản chỉ mọc lên những nơi nào mà sự công bằng bị quên lãng, thế nhưng, đường lối biện chứng kiểu phương Tây, quyền tự do cá nhân lại bị hạn chế. Chính vì thế mà những người cộng sản vẫn là kẻ xa lạ đối với phần lớn dân chúng Việt Nam, trong khi đó, những đảng viên Tân Đại Việt thì trái lại.

Tân Đại Việt tiếp cận với Chương Trình Bình Định bằng cách cung cấp cho mỗi cá nhân cơ hội đồng đều quyền được bảo vệ, quyền được sống và quyền được tham dự vào xã hội. Kể đến, cá nhân phải được hưởng sự tự do toàn diện, gia đình, tôn giáo... Giáo Sư Huy nhận thức rằng, một chính quyền địa phương vững mạnh là điều kiện tất yếu để dân chúng Miền Nam Việt Nam tập trung mọi nỗ lực, cùng sát cánh, nhân danh Quốc Gia, đánh bại kẻ thù cộng sản độc tài.

Với thiện cảm về Tân Đại Việt, và với ảnh hưởng từ người anh của ông, một sáng lập viên đảng Tân Đại Việt, Tổng Thống Thiệu đã mang lý thuyết của Giáo Sư Huy ứng dụng vào Chương Trình Bình Định. Những thành phần lãnh đạo quan trọng của Tân Đại Việt đã được chính phủ trao cho những chức vụ quan trọng để thực thi chương trình này. Đặc biệt và cũng may cho tôi, Thiệu đã bổ nhiệm Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa làm Tỉnh Trưởng Vĩnh Long. Trước đó Kỳ cũng đã bổ nhiệm Nghĩa vào

chức vụ thứ yếu, Sĩ Quan Tham Mưu thuộc Sư Đoàn 9, hoạt động tại Vĩnh Long và hai Tỉnh lân cận, như hình thức trừng phạt việc Nghĩa đã dự vào các cuộc đảo chánh, kể cả cuộc lật đổ Nguyễn Khánh. Khi tôi đến Vĩnh Long thì Nghĩa đang xông xáo, mang lý thuyết của Tân Đại Việt ra ứng dụng tại Tỉnh này.

Khởi đầu công việc, tôi chẳng có một chút nhận thức nào về Bình Định cả. Đầu tiên, tôi được giới thiệu với một số viên chức địa phương. Ông Quận Trưởng, Thiếu Tá Khuê, đưa tôi đến một ngôi nhà cũ nát, được gọi là Văn Phòng Hành Chánh Quận. Một ông già, ông Lan, với nước da vàng nâu vì nhiều năm đã nghiện hút thuốc phiện, được giới thiệu là Phó Quận Trưởng Hành Chánh. Đúng là ông ta chỉ giải quyết những công việc về hành chánh, những công việc khác liên quan đến vấn đề kinh tế, quân sự hoặc chính trị, thì do Quận Trưởng Khuê quyết định. Cả tuần lễ ông Lan chỉ ngồi phía sau bàn giấy để ký mà thôi.

Văn phòng của ông Lan luôn luôn sạch sẽ và ngăn nắp. Nhưng dường như cảm thấy khó chịu khi có người Mỹ như tôi, thăm hoặc đôi khi hỏi ông ta vài ba câu hỏi liên quan đến những thủ tục giấy tờ của Tỉnh.

Sáng ngày hôm sau, ông Lan đưa tôi đến Bộ Chỉ Huy Quận và giới thiệu tôi với một số sĩ quan, viên chức trách nhiệm về Thành Phố Vĩnh Long ở lầu một cùng tòa nhà. Ông Chủ Tịch Hành Chánh Xã bắt tay tôi thật chặt và nói trong vẻ bức bối, ông ta muốn điên lên khi thấy tôi đi với một người mà ông ta cho là người ấy chẳng biết gì cả. Tôi phải mất nhiều thì giờ giải thích để ông già Lan nguôi giận vì câu nói ấy.

Tôi khám phá ra rằng, xã mà chúng tôi gọi là Thị Xã Vĩnh Long có lợi tức rất ít, phần lớn nhờ vào thuế chợ, thuế mở cửa tiệm buôn bán, và tất cả những tiền thu được đều phải nộp về văn phòng tài chính Tỉnh. Tôi tự hỏi, như thế thì ông Xã Trưởng lấy tiền đâu để chỉnh trang những điều mà dân làng mong muốn.

Buổi chiều tôi cùng Thiếu Tá Khuê và Cố Vấn Trưởng Murray Schooner đến Làng An Đức chuẩn bị cho một Toán Cố Vấn Hoa Kỳ sẽ đến sống tại đây vài tuần lễ để hướng dẫn và huấn luyện các đơn vị Nghĩa Quân sử dụng vũ khí và chiến thuật phục kích đêm. Cùng tháp tùng có Trưởng Ty Y Tế Tỉnh. Ông ta nói với tôi là xã cần có một Viện Bảo Sanh đầy đủ tiện nghi hơn. Nhà Bảo Sanh hiện chỉ có 8 cái giường trọng khi nhu cầu phải cần đến 40, lại thiếu điện và hư nát. Tôi đồng ý cung cấp tiền bằng đồng bạc Việt Nam lấy từ quỹ của Hoa Kỳ nếu ông Tỉnh Trưởng chấp thuận.

Dạo quanh làng, ông Chủ Tịch Hành Chánh Xã nói với tôi, dân chúng trong làng ít tin tưởng vào lực lượng Nghĩa Quân và Địa Phương Quân có khả năng bảo vệ họ. Các Toán quân này chỉ xuất hiện ban ngày, tối lại rút về đồn. Việt cộng đã lợi dụng điều đó để pháo kích vào trong làng và đã có một số thường dân bị sát hại. Để tự bảo vệ, họ đã thành lập một đơn vị gồm 30 người nhưng chỉ có 4 khẩu súng carbines, trong khi đó du kích quân được trang bị đầy đủ AK-47.

Dân chúng trong làng cảm thấy gần gũi, thân thiện khi tôi nói được cùng ngôn ngữ của họ. Các trẻ em luôn luôn vây quanh cười đùa và cất lên những tiếng OK! Ok! Tôi đã viết thư và tường thuật với ba tôi như thế.

Sáng ngày thứ sáu, ngày tiếp theo, tôi theo Schooner và Thiếu Tá Khuê tham dự phiên họp giữa các người chỉ huy lực lượng Nhân Dân Tự Vệ tại Thị Xã Vĩnh Long. Đại Tá Nghĩa cũng có mặt tại đó nhưng dường như không ông chú tâm theo dõi nhiều. Ông ta đã rời phòng họp nhiều lần và khi ông ta phát biểu thường có tính từ chương hay chỉ thị.

Một đại diện Cao Đài phát biểu, cơ cấu tổ chức tự vệ không thể tự nó hình thành ngoại trừ tôn giáo lập nên. Điều quan trọng là căn bản đạo đức chứ không phải hình thức tổ chức. Vì vậy, vị đại diện nói tiếp, chính phủ cần mời gọi những cá nhân hay những nhóm đã sẵn có tinh thần tự vệ và trao trách nhiệm cho họ. Điều đó tốt và hiệu quả hơn là lối tổ chức từ Trung Ương đến Địa Phương mà chính phủ đang thực hiện.

Đại Tá Nghĩa trả lời. Sài Gòn đã quyết định như thế, không thể thay đổi được. Cuộc họp chấm dứt.

Tôi không có ấn tượng Đại Tá Nghĩa là con người có cách nhìn thiện cận. Tôi cũng không hiểu tại sao Nghĩa lại thụ động trước sự nhận xét và suy nghĩ của vị đại diện Cao Đài. Thế nhưng Nghĩa cũng không đồng ý hay phủ nhận cấu trúc Nhân Dân Tự Vệ do vị Thủ Tướng lão thành gốc dân sự kiến tạo ra, không chủ ý trao vũ khí cho các nhóm tự vệ như vị đại diện Cao Đài phát biểu vì một lý do đơn giản, e ngại các nhóm sẽ chống phá nhau khi có vũ khí trong tay họ.

Thiếu Tá Khuê là con người hỗ trợ táo bạo việc phát triển chính quyền xã ấp. Ông ta đã nói với tôi, chỉ có một cách duy nhất để “kiểm soát” được xã ấp là tạo nên những dữ kiện để làng này nghi kỵ làng kia. Ông ta tự hào, kinh

nghiệm ông ta có được là nhờ dưới thời Pháp ông ta đã làm việc tại phòng tình báo chính trị đặc trách vấn đề tạo mâu thuẫn để các tôn giáo kinh chống lẫn nhau. Điển hình, Khuê kể lại với tôi, vài năm trước đó, ông đã thúc đẩy một Tướng lãnh Hòa Hảo sát hại một nhân vật Hòa Hảo khác, khi người này có ý định thân Pháp.

Thái độ hống hách của Khuê và Lan đối với các ông Xã Trưởng không làm tôi ngạc nhiên. Bởi vì nó xuất phát từ chính sách hành chánh tập trung đã ngấm sâu vào người Việt. Nhưng điều làm cho tôi ngạc nhiên là khi nghe nhiều người Mỹ khi thảo luận với nhau, họ đều bày tỏ nỗi e ngại khi đặt sự tin tưởng vào Hội Đồng Xã địa phương.

Trong một buổi họp khác với Hội Đồng Xã và Ủy Ban Hành Chánh Xã Long Hồ và Phước Hậu, vấn đề an ninh là mối lo ngại hàng đầu đối với họ. Khuê và Schooner luôn tổ chức các cuộc hành quân lục soát mỗi ngày như du kích vẫn hoạt động ban đêm. Con sông đào Xã Phước Hậu là phương tiện để việt cộng thâm nhập vào Tỉnh lỵ Vĩnh Long nhưng cũng chỉ có vài Trung Đội Nghĩa Quân trấn giữ. Không thể có hơn quân số đó được.

Tự mình tôi đến Xã Tân Ngãi. Mọi người trong Hội Đồng Xã đều có thiện cảm với tôi. Cụ Xã Trưởng nói: “Các ông muốn chúng tôi làm thế này thế kia nhưng làm sao làng chúng tôi có thể thực hiện được chứ?”

Long Thạnh là một xã thanh bình. Nơi đây vẫn còn di tích tòa nhà mà vào khoảng 1800, Vua Gia Long sáng lập Triều Đại Nhà Nguyễn tại đây. Long Thạnh có những dãy nhà cất dọc theo kênh đào mà xa hơn là những thửa ruộng lúa phì nhiêu. Chủ Tịch Hội Đồng Xã là người anh của Tướng Cảnh Sát hồi hưu Mai Hữu Xuân, người một

thời gian nắm giữ đầy quyền lực tại Sài Gòn. Ông ta đã từ bỏ hàng ngũ Pháp để giúp ông Diệm củng cố quyền lực và sau đó, năm 1963, cũng ông là người cầm đầu cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm. Xuân là người đầu tiên tuyên bố anh em ông Diệm đã bị giết chết sau khi chính ông ta nhìn thấy xác chỉ vài giờ sau cuộc đảo chánh thành công.

Xã tiếp theo là Long Mỹ, luôn luôn ủng hộ chính quyền. Xã đã có những đơn vị tự vệ được thành lập từ năm 1962 theo Chương Trình Ấp Chiến Lược của ông Diệm và các đơn vị ấy vẫn tiếp tục tồn tại đến ngày nay.

Lộc Hai cũng là một xã có Hội Đồng Xã hoạt động xông xáo. Dân chúng trong làng sống dường như trong cảnh thanh bình với những ruộng lúa xanh tươi, mầu mỡ, chợ búa lúc nào cũng đông người.

Ông Xã Trưởng Phú Quới nói với tôi, xã ông hoàn toàn an ninh. Ban đêm những đơn vị đi phục kích để cướp vũ khí việt cộng về phân phát cho dân làng để tự bảo vệ. Việt cộng đã gửi những thư nặc danh về Sài Gòn tố cáo chính quyền Xã này là “tàn ác”.

Tân Thạnh là xã nằm ở vị trí kém an ninh nhất. Vì lẽ giáp giới với Tỉnh Sa Đéc, nên cả hai Tỉnh Sa Đéc lẫn Vĩnh Long đều ít quan tâm. Tại đây chỉ có một Trung Đội Nghĩa Quân giữ an ninh, ban đêm lại rút về đồn thành thủ các du kích việt cộng dễ dàng vận chuyển lúa gạo của họ.

Tôi có dịp quan sát và nghiên cứu khi một Phó Cố Vấn Quận mới được CORDS cử về để thực hiện Chiến dịch Bình Định cùng với một số cán bộ. Toán này chỉ hoạt động chung quanh khu vực các ấp thiếu an ninh gần phi trường và bến phà, về phía nam ranh giới của Quận. Số

cán bộ việt cộng chuyên về tuyên truyền dân chúng cũng ít xuất hiện.

Người ta xem đó là một sự thành công. APC đã không có một khái niệm gì về chương trình với Trung Ương cần có kế hoạch huy động toàn dân chúng đứng vào hàng ngũ tự vệ lâu dài để chống lại sự tái xuất hiện của việt cộng. Chỉ tạm bợ gửi những Toán huấn luyện đến từng ấp, xong rồi lại tiếp tục ấp khác, theo tôi, điều ấy chưa đủ. Làm thế nào tạo mối quan hệ chặt chẽ và tin cậy giữa dân chúng và chính quyền địa phương xã ấp lâu dài, đó mới là điều quan trọng. Chính vì lẽ đó tôi đã dành ba tháng để nghiên cứu và soạn thảo kế hoạch để APC chuyển trao số ngân khoản về chính quyền địa phương.

Dự án của tôi đã được chấp thuận và ngân khoản của Hoa Kỳ đã được sử dụng để thực hiện dự án đó. Dự án của tôi đặt nền tảng ngân khoản từ Trung Ương của Hoa Kỳ, cộng với sự hợp tác của các viên chức chính quyền tại địa phương, và phương thức áp dụng được tôi rút ra sau những lần thăm viếng các xã ấp.

Thế nhưng Chương Trình Bình Định cuối cùng đã gặp những trở ngại. Trung Tá Suplizio đã cử tôi về Sài Gòn để vận động với cơ quan CORDS về việc chấp thuận ngân khoản mà ông đã yêu cầu. Ông muốn có 10 triệu đồng tiền Việt Nam để Chương Trình APC có thể giúp cho việc nông nghiệp. Tôi đã mất một ngày để đi hết tòa nhà này đến tòa nhà khác để giải thích về kế hoạch của Suplizio. Chương trình nông nghiệp ấy, tôi đã trải qua 8 cơ quan thuyết phục và họ chấp nhận, nhưng cơ quan cuối cùng lại từ chối với một lý do chính đáng cộng thêm một số lý do ngu xuẩn.

Một số viên chức hiểu kế hoạch của Colby chỉ nhằm để chiếm đất chứ không phải đạt mục tiêu về chính trị hay xã hội. Và đó là lý do họ gọi là chính đáng để từ chối. Một lý do khác nữa, họ không hiểu tại sao các xã ấp lại cần tiền để xây dựng những chương trình cho chính họ và như thế khi ngân sách dành cho Tỉnh để xây dựng cầu, đường, chợ búa, trường học... sẽ giảm đi.

Tôi giải thích cho ông ta, chưa có một dự án nào như ông vừa nói hoàn tất cả. Và đòi hỏi một sự phát triển kinh tế tại xã ấp không có nghĩa là mang tiền trao cho họ làm vốn, mà là bước khởi đầu giúp họ để ổn định về chính trị.

Các báo cáo phóng đại của CORDS đã không phản ánh đúng đắn những gì mà dân chúng và viên chức địa phương đã thật sự có được, kể cả niềm tin...

Sau đó tôi tham dự cuộc hội thảo do cơ quan CORDS thuộc Vùng 4 tổ chức tại Cần Thơ trong hai ngày về Chương Trình Bình Định trong năm 1969. Tôi thấy nản. Văn phòng Vùng cũng tràn ngập cả đồng giấy tờ, thủ tục, cộng thêm một số nhân viên Việt Nam không ai có trách nhiệm. Dường như họ không biết chiến tranh đang xảy ra, một cuộc chiến đòi hỏi phải tập trung mọi nỗ lực, trí tuệ, mới có thể thắng được.

CORDS tại Cần Thơ đòi hỏi phải tăng cường thêm lực lượng Địa Phương Quân và không cần lực lượng Nghĩa Quân tại các xã ấp. Các ông Đại Tá tại đó nghĩ là lực lượng Địa Phương Quân có khả năng di chuyển hành quân lừng địch xa hơn. Tôi không nghe một người nào có nỗi nhận thức, chỉ có lực lượng thường trú tại xã ấp mới làm thay đổi cán cân kiểm soát của cộng quân cả nước.

Vị Cố Vấn dân sự đặc trách nông nghiệp đồng ý với tôi

là kế hoạch tôi đưa ra tốt, nhưng lại e dè, chúng ta không đủ tiền để thực hiện điều đó, tốt hơn là tôi đừng đặt vấn đề ấy ra nữa.

Vị Cố Vấn vùng đặc trách về Công Chánh thì chẳng bao giờ nhìn thấy chiếc cầu khi bắc ngang qua kênh đào và vì thế ông ta không thể thấy được dân làng đang có nhu cầu ngân khoản để xây dựng chiếc cầu vững chắc hơn. Các Cố Vấn về Hành Chánh thì muốn huấn luyện các Xã Trưởng về thủ tục giấy tờ nhưng lại không trao cho họ quyền được quyết định.

Và rồi tháng 1 năm 1969 đã đến, Chương Trình Phát Triển Bình Định được xem như chấm dứt khi ông Nixon tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống Hoa Kỳ.

CHƯƠNG 8
NIXON VỚI KẾ HOẠCH CHẤM
DỨT CHIẾN TRANH VIỆT NAM

Tôi chẳng thể nào hình dung nổi Hoa Kỳ và những người Việt Quốc Gia (Đồng Minh của chúng ta) lại có thể thua cộng sản tại bàn thương thuyết hòa đàm ở Paris. Những điều tưởng chừng phi lý ấy lại trở thành sự thực. Các cuộc thương thuyết hòa đàm đã trở nên những thuận điểm cho phong trào phản chiến Mỹ căn cứ vào đó đòi hỏi chính phủ Mỹ phải bỏ rơi Miền Nam Việt Nam.

Tôi nghĩ lý tưởng của một cuộc chiến tranh có thể đạt được hay không đều tùy thuộc vào kết quả hỗ tương tại chiến trường cũng như ở những cuộc thương thuyết. Napoleon đã từng nói, những nhà ngoại giao viết nên hiệp ước còn các Tướng lĩnh thì làm nên những hiệp ước ấy. Và khó khăn quan trọng nhất trong cuộc chiến mà chúng ta phải đối đầu không phải là trận địa mà là ở các thôn làng tại Miền Nam Việt Nam. Nếu chúng ta thắng một cuộc chiến tranh nhân dân, tôi cho rằng, chúng ta sẽ có một nền hòa bình xứng đáng.

Và Nixon cũng mang kỳ vọng ấy. Đắc cử vào năm 1968

với số phiếu chênh lệch không nhiều lắm so với đối thủ của ông, Nixon đã hứa với dân chúng Mỹ là sẽ chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhưng làm thế nào để hoàn tất lời hứa ấy thì hãy còn là một điều bí ẩn.

Vào mùa Xuân năm 1969 Nixon đã hoạch định chiến lược của ông, bao gồm hai nỗ lực: Một mặt, củng cố người Việt Quốc Gia tại Miền Nam Việt Nam vững mạnh và trang bị đầy đủ để họ tự đảm nhận cuộc chiến nếu Hà Nội vẫn tiếp tục xâm lăng. Và mặt khác, mở những cuộc thương thuyết với cộng sản để bắt buộc họ phải chấp nhận xem Miền Nam Việt Nam là một quốc gia độc lập và có một chế độ chính trị tự do.

Lực lượng quân sự Hoa Kỳ có thể rút về nước ở cả hai trường hợp: Miền Nam Việt Nam vững mạnh, Hoa Kỳ rút quân mà không cần quan tâm đến những ý đồ của họ. Nếu các cuộc thương thuyết với Hà Nội đạt được những kết quả công bằng thì việc rút quân của Hoa Kỳ diễn tiến nhanh hơn.

Hà Nội đã trì hoãn không đáp ứng những đề nghị của Hoa Kỳ mãi đến cuối năm 1972 khi mà phần lớn quân chiến đấu của Hoa Kỳ đã rút về nước. Với kỹ thuật đề nghị, phản đề nghị, Hà Nội đã vận động guồng máy tuyên truyền để tạo nên một ảo tưởng rằng họ đã có những cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh. Những gì mà Hoa Kỳ đạt được tại bàn thương thuyết là những gì mà Hoa Kỳ đã chiến thắng tại chiến trường. Câu nói bất hủ của Napoleon một lần nữa lại thể nghiệm chân lý của nó.

Ngay từ đầu và những mấu chốt quan trọng thuộc trong phân nửa phần đầu chiến lược để chiến thắng cuộc chiến, Nixon đã trao cho Ellsworth Bunker thực hiện. Trong

khi ấy Henry Kissinger chỉ là nhân vật đảm nhận những công tác bất thường trong việc thương thuyết với Hà Nội. Việc bổ nhiệm này chứng tỏ Nixon đã lượng giá Henry Kissinger là người thiếu hiểu biết sâu xa đối với người Việt theo chủ nghĩa quốc gia. Ông ta đã có thiện cảm với những người cộng sản hơn là kính trọng Đồng Minh của ông. Xa hơn nữa, Kissinger đã có cái nhìn sai lệch về khả năng của người Miền Nam Việt Nam. Ông ta chẳng bao giờ tin rằng, như ông ta đã viết, kế hoạch Nixon nhằm giúp cho những người Việt Quốc Gia tự vệ là có thể hiệu quả được. Chính vì thế, qua các cuộc thương thuyết, ông ta đã trở thành kẻ lo tự vệ và thiếu niềm tin.

Nếu Henry Kissinger bước vào bàn hòa đàm trong tư thế của người chủ bại thì trái lại, Ellsworth Bunker lại là một người hùng tại chiến trường. Ellsworth Bunker đã thực hiện mọi cách để dành lấy chiến thắng tại trận địa như một Tướng lĩnh đã vạch ra chiến lược và đã trao cho người thương thuyết có cơ hội để bảo đảm những thắng lợi mà vị Tướng lĩnh có được trong tầm tay.

MIỀN NAM VIỆT NAM ĐẾN PARIS

Chiến lược thương thuyết của Nixon nhằm chấm dứt sự can dự của Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam là mục tiêu hàng đầu trong ngày lễ tuyên thệ của ông ta vào tháng giêng năm 1969. Thời điểm ấy, Thiệu và chính phủ Miền Nam Việt Nam đã chấp nhận tham dự vào cuộc thương thuyết hòa đàm tại Paris. Không theo đuổi cuộc thương thuyết với những người cộng sản, Nixon sẽ bị phe bỏ câu vốn đã mất niềm tin vào cuộc chiến và muốn có hòa bình ngay tức khắc, tấn công.

Thế nhưng, với kinh nghiệm ngoại giao lão luyện, Bunker đã thuyết phục được Thiệu tham dự vào bàn hòa đàm tại Paris trong tư thế tự tin và đồng thời không trái ngược với sách lược hòa đàm mà Nixon đã soạn thảo. Khi Lyndon Johnson bắt đầu mở các cuộc thương thuyết với Hà Nội chỉ có một mục tiêu duy nhất là nhằm chấm dứt cuộc chiến. Thiệu đã từ chối tham dự.

Sau lần Thiệu tuyên bố chính phủ Miền Nam Việt Nam không tham dự vào cuộc hòa đàm tại Paris vào ngày 1 tháng 11 năm 1968, ông ta đã từ chối luôn cả việc gặp gỡ Bunker. Bunker muốn gặp thì nhân viên Phủ Tổng Thống của Thiệu trả lời là vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam muốn tự yên lặng tại Dinh Độc Lập nghĩa là không muốn ai thăm viếng. Một lần trao đổi ngắn với vị Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam, Bunker nói rằng ông ta có một điện văn của Tổng Thống Johnson và Tổng Thống Hoa Kỳ chỉ thị ông phải trao tận tay cho Thiệu trước khi Thiệu độc diễn văn trước Quốc Hội.

Trong cuộc “nói chuyện qua giấy tờ” do Bộ Trưởng Ngoại Giao trao cho Thiệu, Bunker đã viết: “Cuộc chiến thắng giờ đây có thể bị đổ vỡ do sự bất đồng giữa hai chúng ta. Tôi xin ông đừng bỏ lỡ cuộc chiến thắng ấy. Tôi muốn ông đừng nói gì trong bài diễn văn của ông phương hại đến những nỗ lực của Hoa Kỳ vẫn có thể hỗ trợ và theo đuổi cuộc chiến sau này. Tôi đề nghị ông hãy để cánh cửa hòa đàm tiếp tục mở và đừng nói những gì tạo thêm sự khó khăn: Dân chúng Hoa Kỳ sẽ không bao giờ hiểu được những lý do để ông khước từ tham dự tại bàn hòa đàm”.

Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Miền Nam trao bức thư ấy

cho người anh của Thiệu, một thành viên sáng lập đảng Tân Đại Việt, là Nguyễn Văn Kiếu. Và ông này đã mang đến cho vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam.

Trong bài diễn văn đọc tại Quốc Hội, Thiệu tuyên bố chính phủ của ông không thương thuyết với Mặt Trận Giải Phóng “như một bộ phận tách rời và độc lập với chính phủ miền Bắc Việt Nam”.

Sau bài diễn văn ấy, Bunker đã đưa ra một số ý kiến với Washington làm thế nào để Sài Gòn có thể bước tới bàn hội nghị. Thiệu đã từng xác định rõ ràng là chính phủ của ông không tham dự vào vòng họp đầu tiên diễn ra ngày 6 tháng 11. Và Bunker cũng hiểu rằng Hoa Kỳ cần có sự có mặt của Miền Nam Việt Nam ngay từ phiên họp khởi đầu càng sớm càng tốt nếu họ nhận được thông điệp từ phía Hà Nội xác định. “Đó là điều lý tưởng nhất”, Bunker đã khuyến cáo với các nhà hoạch định chính sách hòa đàm tại Washington như thế. “Không nên cưỡng bức ông ta vào bàn hội nghị... nhưng chúng ta có thể, tôi nghĩ, đưa ông ta đến vào một thời điểm thích hợp nhất, lúc mà ông ta thấy rõ ràng và chính xác nhất. Vấn đề chính yếu là chính ông ta quyết định. Ngoài ra, không ai có thể thay thế được”.

Trong suy nghĩ của Ellsworth Bunker, chiến lược tốt nhất, trước tiên là sự phản công lại sự tuyên truyền của Hà Nội cũng như của Mặt Trận Giải Phóng về thực chất của việc ngừng oanh tạc do chúng ta thực hiện mà họ xem đó là “vô điều kiện”, và kế đến là xác định vị trí của Mặt Trận Giải Phóng không phải là một bộ phận tách rời và một phái đoàn hợp pháp. Bước tiếp theo mới tìm cách giải quyết những bất đồng với Đồng Minh của chúng ta là Miền Nam Việt Nam.

Bunker đã khuyến cáo với chính phủ ông là không nên tìm xa hơn ở những cuộc thương lượng cho đến khi sau cuộc bầu cử của Tổng Thống Hoa Kỳ bởi vì, hiện tại, Thiệu vẫn nghĩ là Nixon sẽ đắc cử và chính sách của Nixon sẽ cứng rắn hơn. Vì vậy mà Thiệu tìm mọi cách trì hoãn để chờ đợi. Nếu Humphrey thắng cử, Bunker giải thích với chính phủ, Sài Gòn sẽ đáp ứng thông điệp của dân chúng Hoa Kỳ. Nếu Nixon thắng thì Thiệu vẫn nuôi mạnh ảo tưởng là Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ cho ông ta cho đến chiến thắng cuối cùng trừ khi chính Nixon báo cho Thiệu biết là sẽ tiếp tục con đường của Johnson và tin tưởng là Sài Gòn sẽ cùng tham dự vào cuộc hòa đàm. Một thông điệp của Nixon với nội dung như thế sẽ làm cho Thiệu tỉnh táo hơn và Ellsworth Bunker tin rằng Miền Nam Việt Nam xét duyệt lại vị trí đứng của họ.

Bunker cũng trình bày cho thượng cấp của ông: “Tôi không nghĩ kế hoạch này sẽ trở thành một mẫu mực khó cứng. Mọi mưu toan để thúc bách kế hoạch đó được thực hiện nhanh chóng sẽ chỉ nhận lấy sự thất bại. Thế nhưng tôi cũng không nghĩ, chúng ta nản lòng”. Vài vị Bộ Trưởng trong Hội Đồng Nội Các Việt Nam đã cho Bunker biết, chính phủ của họ tất nhiên phải tham dự hòa đàm, và bản tuyên ngôn đưa ra trước công chúng gần đây, Thiệu nhằm để “giữ thể diện”, tránh cho công luận kết án ông ta là bù nhìn của Mỹ.

Phó Tổng Thống Kỳ gọi những người Mỹ là “đám bất nhân” và đã nói thẳng với Keyes Beech của tờ *Chicago Daily News*, đó là lý do ẩn kín để ông ta muốn cầm đầu Phái Đoàn Sài Gòn đến Paris vào giữa tháng 10. Vài Nghị Sĩ Miền Nam Việt Nam đã gửi một điện văn đến ứng cử viên Tổng Thống đảng Cộng Hòa Richard Nixon bày tỏ,

sự đắc cử của ông ta sẽ gắn liền với nền an ninh của Miền Nam Việt Nam. Họ tố giác Miền Bắc Việt Nam đã làm xói mòn sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ và trong các cuộc đàm phán tiên khởi, họ đã đạt được thắng lợi.

Ngày 5 tháng 11, Bunker đã đưa ra trước công luận một bản tuyên bố kết án tờ *New York Times* đã mô tả không đúng sự thật về tình hình ổn định tại Miền Nam Việt Nam, kêu gọi các nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam tham dự vào cuộc đàm phán Paris, và người Mỹ nên hiểu rằng, điều quan tâm sâu xa nhất của Sài Gòn là nếu Mặt Trận Giải Phóng trở thành một bộ phận độc lập thì điều ấy đồng nghĩa với sự phủ nhận tính cách hợp pháp của Miền Nam Việt Nam chống lại sự xâm lăng của Hà Nội.

Nhằm tạo bầu không khí thân thiện để Thiệu có thể chấp nhận tham dự vào cuộc đàm phán, Bunker đã gặp Thủ Tướng Hương và giải thích cho ông ta hiểu thái độ của Washington về những sự kiện vừa xảy ra tại Sài Gòn. Ông Hương đã nói với Bunker: “Ông nên hiểu rằng đã từ lâu chúng tôi là những nạn nhân của cộng sản. Chúng tôi như con mèo trúng phải chảo nước sôi và vì vậy bây giờ chúng tôi vẫn mang nỗi hãi hùng cho dù đó là chảo nước lạnh. Chúng tôi không chấp nhận những danh từ như “khủng định”, “tin tưởng”. Điều mà chúng tôi muốn là phải có sự bảo đảm”.

Cuộc thăm dò tại Sài Gòn cho thấy chỉ có 32% dân chúng nghĩ rằng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục hỗ trợ để bảo vệ Miền Nam Việt Nam.

Sau cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, và với số phiếu thắng khiêm nhường của Richard Nixon, cuối cùng Bunker đã gặp lại Thiệu vào lúc 11 giờ sáng ngày 9 tháng

11. Miền Nam Việt Nam đã nhận diện được những gì mà dân chúng Mỹ chờ đợi, và đồng ý với đề nghị của Ellsworth Bunker là hai Đồng Minh tái tiếp tục cộng tác chung trên nguyên tắc căn bản cùng tin tưởng lẫn nhau để Sài Gòn có thể bước tới bàn thương thuyết.

Bởi không thảo luận với Hoa Kỳ toàn diện cho nên Thiệu có nhiều điểm nghi kỵ. Bản tuyên bố chung được hai phía Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam cùng soạn thảo để thông báo chính phủ Sài Gòn sẽ cử một Phái Đoàn đến Paris, Ellsworth Bunker nhấn mạnh, chính phủ Hoa Kỳ luôn luôn mong muốn và bằng mọi cố gắng để cùng hợp tác với Thiệu, nhưng nếu phía Miền Nam Việt Nam vì một lý do nào đó thiếu tin tưởng ở phía Hoa Kỳ, thì rồi ra Hoa Kỳ cũng bắt buộc phải đơn phương tiến về phía trước và khi ấy cơ bản cuộc đàm phán chỉ xoay quanh vấn đề Hoa Kỳ rút quân.

Bunker nói với Thiệu: “Tôi không thể hành xử chức năng của tôi cho một phía khác được nếu không có sự ủy thác và tin cậy, và tôi xin nói thật điều này: Tâm trạng của quần chúng Mỹ là như thế này... vì vậy mà chúng tôi không thể chờ đợi lâu hơn nữa để một phái đoàn (của Miền Nam Việt Nam) có mặt tại Paris”.

Vị Tổng Thư Ký Hạ Viện, một đối thủ của Thiệu, nói tương tự: “Chúng tôi không muốn Tổng Thống Johnson lột da chúng tôi đóng lên bức tường như thể là một thành quả qua quá trình hoạt động lâu dài của ông ta”.

Một thiếu nữ bán hàng tại một tiệm ở Sài Gòn nói với phóng viên báo chí: “Cuối cùng thì ông Thiệu cũng thất bại bởi vì người Mỹ có quá nhiều quyền lực. Nhưng thái độ của ông Thiệu làm chúng tôi kính trọng”.

Sau khi những phụ tá của ông soạn thảo bản tuyên bố Miền Nam Việt Nam sẽ tham dự cuộc hòa đàm tại Paris. Thiệu yêu cầu gặp Bunker để trao đổi về việc tuyên bố chung. Thiệu đã lắng dịu hơn, tinh thần không còn căng thẳng, và ông ta nghĩ rằng một sự thỏa thuận có thể đạt được theo những điều cơ bản mà phía Hoa Kỳ đã soạn thảo.

Trong 10 ngày tiếp theo là cả những vấn đề rối rắm về ngôn ngữ, và hàng tá sự thay đổi trong bản thảo, sửa lại rồi thay đổi tiếp. Washington đã phải chịu đựng bằng sự kiên nhẫn quá mức. Thấy vậy, Bunker phải gọi về Bộ Ngoại Giao: “Tôi cũng đồng ý là chúng ta đã quá sức chịu đựng. Vấn đề của chúng ta là đạt đúng tầm mức thẳng thắn và tôi đang cố gắng giải quyết một số dị biệt với Thiệu. Theo cảm nghĩ của tôi, nếu chúng ta không giải quyết những dị biệt hiện đang có vào cuối tháng 11, chúng ta đành phải chấp nhận chỉ có chúng ta thương thuyết tại Paris”

Bunker lại đến gặp Thiệu lần nữa vào 10 giờ sáng ngày 21 tháng 11 và trao cho ông ta bản dự thảo cuối cùng trong công bố chung của phía Hoa Kỳ. Đồng thời cũng cho Thiệu biết đây là bản dự thảo lần thứ 6, thời gian đã cạn kệt, gạt bỏ mọi tiểu tiết để có quyết định. Thiệu trả lời: “Chúng ta gần đạt được những quan điểm chung. Chúng tôi cần có thêm bản dự thảo khác”.

Khi Bunker hỏi, phải chăng ông nghĩ, bản dự thảo lần thứ 7 là con số hên? Thiệu mỉm cười đáp lại: “Chúng ta gần như đồng thuận”. Trong suốt cuộc gặp gỡ, Thiệu vui vẻ và Bunker nghĩ rằng Thiệu đã chuẩn bị sẵn sàng để tham dự cuộc hòa đàm. Trong khi Bunker và những phụ tá của ông tại Sài Gòn đã làm việc không mệt mỏi để đạt được bản dự thảo tuyên bố thì Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ

cũng đã tìm những Đồng Minh của Hoa Kỳ có quân tham chiến tại Việt Nam, lên tiếng ủng hộ bản tuyên bố. Đó là đáp ứng lời đòi hỏi của Thiệu.

Ngày 26 tháng 11, nhận được sự hưởng ứng của các đồng minh, vì vậy 8 giờ chiều ngày 26 tháng 11 (giờ Washington) Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam đã cùng đưa ra bản tuyên bố riêng rẽ với giới truyền thông. Trong bản tuyên bố của Hoa Kỳ đã nhấn mạnh đến tính chất cơ bản của hòa đàm Paris, Hoa Kỳ phủ nhận một chính phủ liên hiệp tại Miền Nam Việt Nam và không xem Mặt Trận Giải Phóng như một bộ phận biệt lập với Hà Nội. Bản tuyên bố của Miền Nam Việt Nam giải thích những lý do chính đáng mà phía Hoa Kỳ cần đến sự có mặt của họ tại cuộc hòa đàm Paris. Miền Nam Việt Nam bày tỏ đồng ý, tại hòa đàm Paris, họ sẽ đàm phán với “phái đoàn Hà Nội” vì lãnh thổ của họ đã có chủ quyền. Thiệu cũng khẳng định ông ta không tham dự cuộc hòa đàm bao gồm 4 bên.

Ngày ngày hôm sau, Thiệu bổ nhiệm Phó Tổng Thống Kỳ đại diện chính phủ tại hải ngoại trong phái đoàn thương thuyết hòa bình tại Paris.

Nhưng vào ngày 5 tháng 12, sau khi Thượng Viện Miền Nam Việt Nam chấp thuận Thiệu gửi một phái đoàn đến Paris thì Tối Cao Pháp Viện tại Sài Gòn ra lệnh phải có sự chấp thuận của cả Lưỡng Viện Quốc Hội mới được vào bàn thương thuyết theo hiến pháp. Phải chờ đến hai ngày sau mới triệu tập phiên họp Lưỡng Viện và sự chấp thuận 80/21, Phái Đoàn của Kỳ mới được đến Paris.

Cuộc đàm phán gay go về mặt ngoại giao với Miền Nam Việt Nam không phải như thế là đã chấm dứt. Sự

tranh cãi về hình thức chiếc bàn tròn mà các phái đoàn sẽ ngồi ở vị trí nào tại Paris lại bắt đầu. Nó phát xuất từ tâm điểm ý thức về cuộc chiến. Hà Nội đề nghị 4 bên ngồi bốn mặt của một chiếc bàn vuông, muốn lờ đi “phía bên này, phía bên kia” theo công thức của các cuộc thương thuyết như đã thỏa thuận từ trước. Hà Nội trước đó, vào tháng 10, đã không còn đòi hỏi thỏa ước mật về cuộc hội nghị 4 bên, bây giờ họ lại dựng ra điều đó.

Phái Đoàn Miền Nam Việt Nam tất nhiên từ căn bản đã chấp nhận “phía bên này, phía bên kia” thành thử họ phản đối đòi hỏi xếp đặt của Hà Nội. Miền Nam Việt Nam đưa ra chỉ cần một chiếc bàn và ngồi hai bên, điều đó có nghĩa là Mặt Trận Giải Phóng không phải hiện diện với tư thế biệt lập.

Khi vấn đề đó xảy ra, Bunker đã nói với Tổng Thống Johnson nên thương thuyết để giải quyết ngay từ đầu. Hoa Kỳ đừng để Hà Nội đạt tất cả những gì họ muốn. Và lại ngồi hai bên như thế, xác định Thiệu và chính phủ Miền Nam cùng một chiến tuyến với Hoa Kỳ, và nếu Hoa Kỳ thực hiện việc rút quân thì cuộc thương thuyết vẫn có thể diễn tiến cho đến khi đạt được kết quả cuối cùng mà Miền Nam Việt Nam không bị thua thiệt.

Sự tin cậy lẫn nhau giữa Sài Gòn và Washington không có nghĩa là Hoa Kỳ quên đi quyền lợi riêng của Hoa Kỳ và chấp nhận mọi thứ mà Miền Nam Việt Nam đòi hỏi, nhưng có nghĩa cần hai bên hợp tác, thảo luận để đạt những bước tiến mới tốt hơn. Một khi Miền Nam chưa sáng tỏ những đề nghị của Hoa Kỳ, họ sẽ ngần ngại ủng hộ, trái lại thì không có trở ngại nào xảy ra. Washington ngay từ khởi đầu, cần bảo vệ để Miền Nam

Việt Nam không cảm thấy bị thua thiệt khi họ bước vào bàn hội nghị.

Nhưng vào đầu tháng giêng 1969, Bunker đã mất kiên nhẫn với Thiệu. Bunker đã viết về cho Dean Rusk: “Tất cả những điều Thiệu đã đồng ý trước đây, nay không chỉ đảo ngược mà còn có thể đổ vỡ”. Bunker dự đoán Thiệu có đạt những kết quả tối đa về mặt quân sự qua Chương Trình Phát Triển Bình Định và chờ đợi cho đến khi Nixon lên cầm quyền tại Hoa Kỳ.

Ngày 7 tháng giêng, Dean Rusk gọi cho Bunker phàn nàn về việc đòi hỏi hình thức của chiếc bàn. Rusk nói, quả là phi lý chỉ vì thế mà mọi việc phải bế tắc và thêm, ông ta không thể diễn tả nổi sự giận giữ của Johnson ra sao. Bunker lập tức đến gặp và trình bày cho Thiệu biết là Washington sẽ ngưng mọi hỗ trợ cho Sài Gòn nếu Thiệu vẫn giữ thái độ gay gắt của ông. Ellsworth Bunker cũng được Tổng Thống vừa đắc cử Nixon và Tân Bộ Trưởng Ngoại Giao William Roger uy thác để thảo luận với Thiệu về vấn đề đó.

Đồng thời Bunker cũng trao cho Thiệu bức điện văn của Tổng Thống Johnson.

Thiệu vẫn không quan tâm và tìm cách tránh tiếp xúc với Bunker với lý do bị bệnh ngày thứ hai và sau đó phải rời khỏi Thủ Đô ngày thứ ba và thứ tư. Cuối cùng Thiệu chịu tiếp Bunker vào ngày thứ sáu. Sau hai phiên họp sáng và chiều gồm 5 giờ mới có được sự đồng ý, lúc ấy là 8 giờ tối.

Một lần nữa, để chứng tỏ thái độ của Johnson, một việc gì khi đã ấn định thì phải thực hiện, kể cả trong vấn đề thương thuyết. Cung cách làm việc của Washington là

thắng thắn, minh bạch để đạt đúng hạn kỳ, đôi khi thiếu kiên nhẫn, Johnson cũng thế, Thiệu cũng hiểu và cảm nhận điều đó.

May mắn sao, khi Sài Gòn vừa đồng ý từ bỏ điều kiện về hình thức chiếc bàn, thì Hà Nội cũng chấp nhận dùng một chiếc bàn tròn thay vì bàn vuông như họ đòi hỏi từ trước. Bởi vậy, hình dáng chiếc bàn đã gắn liền với hiện trạng của các bên: Hai phía cho Sài Gòn và Washington và bốn bên cho Hà Nội và những người theo họ. Vấn đề rất ráo của cuộc chiến, ai thật sự là chủ quyền của Miền Nam Việt Nam thì vẫn còn là một sự bế tắc.

Sự tranh cãi về hình dáng chiếc bàn đối với nhiều người Hoa Kỳ như một ngớ ngẩn bởi vì với họ, đó là không phải là điều đáng bàn luận. Thế nhưng khi mục tiêu của chiến tranh là để dành lấy chủ quyền lãnh thổ và những cuộc thương thuyết cũng chỉ để xác định vấn đề đó, thì bản chất các thành phần ngồi lại để thảo luận vấn đề trên cần phải minh bạch. Nói một cách khác, hình thức cấu trúc có thể trở nên bản chất. Nếu Mặt Trận Giải Phóng được ngồi vào bàn hội nghị như một chính phủ riêng rẽ ngay từ lúc khởi đầu, thì sau đó, không có lý do nào để biện minh, xác định họ là một phần tử nằm trong lãnh thổ của chính phủ Miền Nam Việt Nam trừ khi phải tranh luận và họ chấp nhận.

Và cũng chính vì lý do đó, chiếc bàn đã trở nên một trong những biểu tượng quan trọng, gắn liền với bản chất mà Bộ Trưởng Ngoại Giao Sài Gòn đã mất rất nhiều thời gian để giải thích với Bunker vào cuối tháng 10 trước đó.

Đối với hai phía Việt Nam, người cộng sản hay người quốc gia, thể diện là điều quan trọng. Một phần lịch sử

của họ đã gắn liền vào đó. Theo giáo huấn của Khổng Tử, con người của đại chúng, thể hiện biểu trưng cho chức vụ, một chức năng cố định của xã hội. Khổng Tử cho rằng trật tự trong xã hội chỉ có khi mọi người biết giá trị đích thật của chính mình.

Vì vậy, ông ta nói: “Quân ra Quân, Thần ra Thần. Cha ra Cha, Con ra Con”. Học thuyết “chính danh” của Khổng Tử được xem là cơ bản cho một chính quyền lương hảo. Dưới nhãn quan của người Hoa Kỳ sự minh thị giữa cá nhân với vai trò của họ trong xã hội không phải là điều quan trọng trong nấc thang xã hội. Mỗi con người có một vị trí riêng, không hơn không kém.

Cuộc hòa đàm Paris khởi đầu không phải để Hà Nội hay Sài Gòn tranh luận nhau về quyền hợp pháp tại Miền Nam Việt Nam. Cuộc đàm phán chẳng được tiến triển nào mãi đến khi phần lớn Quân Đội Hoa Kỳ đã rút ra khỏi Việt Nam và cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ 1972 đang cận kề trước mắt.

NIXON QUYẾT ĐỊNH VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH

Giống như bao nhiêu viên chức cao cấp khác do chính phủ tiền nhiệm bổ nhậm. Bunker cũng đệ đơn xin từ chức sau cuộc bầu cử. Thế nhưng ngày 6 tháng 1 năm 1969, Tổng Thống đắc cử Nixon đã gọi điện thoại Ellsworth Bunker và yêu cầu ông ta ở lại để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Đại Sứ tại Sài Gòn. Nixon nói, ông ta muốn xác định niềm tin của ông về những gì Bunker đã thực hiện và muốn ông ở lại. Nixon cũng chỉ định Alexis Johnson đến Sài Gòn để trình bày với Bunker điều đó. Ellsworth

Bunker đáp lại ngắn gọn, cảm ơn Tổng Thống đã gọi điện thoại và nhấn mạnh niềm tin nơi ông, nhưng Bunker không chắc là ông sẽ có quyết định ở lại.

Bunker là một đảng viên đảng Dân Chủ Vermont và đã từ lâu từng can dự vào sinh hoạt chính trị. Sự hiểu biết của ông ta về Nixon thật hiếm hoi ngoại trừ mỗi một điều, Bunker biết là vị Tổng Thống vừa đắc cử đặt nặng vấn đề Việt Nam hơn là đảng Dân Chủ, đã từng phung phí thời gian dưới thời chính phủ Johnson. Bunker cảm nhiệm Nixon muốn giải quyết vấn đề Việt Nam ngay khi vừa mới đảm nhận vai trò Tổng Thống.

Bunker cùng quan điểm với Nixon: Sự hy sinh cao cả nhất, một quốc gia không dễ dàng bội phản chính họ, về những cam kết xuất phát từ những nguyên lý chính đáng. Ellsworth Bunker tin tưởng Nixon có thiện ý chấp nhận những kết quả mang tính chất công bằng. Bằng những suy nghĩ ấy, Ellsworth Bunker có thiện cảm với Nixon nhưng vẫn giữ kín trong tâm tư, chờ thái độ đối xử của Nixon cũng như đảng của ông ta.

Bunker quyết định ở lại Sài Gòn đến cuối mùa Xuân năm 1969 nghĩa là đủ thời gian chuyển tiếp cho một chính phủ mới chọn lựa. Thế nhưng cuối mùa Xuân, Nixon vẫn tha thiết yêu cầu ông ở lại và Ellsworth Bunker đã ở lại cho đến tháng 5 năm 1973.

Vào cuối tháng 1 năm 1969, Bunker đã viết cho Robert Murphy, nhà ngoại giao đặc sắc và lão thành của Hoa Kỳ và cũng là Cố Vấn cho Tân Tổng Thống, khuyến cáo hoặc đích thân ông ta hay Henry Kissinger đích thân đến Sài Gòn, để có những nhận định tình hình tại chỗ trước khi chính phủ Nixon thiết lập kế hoạch cho Việt Nam.

Kissinger vừa viết xong một tiểu luận, làm thế nào để có những tiến triển qua những thương thuyết tại Paris, nhưng ông ta đã nói với báo chí: “Vấn đề cốt lõi, tôi muốn thế giới hiểu rằng đây là những ý kiến sáng giá nhất”.

Ngay từ lúc tiên khởi, viết cho Robert Murphy, Bunker muốn các viên chức tại Washington phải nhìn tận mắt những tiến triển đang xảy ra tại Miền Nam Việt Nam kể từ sau Tết Mậu Thân. Từ đó chính quyền Trung Ương Nixon mới có thể triển khai những thành quả mà Miền Nam Việt Nam đã đạt được. Hơn thế nữa, Ellsworth Bunker có tham vọng đóng góp với chính phủ mới về chiến lược của ông nhằm trao trả cuộc chiến về phía Miền Nam Việt Nam.

Mặc dù dưới thời Tổng Thống Johnson không có kế hoạch rõ ràng để ấn định việc rút Quân Đội chiến đấu về nước nhưng chính Bunker, luôn luôn nghĩ đến kế hoạch ấy từng ngày.

Trước khi Tổng Thống Nixon thiết lập chính sách về chiến tranh, ông ta phải đối đầu với Hà Nội hoặc chống lại hoặc chấp nhận. Bunker không phải là người duy nhất để đóng góp với Nixon về những ý kiến trung thực qua những xung đột ấy.

Đầu tháng 2 năm 1969 qua tin tức của một tình báo viên, không thám Hoa Kỳ đã chụp được những bức hình xác định đầu não của bộ chỉ huy cộng sản tại Miền Nam Việt Nam đóng căn cứ trên đất Campuchia không xa biên giới Miền Nam Việt Nam. Tướng Abrams yêu cầu Washington cho phép oanh tạc mục tiêu này bằng B52, hơn thế nữa Campuchia không phải là vùng đất hợp pháp cho việc đóng quân của Hà Nội.

Bunker ủng hộ ý kiến của Abrams bởi lý do không muốn cho kẻ thù lợi dụng vùng đất bất xâm phạm như là một lợi thế của họ trong chiến tranh. Hơn thế nữa, vùng đất ấy sẽ giúp cho Hà Nội theo đuổi cuộc chiến đấu vô định, từng ngày vẫn xảy ra những cuộc giết chóc, và bất kể số thương vong là bao nhiêu, nếu họ muốn. Khi đối đầu với kẻ xâm lăng, trận chiến phải trả về họ.

Giả thử Campuchia là một nước trung lập, theo Bunker, vấn đề oanh tạc cũng không phải là một trở ngại. Vì tham vọng chiến tranh tại Miền Nam Việt Nam, Hà Nội đã vi phạm sự an toàn của xứ sở này cũng giống như họ đã xé bỏ hiệp ước trung lập hóa Lào tại Geneva năm 1962. Phần tử tạo ra cuộc chiến tại Campuchia là Hà Nội cũng giống như Lào. Thế Chiến Thứ Nhất, Đức đã mang chiến tranh vào nước Bỉ bởi vì Đức muốn dùng nước Bỉ làm bàn đạp tấn công nước Pháp.

Cuộc leo thang chiến tranh của Hà Nội, các nhà lãnh đạo Campuchia đã thấy rõ, Hoàng Thân Norodom Sihanouk và đã có những phản ứng đối với Miền Bắc Việt Nam. Chính vì thế mà vào vào khoảng tháng 1 năm 1968, Sihanouk đã đồng ý cho phép Hoa Kỳ có thể dùng lực lượng quân sự để làm giảm thiểu sự có mặt của cộng sản Việt Nam trên xứ sở ông.

Sihanouk cũng cho biết lực lượng quân sự của ông không đủ khả năng để có thể kiểm soát vùng không có dân cư dọc theo biên giới, ngoại trừ Hoa Kỳ. Và thêm rằng, ông ta chỉ đồng ý cho phép Hà Nội sử dụng vùng đất Cam Bốt như một chặng đường chuyển vận vũ khí, đạn dược và thực phẩm để tiếp tế cho quân đội cộng sản tại Miền Nam Việt Nam và không chấp nhận cho Hà Nội

dùng Cam Bốt như những trại dưỡng quân thường trực của họ.

Trong năm 1968 Sihanouk đã yêu cầu (nhưng ông ta lại rút lời yêu cầu đó) Ủy ban quốc tế thanh tra mật khu cộng sản tại Ba Thu thuộc hướng Tây của Sài Gòn. Trong tháng 3 và tháng 4 cũng năm này, những viên chức của Cam Bốt dọc biên giới đã trực tiếp gặp gỡ các sĩ quan Quân Đội Miền Nam và cung cấp cho họ những tin tức tình báo liên quan đến quân đội cộng sản Bắc Việt và cũng thảo luận với sĩ quan Miền Nam Việt Nam để tổ chức các cuộc hành quân hỗn hợp.

Nhưng Nixon đã không chấp nhận lời yêu cầu của Abram sử dụng B52 để oanh tạc vùng đất Cam Bốt.

Hà Nội sau đó lại tung cuộc tổng công kích khác vào các Thành Phố, Thị Trấn Miền Nam Việt Nam, đây là lần thứ tư kể từ Tết Mậu Thân 1968. Với Hà Nội, không thắng được bằng quân sự thì cũng thắng được bằng tiếng vang. Sự an ninh của các Thành Phố tại Miền Nam Việt Nam là một điều kiện để tham dự vào cuộc thương thuyết tại Paris.

Khi tung ra đợt tổng công kích thứ tư, họ muốn chứng tỏ rằng Hoa Kỳ đã bị buộc phải thương thuyết trong năm 1968, rằng việc ngưng oanh tạc là vô điều kiện, hậu quả tất yếu do họ chủ động. Vào cuối tháng 2 và tháng 3 năm 1969, khi Nixon công du Âu Châu với tư cách Tổng Thống lần đầu tiên ở hải ngoại, cộng sản bắn hỏa tiễn vào Sài Gòn và Huế. Mục đích của Hà Nội muốn giảm uy tín của tân chính phủ Nixon trước thế giới. Cộng sản hy vọng, và điều đó không sai, nhiều người Việt Nam từng ủng hộ chính quyền ông Thiệu e ngại Hoa Kỳ sẽ bỏ rơi Miền Nam Việt Nam.

Trước khi xảy ra đợt tấn công thứ tư này, Bunker đã nói với Washington là Hoa Kỳ nên báo cho Hà Nội biết sẽ có sự trả đũa tại Miền Bắc Việt Nam một khi Hà Nội còn tiếp tục mở các cuộc tấn công vào các Thành Phố Miền Nam.

Vào ngày 4 tháng 3 năm 1969, Nixon đã cảnh báo Hà Nội vào việc tấn kích vào các Thành Phố. Và cùng một thông điệp ấy đã âm thầm trao cho Nga Xô.

Hai ngày sau, cộng quân thâm nhập vào Sài Gòn. Cộng sản tấn công vào Thành Phố này vào lúc trăng rằm, điều bất thường thay vì chọn lúc trăng non như thường lệ vì đêm tối. Có lẽ đó là thời điểm cho họ, lúc ấy, Tổng Thống Nixon đang có mặt tại Âu Châu, để gây tiếng vang hơn. Cộng quân đã bị tổn thất nặng nề và chẳng thể nào tiến gần đến được Sài Gòn như những lần tấn kích trước. Tướng Abrams đã có những tài liệu chứng minh Hà Nội đã dùng 4 trung đoàn cho Sài Gòn trong đợt này. Một bệnh viện của họ đã bị khám phá. Bệnh viện ấy chuẩn bị để có thể điều trị 10.000 thương binh bị thương.

Bunker liền đề nghị tái oanh tạc Miền Bắc để trả đũa vụ tấn công. Điều này Nixon đã không làm. Nhưng trái lại, ông đã ra lệnh cho Tướng Abrams chuẩn bị B52 để oanh tạc bộ chỉ huy cộng quân trú đóng tại Cam Bốt. Nixon không muốn bị lôi cuốn vào ý đồ do cộng sản dùng làm quân sự tạo ra.

Chỉ có trận công kích lần thứ 4 này cộng quân đã bị đánh tan ngay từ điểm xuất quân, một thắng lợi của Nixon. Nhân vật chủ yếu thuyết phục Nixon ra lệnh cho Abrams dùng B52 oanh tạc bộ chỉ huy đầu não Hà Nội có căn cứ tại Cam Bốt là Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird, bay đến thăm Bunker.

Laird đến Sài Gòn ngày 7 tháng 3 năm 1969. Cùng tháp tùng có Tướng Wheeler vẫn tiếp tục đảm nhận chức Tham Mưu Trưởng Liên Quân. Máy bay ông ta, không có cửa, kín mít như một chiếc “Tiêm thủ đỉnh bay” đáp xuống vào lúc nửa đêm. Sau cuộc họp báo ngắn, gọn, ông ta đã đến thẳng tư dinh của Bunker. Hai người ngồi ở thư viện nhỏ và khi bắt đầu cuộc nói chuyện thì bên ngoài lác đác vài tiếng súng nổ. Cuộc tấn kích lần thứ tư của Hà Nội vẫn còn tiếp diễn. Người lính Thủy Quân Lục Chiến vào bất chợt làm câu chuyện của hai ông ngưng lại, và mời hai người chuyển sang hầm trú ẩn vừa mới xây xong sau Tết Mậu Thân. Căn phòng được trang bị đầy đủ phương tiện vô tuyến.

Bộ Trưởng Laird muốn nói chuyện với Tướng Wheeler đang công tác tại Bộ Tư Lệnh của Tướng Abrams. Ellsworth Bunker gọi mãi nhưng không tiếp xúc được với Abrams. Sáng hôm sau thấy Abrams, Ellsworth Bunker vừa nói vừa đùa: “Abe, Bộ Trưởng muốn nói chuyện với Tướng Wheeler tối qua. Tôi gọi mãi nhưng không thấy ai trả lời”. Abrams đáp: “Tôi biết, nhưng đường dây điện thoại đã bị hư”.

Laird đến Sài Gòn để xác định chính sách của tân chính phủ sẽ thực hiện các mục tiêu tại Đông Nam Á, đồng thời phù hợp với quyền lợi sống còn của Hoa Kỳ. Ông ta đã đưa ra bốn giả thuyết có thể xảy ra trong tương lai:

1. - Cuộc thương thuyết tại Paris không đạt được kết quả;
2. - Chính phủ Nixon sẽ không leo thang vượt quá giới hạn nhằm bảo đảm Miền Nam Việt Nam có quyền tự quyết về chính trị cũng như kinh tế theo hiến pháp của Miền Nam Việt Nam;

3. - Miền Nam Việt Nam phải có khả năng thường trực để tự vệ và tự đối phó;

4. - Hà Nội sẽ không từ bỏ ý đồ áp đặt chế độ chính trị theo họ tại Miền Nam Việt Nam.

Laird cũng đã trình cho Quốc Hội Hoa Kỳ dự án tăng thêm viện trợ nhằm tối tân hóa Quân Đội Miền Nam Việt Nam nhanh hơn so với kế hoạch mà Abrams đã dự tính.

Trong thời gian lưu lại Sài Gòn, Laird cũng đã thảo luận với những cộng tác viên cao cấp của Bunker, Abrams chỉ huy quân sự và Colby đặc trách Kế Hoạch Bình Định. Bunker đã trình bày một cách thẳng thắn tất cả những điều ông suy nghĩ, những ưu điểm lẫn khuyết điểm, những điểm ông cho là thành công và cả những điều ông cho là chưa giải quyết được. Laird đã chứng kiến tại chỗ những gì mà Hoa Kỳ đã làm được tại Sài Gòn và với Đồng Minh của mình, Miền Nam Việt Nam.

Nhưng vấn đề quan trọng nhất của kế hoạch Bunker là vấn đề chiến lược và chiến thuật của Tướng Abrams. Abrams đã đặt ra nhiều phương hướng trong cách sử dụng lực lượng quân sự chỉ vào một mục tiêu duy nhất: Tiêu diệt khả năng chủ động của Hà Nội. Nếu phần lớn lực lượng quân sự của Hà Nội bị tổn thất thì Kế Hoạch Bình Định sẽ có cơ hội dễ thành công. Một khi Chương Trình Bình Định đã thực hiện được thì cuộc chiến sẽ chuyển giao cho Miền Nam Việt Nam, vì lúc ấy trận chiến xảy ra nằm trong khả năng và tầm tay của họ. Bunker tin tưởng như thế.

Mặt khác, khi khả năng tấn công của cộng quân không còn đe dọa, Tướng Abrams đồng thời thiết lập kế hoạch, việc rút quân về nước từng bước mà không nguy hại đến vấn đề phòng thủ.

Nỗ lực của Abrams nhằm bẻ gãy guồng máy của cộng quân tại Miền Nam Việt Nam bắt đầu từ mùa Thu năm 1968 sau khi trận công kích cuối cùng của cộng quân trong năm này bị hoàn toàn đánh bại và Chương Trình Phát Triển Bình Định đang được thực thi. Với chiến thuật mở các cuộc hành quân cấp thấp và dùng B52 oanh tạc những cứ điểm tập trung quân. Abe đã đẩy lực lượng cộng quân ra khỏi vùng dân cư, giảm thiểu sự thiệt hại đối với dân chúng, sự tổn thất của Quân Đội Hoa Kỳ thấp xuống và mở rộng những khu vực mới để Bình Định.

Bunker từng mô tả Abrams là một Tướng lĩnh có khả năng ứng dụng Quân Đội cùng một lúc thực hiện hàng trăm chủ đích khác nhau để làm lệch cán cân thăng bằng của đối phương. Báo chí gọi đó là chiến lược “gây sức ép tối đa”. Chiến lược ấy nhằm để chấm dứt chiến tranh một cách mau chóng.

Chiến lược “gây sức ép tối đa” đó, có chiến thuật áp dụng khác nhau tùy theo từng trường hợp. Tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, với nhiều kênh lạch và đông dân thì phát triển các lực lượng địa phương như Nghĩa Quân và Địa Phương Quân và củng cố một số tiền đồn vững mạnh. Tại Vùng Cao Nguyên, những cuộc hành quân lùng và diệt vẫn còn hữu hiệu để phá vỡ hành lang thâm nhập của Hà Nội. Tại Miền Trung, các Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, công quân vẫn còn bám chặt vào dân làng địa phương sinh sống tại vùng đất hẹp giữa núi và biển, do đó các cuộc hành quân có chủ đích tách rời dân chúng ra khỏi vùng kiểm soát của cộng quân, từ đó cán bộ cộng quân dễ dàng bị phát hiện, các đơn vị du kích buộc phải rút ra khỏi dân chúng, và đời sống an ninh của dân

được bảo đảm hơn. Đó được gọi là những cuộc hành quân “thanh lọc và chiếm giữ” đối nghịch với nhiệm vụ “lùng và diệt” được áp dụng tại vùng này vài năm trước đó và đã gây nên vụ thảm sát những thường dân vô tội tại Mỹ Lai.

Laird hoàn toàn tán đồng phương sách áp dụng của Bunker, Abrams và Colby.

Khi tiếp kiến Thiệu, Tán Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ đã nói với ông ta, vấn đề khó khăn trước mắt là hai chính phủ cùng hợp tác phát triển Quân Lực Miền Nam Việt Nam để một khi Quân Đội Hoa Kỳ triệt thoái, người Việt Quốc Gia Miền Nam có thể nhận lãnh phần lớn trách nhiệm chiến đấu theo nhu cầu. Laird cũng giải thích với Thiệu, dân chúng Hoa Kỳ dự kiến chính phủ Nixon sẽ làm nhiệm vụ rút quân về nước, vì thế Laird muốn công cuộc chiến đấu sẽ lần lượt trao trả về phía Việt Nam theo một hạn kỳ có quy định. Ông ta dự trù, Quân Đội Hoa Kỳ triệt thoái trong khi cuộc thương thuyết vẫn đang diễn tiến, nhằm để bảo vệ, qua thỏa ước, quyền tự quyết của dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Không chút ngần ngại, Thiệu trả lời đồng ý hoàn toàn đề nghị của Laird. Bởi lẽ Miền Nam Việt Nam đã nhìn rõ điều này phải xảy ra ngay từ cuộc họp thượng đỉnh với Tổng Thống Jonhson tại Honolulu vào tháng 7 năm trước.

Sau chuyến đi Sài Gòn trở về, căn cứ báo cáo đầy lạc quan và tiến bộ ở Miền Nam Việt Nam của Laird, Nixon đã dựa vào ý kiến của vị Bộ Trưởng này để soạn thảo chính sách Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

Ngày 14 tháng 3 năm 1968 Tổng Thống Nixon đã đặt

ra ba điều kiện về việc rút quân Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam có thể thực hiện:

1. - Khả năng tự bảo vệ Miền Nam Việt Nam;
2. - Những tiến triển đạt được với Hà Nội tại Paris là Miền Nam Việt Nam vẫn tiếp tục độc lập;
3. - Giảm thiểu khả năng tấn công của Hà Nội.

Dưới con mắt của quần chúng. Hoa Kỳ đang tháo chạy ra khỏi cuộc chiến nhưng chính sách của Nixon về kế hoạch rút quân không phải là đầu hàng theo yêu cầu của Hà Nội, mà được gọi là “Việt Nam Hóa Chiến Tranh”.

Tổng Thống Nixon hiểu được chiến lược Việt Nam Hóa Chiến Tranh là một thuận điểm quan trọng. Quân Đội Hoa Kỳ rút về nước sẽ làm giảm đi sự chống đối của thành phần phản chiến trong nước và cho phép ông thực hiện nền hòa bình đúng theo ý nghĩa của từ ngữ đó. Giảm gánh nặng Hoa Kỳ tại Việt Nam, ông có thể rảnh tay giải quyết và chặn đứng mọi mưu toan tìm sự chiến thắng của Hà Nội tại hòa đàm Paris.

Theo tôi, Hoa Kỳ đã thiếu một món nợ và chỉ có một con người đơn độc, quả cảm (Richard Nixon) lặn lội, khốn đốn trong nhiều năm để thanh toán món nợ ấy. Ông ta đã mưu tìm một nền hòa bình trong danh dự theo truyền thống đạo đức căn bản của Hoa Kỳ, một khi đã can dự vào những vấn đề của thế giới để tìm giúp dân tộc các nước Đông Dương thoát ra khỏi quỹ đạo toàn cầu của cộng sản. Bởi vì ông đã dự kiến một hiểm họa sẽ xảy đến một khi cộng sản thống ngự tại các xứ sở này, và điều dự phóng của ông, sau đó đã thật sự xảy ra tại Cam Bốt, dưới tên cộng sản độc tài Pol Pot.

BẮT ĐẦU NHỮNG THƯƠNG THUYẾT MẬT

Thương thuyết là phần thứ hai trong sách lược của Nixon mà ông đã áp dụng vào đầu năm 1969. Ngay khi chính phủ của Nixon vừa vào Tòa Bạch Ốc, Hà Nội đã đề nghị mở những phiên họp mật giữa Hà Nội và Washington. Thiệu cũng đồng ý với Bunker về những cuộc gặp mặt riêng như thế. Thiệu nói: “Chúng ta chấp nhận những cuộc họp riêng rẽ. Nếu họ muốn mang theo Mặt Trận Giải Phóng thì cũng chẳng có gì trở ngại. Đối với chúng ta, vấn đề quan trọng là Hà Nội phải rút quân của họ”.

Thiệu vẫn giữ quan điểm ấy. Vào tháng 10 năm 1972, khi Kissinger thất bại trong việc đòi hỏi Hà Nội phải rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam, Thiệu đã nhất quyết từ chối ký vào bản thỏa ước mà Hoa Kỳ đã thương thuyết.

Phiên họp kín lần đầu diễn ra ngày 17 tháng 3 năm 1969 chỉ sau khi Hà Nội thất bại hoàn toàn ở đợt công kích lần thứ tư và Tổng Thống Nixon đưa ra kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Hà Nội đặt điều kiện sẽ chấp nhận hòa bình nếu Washington ủng hộ cho Mặt Trận Giải Phóng đạt được thắng lợi về mặt chính trị.

Thiệu nhận định: “Hà Nội không mang con bỏ chợ. Mặt Trận Giải Phóng muốn có một chính phủ liên hiệp bởi lẽ họ thừa hiểu rằng, một đảng chính trị, theo hiến pháp. Chúng ta chấp nhận nguyên tắc mỗi người một lá phiếu trong cuộc bầu cử, và bảo đảm với phía Mặt Trận Giải Phóng điều đó sau khi quân đội Bắc Việt rút ra khỏi Miền Nam. Mặt Trận Giải Phóng cũng có thể tham dự hội đồng tuyển cử, nhưng họ e ngại sẽ thất cử. Trở ngại chính yếu của chúng ta là làm thế nào ngăn chặn một

cuộc xâm lăng mới của Hà Nội sau khi Quân Đội Hoa Kỳ triệt thoái”.

Sau đó đã hai lần Thiệu cố gắng tiếp xúc với phái đoàn Mặt Trận Giải Phóng tại Paris nhưng phía cộng sản không đáp ứng.

Cũng thời gian ấy tại Vĩnh Long, chính quyền xã ấp đang phát triển. Trung Tá Supplizio hết nhiệm kỳ và người thay thế là Đại Tá Roland Tausch. Tôi bỗng dừng trở nên người thông dịch chính thức của cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam trong bữa tiệc giã từ của Supplizio đó, do Nghĩa tổ chức. Tôi không có mấy thiện cảm với Supplizio nhưng có mặt trong buổi tiệc là để tỏ lòng kính trọng kính trọng về sự đóng góp và việc làm của ông ta trong quá khứ mà vị Cố Vấn mới, Đại Tá Tausch sẽ tiếp tục.

Bấy giờ Miền Tây, Đồng Bằng Sông Cửu Long, một vị Cố Vấn mới về nhận chức, đó là người từng được biết đến, John Vann và đã được phóng viên Neil Sheeman ca ngợi, sau khi John Vann bị tử nạn, là một người Mỹ đã phục vụ hết lòng tại Việt Nam. Vann bay đến từng nơi và nói với chúng tôi: “Hãy tìm hiểu tất cả những gì trong Quận của anh và ngủ tại làng. Tôi chợt khám phá ra, ông ta quá lãng mạn, tin rằng không phải dân chúng Việt Nam mà là người Hoa Kỳ mới làm ra chiến thắng. Mặc dù ông ta có lý khi nói tới Đại Tá Nghĩa, cuộc chiến bấy giờ đã thắng bởi lẽ nhờ có người hùng Komer, những nỗ lực của Hoa Kỳ được tái phối trí trở lại. Thế nhưng trong nhật ký của tôi vẫn còn nhận xét Vann là con người “ít có đầu óc thực tiễn”.

Kế hoạch năm 1969 tại Vĩnh Long là phải thực hiện sự có mặt của chính quyền khắp toàn Tỉnh, các tiền đồn

phải củng cố, tăng cường các lực lượng Nghĩa Quân cho các ấp, chính quyền xã ấp được tăng cường ngân sách nhiều hơn. Để hỗ trợ tổng quát kế hoạch này, đầu tiên tôi được gửi đến Quận Vũng Liêm trong một tuần lễ để tham dự vào Kế Hoạch Bình Định về mặt dân sự.

Vũng Liêm là nơi việt cộng đóng chốt từ nhiều năm và không một người Mỹ dân sự nào muốn về đây. Quân Đội của chính phủ cũng như các công chức sống, làm việc và hoạt động trong khu vực chẳng khác chiếc bình, xung quanh vây bọc kẽm gai và có mỗi con đường giao thông an toàn duy nhất.

Trong khi dạo phố tại Thị Xã Vĩnh Long trước khi chờ đến Vũng Liêm, một cô gái đã nói với tôi bằng giọng tiếng Anh khá trôi chảy: “Việt cộng sẽ giết ông”. Tôi không ngạc nhiên lắm bởi vì tôi biết, sự thường xuyên có mặt của tôi tại các làng vừa tạo được thiện cảm với dân chúng, nhưng đồng thời, kẻ thù cũng căm ghét vì mục tiêu chính trị của họ đã có những cản trở.

Tôi hỏi một vài người bạn về cô gái ấy, không ai biết. Tối hôm ấy, Thiếu Tá Khuê có tiệc đãi vị Đại Úy Hoa Kỳ trong Toán Cố Vấn Làng Phú Quới. Peter Arnet của hãng Thông Tấn AP cũng có mặt tại đó. Ông ta đã từng dựa vào câu nói của một người lính Mỹ vô danh trong trận Tết Mậu Thân để làm tiêu đề bài phóng sự có ác ý: “Chúng ta phải thiêu hủy Thành Phố để bảo vệ nó”. Bây giờ thì Thành Phố Vĩnh Long đã được tu bổ trở lại từ sự hoang tàn do trận Tết Mậu Thân gây ra. Thế nhưng tôi hiểu, sự hủy diệt về các cấu trúc vật chất để giữ vững về mặt chính trị và văn hóa, có một ý nghĩa và giá trị khác biệt với Arnett.

Arnett đã đưa ra những biện luận chỉ trích về chiến tranh làm như thế vai trò của anh ta là người đi tìm và xác định về mặt đạo đức và tường thuật kết luận chủ quan ấy với dân chúng Hoa Kỳ. Tôi không quan tâm đến những điều mà Arnett viết, anh ta đã bị cuốn hút vào những trận bút chiến tại Sài Gòn và vì thế ít nhìn thấy đời sống đích thật của những người dân ở thôn quê.

Sáng ngày hôm nay, tôi lái xe scout đến Vũng Liêm. Trước khi đi tôi liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Tiểu Khu để biết tình hình an ninh. Vị sĩ quan hành quân ngại tôi đi một mình nên thu xếp, nửa đoạn đường đầu, tôi lái xe đi chung với đoàn xe tiếp vận cùng đi về hướng Đông Nam, nửa đoạn sau, Quận Vũng Liêm sẽ cho hai xe bọc sắt ra hộ tống tôi.

Chuyến đi của tôi suôn sẻ, mặc dù tối hôm trước, khi máy bay trực thăng đáp gần Quận để chở một thương dân bị thương nặng về Bệnh Viện Tỉnh cấp cứu, đã bị việt cộng tấn công và trận chiến đã xảy ra.

Thị Trấn Vũng Liêm yên tĩnh làm cho ta không thể nào hiểu nổi, chỉ cách đó vài cây số, mấy tiểu đoàn việt cộng đang trú ẩn dưới các giao thông hào. Quận chỉ có 4 làng với một con đường giao lưu chính duy nhất. Người Pháp đã trú đóng tại Quận này năm 1946 rồi bị Việt Minh tấn công, họ phải rút đi. Mãi đến năm 1949 quân đội Pháp mới trở lại và kéo dài đến ngày nay.

Quận có những hàng cây cao làm tôi nhớ Cam Bốt. Vài làng trong Quận vẫn còn đông dân Cam Bốt sống vì trước thế kỷ 18, đây là vùng đất thuộc tổ tiên họ. Có nơi vẫn còn mang tên địa danh Cam Bốt như Khampong Rolean. Và ở một đảo nhỏ thuộc Sông Cửu Long gần Quận vẫn

còn ngôi mộ một Tướng lãnh Việt Nam có công chinh phục nước Miên.

Khi tôi đến, người Trung Ủy Việt Nam đặc trách công tác Bình Định tại Quận mời tôi dùng cơm chiều với ông Xã Trưởng Trung Ngãi. Cùng dự với tôi có Thiếu Tá Higginbotham, Cố Vấn Quận. Văn phòng Xã này đã bị việt cộng đốt vào trận Tết Mậu Thân nhưng nay đã được xây cất trở lại.

Tối hôm ấy tôi ngủ trên chiếc giường của viên Trung Ủy Cố Vấn vừa bị thương và chuyển đi sáng nay. Ngày hôm sau, thứ bảy, Thiếu Tá Cố Vấn Trưởng giới thiệu tôi với vị Quận Trưởng, Đại Ủy Khái, lớn tuổi nhưng nhiệt tình. Trong trận Tết năm trước, ông ta đã được máy bay trực thăng chở đến để nhậm chức khi việt cộng đang tràn vào Thị Trấn. Vừa nhận nhiệm vụ, ông ta đã chỉ huy hai xe bọc sắt (hai chiếc xe này hộ tống tôi đến đây) tấn công và đánh bật việt cộng ra khỏi Thị Trấn.

Một chiếc trực thăng đáp xuống, bốc chúng tôi đến Xã Quới Tiên, một đảo nằm trên Sông Cửu Long. Vài tuần lễ trước đó, qua vô tuyến điện thoại, gọi máy bay chiến đấu oanh tạc một tiền đồn đang bị việt cộng tấn công cùng lúc việt cộng tấn công vào Tỉnh Kiến Hòa, vị sĩ quan hành quân đã đọc ngược hai số tọa độ trên bản đồ. Vì đêm tối nên máy bay không quan sát được, thành thử bom ném vào trúng làng do chính phủ kiểm soát, vài dặm xa tiền đồn nơi việt cộng đang tấn công.

Chiếc máy bay đến Quới Tiên ấy chở theo hai đại diện của Không Lực Hoa Kỳ được chỉ định đến để xin lỗi về những rủi ro đó và bồi thường cho những người liên hệ có người thân đã chết hay bị thương. Tôi trở thành phát

ngôn viên hôm ấy. Đứng giữa ngôi nhà tranh với những vách đất đã đổ nát, hàng cây dừa cao xung quanh nhà trước mắt đã gãy đổ, lá úa vàng, sân, vườn có những nơi đã trở thành hồ sâu đã có nước, đã làm tôi xúc động quên cả giới thiệu các người trong phái đoàn khi tôi nói những điều để xin lỗi.

Khi tôi trao phong bì có đựng tiền đến gia đình nạn nhân, mọi người đều lịch sự nói lời “Cám ơn”. Danh từ “cám ơn” ấy làm tôi ray rứt, tôi hỏi lại: “Cám ơn gì? Lẽ ra chúng tôi phải cảm ơn sự thông cảm của bà con đã dành cho chúng tôi. Xin bà con đừng nói “cám ơn” nữa.

Trở lại Văn phòng Quận, lẫn lộn giữa đồng giấy tờ mà dân chúng tham phiền về viên chức mà theo nhân viên Quận cho biết, là do các cán bộ việt cộng áp đặt, cùng những giấy tờ mà dân chúng đã tiết lộ và tố cáo những cán bộ cộng sản nằm vùng. Họ tố cáo cán bộ cộng sản lấy đất, ruộng của dân phân phát cho những gia đình có con em tham gia trong hàng ngũ việt cộng thể nhưng khi con em đó chết, họ lấy lại ruộng, đất cấp phát cho những người khác.

Tinh thần chiến đấu và làm việc của Quân, Cán Chính Vĩnh Liêm quả thật cao. Mặc dù có nhiều tiểu đoàn việt cộng đánh xung quanh đó nhưng không cản được sức hoạt động hăng say của họ. Năm 1962, dân làng đã phải lần trốn mỗi khi quân chính phủ rời Quận để hành quân, bây giờ năm 1969 chính việt cộng phải lần trốn. Khi làng Quới Tiên đã được chính phủ kiểm soát, hơn 100 người trước kia theo việt cộng đã quay về phía chính phủ và đã có 200 thanh niên trong làng tự nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự. Khi tôi có mặt trong Quận, một Xã Trưởng

đã đến báo là có một việt cộng muốn trở về hàng ngũ Quốc Gia.

Sáng ngày hôm sau, theo hồi ký cho phép nhớ lại, tôi đi bộ đến Văn phòng Xã Trung Hiệp, gần Thị Trấn Quận. Xã này có 7 ấp nhưng chỉ mới có hai Trưởng Ấp. Tuần lễ trước, ông Phó Xã Trưởng đã bị việt cộng ám sát ngay trước cơ quan làm việc. Buổi chiều, đáp lời mời, tôi đến thăm Chùa Phật Giáo Hòa Hảo, chỉ đối diện không xa nhà của ông Xã Trưởng. Chính nhờ cuộc thăm viếng này đã gợi ý cho tôi tìm hiểu về tôn giáo đó.

Tôi đã hỏi nhiều người Việt Nam sống tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, tại sao vào thập niên 1940, nhiều người đã chọn làm tín đồ của Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ? Lý do, một người giải thích cho tôi biết, vào những năm ấy, người dân sống tại miền Tây chọn Huỳnh Phú Sổ làm minh chủ hơn là chọn Hồ Chí Minh. Huỳnh Phú Sổ là một Phật sống Hòa Bình phương Tây tái sinh, Ngài đã sang tại Vùng Cửu Long này đến thập niên 1940. Từ khi còn trẻ, Ngài đã ca hát và nói những lời mang chất Phật tính. Khi trưởng thành, những lời Ngài nói là những lời tiên tri, xuất phát những suy nghĩ từ nội tâm, sâu xa và chính xác, thể nghiệm qua cuộc sống. Chẳng hạn, Ngài đã tiên tri Vũng Liêm sẽ trải qua thời kỳ đen tối, đau đớn khủng khiếp, trước khi vào giai đoạn thịnh vượng.

Đúng vậy, sau khi người Pháp rút ra khỏi vùng đất này, Việt Minh đã thiêu hủy Thị Trấn, nơi nhóm họp chợ búa trở nên những bãi cỏ hoang và thời kỳ đen tối thực sự đã xảy đến. Nhưng sau đó, ngày nay sự thịnh vượng đã trở lại. Xa hơn, Huỳnh Phú Sổ đã tiên tri người Pháp sẽ bị đánh bại, người Mỹ sẽ thay thế và khi gà gáy nhiều thì

hòa bình sẽ đến. Năm 1969 là năm Dậu, biểu tượng là con gà gáy thì hòa bình không còn xa lắm.

Năm 1947 tín đồ Hòa Hảo có hơn một triệu, vượt quá xa so với số người ủng hộ Hồ Chí Minh. Là một trong những nhân vật uy tín, lãnh đạo người Việt Quốc Gia, Huỳnh Phú Sổ trở thành đối thủ chính trị dưới mắt của Hồ Chí Minh trong mưu đồ thực hiện tham vọng của ông ta. Trong một ngày nắng ấm, đại diện của cộng sản tại Miền Đồng Bằng Sông Cửu Long mời Huỳnh Phú Sổ tham dự một cuộc họp với họ rồi giết ông. Thân xác ông vứt cộng chặt ra từng mảnh rồi quăng rải rác dọc theo một con kênh đào. Những người cộng sản thực hiện vụ sát hại man rợ ấy còn nhằm để cảnh cáo các tín hữu của Huỳnh Phú Sổ. Theo bước đi của Ngài, những người Hòa Hảo đã chống lại cộng sản và gọi Huỳnh Phú Sổ bằng danh xưng tôn kính là Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Những năm sau này tôi có dịp gặp ông Nguyễn Văn Tại, một trong những người lãnh đạo uy tín của đảng Đại Việt. Ông ta đã có mặt trong ngày Huỳnh Phú Sổ thọ nạn. Huỳnh Phú Sổ đã nói với Tại về việc đại diện cao cấp của Việt Minh mời và thêm rằng, ông ta chỉ đi một mình mà không cần mang theo người bảo vệ an ninh như thường lệ, để chứng tỏ “niềm tin với những người cộng sản”. Tại nghi ngại và liền yêu cầu Huỳnh Phú Sổ đừng đi và nếu có đi thì phải mang theo người bảo vệ. Huỳnh Phú Sổ từ chối, trả lời có vẻ khẳng định: “Họ không dám hại tôi đâu, một lãnh tụ tôn giáo”.

Vài giờ sau một nông dân chạy tới, hối hả đưa tin dữ: “Giáo Chủ đã bị bắt, chúng nó có thể giết”. Những tín đồ của Huỳnh Phú Sổ chuẩn bị đánh lại Việt Minh bằng tay

không hoặc bằng dao. Nhưng họ đã đổi ý vì cho làm như thế nguy hiểm đến sinh mạng của vị lãnh đạo của họ, rồi cử người đi điều đình. Thế nhưng mọi sự đã trễ.

Sau bài học lịch sử về Hòa Hảo, tôi đến thăm một ngôi chùa. Vị Sư trụ trì cho tôi biết Phật Tử ở đây đã ủng hộ chính phủ vì vậy ngôi chùa này bị việt cộng phá hoại, phải sửa chữa, xây lại nhiều lần. Vị Sư hỏi lại tôi, có một người đàn bà với hai người con gái sống trong xã do việt cộng kiểm soát, đã bị chết do súng cối trong Quận bắn đi, liệu họ có thể xin chính phủ bồi thường được không? Tôi chưa kịp trả lời thì vị Sư tiếp: “Có thể có hòa bình không?”

Tôi trả lời tôi không biết. Điều đó tùy thuộc Bắc Việt. Hoa Kỳ chắc chắn là cũng mong muốn có hòa bình. Cuộc thương thuyết vừa bắt đầu, hy vọng là sẽ đạt được.

Làng Hiếu Phụng lại là một câu chuyện khác. Chợ tiêu điều, chẳng hàng hóa thực phẩm gì cả. Năm 1969 làng này vẫn chưa có kế hoạch để tuyển mộ Nghĩa Quân. Tuần lễ trước, một số Nhân Dân Tự Vệ chết và bị thương sau khi chống trả cuộc tấn công với du kích việt cộng đến hết đạn dược.

Trung Hiếu là làng có sự an ninh tốt nhất. Đây là một làng người Công Giáo, có một nhà thờ khang trang và một trường học. Một Toán Cố Vấn di động Hoa Kỳ đang huấn luyện Nghĩa Quân tại đây. Trưa hôm ấy Linh Mục Chánh Xứ mời một số Công Chức Quận Vĩnh Liêm và Tỉnh đang có mặt tại đó dùng cơm, trong đó có tôi. Buổi cơm thịnh soạn, có cả rượu vang Algeria. Khi vị Linh Mục biết rằng tôi không được ủy nhiệm để cấp phát bất cứ ngân khoản nào thì dường như tôi đã đánh mất thiện

cảm nơi ông ấy. Cuối cùng nhà thờ hỏi Toán Cố Vấn lưu động xin 300 bao xi măng.

Trở lại Quận Vũng Liêm, tôi tìm gặp người Cán Bộ phụ trách về Chính Sách Cải Cách Ruộng Đất. Hồ sơ của anh ta từ tháng 5 năm 1967 có vài trăm bằng khoán chủ quyền ruộng đất để phát cho nông dân thế nhưng vẫn nằm im trong ngăn kéo và anh ta chỉ vừa làm lễ cấp phát ngày hôm trước tại hai làng có lễ nhân sự có mặt của tôi.

Ngày hôm sau theo máy bay trực thăng của Tỉnh đi các Quận, tôi trở lại Xã Quới Tiên để quan sát cuộc bầu cử Xã Trưởng đang diễn ra tại đây. Một Nghĩa Quân ra tranh cử cùng với một người do Quận đã chỉ định làm Xã Trưởng trước đó và anh ta đã thắng. Tôi đã nghe tiếng nổ đạn pháo của Pháo Binh bắn trả những tràng đại liên của việt cộng bắn vu vơ nhằm để cản ngăn cuộc bầu cử. Xã này trước kia mất an ninh, 60% dân chúng phải rời xã để đi lánh nạn.

Tôi đã học hỏi nhiều điều thực tiễn tại Quận Vũng Liêm hơn là nghe nói hoặc qua báo cáo và nhờ thế, đã giúp tôi biết được những gì đã quan sát cùng những đề nghị khuyến cáo về chương trình và cải cách mới. Sau bữa ăn trưa do ông Quận Trưởng già khoản đãi, tôi theo sau chiếc xe truck 4x4 của Đại Đội Địa Phương Quân, lái xe trở về Tỉnh. Lúc ấy là giữa tháng 4 năm 1969. Nhiệm vụ kế tiếp tôi được chỉ định, làm Phụ Tá Cố Vấn Quận Tam Bình, một địa điểm cũng đang thi hành Kế Hoạch Bình Định.

Vào tháng 3 và tháng 4 năm 1969, một bước quan trọng trong Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã thực hiện. Những đơn vị đặc nhiệm của Quân Đội Việt Nam Cộng

Hòa đã triển khai. Ba Tiểu Đoàn Pháo Binh và một đơn vị Thiết Giáp với đầy đủ hỏa lực được trang bị bằng những xe vận tải nhỏ, đã thành lập xong. Không Quân Miền Nam Việt Nam đã có thêm phần lực cơ chiến đấu A-37 và những máy bay trực thăng hiện đại hơn. Năm Tiểu Đoàn Pháo Binh khác đang trong thời gian huấn luyện. Vào cuối năm ấy, số Quân Nhân đang thụ huấn tại Quân Trường Pháo Binh nhiều gấp hai so với năm trước.

Suốt trong năm 1968, các cơ sở huấn luyện dành cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa bành trướng rộng ra hơn bao giờ. 26 trường dành cho 326 khu vực cung cấp cho các khóa huấn luyện đặc biệt và 33 Trung Tâm huấn luyện có thể huấn luyện cùng thời gian cho 65 ngàn Tân Binh. Tất cả các đơn vị đã thành lập từ trước đều được tái huấn luyện. Các đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân được huấn luyện do các Toán nhỏ Cố Vấn Hoa Kỳ đảm nhiệm về mặt chiến đấu, vùng sinh lý và rừng rậm. Các Phi Công Việt Nam đã được gửi tu nghiệp hoặc huấn luyện tại Hoa Kỳ.

Khi Bunker trở về Washington để hội kiến với Nixon vào tháng 4 năm 1969, Tổng Thống đã nói với Ellsworth Bunker, ông ta mong muốn một phần Quân Đội Hoa Kỳ trở về nước trong năm ấy. Và cũng trong tháng đó sự tham chiến của Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam lên đến con số cao điểm là 543.000 người. Ellsworth Bunker tái khẳng định với Nixon là sẽ thực hiện điều ông ta muốn.

Một chương trình được nghiên cứu để Hoa Kỳ triệt thoái quân chiến đấu ra khỏi Việt Nam chỉ có mỗi phương thức để tiến hành. Đó là làm sao chặn đứng làn sóng phản chiến đang tràn ngập có nguy cơ tạo cho kẻ xâm lăng Hà

Nội trở thành kẻ thắng trận và đồng thời giúp cho Miền Nam Việt Nam về cả hai mặt, niềm tự tin và kinh nghiệm chiến đấu, để họ có thể đứng vững tiếp tục chống lại các cuộc tấn công của Bắc Việt.

Bunker là con người luôn luôn có niềm tin, sự hiến dâng qua việc làm và những khó khăn, đã đưa đến sự thành công. Phục vụ cho một Tổng Thống mà ông ta không hề yêu mến và thậm chí có nhiều điều làm ông chán nản, với những truyền thống cổ điển và vào niềm tin, đã giúp ông vượt qua.

Nhưng Nixon thì trái lại, đa nghi, lối giáo dục kiểu Hoa Kỳ, Yale, ngay cả những cộng tác viên của ông. Nhưng trong đám tang của Ellsworth Bunker tại Brattleboro, Vermont, Nixon đã bày tỏ niềm tin của ông với Bunker qua tôi, một người có tên liệt kê trong danh sách ứng cử viên đáng ngại của phe Nixon, với quá khứ ở Harvard và hoạt động tích cực cho đảng Dân Chủ. Nixon bày tỏ niềm tin nơi ông vào tôi khi tôi viết cuốn sách này và khuyến khích tôi hãy giữ vững niềm tin cho đến khi nó trở thành hiện thực.

Bunker đã chuyển quyết định rút quân đến Thiệu và thêm rằng, Tướng Abrams đã có kế hoạch để chuẩn bị thi hành quyết định này. Thiệu đáp lại, ông ta cảm thấy không có gì ngăn cản vì vừa qua, Nixon và Laird đã báo cho ông ta điều đó nhưng không phải diễn ra ngay tức khắc. Thiệu nhấn mạnh, không có trở ngại nào về điều này.

Vấn đề Thiệu quan tâm, Hoa Kỳ có thể đưa ra đề nghị ngưng bắn tại chỗ, dựa trên sự kiện đã rồi về sự kiểm soát nhất thời của Mặt Trận Giải Phóng trên lãnh thổ Miền

Nam và như thế có nghĩa dành cho họ chủ quyền ở những vùng mà họ đã chiếm cứ. Những cuộc bầu cử trong tình huống như thế sẽ làm mất đi lý tưởng chiến đấu của phía Miền Nam Việt Nam. Năm 1954, người Pháp đã nhượng bộ cộng sản, vì vậy Thiệu e ngại rồi ra Hoa Kỳ cũng sẽ chấp nhận cho kẻ thù quyền hợp pháp ở những vùng đất họ đã chiếm trong lãnh thổ Miền Nam Việt Nam.

Khó khăn chính của ông ta, Thiệu nói với Bunker, không phải là việc Hoa Kỳ triệt thoái quân chiến đấu nhưng làm thế nào ngăn cản hoặc chặn đứng sự xâm lăng của Bắc Việt sau khi Hoa Kỳ rút quân. Cũng chính vì lý do ấy, trong Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh, ông ta đã đề nghị với Hoa Kỳ hãy giúp ông phát triển và trang bị đầy đủ cho các thành phần Nhân Dân Tự Vệ hoặc lực lượng Nghĩa Quân tại 2.100 xã của Miền Nam Việt Nam.

Thiệu lo lắng, vì muốn rút quân, Hoa Kỳ có thể chấp nhận bất cứ giá nào mà kẻ thù đòi hỏi. Cuối tháng 5 năm 1969 đã ba lần Hoa Kỳ và các thương thuyết gia cộng sản Bắc Việt đã họp riêng. Bắc Việt đưa ra đòi hỏi, muốn cho chiến tranh được chấm dứt, Hoa Kỳ phải ngưng mọi cuộc ủng hộ chính phủ Sài Gòn. Nghị quyết 9 Hà Nội phải thực hiện tại Miền Nam Việt Nam trong năm 1969 đánh tan “mộng xâm lăng của Hoa Kỳ”, buộc Washington “kết thúc chiến tranh tức khắc và rút quân ra khỏi nước”. Cường ép Hoa Kỳ phải chấp nhận “một giải pháp chính trị”. Hà Nội đã áp dụng chiến thuật “vừa đánh vừa đàm”. Nixon buộc phải chọn lựa giữa sự không tương của Bắc Việt và sự thiếu kiên nhẫn của quần chúng Mỹ trong cuộc chiến này.

Qua cuộc họp thượng đỉnh tại Midway vào tháng 6 năm 1969 hai Tổng Thống Nixon và Thiệu cùng tuyên bố Hoa Kỳ bắt đầu rút quân chiến đấu. Quả là một cuộc họp thượng đỉnh giản dị nhất từ trước đến nay mà Bunker chưa bao giờ từng dự, thế nhưng lại đạt được những kết quả cao nhất. Cuộc họp kéo dài hơn dự trù và chỉ đưa ra bản tuyên bố ngắn gọn với báo chí về việc 25.000 quân chiến đấu sẽ bắt đầu về lại Hoa Kỳ trong vài tháng tới. Johnson đã nhìn thấy sự mong muốn của ông được thực hiện qua người kế nhiệm.

Sau cuộc họp báo, cả hai Tổng Thống tiếp tục thảo luận suốt cả giờ ăn trưa. Tổng cộng, Nixon và Thiệu đã thảo luận riêng trong suốt 4 giờ chỉ có mặt của Kissinger và người Cố Vấn của Thiệu là Nguyễn Phú Đức. Cả hai ông Nixon và Thiệu đều tỏ ra thân mật.

Tại Midway, Thiệu đề nghị tăng cường Quân Đội Miền Nam Việt Nam lên khoảng một triệu và Nixon đồng ý việc phát triển đó. Ngày 18 tháng 12 năm 1969 Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã đồng ý để hỗ trợ Quân Đội Miền Nam Việt Nam tăng lên 866.434 quân cũng nhằm để đáp ứng việc Hoa Kỳ rút quân và việc Hà Nội tăng quân của họ tại Miền Nam Việt Nam.

Ellsworth Bunker đã hài lòng về những kết quả đạt được tại Midway. Thiệu đã được bảo đảm những điều ông muốn và ông cần:

1. - Hoa Kỳ không can dự vào việc áp đặt một sự liên hiệp hay đề nghị một hình thức chính phủ theo tiên đoán một khi cuộc bầu cử tự do đã được tổ chức.

2. - Sự triệt thoái Quân Đội Hoa Kỳ song song với việc ổn định của chính phủ Miền Nam Việt Nam về mặt

quân sự lấn chính trị. Trái lại, Thiệu cũng đã đồng ý với Nixon việc Hoa Kỳ giảm quân chiến đấu, kỹ thuật thương thuyết tại Paris, một chính quyền phù hợp sau các cuộc bầu cử tự do, Miền Nam Việt Nam tham dự vào cuộc thương thuyết.

Clark Clifford, người đã áp lực với Tổng Thống Johnson đơn phương rút quân Hoa Kỳ một năm trước đó, giờ đây đã ca ngợi Nixon, đã thực hiện kế hoạch rút quân đúng thời điểm. Clifford muốn 100.000 quân Hoa Kỳ phải được triệt thoái trước cuối năm 1969 và số còn lại rút về trước cuối năm 1970.

Phe phản chiến Hoa Kỳ bắt đầu tấn công vào kế hoạch của Nixon tại Việt Nam, không phải vì vấn đề đòi hỏi rút quân vô điều kiện mà là vấn đề thời điểm.

Bunker đã có những bất đồng sâu xa với Clifford và đã viết cho ông ta, Hoa Kỳ có thể đạt đến mục tiêu tốt hơn nếu có những quyết định kín đáo và không làm tổn thương đến Đồng Minh Miền Nam Việt Nam. Tự ấn định ra thời điểm rút quân có nghĩa là chúng ta đã chọn lựa sự thất bại. Đồng thời khuyến khích Hà Nội trì hoãn các cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh tại Paris cho đến khi sức mạnh của chúng ta tại Việt Nam giảm thiểu tối đa, đảo ngược nguyên tắc nhằm giúp Miền Nam Việt Nam có khả năng tự chiến thắng về mặt quân sự và đưa Miền Nam vào thế yếu khi thương thuyết. Đối với Bunker, kế hoạch của Clifford đánh mất niềm tin của dân chúng Miền Nam bởi vì họ nghĩ rằng Hoa Kỳ đã phản bội, tháo chạy một khi họ cảm thấy cuộc chiến đấu có thể bị thất bại.

Việc triệt thoái của Hoa Kỳ cũng phải tiên liệu đến một yếu tố khác, đó là niềm tự tin của Miền Nam Việt Nam.

Nếu rút quân nhanh một khi họ chưa đủ tự tin khả năng tự vệ vào tương lai, sẽ làm họ thất bại, trại lại, nếu kéo dài, là ngăn cản họ tự nhận lấy trách nhiệm.

Bunker muốn Hoa Kỳ hãy để cho Miền Nam Việt Nam một thời gian thử nghiệm, tự tạo lấy khả năng chính họ, tự tìm lấy niềm tự tin, tự trọng trước khi có cuộc rút quân ồ ạt về nước.

Trở lại Sài Gòn, Thiệu đã trình bày trước công chúng về việc triệt thoái Quân Đội Hoa Kỳ và xem việc chiến đấu chống cộng là trách nhiệm của quốc gia mà mọi người Việt cùng gánh vác và chia sẻ trách nhiệm.

Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã đạt đến cao độ. Trong buổi lễ kỷ niệm ngày Không Lực Việt Nam Cộng Hòa tại Nha Trang, Bunker đã chuyển giao cho Không Quân Miền Nam một Phi Đội phản lực A-37. Khi ông ta và Thiệu ngồi trên chiếc C-47 đang bay, Kỳ đã lái biểu diễn chiếc A-37 lượn quanh. Sau đó Bunker cùng Thiệu đến thăm một Tỉnh vùng biển là Phan Thiết. Khi nói chuyện trước công chúng. Thiệu đã được các cụ già và trẻ em hoan nghênh, vượt qua hàng rào bảo vệ an ninh vây quanh hai ông.

Phái Đoàn đi thăm một làng đánh cá, phần lớn là người dân di cư từ Miền Bắc năm 1954. Sau khi nói chuyện với Hội Đồng Xã, Lực Lượng Nhân Dân Tự Vệ trong làng, Phái Đoàn đã được mời dùng bữa ăn trưa ngay tại bờ biển. Thức ăn hai ông được mời là món cá bẫy món và nước mắm do dân làng cung cấp. Trong một ngày nắng gắt, trên bãi biển với những cơn gió nhẹ, thức ăn cùng những lon bia lạnh, đã làm cho Bunker nhớ mãi bước ăn tuyệt vời ấy.

Sau vài tháng ở Quận Tam Bình, William Colby đã gọi tôi về làm việc tại Bộ Chỉ Huy Trung Ương CORDS tại Sài Gòn. Tôi được chỉ định trách nhiệm nghiên cứu và phát triển chính quyền xã ấp tại Miền Nam Việt Nam. Với tuổi 24, tôi hoàn toàn không ngờ được trong tay tôi đang nắm chiếc chìa khóa để chiến thắng trong một cuộc chiến tranh du kích.

Cơ hội đến với tôi thật bất chợt. Tôi đang làm việc trong tòa nhà chung quanh che đầy những bao cát tại Quận, thì Bộ Chỉ Huy CORDS tại Tỉnh gọi về gấp, không giải thích lý do. Trên đường về, vừa lái xe tôi vừa lo lắng có những tin tức không tốt xảy đến, hay là thân phụ tôi đã chết. Vừa đến nơi, cũng không ai giải thích, tôi được lệnh trình diện Bộ Chỉ Huy Trung Ương Sài Gòn. Đáp máy bay C-123, đến Sài Gòn tôi vào trình diện tại văn phòng hành chánh.

Đầu tiên, không ai có mặt tại đó hiểu lý do tại sao tôi lại bị gọi về. Tôi đi tìm hỏi thêm một vài nhân viên khác. Một người thư ký già chợt nói: “Ồ! Đúng rồi, ông là Young phải không? Ông được chỉ định gọi về làm việc tại Bộ Chỉ Huy”. Chỉ có thế. Tôi nói với ông ta là tôi không muốn làm việc tại Trung Ương. Ông ta tỏ vẻ không hài lòng và cho tôi biết là tôi không có sự chọn lựa khác.

Vị chỉ huy mới nói, lý do tôi về là để thay thế một viên chức cao cấp CORDS phải rời nhiệm sở để trở về Trường Huấn Luyện tại Roselyn, Virginia. Sau đó ông ta mời tôi đến nhà hàng Continental, vừa dùng nước ngọt vừa tỏ ý chúc mừng tôi. Ông cho tôi biết, sau hàng chục người lựa chọn, tôi là người cuối cùng được quyết định gọi về đây. Tôi đã có đủ thời gian, ông ta nói tiếp, làm việc ở cấp

Vùng, Tỉnh và giờ thì về lại Trung Ương. Tôi trình bày, tôi không quan tâm bước đường chính trị khi tôi được chọn về đây làm việc. Tôi chỉ muốn hoạt động tại các làng xã vì tôi nghĩ nơi ấy tôi có cơ hội hoạt động tích cực hơn. Nhưng vị chỉ huy mới của tôi không đồng ý.

Thất vọng, cuối cùng tôi xin gặp William Colby. Ông ta là bạn của ba tôi. Mặc dù không biết về lai lịch quá khứ tôi, thế mà người thư ký của ông đã bổ nhiệm tôi phụ tá cho ông ta. Tôi lúc túng mải một lúc sau mới nói với Colby: “Ai đó đã buộc tôi rời khỏi địa phương nơi tôi đang phục vụ để về làm việc tại Sài Gòn. Liệu ông có thể thay đổi quyết định đó được không?”

Colby ngồi yên lặng. Một lúc sau, ông mới nói: “Tôi nghĩ là anh có khả năng ở vai trò này nên gọi anh về đây”.

Tôi không còn nói gì thêm nữa trước quyết định ấy. Colby đã nhớ đến cuộc trao đổi giữa tôi và ông, về quan điểm chính quyền địa phương, trong một lần thăm viếng Vĩnh Long vào dịp Giáng Sinh năm trước. Cũng giống như Bunker, Colby là một con người hy sinh và dấn thân, vì thế luôn luôn tìm kiếm những con người năng động cả về tư tưởng lẫn hành động, để cộng tác cùng ông ta. Colby đã nhìn thấy những gì ông ta cần và trao tôi thực hiện những điều ấy.

Tôi ở lại Vĩnh Long để dự tiệc tiễn đưa của bạn bè, một tuần lễ sau, tôi chính thức trở lại Sài Gòn. Cùng ngày ấy, Neil Amstrong đã đáp xuống mặt trăng. Sau khi qua phà ở làng Tân Hóa, mở radio, qua chuyển vận của Đài Phát Thanh Quân Đội Hoa Kỳ, tôi đã nghe được tiếng nói từ mặt trăng chuyển về.

Lái xe dọc Quốc Lộ 4 thuộc khu vực Tỉnh Định Tường,

xe tôi đã xuyên qua một làng nghèo khổ bằng những túp lều tranh sài dọc theo hai bên Quốc Lộ. Một chiếc xe GMC Mỹ chạy ngược chiều xe tôi, một người lính Mỹ quăng một hộp thức ăn khô vào đám bùn trên thửa ruộng, rồi cất tiếng cười sảng khoái khi thấy ba đứa trẻ gầy gò nhảy vào vũng bùn tranh nhau tìm kiếm. Khi tôi nhìn cảnh tượng về người lính Mỹ vô ý thức ấy thì chợt lúc, chiếc radio phát ra những lời: “Một bước đi ngán của một con người, một bước tiến xa của nhân loại”. Neil Armstrong đã có mặt trên mặt trăng. Tổ Quốc tôi đã thực hiện được mộng ước ấy.

Một hộp lương thực khô quăng đi cho những đứa trẻ tranh dành lấy vì sự sống và một phi thuyền không gian đã đáp xuống mặt trăng. Người Mỹ đã nghĩ nhiều cách, nói nhiều cường điệu khác nhau và nhìn thấy cùng đích với nhiều dị biệt. Đằng nào là sự thật của Hoa Kỳ? Cái nào là biểu tượng đúng đắn nhất? Cũng chẳng khác gì tôi trở về Sài Gòn với công việc mới, một trải nghiệm dò dẫm với thể hệ của tôi.

Sau hội nghị Midway giữa hai Tổng Thống Thiệu và Nixon. Bunker và Abrams đã thảo luận với các nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam về những địa điểm đầu tiên mà Quân Đội Hoa Kỳ sẽ rút đi và Quân Đội Miền Nam phải thay thế. Vào tháng 7, gần Vùng Phi Quân Sự, Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh đã trao trách nhiệm bảo vệ an ninh địa phương cho các Lực Lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân còn các lực lượng chính quy của ông mở các cuộc hành quân xa hơn ở vùng rừng núi. Sự chuyển đổi nhiệm vụ của Sư Đoàn này chứng tỏ khả năng tự bảo vệ và cho phép Sư Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ triệt thoái về nước.

Vào giữa mùa Hè, Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, vấn đề an ninh được an toàn hơn bất cứ lúc nào kể từ nhiều năm trước đó. Nhân viên chính quyền có thể di chuyển từ bất cứ làng xã nào về Tỉnh lỵ mà không cần phải có xe hộ tống, nếu đi ban ngày. Vì thế, đơn vị kế tiếp rút quân của Hoa Kỳ là Sư Đoàn 9 Bộ Binh, có Bộ Tư Lệnh đặt tại Miền Tây

Chính trong thời điểm ấy, Hồ Chí Minh đưa ra lời kêu gọi Miền Bắc cần phải tăng cường sức mạnh quân sự. Tướng Giáp đưa ra chiến thuật mới về du kích chiến. Sự thâm nhập từ Miền Bắc bắt đầu xuống dốc và báo chí gọi là “sự yên tĩnh tại chiến trường”. Vài nơi có vẻ yên tĩnh thật sự, vì lúc ấy sự tổn thất của cộng quân hàng tuần chỉ còn 2.500 người thay vì 3.500 người như những tuần trước.

Cuối tháng 7 năm 1969 Tổng Thống Nixon đi Việt Nam. Chỉ có Thiệu, Bunker và Abrams được biết trước cuộc thăm viếng. Hội Đồng Nội Các trong chính phủ Miền Nam, Hội Đồng Đặc Nhiệm (Tòa Đại Sứ) và báo chí chỉ được thông báo một giờ trước khi Nixon đến. Bunker đã bay sang Bangkok để gặp Tổng Thống một ngày trước đó. Sáng hôm sau, trong thời gian thay quần áo, Bunker đã đọc bài diễn văn ông viết, theo lời yêu cầu của Henry Kissinger, để Tổng Thống tuyên bố, sau khi ông họp với Thiệu, Tổng Thống đồng ý, chỉ thêm một câu: “Hoa Kỳ đã làm hết sức mình để chúng ta mở cửa bước vào bàn thương thuyết”.

Chiếc máy bay Air Force One chở phái đoàn. Sau đó đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, ngoại ô Sài Gòn, rồi dùng trực thăng để đáp xuống Dinh Độc Lập của

Thiệu nằm tại Khu Trung Tâm Thành Phố. Các đường lưu thông chung quanh Dinh Độc Lập đã bị phong tỏa và các lính bảo vệ an ninh đã được tăng cường ngay từ sáng sớm. Thiệu cười: “Dân Sài Gòn lại nghi rằng sắp sửa có đảo chánh”.

Hơn 2 giờ, Nixon, Thiệu, Kissinger và Bunker đã thảo luận về cuộc chiến Nixon đưa ra ba điểm:

1. - Ông sẽ không đưa ra điều gì mới để nhượng bộ tại cuộc hòa đàm.

2. - Hoa Kỳ không vội vã trong việc rút quân

3. - Ông ta sẽ không chấp nhận một nền hòa bình để rồi, hai hoặc ba năm sau. Miền Nam Việt Nam sẽ rơi vào tay cộng sản.

Rời Dinh Độc Lập, Nixon bay đi thăm căn cứ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Không Kỵ Hoa Kỳ tại Dĩ An, cách Sài Gòn 12 dặm. Ông đã được các Quân Nhân đón tiếp nồng hậu. Gạt bỏ tước vị Tổng Thống, ông đã hòa nhập cùng binh sĩ trong cuộc vui chiêu hôm ấy.

Cuộc thăm viếng của Nixon đã tạo nên sự chú ý theo dõi của mọi người. Ông đã mang đến cho Thiệu niềm tin, Hoa Kỳ sẽ không để cho cuộc triệt thoái trở thành hỗn độn và cuộc rút quân sẽ tiến hành nghiêm chỉnh từ lúc khởi đầu cho đến khi chấm dứt. Ông đã nhấn mạnh và xác định một cách rõ ràng để dân chúng Miền Nam có thể vững tin nơi họ. Cung cách trình bày của Nixon với bất cứ nhà lãnh đạo Việt Nam nào cũng thẳng thắn và thân thiện.

Thiệu đã đặt đường hướng mới cho chính phủ của ông với khẩu hiệu: “Tự Lực-Tự Cường”. Ông muốn ứng dụng chủ thuyết quốc gia để đáp lại chính sách Việt Nam Hóa

Chiến Tranh của Nixon. Hoa Kỳ mong muốn người Việt Nam, dựa vào truyền thống hào hùng của họ, có thể tiếp tục bảo vệ được chính nghĩa sau khi Hoa Kỳ đã hoàn tất việc rút quân. Thiệu biết ở đâu, cốt lõi nền văn hóa Việt Nam đã được đề cao và triển khai trở thành một hệ tư tưởng. Đó là truyền thống của những người quốc gia đảng viên Đại Việt, qua đó Thiệu và người anh của ông đã nảy mầm và trưởng thành.

Vào thập niên 1930 tầng lớp trẻ Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu đậm do một nhóm nhà văn qua các sáng tác của họ, mô tả niềm tự tin ở chủ nghĩa cá nhân đã đối nghịch với những thông lệ do Khổng Tử Trung Hoa và nền đô hộ do người Pháp tạo nên. Những nhà văn này được gọi là nhóm “Tự Lực Văn Đoàn”. Họ muốn canh tân Việt Nam qua việc khôi phục niềm tự hào và truyền thống của dân tộc.

Thiệu thích hành động hơn là một lý thuyết gia để phát triển khả năng quân sự. Ông trực tiếp điều hành Kế Hoạch Bình Định và đưa ra những thay đổi quan trọng trong Chương Trình Cải Cách Ruộng Đất. Trong thời gian Kế Hoạch Bình Định đang thi hành, Thiệu đã đến thăm Quận Ba Tri. Tại đây, ông đã xác định trước nông dân, ai đã từng cấy cấy trên mảnh đất của họ thì không thể bị các cựu điền chủ tước đoạt trở lại.

Tháng 2 năm 1969, Thủ Tướng Hương đã hủy bỏ luật cho thuê mướn đất và xác định quyền sở hữu về đất đai cho những nông dân đang canh tác trên thửa ruộng ấy. Điều đó có nghĩa chặn đứng những chủ đất vắng mặt được quyền trục lợi trên những thửa đất họ đã bỏ hoang từ lâu. Cùng thời gian ấy, chính phủ đã phân phát 353.000

mẫu đất cho nông dân từ thời Pháp để lại vào thập niên 1950 mà chính phủ đang làm sở hữu chủ.

Thiệu đã bổ nhiệm một người trẻ Việt Nam tốt nghiệp Đại Học tại Pittsburg, Hoa Kỳ làm Bộ Trưởng Cải Cách Ruộng Đất bởi ông ta muốn có những con người thuộc thế hệ mới, xông xáo và năng nổ hơn. Không cần sự giúp đỡ của người Mỹ, vị Tân Bộ Trưởng này đã thực hiện những bước tiến quan trọng của kế hoạch do chính phủ đặt ra về vấn đề cải cách chủ quyền đất đai. Ông ta đưa ra chính sách cấp chủ quyền ruộng đất cho những người nông dân đang canh tác trong khi nhiều người khác muốn chỉ cho phép người thuê được mua lại.

Luật “Người Cày Có Ruộng” trước đó đã được chuyển qua Quốc Hội và có không ít sự tranh luận cùng nghi ngại. Ngoại trừ một số biệt lệ, tất cả những ruộng đất thuộc những điền chủ vắng mặt được tái phân phối. Các điền chủ có thể yêu cầu chính phủ bồi thường nhưng không còn cảnh nông dân phải thuê mướn đất đai.

Trên thực tế, đã từ lâu, các đại điền chủ không còn trực tiếp đặt trọng tâm vào việc khai thác đất đai của họ mà chuyển sang hoạt động về ngành thương mại tại các Tỉnh lỵ hoặc các Thành Phố lớn và họ đã thành công. Nhưng một số tiểu điền chủ, trong đó có cả một số công nhân viên chức quốc gia và sĩ quan cấp trung vẫn coi sở ruộng đất thừa hưởng từ gia đình là một nguồn lợi tức bù đắp thêm vào số lương thấp kém của họ.

Bunker đã tích cực ủng hộ Thiệu về chính sách cải cách ruộng đất này. Trao cho nông dân bằng khoán về đất đai và làm sở hữu chủ trên mảnh đất mà họ đã từng đổ mồ hôi để canh tác là tạo điều kiện để chính họ bảo vệ Miền

Nam trong tương lai. Điều quan trọng hơn nữa, quyền sở hữu đã tạo cho người nông dân niềm kiêu hãnh, tự tin và chính họ đã tự chủ.

Dưới cái nhìn của Ellsworth Bunker qua cuộc sống, sự tự lực của cá nhân được tổng hợp, sẽ tạo nên sự vững chắc của một thể chế chính trị đa dạng và đó cũng là đặc tính biểu trưng của một chế độ dân chủ. Nông dân là thành phần nhẫn nại, chịu đựng, không có thể bức bách họ và cũng không ai có quyền tước đoạt công sức của họ. Nhẫn nại là một đức tính cần thiết trong một tiến trình dân chủ. Bớt đi một chút thời gian, chia sẻ với những người, họ không giúp ích được gì theo chúng ta mong muốn nhưng cũng không làm chúng ta mất mát điều gì, một thói quen như thế, thật sự đã đóng góp cho tiến trình xã hội tiến lên.

Tại rất nhiều xứ sở, dân chúng nông thôn được đánh giá là một nhân tố quan trọng trong việc ổn định xã hội và cả về chính trị. Bunker đã không thấy có sự khác biệt nào về bản chất giữa người nông dân Việt Nam và những láng giềng của ông tại Dummerston Vermont. Những cấu trúc cơ bản toàn diện của cuộc sống năng động đều giống nhau ở cả hai nơi. Ellsworth Bunker đã một lần tự hỏi, phải chăng sự phân hóa trong xã hội Hoa Kỳ ngày càng tăng sâu đậm, xuất phát từ điểm do số lượng nông dân ngày càng giảm dần.

CHƯƠNG 9
NGUYỄN VĂN THIỆU, CON
NGƯỜI GẮN LIỀN VỚI VIỆT
NAM HÓA CHIẾN TRANH

Kế hoạch của Nixon, làm thế nào để Hoa Kỳ từ từ giúp Miền Nam Việt Nam nâng cao tiềm lực quân sự, để họ tự bảo vệ, đã được nghiên cứu về nhiều mặt. Những điểm khó khăn nhất, nếu nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, có thể bị suy diễn như một nhà độc tài, thì việc Quốc Hội Hoa Kỳ hỗ trợ Nixon để thực hiện Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh sẽ hoàn toàn bế tắc. Sự đối nghịch giữa người Hoa Kỳ về nguyên nhân buộc phải can dự là chính đáng, và e ngại chúng ta sẽ bị thất bại, đã biểu lộ qua các cuộc tranh luận ở phẩm cách của một người lãnh đạo Miền Nam Việt Nam.

Cá tính của Thiệu và chính phủ ông, do thế đã trở thành mục tiêu để những người chống kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh của Nixon tấn công. Hà Nội đã đặt điều kiện, muốn có quyền lực nên đã đồng tình với Hà Nội, cùng lên tiếng cáo giác Thiệu và chính phủ ông không có dân chủ. Chính vì thế, để chứng minh trước công luận là chính

sách Việt Nam Hóa và cuộc thương thuyết của Nixon sai lầm, phe phản chiến chụp lấy cơ hội về việc chính quyền Thiệu không có dân chủ để hô hào đòi rút bỏ Miền Nam Việt Nam, mặc cho cộng sản xâm lăng.

Nỗi ám ảnh sợ hãi bị đánh bại trong cuộc chiến bắt nguồn từ sự tường trình sai lạc và những phản ứng quá độ từ cuộc tổng công kích Mậu Thân, đã lên đến cao điểm tại Hoa Kỳ. Khai thác những cảm tình ấy, phong trào phản chiến đưa ra những luận điệu dẫn đến kết luận là phải tháo chạy ra khỏi cuộc chiến. Dưới mắt họ, cung cách và tham vọng của Thiệu đã được mô tả, diễn dịch để trở thành một nhà độc tài.

Nixon đã bị đặt trước một sự thách thức và ông ta đã không thể bỏ rơi Thiệu, một người mà đối với chính phủ Hoa Kỳ xem là can đảm, có khả năng, tự tin, đang lãnh đạo Miền Nam Việt Nam nhận lấy gánh nặng từ Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Bunker trong mọi nỗ lực đều nâng cao khả năng của Thiệu và chính phủ của ông ấy.

Tuy nhiên, cũng may cho Hoa Kỳ, Thiệu đã bắt đầu chứng tỏ bản lãnh của một nhà lãnh đạo Miền Nam Việt Nam là Chương Trình Việt Nam Hóa tiếp tục diễn tiến và không có gì trở ngại. Mục tiêu mà Thiệu đã đề ra, ông ta đã thực hiện thành công.

Trong năm 1969, chính phủ của Thiệu đã đạt được những bước tiến khá nhiều, nhưng giới báo chí Tây phương thì đưa tin rất ít. Trong khi 90% các làng xã tại Việt Nam đã bầu ra chính quyền địa phương do họ lựa chọn thì tờ Newsweek viết: “Đó là tin tốt. Nhưng vấn đề then chốt là Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh chưa tiến triển tới đâu”.

Bất kể chính phủ Miền Nam Việt Nam đã thực hiện nhiều tiến bộ đáng kể cũng chưa đủ để giới báo chí không chỉ trích. Một chiến dịch chống phá đã được áp đặt, không phải nói lên về một trách nhiệm lương tâm để làm thẳng bằng cán cân quyền lực của lịch sử thế giới, mà là bằng tham vọng đen tối, khiếp nhược, muốn nhìn thấy Hoa Kỳ làm kẻ bàng quan, dửng dưng để tránh mọi mất mát và thua thiệt.

Cũng năm 1969 sự tiến bộ đã đưa đến tình hình an ninh ổn định hơn bao giờ kể từ nhiều năm qua. Chính phủ do Thiệu lãnh đạo cũng đạt được những kết quả khả quan trọng việc Cải Cách Ruộng Đất và Kế Hoạch Bình Định. Điều đó không ai có thể phủ nhận. Nhưng thành phần chính trị đối lập tại Miền Nam Việt Nam thì không đồng ý điều ấy. Họ cho rằng, những gì Thiệu và chính phủ của ông ta thực hiện chẳng qua chỉ để nắm giữ quyền lực lâu dài và rồi ra là một ông Diêm thứ hai, một nhài độc tài. Vì thế, phe chính trị đối lập tuyên bố: “Thiệu thật sự không đại diện cho dân chúng Miền Nam”.

Thiệu đã khôn khéo tạo sự phân hóa, chia rẽ và mâu thuẫn trong thành phần đối kháng ông ta đã cô lập họ khi sự chống đối đã vượt qua những điều mà hiến pháp quy định. Nhưng Thiệu cũng tỏ ra cứng rắn, đàn áp những thành phần đòi hỏi một chính phủ liên hiệp với cộng sản.

Do Hà Nội chỉ đạo, thành phần này hoạt động song hành với phái đoàn Bắc Việt tại hội nghị Paris, mô tả và biến Thiệu trở thành một nhà quân phiệt, cai trị dân chúng bằng bạo lực. Nếu có niềm tự tin mạnh mẽ hơn, Thiệu có thể đối phó với thành phần đó một cách khác hơn là đàn áp, điều mà một vị Tổng Thống được dân cử

không nên thi hành. Thế nhưng, Thiệu vẫn là Thiệu, ông ta không phải là con người hoàn toàn đúng nhưng cũng không hoàn toàn sai.

Đầu tháng 3 năm 1969 Thiệu cho Bunker biết, ông ta đã hình thành một phong trào đoàn kết bao gồm một số chính đảng, đoàn thể chính trị có khuynh hướng ủng hộ chính phủ. Ông ta đã tiến đến việc tự sáng lập cho ông quyền lực chính trị, năng động hơn là dựa vào guồng máy Quân Đội đã đưa ông ta trở thành “một vị Tổng Thống”.

Ngày 7 tháng 4 năm 1969 Thiệu loan báo điều đó trước Quốc Hội. Để mời gọi những thành phần gia nhập vào tổ chức mới này, Thiệu đã xác định với các nhà lãnh đạo các đảng phái chính trị, những chức vụ trong Nội Các mà đảng phái đang đóng góp, không có nghĩa là điều kiện đòi hỏi những đảng phái ấy phải gia nhập vào tổ chức mới của ông.

Mặt Trận Dân Chủ Xã Hội Quốc Gia, một tổ chức liên minh chính trị mới của Thiệu đã ra đời ngày 25 tháng 5 năm ấy. Mặt trận ấy bao gồm một Đoàn Thể Công Giáo bảo thủ di cư năm 1954, những đảng viên đảng Đại Việt cũ hiện đang ủng hộ nhà lãnh đạo Đại Việt Miền Trung là Hà Thúc Ký, một tổ chức Phật Giáo Hòa Hảo, tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh ở Miền Trung, Tổng Liên Đoàn Lao Công của Trần Quốc Bửu và tổ chức Công Giáo Tự Do gọi là Nhân Xã.

Trong cuộc tranh cử Tổng Thống năm 1967 Hà Thúc Ký đã chiếm được 7,3% số phiếu. Trong khi đó Vũ Hồng Khanh chỉ được có 3,2%. Nhóm Công Giáo gia nhập mặt trận mới của Thiệu có nhiều người đã đắc cử vào Thượng Viện.

Bunker hài lòng về sự ra đời của tổ chức mới này hơn

như ông đã dự tính. Thiệu không phải thành lập một đảng phái chính trị mà chỉ là một liên minh trong giai đoạn cần thiết và có thể giải tán hoặc rút ra trong tương lai. Theo Ellsworth Bunker, mặc dù mặt trận không có những yếu tố để ràng buộc tuyệt đại đa số quần chúng nhưng cũng không phải là một tổ chức chính trị nhằm đe dọa hoặc có nguy cơ trở thành một thế lực độc tài. Theo Bunker, đó là một bước tiến tuy còn hạn chế nhưng vững chắc.

Sự liên hiệp trong mặt trận mới của Thiệu rất khác xa sự liên hiệp của Diệm với đảng Cần Lao trước đó tại Miền Nam Việt Nam. Trong khi Diệm không chấp nhận liên hiệp với các đảng phái chính trị Việt Nam khác để tự sáng lập một đảng riêng, theo quan điểm và nguyên tắc cá nhân của ông thì Thiệu lại liên minh với tất cả các lực lượng chính trị bảo thủ đang hoạt động.

Khi Thiệu ra mắt Mặt Trận và giới thiệu những thành viên gia nhập, Ellsworth Bunker cảm thấy nhiều ngạc nhiên đang diễn ra trước mắt ông. Đứng bên phải cũng như bên trái của Thiệu, người này đã từng ra lệnh bắt người kia vào tù, dưới thời ông Diệm, cũng như sau khi ông Diệm bị lật đổ. Nhưng nay Mặt Trận của Thiệu đã kết hợp được họ cùng ngồi lại, để cùng gánh vác công việc chính trị của Miền Nam Việt Nam.

Đảng Tân Đại Việt giờ đây cũng hình thành một liên minh mới gọi là Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, ủng hộ Thiệu về phương thức chống cộng những bất đồng với Thiệu về các mặt kinh tế và xã hội. Những đảng viên Tân Đại Việt không muốn người Việt Quốc Gia ngưng cuộc tranh đấu qua những kết quả khả quan mà chính phủ

Thiệu đã thực hiện, những muốn Miền Nam Việt Nam phải phấn đấu hơn nữa ở toàn diện các mặt để sự ổn định về chính trị vững chắc hơn. Đảng của những người Việt Quốc Gia này muốn toàn dân phải góp tay vào công cuộc tự bảo vệ và tự xây dựng đất nước.

Thành phần Phật Giáo đấu tranh, đã từng xuống đường, tự thiêu, làm chế độ Diệm phải sụp đổ trước kia đã bắt đầu trở thành lực lượng đối kháng chính trị với mặt trận mới của Thiệu. Cộng thêm lực lượng đối kháng ấy còn có cựu Tướng Big Minh và Trần Văn Đôn, cả hai người này được giới Phật Tử xem là những nhân vật lãnh đạo cuộc đảo chánh Diệm ở năm 1963. Tướng Minh được xem như một con người dễ dãi vì thời nào trên sân khấu chính trị cũng có mặt ông.

Biểu lộ thái độ chỉ trích đầu tiên của Thiệu là khởi Phật Tử. Đầu năm 1969 Thiệu đưa ra lời tuyên bố yêu cầu Thượng Tọa Thiện Minh hãy ngưng mọi hành động nhằm chống phá chính phủ. Và rồi vào tháng ba, Thượng Tọa Thiện Minh bị bắt vì Trung Tâm Thanh Niên của ông chính là nơi tụ tập những thành phần bạo động và cũng là địa điểm để in ấn những truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi tranh đấu, xuống đường. Cảnh Sát khám xét Trung Tâm này đã tìm ra những vũ khí, chất nổ và cả truyền đơn của việt cộng.

Trung Tâm Thanh Niên đã bị chính quyền kiểm soát và Thượng Tọa Thiện Minh đã bị kết án 10 năm tù. Thiện Minh đã phủ nhận hiến pháp và các cuộc bầu cử thời chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng buồn thay, Thượng Tọa Thiện Minh, sau cuộc chiến thắng năm 1975 của Hà Nội, ông ta đã chết ở trong nhà tù cộng sản.

Bunker không có thiện cảm với Thượng Tọa Thiện Minh, vì theo ông, Thiện Minh hoạt động chính trị quá cực đoan. Thường khi đưa ra trước công luận những lời tuyên bố ủng hộ Thiệu có những hành động đúng lúc để bảo vệ hiến pháp, nhưng sau đó Ellsworth Bunker cũng tiếp xúc riêng Thiệu, yêu cầu Thiệu không nên dùng những biện pháp quá đáng. Chẳng hạn, Bunker đã nói với Thiệu, Tổng Thống Miền Nam Việt Nam đã phạm sai lầm vì không làm sáng tỏ trước công luận chủ đề hòa bình và cũng không tạo nên được những cuộc tranh luận về mặt chính trị ở chủ đề này, để chống lại quan điểm hòa bình theo nhận định của cộng sản.

Theo Bunker, chính phủ Thiệu vẫn tiếp tục con đường đã chọn lựa cho đến khi cuộc chiến chấm dứt, nhưng không vì thế, phải đàn áp tất cả những người Miền Nam Việt Nam khác, chỉ mong thấy hòa bình mà phải tranh đấu như trường hợp Thượng Tọa Thiện Minh.

Cũng chính trong quan điểm ấy, không bao giờ trước công luận, Ellsworth Bunker xác định chỉ có Thiệu là người duy nhất bảo vệ hiến pháp Miền Nam Việt Nam. Ông ta thường tiếp xúc kín đáo với cả những người đối lập Thiệu. Khi Tướng Big Minh yêu cầu được gặp Abrams, Bunker hỏi Thiệu thử lượng giá về cuộc gặp gỡ ấy. Bunker biết, Tướng Minh đã có lần từ chối lời mời của Thiệu để làm Cố Vấn cho chính phủ. Big Minh vẫn còn căm giận Thiệu và một số tướng lãnh trẻ đã truất phế quyền lực của ông ta vào năm 1964.

Thiệu đã trả lời cho Bunker, nếu Tướng Minh và Abrams từ lâu đã là bạn thì việc tiếp xúc của hai người không có gì phải quan tâm, trái lại, một cuộc gặp gỡ như

thế sẽ tạo ra một dư luận Hoa Kỳ đang có kế hoạch thay đổi người lãnh đạo ở Sài Gòn. Cuộc gặp gỡ sau đó không diễn ra.

Bunker vẫn có phương thức khác để liên lạc với Big Minh. Người phụ tá chính trị của Bunker, Thiệu hứa sẽ giảm án. Chỉ 8 tháng sau, Thượng Tọa Thiện Minh được trả tự do. Thiệu nghĩ, ông ta không tàn bạo như những người cộng sản hay như Diệm, với đồng bào mình. Thế nhưng, hình ảnh trấn áp của Cảnh Sát với những người đối lập có lý do chống Thiệu.

Chính phủ của Thiệu lại áp dụng một chính sách mới, đình bản những tờ báo nào đăng các bài vở nhằm chống lại chính phủ. Theo hiến pháp, chính phủ không có quyền kiểm duyệt báo chí, nhưng đình bản cũng đồng nghĩa với hình thức kiểm duyệt. Tháng 5 năm 1969 khoảng 30 tờ báo đã bị đình bản.

Bunker đã nói với Tổng Thống Nixon vào tháng 7, chính sách mới của Sài Gòn áp dụng cho báo chí quả là điên rồ. Họ đã không nhìn thấy được tầm quan trọng và lợi ích do việc công khai chỉ trích mang đến.

Nội dung các cuộc thương thuyết hòa đàm tại Paris và những điều kiện cơ bản về chính trị của Thiệu ngày càng tiếp cận hơn. Đầu mùa Hè năm 1969, cuộc thảo luận đầu tiên về tương lai của Miền Nam Việt Nam được triển khai. Cộng sản đưa ra giải pháp 10 điểm để chấm dứt chiến tranh còn Nixon đưa ra 8 điểm. Mặc dù Hoa Kỳ đòi hỏi Hà Nội phải rút quân của họ ra khỏi Miền Nam Việt Nam và không chấp nhận thay thế hiến pháp của chính phủ Sài Gòn bằng hiến pháp của Mặt Trận Giải Phóng, nhưng Nixon đồng ý và Thiệu cũng đồng ý các

thành phần chính trị tại Miền Nam Việt Nam sẽ tham dự vào cuộc bầu cử khi được tổ chức.

Thế nhưng ngay sau đó, Miền Nam Việt Nam lại bắt đầu e ngại, liệu các thành phần chính trị tại Miền Nam Việt Nam mà Nixon vừa đưa ra, có hàm chứa theo thuyết phân chia cả lãnh thổ hay không? Thiệu hỏi Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ William Roger, theo quan điểm của Hoa Kỳ, thì ai đủ thẩm quyền để tổ chức các cuộc bầu cử như thế? Những quan tâm của Thiệu vẫn kéo dài cho đến khi có cuộc họp thượng đỉnh giữa Thiệu và Nixon tại Đảo Midway vào đầu tháng 6. Nixon tái bảo đảm với Thiệu về mục tiêu của Hoa Kỳ, nhưng giải thích trước mặt báo chí, Nixon không thể khẳng định “ủng hộ có một mình Thiệu mà phải diễn đạt theo ngôn ngữ, Hoa Kỳ chỉ ủng hộ theo nguyên tắc, một chính quyền được dân chúng lựa chọn”.

Sau cuộc họp thành công, cùng Nixon đưa ra chính sách Việt Nam Hóa Chiến Tranh, trở về, Thiệu chuẩn bị kêu gọi sẽ có một cuộc bầu cử mới để dân chúng Miền Nam Việt Nam chọn lựa thể chế họ muốn nhằm chấm dứt chiến tranh. Điều này, Thiệu đã đáp ứng lời yêu cầu của Nixon đưa ra giải pháp uyển chuyển về mặt chính trị.

Về mặt Washington cũng nêu ra nhiều phản đề nghị mới với Hà Nội. Ban hợp xướng chủ hòa dẫn đầu bằng Kissinger, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của Nixon, đã hướng dẫn dư luận với quần chúng Mỹ, rằng Thiệu đã đồng ý vào bản thương thuyết để tìm một giải pháp công bằng. Từng ngày vẫn lớn giọng hô hào ủng hộ chính sách Việt Nam Hóa Chiến Tranh, Kissinger chủ yếu tạo quần chúng Hoa Kỳ chống chiến tranh gay gắt và rồi đòi chấm dứt cuộc chiến bằng bất cứ giá nào. Bề ngoài ông ta vừa

đóng vai là con điều hâu, vừa tạo cho mọi người nghĩ rằng Kissinger là con người xuất chúng của thời đại mới, trái với truyền thống khiêm nhường của những người làm chính trị ở thế hệ trước.

Thực chất, Kissinger đã không tin người Việt Nam Quốc Gia là một thực thể đang hiện hữu và xứng đáng được tôn trọng. Ông ta đã nhận thức người Việt Quốc Gia qua nhãn quan của Tướng Jean Sainteny, một ông Tây thuộc địa, đã dựng Hồ Chí Minh thành một thần tượng người Việt Quốc Gia yêu nước vào những năm 1945-1946. Không quan tâm đến những ước vọng thực tiễn của người Việt Quốc Gia, Kissinger đã thương thuyết với Hà Nội trong thái độ thiếu tự tin về chánh sách Việt Nam Hóa Chiến Tranh của Tổng Thống đã vạch ra và cũng không mấy kính trọng Đồng Minh của ông ta, Nguyễn Văn Thiệu.

Giữa năm 1969, Kissinger đã yêu cầu Thiệu đưa ra một giải pháp chính trị với Mặt Trận Giải Phóng. Thiệu đáp lại bằng những đề nghị mà ông ta đã trao đổi với Bunker trước đó, chấp nhận những người Miền Nam theo Hà Nội được tham dự một cuộc bầu cử với điều kiện họ phải tuyên bố không sử dụng lực lượng vũ trang để chống lại Miền Nam Việt Nam. Thiệu đồng ý Mặt Trận Giải Phóng được tham dự vào cuộc tổ chức bầu cử và sẽ yêu cầu Quốc Hội tu chỉnh hiến pháp để thực hiện điều trên.

Phía Hoa Kỳ cũng đã được xem bản thảo về những dự thảo của Thiệu. Ngày 11 tháng 7 năm 1969 Thiệu đã chánh thức công bố đề nghị đó, thế nhưng những điều ông đưa ra vẫn là mục tiêu cho phe phản chiến nhắm vào để tấn công. Họ nói rất ít việc Hà Nội xâm lăng và khuất phục

Miền Nam Việt Nam nhưng lại chỉ trích rất nhiều tính chất hợp pháp về các cuộc bầu cử mà Thiệu vừa đưa ra.

Đáp lại những đề nghị bầu cử của Thiệu, Hà Nội leo thang về mặt chính trị tại Miền Nam. Một chính phủ cách mạng lâm thời song song với Mặt Trận Giải Phóng được thành lập. Mặt Trận Giải Phóng giờ đây có nhiệm vụ bảo vệ chính phủ này. Hà Nội đã dựng lên một cơ chế tại Miền Nam chuẩn bị đón nhận sự thắng lợi toàn diện của họ về mặt chính trị và sẵn sàng để tiếp thu chính quyền của Thiệu. Chính phủ cách mạng lâm thời liền đưa ra kế hoạch 10 điểm để được có hòa bình.

Cả hai người, Thiệu và Bunker đều lượng giá sai lệch về ý đồ của Hà Nội. Thiệu nghĩ, có lẽ giờ đây cộng sản phải chấp nhận để Miền Nam Việt Nam có nền độc lập riêng rẽ cho nên, chính phủ cách mạng là bước đầu để họ đi đến thỏa hiệp với chính quyền Miền Nam Việt Nam. Còn Bunker cũng lạc quan, hy vọng qua các cuộc thương thuyết, sẽ tìm ra được những kết quả công bằng.

Trong khi khối Phật Giáo hoan nghênh kế hoạch bầu cử do Thiệu đưa ra bao gồm sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng, thì phần đông thành phần khác e ngại.

Ngày 22 tháng 7, tại tư thất của Đôn, Big Minh, Trần Văn Đôn và 17 Tướng lãnh hồi hưu đã tổ chức bữa ăn trưa để khoản đãi Kỳ. Theo Bunker, Kỳ thường xuất hiện và đóng vai trò như thể một Tổng Đốc của Liên Bang. Trong bữa tiệc ấy, Kỳ tỏ bày không hài lòng về việc Thiệu hình thành một mặt trận chính trị mới, cũng như việc tu chính để đưa ra những đề nghị bầu cử mới có sự tham dự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Thiệu đã giận dữ về những lời tuyên bố ấy của Kỳ và

nói với Ellsworth Bunker: “Kỳ đã phản đối cuộc bầu cử để chấm dứt cuộc chiến tranh. Ông ta đã tính đến chuyện phải đảo chánh. Khi thảo luận về dự thảo bầu cử trước khi công bố, Kỳ không hề phản đối. Ông ta quả là thiếu lương thiện”.

Cũng thời điểm này, Thiệu cần một chính phủ mạnh hơn là chính phủ của vị lão thành Trần Văn Hương. Ngày 18 tháng 6 Hạ Viện đã đưa ra khuyến cáo bất tín nhiệm Hương và Nội Các của ông ấy. Cung cách làm việc của Hương nặng về hình thức hành chánh, giấy tờ. Ông ta cũng chẳng bao giờ cần tham khảo với các chính trị gia trước khi đưa ra những quyết định. Mọi việc đối với ông ta đều uyển chuyển. Chính vì thế mà vai trò Thủ Tướng của Hương đã ít được kính trọng. Hương cũng không thích tiếp xúc với những thành phần lãnh đạo đảng phái chính trị vì xem họ như không có thực lực và chỉ một Hội Đồng Nội Các thi hành chính sách và mục tiêu của Hương mà thôi.

Vào tháng 7, kể cả Mặt Trận Xã Hội Dân Chủ Quốc Gia của Thiệu cũng lên tiếng đả kích Hương mặc dù trước đó họ đã từng hy vọng nơi ông ấy.

Cuộc viếng thăm đột xuất của Tổng Thống Nixon tại Sài Gòn vào ngày 30 tháng 7 đồng nghĩa với cuộc tái xác định Hoa Kỳ ủng hộ vị Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Do thế mà các thành phần chống Thiệu yên lặng được một thời gian ngắn. Nhân đó Thiệu muốn cải tổ Nội Các với một Thủ Tướng mới, tập trung nỗ lực vào Chương Trình Bình Định, tối tân hóa Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, kế hoạch phát triển tại nông thôn và cải cách ruộng đất. Thiệu cũng yêu cầu một số Dân Biểu Hạ Viện nên

hình thành những khối thân chính quyền để chính phủ mới tương lai dễ dàng hợp tác, làm việc chung. Trong một cuộc gặp gỡ với 4 khối thuộc luật pháp. Thiệu đã được họ hứa ủng hộ chính quyền của ông ta.

Thiệu cũng đã đề nghị với ông Hương nên thay đổi phương thức làm việc để có thể gần bó hơn với các chính trị gia, thảo luận một cách thẳng thắn và chấp nhận những phê bình, chỉ trích.

Trong ngày 7 tháng 8, Thiệu đã tiếp xúc với giới luật pháp ủng hộ ông, bao gồm 30 Nghị Sĩ và 90 Dân Biểu chia làm ba khối tại Quốc Hội.

Những liền sau đó thì có lần Thiệu thất vọng. Sự chán nản biểu lộ khi Thiệu gặp Bunker với mái tóc không chải, điều không hề xảy ra trước đó, than phiền về những trở ngại khi Thiệu chọn vị Tân Thủ Tướng cho Nội Các mới. Thiệu muốn giữ ông Hương ở ghế Thủ Tướng nhưng thành phần luật pháp ủng hộ ông tại Quốc Hội và cả Mặt Trận Dân Chủ Xã Hội Quốc Gia của ông vừa thành lập đều phản đối.

Nhưng ai là người thay thế Hương? Nếu mời một chính trị gia thuộc một đảng nào đó đảm nhận, thì các đảng khác sẽ chống phá. Hơn thế nữa, Thủ Tướng phải là người gốc Miền Nam thì mới có thể làm việc, giao tiếp với mọi người. Thiệu hỏi Bunker nhận định thế nào khi Thiệu chọn Khiêm?

Theo Bunker thì Khiêm có thể hoàn tất vai trò Thủ Tướng được nhưng nếu tìm được một Thủ Tướng dân sự thì tốt hơn, tránh tình trạng có những ba Tướng lãnh đứng hàng đầu trong guồng máy Quốc Gia. Thế nhưng, Bunker tiếp, Khiêm có thể đảm nhận trong trường hợp

không mời được một vị dân sự có khả năng, vì đây là một giai đoạn cần phải có một vị Thủ Tướng năng động.

Thiệu và Bunker trao đổi mãi, rồi nghĩ đến hai người, Trần Văn Lắm và Nguyễn Văn Bông. Nhưng ông Lắm, một người Công Giáo đã gắn bó với chế độ Diệm trước kia, còn Bông, lãnh tụ của một tổ chức chính trị đối lập mới hình thành, nếu chọn ông ta thì các tổ chức chính trị khác sẽ chống phá.

Mặt khác, ông Hương sức khỏe yếu lại thêm nặng tai nên khó nghe. Ông ta không thể nào điều hợp một Hội Đồng Nội Các làm việc có hiệu quả được. Do đó, trên thực tế, Thiệu phải gánh vác hết mọi công việc của Hương. Đã thế, người phụ tá của Hương lại thiếu khả năng, thiếu tổ chức. Thiệu nói với Bunker ông ta sẽ thảo luận với Hương, Hội Đồng Nội Các mới sẽ do Thiệu chọn lựa. Nhưng nếu Quốc Hội không chấp nhận Hương thì ông sẽ mời ông Lắm. Trong trường hợp ông Lắm từ chối thì ông sẽ mời Khiêm.

Sự quyết định của Thiệu tiếp tục mời Hương đảm nhận chức Thủ Tướng, Bunker cũng đồng ý. Theo Bunker, mặc dù ông Hương sức khỏe kém nhưng thật sự ông ta đã đóng góp rất nhiều trong guồng máy chính phủ, một con người tiêu biểu về sự liêm khiết và đạo đức của người dân gốc Miền Nam Việt Nam.

Một trách nhiệm xây dựng một chính quyền bao gồm đủ mọi khuynh hướng không phải là điều dễ dàng, những Thiệu không từ bỏ khó khăn ấy. Đối với nhiều phóng viên ngoại quốc, Thiệu không thể thực hiện được điều này nhưng với Bunker, ông đã nhìn thấy Thiệu dần dần thực hiện tiến trình dân chủ cần thiết ấy, Bunker hy vọng nếu

Thiệu thành công, chính quyền chính quyền của ông đã đặt trên một nền tảng chính trị vững chắc.

Thiệu đã trao đổi với Hương thẳng thắn. Ông ta chỉ trích những thân cận của Hương tham nhũng nhưng đồng thời bày tỏ ước muốn, mong ông Hương ở lại trong chính quyền.

Thế nhưng, khoảng giữa tháng 8 Thiệu rơi vào tình huống khó khăn. Tướng Big Minh một lần nữa từ chối lời mời của Thiệu tham gia chính phủ. Thành phần báo chí ủng hộ Hương đã viết những loạt bài nhằm đả kích các đảng phái có trong mặt trận mà Thiệu đã thành lập. Con số các Dân Biểu tại Hạ Viện chống Hương tăng nhanh hơn.

Thiệu đưa tin Trần Văn Lắm sẽ là Tân Thủ Tướng để thăm dò dư luận, nhưng phản ứng không mấy ủng hộ. Vấn đề chính đối với Thiệu là cần một Tân Thủ Tướng được các khối bên Quốc Hội hậu thuẫn. Cả Hương và Lắm cũng không đạt được tiêu chuẩn ấy. Thiệu nói với Bunker, chỉ còn lại có Khiêm là người có thể được lòng cả Quốc Hội và 6 đảng phái tham gia vào Mặt Trận của ông ta. Vài ngày sau, Hương đệ đơn từ chức, cho phép Thiệu đủ lý do để thành lập chính phủ mới.

Thời điểm này, cộng quân đã đưa các cuộc tấn công của họ lên cao điểm, thế nhưng chưa đủ tầm vóc để gọi đó là một cuộc tổng công kích như trước. Khởi đầu đợt tấn công này vào tháng 7, bị lực lượng Đồng Minh đánh tan, và chấm dứt vào ngày 12 tháng 8. Thời gian ấy, 150 địa điểm bị họ pháo kích, thế nhưng họ chỉ tấn công được có 3 thành Phố hoặc Thị Trấn. Chiến thuật làm cho các đơn vị cộng quân phải phân tán mỏng và yếu dần tại

Miền Nam Việt Nam đã có hiệu quả. Cả hai mặt chính trị và quân sự đang tiến triển tốt đẹp, theo nhận định của Bunker.

Thiệu đã cho Bunker biết, ông chấp nhận sự khủng hoảng chính trị trong việc thành lập Nội Các mới để chứng tỏ ông luôn được kính trọng và không buộc ông Hương phải từ chức. Giờ đây ông Hương đã tự nguyện từ chức, kế hoạch của Thiệu là mời một số lãnh tụ các đoàn thể chính trị, đảng phái tham gia vào Nội Các của ông. Trần Văn Đôn là một người. Người kế tiếp là Trần Văn Tuyên, một lãnh tụ kỳ cựu của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã bị bắt giữ vào năm 1960 vì ký tên trong bản tuyên ngôn chống Diệm.

Thiệu cũng muốn mời Phan Quang Đán, người cũng đã từng chống Diệm và Nguyễn Hữu Hanh, đặc trách về cải tổ kinh tế. Thiệu cũng ngó ý với cả Nguyễn Ngọc Huy, lực lượng đối lập thuộc Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, lãnh tụ đảng Tân Đại Việt và cũng là người sáng tạo chiến lược Chương Trình Bình Định Nông Thôn cho Thiệu. Trần Ngọc Ninh tự nguyện đứng vào hàng ngũ Phật Giáo đấu tranh. Thế nhưng Đôn, Tuyên, Hanh, Nguyễn Văn Bông thuộc Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến và Hà Thúc Ký thuộc Đại Việt Cách Mạng, tất cả đều từ chối lời mời của Thiệu.

Phải tốn khá nhiều thời gian, mãi đến cuối tháng 8, một tân chính phủ mới được hoàn thành, Thủ Tướng là Tướng Trần Thiện Khiêm. Các Bộ Trưởng Ngoại Giao và Thông Tin là người thuộc nhóm Nhân Xã, Công Giáo, một đảng trong Mặt Trận của Thiệu. Đảng Đại Việt Cách Mạng và Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh,

cũng trong Mặt Trận của Thiệu, mỗi đảng giữ một ghế bộ trưởng. Một chính trị gia gốc người Miền Nam và cũng là người từng chống Diệm, đảm nhận Phó Thủ Tướng. Một người khác, do Nguyễn Hữu Hanh giới thiệu nắm Bộ Tài Chánh và Kinh Tế. Phan Quang Đán được mời giữ chức Quốc Vụ Khanh. Đán là một trong số ít chính trị gia đối đầu với Diệm trong các cuộc bầu cử, do đó việc ông tham dự vào Nội Các của Thiệu chứng tỏ chính quyền Thiệu tiến khá xa so với thời Diệm.

Ellsworth Bunker đã từng nói với Nixon trước đó là Thiệu không thể trở thành Diệm thứ hai. Lý do là nhiều người đã từng chống đối chính quyền Diệm trước kia nay đã cùng hợp tác với Thiệu mặc dù ông ta là một người mới trở lại đạo Công Giáo.

Ellsworth Bunker không nghĩ là Thiệu sẽ mời những nhân vật lãnh đạo phong trào chống chế độ Diệm vào năm 1963 vào tân nội các. Một số những nhân vật Phật Giáo này thuộc thành phần chống cuộc chiến, do thế, sự có mặt của họ trong chính phủ sẽ tạo thêm sự mâu thuẫn, gây thêm những khó khăn trong việc thực thi chính sách của Quốc Gia. Một người có đức tin Thiên Chúa như Thiệu, đối với một số nhân vật lãnh đạo Phật Giáo, là điều khó có thể dung hợp với họ, bởi lẽ phần đông Phật Tử vẫn còn những ám ảnh cho rằng khối Công Giáo đã khuynh loát chính trị.

Hơn thế nữa, ngay trong hàng ngũ Phật Tử cũng đã có sự phân hóa nên dù chính phủ có muốn liên hiệp với họ, cũng chẳng dễ dàng đơn giản. Nói một cách khác, theo Bunker, hãy để những nhà lãnh đạo Phật Giáo tranh đấu đứng ngoài lãnh đạo một lực lượng đối lập đáng kể.

Chính sự đổi lập này là điều cần thiết trong một xã hội dân chủ, kiểm soát và tác động chính phủ thực thi đúng đắn nguyện vọng của dân chúng.

Khi công bố Tướng Khiêm làm Tân Thủ Tướng, Thiệu giải thích cho Bunker, chính phủ mới nhằm vào ba mục tiêu: Trao trả chức năng chính trị cho Hội Đồng Nội Các về tay các chính trị gia, chính phủ sẽ có mọi hoạt động hữu hiệu hơn, phát triển sự quan hệ giữa hành pháp và luật pháp.

Thiệu cũng biết những mục tiêu vừa đề ra ấy không dễ gì Khiêm có thể hoàn tất được. Qua những suy nghĩ và việc làm của Thiệu, Bunker đã nhìn thấy Thiệu thay đổi nhiều, từ một vai trò chỉ trích Hội Đồng Nội Các ở chính phủ trước, nay trở thành người mời gọi và hợp tác với Nội Các mới để hoàn tất mục tiêu mà Thiệu đã đề ra. Bunker đã lạc quan nói với Nixon, Hoa Kỳ sẽ nhẹ nhàng hơn khi Tướng Khiêm là Thủ Tướng bởi vì ông ta biết phục vụ cho người dân những gì họ cần đến. Hơn rất nhiều những chính trị gia Miền Nam khác. Khiêm hiểu rõ tầm quan trọng ở chính quyền tại địa phương và Chương Trình Bình Định, những mục tiêu quan trọng hàng đầu mà chính phủ cần phải thực hiện vào thời điểm ấy. Khiêm cũng đã thuyết phục được Quốc Hội chấp nhận Bộ Luật Cải Cách Ruộng Đất và tăng thuế.

Khiêm cao ráo, tròn trịa, khuôn mặt dễ gây cảm tình và lúc nào cũng có đôi kính cận. Ông ta là con người luôn luôn tự chủ. Một lần Colby và Ellsworth Bunker mời Khiêm và gia đình ông ta cùng họ đi thuyền của Hải Quân Hoa Kỳ có Căn Cứ gần biển Vũng Tàu. Lúc đầu trời đẹp, gió nhẹ. Khi thuyền đã xa đất liền thì Bunker

chợt nhìn thấy đám mây đen từ xa. Ông vội vàng cho thuyền quay lại. Nhưng đã trễ, cơn mưa ào trút xuống khá nặng hạt. Bunker vội vàng đẩy Khiêm và gia đình ông ta và Colby xuống khoang thuyền, còn Bunker và hai sĩ quan Hải Quân đứng ở trên lái thuyền. Khó khăn lắm Bunker mới cho thuyền tới bến được. Khi rời thuyền lên bờ, thấy Bunker áo quần ướt sũng, Khiêm cảm động nói lời cảm ơn.

Khi bổ nhiệm Khiêm làm Thủ Tướng, Thiệu muốn chính phủ mới phục vụ đồng bào ông có hiệu quả. Thiệu cũng không hề thay thế hay cách chức một số sĩ quan cao cấp hay viên chức chính quyền theo yêu cầu của người Mỹ. Nhưng từ từ và nhẫn nại, Thiệu đã đạt được những mục tiêu mà ông ta đã hoạch định mà không cần tạo ra những mâu thuẫn, chia rẽ không cần thiết trong nội bộ của ông. Theo nhận xét của Bunker, Thiệu là con người biết khi nào cần phải tiến lên và lúc nào cần phải dừng lại.

Bunker cảm nhận, Thiệu chân thành, can đảm và hoàn tất trách nhiệm của ông là một Tổng Thống Miền Nam Việt Nam. Bunker kết luận, chính nhờ sự lượng giá đúng đắn về tầm quan trọng của giới lập pháp, đã giúp Thiệu hoàn tất bản hiến pháp 1967, qua đó những pháp lý căn bản để bảo vệ người Việt Quốc Gia đã được minh thị và tôn trọng. Bunker cũng hiểu được Thiệu thích thường xuyên có những cuộc viếng thăm tại nông thôn và tại chính những nơi này, Thiệu đã đón nhận sự hoan nghênh nhiệt tình của người dân mà qua Chương Trình Bình Định, Thiệu đã mang đến cho họ những nhu cầu bức bách mà người nông thôn mong muốn. Thiệu muốn đồng bào ông kính trọng ông là một con người đã phục

vụ cho xứ sở hơn là dựa vào quyền lực sẵn có để ông trở thành một kẻ độc tài.

Trong mối quan hệ giữa hai người, Bunker đã xúc động về thái độ của Thiệu dành cho ông như thể một người cha tinh thần. Những khó khăn Thiệu gặp phải từng được trao đổi với Bunker trên tinh thần ấy. Truyền thống của một người theo Thanh Giáo, Bunker cũng hiểu được ông phải cư xử ra sao về một người khi đã đặt niềm tin nơi mình. Và làm thế nào để cho người khác tin mình, đó là đặc tính của Bunker, để đạt đến mục tiêu về ngoại giao. Nếu Thiệu đã cư xử với ông như với một người cha tinh thần thì mối tương giao giữa vị Tổng Thống Miền Nam với Bunker vượt trên cả cung cách ngoại giao, đã trở nên gần bó hơn bất kỳ một Đại Sứ Hoa Kỳ và một vị Tổng Thống nào tại Miền Nam Việt Nam trước đây.

Vào tháng 8 năm 1969, Bunker đã giải thích cho Nixon về cách Thiệu điều hành chính phủ của ông ta. Vào thời điểm này, khuynh hướng các nhà báo Tây phương có mặt tại Sài Gòn đòi hỏi Thiệu phải hợp tác với thành phần “cánh tả” thì sự hẫu thuẫn về chính trị cho chế độ Thiệu mới vững mạnh hơn. Nhưng theo sự nghiên cứu và tìm hiểu của Bunker, có lẽ chính xác hơn là các tổ hợp ký giả báo chí, Ellsworth Bunker không tìm thấy tại Miền Nam Việt Nam có khuynh hướng chính trị được gọi là “cánh tả”. Bunker chỉ nhìn thấy, chỉ có số người hành động tích cực vì đất nước của họ và những thành phần trí thức khoa bảng tại Sài Gòn.

Cái được gọi là “cánh tả” là sự tự đặt để của những kẻ mang đầu óc suy nghĩ Tây phương và chỉ tìm thấy nó ở Paris hoặc Hoa Kỳ. Truyền thống người Việt Nam

làm gì có “cánh tả”? Và trong hiến pháp Miền Nam Việt Nam làm gì có thành phần ấy đóng góp. Giới báo chí Tây phương đã có hiểu biết tý nào về nông thôn và đời sống đích thật của người nông dân tại Miền Nam Việt Nam?

Khái niệm “cánh tả cánh hữu” là điều quan trọng, nếu sinh hoạt chính trị ở Tây phương, khi chia ghế tại Quốc Hội, xuất phát từ cuộc cách mạng Pháp nhưng lại không có tác dụng tại Việt Nam. Đó chẳng qua là một sự áp đặt khác của Tây phương.

Bunker hiểu được thành phần ủng hộ Thiệu, về mặt chính trị thường xuyên gặp những chống đối và phải tự chìm vào bóng tối, do thành phần quá khích tại Sài Gòn và tập đoàn báo chí ngoại quốc họ chỉ biết về tình hình chính trị tại Việt Nam theo quan điểm của người dân sống tại Sài Gòn nói được tiếng Anh hay tiếng Pháp. Hầu như những điều được thêu dệt do các nhóm chính trị ngồi trong các cửa hàng cà phê sang trọng theo cách sống của người Pháp, sáng tạo ra thuộc về “cánh tả” khoảng cách chính trị của họ, cũng gần giống như giới ký giả phương Tây, xa lạ với nền văn hóa Việt Nam.

Thánh Thất Cao Đài Tây Ninh hay Tổ Đình Phật Giáo Hòa Hảo ở Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, đối với phần lớn những ký giả Hoa Kỳ là những huyền thoại ở Á Châu họ chưa biết đến, và chỉ xuất hiện trong các tiểu thuyết của Joseph Vonrad hay các phim của Marlon Brando. Họ không hề hiểu được đó là những biểu trưng mang ý nghĩa về một tập hợp lực lượng chính trị.

Những người Phật Tử đấu tranh lễ tất nhiên được giới phóng viên ngoại quốc ưa chuộng và gán cho họ những ngôn từ mà ngay chính họ, nguồn gốc Đông phương

không hề nghĩ đến, với những danh từ “phe tả phe hữu” trong suốt cuộc tranh đấu chống Diệm vào năm 1963 cũng như chống lại một số các Tướng lãnh vào năm 1966. Một cách tương tự, thành phần người Công Giáo chống cộng tại Miền Nam Việt Nam được giới phóng viên ghép cho cái tên mỹ miều là “cánh hữu”. Hậu quả, các ký giả ngoại quốc đã nâng tầm quan trọng quá đáng về mặt chính trị giữa người Công Giáo và tập thể những người Miền Nam Việt Nam khác.

Điều đáng nói trên hết, giới truyền thông báo chí Tây phương có sự hiểu biết quá hạn hẹp về lịch sử Việt Nam cận đại. Chẳng hạn, chưa hề có một nhà báo nào đọc một cuốn tiểu thuyết của người Việt Quốc Gia sáng tác vào thập niên 1930. Chưa hề có một bài tiểu luận hoặc một bài tường thuật nào nói về sự hình thành và lý tưởng đấu tranh của Việt Nam Quốc Dân Đảng hay của đảng Đại Việt.

Các nhà báo Mỹ chỉ đưa những tin về sự nghèo đói và những bức xúc ở các làng xã tại Miền Nam Việt Nam và nâng nó lên thành những tiêu đề để tranh luận. Sự chủ mưu, phá hoại mùa màng hay những cuộc vận động tranh cử vào Hội Đồng Xã Ấp không hề được loan tin từ New York. Chính vì thế, giới truyền thông báo chí đã không tường thuật những điều quan trọng mà người dân Miền Nam Việt Nam cần đến, nghĩ đến. Tiêu chuẩn và ngôn ngữ được trao cho các nhà báo phải trình bày cuộc chiến tranh, dưới mắt quần chúng Hoa Kỳ, không phải để phản ánh sự thật, mà trở thành những câu chuyện hoang tưởng. Vấn đề đạo đức qua đó chẳng thể nào thực hiện được.

Trái nghịch với sự bi quan của giới bình luận thuộc ngành truyền thông báo chí phương Tây, Bunker tin tưởng một cách sâu xa là Thiệu đã suy nghĩ và thực hiện đúng cách. Thiệu giữ sự liên hệ khăng khít với các vị lãnh đạo tinh thần địa phương như Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo. Thiệu cũng tôn trọng các đoàn thể, tổ chức chính trị không đồng quan điểm với Thiệu, kể cả các sắc dân thiểu số. Để đắc cử Tổng Thống, Thiệu đã giao tiếp rộng rãi với từng cá nhân có uy tín cũng như từng tổ chức quần chúng.

Ngoài ra, chính quyền của Thiệu còn đặt ra những kế hoạch để vận động quần chúng hậu thuẫn về mặt chính trị. Các nhà chính trị địa phương ủng hộ Thiệu hoàn toàn xuất phát từ nhận thức ở chính họ. Họ không bị Thiệu cưỡng bức hay mua chuộc. Giải quyết những khó khăn và đáp ứng những nhu cầu mà dân chúng mong muốn, chính phủ của Thiệu mau chóng được dân chúng ủng hộ. Nội bộ Miền Nam Việt Nam đã không xảy ra những vụ thanh toán, đổ máu một cách uống phí như người ta dự đoán hay mô tả.

Cuối mùa Hè 1969, tôi gọi về Bộ Chỉ Huy Trung Ương CORD tại Sài Gòn với nhiệm vụ mới, nghiên cứu những phương thức nhằm nâng cao tầm quan trọng và ảnh hưởng của chính quyền địa phương xã ấp. Với tư cách Chủ Tịch của chương trình này của chính phủ, tôi phải tường trình và báo cáo về nhiều cơ quan như Bộ Phát Triển Nông Thôn. Giám Đốc Phát Triển Cộng Đồng. Bộ Chỉ Huy MACV và cả cơ quan của tôi.

Để phát triển hiệu năng chính quyền xã ấp, đầu tiên tôi phải liên hệ với nhiều viên chức Mỹ có trách nhiệm

trong công tác này. Phân bộ tự phát triển xã ấp giám sát một ngân khoản đặc biệt để cung ứng cho các địa phương phát triển về mặt kinh tế. Chính sách, kế hoạch và chương trình được soạn thảo và quyết định hàng năm theo kế hoạch Bình Định. Cơ quan Phát Triển Quốc Tế giám sát về giáo dục, canh nông, quản trị hành chánh và cải cách ruộng đất. Mỗi cơ quan đều đóng giữ một vai trò quan trọng trong toàn diện phát triển về đời sống nông thôn. Để chương trình đạt được hiệu quả, việc đầu tiên cần có sự hợp tác chặt chẽ với phía Hoa Kỳ đảm nhận các chức năng ấy.

Nhưng phía Hoa Kỳ chúng ta cũng chẳng thể thực hiện tốt được nếu không có sự hợp tác và đồng ý của Miền Nam Việt Nam. Vì thế, ngoài sự liên hệ với các tổ chức người Mỹ, tôi bắt buộc phải phải liên hệ với người Việt Nam có trách nhiệm trong chương trình này. Phía Hoa Kỳ điều hành công tác trên do một bộ tham mưu riêng, độc lập nhưng hoạt động song song với chính phủ Sài Gòn. Các nhà lãnh đạo Miền Nam đã cùng với phía Hoa Kỳ thảo luận, nghiên cứu trước khi áp dụng kế hoạch tại địa phương.

Bunker, Abrams và Colby đã hợp tác với Thiệu và Khiêm và cũng có chung quan điểm và mục tiêu về Chương Trình Phát Triển Bình Định. Trước khi có các phiên họp cao cấp ấy, Bộ Tham Mưu của CORDS đã trao đổi và thảo luận với các viên chức chính quyền Miền Nam Việt Nam. Cả Bộ Tham Mưu phía Hoa Kỳ cũng như Việt Nam đều thông báo lẫn nhau về những trở ngại và phương thức giải quyết những trở ngại ấy.

Một cách tổng quát, mọi quyết định về chương trình

này đều phải trải qua nhiều tiến trình, từ việc thảo luận tại Bộ Tham Mưu, chuyển ý kiến đến các viên chức có trách nhiệm lượng giá, mang ứng dụng thử nghiệm tại địa phương...

Khởi đầu việc nghiên cứu, tôi bắt đầu đi thăm viếng các địa phương, tiếp xúc với các viên chức chính quyền liên hệ và cả các đoàn thể chính trị. Nên ý kiến của tôi để họ thảo luận, sau đó cho tôi biết những khó khăn theo quan điểm của họ. Trở lại Bộ Tham Mưu, tôi họp riêng với Colby. Nếu ông ta đồng ý, tôi mang kế hoạch của tôi ra thực hiện. Đôi khi tôi phải tiếp xúc với các viên chức cao cấp trong Hội Đồng chính phủ Miền Nam, nên ý kiến của tôi để họ nhận định, bổ túc. Phương thức này đã giúp tôi thông báo cho Colby rõ quan điểm của phía chính phủ Miền Nam Việt Nam và cũng ngược lại. Nhờ thế rút ngắn đi những sự thảo luận giữa Colby và Khiêm hay là những nhà lãnh đạo cao cấp khác của Miền Nam Việt Nam. Khi những ý kiến của tôi đã được sự hỗ trợ từ hai phía, Colby và các nhà lãnh đạo Việt Nam, tôi trao những nghiên cứu ấy cho Bộ Tham Mưu để kế hoạch hóa trước khi mang ra thực hiện.

Kế Hoạch Phát Triển hiệu năng chính quyền xã ấp của tôi xuất phát từ một khái niệm: Trước hết, tôi muốn chính quyền xã ấp thực sự có quyền lực, từ đó chính quyền mới huy động được dân chúng, chặn đứng mọi mưu toan phá hoại của cộng sản. Kế đến, tôi muốn phân bổ những ngân khoản để xã ấp có thể xây dựng những cơ sở vật chất mang tính lâu dài vĩnh viễn, không tạm bợ theo một số quan điểm của người Mỹ trước đây. Kế đến, tôi muốn chính quyền xã ấp địa phương được quyền có

ngân khoản tự túc riêng của họ, do một phần thu nhập lợi tức của dân chúng tại địa phương.

Thêm nữa, tôi muốn mỗi làng xã được cung cấp đầy đủ để họ tự bảo vệ sự an ninh của họ, đồng thời phát triển nền kinh tế địa phương để người dân có đời sống sung túc hơn, từ đó cộng sản không thể thâm nhập được.

Hội Đồng Phát Triển Bình Định nhận trách nhiệm về Chương Trình Bình Định. Kể từ khi Colby giải tán các Toán Cố Vấn Quân Sự Lưu Động, CORDS phải đảm nhận trách nhiệm này bên cạnh chính phủ Miền Nam Việt Nam. Nhưng thật ra bên ngoài Hội Đồng Phát Triển, Bộ Nội Vụ đã kiểm soát và chi phối quyền lực của chính quyền địa phương, ngân hàng phát triển nông nghiệp tùy tiện quyết định quyền cho hay không các địa phương vay tiền để phát triển, sở thuế tùy tiện tăng hay giảm tại các địa phương. Bộ Phát Triển phải tự tìm lấy ngân khoản và tự điều hành cán bộ...

Để có thêm những nguồn thông tin chính xác, ngoài sự cung cấp từ dân chúng mà tôi đã tiếp xúc, tôi cũng trực tiếp làm việc với Bộ Thông Tin, Bộ Quốc Phòng...

Nhằm giảm thiểu những sai lầm hay tính chủ quan về kế hoạch, bắt buộc tôi phải tiếp xúc, liên lạc với nhiều cơ quan, các bộ, cả phía Hoa Kỳ lẫn Việt Nam. May mắn cho tôi, Nội Các của Khiêm mạnh và làm việc có hiệu quả. Thiệu tin tưởng vào Khiêm. Khiêm tin tưởng vào Bộ Tham Mưu của Hội Đồng Bình Định Phát Triển và tất cả mọi người đều muốn thắng cuộc chiến này ngay từ các làng xã địa phương.

Nhưng cốt lõi của sự thành công phải nói đến những người Tân Đại Việt. Đảng này đã đặt ra mục tiêu, một

chương trình cải cách xã ấp mang những khái niệm giống tôi suy nghĩ. Những đảng viên Đại Việt nghĩ rằng, dân chúng chỉ được động viên để đánh bại cộng sản, một khi tạo điều kiện cho họ, tự phân lấy trách nhiệm tại địa phương họ đang sinh sống. Vai trò của chính phủ là phải hỗ trợ chứ không phải cưỡng bách họ. Một xã hội phát triển là nhờ ước vọng và nguyện vọng của cá nhân được thỏa mãn.

Thiệu là một đảng viên Đại Việt nên tư tưởng của ông cũng tương tự như thế. Anh của Thiệu là một sáng lập viên của đảng Tân Đại Việt. Khiêm, Tân Thủ Tướng cũng là đảng viên Đại Việt từ nhiều năm và cũng là bạn thân của những người lãnh đạo Tân Đại Việt. Những người ủng hộ triết lý Tân Đại Việt đã hoạch định chiến lược nhằm giúp chính phủ thực thi chương trình trao trả quyền lực cho các chính quyền địa phương.

Điều đáng nói, những suy nghĩ của tôi lại tương hợp với người Việt Nam hơn là tìm thấy trong suy nghĩ của người Hoa Kỳ. Cơ quan hành chánh thuộc tổ chức Phát Triển Quốc Tế thường phản đối ý kiến của tôi vì theo họ, các viên chức lãnh đạo chính quyền địa phương của người Việt thiếu trình độ và khả năng để nhận lấy những trách nhiệm một khi được giao phó. Các Cố Vấn Nông Nghiệp của Hoa Kỳ muốn chương trình của họ phải được Bộ Nông Nghiệp trực tiếp đảm trách hơn là trao về địa phương.

Một sĩ quan cao cấp hoạch định chính sách trong Bộ Tham Mưu của CORDS phản đối kế hoạch của tôi, bởi lẽ ông ta không tin có thể phân tán quyền lực đến hạ tầng cơ sở đối với người Á Châu được.

Tôi về phục vụ tại cơ quan trung ương CORDS vào năm 1970, khi ấy chương trình CORDS đang diễn tiến. Dựa vào những kinh nghiệm rút tĩa từ Vĩnh Long, tôi muốn điều chỉnh một vài chương trình nhằm phù hợp điều kiện tại địa phương xã ấp. Đầu tiên, tôi sắp xếp chương trình để thăm viếng các Cố Vấn Hoa Kỳ khác đặc trách phát triển nông thôn tại Miền Nam Việt Nam. Tôi tham dự các phiên họp từ Đà Nẵng, Nha Trang, Biên Hòa và Cần Thơ để thảo luận và rút tĩa kinh nghiệm ở kế hoạch trong năm 1969. Không mấy người có mặt tại các phiên họp đồng ý quan điểm của tôi. Chương trình năm 1969 quá mới mẻ, khác biệt, vì vậy họ muốn không có sự thay đổi hoặc bổ túc nào cho mãi vài năm sau. Tất nhiên thái độ ấy không phải là sai lầm nhưng lại thiếu tính năng động để tìm lấy chiến thắng trong một trận chiến tranh.

Một cách thành thực, các đồng nghiệp Hoa Kỳ của tôi có nhận xét đúng, một phần Chương Trình Phát Triển Bình Định trong năm 1969 đã thực hiện thành tựu. Các viên chức địa phương giờ đây hành động năng nổ, hơn là chỉ ngồi trả lời những văn thư từ Tỉnh gửi đến, họ trực tiếp thực hiện những nhu cầu kinh tế và xã hội tại địa phương theo quyền hạn đã cho phép.

Trao ngân sách về địa phương, kế hoạch năm 1969 chuyển đổi họ, từ là những nhân viên biết ngồi ở bàn giấy trở thành những người hoạt động mang tầm vóc chính trị. Là những viên chức chính quyền, họ xa rời quần chúng, nhưng với cung cách hoạt động nặng về mặt chính trị, họ bắt buộc phải gần gũi với quần chúng để bảo vệ quyền lực của họ được tồn tại.

Chống thâm nhập và sách động của đối phương, những

viên chức thuần túy ngồi bàn giấy có thể bị thất bại, nhưng những viên chức hoạt động mang tính chất chính trị thì lại thành công. Trong năm 1969, kế hoạch địa phương tự phát triển đã xây cất nhiều trường học hơn, bắc nhiều chiếc cầu qua các kinh đào hơn và thời gian thực hiện cũng nhanh chóng hơn. Các nhóm tự phát triển đã được phân phối lúa giống tốt nên sản xuất tăng hơn là do Bộ Canh Nông điều hành những năm trước. Chương trình địa phương tự phát triển cũng được dân chúng tự nguyện đóng góp của cải và công sức để xây dựng những nhu cầu công cộng hơn từ trước.

Thế nhưng, chương trình năm 1969 theo tôi quan sát, vẫn chưa phải là hoàn chỉnh. Những viên chức lãnh đạo địa phương vẫn chưa thật sự sử dụng quyền hạn trong tầm tay của họ, các viên chức ứng cử vào Hội Đồng Xã vẫn bị Quận hay Tỉnh truy xét và quyết định một cách độc đoán và thiếu công bằng. Nhiều dân chúng địa phương tham gia vào Chương Trình Phát Triển nhưng ít có những dự án do dân chúng yêu cầu được đáp ứng. Các viên chức địa phương được cho phép một khoảng thời gian quá ngắn để quyết định những dự án của họ. Các dự án phát triển phải được đưa ra để dân chúng bàn thảo và quyết định, nhưng vì thiếu thời gian nên vấn đề trên trở thành hình thức.

Thêm vào một thiếu sót cần phải được điều chỉnh như nói ở trên, tôi còn đề nghị, năm 1970 phải là năm áp dụng quyền tự quyết ở các địa phương vì đó là truyền thống trong đời sống chính trị của người dân Miền Nam Việt Nam. Nhiều viên chức có thẩm quyền Hoa Kỳ không đồng ý. Người Mỹ chỉ muốn tài trợ Chương Trình Bình

Định và sớm chuyển giao trách nhiệm cho chính phủ trung ương. Theo họ, nếu chính quyền địa phương tùy thuộc vào sự bảo trợ của ngoại quốc về ngân khoản viện trợ thì vấn đề tự quyết không bao giờ được người dân địa phương đóng góp.

Nhưng quan niệm của tôi, để đánh bại cộng sản, cần phải có một sự tản quyền về địa phương và cũng cần tạo nên một sự ổn định vững chắc trước khi kêu gọi họ tham dự vào công tác. Một cách ngắn gọn, chính quyền và cả sự phát triển tại địa phương cần có một nguồn tài chánh tự trị. Nếu tùy thuộc vào sự phân bố của chính quyền cao cấp hơn, họ chẳng bao giờ độc lập được.

Tôi muốn chuyển giao những dự án phát triển quan trọng và ngân sách chính quyền địa phương do địa phương đảm trách, dựa trên nguồn tài chánh do dân chúng đóng thuế. Nếu thiếu hụt, địa phương có thể vay từ một ngân sách thuộc Trung Ương. Có hai ngân quỹ thuộc Trung Ương nhằm để đáp ứng kế hoạch này. Colby đã tin, hậu thuẫn chính trị cho kế hoạch tản quyền của ông, xuất phát căn bản từ hiến pháp, ở các cuộc bầu cử vào Quốc Hội Hạ Viện và ở Hội Đồng Tỉnh.

Các ứng viên tranh vào hai nơi này chắc chắn là phải trông cậy ở lá phiếu người dân ở nông thôn. Và để được dân chúng tín nhiệm và bầu cho, các ứng cử viên phải có những kế hoạch thiết thực và cụ thể đáp ứng đúng nguyện vọng của dân chúng. Vì thế, giữa người dân nông thôn và các chính trị gia, ứng cử viên vào hai Hội Đồng nói trên, sẽ trở nên gắn bó, kết hợp để chống lại nạn truyền thống quan liêu từ Trung Ương.

Chuyển về Sài Gòn, tôi ở biệt thự nhỏ nằm trên đường

Công Lý, gần phi trường Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham Mưu, cùng với hai Cố Vấn CORDS.

Người phụ tá tôi là ông Nghi, người có cách nhìn chững chạc, khả năng Anh ngữ lưu loát, trốn thoát cộng sản Miền Bắc khi quyền lực rơi vào tay họ năm 1954. Qua ông Nghi, những người bạn của thân phụ tôi, cùng với những người Việt Nam mà tôi vừa quen biết, đã giúp tôi vừa hiểu biết quý giá về những lý do tại sao sự phân hóa chính trị giữa người Việt Nam lại trở nên gay gắt cũng như những sự kiện lịch sử đứng đắn về thành phần người Việt Quốc Gia.

Quả thật, qua những cuộc tiếp xúc như thế, sự hiểu biết về lịch sử và những biến cố đã xảy ra trên đất nước này phong phú và đa dạng hơn cả những gì mà tôi đã đọc và nghiên cứu từ sách vở của Tây phương. Hơn thế nữa, nền văn hóa Việt Nam với tôi giờ đây đã không còn xa lạ, giúp tôi hệ thống hóa để có khái niệm toàn diện về xã hội sống động của xứ sở đó.

Tôi dần dà trở thành thân quen với gia đình Phạm Thị Hoa, người con gái mà tôi đã quen tại Washington. Gia đình nàng sống trong một căn nhà khang trang vùng Tân Định. Thân phụ Hoa giới thiệu tôi với ông Dương Thái Ban, một ông thầy tử vi địa lý. Tôi đã dùng nhiều thời gian để lắng nghe ông ta giải thích về luật âm dương ngũ hành, để từ đó đoán định số phận của mỗi cá nhân. Một người anh của Hoa giới thiệu tôi với ông Vũ Tài Lục, một người trẻ nhưng có sự hiểu biết uyên bác. Ông ta nhìn mặt để nói lên định mệnh của người đối diện.

Vũ Tài Lục cũng đã viết một cuốn sách chỉ cho các cô gái làm thế nào để tìm một vị hôn phu thích hợp qua

cách quan sát tướng diện hiện trên khuôn mặt, và cả phái nam cũng có thể ứng dụng cách chỉ dẫn ở cuối cuốn sách này. Sau đó Vũ Tài Lục đã giới thiệu tôi với bậc thầy của ông là Cụ Diễm. một nhân vật được xem là tôn sư trong ngành nghiên cứu về tử vi. Qua thái độ tôi nghĩ, có lẽ tôi là người Mỹ đầu tiên đến học hỏi ở Cụ về bộ môn này. Sự phân tích của Cụ Diễm đã giúp tôi có những suy nghĩ và việc làm tốt hơn. Tôi đã học được những tính nết cổ truyền của người Việt qua ông cụ ấy.

Một người anh khác của Hoa chở tôi đi thăm người bạn của anh ấy, một thành phần lãnh đạo trẻ của Việt Nam Quốc Dân Đảng và cũng là cháu của văn hào và cũng là chính trị gia nổi tiếng, Nguyễn Tường Tam. Đại Tá Tỉnh Trưởng Vĩnh Long Dương Hiếu Nghĩa đã dàn xếp để tôi gặp người lãnh đạo đảng của ông ta, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy. Huy là bộ óc của Tân Đại Việt. Đã gặp và hiểu được tầm mức quan trọng về Kế Hoạch Bình Định mà Huy đã giải thích, đã giúp tôi ứng dụng tổng hợp giữa đường lối của CORDS và Trung Tâm Phát Triển Bình Định.

Đại Tá Bách thuộc Trung Tâm Phát Triển và Bộ Tham Mưu chẳng có một tí khái niệm nào về lý thuyết cũng như về kỹ thuật của Chương Trình Bình Định này cả bởi vì ông ta vốn là một sĩ quan Thiết Giáp.

Qua sự giới thiệu của ba tôi, tôi đã tìm gặp một số nhà hoạt động lão thành như ông Phan Huy Quát và ông Trần Văn Đỗ. Các vị trên đã hoan hỷ, mở rộng cửa để đón tôi với tư cách là người cộng tác trẻ và nhiệt thành. Nhờ thế tôi đã hiểu được những khúc mắc của giới chính trị tại Sài Gòn.

Chương Trình Phát Triển Nông Thôn được quần chúng đón nhận thật hời hợt bởi lẽ phần lớn dân chúng không có người thông tin đầy đủ về kế hoạch này. Trong suốt năm 1969 chỉ có khoảng 15.000 Xã Trưởng để gửi đi học hỏi về lý thuyết truyền thống người Việt Quốc Gia và huấn luyện về cách quản trị hành chánh tại Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc Gia về chương trình mới này. Thế nhưng phần đông không hiểu nổi và cũng không phân biệt nổi sự khác biệt giữa chương trình mới này so với các chương trình cũ đã mang ra ứng dụng từ trước.

Tôi chợt phát hiện là Bộ Thông Tin Miền Nam không muốn phổ biến và quảng bá sâu rộng chương trình ấy. Trong Nội Các của Khiêm, Bộ Thông Tin được trao cho một người thuộc Phong Trào Công Giáo, chính trị ôn hòa, đảm nhận. Nhóm này chủ trương theo sách lược của Diệm, tập trung quyền thuộc trung ương để hoạch định kế hoạch chống cộng. Một số người Việt gọi nhóm đó áp dụng chính sách của Diệm nhưng không có Diệm Nhu.

Họ không mấy tán đồng về sự độc lập của hạ tầng cơ sở mà qua đó họ đã từng phản đối triết lý và văn hóa mà Đại Việt và Tân Đại Việt đưa ra. Những chính trị gia Công Giáo này không muốn dính dáng ảnh hưởng và uy tín của họ vào chương trình này cho dù đó là một chương trình đúng và có lợi ích chung.

Nếu kết quả của Chương Trình Phát Triển Nông Thôn không gặt hái được những thành tựu, có lẽ tôi sẽ tìm một phương thức khác do Bộ Thông Tin đưa ra. Thế nhưng điều may mắn. Bộ Xây Dựng Nông Thôn có ngân sách tự trị, có cán bộ riêng và cũng có một cơ quan thông tin riêng. Sau khi trình bày quan điểm của tôi với vài Cố Vấn

Hoa Kỳ tại Bộ này, tôi bắt đầu tung ra các đợt thông tin song hành với kế hoạch. Một số người bạn Việt Nam đã giới thiệu tôi với Đại Tá Sung, người Quốc Gia lớn tuổi, gốc Miền Bắc di cư, đang chỉ huy bộ phận quản trị chính trị thuộc Bộ này.

Ông ta cũng đồng ý quan điểm và giới thiệu tôi với vị Trung Tá trách nhiệm về ngành thông tin cũng trong Bộ ấy. Vị Trung Tá này được thân phụ chọn đặt tên trùng với một Tướng lãnh nổi tiếng của Việt Nam, Lý Thường Kiệt. Ông ta hoan nghênh việc phục hồi chức năng của địa phương.

Bộ Tham Mưu của vị Trung Tá ấy soạn thảo một cuốn sách nhỏ, mô tả từng giai đoạn về chính sách tự phát triển nông thôn. Tôi mang sang Trung Tâm Hành Quân Tâm Lý Chiến Hoa Kỳ, Phân Bộ Dân Sự Vụ in hàng loạt và phân phối đến các làng xã. Cho đến khi ấy vì bị áp lực của Thủ Tướng, Bộ Thông Tin mới chịu tham dự vào kế hoạch chung và cũng chỉ in chừng vài trăm ngàn ấn bản trong khi người dân sống tại nông thôn là 10 triệu. Tương tự như thế, Hoa Kỳ và Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã in hàng trăm triệu truyền đơn thả vào các khu rừng, nơi tình nghi việt cộng ẩn náu để kêu gọi họ quay về với chính quyền Quốc Gia.

Trái với những điều tôi dự định, trong năm 1970 tôi không có đủ thời gian để điều chỉnh những khuyết điểm của Kế Hoạch Bình Định mà tôi đã rút ra từ năm 1969, bởi vì tôi phải tập trung mọi nỗ lực để soạn thảo những yếu điểm căn bản trong sự tài trợ tài chính cho chương trình trong năm 1971.

Năm 1970, chúng tôi đã gia hạn thời gian cho những viên chức xã ấp giải thích về chương trình tự phát triển và

quyết định tài trợ tài chánh cho họ trong những dự án họ nêu ra. Thế nhưng sau đó có sự thay đổi. Nghĩa là những dự án do các viên chức địa phương nêu ra để xin tài trợ phải qua một cuộc thăm dò và chấp thuận của dân chúng tại địa phương. Tỉnh Vĩnh Long được chọn làm điển hình và sau đó áp dụng cho toàn Miền Nam Việt Nam.

Trong khi tôi củng cố sự vững mạnh của chính quyền địa phương thì đối phương cũng leo thang chiến trận. Tại Vùng đồng Bằng Sông Cửu Long, các đơn vị cộng quân bắt đầu phản công. Hà Nội giờ đây đã chuyển sư đoàn đầu tiên của họ vào vùng này gồm 3 trung đoàn. Đây là đơn vị đầu tiên của Bắc Việt chuyển đến vùng cực Nam của Vùng 4 Chiến Thuật. Hai trung đoàn thuộc sư đoàn ấy đã đóng căn cứ tại Thất Sơn, Vùng Tây Nam Đồng Bằng Cửu Long thế nhưng binh lính của hai trung đoàn ấy vẫn còn trú ẩn tại Cam Bốt.

Ngày 4 tháng 9 cộng quân đã pháo hỏa tiễn vào 66 mục tiêu nhưng chỉ có 26 mục tiêu được xem là quan trọng. Ba ngày sau, cộng quân lại pháo kích thêm vào 40 mục tiêu khác. Tất cả các cuộc phản công này chỉ tạo được một tiếng vang nhỏ, bởi vì Hà Nội không còn khả năng để phóng ra các đợt tấn công quy mô vào Miền Nam Việt Nam như năm trước.

Trắc nghiệm công cuộc Việt Nam Hóa Chiến Tranh sớm nhất được xảy ra tại Ben Het, một tiền đồn nằm trên Vùng Cao Nguyên. Bao vây một đơn vị Việt Nam Cộng Hòa, Bắc Việt hy vọng sẽ nuốt chửng sự tự vệ của Quân Đội Miền Nam Việt Nam. Hà Nội lớn giọng cho rằng đó là trận mở màn cho một “Điện Biên Phủ” thứ hai để họ tìm lấy sự chiến thắng chung cuộc.

Nhưng Ben Het đã không bị thất thủ và sau hai tháng bao vây, họ phải rút lui. Kết thúc trận ấy, tôi ghé ngang căn chung cư sang trọng của phóng viên Newsweek thuê, Kevin Buckley để nghe tường thuật cuộc vây hãm và được giải tỏa đồn Ben Het, anh ta đã thần thánh hóa những viên đạn pháo binh của Hà Nội chính xác và kinh hoàng đến nỗi, theo anh ta tường thuật, những xác người lính Việt Nam Cộng Hòa chết nằm đầy khắp cả trong khu vực đóng quân.

Tôi mời anh ta hãy đi theo tôi về Vĩnh Long để làm những thiên phóng sự về sự phát triển ở nông thôn. Kevin Buckley lịch sự trả lời, anh ta biết những điều tôi đang thực hiện là quan trọng, nhưng quan trọng hơn nữa là những dự đoán của anh ta liệu Hoa Kỳ có thắng nổi cuộc chiến này hay không?

Ngày 7 tháng 9 năm 1969 Trung Ưy William Calley bị kết án chịu trách nhiệm việc sát hại thường dân tại Mỹ Lai. Tôi cảm thấy ô nhục vì hành động tội ác của anh ta hoàn toàn trái nghịch việc tự chọn lựa của tôi để giúp dân tộc Miền Nam Việt Nam bảo vệ những giá trị đạo đức và xứ sở họ. Việc Calley bị trừng phạt đã bảo đảm niềm tin của tôi. Binh sĩ Hoa Kỳ có thể vi phạm tội ác ở nơi này hay nơi khác nhưng những cam kết của dân tộc Hoa Kỳ đối với đất nước này thật rõ ràng và minh bạch và bất cứ ai lỗi lầm đều không thể tha thứ hay bị bỏ qua, Tướng Abrams cũng tự nhận lấy một phần trách nhiệm vụ Mỹ Lai, và đứng trước hàng quân, ông ta đã đồng dục tuyên bố, chúng ta phải chiến đấu vì danh dự của Hoa Kỳ và trong phạm vi cuộc chiến xảy ra ở thế giới văn minh.

Mười ngày sau đó, Tổng Thống Nixon tuyên bố sẽ rút

thêm 35. 000 quân chiến đấu và trong tháng 10, Quân Đội Hoa Kỳ đã không còn trực tiếp đảm nhận chỉ huy cuộc chiến. Tướng Abrams đã không còn sử dụng lực lượng Hoa Kỳ để gây áp lực với địch quân mà gánh nặng ấy Quân Đội Miền Nam Việt Nam tự đảm nhận. Con số Quân Nhân Hoa Kỳ bị hy sinh hoặc bị thương đã giảm xuống rõ rệt từ mỗi tuần lễ. Cuộc chiến đối với Hoa Kỳ dường như đã qua.

Bunker đã rời nhiệm sở để trở về quê nhà nghỉ phép trong một thời gian ngắn. Ông ta cảm thấy bức bối khi được phần lớn dân chúng Hoa Kỳ nhận định chính phủ Sài Gòn dưới tầm nhìn sai lệch. Chính những nơi tại Miền Nam mà tận mắt Bunker nhìn thấy đã tiến bộ hay bắt đầu phát triển thì phần lớn dân chúng Hoa Kỳ gọi những nơi đó đang suy sụp, đổ vỡ và tỏ ra bi quan.

Vừa trở lại Sài Gòn, Bunker đã than phiền với Thiệu, đối với dân chúng Mỹ, ông là con người tồi tệ. Dân chúng Hoa Kỳ e ngại về cách ông đối xử với những tù nhân chính trị, về sự sụp đổ chính quyền, về việc ông tái phục hồi đảng Cần Lao của Diệm. Thiệu lắng nghe, hiểu được những lời Bunker vừa nói, không phải nhằm để chỉ trích ông mà muốn phản ánh dư luận Hoa Kỳ đang nghĩ thế nào về ông.

Tại Hoa Kỳ, lần đầu tiên phe phản chiến tập hợp biểu tình đông đảo dưới chính quyền Nixon, diễn ra ngày 15 tháng 10 năm 1969. Cuộc xuống đường gọi là “Biểu dương lực lượng” do giới trung lưu điều hành, đã tập hợp hàng trăm ngàn dân chúng Mỹ tràn ngập đường phố, đòi hỏi phải chấm dứt tức khắc chiến tranh Việt Nam. Thủ Đô Washington hôm ấy đã có tới 250.000 người tham dự. Thủ

tướng Hà Nội đã gửi điện văn đến những người biểu tình, ca ngợi sự đóng góp của họ và cầu chúc “cuộc tổng công kích mùa Thu” sẽ “gặt hái được nhiều thành quả mỹ mãn”.

Bước ngoặt chuyển đổi quan điểm chính trị của người Mỹ ồn ào và ngược chiều như thế mà Sài Gòn không hề quan tâm mặc dầu số phận của đất nước này một cách trớ trêu là do tầng lớp phản chiến Mỹ quyết định.

Cựu Tướng lãnh và cũng là Nghị Sĩ Trần Văn Đôn đã có mặt tại Hoa Kỳ trong suốt thời gian phe phản chiến xuống đường. Đôn trở về Sài Gòn, lập tức lập ra tổ chức quy tụ thành phần thứ ba trong mưu đồ phe phản chiến Mỹ sẽ dùng ông để thay thế Thiệu. Đôn đã từng là nhân vật chủ yếu trong vụ lật đổ Diệm. Khi Hoa Kỳ ủng hộ cuộc đảo chánh thì Đôn và các Tướng lãnh cùng cánh với ông đã được Mỹ lựa chọn.

Ngày 31 tháng 10 năm 1969, Đôn mở một cuộc tiếp tân tại tư thất ông ta. Ngày hôm sau, kỷ niệm ngày lật đổ Ngô Đình Diệm năm 1963, Tướng Dương Văn “Big” Minh linh hồn của cuộc đảo chánh, cũng tổ chức một cuộc tiếp tân tương tự tại tư dinh của ông, nằm gần Dinh Độc Lập. Mục tiêu của cuộc tiếp tân này nhằm tái xác định “tinh thần” cuộc cách mạng 1963 mà qua đó, Minh và Đôn trở thành những người đẩy quyền lực.

Trong buổi tiếp tân ấy, Minh đưa ra lời tuyên bố, Miền Nam Việt Nam cần có một chính quyền “thật sự” đại diện cho dân chúng. Minh nhận định, mục tiêu dân chủ mà những người làm những cuộc đảo chánh Diệm nhắm đến đã chưa thực hiện được. Ông ta nói: “có thể cần phải thực hiện một điều gì để cứu Quốc Gia này”. Ông ta muốn thay người lãnh đạo chính phủ Sài Gòn.

Trong khi đó thì tại Paris, cộng sản Hà Nội đã xác định, nếu Big Minh lãnh đạo Miền Nam thì họ có thể nói chuyện.

Điều Hà Nội đưa ra được đám chủ hòa Hoa Kỳ đón nhận một cách nhanh chóng vì họ hy vọng, cuộc chiến sẽ chấm dứt nếu thỏa mãn yêu cầu của Hà Nội.

Trái lại, người Công Giáo, kể cả bà Thiệu, để nhớ đến ngày ông Diệm bị sát hại, họ đã làm một buổi lễ cầu nguyện ngay tại nghĩa trang, nơi hai anh em ông Diệm và Nhu được mai táng.

Trong ngày Quốc Khánh 1 tháng 11, Thiệu đã đọc bài diễn văn xúc động. Ông ta hứa sẽ từ chức nếu đường lối của ông ta không được Hoa Kỳ ủng hộ, hay làm lợi cho những người cộng sản. Cả hai đối thủ của ông, phe phản chiến Mỹ chống kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh và các chính trị gia Miền Nam Việt Nam nhắm vào ông để tấn công.

Tổng Thống Nixon đã đáp lại cuộc xuống đường biểu dương lực lượng của phe phản chiến bằng bài diễn văn đọc vào ngày 3 tháng 11 năm 1969. Bác bỏ lời đòi hỏi phải bỏ rơi Miền Nam Việt Nam, Nixon từ chối không tháo chạy ra khỏi cuộc chiến một cách vô trách nhiệm hay vô điều kiện. Ông tái khẳng định, Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh hay là những cuộc thương thuyết, phương thức nào đạt được kết quả trước, chừng ấy Hoa Kỳ sẽ chấm dứt sự can dự vào cuộc chiến tranh Việt Nam.

Nixon tuyên bố, Hoa Kỳ vì danh dự, cần phải đương đầu với cuộc xâm lăng của cộng sản qua cuộc chiến tranh lạnh, dù dưới hình thức xâm lấn hay dưới hình thức lật đổ do cộng sản tạo ra, đều phải bị ngăn chặn. Bài diễn

văn của ông đã được dư luận hoan nghênh vì Nixon đã đưa ra kế hoạch chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam một cách hợp lý.

Tại Miền Nam Việt Nam, dân chúng cũng tán đồng bài diễn văn này ngoại trừ một số thuộc thành phần Phật Giáo tranh đấu và một số người trong nhóm của Đôn vì nhóm này hy vọng lật đổ Thiệu sớm để họ chiếm nắm quyền lực.

Hai tuần lễ sau, Big Minh đưa ra đề nghị, yêu cầu tổ chức một cuộc thăm dò để xem dân chúng Miền Nam Việt Nam có đồng ý chính sách của Thiệu hay không. Tại Paris, người phát ngôn thuộc đồng minh của Hà Nội tại Miền Nam Việt Nam, công bố xác định bà ta ủng hộ sự yêu cầu của Big Minh. Bây giờ Hà Nội đã có điều kiện tốt để tấn công Thiệu hữu hiệu hơn.

Trong năm 1969, Bunker đã nhìn thấy, nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước, viễn ảnh kinh tế Miền Nam Việt Nam phục hồi và có thể nhận lấy phần lớn gánh nặng trong Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Do sự phát triển Quân Đội theo Kế Hoạch Hóa Chiến Tranh đã làm giảm đi nguồn nhân lực tại các ngành sản xuất kỹ nghệ, kéo theo đà phát triển khựng lại. Cũng lúc ấy thì gánh nặng về quốc phòng của Miền Nam Việt Nam lại tăng nhanh. Để giải quyết cán cân thâm hụt ấy, chính phủ Sài Gòn chỉ còn có khả năng là thu thuế. Điều đó có nghĩa là tạo nên sự lạm phát, có nguy cơ đưa đến sự khủng hoảng và sụp đổ. Suốt trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, giá cả sinh hoạt tại Nam Hàn đã tăng lên 2800%, nhưng tại Miền Nam Việt Nam, Bunker nhìn thấy sự lạm phát còn trong tầm kiểm soát, nghĩa là vừa phải, hợp lý.

Đầu năm này, Bunker đã chấp thuận tăng thêm 40 triệu Mỹ kim về viện trợ kinh tế nếu chính phủ của Hương đồng ý tăng thêm thuế. Thiệu tỏ ra e ngại về việc này vì tăng thuế sẽ làm cho các đảng phải tham gia Mặt Trận của ông chống đối và có thể rút ra khỏi tổ chức.

Mặt khác, Thiệu nghĩ, Quốc Hội vì phản ứng của dân chúng, không thể chấp nhận việc tăng thuế. Nhưng Bunker nói với Thiệu, trì hoãn việc tăng thuế sẽ làm đồng bạc mất giá và giá cả thị trường có thể nhảy vọt. Ellsworth Bunker cũng muốn vào ngày 1 tháng 4, chính phủ phải bằng mọi cách giảm sự thiếu hụt của ngân sách. Thiệu không đồng ý do đó Mỹ cũng không tăng thêm viện trợ kinh tế.

Nhưng vào tháng 5, cuộc họp thượng đỉnh giữa Nixon và Thiệu tại Midway, nhiều người Việt Nam tỏ ra âu lo vì có dư luận cho rằng chính phủ Miền Nam phải chấp nhận một chính phủ liên hiệp. Vì thế, Hoa Kỳ đã dùng viện trợ kinh tế như một áp lực để buộc Thiệu phải chấp nhận giải pháp của Hoa Kỳ. Để giảm thiểu sự căng thẳng do tin đồn trên loan ra, Bunker đã đồng ý tăng thêm viện trợ kinh tế cho Miền Nam trước khi hai bên cùng loan báo việc Quân Đội Hoa Kỳ bắt đầu rút quân.

Đối lại, Miền Nam Việt Nam có lời cam kết, một cách tổng quát, là từng bước sẽ tăng thuế. Thiệu đã gặp giới lãnh đạo phía lập pháp và giải thích rằng, Miền Nam Việt Nam phải xin thêm viện trợ bởi vì chính phủ đã tăng thuế mà không đủ so với ngân sách yêu cầu. Nếu thuế giữ nguyên, danh dự Miền Nam Việt Nam sẽ giảm xuống. Thiệu hỏi các nhà lãnh đạo lập pháp nên chọn lựa, vì sự sống còn của Miền Nam chúng ta phải tăng thuế hoặc không tăng để Miền Nam Việt Nam chết dần.

Cung cách của Thiệu đối với giới luật pháp, Bunker hiểu được là Thiệu đang tìm cách tăng thuế dưới hình thức này hay hình thức khác. Đáp lại, để Miền Nam có thể tự ước lượng và tự gánh vác lấy trách nhiệm, Bunker đưa ra chương trình đặt ngân khoản viện trợ tối đa mà Hoa Kỳ có thể thực hiện để chính phủ Miền Nam hiểu rõ. Ông ta cho biết, Hoa Kỳ không còn có thể bảo đảm ngân khoản 300 triệu Mỹ kim dự trữ từ trước. Ngân khoản này trước đây dành cho chính phủ Miền Nam để nhập cảng, giữ cho nền kinh tế thăng bằng.

Quân Đội Hoa Kỳ về nước khiến mức thu đồng Mỹ kim tại Miền Nam cũng giảm theo. Vấn đề nhập cảng do đó bị hạn chế. Đồng bạc Việt Nam bị giảm giá, giá cả leo thang, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của Quân Đội và viên chức chính phủ, vốn đã thấp lại càng nghèo nàn hơn.

Sau khi quyết định đặt giới hạn về mức viện trợ kinh tế, giữ ngân khoản dự trữ để chính phủ Sài Gòn tiếp tục nhập cảng, ở mức độ hợp lý, và mức thu nhập nội địa tăng hơn nhờ tăng thuế ở những món hàng nhập cảng, chính phủ Miền Nam Việt Nam giờ đây nhằm vào tăng hàng xuất cảng để tìm thêm ngoại tệ.

Đầu tiên, chính phủ dự trữ ngoại tệ bằng cách hạn chế việc nhập cảng. Mọi đơn xin nhập cảng bị tạm ngưng. Việc nhập cảng xe gắn máy và xe hơi đình chỉ. Tháng 6 năm 1969, một số thuế đánh trên mặt hàng nhập cảng tăng lên và nhập cảng hàng tiêu dùng bị hạn chế.

Nhưng kể từ năm 1970, Hoa Kỳ và chính phủ Sài Gòn đã đạt được một thỏa thuận qua đó, mỗi bên đều nghiên cứu để giúp cho nền kinh tế ổn định, đưa sự lạm phát vào vòng kiểm soát. Hoa Kỳ đã đưa ra một chương trình viện

trợ nhằm giúp cho chính quyền của Thiệu, bấy giờ đã do Khiêm làm Thủ Tướng, ổn định về kinh tế, cân bằng ngân sách, hạn chế việc in thêm tiền giấy.

Chuyên gia kinh tế nổi bật tại Miền Nam là Nguyễn Hữu Hanh, mặc dù từ chối đảm nhận vai trò Phó Thủ Tướng Đặc Trách Kinh Tế, nhưng ông ta đã quy tụ một nhóm kinh tế gia đưa ra kế hoạch nhằm tăng ngân sách Quốc Gia. Thiệu tin tưởng vào Hanh và chấp nhận dự án của ông ta.

Không tham khảo Quốc Hội, vào cuối tháng 10, Nội Các mới của Khiêm bất thần đưa ra một Sắc Lệnh mới đánh nặng thuế trên hàng hóa nhập cảng, đặc biệt hàng xa xỉ phẩm và giảm thuế hàng sản xuất nội địa, khuyến khích chánh sách gọi là thắt lưng buộc bụng. Biện pháp này đã giúp ngân sách tăng thêm từ 40 đến 45 tỷ đồng bạc Việt Nam, giảm sự thiếu hụt của ngân sách Quốc Gia xuống còn phân nửa. Nội Các của Khiêm không muốn đưa sang Quốc Hội biểu quyết Sắc Lệnh này vì biết rằng có nhiều hàng hóa bị đánh thuế rất cao.

Sắc Lệnh ấy không dễ dàng thông qua suôn sẻ. Thượng Viện bỏ phiếu đưa ra Sắc Lệnh ấy lên Tối Cao Pháp Viện để duyệt xét tính hợp pháp theo hiến pháp quy định. Theo các Thượng Nghị Sĩ, mọi sắc thuế phải được Quốc Hội biểu quyết và chấp thuận trước khi mang ra áp dụng. Vị Bộ Trưởng Kinh Tế e ngại chính phủ sẽ bị thua cuộc và tất nhiên, thuế sẽ không thu được. Ông ta nhờ Bunker khuyến cáo Tối Cao Pháp Viện chấp nhận sắc thuế mà chính phủ đã đưa ra nhưng Bunker từ chối.

Dân chúng tranh nhau mua hàng dự trữ. Giá cả tại Sài Gòn trong vòng 5 ngày tăng lên 10%. Các con buôn tự

động tăng giá bán hàng hóa mặc dù có nhiều món hàng không nằm trong bảng liệt kê áp dụng luật thuế mới. Nông dân tích trữ lúa gạo chờ giá cả cao hơn. Dư luận quần chúng dao động.

Trong tình huống hỗn mang do giới chính trị Việt Nam tạo ra, Tối Cao Pháp Viện đã phán quyết Sắc Lệnh tăng thuế vi hiến. Nhưng Thượng Viện lại rút lại lời yêu cầu của họ, thành thử Sắc Lệnh đó được thả nổi. Về phần chánh phủ, Thiệu đã tham khảo với Quốc Hội và đồng ý giảm bớt thuế trên một số món hàng. Thiệu trình bày trước công luận là ông ta cần phải thực hiện việc cân bằng ngân sách giữa nhu cầu nhập cảng 600 triệu Mỹ kim và xuất cảng chỉ có 20 triệu. Ông ta muốn đưa nền kinh tế Việt Nam trở nên tự túc nhưng dân chúng cảm thấy phẫn uất vì cho rằng thuế như thế đã quá cao so với sức chịu đựng của họ.

Bunker rất đồng ý là chính phủ đã dám có nhưng quyết định mạo hiểm cần thiết và đã dàn xếp được Quốc Hội một cách êm thấm để quyết định ấy được áp dụng. Ellsworth Bunker đã tường trình với Nixon rằng Thiệu là nhà lãnh đạo có bản lãnh và tự tin. Tăng thuế và sẽ từ chức nếu những quyết định của ông ta có hại cho đất nước.

Các thương gia và cả dân chúng đều quan tâm đến tương lai của nền kinh tế Miền Nam. Trên thị trường, đồng bạc Việt Nam giảm giá hơn so với chính phủ ấn định. Dân Chúng không muốn nhận lấy đồng bạc Việt Nam qua các dịch vụ thương mại hay trao đổi về ngoại tệ. Đồng Mỹ kim bán chợ đen giá cao hơn nhiều. Những người lính Mỹ đổi tiền Việt Nam qua đường dây không

chính thức. Kỹ thuật mà chính phủ đã đưa ra để tăng thêm ngân sách, đánh thuế cao trên các hàng xa xỉ phẩm nhập cảng, giờ đây đã tạo điều kiện cho giới buôn lậu làm giàu. Những người buôn bán lẻ thì nhau tích trữ từ thuốc lá, rượu, hàng hóa điện và điện tử, xe gắn máy và dễ dàng kiếm lời bằng số tiền họ bỏ ra để mua những hàng hóa ấy, khi đem bán theo giá mới do chính phủ ấn định.

Tháng 11 năm 1969 Bunker thông báo về cho Nixon biết thị trường chợ đen của đồng Mỹ kim và hàng hóa trong các cửa hàng PX của Quân Đội Hoa Kỳ đã trở thành khan hiếm vì mọi người lùng kiếm. Với sự cải cách kinh tế và áp dụng lập pháp chặt chẽ hơn, Bunker hy vọng là kiểm soát lại được thị trường, Bunker cũng trao đổi với Thiệu khá lâu, như là một người bạn, yêu cầu ông ta phải ra sức thúc đẩy để chặn đứng sự đổ vỡ về kinh tế và cả buôn lậu. Về phía Hoa Kỳ đã áp dụng ngay là giảm hàng hóa cung cấp cho các PX và phía Thiệu, đến lượt phải chặn đứng sự buôn lậu, tích trữ đầu cơ, Thiệu lắng nghe và nói sẽ hành động ngay.

Gần cuối năm 1969, cộng sản chỉ còn kiểm soát chừng 3% dân chúng tại Miền Nam Việt Nam và khoảng 7% còn chịu ảnh hưởng của họ. Hơn 47.000 cộng quân đã hồi chánh trong năm 1969. Trong năm 1968, Hà Nội đã mở các cuộc tấn công cấp tiểu đoàn hay lớn hơn tới 126 lần. Nhưng trong năm 1969 chỉ còn có 34 lần. Trái lại, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa trong năm 1969 đã mở ra 11.400 cuộc hành quân cấp tiểu đoàn hay lớn hơn so với năm 1968 là 6.900 lần và năm 1967 chỉ có 3.800 lần.

Cũng trong năm 1969 chỉ có 114.000 dân chúng phải vào tạm trú trong các trại tỵ nạn so với năm 1968

là 300.000 và năm 1967 hơn 400.000 và có lẽ một triệu người trong năm 1966. Năm 1969 là năm Việt Nam Hóa Chiến Tranh diễn tiến tốt nhất. Và cũng năm ấy mùa lúa thu hoạch đến 5,1 triệu tấn, nhiều nhất kể từ năm 1964.

Thế nhưng không có một quan sát viên ngoại quốc nào có mặt tại Sài Gòn lại tường thuật lên điều ấy, một nỗ lực đáng kể so với một đất nước nghèo trong thời chiến tranh. Maynard Parker của tờ *Newsweek* viết: “Chương Trình Việt Nam Hóa chiến Tranh là một ảo tưởng”. Anh ta bồi thêm: “Thật ra thì Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa có tiến bộ, nhưng nhìn chung thì sự tiến bộ ấy chẳng đi đến đâu”.

Viết về Sư Đoàn 18 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa, anh ta không phủ nhận là khả năng chiến đấu có phát triển nhưng rồi đặt dấu hỏi: “Liệu sự phát triển quá yếu ớt ấy có đương đầu nổi với những đụng độ sẽ xảy ra trong tương lai không?”.

Newsweek sớm đưa ra nhận định là họ “có những chứng cứ để lo sợ” Miền Nam Việt Nam không thể đứng vững trước sự tấn công của Hà Nội, không phải trong 10 năm hay 5 năm tới mà không thể tồn tại nổi tới 3 năm. Tiên liệu của *Newsweek* đã hoàn toàn rập khuôn luận điệu tuyên truyền của Hà Nội. Thế nhưng, cuối cùng thì bản nhạc “Hãy có mặt với Charlie” mà tạp chí này đã ca ngợi, đã nói lên sự vững mạnh của Miền Nam Việt Nam như thế nào.

NĂM 1970: CHÍNH TRƯỜNG SÔI ĐỘNG

Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã đạt đến cao điểm trong năm 1970. Nhiều đơn vị chiến đấu Hoa Kỳ đã trở

về quê nhà. Các cuộc hành quân phản công tại Cam Bốt đã bẻ gãy khả năng của Hà Nội đang đe dọa Kế Hoạch Bình Định tại vùng trù phú đông dân ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Tôi đã thực hiện kế hoạch tài trợ tài chánh về chính quyền địa phương ở nông thôn. Thế nhưng vẫn còn một số trở ngại đòi hỏi chúng tôi phải hoàn tất. Cuộc chiến thắng đã cận kề, điều đó không có nghĩa kẻ thù không còn khả năng phục hồi và đe dọa nếu những nỗ lực của chúng tôi bị bỏ dở. Bunker, Colby và cả chính tôi, việc trở về Mỹ không còn là chuyện ngoài tầm tay. Đức tin của người Thanh Giáo chúng tôi vào Thượng Đế đã giúp chúng tôi vượt qua và chịu đựng những thời gian cực kỳ khùng khiếp. Trong khi trận chiến đang trên đà thắng lợi khả quan thì Thiệu lại trở thành con dê tế thần trên sân đấu của giới chính trị Hoa Kỳ.

Để bảo vệ hiến pháp Miền Nam, Thiệu trở nên đầu mối của sự phản uất của người Mỹ. Khởi đầu do việc Thiệu tìm cách trừng phạt những người mà Thiệu cho là những kẻ cơ hội chủ nghĩa nằm trong Quốc Hội. Ngày 18 tháng 11 năm 1969 Thiệu yêu cầu Hạ Viện truất quyền hai Dân Biểu có những hoạt động bị cáo buộc là thân cộng sản. Chính phủ đưa ra một danh sách gồm 43 người nằm trong đường dây tình báo của Hà Nội. Danh sách ấy do Cảnh Sát tịch thu khi thâm nhập vào một căn cứ bí mật của cộng sản, có luôn một người từng là Cố Vấn của Thiệu. Một Dân Biểu mà Thiệu kết án là nằm trong đường dây tình báo vừa đảm nhận công tác tuyển mộ ký giả để hoạt động cho cộng sản. Một Dân Biểu khác mà Thiệu yêu cầu truất phế vì ông ta đã yêu cầu chính phủ

Mỹ thương thuyết với bù nhìn của Hà Nội tại Miền Nam là chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam.

Tiếp theo, Thiệu nêu tên người Dân Biểu thứ ba đòi Hạ Viện phải trừng phạt vì đã ủng hộ kẻ thù. Dân Biểu này đã từng bí mật giúp người anh điều khiển ngành tình báo từ Hà Nội gửi vào Nam. Người này đã bị bắt và đã đưa ra tòa năm 1969. Trả lời trong phiên tòa, vị Dân Biểu trên tiết lộ, trong năm 1968, ông ta đã nhờ người anh của ông trao bức thư cho Hà Nội, đề nghị hai bên, cộng sản và một phái đoàn dân biểu, trực tiếp thảo luận với nhau. Trong tháng 6 năm 1968 người anh của dân biểu này đã gặp ông ta, khuyên ông hãy gia nhập vào một mặt trận do cộng sản vừa thành lập, nhằm để chuẩn bị một chính phủ liên hiệp, tiến đến việc trao quyền hành cho cộng sản.

Rồi, trong năm 1969, Dân Biểu Trần Ngọc Châu đã đưa ra trước công luận những đề nghị, để Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng chấm dứt chiến tranh. Ông ta kêu gọi hãy đối xử với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam như một đảng chính trị nếu họ chấp nhận hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa, một đề nghị tương đối hợp lý, ôn hòa, thế nhưng Trần Ngọc Châu đồng thời cũng mô tả, có một chính phủ liên hiệp với những người cộng sản. Nội dung Châu đưa ra đã vi phạm đến điều 4 hiến pháp Miền Nam Việt Nam, vì theo điều này, ngăn cấm mọi hành động phổ biến hay hỗ trợ cộng sản.

Thay vì để các Dân Biểu đối lập trên bị xét xử theo luật phép đã quy định, Thiệu lại bày tỏ thái độ không tự chế. Trong bài nói chuyện ở buổi lễ mãn khóa các Xã Trường tại Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ Quốc Gia Vũng Tàu, Thiệu đã gọi ba Dân Biểu đó là “những con chó”. Thiệu

hứa, với tư cách là người lãnh đạo quốc gia, Thiệu sẽ không để đồng bào ông ta gục ngã khi họ đứng trong hàng ngũ quốc gia dù nơi đó là tại nông thôn xa vắng.

Thiệu nói, nếu Hạ Viện không xét xử và lên án ba Dân Biểu đó thì rồi Quân Đội cũng giết họ. Thiệu thêm, trách nhiệm của Quân Đội là “đánh những con chó đó cho chết thì thôi”.

Đài Phát Thanh Quân Đội Sài Gòn đã yêu cầu Hạ Viện phải có những biện pháp trừng phạt ba Dân Biểu trên. Các Dân Biểu Công Giáo cực đoan cũng phụ họa yêu cầu trừng phạt. Tại Hạ Viện, với 100 trên 135 Dân Biểu có mặt đã ký vào bản tuyên cáo phản kháng áp lực từ phía chính phủ. Trần Văn Đôn tuyên bố trước báo chí, quy trách Thiệu là người đã gây áp lực với Quốc Hội.

Chính phủ đã xin lỗi vì vấn đề an ninh Hạ Viện thiếu bảo vệ và đã can dự vào những vấn đề thuộc giới lập pháp.

Bunker đã nói với Thiệu rằng sự kiện trên xảy ra là điều sai lầm.

Một Ủy Ban Đặc Biệt do Hạ Viện chỉ định đã thẩm vấn và điều tra ba Dân Biểu này. Ngày 31 tháng 12 năm 1970 phúc trình của Ủy Ban xác nhận ba Dân Biểu đó có tội. Hạ Viện đã chấp thuận bản phúc trình thế nhưng khi bỏ phiếu chỉ có 102 phiếu, nghĩa là không đủ 2/3 túc số theo hiến pháp quy định nên không thể cách chức họ. Lực lượng Dân Biểu phản đối Thiệu đã kết hợp và có kết quả.

Người quan trọng nhất trong nhóm ba Dân Biểu nói trên là Trần Ngọc Châu. Cho đến lúc tình huống tại Quốc Hội xảy ra, Bunker vẫn không nghĩ trường hợp của Châu lại trở nên trầm trọng như thế. E ngại có thể có những bất trắc xảy ra cho bản thân. Châu đã yêu cầu một số bạn

thân người Hoa Kỳ bảo vệ ông ta. Với cung cách xã giao khôn khéo và linh hoạt hơn phần đông sĩ quan Việt Nam khác. Châu đã kết thân với rất nhiều người Mỹ. Châu cũng từng đảm nhận vai trò Tỉnh Trưởng hữu hiệu và cũng là một người sáng lập Lực Lượng Cán Bộ Xây Dựng Nông Thôn.

Đầu tháng 7 năm 1969, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ hỏi Tòa Đại Sứ về dự đoán liệu Thiệu có kế hoạch gì chống Châu mạnh mẽ hơn không? Và thực tế thì biến cố Trần Ngọc Châu đã xảy ra ngoài sự quan tâm của Bunker. Vào đầu năm 1970 một người có uy tín với Tòa Đại Sứ là John Vann, nhân viên cao cấp của cơ quan CORDS, bạn thân của Châu, đã nhân danh Tòa Đại Sứ để mời Châu sang Hoa Kỳ với mục đích để cứu ông ta khỏi âm mưu hãm hại của Thiệu.

Khi Hạ Viện không tán đồng kết tội Châu và các Dân Biểu khác thì phe Dân Biểu thân chính bắt đầu đưa ra một tu chính để vận động lấy chữ ký của các dân Biểu cho đủ túc số 102 túc 2/3 trên 135 Dân Biểu tại Hạ Viện theo hiến pháp. Và cuối cùng họ đã đạt được con số này. Vì thế Châu bị bắt ngay tại Trụ Sở Hạ Viện và tin tức loan ra Châu sẽ bị đưa ra trước Tòa Án Quân Sự để xét xử.

Sau khi bị bắt, Châu đưa ra lời tuyên bố, kết án là Hoa Kỳ đã phản bội ông ta bởi vì lý do Châu tiếp xúc với người anh là sĩ quan của Hà Nội chính là do sự yêu cầu của người Mỹ. Điều Châu đưa ra đã tạo nên hỏa mù, đặc biệt là tại Washington. Nghị Sĩ William Fulbright, người chủ trương chống Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam, vội vàng lên tiếng bênh vực Châu. Hòa cùng luận điệu với Fulbright là Nghị Sĩ Edward Kennedy tuyên bố mạnh

mẽ: “Chỉ có kẻ khát máu và thích bạo hành như Thiệu mới chống lại những người cộng sản”.

Thật ra thì Châu có tiếp xúc với vài nhân vật cao cấp của Hoa Kỳ. Trong một lần, do sự sắp xếp của John Vann, Châu đã gặp Bunker và một số người Mỹ khác để trình bày quan điểm của Châu về tình hình Việt Nam. Dưới mắt Ellsworth Bunker thì Châu là người thông minh, nhiều tham vọng. Nhưng Bunker chưa hề yêu cầu Châu tiếp xúc với phe cộng sản, nhân danh Hoa Kỳ. Mặt khác, theo sự hiểu biết của Bunker thì Châu cũng chưa lần nào nêu ý kiến ấy với những người Hoa Kỳ có trách nhiệm.

Thế nhưng với Châu, John Vann vẫn luôn luôn quý trọng tình bằng hữu. Trong một lần, nhà cầm quyền Miền Nam thấy Châu biến mất khỏi Sài Gòn, chính là do John Vann đã cung cấp trực thăng cho Châu trốn đi. Bunker thường thì trầm tĩnh nhưng lần ấy ông đã nóng giận, gọi John Vann lên văn phòng để khiển trách.

Vốn ít quan tâm đến những chỉ thị của văn phòng Tòa Đại Sứ, nên Vann chẳng bao giờ thảo luận những vấn đề do Tòa Đại Sứ nêu ra. Có lần Vann đã hỏi nhân viên sứ quán: “Đó là điều gì vậy?”.

Khi được trả lời là Bunker không muốn John Vann dính líu vào việc bảo vệ Châu thì Vann không hề thắc mắc và cũng chẳng tin điều đó là thật. Không lâu lần ấy, Vann bị gọi về Tòa Đại Sứ trình diện. Ellsworth Bunker đã nói thẳng với Vann là cho ông ta cơ hội cuối cùng, vì công vụ của Vann không phải là xen vào công việc nội bộ của chính phủ Miền Nam. Bunker lập lại, nếu Vann vẫn tái diễn, Bunker sẽ áp dụng kỷ luật ngay tức khắc. Bunker nói thêm, ông ta không muốn giới truyền thông báo chí Mỹ

nhìn nhân viên Tòa Đại Sứ hoạt động theo cung cách như vậy. Không có trường hợp ngoại lệ nào cho bất cứ nhân viên nào. Bunker khuyên Vann không nên liên hệ đến bất cứ vấn đề chính trị nào ở đây, vì Bunker là người chịu trách nhiệm về vấn đề đó, còn Vann nên trở lại công việc mà ông ta đã được trao phó là thực hiện Chương Trình Bình Định.

Vann nói với người phụ tá trong Ban Tham Mưu của CORDS “Tôi nghĩ là khả năng tôi thích hợp với điều đó, nếu không thì tôi trở lại Hoa Kỳ ngay”.

Châu bị chính quyền Miền Nam đưa ra tòa. Tháng 3 năm 1970 Bunker nói với Tổng Thống Nixon rằng ý đồ của Thiệu khi trừng phạt Châu như một trường hợp điển hình để ngăn chặn những người vì mất niềm tin vào cuộc chiến sẽ nghiêng ngã và quay sang hợp tác với phe bên kia. Thế nhưng Bunker cũng yêu cầu chính phủ Miền Nam phải xử Châu theo đúng luật lệ.

Sau đó, Tối Cao Pháp Viện Miền Nam đã phán xử rằng quyết định của hành pháp bắt giam Châu là vi hiến, do đó không thể đưa Châu ra tòa. Mặc dù vậy, Thiệu vẫn không trả tự do cho Châu vì e ngại thành phần chống Thiệu có thể từ sự kiện này sẽ bùng lên.

Theo chỉ thị từ Washington, Bunker giải thích cho Thiệu là không cố tìm cách đưa Châu ra tòa. Khi Châu ra tòa và bị kết án lần thứ hai, một Nghị Sĩ có nhiều quyền lực trong đảng Dân Chủ đã chỉ trích chính quyền Thiệu không được dân chúng ủng hộ và chính quyền đó cũng không phục vụ cho dân chúng của họ. Hội Đồng Quốc Gia của đảng Dân Chủ lên án chính quyền Thiệu chỉ đại diện cho một nhóm người. Tờ *New York Times* viết một bài bình luận dài chống Thiệu đàn áp đối lập.

Khi vấn đề Trần Ngọc Châu đã trở nên một trận hỏa mù, Bunker đã viết thư về cho một người bạn cùng ngành của ông tại Washington, mặc dù Ellsworth Bunker biết rằng những thành phần cổ vũ cho lực lượng thứ ba nhằm chấm dứt cuộc chiến có gặp những ngăn cản. Nhưng trách nhiệm của ông là phải ủng hộ một chính quyền hợp pháp theo hiến pháp tại Miền Nam Việt Nam và giúp đỡ chính quyền ấy đứng vững và tồn tại. Đó là vai trò của một Đại Sứ Hoa Kỳ.

Chính quyền Thiệu vẫn tiếp tục đàn áp đối lập. Tháng 3 năm 1970 chính phủ đã bắt giữ một lãnh tụ sinh viên vì cho rằng người này là cán bộ việt cộng thâm nhập vào hàng ngũ sinh viên để hoạt động. Các sinh viên bắt đầu tuyệt thực để phản đối việc bắt giữ đó. Cảnh Sát bắt 12 sinh viên trong số tuyệt thực, đã đánh đập và bạo hành khi sự kiện trên xảy ra. Hành động đó quả thực là quá đáng, chứng tỏ lực lượng Cảnh Sát đã thiếu kinh nghiệm trong khi đối phó những vấn đề mang tính chất chính trị, nhưng đó lại là một hành động cần thiết của chính phủ để bảo vệ hơn 60 ngàn sinh viên tại Sài Gòn được vào các lớp học mà không bị những sinh viên tuyệt thực ấy gây khó khăn.

Thiệu đặt kế hoạch đưa tất cả sinh viên ấy ra tòa và rồi ân xá họ.

Ngày 30 tháng 4 năm 1970 Tối Cao Pháp Viện Sài Gòn, một lần nữa lại đưa ra phán quyết chống Thiệu vì cho rằng Tòa Án Quân Sự đặc biệt dùng để xét xử và kết tội sinh viên, trên thực tế là vi phạm hiến pháp. Phía chính phủ trả lời sẽ xét xử sinh viên biểu tình dưới một tòa án khác. Sinh viên tiếp tục biểu tình.

Ngày 5 tháng 5, Thiệu ra lệnh đóng cửa các Trường Trung Học và Đại Học tại Sài Gòn. Một nhóm sinh viên với ban nhạc xuống đường diễn hành trên nhiều đường phố chính. Cảnh Sát thì đứng rải dọc theo lề đường, chỉ có thường dân là cảm thấy không hài lòng vì trong lúc sinh viên biểu tình gây ra sự tắc nghẽn lưu thông trong Thủ Đô.

Các sinh viên chưa bao giờ được dân chúng hoan nghênh việc xuống đường chống chính phủ xảy ra thường xuyên trong giai đoạn ấy. Giới Phật Tử đấu tranh cũng như các đảng phái chính trị cũng không nhìn thấy, vì những cuộc xuống đường của sinh viên mà Thiệu sẽ bị lật đổ. Và ngay các tầng lớp sinh viên đấu tranh dần dần đã bị các thành phần sinh viên khác cô lập, xa lánh. Giữa tháng 5, các Trường Trung học mở cửa lại. Tiếp theo các Trường Đại Học mở vào cuối tháng. Ngày 13 tháng 6 chính phủ Sài Gòn đã phóng thích các sinh viên bị bắt.

Các cuộc xuống đường của sinh viên chưa chấm dứt thì tiếp xảy ra các cuộc xuống đường khác do các cựu Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đòi hỏi chính quyền phải trợ cấp cho họ tăng hơn. Những kẻ chống Thiệu muốn tạo ra một sự mất ổn định về mặt xã hội. Chẳng hạn, Phó Tổng Thống Kỳ ủng hộ cuộc biểu tình của các Thương Phế Binh ấy. Tư Lệnh Cảnh Sát là Tướng Loan cũng ủng hộ nhóm Thương Phế Binh vào dịp Tết Mậu Thân. Trần Văn Đôn đã có riêng một tổ chức cựu chiến binh và Tướng Big Minh thì khuyến khích giới Phật Tử tranh đấu xuống đường ủng hộ cựu chiến binh.

Giới cựu chiến binh đã cầm dùi rồi cấp tốc dựng lên những mái chòi nhỏ trong các công viên, lề đường và một

lô đất rộng đang chuẩn bị xây một công trình lớn. Nhiều đường phố Sài Gòn đã trở thành khu phố của cựu chiến binh nghèo, quần áo phơi tràn lan trước những căn lều vừa mới được dựng lên.

Ngày 19 tháng 6, Ellsworth Bunker gặp riêng Thiệu. Thiệu cho biết ông đã khoan nhượng quá nhiều đối với những sinh viên xuống đường. Phần lớn sinh viên đã trở lại sinh hoạt bình thường nhưng còn khoảng vài trăm sinh viên vẫn tiếp tục biểu tình, ngăn cản lưu thông. Thiệu cũng cho Bunker biết là đang có những cuộc tiếp xúc với giới cựu chiến binh.

Chính phủ của Thiệu đã nhanh chóng giải quyết những đòi hỏi của giới cựu chiến binh kể cả việc tăng trợ cấp giúp đỡ họ. Do thế mà những túp lều, căn nhà nhỏ không còn dựng lên bờ bãi như trước. Thế nhưng hình ảnh của Thiệu đối với ngoại quốc không dễ gì đánh tan những ác cảm.

Ngày 23 tháng 6, Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa đã thông qua một đạo luật nhằm sửa đổi một số điều kiện về Tòa Án Quân Sự Mật Trận mà trước đó Tối Cao Pháp Viện cho là tòa án này vi hiến. Chính quyền đã dùng tòa án này để xét xử các Dân Biểu trước đó và các vụ bạo động của sinh viên vừa qua. Bây giờ theo luật mới, các Thẩm Phán thuộc Tòa Án Quân Sự Mật Trận phải do Tối Cao Pháp viện tuyển lựa. Bị cáo trước tòa này có quyền thuê luật sư biện hộ và được quyền kháng cáo lên Tối Cao Pháp Viện nếu muốn. Từng bước một, Quốc Hội Miền Nam đã thiết lập những đạo luật nhằm bảo vệ sự bình đẳng trong guồng máy sinh hoạt chính trị và chính quyền.

Rõ ràng vài năm sau, người lãnh tụ của sinh viên và cũng là linh hồn của các cuộc sinh viên xuống đường, lộ diện là cán bộ của Hà Nội.

Hậu quả những cuộc xuống đường của sinh viên đã tạo ra một sự ngộ nhận, Thiệu đã biến thành một kẻ cực kỳ đàn áp các thành phần chính trị đối lập dưới mắt các chính trị gia Hoa Kỳ. Cung cách của ông ta đã được gọt dũa, sơn phết, rập khuôn theo đúng mẫu người độc tài do thành phần chính trị đối lập sáng tạo ra, điển hình là vụ “chuồng cọp Côn Đảo”.

Vừa được Cảnh Sát phóng thích, sinh viên trong nhóm đấu tranh chống chính phủ đã lên tiếng tố cáo là họ bị giam giữ trong điều kiện man rợ trong các chuồng cọp. Một trong những bài viết mô tả phòng giam rùng rợn và khủng khiếp đó là Cao Nguyên Lợi, một trong những lãnh tụ sinh viên và cũng là cán bộ cộng sản miền bắc, vừa được phóng thích khỏi nhà tù. Don Luce, kẻ phản chiến thiếu minh mẫn vội chộp lấy bài ấy dịch ra Anh ngữ. Khi Phái Đoàn Quốc Hội Hoa Kỳ đến Sài Gòn. Luce dàn xếp với bộ tham mưu của anh ta, Tom Harkin, để Cao Nguyên Lợi đến gặp vài Dân Biểu tại khách sạn.

Dân Biểu Harkin và Anderson sau đó quyết định đi thăm trại tù Côn Sơn, nơi được tố cáo là có các nhà giam chuồng cọp. Chính phủ Sài Gòn đồng ý. Phái đoàn còn bao gồm một số viên chức cao cấp Hoa Kỳ đặc trách cải thiện các trại giam và đặc trách chính trị tại Tòa Đại Sứ.

Bất ngờ theo sự sắp xếp riêng, Luce có mặt tại Phi Trường Sài Gòn lúc Phái Đoàn Quốc Hội Mỹ sắp bay đi Côn Sơn. Luce ngồi như dân biểu “thứ ba” trong Phái Đoàn đi một vòng quanh trại giam khá lớn, thỉnh thoảng

Luce tách ra khỏi Phái Đoàn, chạy đến chiếc cửa, tường xây bằng gạch, rồi gõ mạnh. Quản Đốc trại giam hộ tống Phái Đoàn cho biết cửa đã đóng khóa. Chợt lúc ấy, người lính gác ở phía bên trong mở cửa ra để xem ai gõ cửa.

Luce và Harkin vội xông vào phía bên trong và thấy được hai dãy phòng giống như đã được Cao Nguyên Lợi mô tả là các chuồng cọp.

“Chuồng cọp” chỉ là hai dãy phòng giam. mỗi phòng rộng 5’3” và dài 106”, được xây cất liền nhau, bên trên là một mái cao. Mỗi phòng giam đều có cửa mở ra hướng trại giam. Phía trên phòng giam và dưới mái cao là một khoảng trống chỉ ngăn chặn bằng những song sắt. Ánh sáng và không khí đến từ khoảng trống ấy. Có một lối đi hẹp bắt nối tiếp giữa hai dãy phòng.

Harkin đi chung quanh các lối đi nhỏ ấy rồi chụp ảnh lia lịa, vừa tò mò nhìn quan sát các phòng giam. Luce hỏi một người có mặt đầu đó bằng tiếng Việt rồi tường thuật với Phái Đoàn, những trái chanh đựng trong cái chậu đặt trên lối đi nhỏ kia là dùng để quăng cho các tù nhân khi họ kêu gào bị đói hay khát nước. Phái Đoàn hỏi ông Quản Đốc trại giam tháp tùng, ông ta trả lời, những trái chanh ấy dùng để làm sạch những bức tường trắng của trại giam và công việc ấy đang làm dở dang.

Luce cũng tường thuật rằng nhiều tù nhân bị bại liệt vì bị hành hạ khi tra tấn, bị đánh đập bằng những thanh sắt. Sinh viên Cao Nguyên Lợi thì báo cáo tù nhân trong phòng giam phải buộc uống nước tiểu khi khát, còn Quản Đốc nhà giam cho biết mỗi tù nhân được phát hai lần nước uống mỗi ngày.

Những bức ảnh do Harkin chụp, kèm theo những lời

kết án buộc tội, khi tung ra trước công luận Hoa Kỳ, Thiệu trở thành đầu mối của một sự nguyên rủa. Chúng có đã rõ ràng, mọi người tin như vậy. Thiệu đã trở thành kẻ phản lại dân chủ, không đáng để Hoa Kỳ hỗ trợ.

Khi phổ biến trên tạp chí *Life Magazine*, những bức ảnh của Harkin như đào sâu dưới lòng đất, cách diễn đạt chuồng cọp. Ngày 11 tháng 7 năm 1970 tờ *Washington Post* dựa vào những hình ảnh và mô tả của Harkin để viết bài “Những người tù trong các hầm”. *Newsweek* mô tả những phòng giam đó như là những chiếc cũi bằng sắt và kèm theo một thanh sắt để đánh đập tội nhân.

Những điều Harkin đưa ra đã làm chấn động giới truyền thông. Tờ *Washington Post* kết luận, Hoa Kỳ đã ủng hộ một chính phủ quân phiệt tàn bạo do Thiệu lãnh đạo. Hình ảnh một nhà độc tài nơi Thiệu càng ngày càng ấn đậm vào những người Mỹ kể cả những người vốn kiên nhẫn, điều mà Hà Nội mơ ước nhưng không thực hiện được tại xứ này.

Viên Cố Vấn Hoa Kỳ về các trại giam cũng tháp tùng với Phái Đoàn trên, sau này nói với Tòa Đại Sứ rằng ông ta đã nghe Tom Harkin nói với Don Luce: “Xem như chúng ta đã có trong tay tài liệu, bây giờ thì viết thành sách”.

Trong năm 1984, Tom Harkin đã đắc cử vào Thượng Viện Hoa Kỳ tại Tiểu Bang Iowa. Và cũng chẳng ai còn nhớ tại sao ông ta đã dựng đứng lên câu chuyện bắt đầu từ những tin tức sai lệch do cộng sản cung cấp là vụ chuồng cọp.

Đáp lại sự kết án của Phái Đoàn Quốc Hội, một Phái Đoàn Y Sĩ Hoa Kỳ trực tiếp đến khám nghiệm 116 tù nhân tại Côn Sơn, mà theo lời khai, họ đã bị các lính canh

gác trại giam hành hạ và đánh đập thể xác. Hầu hết các tù nhân khi khám nghiệm đều khai đôi chân họ không có cảm giác, tê liệt vì bị đánh bằng những thanh sắt, bằng tay chân và bị bỏ đói. Nhưng theo các Bác Sĩ chẩn đoán những tù nhân ấy không mất sự kiểm soát về đường tiểu tiện, không có chứng cứ nào chứng tỏ lương thực hàng ngày của họ có chất độc, các khớp xương ở tay, đầu gối, mắt cá chân cử động bình thường. Họ mất cảm giác ở lớp da đùi nhưng đôi chân vẫn cử động và di chuyển khi họ leo lên bàn nằm để khám hoặc khi thay quần áo. Toán Y Sĩ trên kết luận, các tù nhân đã khai báo không xác thực.

Một nhà lãnh đạo Việt Nam đã có lần thực sự ném kẻ thù của họ giữa bầy cọp, nhưng đó là chuyện viết trong sách sử nước này vào Thế Kỷ 10. Trước khi Don Luce và Tom Harkin tới Côn Sơn đã có hai Cố Vấn Hoa Kỳ về trại giam đã có mặt tại đó, đã thanh tra các nhà giam và thấy không có vấn đề gì quá đáng. Những dãy nhà giam bị kết án là “chuồng cọp” không phải do chế độ Việt Nam Cộng Hòa xây, càng không phải Thiệu xây mà có từ thời Pháp thuộc, trước rất lâu khi Thiệu làm Tổng Thống Miền Nam. Có hơn 8.000 tù nhân bị giam giữ trên đảo thì khoảng 400 người bị giam trong khu gọi là “chuồng cọp” nhưng trung bình chỉ có từ 200 tới 300 thôi. Những tù nhân khác sống trong những dãy nhà một tầng. Và nếu họ được tin tưởng thì Quản Đốc trại giam có quyền cho họ sống tự do hơn trong những túp lều hoặc những căn nhà nhỏ.

Thông thường thì khu “chuồng cọp” là để giam những tù nhân vi phạm kỷ luật, cần bị cô lập một thời gian. Một cách thẳng thắn có thể nói, những buồng giam ở khu

“chuồng cọp” có chật hẹp, lương thực dành cho tù nhân có thiếu phần dinh dưỡng và phương tiện vệ sinh cũng không đúng tiêu chuẩn.

Khi Dân Biểu Phillip Crane thăm viếng “chuồng cọp” vào cuối tháng 7 để quan sát tại chỗ những điều mà Luce và Harkin đã nêu ra, trở về ông ta vội vàng kết luận, những điều mà Luce và Karkin tường trình đã hoàn toàn sai sự thật. Mặc dù vậy những tổn thất về mặt chính trị của Thiệu và chính phủ của ông ta đã trở nên sự đã rồi.

Một vấn đề khác chẳng liên hệ gì đến Thiệu nhưng cũng làm hình bóng người lãnh đạo một Đồng Minh của chúng ta càng thêm lu mờ. Đó là việc xảy ra do sự thiếu huấn luyện, lãnh đạo kém và chìm ngập trong cơn hỗn loạn. Toán Vệ Binh Quốc Gia Hoa Kỳ đã nổ súng vào khuôn viên Trường Đại Học Kent thuộc Tiểu Bang Ohio làm thiệt mạng 4 sinh viên. Căm phẫn vì bị sát hại, sinh viên đã biểu tình tràn ngập các sân trường Đại Học. Cả sinh viên lẫn Giáo Sư đều đòi hỏi chính phủ phải chấm dứt chiến tranh kể cả việc để mặc Hà Nội xua quân chiếm trọn Miền Nam. Không có một chính quyền nước ngoài nào can dự hoặc tán đồng việc bắt giết những công dân vô tội Hoa Kỳ. Thế nhưng quyền lãnh đạo của Thiệu đối với đất nước của ông ta lại trở nên điều không thể chấp nhận được do những ấn tượng sai lệch của rất đông người Mỹ.

Sinh viên Trường Đại Học Kent đã chống lại sự tấn công của Quân Đội Hoa Kỳ vào lãnh thổ Cam Bốt. Tổng Thống Nixon đã ra lệnh tấn công, đó chỉ là vấn đề lý thuyết, nhưng thực tế, vì từ lâu đất nước trung lập này đã bị Miền Bắc Việt Nam xâm phạm chủ quyền ở vùng đất biên giới giáp ranh giữa Cam Bốt và Việt Nam. Hà Nội đã

sử dụng Cam Bốt làm căn cứ để xâm lăng Miền Nam, do đó vấn đề Cam Bốt trở thành chiến trường là hậu quả tất yếu do Hà Nội gây ra.

Đường mòn Hồ chí Minh kéo dài đến tận Vùng Đông Bắc của Cam Bốt. Lương thực, vũ khí, đạn dược tiếp liệu cho quân đội Bắc Việt ở Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long đã qua ngã này thay vì vận chuyển bằng tàu qua Cảng Kompong Som như trước đó. Các đơn vị cộng quân lần tránh chiến dịch hành quân lòng và diệt của Hoa Kỳ cũng bằng cách rút về ẩn trú bên phần đất Cam Bốt. Hà Nội chỉ có một cách duy nhất để có thể đánh bại Tổng Thống Johnson và tìm lấy sự chiến thắng sau cùng, đó là sử dụng con đường mòn Hồ chí Minh.

Ra lệnh lực lượng Bộ Binh tấn công các đơn vị cộng quân trú đóng tại phần đất Cam Bốt, Tổng Thống Nixon đã nâng cao tinh thần chiến đấu của Quân Đội Miền Nam Việt Nam. Chương Trình Bình Định đã hoàn tất tại Vùng Cửu Long và Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh có thể tiến hành mà không e ngại các đại đơn vị Bắc Việt trong tương lai gần có thể mở các đợt tấn công vào các khu vực chung quanh Sài Gòn.

Nhưng, cũng giống như những gì đã xảy ra sau vụ tấn công vào dịp Tết Mậu Thân 1968, sự thành công về mặt quân sự tại Đông Dương cũng không vừa ý với chính trị tại Washington. Nghị Sĩ Vance Hartke thuộc Tiểu Bang Indiana đã lớn tiếng cho rằng khi Tổng Thống Nixon cho lệnh hành quân qua lãnh thổ Cam Bốt “là một hình thức tuyên chiến với Thượng Viện”.

Nghị Sĩ Fullbright, người đã từng vận động đưa ra dự thảo luật nhằm hạn chế quyền hạn của Tổng Thống sử

dụng lực lượng quân sự tại hải ngoại đã cảnh cáo: “Tiếp theo là một cuộc nội chiến, cuộc khủng hoảng nghiêm trọng về hiến pháp mà chúng ta phải đối phó”.

Ngày 30 tháng 6, Thượng Viện đã biểu quyết với tỷ số 58/37 chấp thuận Tu Chính Án Cooper-Church nhằm ngăn cản Tổng Thống Nixon không được sử dụng Quân Đội Hoa Kỳ tại Lào và Cam Bốt.

Cùng lúc ấy, Nghị Sĩ George McGovern, Dân Chủ và Mark Hatfield, Cộng Hòa đã đệ nạp một dự luật nhằm ngưng mọi hoạt động của Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam vào cuối năm 1970 và rút toàn bộ Quân Đội về nước vào giữa năm 1971.

Viện thăm dò Gallup vào giữa năm 1970 cho biết, phần lớn dân chúng đều muốn Quân Đội Hoa Kỳ về nước tất cả vào tháng 7 năm 1971. Với sức mạnh toàn diện được tăng cường từ phía quan điểm của dân chúng và của Quốc Hội Hoa Kỳ muốn tháo chạy ra khỏi cuộc chiến Việt Nam, đã giúp cho Hà Nội chấm dứt chiến tranh theo sự đòi hỏi của họ. Nỗ lực tấn công vào những sào huyệt của cộng quân ở bên kia biên giới, biến thành những thuận điểm để Quốc Hội buộc Tòa Bạch Ốc phải đơn phương rút quân ra khỏi cuộc chiến Việt Nam.

Với trận Tết Mậu Thân, Hoa Kỳ đã có nhãn quan sai lệch về kẻ đã bị đánh bại, với cuộc hành quân sang lãnh thổ Cam Bốt hai năm sau đó, do cảm tình từ vụ thảm sát ở Đại Học Kent, Hoa Kỳ đã quyết định từ bỏ mục tiêu cao cả của chính mình là bảo vệ nền tự do của Miền Nam Việt Nam. Cuộc chiến Việt Nam đã trở thành vấn đề thích hay không thích đối với dân chúng Hoa Kỳ.

Suốt trong năm 1970, Thiệu đã thực hiện nhiều sự

kiện quan trọng và thành công, đúng như sự mong muốn của chính phủ Hoa Kỳ. Chẳng hạn, ngày 26 tháng 3 năm 1970, Thiệu đã bắt đầu thực hiện Chương Trình Cải Cách Ruộng Đất.

Sau khi được Quốc Hội thông qua, Tổng Thống Thiệu đã tổ chức một buổi lễ long trọng tại Cần Thơ, Thủ Đô của Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, để ký ban hành luật này. Đó là một ngày hội lớn cho mọi người tham dự, nhưng với Bunker thì đó lại là một ngày đáng để cho ông ghi nhớ vì tính truyền thống của dân tộc Việt Nam đã thể hiện qua ngày lễ đó.

Qua luật này, 50 phần trăm ruộng lúa của các địa chủ đã được phân chia cho nông dân, những người thực sự canh tác. Tiếp theo ba năm sau, khoảng 3 triệu mẫu ruộng đã phát không cho khoảng 953 ngàn nông dân. Các cựu điền chủ được bồi thường 2,5 lần so với tổng số thu hoạch hàng năm theo thường niên họ có và trả từng định kỳ trong 10 năm bằng công khổ phiếu.

Nếu một trong những chủ điểm để tạo nên cuộc chiến Việt Nam là sự mâu thuẫn giữa tá điền và điền chủ do cộng sản đề ra, thì qua Luật Cải Cách Ruộng Đất, chính Thiệu đã san bằng sự bất công ấy chứ không phải việt cộng.

Tháng 3 năm 1970, cuộc đời tôi cũng rẽ qua một khúc quanh quan trọng. Trong một ngày được chọn lọc theo truyền thống Việt Nam, tôi đã làm lễ thành hôn với cô Phạm Thị Hòa. Theo tập quán và phong tục cổ truyền, sau khi làm lễ ở nhà nàng, cô dâu lên xe hoa về nhà chú rể. Mà nơi tôi ở lúc đó lại là tư gia của Phó Đại Sứ. Và đúng vào thời điểm ấy, thân phụ tôi ngã bệnh bất ngờ phải vào bệnh viện, mẹ tôi phải lo chăm sóc cho ông,

thành thử cả hai người đều không thể sang Sài Gòn dự lễ cưới của tôi. Do vậy, Bác Sĩ Trần Văn Đỗ, bạn của ba tôi và cũng là của Phó Đại Sứ Sam Berger, đứng ra đại diện cho chàng trai.

Khi tôi và Hòa chuẩn bị làm đám cưới thì cũng vào thời điểm ấy tình hình chính trị tại Thủ Đô Nam Vang của Cam Bốt gần như trở nên một cuộc nội chiến. Đầu tháng 3 năm 1970 giới quân sự và các nhà lãnh đạo chính trị dân sự đã bất bình về sự thiếu khôn ngoan và thiếu khả năng lãnh đạo của Thái Tử Sihanouk. Ông đã cho phép người ông ủy quyền trong khi ông công du ngoại quốc, được ký hòa ước thương mại với Hà Nội.

Theo thỏa ước này, Hà Nội có khả năng tiếp liệu các đơn vị của họ đang ẩn náu trong những vùng quanh ngoại ô Sài Gòn và Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, qua Cánh Kompong Som tại Cam Bốt, điều đó có nghĩa là Hà Nội có khả năng duy trì cuộc chiến về lâu dài. Cuộc chiến tại vùng cực Nam Miền Nam Việt Nam không còn ý nghĩa một cuộc chiến tranh du kích do tự phát của dân chúng mà đã trở thành một cuộc chiến tranh xâm lược do bộ chính trị cộng đảng Việt Nam từ Hà Nội điều khiển với những nguồn vũ khí và tiếp liệu từ các nước cộng sản.

Vì thế, ngày 13 tháng 3 năm 1970, chính phủ Cam Bốt đã ra lệnh cho Bắc Việt lẫn việt cộng trong vòng hai ngày họ phải rút quân đội của họ ra khỏi lãnh thổ Cam Bốt. Với tình hình đất nước khó khăn như thế, thay vì phải trở về Thủ Đô để lo giải quyết, Sihanouk lại tiếp tục công du Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh. Vì thế Quốc Hội Cam Bốt tại Nam Vang đã bỏ phiếu truất quyền Nguyên Thủ Quốc Gia của Sihanouk.

Trước hết, Ellsworth Bunker không nghĩ là tình hình Cam Bốt lại chuyển đổi một cách lẠc quan như vậy. Nhà lãnh đạo mới của Cam Bốt là Tướng Lon Nol đã chính thức thăm viếng Sài Gòn, điều mà không bao giờ Sihanouk thực hiện trước đó.

Theo Bunker, Lon Nol không muốn liên minh với Hoa Kỳ lẫn Miền Nam Việt Nam mà chỉ muốn giữ nguyên trạng thái Cam Bốt là một quốc gia trung lập và các lực lượng ngoại quốc phải rút ra khỏi lãnh thổ của ông ta. Bunker nghĩ, có lẽ đây là điểm thuận lợi nhất để Hoa Kỳ có thể chính thức đưa ra những hành động chống lại việc Bắc Việt sử dụng bất hợp pháp lãnh thổ Cam Bốt, để tạo cuộc xâm lăng vào Miền Nam Việt Nam.

Bunker đã trình bày với Tổng Thống Nixon quan điểm ấy và thêm rằng tình huống của Cam Bốt có thể chuyển hướng để trở thành một cuộc nội chiến và trong trường hợp ấy thì vai trò của Hoa Kỳ sẽ khó khăn hơn nhiều. Bởi lẽ phe cộng sản sẽ kiểm soát dọc biên giới Việt-Miền hay có thể chiếm cả nước Cam Bốt, chừng ấy Hà Nội được hoàn toàn tự do dùng Cam Bốt làm địa bàn để duy trì cuộc chiến Miền Nam Việt Nam về lâu về dài.

Thiệu cũng đã nhìn thấy nguy cơ này và khuyên Lon Nol hãy cố duy trì Cam Bốt là một quốc gia trung lập, tránh dùng chiêu bài chống cộng quá cực đoan.

Hà Nội đã nhìn thấy Lon Nol là một trở lực đáng ngại trong mưu đồ cuộc chiến của họ. Họ đã ra lệnh các đơn vị của họ trú đóng tại phần đất Cam Bốt di chuyển về hướng Tây rồi bất thần tấn công vào lực lượng của Lon Nol tại các Thành Phố hoặc các vùng do Quân Đội Lon Nol đang kiểm soát. Quân Đội Miền Nam Việt Nam bắt

buộc phải mở các cuộc hành quân vào lãnh thổ Cam Bốt để cứu lực lượng của Lon Nol.

Vào tháng 4, nhằm chống lại Lon Nol, Sihanouk tuyên bố công khai liên minh với Hà Nội và lực lượng Khmer đỏ của Pol Pot. Chính sự liên minh này, phải chăng đã tạo cho Pol Pot củng cố con đường quyền lực và dẫn đến hậu quả tất yếu là vài triệu người Cam Bốt bị sát hại những năm sau đó khi Pol Pot nắm quyền.

Cho dù một Cam Bốt tự do đã tồn tại để chống lại cộng sản lâu dài nhưng chung cuộc vẫn là một bài học buồn thảm đối với Bunker. Một lần, trong năm 1972, khi Hà Nội mở các cuộc tấn công tại Miền Nam Việt Nam, Bunker đã nói với vị Đại Sứ Cam Bốt tại Sài Gòn là chính phủ Nam Vang nên có những phản ứng tích cực hơn. Ông Đại Sứ Cam Bốt nhún vai và trả lời: “Ồ! Ông Đại Sứ, ông không hiểu đâu. Việt Nam là người Đức còn chúng tôi là người Ý”.

Không can đảm giải quyết, Bunker nghĩ, mọi việc sẽ tiếp tục ở tình huống nguyên trạng. Quả thật, tất cả mọi việc của Cam Bốt vẫn không thay đổi, ngoại trừ sự độc lập của họ đã thay đổi. Những người Quốc Gia Cam Bốt đã bị sát hại và bị đánh bại.

Ngày 24 tháng 4 năm 1970 Bunker đã khuyến cáo Nixon là Hoa Kỳ phải có hành động mạnh cần thiết trong trường hợp chính quyền của Lon Nol bị lực lượng cộng sản đe dọa. Vào cuối tháng ấy, Tòa Bạch Ốc đã tham khảo ý kiến về kế hoạch trên. Tướng Abrams và Đại Sứ Ellsworth Bunker đều đề nghị Quân Đội Hoa Kỳ phối hợp với Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa mở các cuộc hành quân vào lãnh thổ Cam Bốt. Bunker nghĩ rằng Washington đã có

những phản ứng quá chậm, quá lâu trong cách giải quyết tình huống này.

Tổng Thống Nixon đã đồng ý với Tướng Abrams và Bunker, vấn đề quan trọng là phải bẻ gãy việc Hà Nội dùng phần đất Cam Bốt. Nếu khống chế được, lực lượng việt cộng sẽ không còn hậu cứ để ẩn náu và mở các cuộc tấn công vào các Tỉnh chung quanh Thủ Đô Sài Gòn. Và về lâu dài, gánh nặng hỗ trợ cho Quân Đội Miền Nam Việt Nam cũng sẽ giảm đi. Lực lượng quân sự địa phương của Miền Nam Việt Nam tại các Tỉnh dễ dàng chế ngự được các lực lượng du kích của cộng quân, trong khi ấy các Sư Đoàn 5 và 18 của Việt Nam Cộng Hòa rảnh tay để khóa chặt sự thâm nhập của cộng quân dọc vùng biên giới Miền-Việt.

Lực lượng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục về nước mà Quân Đội Miền Nam không hề suy yếu. Một cách tổng quát, dùng lực lượng quân sự Bộ Binh để tấn công cộng quân sang lãnh thổ Cam Bốt là một chiến lược cần thiết

Cuộc hành quân sang ven biên Cam Bốt được bắt đầu từ ngày 29 tháng 4 năm 1969 và Hoa Kỳ chỉ đóng tại đó đến ngày 22 tháng 7. Miền Nam Việt Nam gửi tăng cường thêm 3 Trung Đoàn lưu động, tràn sang biên giới và đổi chiến thuật, tiến thẳng về hướng Bắc. Quân đội cộng sản bị bất ngờ tấn công nên hỗn loạn. Tiếp tục các đơn vị Nhảy Dù của Miền Nam Việt Nam tiến vào Cam Bốt với một hướng khác. Nhưng các trực thăng Hoa Kỳ không đủ khả năng tiếp liệu cho các đơn vị Miền Nam Việt Nam. Thoạt đầu, các đơn vị Miền Nam có gặp trở ngại về mặt tiếp liệu, nhưng sau đó, họ đã tự tổ chức tiếp liệu bằng đường bộ nên những trở ngại trên đã vượt qua. Quân

Đội Miền Nam đã nhanh chóng kiểm soát dọc theo Sông Mekong từ biên giới Miên-Việt đến Thủ Đô Nam Vang của Cam Bốt.

Với kế hoạch thần tốc để bám sát cuộc rút lui của các đơn vị cộng quân, và với khả năng tác chiến rất cao của các sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, họ đã gây thiệt hại cho cộng quân một cách đáng kể. Sau chiến dịch hành quân kết thúc, các đơn vị Miền Nam đã tịch thu nhiều chiến lợi phẩm trong đó có 2.092 tấn gạo, 552 tấn đạn dược. 4.926 cộng quân bị hạ tại chiến trường trong khi Miền Nam chỉ thiệt hại 31 thiết vận xa, 6 xe tăng M41, 25 xe GMC và mất có 24 vũ khí cá nhân. Đây là một chiến thắng lớn, rất quan trọng.

Kỳ, trong bộ áo bay đã hướng dẫn chuyến bay đầu tiên vào Cam Bốt. Kỳ khoan khoái nói trước hàng quân: “Bây giờ chúng ta có thể tự tin. Các đơn vị địch quân đã do chính chúng ta hủy diệt”.

Một Đại Tá Quân Đội Miền Nam Việt Nam hành quân tại Cam Bốt không phải là điều dễ dàng. Vào giữa tháng 6, Bunker nêu ra cho Thiệu thấy những khó khăn mà Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa sẽ phải đối đầu tại đó. Thiệu cũng nhìn thấy nhưng chưa sao giải quyết được, ông ta e ngại lực lượng Quân Đội của chính quyền Lon Nol. Lực lượng quân sự của Miền Nam Việt Nam trong tương lai không thể đủ khả năng chiến đấu với cộng quân để giúp Cam Bốt, để đẩy cuộc chiến ra xa biên giới Việt Nam được. Vì thế Thiệu đã đề nghị với Lon Nol hãy rút về và củng cố bảo vệ khu vực Miền Nam của Cam Bốt. Ông ta nghĩ, Lon Nol phải chuẩn bị một kế hoạch cho một cuộc chiến tranh lâu dài và tự tổ chức việc phối trí dân chúng

theo cách phát triển làng xã và bình định giống Miền Nam Việt Nam. Để có thể chiến thắng cộng sản, Thiệu thảo luận với Lon Nol, Cam Bốt nên theo hình thức của Sài Gòn, củng cố guồng máy chính quyền địa phương và tách rời các đơn vị Miền cộng ra khỏi khu vực dân chúng, đó là một yếu tố cần thiết đưa đến sự ổn định.

Nhưng Lon Nol không chấp nhận quan điểm của Thiệu vì cho rằng thực hiện Chương Trình Bình Định theo kiểu Việt Nam sẽ trở thành lý do để Pol Pot và cộng sản Việt Nam càng thêm chống phá.

Cuộc hành quân sang Cam Bốt đã mở ra viễn tượng cho một tình hình tương lai sáng sủa hơn mặc dù có sự chống đối tại Hoa Kỳ. Việc khóa chặt Hải Cảng tại Cam Bốt đã chặn đường tiếp tế cho các đơn vị cộng quân tại Vùng Cửu Long. Cùng với sự tịch thu các kho vũ khí và lương thực do Quân Đội Miền Nam Việt Nam không còn khả năng mở ra các cuộc hành quân lớn trên lãnh thổ phía Nam.

Cũng từ hậu quả của cuộc hành quân sang Cam Bốt đã buộc Hà Nội phải rút 8 trung đoàn lưu động của họ ra khỏi Nam Việt Nam. Suốt trong tháng 7 năm 1970, không có một tiền đồn nào tại Miền Nam bị tấn công hay bị tràn ngập. Dân chúng sống trong vùng kiểm soát của Sài Gòn đã tăng lên 92 phần trăm. Kể cả tạp chí *Newsweek* cũng phải viết rằng tình hình chiến sự của phe Đồng Minh tốt nhất kể từ năm 1965.

Pol Pot, vào cuối năm 1979, sau khi tách rời khỏi quỹ đạo của Hà Nội, đã đưa ra những tài liệu, qua đó cho chúng ta xác định những phân tích của Bunker khi yêu cầu mở cuộc hành quân sang lãnh thổ Cam Bốt trước đó

là hoàn toàn đúng. Bộ Trưởng Ngoại Giao của Pol Pot đã phổ biến một bạch thư trong đó có phần: “Trong năm 1970, số quân việt cộng có mặt trên lãnh thổ Cam Bốt lên từ khoảng 1,5 triệu tới 2 triệu (Điều này có nghĩa, kể từ khi liên minh chính trị Sihanouk-Pol Pot-Hà Nội hình thành, con số việt cộng có mặt tại Cam Bốt gia tăng nhanh chóng so với hồi Sihanouk trước đó). Phần lớn ủy viên trung ương đảng (cộng sản Việt Nam) đã sống tại vùng Đông-Bắc của Cam Bốt. Và một ủy ban đặc trách vấn đề Miền Nam Việt Nam đặt bản doanh tại Memot, Miền Đông Cam Bốt”.

Pol Pot cũng cho biết lực lượng quân sự Hà Nội nhận đồ tiếp tế qua Cảng Kompong Som, mỗi tháng bằng số lượng 3 năm nếu vận chuyển qua đường mòn Hồ chí Minh. Khi cuộc hành quân sang biên giới Cam Bốt được tiến hành, theo báo cáo cũng của Pol Pot, khoảng 10.000 cán bộ việt cộng đã phải trốn ra khỏi Miền Nam Việt Nam chạy sang Cam Bốt, và bộ chỉ huy tối cao của Hà Nội đặc trách về chiến tranh tại Miền Nam Việt Nam đã phải bỏ Miền Nam để chạy về Miên, trú đóng tại Quận Prek Prasap Miền Bắc của Cam Bốt thuộc Tỉnh Stung Treng, khá xa nơi hành quân của lực lượng Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam.

Cũng theo tài liệu của Khmer đỏ này cho biết, Lê Duẩn lúc bấy giờ đứng đầu quyền lực ở Hà Nội, cho Pol Pot biết do hậu quả cuộc hành quân sang lãnh thổ Cam Bốt, cộng sản Việt Nam không còn nơi chốn an toàn nào bên trong lãnh thổ Miền Nam Việt Nam và cũng không còn dân chúng để tiếp tế lương thực của họ.

Tại Miền Nam Việt Nam, vấn đề thực thi dân chủ trong

năm 1970 đã tiến hành khả quan. Các cuộc bầu cử Hội Đồng Xã, Hội Đồng Tỉnh và 1/2 Thượng Viện đã được tổ chức. Cơ hội này đã tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể chính trị đưa những người có khả năng ra tranh cử vào các chức vụ dân cử.

Nhưng cũng chính vấn đề dân chủ này đã tạo nên sự rạn nứt giữa các đảng phái chính trị trong tổ chức của Thiệu. 6 đảng trong Mặt Trận Dân Chủ Xã Hội Quốc Gia của Thiệu đều muốn đưa liên danh 10 người ra tranh cử vào Thượng Viện. Trong khi chỉ có 3 liên danh được chọn. Việc 6 liên danh của 6 đảng trong liên minh của Thiệu đều ra tranh cử tất nhiên số cử tri thân chính quyền bị phân tán và hy vọng thắng cử trở nên mong manh. Thiệu áp lực, muốn 6 đảng chọn lựa số người để đứng chung liên danh tranh cử nhưng 6 đảng đều từ chối. Thiệu nói với Bunker rằng chỉ có liên danh của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến là lực lượng đối lập đáng ngại và có thể thắng cử. Thiệu không tin liên danh của khối Phật Giáo đấu tranh có đủ phiếu để thắng.

Tại các địa phương, những cuộc bầu cử lần đầu tiên vào năm 1967 nay đã hết nhiệm kỳ và chuẩn bị bầu lại. Cuộc tranh cử lần thứ hai này thật cảm động. Các Cán Bộ áo đen, những Quân Nhân đã xuất ngũ và những thanh niên trẻ để khỏi bị động viên, tất cả đều ghi danh ra tranh cử. Tôi đã viếng thăm nhiều địa phương, kể cả Vĩnh Long nơi tôi từng phục vụ, ở đâu tôi cũng thấy được những người ra tranh cử đều hăng hái và đầy nhiệt huyết, giống như ước mơ của tôi mong muốn thực hiện khi đến xứ này.

Chiến lược củng cố chính quyền địa phương của chúng

ta gần như thực hiện gần hoàn tất. Những người lãnh đạo dân cử tại xã ấp ngày càng có thực quyền, ngày càng có uy tín với dân chúng và họ đã huy động được dân chúng thuộc địa phương họ tham gia vào những công tác nhằm bảo vệ những lợi ích chung hoàn toàn với tính chất tự do và dân chủ. Chính vì thế mà sự tuyên truyền của các cán bộ việt cộng ngày càng trở nên lu mờ trước thực tiễn cuộc sống ổn định và an ninh của họ. Các đảng phái chính trị người Việt Quốc Gia cũng như các cơ sở tôn giáo đã vì thế phát triển nhanh chóng.

Sau cuộc bầu cử Hội Đồng Tỉnh và Thành Phố, Bunker đã gặp lại Thiệu. Vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam tỏ ra phấn khởi, cho Bunker biết cuộc bầu cử vừa qua đã diễn ra tốt đẹp ngoài sự ước tính của ông ta. Với 282 thành viên đã đắc cử trên tổng số 500 ứng cử vào Hội Đồng Tỉnh và Thành Phố đều nằm trong các tổ chức thuộc 13 đảng phái chính trị hay tôn giáo.

Các sắc dân thiểu số ở Vùng Cao Nguyên đã có 26 người đắc cử vào Hội Đồng Tỉnh, người Việt gốc Cam Bốt có 7, người Việt gốc Chăm có 2. Về tôn giáo, khối Phật Giáo tranh đấu, phần lớn ở Miền Trung, thắng 30 ghế, Công Giáo thuộc Nhân Xã đảng thắng 36, Hòa Hảo 28 và Cao Đài 12.

Các đoàn thể chính trị: Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến thắng 27 ghế, Đại Việt 26, Việt Nam Quốc Dân Đảng gồm nhiều hệ phái, tổng cộng được 41 ghế.

Kết quả trên đã giúp Bunker xác định được những thành phần đối lập Thiệu không chỉ hoạt động tại Sài Gòn mà ngay tại các địa phương, họ không hề bị phe thân Thiệu chèn ép.

Một ý nghĩa to lớn khác mà Bunker đáng ghi nhận, đó là sự tham gia của khối Phật Giáo đấu tranh qua cuộc tranh cử vào Hội Đồng Tỉnh. Sự có mặt của họ trong nếp sinh hoạt chính trị tại địa phương là một nhu cầu cần thiết và khẳng định được sự đóng góp của lực lượng này vào công cuộc bảo vệ chung của Miền Nam Việt Nam.

Qua những thống kê do các cuộc bầu cử mang đến, Ellsworth Bunker thấy được sự có mặt của các tổ chức chính trị qua các cuộc bầu cử đã xác định tiến trình dân chủ tại Miền Nam Việt Nam tuy chậm nhưng thực tiễn, từng ngày được phát triển. Điều đó khác xa với cách nhìn của giới trí thức Hoa Kỳ bởi lẽ sự hiểu biết của họ dựa trên những sự kiện thiếu trung thực do giới truyền thông cung cấp.

Trước ngày bầu cử Hội Đồng Tỉnh, tôi đã mời một phóng viên của tờ *Washington Post* cùng tôi đến Vĩnh Long. Tôi đưa anh ta đến các địa phương rồi đến Quận Vũng Liêm để nghe và để xem các cuộc vận động tranh cử tại đây. Anh ta hài lòng và viết một bài phóng sự khá dài để phản ánh công cuộc tranh cử tự do đó. Chủ nhiệm tờ báo ở Washington xem rồi cắt xén đi chỉ còn vài cột ngắn. Đã thế lại đăng vào trang thứ 8, thành thử không mấy ai chú ý. Trong khi những loại tin Việt Nam như biểu tình, những lầm lẫn của nhân viên chính quyền thì được đăng ở trang đầu.

Để chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống vào mùa Thu năm tới, 1971, ngày 5 tháng 7 Bunker đã tiếp xúc với đối thủ chính trị của Thiệu là Tướng Big Minh. Ông ta đang chuẩn bị kế hoạch ra tranh cử năm tới. Ellsworth Bunker hy vọng cuộc tranh cử của Minh diễn ra một cách công

bằng, bất bạo động và hợp hiến pháp. Đồng thời giữa cuộc tiếp xúc này Bunker muốn tìm hiểu quan điểm cùng những nhận định chính trị của Big Minh.

Sau cuộc tiếp xúc, Bunker hoàn toàn thất vọng về những nhận định của vị Tướng lãnh này. Những ý kiến Minh nêu ra thực mơ hồ và không tưởng, chỉ nhằm đả kích Thiệu ở mặt này hay mặt khác. Khi Minh phê bình chánh sách của chính phủ Sài Gòn, một chánh sách trong đó Hoa Kỳ cố gắng giúp thực hiện thì Bunker giải thích với Minh về đường lối của chính phủ Hoa Kỳ liên quan đến chính phủ Sài Gòn ra sao, nhưng khi Minh nói về những nhận xét cá biệt của Minh thì Bunker chỉ ngồi lặng thinh lắng nghe mà không có ý kiến.

Minh là người có thể liên hiệp với những người cộng sản trong khi Thiệu thì hoàn toàn trái ngược. Nhưng Minh lại không nêu ra những suy nghĩ tại sao ông lại cần phải liên hiệp và bằng cách nào khi liên hiệp với Minh có thể vận động để hoàn tất chức năng mà ông đã được trao phó và ủy thác.

Trong lần trao đổi đầu tiên ấy, Minh đã không để lại cho Bunker một ấn tượng đặc biệt nào về con người của ông, ngoài suy nghĩ, Minh không phải là loại người làm nên những chuyện quan trọng, ngoại trừ ông để cho những sự kiện ấy lợi dụng ông, trở thành hiện thực.

Sau cuộc gặp gỡ không có gì hào hứng với Big Minh thì kết quả cuộc bầu cử vào Thượng Viện vào cuối tháng 8 đã chính thức được chính quyền Miền Nam công bố. 30 ghế tại Thượng Viện đã được 160 ứng cử viên tranh giành, một tỷ lệ khá gay go. Đúng như Thiệu và Khiêm đã dự đoán với Bunker hôm 17 tháng 7, ba liên danh đặc

cử một thuộc khối Phật Giáo đấu tranh, một thuộc liên danh thân chính quyền do một cựu Tướng lãnh thủ ủy, và liên danh thứ ba độc lập bao gồm khối Công Giáo ôn hòa. Các liên danh thuộc 6 đảng trong Mặt Trận Dân Chủ của Thiệu bị thất bại. Thiệu nói với Bunker vì họ không chịu đứng chung trong một liên danh.

Sự đắc cử của ba liên danh này vào Thượng Viện đã làm cân bằng các khuynh hướng chính trị ở các vùng, các sắc dân và các tôn giáo. Khối Phật Giáo đấu tranh đắc cử bao gồm một lãnh tụ của bộ lạc người Thượng ở Cao Nguyên, một nhân vật tiêu biểu cho Hòa Hảo và một người Việt gốc Chàm. Liên danh thân chính bao gồm 4 Nghị Sĩ người Công Giáo, một Cao Đài, một Hòa Hảo, một người thuộc dân tộc thiểu số và một người gốc Cam Bốt. Liên danh do Công Giáo bảo trợ bao gồm cả cựu ứng viên Tổng Thống và cựu Thủ Tướng Trần Văn Hương.

Trong ngày bầu cử, 65,4% cử tri ghi danh đã đi bỏ phiếu. Khối Phật Giáo dẫn đầu số phiếu và khối Công Giáo đứng hàng thứ ba. Ba liên danh Thiệu ủng hộ chỉ đắc cử được một.

Sau cuộc bầu cử, chính phủ của Thiệu, trước kia tại Thượng Viện đã có một sự hỗ trợ toàn diện, nay phải đối đầu với những liên danh đối lập và đặc biệt là khối Phật Giáo gồm 10 Nghị Sĩ mới đắc cử. Thế nhưng điều đó cũng có nghĩa, làm cán cân của giới lập pháp được cân bằng hơn.

Big Minh quyết định ra tranh cử. Bunker nói với Tổng Thống Nixon, làm lực lượng đối lập với Thiệu mạnh mẽ hơn trong năm 1971 và sẽ chỉ trích Thiệu xoay quanh những vấn đề xã hội và kinh tế do gánh nặng chiến tranh mà Hoa Kỳ đã trao trả.

Về phần Thiệu, ông ta cũng chuẩn bị cho việc tái tranh cử của ông ta. Với sự hỗ trợ ở các viên chức dân cử tại địa phương. Đầu tháng 9, Thiệu đã tổ chức một cuộc tiếp tân tại Dinh Độc Lập để chiêu đãi 537 người vừa đắc cử vào Hội Đồng Tỉnh.

Cuối tháng 11, Thiệu nói với Bunker về kế hoạch tái tranh cử của ông ta. Với sự hỗ trợ chính quyền như hiện trạng, Thiệu vững tin là ông ta sẽ thành công. Thiệu nói thêm, đầu vậy, ông ta vẫn tìm thêm sự ủng hộ của những Dân Biểu độc lập tại Hạ Viện kể cả những Dân Biểu tiêu biểu cho các tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo và Công Giáo. Thiệu cũng hy vọng sẽ có thêm phiếu từ các đảng như Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng, đảng Công Nông. Thiệu cũng có sự hỗ trợ của các sắc dân thiểu số như người Việt gốc Hoa, Cam Bốt, người Thượng Cao Nguyên. Sự thành công trong Chương Trình Bình Định, công cuộc Cải Cách Ruộng Đất và đời sống ổn định tại Miền Nam Việt Nam, càng giúp Thiệu vững tin vào việc tái tranh cử của ông ta.

Công việc thường ngày đối với Ellsworth Bunker trước kia quả là bận rộn, thích thú, nhưng trong thời điểm này lại có nhiều thay đổi, xáo trộn, vì phải dự nhiều buổi tiếp tân, dạ tiệc, điều này Bunker không mấy ưa muốn. Trái lại, thời điểm ấy, tôi lại bị dồn dập vì quá nhiều công việc. Những nghiên cứu để sửa đổi cơ bản về ngân khoản tài trợ cho địa phương trong năm 1971 về Chương Trình Bình Định và Phát Triển đòi hỏi tôi phải hoàn tất. Thế nhưng điều đó tôi lại hứng thú vì nhìn thấy cuộc chiến đấu gần đến chung cuộc. Miền Nam Việt Nam cuối cùng đã thắng được cuộc chiến tự vệ này.

Bước đầu sự cải cách của tôi quả là có trở ngại. Cơ quan quản trị công cộng thuộc Tổ Chức Phát Triển Quốc Tế của chúng tôi khuyến cáo cần thành lập một Ủy ban nghiên cứu để đưa ra kế hoạch nhằm thúc đẩy chính quyền tại địa phương thu thuế dân chúng một cách hiệu quả hơn, tăng hơn để dùng vào công tác phát triển, phần thiếu cơ quan mới tài trợ. Các Cố Vấn thuộc cơ quan quản trị này nghĩ rằng chính quyền địa phương chưa thu thuế đúng mức. Nhưng tôi đáp lại, đòi hỏi chính quyền địa phương thu thuế dân chúng một cách quá mức chỉ làm cho dân chúng xa rời địa phương. Cần thu thuế ở mức độ vừa phải và hợp lý.

Trong năm 1970 số thu hoạch mùa lúa tại Đồng Bằng Cửu Long đã giúp cho dân chúng có được 100 tỷ đồng tiền Việt Nam. Nhờ Chương Trình Bình Định, sự an ninh đã lan rộng nhanh chóng. Vấn đề canh tác do đó được phát triển. Rất ít số tiền dân chúng làm ra phải đóng thuế cho việt cộng và họ cũng đóng thuế cho chính quyền Miền Nam Việt Nam một khoản không đáng kể. Vì vậy đời sống dân chúng ngày càng thịnh vượng và sung túc hơn. Thế nhưng chính phủ vẫn thu về một khoản thuế quan trọng. Ủy Ban Quốc Gia đặc trách công cuộc quản trị tại địa phương đã có ngân khoản 10 tỷ đồng Việt Nam mỗi năm để điều hành.

Tôi đề nghị thuế có thể tăng từ từ hàng năm. Các viên chức chính quyền Miền Nam đặc biệt ông Bửu Viện thuộc Trung Tâm Phát Triển Bình Định cũng đồng ý và chia sẻ quan điểm của tôi.

Theo đề nghị, Giám Đốc Ngân Sách và Ngoại Viện đồng ý sẽ dành một ngân khoản bổ túc để giúp cho các địa

phương trong các Chương Trình Phát Triển của họ một khi ngân quỹ địa phương bị khiếm khuyết. Mỗi địa phương xã ấp sẽ có một trương mục tại Ty Tài Chánh Tỉnh. Tiền tại trương mục đó, một phần do quỹ từ Trung Ương tài trợ, phần khác do thuế thu từ địa phương. Do đó mà ngân khoản viện trợ của Hoa Kỳ dành cho chương trình này dễ dàng kiểm soát, thủ tục giấy tờ ít rườm rà hơn.

Mặt khác, Thủ Tướng chính phủ Miền Nam cũng đã thành lập một Ủy Ban đặc biệt để nghiên cứu trong vấn đề tăng thuế tại địa phương sao cho phù hợp trong tài khóa tới (1972) bù đắp vào việc ngân khoản viện trợ của Hoa Kỳ sẽ giảm xuống.

Sự quyết định tại địa phương trong công tác phát triển ngày càng chứng tỏ vững chắc hơn vì mỗi địa phương phối hợp với sự phát triển của chính họ, với sự duyệt xét và kiểm tra của Hội Đồng Tỉnh. Và đó cũng là kế hoạch do Colby đề nghị để nâng cao quyền lực chính quyền địa phương.

Song song với kế hoạch trên, một chương trình nhằm phát triển thêm lợi tức gia đình bằng cách đầu tư vào việc chăn nuôi gia súc hoặc trồng lúa giống tốt hơn. Tháng 7 năm ấy, Colby đã cung cấp cho tôi 400 triệu đồng tiền Việt Nam từ quỹ Bình Định để dùng vào chương trình này nếu Ngân Hàng Nông Nghiệp, và Bộ Phát Triển Nông Nghiệp Việt Nam đồng ý và đảm nhiệm. Theo tôi, ngân khoản trên không phải tài trợ hàng năm từ phía Hoa Kỳ mà chỉ nhằm mục đích giúp bước đầu để thực hiện kế hoạch, sau đó phía Việt Nam thu vốn về và tiếp tục hoạt động.

Ngân Hàng Nông Nghiệp Việt Nam và cả Cơ Quan Phát Triển đều e ngại chương trình tôi đưa ra vì sợ cho

vay khó có thể đòi nông dân trả lại. Họ đòi người vay phải có cái gì để bảo đảm.

Bắt đầu từ năm 1971, mọi dự án phát triển công cộng như đường sá, trường học, cầu cống... được phân phối ngân khoản về cho từng địa phương cùng với nguồn tài chánh mà địa phương dự trù thu hoạch. Điều đó có nghĩa, sự kết hợp giữa chính quyền và dân chúng ở địa phương chặt chẽ hơn, điều kiện chính trị ổn định hơn, và sự đề kháng với thành phần cộng sản hữu hiệu hơn.

Với sự đóng góp của Colby, tôi bắt đầu nghiên cứu và đưa ra chiến lược nhằm đối kháng chiến lược chiến tranh nhân dân của cộng sản. Xuất phát từ thực tiễn, những người ứng cử vào chính quyền địa phương thuộc nhiều nhóm khác nhau. Vấn đề tôi đưa ra là làm sao để các nhóm ấy cùng ngồi lại, thì đó là một sức mạnh về mặt xã hội, tôn giáo và cả chính trị. Quan điểm của tôi cũng dựa trên cơ sở nghiên cứu của Tocqueville, sự đóng góp của từng nhóm nhỏ trong xã hội sẽ tạo sự quân bình trong đời sống của Hoa Kỳ.

Những người bạn trong Tân Đại Việt cũng đồng ý quan điểm ấy. Giáo Sư Huy, nhà nghiên cứu về văn hóa, chính trị Việt Nam cũng cho rằng, ý kiến tôi nêu ra vốn tiềm ẩn đối với dân tộc Việt và chỉ cần khơi động lại nó sẽ biến thành một sức mạnh tổng hợp. Thế nhưng điều đó chính quyền lại không muốn vì cho rằng tạo ra nhiều nhóm dễ đưa đến sự rối loạn và chính quyền khó có khả năng để kiểm soát. Quan niệm ấy đã được bám rễ từ thời phong kiến Trung Hoa và nổi bật tại Việt Nam vào thế kỷ 19 dưới thời Nhà Nguyễn. Sau đó, chế độ thực dân Pháp càng nghi kỵ hơn nếu có nhiều nhóm hình thành.

Nhưng trong tiến trình để đưa đến sự dân chủ, việc hình thành nhiều nhóm mang nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau sẽ làm cuộc sống, xã hội trở nên đa dạng. Khi dân chúng tự chọn lựa và gia nhập vào các tổ chức chính trị dựa trên những quyền lợi kinh tế, tình cảm hay về chính trị thì mối quan hệ về mặt xã hội và chính trị giữa các nhóm và giữa họ trở nên khấm khít và rộng rãi hơn. Và đó cũng là yếu tố để thúc đẩy một chính quyền hoạt động hữu hiệu hơn.

Xuất phát từ suy nghĩ đó, tôi muốn có một kế hoạch làm thế nào để chính quyền không nhúng tay vào việc kiểm soát sự hoạt động của các nhóm được tham gia và đóng góp vào mục tiêu chung. Chính vì thế mà trong kế hoạch phát triển và Bình Định năm 1971 có đoạn ghi rõ: “Một thể chế tự do và dân chủ của Việt Nam Cộng Hòa không thể chấp nhận một chính sách độc đoán để cưỡng bức dân chúng phải đứng chung trong một tổ chức như các quốc gia độc tài. Trái lại, chúng ta phải khuyến khích dân chúng tự đứng trong các tổ chức theo ước vọng họ lựa chọn”. Các tổ chức quần chúng ở đây được xác định không phải là các tổ chức tôn giáo hay các đảng phái chính trị. Vị Tỉnh Trưởng được toàn quyền hợp thức hóa các tổ chức quần chúng, tách rời ra khỏi sự khống chế của Bộ Nội Vụ.

Bộ Tham Mưu của CORDS vẫn luôn mở các cuộc trắc nghiệm thăm dò để lượng giá những sự tiến bộ đích thật về các chương trình mang ra thực hiện tại địa phương. Những câu hỏi trắc nghiệm mới đã được điều chỉnh và soạn thảo do HES thực hiện. Do sự cải đổi đó, cuộc thăm dò mới có phần bi quan, khó khăn hơn. Thế nhưng sự

thăm dò ấy đã xác tín được sự đúng đắn và trung thực. Cộng sản vô phương phá hoại Kế Hoạch Bình Định, kế hoạch xã ấp thành công.

Bên cạnh cơ quan HES bây giờ lại có thêm một cơ quan thăm dò mới để thẩm định lại những kết quả thăm dò của HES. Cơ quan này là một tổng hợp của Viện Thăm Dò Harris và Gallup được mang tên là Pacification Attitude Analysis Survey viết tắt là PAAS. Được sự cộng tác với một hối chánh viên cao cấp chính trị của việt cộng, hai ông Ev Bumgardner và Frank Scotton, cả hai người đều có kinh nghiệm già dặn với người Việt và thông thạo Việt ngữ đã huấn luyện những Toán Việt Nam để thực hiện những cuộc phỏng vấn các gia đình Việt Nam tại các ấp, làng, xã. Sau đó phát triển dần đến các Tỉnh. Cuối cùng, cuộc thăm dò được thực hiện khắp cả Miền Nam Việt Nam.

Trong tháng 12 năm 1970, các Toán thăm dò PAAS đã thực hiện các cuộc phỏng vấn gồm 3.315 người dân các xã ấp, 12% cho rằng vùng họ đang sống quá an ninh, 67% cho rằng an ninh bảo đảm, 13% an ninh vừa phải, chỉ có 3,6% cho rằng thiếu an ninh. Những người được phỏng vấn bao gồm 7% học hết trung học, 8% có trình độ lớp 9, 11% tiểu học, 37% chỉ biết đọc và viết.

Nhận định về những hoạt động của đối phương, 16% cho biết cán bộ thu thuế hoặc tuyên truyền của việt cộng có thể hoạt động ban đêm gần làng họ đang sống, 40% cho biết không có hoạt động nào của địch quân trong làng họ, 9% nói việt cộng có xuất hiện chung quanh làng nhưng không thường xuyên và chỉ có 1,4% nói là việt cộng hoạt động thường xuyên trong vùng họ sinh sống.

Khi chương trình thăm dò PAAS thực hiện vào tháng 12, chỉ còn có 53 Tiểu Đoàn Quân Đội Mỹ tại Miền Nam Việt Nam so với 112 Tiểu Đoàn vào đầu năm 1969. Và kể từ mùa Thu năm ấy, cứ mỗi hai tháng mới có một cuộc hành quân do Quân Đội Hoa Kỳ thực hiện. Các Lực Lượng Nhân Dân Tự Vệ cũng đã được cung cấp 400.000 vũ khí. Lực Lượng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân cùng Nhân Dân Tự Vệ đã đảm nhận việc phòng thủ làng xã, đường sá và cầu cống. Trong khi ấy Lực Lượng Không Quân đã tăng lên 5 Sư Đoàn và Hải Quân đủ khả năng bảo vệ lãnh hải, chặn đứng sự thâm nhập của Hà Nội bằng đường biển.

SUỐT TRONG NĂM 1970 ĐÃ CÓ 32.000 VIỆT CỘNG HỒI CHÁNH

Cũng qua cuộc thăm dò của PAAS chỉ có 2% tin tưởng vào việt cộng có thể thắng cuộc chiến. Và cuối năm ấy, tổng hợp các cuộc điều tra giữa PAAS và HES cho thấy 95% dân chúng Miền Nam Việt Nam đã sống trong vùng được an ninh bảo vệ.

Cũng theo thống kê của PAAS cho tôi nhìn thấy kết quả 80% dân chúng nông thôn đã quan tâm đến Chương Trình Phát Triển Xã, Ấp, 25% đã tham dự vào chương trình và phần lớn dân chúng đều trả lời chính quyền địa phương có đủ quyền hạn để quyết định những chương trình phát triển tại địa phương.

Cuộc thăm dò tháng 12 đã cho phép Bunker lượng giá đúng đắn về những thành công của ông trong mục tiêu giúp Miền Nam Việt Nam đủ mạnh và đủ tự lực. Đã có 69% những người dân nông thôn được phỏng vấn đều

trả lời, chính quyền Trung Ương Sài Gòn mạnh và có khả năng (trong khi vào tháng 1 năm 1970 chỉ có 44% trả lời như thế), 83% viên chức xã ấp làm tròn chức năng và trong sạch, 12% cho rằng các viên chức cao cấp trong chính quyền có những hành vi bất xứng, 4,6% cho rằng các Tướng lãnh trong Quân Đội quá tham nhũng.

Trả lời câu hỏi, những ước vọng gì bức thiết của họ trong tương lai, 58% mong có hòa bình, 17% cần có sự an ninh hơn, 11% cần trật tự xã hội ổn định hơn.

Cuộc thăm dò rộng rãi này cùng lúc đã đưa ra nhiều chủ đề nhằm phản ánh những khó khăn mà dân chúng phải đối phó và đồng thời đòi hỏi chính phủ phải giải quyết. Kết quả cuộc thăm dò đó cũng cho thấy phần đông dân chúng Miền Nam Việt Nam chấp nhận chính quyền của họ qua hiến pháp. Không có luận cứ nào để chứng tỏ chính quyền sợ hãi hòa bình như những ngôn từ do Hà Nội hay Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tuyên truyền.

Trái lại, áp lực vẫn đè nặng trên số phận của Miền Nam Việt Nam. Điển hình, từ cuối năm 1970 Hoa Kỳ đã gần như đáp ứng những đòi hỏi của Hà Nội để chấm dứt chiến tranh. Đúng ra, Hoa Kỳ có thể giảm bớt những điều kiện để đạt được đến thỏa ước với Hà Nội mà không cần phải nhượng bộ, do sự chiến thắng tại chiến trường cũng như sự thành công của Chương Trình Bình Định.

Đẩy quân đội Bắc Việt vào sâu phía bên kia biên giới Cam Bốt thì sự đe dọa về mặt quân sự đối với chính phủ Sài Gòn không còn nữa. Mặt khác, chính quyền Miền Nam Việt Nam đã bảo vệ 95% dân chúng sống trong khu vực an ninh. Hai yếu tố trên đủ để Washington và Sài Gòn dự thảo đưa đến việc ngưng chiến. Tiếp theo việc

ngừng chiến, Quân Đội Hoa Kỳ tuyên bố tự nguyện rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam để đổi lấy một hiệp ước hòa bình. Không cần một lực lượng quân sự nào của Hoa Kỳ phải lưu lại Miền Nam để bảo vệ hòa bình như tại Âu Châu sau Thế Chiến Thứ Hai hay tại Nam Hàn sau trận chiến Triều Tiên. Thỏa ước hòa bình vì thế tự nó trở nên công bằng và hợp lý.

Từ năm 1970 các cuộc thương thuyết giữa Washington và Hà Nội được trao cho Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của chính phủ Nixon là Henry Kissinger đảm nhiệm và xảy ra trong vòng bí mật. Vì thế, Bunker trở thành kẻ tường trình những trao đổi ấy đến Tổng Thống Thiệu. Sau mỗi phiên họp với Bắc Việt, Kissinger qua đường dây đặc biệt của Bộ Ngoại Giao, cho Bunker biết một cách tổng quát về nội dung ở cả hai phía. Bản chính thức gửi cho Bunker sau đó. Bunker tóm lược, chọn những điểm quan yếu rồi thông báo đến Thiệu. Thiệu được yêu cầu giữ kín nội dung các phiên họp này kể cả với chính phủ của ông ta. Thiệu đồng ý và thực hiện yêu cầu đó.

Các phiên họp bí mật tuần tự diễn ra vào các ngày 21 tháng 2, 16 tháng 3 và 4 tháng 4 năm 1970. Kissinger đề nghị thỏa ước hòa bình bao gồm việc thực hiện cuộc rút quân của Hoa Kỳ và Hà Nội ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Hà Nội không đồng ý, đưa ra hai vấn đề cần giải quyết riêng biệt. Một thỏa ước quân sự về việc triệt thoái quân đội và một thỏa ước chính trị về chính quyền nào sẽ cai trị Miền Nam Việt Nam. Mưu đồ của Hà Nội, Hà Nội thừa biết hai vấn đề Hà Nội đưa ra chẳng thể nào giải quyết biệt lập. Không thể giải quyết vấn đề này trong khi vấn đề kia chưa giải quyết.

Hà Nội đồng ý thảo luận việc rút quân Bắc Việt ra khỏi Miền Nam sau khi Hoa Kỳ đồng ý một giải pháp chính trị, chính quyền Thiệu phải rút lui và thay vào đó là một chính phủ liên hiệp bao gồm chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam của Hà Nội dựng ra. Rõ hơn, Hà Nội muốn khai thác sự thiếu kiên nhẫn trong việc rút quân của Hoa Kỳ vào mục tiêu tối hậu của họ là dành lấy quyền kiểm soát Miền Nam Việt Nam.

Kissinger đã đưa ra phản đề nghị là một thỏa ước chính trị chỉ có thể thực hiện giữa các thành phần tại Miền Nam qua một cuộc bầu cử. Ông ta đưa ra lập luận, một giải pháp về chính trị sẽ do dân chúng Miền Nam Việt Nam quyết định và không có sự áp đặt do các thế lực bên ngoài. Cả hai bên đều đi vào sự bế tắc.

Sau cuộc hành quân của Quân Đội Hoa Kỳ tràn sang biên giới Cam Bốt đã hoàn tất, Tổng Thống Nixon trong phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngày 21 tháng 7 năm 1970 đưa ra đề nghị, ông ta muốn cuộc thương thuyết hòa bình phải bước qua một giai đoạn mới. Cuộc hành quân sang Cam Bốt đã làm phe phản chiến lan rộng ra và chính phủ của ông phải đáp lại. Bunker đã được triệu hồi về Washington để tham dự một cuộc thảo luận như thế tại Tòa Bạch Ốc. David Bruce, một nhà ngoại giao ngoại hạng, đã được cử sang Paris cầm đầu Phái Đoàn thương thuyết và thực hiện mục tiêu của Nixon như ông ta muốn.

Phía Hoa Kỳ quyết định đòi hỏi những điều kiện do Kissinger đã đưa cho phía Hà Nội, cuộc bầu cử và rút quân toàn bộ, đồng thời cũng nêu thêm, một cuộc ngưng bắn và Hoa Kỳ đơn phương rút toàn bộ Quân Đội ra khỏi Miền Nam một khi nền hòa bình đã thực hiện.

Vài tháng sau, tháng 9 năm 1970 Bunker đã được Tòa Bạch Ốc yêu cầu thuyết phục Thiệu chấp nhận đề nghị tiên khởi của Hoa Kỳ là chuẩn bị một cuộc ngưng bắn. Tổng Thống Nixon muốn phổ biến những đề nghị thương thuyết của ông trước công luận. Nhưng theo quan điểm của Thiệu, ông ta muốn một cuộc ngưng bắn phải kèm theo điều kiện Hà Nội phải rút toàn bộ lực lượng quân sự của họ trước khi tổ chức một cuộc bầu cử tại Miền Nam Việt Nam.

Kế hoạch của Thiệu tương tự như bản hiệp định Geneva 1954 mà người Pháp đã ký được, nghĩa là sau khi ngưng bắn, lực lượng quân sự mỗi bên phải tập trung, sau đó rút quân về Bắc hay Nam trước khi tổ chức cuộc bầu cử.

Trước đó Thiệu rất quan tâm đến vấn đề ngưng bắn, nhưng qua thành công của cuộc hành quân sang lãnh thổ Cam Bốt cũng như cuộc thành công của Chương Trình Bình Định, nay Thiệu chấp nhận thách thức sự ngưng bắn với cộng sản. Thiệu hiểu rằng tiếp tục đặt điều kiện đòi hỏi rút quân toàn bộ của Hà Nội tại Paris ngay từ đầu cuộc đàm phán chỉ làm cho cuộc thương thuyết đi vào chỗ bế tắc thế nhưng khi cuộc đàm phán đi vào chung cuộc, Thiệu phải đạt được điều kiện ấy.

Trong dự thảo đề nghị của Nixon có ghi: “Một sự thỏa thuận về thời điểm để hoàn tất việc rút quân được xem như là một phần trong tiến trình...”. Bunker tái xác định với Thiệu sự triệt thoái toàn bộ Quân Đội Hoa Kỳ ra khỏi Miền Nam Việt Nam chỉ thực hiện khi nào Hà Nội đồng ý đó là bản dự thảo chung cuộc, bao gồm sự thỏa thuận rút toàn bộ lực lượng của họ ra khỏi Miền Nam.

Bunker cũng trình bày với Thiệu một cuộc ngưng bắn

không có nghĩa mọi việc đã giải quyết xong mà chỉ là bước khởi đầu để các bên tìm phương thức chấm dứt cuộc chiến.

Ngày 19 tháng 9, Ellsworth Bunker yêu cầu Washington cung cấp cho ông ta thêm những chi tiết liên quan đến việc thực hiện cuộc ngưng bắn để ông ta trình bày với Thiệu. Ellsworth Bunker cũng báo cáo về Bộ Ngoại Giao những điều ông giải thích và bảo đảm với Thiệu, dựa trên cơ bản, việc Quân Đội Hoa Kỳ rút quân song song với Hà Nội cũng phải rút quân đội của họ.

Ellsworth Bunker nghĩ, Washington dự trù tách cuộc thương thuyết tại Paris thành hai giai đoạn, trước tiên là thực hiện một cuộc ngưng bắn và sau đó là thương thuyết để đạt đến một thỏa ước chung. Thảo luận về việc Hà Nội rút quân không thể thực hiện ngay ở giai đoạn đầu mà là ở giai đoạn hai, thế nhưng Washington không thể bỏ qua điều kiện đó.

Việc Bắc Việt rút quân không phải chỉ có Miền Nam Việt Nam quan tâm. Khi thông báo về dự thảo mới của Tổng Thống Nixon, Thủ Tướng Lào Souvana Phouma cũng yêu cầu, tại sao không đòi Hà Nội phải rút quân của họ ra khỏi Lào một thể?

Bản thảo bài diễn văn của Tổng Thống Nixon được đưa cho Thiệu xem trước, trong khi đó Washington đang duyệt xét lại để ngôn ngữ ngoại giao được suôn sẻ hơn. Cùng lúc, Bộ Ngoại Giao chỉ thị Bunker tiếp xúc và thuyết phục Thiệu thay đổi một số ý kiến trong bài diễn văn của Thiệu. Thế nhưng Henry Kissinger đã gửi một chỉ thị riêng đến Bunker, yêu cầu Bunker đừng quan tâm gì đến những chỉ thị từ Bộ Ngoại Giao.

Chính điều này đã làm cho Bunker nhận thức rằng Kissinger đã vượt ra ngoài khuôn khổ của kế hoạch thương thuyết do các chiến lược gia tại Washington vạch ra. Những cuộc trao đổi của Bunker thẳng với Tòa Bạch Ốc ngày càng nhiều hơn, trái lại những diễn văn quan trọng từ Bộ Ngoại Giao đến với Bunker ngày càng ít dần...

Cùng thời điểm ấy, cộng sản gây áp lực chính trị với Nixon nặng nề hơn. Hà Nội tuyên bố chấp nhận dự thảo của phe phản chiến đưa ra rằng, Hoa Kỳ phải rút quân vô điều kiện, do Nghị Sĩ Mc Govern và Hatfield bảo trợ. Nữ phát ngôn viên chính phủ cách mạng lâm thời tuyên bố, nếu Hoa Kỳ đồng ý rút toàn bộ lực lượng quân sự vào giữa năm 1971 và thay thế chính phủ Thiệu bằng một chính phủ liên hiệp thì sau đó mới nói đến thỏa ước chung cuộc với Hà Nội.

Ngày 27 tháng 9 năm 1970 Kissinger và Bắc Việt có một phiên họp mật, nhưng hai bên không đạt được một kết quả nào. Tổng Thống Nixon trình bày kế hoạch mới về ngưng bắn và ngưng chiến qua bài diễn văn đọc ngày 7 tháng 10. Ngày hôm sau, kế hoạch ấy được chính thức phổ biến các bên tại hòa đàm Paris.

Những điểm cơ bản trong dự thảo này là một cuộc ngưng bắn tại chỗ, một hội nghị nhằm để giải quyết chiến tranh tại Lào, Cam Bốt và tại Miền Nam Việt Nam, ứng dụng các nguyên tắc chính theo hiệp định Geneva 1954 và thỏa ước Geneva năm 1862 về Lào (điều mà Hà Nội chưa bao giờ thi hành), rút các lực lượng ngoại nhập ra khỏi các quốc gia trên và tổ chức các cuộc bầu cử tự do. Tại Hoa Kỳ, kế hoạch ấy đã được mọi giới hoan nghênh,

kể cả những người lãnh đạo đảng Dân Chủ, trong khi đó thì tại Hà Nội, theo thói quen, vẫn lớn tiếng đả kích.

Chỉ thời gian rất ngắn trước khi bài diễn văn được phổ biến, Bunker mới nhận được một công điện thông báo cho ông ta biết, trong kế hoạch mà Tổng Thống Nixon sắp đọc, không có điểm nào để được diễn dịch là Hoa Kỳ phải đơn phương rút quân. Nixon chỉ đề cập, lực lượng quân sự Hoa Kỳ sẽ trở về nước như thế:

1. - Theo Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

2. - Đã đạt được một thỏa ước chung cuộc.

Bunker đã chuyển quan điểm ấy cho Thiệu.

Ngày 30 tháng 10 Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ yêu cầu chính quyền Nixon chấm dứt việc hỗ trợ chính quyền Thiệu và rút quân về nước trước ngày 31 tháng 12 năm 1971.

Thiệu đã bị bỏ rơi như một trở ngại cho một tiến trình hòa bình dưới cách nhìn của thành phần phản chiến. Nhưng thành phần này đã mù lòa, không nhận định nổi, quyết định của họ không phải chỉ ảnh hưởng đến cá nhân Thiệu mà kéo theo thân phận cả một quốc gia nhược tiểu.

CHƯƠNG 10
BÓNG TỐI VẪN Ở CUỐI
ĐƯỜNG HẦM

Sau hai năm làm việc không mệt mỏi tại cơ quan CORDS, viễn ảnh Miền Nam Việt Nam sẽ chiến thắng ở cuộc chiến tranh này là chuyện không còn ngoài tầm tay, tôi trở về Hoa Kỳ nghỉ phép trong thời gian ngắn. Nhà tôi, Hoa, đã mang thai và chúng tôi quyết định đưa con đầu lòng sẽ sinh ở Hoa Kỳ.

Chúng tôi thu xếp để nhân chuyển về phép này, vợ chồng tôi thăm viếng họ hàng phía bên mẹ tôi tại Chestertown, Maryland. Quây quần trong dinh thự được xây cất từ thế kỷ 18 do ông nội tôi mua và sửa chữa lại từ đầu thập niên 1900, cả gia đình có mặt để đón nhận một cô dâu mới, người Việt. Có người hài lòng và có người dửng dưng lạnh nhạt. Bà nội tôi, cuộc hôn nhân của bà cũng từng trải qua những gian truân như thế, nên thông cảm và tiếp đãi nồng hậu hơn là nhà tôi dự đoán. Em của bà nội tôi, một người thủ cựu, ông từng ủng hộ hết lòng cuộc tranh cử của ông George Wallace vào năm 1968, thì đối xử với vợ tôi một cách chùng mịch. Còn người

chồng của cô tôi, một Bác Sĩ khó tính tại Baltimore thì hoàn toàn không chút gì thiện cảm với Hoa. Mẹ tôi vì thế phải tìm cách dung hợp với mọi người trong việc đối xử với con dâu đầu tiên của bà. Thân phụ tôi, lúc ấy đã bình phục, tất nhiên ông là người truyện trò nhiều nhất trong gia đình tôi với cô dâu mới của ông. Còn những anh em trong họ hàng tôi vẫn giữ khoảng cách, tò mò đối với người mà họ chưa từng quen biết.

Chúng tôi ăn rất nhiều những lương thực vừa có trong mùa Hè như bánh làm bằng cua, sữa tươi hàng ngày từ nông trại của chú tôi mang đến và thịt bò tươi mới mổ ít giờ. Nhưng không ai hỏi tôi một câu nào về tình hình tại Việt Nam cũng như công việc tôi làm ở Việt Nam.

Cả gia đình đổ kỵ, phân hóa, không phải công việc tôi làm không thuận chiều với họ, nhưng không ai muốn tôi phải dẫn thân một cách vô bổ như thế, họ nghĩ vậy. Anh tôi đang học Harvard và tôi hình dung được anh ấy đang có thiện cảm với phong trào phản chiến. Người em họ tôi cũng hăng hái tham gia hoạt động phong trào ấy. Chỉ có bà nội tôi và ông em của bà, hai người già bảo thủ, là lắng nghe những điều tôi trình bày một cách chăm chú. Tôi nghĩ vì đám cưới của tôi và sự có mặt của Hoa trong gia đình đã là nguyên cớ mà mọi người phải xa cách, một cuộc hôn nhân trái với truyền thống lâu đời của gia đình tôi.

Rời Chestertown, tôi trở về nhà của ba má tôi tại Larchmont, vùng ngoại ô yên tĩnh của New York. Tại đây nhà tôi nghỉ ngơi để chuẩn bị sinh nở. Một buổi cuối tuần, người bạn thân của chúng tôi từ Việt Nam về và ghé thăm. Angus Duncan cũng tốt nghiệp Harvard khóa

tôi nhưng thời ấy tôi lại không quen anh. Rồi cũng tự nguyện gia nhập vào CORDS, cùng học chung một năm ngôn ngữ Việt Nam tại Washington. Angus, một người trẻ khác và tôi cùng chung một toán, mà chúng tôi thường đùa là ba người ngự lâm pháo thủ.

Thân phụ của Angus trước kia là Dân Biểu của Tiểu Bang Oregon, ủng hộ chiến tranh Việt Nam, và ông ta đã thất bại khi tranh ghế nghị sĩ trước đối thủ cầm đầu phản chiến. Wayne Morse, giống như tôi, khi tự nguyện chọn Việt Nam phục vụ, không phải là điều mà thân phụ anh mong đợi. Tiêu biểu cho tầng lớp trí thức trẻ, cộng thêm tính khôi hài sâu sắc, Angus đã sáng tác rất nhiều đoản khúc mô tả về sự huấn luyện, về chiến tranh và về thân phận chính chúng tôi. Với cây đàn guitar, với những bản nhạc do anh sáng tác và tự Angus trình diễn, đã trở thành những buổi văn nghệ hấp dẫn đối với toàn thể những người phục vụ tại cơ quan CORDS.

Angus được chỉ định phục vụ tại Phan Rang, và làm việc trong Kế Hoạch Bình Định với dân tộc thiểu số người Chăm sống tại Tỉnh này. Anh ta được đánh giá cao và là một mẫu mực cho những người Mỹ khi ra hoạt động tại nước ngoài. Khi tôi trở về nghỉ phép thì Angus cũng già từ Việt Nam để về Washington, hoạt động chính trị trong nước.

Cuộc viếng thăm của Angus tại Larchmont trong dịp tôi đang nghỉ phép đã mang tình bạn chúng tôi khắng khít hơn. Tôi mừng rỡ, vợ tôi cũng vui mừng vì trong lễ đính hôn ở nhà nàng tại Việt Nam, anh ta có tới dự. Sau bữa ăn trưa thân mật, cả gia đình kéo ra phòng khách tiếp tục câu chuyện còn dang dở.

Câu chuyện bắt sang vấn đề chiến tranh, chúng ta đã làm những gì và làm sao chúng ta có thể thắng được cuộc chiến ấy. Chậm rãi như những nhát dao cắt ra từng mảnh, Angus bắt đầu phân tích, lột ra tất cả những gì lấm lõ. Tôi tỉnh táo lắng nghe. Thân phụ tôi ngồi yên lặng, hoàn toàn yên lặng. Anh tôi ngoảnh mặt và không thốt lên một lời nào. Mẹ tôi, các chị tôi ngẩn ngơ. Tôi trở thành mục tiêu để mọi người trút trả những bức tức trong câu chuyện hôm ấy.

Cuối cùng, khi chấm dứt, tôi hiểu được những gì Angus dự định trao cho tôi. Tôi phải từ bỏ, trở về nhà, quay lưng với cuộc chiến, bởi vì nó không xứng đáng để chúng ta phải trả danh dự và một giá mắc như thế. Chính vì cuộc chiến, Angus gằn giọng nói, mà người dân Mỹ bị ngay chính phủ của mình sát hại, điển hình là thảm cảnh đã diễn ra tại Đại Học Kent State. Cuộc chiến chẳng thể nào tiếp tục với một giá như thế, Angus tin như vậy.

TÔI CẢM THẤY CHƠI VỚI VÀ CÔ ĐƠN

Còn ba tôi, vì danh dự và những nhận định của ông mà tôi đã sang Việt Nam, đã phải cất lên tiếng nói. Ông đã đứng về phía của Angus.

Tôi biện luận chống lại ý kiến thân phụ tôi, qua những luận cứ mà hồi còn trẻ ba tôi đã từng đam mê, chống lại những hành vi mang tính chất thời Trung Cổ. Tôi đã không thay đổi quan điểm thì tại sao hay khi nào, ba tôi lại thay, tôi hỏi ông ta như vậy. Đây là con người đã kiến tạo và thúc đẩy mạnh mẽ việc Hoa Kỳ phải có mặt tại Việt Nam để ngăn chặn những mưu toan và đổ vỡ sẽ xảy ra tại xứ này.

Trên khuôn mặt ba tôi lộ hẳn nét buồn và dường như muốn bày tỏ một sự hối tiếc. Tôi biết nỗi đau của ông, làm sao giải thích cho đứa con trai của mình hiểu được sự hy sinh và tận tụy phục vụ của người cha? Nhưng một nguyên có sâu thẳm khác đã làm ba tôi thay đổi, bắt nguồn từ việc tôi đã trở thành một người chồng, gắn liền bốn phận và trách nhiệm mà tôi phải cưu mang, kế tục di sản của giòng họ để lại.

Nhìn ba tôi, tôi bật khóc. Tôi chấp nhận đó như là một định mệnh. Ba tôi có thể chết trong hai năm sắp tới vì bệnh tim và tôi sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu mà ba tôi đã chỉ cho tôi từ đầu, không phải theo ước vọng của ông mà là do tôi tin tưởng.

Một chuyện khác lại xảy đến với tôi vài ngày sau đó. Ở năm cuối Đại Học, tôi được Trường Luật Yale nhận. Nhưng quyết định sang Việt Nam phục vụ, nên tôi xin ông Khoa Trưởng Tate ở New Haven, Connecticut, cho tôi hoãn nhập học vài năm. Khoa Trưởng Tate đã mất một cánh tay thời Đệ Nhất Thế Chiến và cũng là bạn của ông nội tôi, Morris. Vì vậy mà ông ta chấp nhận lời yêu cầu của tôi. Bây giờ nhân chuyến về thăm nhà, tôi muốn trở lại Yale để xác nhận là tôi sẽ trở lại trường trong năm tới.

Khi bước vào phòng ghi danh, tôi mới biết là ông Tate đã qua đời. Người thay thế ông ta là một người Mỹ đen trẻ, ăn mặc sang trọng. Trong khi ngồi đợi chờ đến lượt tôi, nhìn lên tường tôi thấy hàng chữ lớn: “Bất kể người trẻ nào nghe theo tiếng gọi của lương tâm hơn là tiếng gọi của Tổ Quốc thì sẽ có một chiếc ghế cho bạn tại Trường Luật Yale”. Bỗng dưng tôi thấy mất hứng thú về trường này nữa.

Angus, thân phụ tôi và Trường Luật Yale, tất cả đều quay lưng lại với chiến tranh. Tôi phải làm sao?

Trên đường lái xe trở về nhà Larchmont, hàng trăm suy nghĩ dồn dập đến. Tôi phải làm sao thuyết phục gia đình và bạn bè tôi, bằng cách trình bày những thực tiễn đang diễn ra tốt đẹp tại Miền Nam Việt Nam mà tôi đã là một nhân chứng. Nhiệm vụ mới đang chờ tôi sau kỳ nghỉ phép trở lại Sài Gòn, nghiên cứu và phát triển kinh tế do Tòa Đại Sứ đảm nhiệm, và với nhiệm vụ này, tôi nghĩ cuộc chiến của chúng ta nhất định thắng. Tôi cố gắng chứng thực những điều mà ít người còn giữ được niềm tin.

Tôi trở lại Sài Gòn vài tháng sau đó, Charles Cooper yêu cầu tôi rời cơ quan CORDS về làm phụ tá đặc biệt cho ông, nghiên cứu bằng cách nào để đưa nền kinh tế Miền Nam Việt Nam từng bước phát triển. Lúc ấy, theo yêu cầu của Bunker, Cooper về Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đặc trách vấn đề kinh tế, giai đoạn phát triển cuối cùng của kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

Theo Bunker, bốn yếu tố quan trọng cần thực hiện để tạo cuộc chiến thành công. Một hiến pháp dân chủ phải thực hiện, dân chúng được đoàn ngũ hóa để tự bảo vệ, lực lượng quân sự Miền Nam Việt Nam có khả năng đảm nhiệm toàn bộ cuộc chiến và nền kinh tế vững mạnh. Bốn yếu tố trên là điều kiện tiên quyết cần phải thực hiện trước khi Hoa Kỳ rút quân về nước, giảm thiểu sự viện trợ và Miền Nam được tồn tại và độc lập. Trong năm 1970 ba yếu tố đầu gần như đã hoàn tất, còn lại yếu tố cuối cùng và cũng là yếu tố then chốt cần phải thực hiện.

Tháng 3 năm 1970 Bunker báo cáo về Nixon, Hoa Kỳ

cần nghiên cứu để ứng dụng một sách lược kinh tế trong vấn đề Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Làm thế nào để Việt Nam phát triển được nền kinh tế của họ để nhận lấy gánh nặng về chiến tranh một khi Quân Đội Mỹ rút về và Hà Nội vẫn tiếp tục gây chiến? Trả lời câu hỏi đó, một chương trình cải cách kinh tế là điều cấp thiết.

Trước mắt, tình trạng lạm phát của nền kinh tế Việt Nam đã đặt ra một khó khăn là vấn đề Việt Nam Hóa Chiến Tranh về mặt quân sự. Mức độ đào ngũ của các Quân Nhân trong các đơn vị tác chiến gia tăng, xuất phát từ chỗ lương bổng quá thấp suốt trong thời kỳ chiến tranh. Điển hình, trong năm 1970 có 10 sĩ quan, 37 hạ sĩ quan và 3.232 binh sĩ thuộc ba Sư Đoàn trú đóng chung quanh Sài Gòn đã đào ngũ, so với tổng số quân là 60.000 người. Số binh sĩ đào ngũ có 2.630 người độc thân, không được cung cấp chỗ ăn ở và khoảng 2.400 người thuộc thành phần dưới 21 tuổi. Lương của một binh nhì được lãnh 4.468 đồng mỗi tháng trong khi mức sống tối thiểu đòi hỏi phải có 4.540 đồng. Làm thế nào đòi hỏi binh sĩ tiếp tục ở lại chiến đấu với điều kiện sống như thế, đó là một vấn nạn nghiêm chỉnh.

Thời gian là vấn đề thúc bách cho Bunker. Dân chúng thiếu tin tưởng vào giá trị đồng bạc làm giá cả thị trường tăng lên. Lương công nhân viên chức chính phủ quá thấp, lương Quân Đội quá thấp, trực tiếp ảnh hưởng về mặt tâm lý, làm sao họ có thể tiếp tục hỗ trợ chính phủ trong cuộc chiến tranh lâu dài. Nhưng nếu tăng lương thì lại vượt quá khả năng của chính phủ Miền Nam Việt Nam vốn ngân sách quốc gia đã thiếu hụt.

Vào tháng 5 năm 1970 Kissinger đã gửi một nhóm kinh

tế qua phối hợp cùng các chuyên viên ưu tú của Miền Nam để nghiên cứu tại chỗ. Sau khi nghiên cứu, nhóm kinh tế gia Washington này đã đưa ra nhiều khuyến cáo có giá trị cho Bunker về cải cách kinh tế.

Bunker đã mời Charles Cooper, trưởng nhóm nghiên cứu này ở lại Sài Gòn giúp ông thi hành những khuyến cáo đó. Cuối tháng 8 năm 1970 một chương trình cải cách kinh tế do Cooper và các chuyên gia kinh tế Miền Nam Việt Nam đã được hình thành.

Mục tiêu trước mắt của Cooper là giữ mức độ lạm phát ở 15% trong năm 1971. Muốn thế, chính phủ phải phá giá đồng bạc. Giá đồng Mỹ kim đổi tiền Việt Nam từ 118 đồng đến 275 đồng, nghĩa là tùy theo những món hàng nhập cảng, hàng tiêu dùng, hàng xa xỉ phẩm, chính phủ Miền Nam đổi tiền Hoa Kỳ lấy Mỹ kim, chênh lệch ở khoảng nêu trên để nhập cảng. Tiền lãi suất vay ngân hàng cao tương đương mức lạm phát, do đó tiền lời ở quỹ tiếp kiệm cũng được trả cao hơn. Thị trường lúa gạo chính phủ không cần phải kiểm soát. Mức thuế chính phủ thu về do đó tăng.

Theo yêu cầu của Cooper, Bunker đòi hỏi Washington tăng viện trợ thêm 750 triệu Mỹ kim để Miền Nam nhập cảng các hàng hóa cần thiết. Gánh nặng quốc phòng Miền Nam đã tăng từ năm 1968 nhưng viện trợ Hoa Kỳ không tăng. Do đó sự tăng thêm viện trợ này sẽ giúp cho Sài Gòn có thêm nguồn vốn luân lưu, từ đó chính phủ có thể tăng lương quân cán chính mà vật giá không bị leo thang.

Đầu tháng 8 năm 1970 Bunker đã gặp Thiệu để thảo luận từng bước phát triển kinh tế. Bunker nói với Thiệu, sự trì hoãn trong việc cải cách chỉ làm cho đồng bạc ngày

càng mất giá và làm cho con số viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ tăng hơn. Ellsworth Bunker thúc đẩy Thiệu vận động nhanh chóng để giới lập pháp chấp nhận kế hoạch cải tổ kinh tế như đã dự trù. Lần này Bunker không muốn chính quyền đơn phương hành động như một năm trước đó, chỉ tạo sự xung đột và mâu thuẫn giữa lập pháp và hành pháp.

Cuối tháng 8, Thiệu yêu cầu Thượng Viện triệu tập phiên họp đặc biệt. Ngày 29 tháng 9, cả Luống Viện chấp nhận chương trình cải cách kinh tế khẩn cấp. Đầu tháng 10, giá cả thị trường ổn định, lương đồng bạc luân lưu không phải tăng và vấn đề tăng lương quân cán chính đã được áp dụng. Thị trường đồng Mỹ kim chợ đen giảm xuống.

Chương trình cải cách kinh tế thành công, một cách tổng quát, làm Cooper phấn khởi. Khi tôi trở lại Sài Gòn thì Cooper đã đạt được một căn bản, tái cấu trúc lại nền kinh tế Miền Nam Việt Nam. Tôi được mời để giúp ông tiếp tục kế hoạch đó. Với các cuộc bầu cử đang tiến hành, Quân Đội Hoa Kỳ đang lần lượt về nước và cộng quân ngày càng bị cô lập ở vùng nông thôn, thì việc xây dựng Miền Nam Việt Nam có một nền kinh tế vững vàng đó là điều kiện cấp thiết để giành lấy sự thắng lợi trong cuộc chiến tranh, tôi nghĩ và tin tưởng như thế.

Đàng khác, với một nền kinh tế tự cường sẽ giúp Thiệu bớt đi những lệ thuộc từ các nước ngoài, và lẽ tất nhiên, những đối thủ chính trị của ông, như những người bạn đảng Tân Đại Việt, không có lý do gì để chỉ trích về mặt kinh tế.

Thêm nữa, với một nền kinh tế thịnh vượng, Thiệu sẽ

quy tụ được những thành phần ưu tú ủng hộ chính sách của ông ta và đồng thời giảm thiểu số người ủng hộ Kỳ, phần lớn thuộc thành phần Công Giáo và dân chúng di cư từ Miền Bắc.

Một điểm khác nữa, liên kết với Tân Đại Việt tuy là một tổ chức không rộng lớn nhưng đó là những người Quốc Gia, có kỷ luật, bao gồm nhiều thành phần dân sự, trí thức, Quân Đội và có quyết tâm chiến đấu cho đến khi đánh bại được sự xâm lăng của những người cộng sản. Tổ chức này đã hỗ trợ Thiệu tích cực trong các mặt bình định và phát triển kinh tế, liên hợp với chính quyền Thiệu một cách thẳng thắn, trọng tình thần chia sẻ và gánh vác trách nhiệm. Vì theo họ, chỉ có những người Quốc Gia với niềm tự tin vào chính nghĩa tất thắng mới giúp và ủng hộ chính quyền để có thể theo đuổi một cuộc chiến tranh trường kỳ do cộng sản gây ra mà không cần sự tiếp sức của người Mỹ.

Trong một viễn tượng lâu dài, chỉ có những người Việt Quốc Gia mới đưa ra những chương trình và kế hoạch để thắng được cộng sản cả trong cuộc chiến tranh nhân dân hay trong cuộc chiến mang tính chất yêu nước.

Thiệu không bao giờ ra mặt ủng hộ một tổ chức chính trị nào dù cho những tổ chức ấy đã liên hiệp với chính quyền. Thiệu muốn cân bằng các tổ chức ấy đã ủng hộ ông ta. Xuyên qua trung gian là người anh của Thiệu và Thủ Tướng Khiêm, Thiệu đã kéo được Tân Đại Việt liên hiệp với chính quyền. Chính sách tự túc tự cường mang ra áp dụng tại Miền Nam Việt Nam xuất phát từ những nhận thức của Tân Đại Việt. Nhưng do ảnh hưởng từ vợ của Thiệu, một người thân trong họ hàng và vài Tướng

lãnh cao cấp đã từng có công, Thiệu đã dành cho họ một số đặc quyền về kinh tế để đổi lại sự ủng hộ của họ trong mục tiêu chính trị của Thiệu.

Chính sự ban phát đặc quyền đặc lợi này đã làm cho một số kinh tế gia có nhiệt tâm đóng góp trong công cuộc cải tổ kinh tế xa dần chính quyền, hậu quả là nền kinh tế ngày càng yếu. Công cuộc cải cách kinh tế không còn vì lợi ích thiết thân của dân chúng mà trở nên vì quyền lợi của một số người.

Khi Cooper mời tôi về cộng tác, công việc trước tiên ông ta muốn nhờ tôi là mở một cuộc điều tra về hệ thống phân phối ngư sản, vốn là một đặc quyền trong tay một tổ chức. Cooper muốn mọi người được quyền tham dự để giúp người tiêu thụ được hưởng giá cả thấp hơn.

Không có người bạn nào của tôi hiểu rành rẽ về hệ thống phân phối này. Lần mò mãi rồi tôi cũng tìm ra. Sau hai tuần, tôi mới rõ là tại Thành Phố Sài Gòn chỉ có 54 người có giấy phép được quyền mua và bán sủ tôm cá. Nghĩa là chỉ có 54 người chia nhau quyền lợi trong việc mua và bán cá cho các chợ tại Sài Gòn. Họ tự quyết định giá mua cá trả cho những ngư dân và quyết định giá cả bán cho người tiêu thụ. Lẽ tất nhiên giá mua vô thì thật thấp và giá bán ra thì thật cao.

Theo tài liệu có được, tôi tìm đến hai địa điểm quan trọng nhất trong việc cung cấp cá cho Sài Gòn là Rạch Giá và Vũng Tàu. Tại bến cá Rạch Giá, tôi tiếp xúc và tìm hiểu qua những người trung gian, mua cá từ các tàu thuyền đánh cá ngoài khơi vừa về, theo giá do các nhà buôn sủ tại Sài Gòn ấn định rồi vội vàng chở cá tươi về Sài Gòn.

Tại Vũng Tàu, chợ cá chỉ độc quyền cho vài người có giấy phép buôn bán. Thời gian ấy, qua cơ quan CORDS, chợ cá đã có một vài cải tổ. Những ngư phủ đang cố gắng thành lập một nghiệp đoàn để bảo vệ và đưa giá bán của họ lên cao hơn. Bộ Nội Vụ cho việc thành lập hiệp hội như thế là hợp pháp trong khi đó thì một cơ quan cũng của chính quyền thì cho là không hợp pháp. Họ muốn giữ nguyên tình trạng để cho một nhóm nhỏ hiện thời tiếp tục độc quyền thao túng giá cả.

Sau khi nghiên cứu bản báo cáo của tôi. Cooper yêu cầu cơ quan phát Triển Quốc Tế hãy đưa ra những phương thức mới nhằm loại bỏ sự độc quyền của 54 người buôn bán sỉ. Sau nhiều tháng thảo luận, cuối cùng chính quyền Miền Nam Việt Nam đồng ý giải pháp chỉ cho phép 54 người trên được phân phối một phần, số còn lại để cho dân chúng tự do buôn bán.

Phải nhìn nhận rằng cuối năm 1970, nền kinh tế Miền Nam Việt Nam tiến triển khả quan. Mùa lúa thu hoạch 5,6 triệu tấn, con số cao nhất. Ngành khai thác gỗ trước kia do việt cộng khống chế trong năm này cũng đã tăng 10%. Ngành cao su đã bắt đầu hồi phục xuất cảng. Thuế nội địa thu tăng 37% so với năm 1969. Tiền tiết kiệm gửi ngân hàng của dân chúng tăng 33,4 tỷ đồng. Hệ thống cung cấp nước cho Sài Gòn đã tân trang. Khoảng 24,4 triệu Mỹ kim được đầu tư vào các ngành sản xuất bột giặt, gạch ngói, bột hay biến chế hải sản. Tại Sài Gòn, hội chợ thương mại đã trưng bày hơn 500 sản phẩm. Những khu kỹ nghệ đã được kiến thiết tại Biên Hòa và Cần Thơ.

Dự án kế tiếp mà Cooper trao cho tôi thật ra là ngoài ý muốn của tôi. Một hôm tôi được mời vào văn phòng

để duyệt xét bản liệt kê những hàng hóa nhập cảng do ngân khoản Hoa Kỳ viện trợ cho chính phủ Miền Nam Việt Nam. Trên bàn giấy trước mặt tôi là một danh sách những người Việt Nam được quyền nhập cảng các loại hàng hóa đó. Thoáng đọc qua, tôi thấy tên của một số người dường như tôi đã nghe qua đôi lần. Thì ra những người thân cận Thiệu, thân nhân của một số Tướng lãnh và của một số chính trị gia.

Tôi hỏi nhân viên phụ trách có quen biết những người có tên trong bản danh sách này không, thì được trả lời là không. Tôi hỏi tiếp, vậy thì danh sách này ở đâu mà có? Và người nhân viên cho biết từ Bộ Kinh Tế của chính phủ Miền Nam có thảo luận với Ban Chính Trị của Tòa Đại Sứ về những tiêu chuẩn để chọn lựa những người này không, nhân viên đặc trách trả lời:

- Không. Họ không phiền chúng ta và chúng ta cũng không muốn phiền họ. Các nhân viên đối ngoại của Tòa Đại Sứ không muốn can dự vào những chi tiết của chương trình viện trợ. Họ không muốn bận tay.

Câu trả lời bất thường ấy đã đưa tôi đến một nhận định: Một thiểu số nào đó được đặc quyền hưởng lợi trong cuộc chiến tranh do tiền bạc của Hoa Kỳ viện trợ. Những người có tên trong bản liệt kê đã được bảo đảm là sẽ giàu có, thế lực chính trị của họ có thể khuynh loát nền chính trị của Miền Nam Việt Nam. Đã hàng chục năm không một nhân viên chính thức có thẩm quyền Hoa Kỳ nào quan tâm đến điều đó.

Tôi mang vấn đề trên thảo luận với một số người Việt thuộc họ hàng phía bên vợ mà tôi vừa quen biết cùng một vài chính trị gia người Việt mà tôi kính trọng. Mọi

người đều tỏ vẻ ngạc nhiên về việc tôi vừa nêu ra, bởi vì, theo họ, những nguyên tắc về nhập cảng phải theo đúng những điều kiện mà Hoa Kỳ đã đặt ra và hơn ai hết, chính Hoa Kỳ là người hiểu rõ những nguyên tắc đưa ra về việc nhập cảng là giúp cho kẻ giầu có cơ hội làm giầu thêm tại Miền Nam Việt Nam.

Một người bạn tôi đã dính dáng nhiều đến những vấn đề chính trị hỏi, liệu tôi có biết tại Miền Nam Việt Nam có thị trường chứng khoán giống như khu “Wall Street” tại Hoa Kỳ không? Tôi không biết, tôi trả lời và cũng mong có điều đó.

Và rồi, tôi khám phá, thị trường Wall Street đó là chợ Lefevre, con đường nằm phía sau Ngân Hàng Quốc Gia mà hai bên phố là những quán cà phê. Chính những quán cà phê đó là những tụ điểm gặp gỡ cho những người vô hình điều khiển nền kinh tế Miền Nam Việt Nam.

Giá cả hàng hóa được bắt đầu hoạch định vào lúc 10 giờ sáng mỗi ngày. Các nhà nhập cảng trao cho các đại diện của họ điều đình và bán các món hàng được chính phủ cho phép nhập cảng qua các người trung gian khi tàu chở hàng vừa cập bến. Những người trung gian sau đó mới bán lại cho các nhà buôn. Không có giao kèo nào được soạn thảo hay ký kết, chỉ có tin tưởng lẫn nhau.

Các bàn tại một số quán cà phê bao giờ cũng được dành sẵn cho một số khách hàng tùy theo mỗi loại hàng, chẳng hạn bột mì, bột ciment, sắt thép... Đó là những nhân vật đầu não ngồi để thảo luận và ấn định giá cả cho từng loại hàng. Hầu hết trong số họ là người Tàu Chợ Lớn mang quốc tịch Việt Nam. Những thành phần trí thức và những người yêu nước Việt Nam đều cảm phẫn giới con buôn này.

Đúng trên con đường đó cùng với một người bạn, những cảnh tấp nập kẻ ra người vào ở các tiệm cà phê ấy, tôi chợt nhận ra, một số vấn đề của Thiệu, tôi vào bên trong để gặp một nhóm đầu não nói trên. Tôi tự hỏi, phải chăng ông ta cũng là một nhà thương mại?

Đúng ra, chính vì những điều lệ nhập cảng lỏng lẻo đã cho phép họ thực hiện những điều trên mà không hề vi phạm đến pháp luật. Một số người Việt được chính phủ đặc ân cấp cho họ giấy phép nhập cảng. Họ bán giấy phép này cho những con buôn Chợ Lớn để lấy một số tiền. Điều đó làm hợp pháp và kể cả các con buôn người Hoa tại chợ Lefevre cũng bằng lòng với những điều khoản như thế.

Chính phủ đã giới hạn chỉ cấp phép nhập cảng cho những phần tử thuộc Phòng Thương Mại. Phòng Thương Mại đã phân loại 18 ngành nhập cảng khác nhau và mỗi ngành có một nhóm riêng, dành cho những ai tham dự vào mỗi ngành. Chính sách này đã hình thành từ thời Pháp nhằm bảo vệ quyền lợi của các thương gia Pháp và gia nhập vào Phòng Thương Mại do họ sáng lập. Khi Pháp rút khỏi Việt Nam, nhưng những nhà nhập cảng vì quyền lợi của họ, vẫn giữ những nguyên tắc này.

Năm 1955 dưới thời Diệm, đã có khoảng 10.000 người được hành nghề nhập cảng. Diệm áp dụng chính sách cũ nhưng để phục vụ mục tiêu chính trị của ông ta. Những nhà nhập cảng thân Pháp, Diệm rút giấy phép. Giảm số người được quyền nhập cảng xuống khoảng 1.000, phần đông là những địa chủ tại Miền Nam Việt Nam, những người Miền Bắc vừa di cư, phần lớn là Công Giáo và những người thân cận Diệm. Điều đáng nói, người điều

khiển Phòng Thương Mại thời Diệm là một đảng viên Đại Việt, ông Trần Văn Chiêu. Khi trao đổi câu chuyện với tôi, ông Chiêu tỏ ra hài lòng về chính sách mà Phòng Thương Mại đã vạch ra, điều nghiên và cân bằng giữa cung và cầu mà dân chúng đòi hỏi.

Ông Chiêu cũng là người trực tiếp điều khiển Nghiệp Đoàn Công Nghệ và Tiểu Công Nghệ bao gồm tất cả những cơ sở sản xuất trong nước.

Năm 1960 khi phong trào đối lập chống chính phủ Diệm lên cao, ông Chiêu được ông Ngô Đình Nhu trao trách nhiệm, khai thác việc cho phép nhập cảng là mối lợi để cung cấp cho đảng Cần Lao có phương tiện hoạt động. Khi chế độ Diệm bị lật đổ, các nhà nhập cảng liên hệ đến đảng Cần Lao bị rút giấy phép, vài người trong số ấy bị chính quyền mới kết án vào tù. Rồi năm 1968, Thủ Tướng Kỳ cho phép khoảng 600 người được quyền nhập cảng, những người này đều thân cận và ủng hộ tham vọng chính trị của Kỳ.

Đầu năm 1967, được Quân Đội ủng hộ và trở nên Tổng Thống, Thiệu liên hệ và kết hợp với những người giàu có thuộc đảng Cần Lao cũ để tạo một thế lực tài chánh chống lại phe của Kỳ. Vài thương gia Cần Lao còn đang trong tù đã được Thiệu ân xá. Quyền lực và ảnh hưởng của Phòng Thương Mại đã được Thiệu phục hồi. Một nhà kinh doanh thuộc Cần Lao cũ là Dược Sĩ Nguyễn Cao Thăng đã trở thành cố vấn cao cấp của Thiệu. Một người Tàu là ông Lý Long Thân được Thiệu chỉ định để điều khiển chợ Lefevre. Nhóm giàu có trong Hội Lions Club Sài Gòn được Thiệu mời vào giữ các chức Bộ Trưởng Tài Chánh và Kinh Tế. Những người Phật Giáo và Đại Việt

không được Thiệu chỉ định vào guồng máy kinh tài. Phần lớn những lực lượng chống Thiệu xuất phát từ việc Thiệu bảo trợ nhóm Cần Lao cũ và người Tàu Chợ Lớn để kiểm soát chợ Lefevre.

Tôi đã giải thích cho Cooper, nền kinh tế Miền Nam Việt Nam được điều hành qua một hệ thống không mấy lành mạnh, tổng hợp lễ lối do người Pháp để lại lẫn với cách làm ăn của người Tàu. Cooper bắt đầu nghiên cứu để thúc đẩy một sự cải đổi.

Vào một ngày, Cooper mời tôi đến phòng làm việc của ông, lầu 3 của Tòa Đại Sứ, duyệt xét lại bản phúc trình do nhóm Đại Học Michigan nghiên cứu về đời sống của dân chúng tại Miền Nam Việt Nam xảy ra 10 năm trước đó. Rồi, Cooper đề nghị tôi hãy trở lại các địa phương để tìm hiểu và đối chiếu lại xem đời sống đã thay đổi ra sao.

Địa phương đầu tiên tôi đến là Quận Bình Minh thuộc Tỉnh Vĩnh Long. Tôi đã có dịp đến Quận này vài lần khi tôi còn làm việc tại Vĩnh Long. Mặc dù trong thời kỳ chiến tranh nhưng làng Mỹ Thuận thuộc Quận này đã có những thay đổi đáng ngạc nhiên. Mái ngói và tôle đã thay thế cho những mái nhà lợp bằng mái tranh. Những con đường làng được trải nhựa thay thế cho những đường đất lầy bùn. Những thuyền gắn máy đuôi tôm chạy đầy sông, kênh rạch thay cho các thuyền chèo và phần lớn mỗi gia đình đều có xe gắn máy Honda. Nhà nào cũng có radio. Những chiếc cầu khỉ bằng tre được thay thế bằng cầu ciment hay sắt.

Các dịch vụ thương mại tăng lên 42%, với 232 cửa hàng buôn bán lẻ. Nhiều cơ sở thương mại là những nhà làm bằng tranh vách đất vào năm 1959 đã trở thành những ngôi

nhà gạch mái ngói hoặc hai ba tầng. Một cách tổng quát, đầy đủ các dịch vụ để phục vụ cho dân chúng hàng ngày.

Làng cũng đã có 15 lớp học mới được xây cất, một trường trung học mới thành lập. Các trẻ em bây giờ đều đã được đến trường học hết bậc tiểu học và khoảng 1/4 trong số ấy đã bước vào trung học.

Nhờ phương tiện canh tác mới, nông dân đã thu hoạch khá cao. Nếu vào năm 1960 số lợi tức thu hoạch mỗi mẫu là 5.750 đồng thì vào năm 1970 thu hoạch 135.000 đồng. Chính Sách Cải cách Ruộng Đất của Thiệu vào lúc tôi đến thăm đã có 515 nông dân trở thành sở hữu chủ những thửa ruộng mà trước đó họ đã làm thuê. Nhìn chung, đời sống dân chúng đã trở nên sung túc.

Làng thứ hai mà tôi đến nghiên cứu không trù phú như làng Mỹ Thuận. Đó là làng Cẩm An thuộc Tỉnh Quảng Nam, một làng nằm ven biển và sống bằng nghề đánh cá thuộc Miền Trung Việt Nam. Đây là một làng nghèo, chỉ có vài mẫu đất khô cằn. Lại bị giờ giới nghiêm hạn chế nên việc đánh cá không kết quả khả quan. Giá ngư sản tại đây không bằng so với giá gạo tăng, vì vậy đời sống dân chúng khá vất vả. Đã thế, giá cả mua sắm các phương tiện đi đánh cá lại quá cao nên người dân không đáp ứng nổi. Mặc dù làng chỉ cách Tỉnh lỵ có hai dặm nhưng không có phương tiện chuyên chở công cộng. Chương Trình Bình Định đã không mang lại kết quả tại đây.

Thế nhưng, trên một hòn đảo nhỏ gần Cẩm An, cách đất liền 7 dặm, Ấp Tân Hiệp lại khá trù phú. Dân chúng tại đảo này từ 325 người vào năm 1961 tăng lên 4.000 người vào năm 1970.

Tại Tỉnh Quảng Nam, Chương Trình Phát Triển và

Bình Định không mấy thành công. Các đơn vị quân chính phủ chỉ hành quân gần hậu cứ hoặc đóng giữ các tiền đồn. Các đơn vị cộng quân, phần lớn là quân Bắc Việt, qua biên giới Lào, trú ẩn trên các vùng núi. Họ tràn xuống vùng đồng bằng tấn công rồi lại rút về mật khu. Tuy bị tổn thất nặng nhưng cộng quân không hề từ bỏ các cuộc tấn công vào quân của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Trước khi tôi đến Tỉnh Quảng Nam một ngày, các đơn vị cộng quân đã tấn công vào một tiền đồn của lực lượng Địa Phương Quân gần Tỉnh lỵ. Và trong thời gian tôi công tác tại Tỉnh này, quân Bắc Việt đã tấn công vào một làng người Công Giáo nhân ngày lễ quan trọng của tôn giáo này.

Ngày 13 tháng 5 năm 1971 Bunker cùng Tướng Abrams tiếp xúc Thiệu để thảo luận một vấn đề mà hai người cho là quan trọng, đó là việc buôn bán thuốc phiện lậu. Bunker thẳng thắn nói với Thiệu biết nếu không có biện pháp cụ thể để chặn đứng việc buôn bán thuốc phiện nguyên chất thì Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ ngưng ngay việc ủng hộ chính quyền của Thiệu. Thiệu yên lặng. Giống như phần đông những người Việt Nam, Thiệu chẳng biết gì về thuốc phiện. Một số ít người Việt Nam, phần lớn thuộc tầng lớp trưởng giả có hút thuốc phiện và một số nông dân Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long có dùng cần sa, nhưng thành phần ấy rất ít.

Bất ngờ người ta phát giác có một đường dây chuyên buôn bạch phiến và cần sa trong Quân Đội Mỹ, thậm chí có một số Quân Nhân Mỹ trở về nước mang theo cả những thứ ấy. Điều đó vượt ra ngoài truyền thống của Quân Đội và đã trở thành lớn chuyện. Một số Dân Biểu

kết án, điều đó xảy ra vì Quân Đội Mỹ có mặt tại Miền Nam Việt Nam.

Nhưng Abrams đã có lần nói với Bunker, 50% Quân Nhân Mỹ đã thử qua bạch phiến, cần sa ngay tại Hoa Kỳ trước khi họ được gửi sang Việt Nam. Thế nhưng dù xuất phát từ đâu, chính phủ Sài Gòn cũng phải đối diện và giải quyết vấn đề nan giải ấy nếu không muốn công luận Hoa Kỳ đã kích.

Bunker đã đặt vấn đề bạch phiến, cần sa với Thiệu như thể là một phần trong toàn bộ bối cảnh việc chính phủ Sài Gòn thiếu khả năng kiểm soát buôn lậu tại Miền Nam Việt Nam, mà Bunker đã thảo luận cùng Thiệu vào một năm trước đó. Xăng dầu của nhà nước bị ăn cắp bán ra thị trường với giá chợ đen, nhân viên quan thuế buôn lậu hàng xa xỉ phẩm, việc xuất cảng lậu vũ đạn đồng...

Bunker cũng yêu cầu Thiệu chỉ định một viên chức chính phủ cao cấp đi nghiên cứu và đặt kế hoạch chống lại việc buôn lậu nói trên. Thiệu đồng ý và ngày hôm sau, trong phiên họp giữa Thiệu, Thủ Tướng Khiêm, Cố Vấn Quân Sự của Thiệu là Tướng Quang, Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, Bộ Trưởng Kinh Tế, Tài Chánh và Y Tế, một kế hoạch chống tham nhũng và buôn lậu đã hình thành.

Công tác cuối cùng của tôi với Chuck Cooper trước khi tôi trở về Mỹ để trở lại Trường Luật Harvard đã để lại trong tôi một ấn tượng không mấy lạc quan về hệ thống kinh tế của Miền Nam Việt Nam, đang đi đến đà sụp đổ. Cooper đã nghe có đường dây buôn lậu lớn từ Cam Bốt qua Việt Nam ngã biên giới. Tôi lái chiếc xe Datsun Bluebird trắng đến một Thị Trấn gần biên giới là Gò Dầu Hạ.

Vài năm trước đó, viên Tư Lệnh Vùng III Chiến Thuật, bao gồm lãnh thổ Gò Dầu Hạ đã tổ chức để cho bà Mười An được phép chở hàng sang buôn bán tại Cam Bốt. Lẽ tất nhiên có cả sự móc nối với một số sĩ quan Cam Bốt để bảo vệ an ninh. Bà ta có vài chiếc xe chở hàng loại lớn nhưng đồng thời cũng có thể mượn thêm xe vận tải của Quân Đội Miền Nam để tăng cường mỗi khi cần. Hàng từ Việt Nam chở sang gồm quần áo, vải vóc, phân bón, ciment... Từ Cam Bốt chở về Việt Nam thì có bạch phiến, cần sa, thuốc phiện, rượu của Pháp. Dĩ nhiên cả hàng chở sang Cam Bốt và hàng từ Cam Bốt chở về đều không đóng thuế.

Ông Quận Trưởng cho hợp một chợ trời khoảng 500 thước cách biên giới Miền và 100 thước cách lộ chính. Người Cam Bốt với phương tiện xe đạp, xe gắn máy đến đó mỗi ngày để mua hàng hóa Việt Nam. Nhiều dịch vụ bí ẩn cũng được trao đổi tại đây. Xe Mercedes, Peugeot 404 mới toanh và nhiều xe du lịch sang trọng khác đậu chật gần khu chợ. Chủ nhân một trong những rừng xe ấy, bảng số EO5132 thuộc Hội Lions Club Sài Gòn khó có thể hiểu được, một người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, mang đôi kính mát màu đen đắt tiền lại đứng trong một túp lều bán cà phê. Không, ông ta là người đang chờ chuyển hàng chở thuốc phiện đến giao, người ta nói với tôi như thế.

Tôi hỏi ông Quận Trưởng về những đường dây buôn lậu tại chợ trời. Ông ta cười, yên lặng, dẫn sang chuyện khác, rồi sau đó mời tôi đi ăn trưa. Ông ta không phải là Quận Trưởng có tài nhưng là ông Quận Trưởng vui tính. Ông ta có quan hệ mật thiết với ông Tướng Tư Lệnh Vùng. Bà Mười An vừa mới tặng ông ta một chiếc Peugeot 404 mới toanh.

Sau khi đọc bản báo cáo của tôi, Cooper yêu cầu tôi trình bày vấn đề trên với ông Bộ Trưởng Tài Chánh, người họ hàng với Nguyễn Cao Thắng. Tôi thảo luận và đưa ra một số phương thức giải quyết nhưng chẳng kết quả gì. Ông ta nói với tôi, sẽ cử nhân viên quan thuế đến Gò Dầu Hạ điều tra, cũng như cử nhân viên điều tra buôn lậu tại Hải Cảng Vũng Tàu, nhưng lại nói thêm phải chờ chỉ thị của Thiệu. Nếu không thì cuộc điều tra cũng vô ích.

Qua sự tìm hiểu và tiếp xúc với nhiều người đã đưa tôi đến những nghi ngờ:

Vị Tân Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia đã ra lệnh nhân viên thuộc cấp dẹp bỏ được chợ trời tại Trung Tâm Sài Gòn nơi chuyên bán những hàng hóa từ các PX của Quân Đội Mỹ chuyển ra. Hai tháng sau, một chợ trời mới được mọc lên ở Chợ Lớn, khu người Hoa, do một nhóm người thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Động điều khiển. Hàng hóa bán tại đây xuất xứ không phải từ các PX của Mỹ mà từ ngoại quốc chuyển vào. Hầu hết con buôn đều liên hệ với Cảnh Sát. Phần đông những nhân viên Cảnh Sát cao cấp của chính phủ tại Thành Phố Sài Gòn, Thương Cảng, Quan Thuế đều là người trong gia đình hoặc phía bên Thủ Tướng Khiêm hay vợ của ông ta.

Nhân vật chủ yếu lũng đoạn các Tướng lãnh là Tướng Đặng Văn Quang, được Tổng Thống Thiệu chỉ định giám sát Ngành An Ninh Quân Đội và Tình Báo. Các Tướng Tư Lệnh Vùng III và IV Chiến Thuật đều là người của Quang.

Vợ của Quang có liên hệ tới ngành mại dâm và cũng là chủ chốt trong việc xuất cảng bất hợp pháp vỏ đạn đồng. Cũng có nhiều dư luận cho biết chính bà Quang cấu kết với bà vợ bé của Tướng Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia

đứng đầu đường dây buôn bán thuốc phiện lậu từ Cảng Rạch Giá.

Khi ký giả Robert Kaiser của tờ *Washington Post* yêu cầu Thiệu xác định về nguồn tin có một số Tướng lãnh cao cấp thân cận Thiệu đã tham nhũng, Thiệu trả lời, có vẻ giận dữ, là đừng đặt câu hỏi ấy với các Tướng lãnh mà nên hỏi các bà vợ của các ông ấy.

Tôi cũng đã nhận diện ra được, một người Mỹ sống tại Miền Nam Việt Nam và vợ anh ta là người Pháp gốc đảo Corse đã chuyên chở thuốc phiện từ Lào về Sài Gòn và khách hàng tiêu thụ là những người Pháp cùng quê với vợ anh. Anh ta được chính phủ Hoa Kỳ cho phép chuyển vận hàng hóa xuất và nhập từ Lào sang Việt Nam qua ngã Cam Bốt. Nhờ thế những tài xế của anh ta tự do ra vào biên giới và không bị một cơ quan nào kiểm soát.

Qua các sự kiện trên, suy ngẫm, tôi chợt nhận ra lời nói của những bạn tôi trong đảng Tân Đại Việt thế mà đúng. Chiến tranh đã tạo cơ hội cho một thiểu số làm giàu, họ vẫn có thói quen của thời Pháp thuộc, dựa vào thế chính trị để kinh tài. Thế nhưng đó lại là một điều đau đớn với những người Việt Nam Quốc Gia yêu nước. Cooper đã hoàn tất một số cải cách quan trọng, giảm thiểu sự can dự về phía chính phủ vào lãnh vực kinh tế và phải chăng giúp Thiệu hoàn tất trách nhiệm của ông trong tương lai.

Có lần tại Bangkok, tôi đã được mời vào Tòa Đại Sứ để dùng bữa ăn trưa chung với Tướng Abrams. Trong câu chuyện mạn đàm tổng quát hôm ấy, tôi đã đề cập đến tình trạng suy sụp do Tướng Quang và một số thân cận của ông ta tạo nên. Câu chuyện của tôi dường như mọi người muốn bỏ lơ và chuyển sang một đề tài khác.

Bunker đã nhiều lần đặt vấn đề với Tổng Thống Thiệu và Thủ Tướng Khiêm về việc tham nhũng nhưng đó là những trường hợp đã xảy ra ở tầm cỡ nghiêm trọng. Dưới mắt Bunker nguyên nhân xuất phát từ tệ trạng tham nhũng từ vấn đề của xã hội và ông ta cũng không muốn trở thành người thẩm vấn hay điều tra về sự kiện đó. Ellsworth Bunker không hề tìm hiểu việc tham nhũng xảy ra như thế nào và ai là người đầu mối. Ông ta không nghĩ rằng tầm vóc tham nhũng sẽ ảnh hưởng thế nào đến vấn đề chính trị.

Chỉ trước khi trở về cơ quan Trung Ương Tình Báo tại Washington, Bill Colby mới chỉ định một nhân viên cao cấp Hoa Kỳ đặc trách vấn đề chống tham nhũng tại Miền Nam Việt Nam. Thế nhưng sau khi Colby rời khỏi Sài Gòn tình trạng tham nhũng vẫn y nguyên. Bunker, Cooper và những nhân viên cao cấp Hoa Kỳ khác đều biết rằng chính tham nhũng đã làm hạn chế tiềm năng chiến đấu của Miền Nam Việt Nam để giành thắng lợi sau cùng trong chiến tranh.

HÀNH QUÂN LAM SƠN 719

Sự sống còn của Miền Nam Việt Nam, qua nhận định của Ellsworth Bunker, không phải do từ vấn đề tham nhũng mà nguyên nhân chính là tùy thuộc khả năng quân sự của quân đội Bắc Việt. Một khi khả năng tấn công của Hà Nội bị cạn kiệt, chừng ấy Miền Nam mới được an toàn. Vì thế nỗ lực quan trọng nhất của Quân Đội Miền Nam Việt Nam là phải tấn công quân chính quy của Hà Nội trú đóng tại Lào. Nếu điều đó thực hiện thành công, Quân Đội Miền Nam Việt Nam sẽ tự bảo vệ được lãnh thổ của họ sau khi Hoa Kỳ rút hết quân về nước.

Ngày 28 tháng 9 năm 1970 một phiên họp giữa Bunker với các Đại Sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan, Cam Bốt và Lào, các Tướng Abrams, Đô Đốc John McCain Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương đã diễn ra tại Sài Gòn, nhằm để duyệt xét tình hình quân sự tại Đông Dương. Viễn ảnh cho thấy Cam Bốt và Lào mong manh nhất. Hà Nội đang cải tiến đường mòn Hồ chí Minh tại Lào để gia tăng việc tiếp liệu cho quân đội của họ tại Miền Nam Việt Nam, thay thế cho đường biển bị chặn đứng tại Cam Bốt.

Washington đã yêu cầu Bunker thực hiện phiên họp ấy và tìm phương cách để đối phó lại kế hoạch của Hà Nội như đã nêu ở trên. Thế nhưng Quân Đội Hoa Kỳ lại không được sử dụng vào kế hoạch này. Do đó mà khả năng còn lại là Quân Đội Miền Nam Việt Nam tổ chức một cuộc hành quân bằng đường bộ sang Lào để cắt đứt đường mòn Hồ chí Minh. Chiến dịch này dự trù sẽ thực hiện vào mùa Xuân sau đó.

Tướng Abrams và Bunker đã khuyến cáo về Washington, muốn cắt đứt đường mòn này ở Lào thì phải dùng một lực lượng quân sự như Ellsworth Bunker đã trình bày vào tháng 6 năm 1967. Cùng lúc ấy, Quân Đội Miền Nam Việt Nam trú đóng xung quanh Sài Gòn cũng mở các cuộc hành quân qua Cam Bốt ở đồn điền cao su Chup nơi sư đoàn 9 việt cộng đặt bản doanh.

Theo Tướng Abrams, để chuẩn bị cuộc hành quân sang Lào, Quân Đội Hoa Kỳ phải có trách nhiệm bảo vệ an ninh vùng giới tuyến phi quân sự để ngăn chặn sự thâm nhập của Bắc Việt có thể tràn sang, và mở lại căn cứ Khe Sanh, giữ an toàn Quốc Lộ 9 dẫn sang Lào. Có thể thì điểm xuất phát cuộc hành quân được bảo đảm và phương

tiện tiếp liệu không sợ thiếu hụt. Miền Nam Việt Nam tối thiểu phải cần 2 Sư Đoàn và vượt qua dãy núi Trường Sơn.

Khi yêu cầu Quân Đội Miền Nam Việt Nam thực hiện một cuộc hành quân quy mô như thế tại Lào có lẽ Abrams đã đòi hỏi Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh hơn sức chịu đựng của họ, thực hiện một mục tiêu quá khó khăn. Để thay thế những tổn thất to lớn mà Hà Nội đã bị thất bại do các cuộc hành quân, phía Đồng Minh thực hiện vào giữa năm 1970, Hà Nội đã tận dụng mùa khô giữa 1970-1971 tái tiếp tế đường mòn này.

Kể từ sau tháng 5 năm 1971 mùa mưa bắt đầu, do đó việc chuyển vận khó khăn. Vì thế, vào tháng 2 và 3 năm 1971 khả năng hoạt động của cộng quân giảm xuống mức rất thấp, nhất là tại Cam Bốt và các Tỉnh thuộc phía Nam của Miền Nam Việt Nam. Hơn nữa, lực lượng cộng quân các Tỉnh thuộc phía Bắc Trung Phần không đáng kể.

Sau khi Washington chấp nhận kế hoạch, Tướng Abrams trình bày kế hoạch trên với phía Miền Nam Việt Nam và hai bên cùng thảo luận những mục tiêu và về chiến thuật. Thời tiết không tốt để sử dụng trực thăng và phía Miền Nam tập trung được có 8 Trung Đoàn trong khi lực lượng Bắc Việt tại mục tiêu bên Lào ước định là 11 trung đoàn cộng với 8 trung đoàn trừ bị bảo vệ đường mòn. Nói rõ hơn, cộng quân có 46.000 quân tại mục tiêu trong khi lực lượng tấn công của Miền Nam chỉ có 17.000 binh sĩ. Lực lượng quân sự Hoa Kỳ chỉ yểm trợ về không kích và trực thăng chuyển vận.

Đúng theo kế hoạch, ngày 8 tháng 2, Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã tiến vào vùng rừng núi trùng điệp của dãy Trường Sơn, dãy núi đã từng chôn vùi huyền thoại

quân đội Pháp trong thời chiến tranh với Việt Minh. Quân đội Việt Minh hình thành bắt đầu cũng từ dãy núi này, nằm dọc biên giới Trung Quốc. Người chỉ huy đầu tiên là Chu Văn Tấn, với một đơn vị nhỏ, trang bị vũ khí thô sơ, đã chỉ huy toàn lính cộng sản của ông chống lại Nhật.

Năm 1951, lực lượng Việt Minh đã kiểm soát được tuyến đường do lực lượng Pháp cố thủ, để ngăn chặn sự thâm nhập giữa biên giới Trung Quốc và vùng núi nói trên. Sự kiểm soát này tạo an toàn sự vận chuyển giữa chính quyền Hồ chí Minh và chính phủ cộng sản mới tại Bắc Kinh.

Cũng chính dãy núi này, chạy dài xuyên về Nam, Tỉnh Bình Định, đơn vị cơ động 100 của Pháp bảo vệ con đường Tỉnh Lộ 19 đã bị quân đội Việt Minh cắt đứt. Và rồi, năm 1954 cú điểm chiến lược vùng lòng chảo Điện Biên Phủ tại dãy núi này của quân đội Pháp, do sự hỗ trợ của quân cộng sản trung quốc, quân đội Việt Minh tràn chiếm, dẫn đến sự kết thúc chiến tranh Việt-Pháp. Chính vì thế, cho dù các đơn vị tinh nhuệ nhất của Quân Đội Miền Nam Việt Nam được tung vào cuộc hành quân này cũng không đủ khả năng để đảo ngược ưu thế chiến thắng từ phía cộng quân.

Đối với Bunker, cuộc hành quân tại Lào là một thử thách cam go cho Miền Nam Việt Nam. Nếu lực lượng quân sự Miền Nam trong cuộc hành quân này không bị đối phương đánh bại thì điều đó có nghĩa là Quân Đội ấy có đủ khả năng tự đảm nhận trách nhiệm bảo vệ xứ sở họ. Cuộc hành quân nhằm cắt đứt đường mòn Hồ chí Minh được mang tên là cuộc hành quân Lam Sơn 719. “Núi Lam” (Lam Sơn) thuộc dãy Trường Sơn đi vào lịch sử do

nhà lãnh đạo Lê Lợi đã dùng nơi đây làm căn cứ để mở cuộc kháng chiến 10 năm chống lại sự xâm lăng dưới triều đại nhà Minh bên Tàu, vào năm 1407 và đã thành công.

Không có một đơn vị Bộ Binh hay các Cổ Ván quân sự Hoa Kỳ nào tháp tùng theo các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc hành quân này. Bởi lẽ, phản ứng từ cuộc hành quân sang Cam Bốt, Quốc Hội Hoa Kỳ đã hạn chế tối đa việc sử dụng lực lượng Bộ Binh Hoa Kỳ hành quân ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do đó Tướng Abrams chỉ còn hỗ trợ được cho Miền Nam về mặt Không Quân và trực thăng dùng để tiếp tế hay chuyển quân theo yêu cầu của các sĩ quan Cổ Ván cao cấp tại Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Nếu cuộc hành quân sang Lào bị thất bại ở một khía cạnh nào đó thì Bunker cũng phải trực diện với những chống đối chỉ trích điên cuồng. Quân Đội Miền Nam Việt Nam không chiến thắng thì với dư luận Mỹ, điều đó có nghĩa, khả năng quân sự Việt Nam Cộng Hòa mà chính phủ Nixon cố gắng thực hiện trong chính sách Việt Nam Hóa Chiến Tranh, cũng trở thành ảo tưởng.

Nhưng may mắn cho Bunker, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, qua cuộc hành quân đó, đã chứng tỏ họ có khả năng. Trong 34 Tiểu Đoàn của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tham dự cuộc hành quân này chỉ có 4 Tiểu Đoàn chứng tỏ thiếu khả năng. Tướng Abrams nhận định trong số ấy 18 Tiểu Đoàn đã chiến đấu kiên cường ngay trong vùng đất xa lạ của địch quân.

Cùng lúc với cuộc hành quân Lam Sơn 719, Quân Đội Miền Nam Việt Nam cũng thực hiện một cuộc hành quân quy mô khác vào đồn điền cao su Chup thuộc lãnh

thổ Cam Bốt để chặn đứng và tiêu diệt 3 trung đoàn chính quy của Hà Nội đang chuẩn bị tiến về Vùng Cao Nguyên Miến Nam tại Kontum. Và cũng chưa bao giờ lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân chứng tỏ họ đã hoàn thành nhiệm vụ trong việc bảo vệ lãnh thổ trong khi các lực lượng chính quy tham dự vào cuộc hành quân ngoại biên.

Chủ điểm của cuộc hành quân Lam Sơn 719 là thiết lập một con đường dọc theo con sông chạy về thung lũng Thành Phố Tchepone của Lào. Sư Đoàn Dù Miến Nam được tăng cường với một đơn vị Thiết Giáp sẽ tiến bằng đường bộ đến thung lũng và bảo vệ con đường ấy cho mục tiêu tiếp liệu. Trên các ngọn đồi phía Bắc của thung lũng các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân và Dù được trực thăng vận chuyển đến chiếm cứ và dùng vào các cứ điểm bảo vệ thung lũng.

Tại phía Nam, các căn cứ phòng thủ được thiết lập rải rác để giữ an ninh trực lộ. Sư Đoàn 101 Dù của Hoa Kỳ được tăng cường với các đơn vị trực thăng và một Bộ Chỉ Huy đặc biệt điều khiển trực thăng hỗ trợ cho cuộc hành quân. Kế hoạch ấy cho phép sự ước tính, chỉ trong vài ngày, các đơn vị sẽ hoàn tất các mục tiêu đã được chỉ định.

Do thời tiết xấu nên các cuộc oanh kích trước đó đã bị hạn chế, thế nhưng cuộc hành quân vẫn tiến hành. Tin tức liên quan đến cuộc hành quân này bị cấm phổ biến cho báo chí và Hà Nội cũng dự đoán được những trận chiến nào sẽ xảy ra.

Các tài liệu sau này cho thấy, vào tháng 10 trước đó, các nhà lãnh đạo cộng sản Bắc Việt đã tiên liệu là sẽ có cuộc hành quân qua Tchepone và đã chuẩn bị đào những hầm

trú ẩn chung quanh khu vực này. Các hàng tiếp liệu của họ trước kia tồn trữ tại đây giờ đã được họ chuyển xa hơn về hướng Tây.

Ngày đầu tiên, các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa đã di chuyển hơn một cây số về hướng thung lũng và đã thiết lập những căn cứ hỏa lực cả hai phía Bắc và Nam. Bốn bãi trống do bom tàn phá được sử dụng làm các bãi đáp trực thăng. Nhưng ngày thứ hai thì mưa lớn. Đường số 9 dọc theo thung lũng vốn đã hư hỏng, do mưa nên càng thêm lầy lội. Sự chuyển quân phải dừng lại cho mãi chiều ngày thứ ba. Vì thời tiết xấu, các cuộc di chuyển quân chỉ thực hiện được ban ngày, do đó địch quân dễ dàng quan sát và bố trí. Một chiếc máy bay trực thăng bị lâm nạn trong đó có bản sao tập bản đồ hành quân và bản mật mã vô tuyến liên lạc.

Vài ngày sau khi cuộc hành quân bắt đầu, Tổng Thống Thiệu ra lệnh cho các vị Tư Lệnh Chiến Trường, Tướng Hoàng Xuân Lãm, tiến chiếm mục tiêu Tchepone và lùng kiếm các kho tiếp liệu mà Hà Nội đã chuyển vào và cất dấu chung quanh khu vực đó. Theo Thiệu, chỉ chiếm Tchepone khi nào trực thăng chuyển vận đã đầy đủ và mỗi ngày lực lượng hành quân còn có mặt tại Lào thì làm cho các đơn vị cộng quân tại phía Nam mất đi một tuần lễ tiếp tế về lương thực và đạn dược.

Thời tiết trở nên thật xấu, gây trở ngại cho việc chuyển vận bằng trực thăng. Do thế, trực thăng chỉ có thể bay dọc theo con sông chạy dài theo thung lũng nên các đơn vị phòng không của Bắc Việt dễ dàng tiêu diệt. Con đường số 9 bị mưa lầy lội, khó sử dụng, Không Quân Hoa Kỳ có trách nhiệm hỗ trợ các lực lượng Bộ Binh Miền Nam

trong cuộc hành quân, do liên lạc thiếu chính xác của các sĩ quan Miền Nam nên đã không đáp ứng được mục tiêu và nhu cầu mà phía Quân Đội Miền Nam đòi hỏi.

Ngày 14 tháng 2 năm 1970, Tướng Abrams thúc bách Thiệu nên ra lệnh tiến chiếm Tchepone. Hai ngày sau đó, Tướng Abrams và Tướng Tổng Tham Mưu Trường Quân Đội Miền Nam đã họp với Tướng Tư Lệnh cuộc hành quân, Hoàng Xuân Lãm. Cuộc họp quyết định phía Hoa Kỳ tăng cường thêm lực lượng Không Quân yểm trợ. Ngày 17 tháng 2, trời lại tiếp tục mưa, lực lượng trực thăng vận Hoa Kỳ không thể hoạt động.

Quân đội Bắc Việt bắt đầu phản công. Sư đoàn 308 chính quy Bắc Việt từ Miền Bắc đã vào đến chiến trường, bắt liên lạc được với trung đoàn thuộc sư đoàn 320, trú đóng vùng Khe Sanh vốn đã bị cắt đứt khi Quân Đội Miền Nam hành quân sang Lào từ ngày 4 tháng 2. Các đơn vị pháo binh và phòng không của Hà Nội được tăng cường vào khu vực này.

Đầu tiên, đơn vị cộng quân tấn công vào căn cứ hỏa lực do các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân trú đóng về phía Bắc thuộc lãnh thổ của Lào. Áp dụng các chiến thuật cũ ở Điện Biên Phủ, cộng quân pháo kích ồ ạt rồi dùng biển người tràn ngập để chiếm từng mục tiêu. Chiều ngày 20 tháng 2, căn cứ hỏa lực do một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân trú đóng đã bị bao vây và tấn công. Tiểu Đoàn này phải phá vòng vây để rút về một căn cứ hỏa lực khác gần đó. Đêm hôm sau, căn cứ hỏa lực này cũng bị đại pháo 130 do Nga Sô viện trợ, pháo kích dữ dội.

Tướng Lãm nhận định, các căn cứ hỏa lực của Biệt Động Quân khó có khả năng bảo vệ được và đành khác, không

muốn các đơn vị đó bị hy sinh một cách oan uổng, ông đã ra lệnh các đơn vị trên rút về các căn cứ ở phía Nam.

Trong cuộc chuyển quân này, vì thời tiết xấu nên Không Lực Hoa Kỳ không yểm trợ được, do đó các đơn vị Biệt Động Quân đã bị tổn thất nặng nề. Thế nhưng họ đã tiêu diệt tại chiến trường hai tiểu đoàn cộng sản, tiểu đoàn thứ ba trung đoàn này sát nhập vào một đơn vị khác. Tin tức bắt được qua các cuộc điện đàm của họ đã xác định điều đó.

Thế nhưng giới phóng viên báo chí Tây Phương theo dõi cuộc hành quân Lam Sơn 719 lại diễn tả với luận điệu bi quan. Bởi lẽ, phần lớn các buổi thuyết trình trước báo chí Hoa Kỳ đều do phía Miền Nam Việt Nam thực hiện và họ không đáp ứng nổi những điều “cho và nhận” theo thói quen của giới truyền thông Tây Phương.

Mặc dù hai con đường tiếp liệu quan trọng nhất của Hà Nội dùng để tiếp tế cho cộng sản phía Nam đã bị cắt đứt, nhưng báo chí truyền thông Tây phương vẫn ngộ nhận mục tiêu về cuộc hành quân sang Lào này. Mục tiêu đó không phải chỉ nhằm để tịch thu những đồ tiếp liệu của Hà Nội hay chiếm cứ đất đai mà là để chặn đứng sự chuyển vận đạn dược và vũ khí do Hà Nội cung cấp cho các lực lượng của họ tại Cam Bốt hay chung quanh Sài Gòn.

Tướng Abrams cho biết, trước kia lực lượng Hoa Kỳ thường chạm trán với các sư đoàn Hà Nội 308 và 320 chung quanh Huế, nhưng bây giờ “chúng ta chiến đấu với họ tại Lào”. Tương tự như thế, trước kia cả Hà Nội lẫn Miền Nam Việt Nam cùng chiến đấu để chặn đường sư đoàn 9 Hà Nội chung quanh Sài Gòn, còn hiện tại chỉ

có Quân Đội Miền Nam Việt Nam chiến đấu đơn độc tại Cam Bốt, phía Bắc của Nam Vang.

Sau khi lực lượng Biệt Động Quân rút bỏ một số căn cứ hỏa lực Hà Nội liền đó mở các cuộc tấn công biển người vào các căn cứ còn lại nằm về hướng Bắc của Tchepone. Một trong các căn cứ đó đã bị cộng sản với sự hỗ trợ của chiến xa, đã tràn ngập chỉ trong vòng 40 phút, mặc dù có lực lượng Không Quân Hoa Kỳ tham dự.

Nhưng ngày 28 tháng 2, Tướng Lâm trình bày với Thiệu về một kế hoạch mới. Rút hai Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến trừ bị đưa về bảo vệ mạn sườn phía Nam, trong khi đó, Sư Đoàn I tiến thẳng để tiến chiếm mục tiêu Tchepone. Ngày 1 tháng 3 Thiệu cho Abrams và Bunker biết, ông ta cần thêm lực lượng để tăng cường. Các cuộc oanh tạc do B52 thực hiện tại chiến trường đã có hiệu quả. Sự tổn thất của Hà Nội trung bình là một trung đoàn cho mỗi tuần lễ.

Ngày 3, 4 và 5 tháng 3, các Tiểu Đoàn của Sư Đoàn I Miền Nam Việt Nam đã chiếm ba cứ điểm chiến thuật nằm phía Nam của Tchepone sau khi chạm trán với nhiều trận đánh với cộng quân. Ngày 6 tháng 3, một số đơn vị khác của Sư Đoàn I đã chiếm được phía Bắc của Tchepone và cô lập Thị Trấn này.

Không áp dụng chính sách độc tài để cai trị như cộng sản miền bắc, Thiệu không thể hy sinh tầng lớp thanh niên cho cuộc chiến một cách uống phí như Hà Nội thường làm là chiến thuật biển người, đã cưỡng bách thanh niên Miền Bắc chết oan uổng. Tướng Giáp của Hà Nội đã có lần nói với phóng viên báo chí rằng, trong khi cứ mỗi phút có 100.000 người trên quả đất chết đi, thì sự

sống và chết của sinh mệnh con người chẳng nghĩa lý gì (*Newsweek*, tháng 9 năm 1969).

Trong suốt cuộc hành quân Lam Sơn tại Lào, Hà Nội đã tổn thất hơn nửa trong tổng số 40.000 người có mặt tại đó. Thế nhưng, Miền Nam Việt Nam, sự hy sinh của họ, không ai nhìn thấy giá trị. Không ai nói về sự tổn thất nhân mạng là giá trả cho sự tự do, nhưng lại kết án đó là do tham vọng chính trị của người lãnh đạo. Cộng sản đã tàn sát tập thể tại Huế trong dịp Tết Mậu Thân 1968, Mùa Hè năm 1968 hỏa tiễn thường xuyên rót vào Thành Phố Sài Gòn giết dân chúng. Những điều ấy đã làm cho Thiệu e ngại, phản ứng dân chúng đối với chính phủ của ông ta. Tiếp theo năm 1971, khi con số thương vong của Quân Đội Miền Nam Việt Nam lên cao từng ngày, nhất là do cuộc hành quân Lam Sơn 719, đã làm cho quần chúng ủng hộ Thiệu giảm xuống.

Tại Sài Gòn, cựu Thủ Tướng Trần Văn Hương, lúc bấy giờ trở thành Nghị Sĩ, đã thăm một người trong họ hàng bị thương trong cuộc hành quân Lam Sơn. Sau khi nghe kể lại trận đánh và việc thiếu tiếp liệu, Hương đã tuyên bố trước báo chí lời kết án Hoa Kỳ đã cố tình để Quân Đội Miền Nam bị thất bại trong trận đánh quan trọng này. Tướng Kỳ Phó Tổng Thống, lên án Hoa Kỳ không yểm trợ đầy đủ, Bunker đã gặp Hương giải thích, Hoa Kỳ đã nhận hỗ trợ cuộc hành quân nhưng thực tiễn do thời tiết nên đã bị hạn chế.

Ngày 9 tháng 3 Thiệu tuyên bố kết thúc cuộc hành quân Lam Sơn. Phải nói rằng, chưa bao giờ có cuộc thắng lợi to lớn như cuộc hành quân này. Nó đã chặn đứng được đường tiếp liệu của Hà Nội, vì hai tháng sau đó mùa mưa

bắt đầu. Trong suốt thời gian hành quân quân đội Bắc Việt tại phía Nam chỉ nhận được 12% đồ tiếp liệu từ Hà Nội so với trước cuộc hành quân Lam Sơn. Nhưng đồng thời thì Thiệu cũng phải trả một cái giá khá nặng nề bao gồm Sư Đoàn I Bộ Binh, các đơn vị Dù và Thủy Quân Lục Chiến. Các đơn vị chủ yếu và tinh nhuệ này buộc họ hy sinh tại vùng rừng núi như Lào là không xứng đáng với họ.

Đã tiến và chiếm được mục tiêu mà cuộc hành quân đã đề ra, nhưng trở ngại quan trọng đối với cấp chỉ huy Quân Đội Miền Nam Việt Nam là rút quân. Rút quân trong tình huống bị địch tấn công là một thách thức chủ yếu đối với một vị Tư Lệnh tại chiến trường. Mỗi một thất bại, cho dù là chẳng đáng kể, nhưng hậu quả lại không lường được. Năm 1975 Miền Nam Việt Nam rút bỏ Pleiku và Huế đã mở đầu cho sự sụp đổ của toàn chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng năm 1971 trong vòng 12 ngày, phải rút quân trở về khỏi Lào dưới áp lực đè nặng của đối phương, một số đơn vị đã bị tan rã nhưng vẫn rút về được, và sự tổn thất này nằm trong vòng ước tính.

Ngày 13 tháng 3, một số đơn vị của Sư Đoàn I hành quân phía Nam Tchepone, trên đường rút quân đã bị địch quân tấn công. Một Trung Đoàn khác cũng thuộc Sư Đoàn này trên đường rút quân về hướng Đông cũng đã bị cộng quân bao vây. Tiểu Đoàn thứ 4 thuộc Trung Đoàn này đi sau cùng vì có nhiệm vụ bảo vệ các Tiểu Đoàn khác trong cuộc rút quân đã bị cộng quân tràn ngập. Tiểu Đoàn khác trong cuộc rút quân đã bị cộng quân tràn ngập. Tiểu Đoàn Trưởng và Bộ Tham Mưu Tiểu Đoàn đã hy sinh nhưng 82 trong tổng số 300 binh sĩ thuộc Tiểu Đoàn này đã sống sót và về được hậu cứ.

Cùng lúc, một số căn cứ do Thủy Quân Lục Chiến trấn giữ đã bị đạn pháo 130 ly của cộng quân pháo kích nặng nề. Trung Đoàn cuối cùng của Sư Đoàn I rút về ở mạn sườn phía Tây cũng bị ba trung đoàn Bắc Việt bao vây và tấn công.

Ngày 19 tháng 3, các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa đã tiến đến được dọc đường số 9. Chính buổi chiều hôm ấy, Thiệu thảo luận với Abrams và Bunker về quyết định rút quân. Bây giờ cộng quân bắt đầu mở cuộc tấn công vào các đơn vị Dù bảo vệ mạn sườn phía Bắc của thung lũng. Ba trung đoàn thuộc sư đoàn 308 Bắc Việt nhằm tấn công các đơn vị Dù này. Trong khi đó, 2 trung đoàn Bắc Việt khác từ hướng Tây Nam và ba trung đoàn thuộc sư đoàn 324 Bắc Việt từ hướng Nam đuổi theo các đơn vị rút quân của Miền Nam Việt Nam.

Một đơn vị Thiết Giáp của Miền Nam Việt Nam đã bị phục kích và tất cả 18 xe, bao gồm 4 chiến xa đã trở nên bất khả dụng.

Ngày 20 tháng 3, Không Quân Hoa Kỳ đã được gọi tăng cường. Những cuộc không tập diễn tiến liên tục suốt ngày. Trong số 40 trực thăng chuyển vận cho một Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn I rút quân thì 28 chiếc bị hạ do phòng không cộng quân. Ngày 21 tháng 3, hai Tiểu Đoàn cuối cùng của Sư Đoàn I đã bị cộng quân đánh bật ra khỏi phòng tuyến bảo vệ. Trong khi trận chiến xảy ra, trực thăng đã chuyển vận các đơn vị Dù rút quân an toàn.

Ngày 22 tháng 3, cộng quân bao vây một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, B52 đã được yêu cầu rải thảm bom, 400 người bị chết phần lớn là cộng quân. Cuối cùng, đơn vị Thủy Quân Lục Chiến này rút lui được, với sự tổn thất

nhẹ. Và đó cũng là đơn vị cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa trên đất Lào đã triệt thoái. Ngày hôm sau, không còn đơn vị nào của Việt Nam Cộng Hòa trên đất Lào và cuộc hành quân Lam Sơn 719 coi như chấm dứt.

Trong suốt cuộc hành quân, Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã nghiên cứu những địa điểm và vị trí để cho các cuộc oanh kích sau này trên đường mòn Hồ chí Minh. Đồng thời đã gài lại 15.000 quả mìn dọc theo các con đường mòn chuyển vận của Hà Nội. Chính vì hậu quả của cuộc hành quân này mà sau đó Hà Nội đã phải dành từ 3 đến 4 sư đoàn để bảo vệ đường mòn đó.

Với 34 Tiểu Đoàn tham dự vào cuộc hành quân Lam Sơn của phía Miền Nam Việt Nam chỉ có 4 Tiểu Đoàn bị xem là tan rã nhưng đã được tái lập sau đó. Miền Nam Việt Nam mất đi 1.500 Quân Nhân chết và 5.400 bị thương. Phía Hoa Kỳ tổn thất 82 trực thăng và 7 máy bay chiến đấu, 55 Phi Công hay thành viên Phi Hành Đoàn đã bị chết, 178 bị thương và 34 người được ghi nhận là mất tích trên chiến trường

Nếu kể từ trước cho đến khi cuộc hành quân chấm dứt, Hoa Kỳ đã mất khoảng 4.200 trực thăng cho cuộc chiến Việt Nam, 2.300 trong số trực thăng đó bị rút vì tai nạn hay máy móc hư hỏng. Hoa Kỳ đã thực hiện 90.000 chuyến bay trực thăng để hỗ trợ cho Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Phần lớn số máy bay trang bị tổn thất do từ vấn đề chuyển vận đến bãi đáp không an toàn. Mức độ tổn thất ấy được xem như vừa phải, theo lời nhận định của Tướng Tulson trong một cuốn sách ông viết về sự huy động Không Lực trong chiến tranh.

Sự thành công lẫn sự tổn thất to lớn rút ra từ chiến

trường Lào, Miền Nam Việt Nam đã được xem không phải là một Điện Biên Phủ thứ hai. Khi các đơn vị hành quân rút về, dân chúng đã mang những vòng hoa chiến thắng cho họ, điều mà thời Pháp đã không có. Dân chúng đã ủng hộ và hoan nghênh Quân Đội. Lần đầu tiên kể từ khi Bunker đến nhận nhiệm vụ tại Miền Nam Việt Nam, ông ta mới chứng kiến hàng kho vũ khí tịch thu tại Lào về trưng bày tại một công viên ở Sài Gòn cho dân chúng xem.

Ngày 12 tháng 4 năm 1971 Thiệu đã duyệt binh trước 23.000 binh sĩ đã tham dự cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Huế.

Tướng Abrams luôn luôn e ngại về vấn đề Quân Đội Miền Nam Việt Nam tự chiến đấu mà không có Quân Đội Hoa Kỳ hỗ trợ. Vì lẽ, theo ông, các vị chỉ huy Quân Đội chưa thực sự đầy đủ khả năng. Abrams lượng giá khả năng tác chiến của Quân Đội Miền Nam vào khoảng 60-70%, lý do là thiếu lãnh đạo. Nhưng tại Lào, Quân Đội Miền Nam hành quân nơi ấy không có Cố Vấn quân sự Hoa Kỳ, và họ đã chiến đấu có hiệu quả, Abrams nói với Bunker, Quân Đội Miền Nam chỉ cần Hoa Kỳ giúp về phương tiện trực thăng vận chuyển.

Giới truyền thông báo chí theo dõi tin tức cuộc hành quân Lam Sơn 719 đã lừa đảo dân chúng bằng các tường thuật Quân Đội Miền Nam Việt Nam như kẻ bị đánh bại. Những chiếc trực thăng Hoa Kỳ khi trở lại căn cứ Khe Sanh chở theo một số binh sĩ Biệt Động Quân Miền Nam Việt Nam bị thương đã trở thành những đoạn phim hấp dẫn đối với họ. Phỏng vấn vài binh sĩ trong một Phi Hành Đoàn nào đó của Hoa Kỳ, vừa tránh được hệ thống phòng không của địch quân, đã được phóng viên mô tả đậm nét.

Nói một cách khác, hệ thống báo chí chỉ tường thuật ở mỗi một phía. Trong kỳ Tết Mậu Thân, sự thắng lợi về phía chúng ta về mặt quân sự tại chiến trường vẫn chưa đủ. Tâm lý chủ bại luôn luôn có sẵn trong họ.

Ngay cả Tòa Bạch Ốc cũng tỏ ra khốn đốn trong suốt cuộc hành quân này diễn ra. Mặc dù Bunker luôn luôn cung cấp và liên lạc với Kissinger để thông báo tình hình hành quân đang lạc quan, nhưng ngay từ đầu, Washington cũng thiếu tin tưởng và xem việc Quân Đội Miền Nam rút quân là một sự thất bại. Nhà báo Steward Alsop đã đặt câu hỏi, liệu Quân Đội Miền Nam Việt Nam có muốn chiến đấu nữa hay không? Lãnh đạo nhóm Nghị Sĩ Cộng Hòa tại Thượng Viện, Hugh Scott, nói rằng những con điều hâu bây giờ đã gãy cánh. Ông ta tiếp: “Thượng Viện phải áp lực để Tổng Thống phải rút ra khỏi cuộc chiến tranh”.

Nhưng chỉ có trong lãnh vực quân sự mới nhận chân được thành quả đó. Cuộc hành quân “đã đạt được những mục tiêu tiên liệu”. Báo *Newsweek* cũng đã viết như vậy. Hà Nội đã không gây được một Điện Biên Phủ thứ hai, kể cả về mặt tâm lý, Thiệu đã xác định được điều đó. Mặc dù Quân Đội Miền Nam chỉ đạt được một số kết quả tương đối, nhưng với Hà Nội, là một tổn thất nặng nề đối với họ. Phần lớn những thiệt hại của đối phương trong cuộc hành quân này đều do chính Quân Đội Miền Nam Việt Nam thực hiện, Hoa Kỳ chỉ yểm trợ về mặt Không Quân. Đó mới chính là điều quan trọng và bảo đảm thể chủ động của họ trong tương lai. Điều đó đúng bởi vì chính họ đã đạt được những chiến thắng to lớn vào năm kế tiếp.

Sau cuộc hành quân Lam Sơn 719, trong suốt năm 1971 địch quân đã hoàn toàn bị tê liệt và không có một cuộc

tấn công nào quan trọng xảy ra tại Miền Nam Việt Nam. Chẳng những thế, lúc này Bắc Việt chỉ lo tự vệ trước những cuộc hành quân do phe Miền Nam Việt Nam thực hiện tại Cam Bốt và Lào. Căn cứ địa lâu đời Rừng U Minh cũng bị quét sạch. Căn cứ địa Thất Sơn sư đoàn 9 cô lập. Lực lượng cộng quân phải phân tán mỏng để ẩn náu.

KISSINGER HIỆN HÌNH CON BỐ CÂU TRẮNG

Hà Nội đạt được mục tiêu cưỡng chiếm Miền Nam Việt Nam năm 1975 phần lớn do sự yểm trợ của Kissinger ở những năm trước đó. Năm 1971, Kissinger chấp nhận thỏa ước hòa bình với sự lập lờ, quân đội Bắc Việt được phép lưu lại tại Miền Nam Việt Nam. Diễn dịch rõ hơn, hòa bình mà Kissinger đạt được, sau khi Hoa Kỳ hoàn toàn rút quân, Bắc Việt có thể thực hiện mưu đồ của họ tại Miền Nam Việt Nam mà Hoa Kỳ không phản đối.

Trong kỹ thuật thương thuyết, Kissinger đã thi hành trái ngược với Tổng Thống về quan điểm một Miền Nam Việt Nam cho tương lai. Ngày 7 tháng 4 năm 1971 khi loan báo sẽ tăng thêm một khối lượng lớn Hoa Kỳ triệt thoái, Kissinger đã từ chối, không nói thời điểm nào Hoa Kỳ sẽ chấm dứt sự can dự vào cuộc chiến Việt Nam. Nixon muốn Hoa Kỳ chỉ rời khỏi Việt Nam sau khi “giúp dân tộc can đảm này thực hiện ước vọng chân chính của họ, sự tự do”, và không bao giờ “vì công việc nội bộ của chúng ta lại thiếu kiên nhẫn để đẩy dân tộc này rơi vào những người cộng sản”.

Nixon khẳng định rằng, rút quân về nước mà không quan tâm những gì sẽ xảy ra tại Miền Nam Việt Nam những năm sau đó, là phản bội Đồng Minh chúng ta, và

hơn thế nữa, phản bội chính chúng ta. Henry Kissinger đã không nghe tiếng nói từ trái tim của vị Tổng Thống của ông ta.

Ngày 13 tháng 4 năm 1971 bằng đường dây liên lạc bên ngoài của Bộ Ngoại Giao, Kissinger đã yêu cầu Bunker nghiên cứu một kế hoạch mới để ông có thể thương thuyết trong vòng bí mật với Hà Nội. Kissinger muốn tự ông ta đưa ra sáng kiến với phía bên kia để xem phản ứng của họ ra sao, sau đó mới mang ra thảo luận với Thiệu.

Trong 4 ngày liên tục, Bunker đã phác thảo một chiến lược để Kissinger thương thuyết. Trước hết, Bunker cố vấn cho Kissinger, không đưa ra sáng kiến hòa bình quá sớm sau cuộc hành quân Lam Sơn 719 vì Hà Nội tổn thất nặng nề. Còn Thiệu, do sự thành công, có thể tự mãn. Các đơn vị chiến đấu chủ yếu của Hoa Kỳ sẽ về nước trong năm 1971 chừng đó Thiệu sẽ phải đối đầu với một tình huống thực tiễn hơn, do đó Thiệu sẽ uyển chuyển hơn về những đề nghị của Hoa Kỳ đưa ra.

Kế đến, Ellsworth Bunker đưa ra hai dữ kiện để nói chuyện với Hà Nội. Đầu tiên là xem thái độ của Hà Nội có sẵn sàng để thương thuyết hay không. Nếu Bắc Việt đồng ý thảo luận nghiêm chỉnh, kế hoạch của Bunker mới mang ra thương thuyết và chỉ bắt đầu ở phiên họp lần thứ hai.

Trong phiên họp đầu, theo Bunker đề nghị, Washington nên nói thẳng và trình bày cho Hà Nội thấy rõ thực tiễn cụ thể Quân Đội Miền Nam Việt Nam mạnh và Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Quân Đội này luôn ở thế mạnh như thế, kinh tế Miền Nam Việt Nam phát triển khả quan và với viện trợ kinh tế Hoa Kỳ, Miền Nam sẽ còn phát triển hơn nữa.

Chính vì hai yếu tố trên, nếu kế hoạch những tù binh Mỹ đạt được và họ trở về thì Hoa Kỳ sẽ rút toàn bộ lực lượng chiến đấu ra khỏi Đông Dương, chỉ lưu lại một số cấp thiết, vô thời hạn. Hoa Kỳ tiếp tục giảm lực lượng Bộ Binh trong năm 1971 và 1972 nhưng về mặt Không Quân và Tiếp Vận vẫn còn lại Việt Nam. Nếu điều kiện ngưng bắn đạt được, các bên Việt Nam sẽ thảo luận với nhau nhưng Hà Nội phải tôn trọng hiến pháp Miền Nam Việt Nam.

Cộng sản Hà Nội tối thiểu phải trực diện với những thực tiễn trên. Nhưng theo Bunker, nếu nói cho Bắc Việt hiểu rằng, theo quan điểm của Washington, các cuộc thương thuyết vì tính chất hợp lý, phía chính phủ Miền Nam Việt Nam có cả những thành phần ủng hộ Hà Nội được tham dự. Cuối cùng, Ellsworth Bunker muốn, Hoa Kỳ nên cho Hà Nội biết đây là cơ hội tốt nhất để bắt đầu cuộc thảo luận.

Giả thử nếu Hà Nội đồng ý và chấp nhận những điểm mà Hoa Kỳ đã trình bày và tiến đến việc thảo luận nghiêm chỉnh thì phía Hoa Kỳ sẽ đưa ra bước thứ hai của kế hoạch. Hoa Kỳ sẽ rút toàn bộ lực lượng quân sự về nước, hạn chót là ngày 1 tháng 9 năm 1972, thực hiện cuộc ngưng bắn toàn cõi Đông Dương dưới sự giám sát của quốc tế, một số ít lực lượng Hoa Kỳ còn lại Miền Nam sẽ rút quân sau khi các tù binh Mỹ được Hà Nội phóng thích, sự thâm nhập quân đội Bắc Việt vào Miền Nam Việt Nam trong giai đoạn cuối Hoa Kỳ rút quân phải bị hạn chế, ngay khi Hoa Kỳ hoàn tất cuộc rút quân và các tù binh Mỹ đã được phóng thích, tất cả các lực lượng ngoại quốc phải rút ra khỏi Lào, Cam Bốt và Miền Nam Việt Nam trước ngày 1 tháng 3 năm 1973.

Ellsworth Bunker đồng thời cũng đề nghị, hai Tổng

Thống Nixon và Thiệu nên gặp nhau sau khi bản dự thảo đã trao cho Hà Nội. Hai Tổng Thống, cùng công bố lực lượng Bộ Binh Hoa Kỳ không còn cần thiết có mặt ở Miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ đã được yêu cầu để chuẩn bị việc triệt thoái đó. Tổng Thống Nixon cũng công bố bảo đảm viện trợ kinh tế dài hạn cho Miền Nam và tiếp tục hỗ trợ về mặt Không Quân.

Ngày 22 tháng 4 năm 1971, sáu Nghị Sĩ Dân Chủ đã xuất hiện trên truyền hình để phản bác bài nói chuyện của Tổng Thống Nixon vừa trình bày với dân chúng lý do tại sao Hoa Kỳ phải tham dự vào cuộc chiến Việt Nam. Chỉ có Nghị Sĩ Henry Jackson phản đối việc chúng ta tự đặt thời điểm để rút ra khỏi Việt Nam. Nghị Sĩ Birch Bayh nói, chúng ta chẳng thể nào chiến thắng dù có phải chờ đợi thêm thời gian nữa. Theo ông, tốt hơn hết, đừng ủng hộ chính quyền nào tại Miền Nam Việt Nam.

Nghị Sĩ George McGovern cho rằng Việt Nam Hóa Chiến Tranh không thể làm Hà Nội phải phóng thích các tù binh của chúng ta. Chỉ có cách, nếu Hoa Kỳ tuyên bố tự nguyện rút toàn bộ quân khỏi Miền Nam thì ông ta chắc chắn Hà Nội sẽ phóng thích tất cả tù binh mà chẳng cần phải vào bàn thương thuyết.

Nghị Sĩ Edmund Muskie nói rằng Hoa Kỳ đã hy sinh nhiều cho chính quyền Miền Nam hơn bất cứ một người bình thường nào suy nghĩ. Ông ta yêu cầu tất cả các lực lượng Hoa Kỳ phải rời khỏi Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 năm 1971 để chấm dứt “sự đổ máu, những đau đớn kinh hoàng của con người, sự tàn phá đất đai tại Đông Dương và sự mất mát oan uổng những tài nguyên quý giá mà Hoa Kỳ đang cần đến”.

Nghị Sĩ Harold Hughes, không có một chút tự hào nào để kéo dài cuộc chiến cho dù chỉ trong vòng thêm một tuần lễ.

Ủy Ban Đối Ngoại Thượng Viện đã mở một cuộc điều trần về tính chất pháp lý để chấm dứt cuộc chiến. Một Nghị Sĩ đặt câu hỏi, tại sao Hoa Kỳ lại có thể quên đi biết bao nhiêu sinh mạng, sau khi nêu những lý do chính đáng để đòi hỏi họ phải hy sinh? Một số Nghị Sĩ khác đòi hỏi phải cắt giảm quyền hạn của Tổng Thống liên quan đến vấn đề chiến tranh.

Ngày 24 tháng 4, mấy trăm ngàn người diễn hành tại Washington lần nữa để phản đối chính phủ.

Ngày 29 tháng 4, Tổng Thống Nixon tái xác định không đưa ra thời hạn cuối cùng trong việc rút quân. Ông ta lập lại những gì đã nói, Hoa Kỳ chỉ chấm dứt theo đuổi cuộc chiến “một khi chúng ta xác định được rằng, chúng ta sẽ không phải cạn dự vào một loại chiến tranh như thế trong tương lai. Nếu không chúng ta sẽ khuyến khích kẻ xâm lăng tái tiếp tục và Hoa Kỳ phải đối đầu với những khó khăn hơn thế nữa”. Dưới mắt Nixon, Hoa Kỳ không có lý do gì để đơn phương rút quân một khi chưa đạt được thỏa ước với Hà Nội về những điều chúng ta muốn.

Những ngày đầu tháng 5 năm 1971, đối với Tòa Bạch Ốc là khủng khiếp nhất. Khối lượng người biểu tình đã tràn ngập Thủ Đô Washington. Chung quanh Tòa Bạch Ốc, xe bus đậu không còn chỗ cho xe thường. Những Cổ Vấn thân cận nhất với Nixon đã mất niềm tin khi tận mắt nhìn đoàn người biểu tình ấy. Hàng ngàn người đã tràn ngập xuống đường khi bị Cảnh Sát ngăn cản. Một hành động biểu tình mà sau này được xác định là vi hiến.

Trong bầu không khí căng thẳng ấy đã làm cho Kissinger giảm đi những đòi hỏi quan trọng đối với Hà Nội mà theo dự thảo của Bunker đã vạch ra. Ông ta đã không đặt điều kiện để ấn định thời điểm rút tất cả quân Bộ Binh. Việc buộc quân đội Bắc Việt, theo bản dự thảo, phải rút ra khỏi Lào, Cam Bốt và Miền Nam Việt Nam, Kissinger rút lại đòi hỏi đó, và thay thế vào bằng câu nói: Các nước Đông Dương tự giải quyết những khó khăn giữa họ. Ông ta loại bỏ điều khoản hạn chế việc thay thế quân trong thời gian ngưng bắn.

Thêm nữa, Kissinger đã điện đàm và cho Bunker biết là Tổng Thống quyết định, ngay trong vòng họp đầu tiên, các điều kiện trong dự thảo được trao cho Hà Nội chứ không đợi đến phiên họp thứ hai như Bunker yêu cầu. Chính vì thế, vị trí thương thuyết của Kissinger rơi vào tình trạng yếu kém và thua thiệt nhất, nhất là khi Kissinger quyết định không lưu lại một lực lượng chiến đấu nào nữa của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Với những nhượng bộ ở các điểm quan yếu, kế hoạch của Bunker không còn đủ khả năng bảo vệ Miền Nam Việt Nam khỏi sự xâm lăng của Hà Nội, sau khi Hoa Kỳ hoàn tất việc rút quân về nước. Khi Bunker đưa ra “tất cả quân đội nước ngoài” phải rời khỏi Miền Nam, là ông ta muốn gán liền việc bắt buộc Bắc Việt phải tháo gỡ guồng máy chiến tranh tại Miền Nam. Kissinger đổi lại, chỉ nói: “Người Việt Nam và các dân tộc khác tại Đông Dương sẽ tự thảo luận tìm ra giải pháp để các lực lượng ngoại nhập rút ra khỏi các nước Đông Dương”. (p.1488)

Kissinger cũng hủy bỏ điều khoản buộc quân đội Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Đây là điểm

trọng yếu mà Bunker đã nêu ra trong phần dự thảo. Việc bắt buộc Hà Nội phải rút quân và Miền Nam Việt Nam phải được an ninh đã bị hủy bỏ và thay đổi bằng câu: Thảo luận việc rút quân.

Trong dự thảo của Bunker, Miền Nam Việt Nam được xem như một quốc gia. Kissinger sửa lại, Miền Nam Việt Nam như một bộ phận độc lập.

Tóm lại, trong bản dự thảo của Bunker, từng bước Hoa Kỳ sẽ rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam song song với việc Hà Nội rút quân của họ, thế nhưng Kissinger hủy bỏ các điều khoản đòi hỏi đó đối với Bắc Việt, mà Hoa Kỳ chỉ đơn phương rút quân.

Kissinger đã trấn an và làm cho Bunker tin rằng Hoa Kỳ không hề nhượng bộ với đối phương. Ngày 25 tháng 5 năm 1971 ông ta nói với Ellsworth Bunker: “Những đề nghị của chúng ta phần lớn dựa trên cơ bản những gì ông đã nêu ra”.

Trong hồi ký của Kissinger, ông ta đã biện minh lý do tại sao không đòi hỏi việc Hà Nội phải rút quân ra khỏi Miền Nam. Theo ông, dù có đòi hỏi, cũng không thể kiểm soát được sự thâm nhập của họ qua đường mòn Hồ Chí Minh.

Bunker hoàn toàn tin tưởng, không một chút nào nghi ngại cung cách thương thuyết của Kissinger. Qua sự trình bày của Kissinger, Bunker đã ca ngợi ông ta là con người sáng suốt, không những theo những điều mà Bunker đã đề nghị mà còn đưa ra những đòi hỏi mạnh mẽ hơn nhằm áp lực với Bắc Việt trong khi thương thuyết.

Trong lúc thông báo đến Thiệu về những dự thảo mới, Ellsworth Bunker đã diễn tả sai lầm về những thay đổi

của Kissinger, rằng mặc dù không ấn định chính xác ngày tháng mà Hà Nội phải rút quân đội của họ ra khỏi Miền Nam Việt Nam, nhưng thay vào đó bằng một điều khoản tương tự là tất cả các quân đội ngoại quốc bắt buộc phải rút ra khỏi Miền Nam, Lào và Cam Bốt.

Ngày 3 tháng 6 năm 1971, khi họp với Thiệu để tường trình những kết quả mà Kissinger đã thảo luận với phía bên kia qua tiến trình hòa bình mới, vừa đưa ra, Ellsworth Bunker vẫn tái xác định với Thiệu là Kissinger khi thương thuyết vẫn dựa trên cơ bản bài nói chuyện của Tổng Thống Nixon đọc hôm tháng 10 năm 1970, nghĩa là đòi hỏi Hà Nội phải rút quân khỏi Miền Nam. Thiệu tin những gì Bunker giải thích.

Sau đó, khi điện đàm với Kissinger, Bunker tường trình cho ông ta biết, Bunker đã cam kết với Thiệu về những điều mà Kissinger đã nói với Bunker, điều quan yếu là việc Hà Nội rút quân, Kissinger nghe Bunker nói và yên lặng. Ông ta không hề cải chính về sự diễn dịch của Bunker với Thiệu là lầm lẫn. Ellsworth Bunker cho rằng sự yên lặng không phủ nhận đó hay kể cả đưa ra những nhận định mà Bunker đã trình bày với Thiệu, chứng tỏ Kissinger đã đánh lừa cả Bunker.

Đối với Kissinger, qua sự diễn dịch của Bunker, ông ta muốn Thiệu không phản đối điều kiện rút quân mà Kissinger đưa ra, hàm ý cho phép quân đội Bắc Việt vẫn có mặt tại Miền Nam Việt Nam (p. 1018). Thiệu đã không biết được điều đó. Về sau, khi hiệp ước hòa bình đã vào giai đoạn cuối cùng, Thiệu mới biết và phản đối. Kissinger đã kích Thiệu là thiếu thân thiện, không hợp tác và mù quáng. Thực tế, chính Kissinger chứ không phải Thiệu,

đã thiếu minh bạch, thậm chí đã lừa đảo, về những gì mà ông ta đã thương thuyết.

Kissinger đã không quan tâm gì đến những gì xảy ra tại Miền Nam trong tương lai và mở ngõ để Hà Nội tự quyết định. Hoa Kỳ chỉ đòi hỏi Hà Nội chấp nhận chính phủ Sài Gòn, thả các tù binh Mỹ, đổi lại việc Hoa Kỳ triệt thoái quân và ngưng bắn. Đơn giản chẳng khác nào việc trao đổi một món hàng rẻ tiền.

Sau phiên họp với Bắc Việt ngày 31 tháng 5 năm 1971 Kissinger cho Bunker biết lần đầu tiên trực diện với đối phương, hai bên đã tỏ ra thông cảm. Sau này qua cuốn hồi ký, Kissinger đã ghi lại: “Xuân Thủy tỏ ra quá chậm hiểu, không nhận ra sự thay đổi cơ bản, quan trọng trong lãnh vực quân sự mà tôi đã hé lộ ra”.

Kissinger đã không đề cập đến vai trò chủ yếu của Bunker trong việc soạn thảo bản dự thảo vào tháng 5 năm 1971, đưa ra 7 điểm để thực hiện tiến trình hòa bình mà chỉ nhắc đến một cách tổng quát là Ellsworth Bunker có đóng góp vào tiến trình ấy. Tất nhiên, Kissinger đã dựa vào những chi tiết mà Bunker đã soạn thảo qua hai giai đoạn cho đề nghị thương thuyết mới và với tư cách và trách nhiệm cá nhân, Kissinger đã phản bội những điều mà dân chúng Miền Nam Việt Nam mong đợi ở ông ta.

Tại sao Henry Kissinger lại khiếp nhược, kể cả đưa ra những điểm nhằm đánh lạc hướng Bunker và Thiệu, hầu ông được toàn quyền thương thuyết và quyết định một vấn đề hệ trọng là sinh mệnh của cả Miền Nam Việt Nam?

Những tài liệu sau này dù hiếm hoi nhưng cũng đủ hé lộ những tham vọng và toan tính của Kissinger. Trong cuốn hồi ký của ông có đề cập đến, ngay từ đầu năm

1968, Kissinger đã đưa ra đề nghị, Hoa Kỳ đơn phương rút quân, bắt kể tương lai chính trị của Miền Nam Việt Nam diễn biến như thế nào. Điều đó ông gọi là chiến lược giảm thiểu sự can dự, đồng nghĩa phó mặc cho cộng sản xâm lăng tự do. Đáng khác, Kissinger không mấy tin tưởng vào nỗ lực Việt Nam hóa chiến tranh do Bunker và Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird nghiên cứu và được Nixon nhiều lần xác định nhằm để hỗ trợ người Việt Quốc Gia vững niềm tin.

Khi đưa ra đề nghị giảm thiểu sự can dự của Hoa Kỳ, Henry Kissinger đã không tin tưởng người Việt Nam Quốc Gia dám hy sinh sinh mạng để chống lại sự xâm lăng của người Việt cộng sản. Từ nhận định bi quan ấy, ông ta có thiện cảm ở phong trào phản chiến nhiều hơn là Tổng Thống, với quyết tâm bảo vệ Miền Nam Việt Nam được tự do. Là một chiến thuật gia thông minh, với lối dẫn dụ khôn ngoan được lòng quần chúng và cả giới trí thức, Kissinger đã đánh mất bản chất niềm tin của người Thanh Giáo mà ông ta đã học được. Trường Đại Học Harvard của ông ta không phải là trường lâu năm nhất mang đặc trưng toàn diện của người Mỹ cộng với sự học tập đầy cam go, Harvard của ông cũng không phải là nơi duy nhất để đào tạo nhân tài cho nước Mỹ mà là chỗ đào tạo ra những con người thư lại và nghề nghiệp để quản trị những thành phần ít học thức hơn, thế thôi.

Một điều đáng nói nữa, sự hiểu biết của Kissinger về những xung đột, mâu thuẫn của người Việt Nam dựa trên tiền đề xuất phát từ quan điểm sai lầm của thời thực dân Pháp. Cũng giống như phong trào phản chiến, Kissinger không hiểu tí gì về chủ nghĩa quốc gia của người Việt

Nam, bởi vì nhãn quan ông ta bị giới hạn do sự phóng đại sai lệch của người Pháp. Người Pháp ở đây, đối với trường hợp của Kissinger là Jean Sainteny, tên thực dân đô hộ, người đã dàn dựng Hồ Chí Minh trở thành người Việt quốc gia yêu nước vào những năm 1945-1946 để làm tay sai thực hiện mưu đồ của người Pháp.

Kissinger đã dùng “ông bạn già” Sainteny để móc nối đường dây liên lạc riêng với Bắc Việt vào tháng 12 năm 1968 và lần sau đó vào tháng 6 năm 1969. Buổi gặp gỡ kín đầu tiên giữa Kissinger và đại diện của Hà Nội diễn ra ngay tại dãy chung cư mà Sainteny đang ở, trên đường Rivoli tại Paris.

Đã từ lâu Sainteny đã dạy cho người Mỹ Kissinger “có cách nhìn khái quát về bản chất người Việt”. Sainteny cũng đã khuyến người Mỹ Kissinger chớ can dự vào vấn đề Việt Nam vì người Pháp đã thất bại thì làm sao người Mỹ có thể thành công. Thế nhưng Sainteny không nhận diện nổi rằng ý nghĩa hai cường quốc Tây phương tiếp cận tại Việt Nam mang bản chất khác biệt hoàn toàn. Hoa Kỳ ủng hộ người Việt theo chủ nghĩa quốc gia trong khi đó người Pháp chống lại bằng mọi cách phân hóa tầng lớp này.

Chịu ảnh hưởng sâu đậm theo quan điểm của Sainteny, Kissinger không thể nào hiểu một cách tường tận rằng Miền Nam Việt Nam là vùng đất quy tụ những lực lượng chính trị không cộng sản theo chủ nghĩa quốc gia của người Việt. Cho dù bị giải thích dưới bất cứ nhãn quan nào, Miền Nam Việt Nam thực thể, được hình thành, bảo vệ và hy sinh do chính những người Việt yêu chuộng và quý trọng sự tự do.

Khi Ellsworth Bunker báo cáo với Thiệu về cuộc gặp gỡ giữa Kissinger và Bắc Việt, vị Đại Sứ Hoa Kỳ nói với Tổng Thống Miền Nam Việt Nam, các cuộc thương thuyết giữa Hoa Kỳ và Hà Nội dựa trên nền tảng cơ bản, nội dung bài diễn văn của Tổng Thống Nixon đọc hôm 7 tháng 10 năm 1970, nghĩa là quân đội ngoại quốc phải rút ra khỏi các nước Đông Dương.

Ellsworth Bunker không hề nghĩ rằng, qua các cuộc đàm phán mật, Hoa Kỳ lại có thể để Hà Nội lưu giữ lực lượng quân sự của họ ở lại Miền Nam. Qua các lần trao đổi với Kissinger về những diễn biến trong các cuộc đàm phán, Bunker không thấy Kissinger bày tỏ hay hé lộ điều nào liên quan đến vấn đề nhượng bộ ấy. Lúc ấy Bunker hoàn toàn tin cậy vào Kissinger, trước hết vì Bunker tin tưởng ở Nixon, vị Tổng Thống đã làm hết sức mình để bảo vệ nền tự do mà dân chúng Miền Nam mong muốn, đồng thời bảo vệ giá trị của sự tự do mà vì lý tưởng ấy, dân chúng Hoa Kỳ đã phải hy sinh mạng sống của họ tại các vùng rừng rậm, hoang vắng ở Miền Nam Việt Nam.

Đằng khác, Kissinger cũng giống như Bunker, những con người phục vụ cho quốc gia nên không thể phản bội những chính sách mà Tổng Thống đã đề ra.

Và chính bởi vậy, với Ellsworth Bunker cùng nhiều người khác, đã từng cố hết sức mình để bảo vệ Miền Nam Việt Nam và những ước vọng của người Việt Quốc Gia. Năm 1971 đã để lại trong suy tư của họ ba vấn nạn hệ trọng. Trước hết, Quân Đội Miền Nam phải tự đương đầu với quân Bắc Việt mà không còn sự hỗ trợ toàn diện của Hoa Kỳ. Trong cuộc hành quân Lam Sơn 719, Quân Đội Miền Nam tự họ đảm nhiệm thế nhưng còn có Hoa Kỳ

hỗ trợ về mặt Không Quân và trực thăng vận. Năm 1975 hoàn toàn do chính họ.

Kể đến, chính quyền Miền Nam của Thiệu muốn tồn tại chỉ tùy thuộc vào sức mạnh của Quân Đội, nhưng các Tướng lãnh chỉ huy Quân Đội ấy đa phần thiếu năng động và tự mãn. Cụ thể, các nhà lãnh đạo quân sự vào năm 1975 không đủ khả năng để tự đương đầu khi đối phó với toàn lực lượng xâm lăng của quân đội Bắc Việt.

Và cuối cùng, là vấn đề Hoa Kỳ chối bỏ sự cam kết quan trọng là bảo vệ nền độc lập của Miền Nam Việt Nam.

Sự thiếu tin tưởng vào Miền Nam Việt Nam của Kissinger lần đầu tiên được thể hiện vào năm 1971 và năm sau đó, chung cuộc trong hiệp định Paris bởi vì ông ta đã nhìn thấy trước, Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ cắt viện trợ cả kinh tế lẫn quân sự cho Miền Nam Việt Nam.

CHƯƠNG 11

THIỆU ĐỘC DIỄN TỔNG THỐNG

Nhiệm kỳ đầu tiên của Thiệu chấm dứt vào năm 1971. Và không có đối thủ, Thiệu đã đắc cử nhiệm kỳ Tổng Thống thứ hai. Sự thắng cử đương nhiên vì không có người dự tranh là điều bất thường trong nền chính trị dân chủ, do đó Thiệu đã bị Quốc Hội Hoa Kỳ chỉ trích và đưa đến việc ngưng viện trợ kinh tế lẫn quân sự.

Ngay khi cuộc hành quân Lam Sơn 719 vừa chấm dứt, ngày 19 tháng 4, Kỳ đã loan báo ông ta ra tranh cử Tổng Thống trong cuộc bầu cử sắp đến. Kỳ cho là chính quyền do Thiệu lãnh đạo dẫn đến chỗ suy sụp.

Thiệu đã có lần nói với Kỳ: “Anh và tôi cũng có nhiều quan điểm giống nhau nhưng cả hai đều thích làm những tay đua xe. Anh quên rằng chỉ lo lái nhanh không thôi thì tai nạn sẽ xảy đến”.

Vào đầu tháng 5 năm 1971, trước công chúng, Bunker đã nói là Hoa Kỳ không ủng hộ bất cứ một ứng cử viên Tổng Thống nào trong mùa bầu cử sắp tới của Miền Nam Việt Nam.

Vào giữa tháng 5, Kỳ leo thang việc tấn công Thiệu, cho rằng cuộc hành quân Lam Sơn 719 là một quyết định lầm lẫn. Kỳ chuyển hướng, không lớn tiếng chống cộng như trước và kêu gọi sự hợp tác hòa bình giữa hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Kỳ đã phản bội lý tưởng của ông ta để tìm thể đứng giữa sự chống cộng quyết liệt của Thiệu và sự “mềm dẻo” của Big Minh. Kỳ cho rằng thời gian đã thay đổi, đã đến lúc không còn là điều hâu hay bỏ câu để đối đầu với cộng sản Hà Nội.

Mặc dù đưa ra những đường lối mới, Kỳ cũng không tạo được một tổ chức để ủng hộ ông ta trong chiến dịch tranh cử. Là người gốc Miền Bắc. Kỳ tiên liệu thành phần Miền Bắc di cư sẽ bỏ phiếu cho ông ta, nhưng tổng quát người Việt Miền Trung lẫn Miền Nam không ủng hộ Kỳ. Tòa Đại Sứ phân tích, chung cuộc, Kỳ không phải là ứng cử viên sáng tạo so với Thiệu hay Big Minh, thế nhưng sự có mặt tranh cử của Kỳ cũng cần thiết.

Cho mãi đến giữa tháng 5, việc tranh cử của Big Minh cũng chưa rõ ràng. Ông ta vẫn yên lặng, không đi vận động ở các Tỉnh, kể cả tìm hậu thuẫn ở ngoài Thành Phố Sài Gòn. Trước quần chúng, Minh nói rất ít tới việc tranh cử. Chỉ có trong giới Tướng lãnh Quân Đội, khi tiếp xúc ông ta bấy tỏ là có chính sách ôn hòa đối với chính phủ liên hiệp của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

Sau đó Minh đã tuyên bố, ông ta sẽ không ra tranh cử nếu cuộc bầu cử tỏ ra không có công bằng, nói rõ hơn, ông ta đã chuẩn bị cho việc rút lui nếu ông ta cảm thấy không thắng cử. Các nhân viên phân tích chính trị của Bunker trong Tòa Đại Sứ liền gửi bản phân tích về Washington. Nếu Big Minh tự bỏ cuộc, dù dưới hình thức lên án Thiệu

tổ chức cuộc bầu cử thiếu công bằng hoặc tuyên bố vì muốn tạo sự đoàn kết cho quốc gia, mà ông ta không tranh với Thiệu, cả hai đều có một ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử và tình huống của Quốc Gia Miền Nam Việt Nam.

Tại Hoa Kỳ, người ta trông chờ ở Big Minh. Phe chủ hòa muốn Big Minh sẽ là Tổng Thống kế tiếp Thiệu, bởi lẽ người ta dự liệu, ông ta sẽ yêu cầu Hoa Kỳ rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam và như thế, Hoa Kỳ bỏ rơi Miền Nam một cách chính đáng mà không sợ các nước Đồng Minh lên án là phản bội.

Trong quá khứ, con đường chính trị của Minh không có gì bảo đảm. Ông ta bắt đầu được chú ý kể từ 1955. Lúc ấy còn là Đại Tá, giúp Diệm củng cố quyền lực, ông đã chỉ huy chiến dịch tiêu diệt lực lượng Bình Xuyên do Pháp bảo trợ và do đó ông được Diệm tín nhiệm. Năm 1963 ông lại là người đứng đầu nhóm Tướng lãnh Việt Nam làm một cuộc đảo chánh lật đổ và giết Diệm. Vì thiếu cứng rắn và không có đường lối rõ ràng, sau đó chính ông đã bị các Tướng lãnh lật đổ và có thời gian ông bị lưu đày ra khỏi nước và sống tại Bangkok.

Thiệu có lần kể cho Bunker nghe cách làm việc của Minh khi Thiệu có lúc làm phụ tá Bộ Tham Mưu của ông ta. Trong một cuộc hành quân, phe địch bị thất bại. Minh triệu tập phiên họp để nghe Bộ Tham Mưu thuyết trình. Thế rồi, Minh chỉ trích nặng nề những thiếu sót của phe ta, nhưng lại đề cao, ca ngợi tinh thần phe địch.

Thiệu cũng cho biết, khi các Tướng lãnh bàn thảo kế hoạch lật đổ Diệm thì Minh không muốn làm một cuộc cách mạng đảo chánh, vì theo Minh, hành động đảo

chánh kéo dài thời gian, Diệm không chết mà những người lãnh đạo cuộc đảo chánh sẽ bị chết trước. Tốt hơn hết là ám sát Diệm. Cuối cùng, các Tướng lãnh vẫn quyết định làm cuộc đảo chánh.

Một nhà báo Mỹ hỏi một Tướng lãnh Miền Nam khác, vì sao Minh được người Việt Nam biết đến? Viên Tướng này cười, trả lời: “Vì là bạn đánh tennis với Maxwell Taylor”. Lý do nào Minh được nổi tiếng? Trả lời: Do Hoa Kỳ. Người Mỹ đã dựng ông ta lên trở thành nhân vật nổi tiếng (Rand, p. 31)

Đối với người Việt Nam, người lãnh đạo của họ đòi hỏi phải là người có uy tín, nghĩa là con người ấy phải bao hàm những yếu tố nhân ái, đạo đức và khả năng. Thực tiễn, Minh thiếu những điều kiện đó. Những quyết định của Minh thường không có trách nhiệm. Ông ta không vững niềm tin vào những quyết định do chính ông ta đưa ra. Trái lại, những quyết định của Minh chỉ nhằm đáp ứng, thỏa mãn, dung hợp với những ý kiến đối nghịch.

Về khả năng, Minh chưa hề chứng tỏ đưa ra một quyết định nào quan trọng, ngoại trừ quyết định sát hại Diệm và Nhu trong cuộc đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963 mà ông ta là người lãnh đạo. Quyết định tàn bạo ấy, đối với người Việt Nam được xem liên hệ đến chữ “đức” của mỗi con người. Một con người thiếu đức thì không thể nào có uy tín, người Việt nghĩ như thế. Và cả Minh cũng hiểu rõ điều ấy khi ông ta muốn ra tranh cử Tổng Thống Miền Nam Việt Nam với Thiệu.

Thế nhưng, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ không lượng định về “uy tín” của Minh, chỉ e ngại, với bản lãnh thỏa hiệp, Minh có thể bị kẻ địch đánh bại. Thiệu nói với Bunker, Minh

chuẩn bị ra tranh cử Tổng Thống. Khối Phật Giáo tranh đấu, một số Tướng lãnh về hưu thân Pháp và vài chính trị gia đầy tham vọng đã thúc đẩy Minh. Thiệu nghĩ, Minh chỉ đưa ra quyết định ứng cử vào phút chót một khi bị các phe trong hậu trường thúc đẩy.

Thiệu rõ ràng đang thắng thế. Quân Đội, Công Giáo, các Nghiệp Đoàn, khối dân chúng theo đạo thờ cúng ông bà ủng hộ Thiệu. Một số các đoàn thể chính trị cũng hợp tác với ông ta.

Để tránh có quá nhiều ứng cử viên Tổng Thống như hồi năm 1967, Quốc Hội đã đưa ra luật bầu cử mới, đòi hỏi mỗi ứng cử viên phải có tối thiểu một số quần chúng ủng hộ trước khi dự tranh Tổng Thống. Luật này đã được Lương Viện thông qua, đòi hỏi ứng cử viên Tổng Thống phải có sự bảo trợ hoặc của 40 Dân Biểu Quốc Hội hay 100 hội viên Hội Đồng Tỉnh. Luật này cũng có chiều hướng nhằm tiến đến hệ thống lưỡng đảng và ứng cử viên đắc cử có thể được số phiếu quá phân nửa cử tri.

Thế nhưng, đằng sau luật này, có lẽ là Thiệu muốn loại bỏ Kỳ ra khỏi cuộc tranh cử. Kỳ khó có thể được sự ủng hộ theo điều kiện của luật đó. Chính vì thế, Kỳ cũng như các lực lượng chính trị đối lập khác đã cực lực chỉ trích khi mới được ban hành.

Luật tranh cử Tổng Thống mới này cũng ảnh hưởng đến quyết định tranh cử của Minh. Ông ta có thể sẽ không ra tranh cử với Thiệu và như thế cuộc bầu cử Tổng Thống sẽ mất đi nhiều ý nghĩa dân chủ vì cuộc bầu cử là cuộc độc diễn.

Ngày 2 tháng 6 năm 1971 Bunker phổ biến một thông tư, cấm tất cả nhân viên của chính phủ Hoa Kỳ có mặt tại

Miền Nam Việt Nam can dự vào cuộc tranh cử của nước này. Cũng trong những ngày đầu tháng 6, Tòa Đại Sứ cũng đã nhận được những báo cáo, có những cản ngăn của chính phủ Miền Nam đối với ứng cử viên đối lập, Bunker tường trình về Bộ Ngoại Giao vào ngày 10 tháng 6, nhấn mạnh rằng ông ta rất quan tâm về những báo cáo đó và sẽ tiếp xúc với Thiệu để trình bày

Ngày 12 tháng 6, Bunker hội kiến với Thiệu tại Dinh Độc Lập và nói rằng, ông ta đã nhận được rất nhiều báo cáo và phúc trình từ ngoại quốc cũng như tại Miền Nam về những chứng cứ liên quan đến cuộc bầu cử thiếu trong sạch.

Thiệu tỏ ra bức tức, nói với Bunker, ông sẽ xem xét vấn đề này, mặc dù Thiệu không hề đưa ra những chỉ thị như thế. Thiệu kết án, chính vì một vài phần tử báo chí đã dựng đứng ra chuyện đó như họ đã thường xuyên xuyên tạc. Một số cộng sản đã lọt vào hàng ngũ báo chí.

Ellsworth Bunker hỏi Thiệu, theo luật mới, thì dự đoán sẽ có bao nhiêu người ra tranh cử Tổng Thống? Và tình huống sẽ ra sao nếu vì luật đó mà Minh và Kỳ quyết định không ra tranh cử và chỉ mình Thiệu độc diễn?

Thiệu cho biết, cả Minh và Kỳ đều âm thầm vận động ráo riết, Minh thì có một số Dân Biểu tại Quốc Hội còn Kỳ thì phải đi kiểm các viên chức Hội Đồng Tỉnh ký giấy giới thiệu. Thiệu nhận xét, cả Minh và Kỳ sẽ không khó khăn lắm để đạt được những điều kiện đó. Cả hai người, Thiệu tiếp, đều lớn tiếng phản đối luật bầu cử mới là vi hiến. Nhưng thực tế cả hai người đều dùng nó như lý do để đả kích cá nhân Thiệu.

Phán quyết luật bầu cử mới có vi hiến hay không chỉ

có Tối Cao Pháp Viện mới có quyền và không thấy điểm gì là vi hiến. Thế nhưng Thiệu tiếp, ông ta đang suy nghĩ, và đến 23 tháng 6 ông ta mới quyết định, và ký ban hành luật này.

Thiệu khẳng định với Bunker là Minh và Kỳ sẽ đều ra tranh cử. Trước đó, Thiệu chỉ nghĩ có Minh.

Bunker nói với Thiệu, chính phủ đã lạm dụng quá nhiều để biện hộ những thất bại của Thiệu trước báo chí và quần chúng. Vấn đề quan trọng, không chỉ có chiến dịch tranh cử được công bằng mà cả những quan sát viên nhìn vào thấy đó là một sự bình đẳng. Bunker cho Thiệu biết, ông ta ngại, luật ứng cử mới có thể làm cho Minh và Kỳ không ra tranh cử, và nếu điều đó xảy ra, Bunker khó vận động được Quốc Hội Hoa Kỳ hỗ trợ tiếp tục Miền Nam Việt Nam. Thiệu cười và khẳng định Big Minh sẽ ra tranh cử, và nói với Bunker rằng ông không hiểu chút nào về những suy nghĩ của người Á Đông.

Ngày hôm sau, tại New York, quả bom báo chí bùng nổ, tạo sự thiếu kiên nhẫn quần chúng Mỹ về chính sách Việt Nam của Nixon tăng nhanh hơn. Từ *New York Times* bắt đầu cho đăng tài liệu mật Ngũ Giác Đài, tập tài liệu liên hệ đến chính sách Hoa Kỳ tại Việt Nam dưới thời Truman, Eisenhower, Kennedy và Bộ Quốc Phòng dưới thời chính phủ Johnson đã đúc kết vào những năm 1967-1968.

Phần đăng tải đầu tiên liên hệ đến những năm 1964 và 1965 về những quyết định thả bom Bắc Việt và đưa đến Quân Đội chiến đấu Hoa Kỳ tham chiến tại Miền Nam Việt Nam. Tài liệu mật ngũ Giác Đài được giới báo chí tranh luận như thể chính phủ Hoa Kỳ đã phản bội

lại niềm tin của dân chúng bằng việc gian trá và ngụy tạo. Gian trá bằng cách ru ngủ dân chúng tin những điều không có thật, ngụy tạo là đưa cả xứ sở vào một chính sách sai lầm.

Một phần trong loạt bài *The New York Times* tường thuật làm cho mọi người quan tâm, rằng trong tài liệu mật của Ngũ Giác Đài chúng tố sù sai lầm của chính phủ Hoa Kỳ đã đóng giữ vai trò chủ yếu trong việc hình thành hiệp ước Geneva 1954 nhằm mục đích ngăn chặn cuộc chiến tại Đông Dương. Chính vì đường lối đó mà sau này chiến tranh đã leo thang. Thế nhưng, Ngũ Giác Đài giải thích trước công luận, việc leo thang chiến tranh như thế chỉ bắt đầu dưới thời Tổng Thống Johnson vào các năm 1964-1965.

Thượng Nghị Sĩ Mansfield yêu cầu Thượng Viện mở cuộc điều trần để tìm hiểu lý do nào mà chính phủ Hoa Kỳ đã can dự vào Việt Nam (ông ta quên rằng chính ông ta là người ủng hộ Diệm năm 1955) để tránh những việc tương tự xảy ra trong tương lai.

Với chứng liệu hiển nhiên là Hoa Kỳ đã can dự vào công việc của một quốc gia khác trong mục đích ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản, cho nên mặc dầu cuộc bầu cử Tổng Thống Miền Nam Việt Nam tại Sài Gòn cũng trở thành đề tài thảo luận sôi nổi của người Mỹ. Đáng khác, tài liệu mật Ngũ Giác Đài cũng tạo nên sự tranh cãi giữa một số người Việt và sự có mặt của người Mỹ tại Việt Nam.

Bunker muốn tiếp xúc cả Kỳ và Minh để hoan nghênh việc hai ông này cùng ra tranh cử qua bữa ăn trưa riêng rẽ từng người mà Bunker dự tính mời. Kỳ nhận lời và

đến. Còn Minh cũng nhận lời mời của Ellsworth Bunker nhưng đến giờ mời lại không đến. Sau đó Bunker thu xếp để tiếp Minh vào một dịp sau đó.

Ngày 17 tháng 6, Big Minh bản chính thức công bố cuộc tranh cử qua cuộc tiếp tân tại tư thất của ông. Minh đã tự phản bội mình trong tư thế “một chiến sĩ quốc gia” để chuyển sang vị thế một người trung lập. Và ông ta kêu gọi người Việt hãy chọn lấy thái độ hòa bình, và rằng, nếu chiến tranh cứ tiếp tục, chắc chắn Miền Nam Việt Nam càng thêm phân hóa và sẽ làm cho hai miền của đất nước rơi vào vòng kiểm soát của ngoại bang.

Trong nỗ lực “tấn công hòa bình” đó, chủ đề chính đưa ra cho chiến dịch vận động tranh cử, Minh kêu gọi Miền Nam Việt Nam hãy chấp nhận sống chung hòa bình với Bắc Việt qua việc hợp tác cùng phát triển về kinh tế và trao đổi văn hóa. Nói rõ hơn, trong cuộc tranh cử Tổng Thống lần này, Minh muốn xác định điểm đúng của ông ta là ứng cử viên “hòa bình”.

Sáu ngày sau đó, Thiệu công bố một số thay đổi về luật bầu cử Tổng Thống. Sự công bố này đã là mục tiêu cho cả ngoại quốc lẫn trong nước chỉ trích ông ta.

Cùng ngày ấy, qua cuộc phỏng vấn của tờ *Christian Science Monitor*, Big Minh kêu gọi Hoa Kỳ phải có những hành động cụ thể để bảo đảm cho cuộc bầu cử tại Miền Nam Việt Nam được trong sạch. Minh muốn Hoa Kỳ ủng hộ chỉ riêng ông ta để đẩy Thiệu ra khỏi quyền lực, giống như chính phủ Kennedy đã dàn dựng để Minh làm cuộc lật đổ Diệm thành công vào năm 1963.

Cuộc tranh cử đã trở nên sôi nổi khi Henry Kissinger ghé Sài Gòn trên đường đến Bắc Kinh bí mật vào đầu

tháng 7. Trong thời gian ở đây, Kissinger đã tuyên bố cả Big Minh và Kỳ đều tiêu biểu hàng ngũ lãnh đạo của khối Phật Giáo đối lập.

Kỳ liên lên tiếng rằng chính quyền hiện tại thiếu khả năng, đang trên đà suy sụp và thiếu công bằng về mặt xã hội. Và ông ta tiếp, nếu đắc cử, sẽ tổ chức một cuộc bầu cử Quốc Hội mới, một hiến pháp mới, nhằm cho phép Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được hoạt động chính trị một cách hợp pháp. Khi Kissinger hỏi Kỳ, ông ta chưa hề nghe một vị Tổng Thống nào toan tính làm công việc ngoài chức năng của mình thì Kỳ trả lời: “Tôi sẽ thực hiện điều đó cho đất nước của tôi”.

Sau cuộc gặp gỡ với Kissinger vào ngày 5 tháng 7, Kỳ tuyên bố, ông ta sẽ chọn một chính trị gia gốc Công Giáo Miền Nam và cũng là một thương gia thành công, đứng chung liên danh ứng cử với ông. Sự chọn lựa ấy Kỳ nhằm để thỏa mãn người Việt gốc Miền Nam và cũng sẽ là đối tượng mà Thiệu và Minh cũng sẽ chọn lựa.

Trao đổi với Kissinger, Minh vẫn xác quyết là Thiệu không được quần chúng ủng hộ, chẳng qua dựa vào thế Hoa Kỳ mà Thiệu mới dám ra tái tranh cử. Vì vậy, Minh tiếp, để cho cuộc bầu cử được công bằng, Hoa Kỳ nên sử dụng nhân viên cơ quanCORDS đang có mặt khắp Miền Nam để quan sát chính phủ, trước cũng như trong thời gian cuộc bầu cử.

Bunker nhận định với yêu cầu này, Minh chuẩn bị con đường rút lui nếu không thấy thắng được. Nếu người Mỹ không làm những điều như Minh muốn, nếu thất cử Minh sẽ kết án là cuộc bầu cử gian lận, thiếu công bằng.

Khi Kissinger tiếp xúc Thiệu, vị Tổng Thống Miền Nam

Việt Nam đã trình bày hợp lý và rõ ràng. Kissinger báo Thiệu biết, vẫn tiếp tục viện trợ kinh tế, tăng cường trang Quân Đội Miền Nam Việt Nam và Không Quân Hoa Kỳ vẫn tiếp tục hỗ trợ cho đến khi nào Không Lực Miền Nam Việt Nam đủ mạnh và tự bảo vệ. Nhưng Kissinger không cho Thiệu biết về quyết định của ông ta chấp nhận sự có mặt của quân đội Bắc Việt tại Miền Nam sau khi hiệp ước hòa bình đã ngã ngũ.

Kissinger đã cho Bunker biết, Tổng Thống Nixon đang bị phong trào phản chiến gây áp lực nặng nề sau vụ tài liệu mật Ngũ Giác Đài bị tiết lộ, và ông ta chỉ trích Daniel Ellsberg đã đánh cắp tài liệu đó và phổ biến trước công luận. Kissinger cho rằng ông ta hoàn toàn thất vọng về những người trí thức mà ông ta xem là bạn.

Ngay khi Tối Cao Pháp Viện Miền Nam phán quyết tính hợp pháp vụ sửa đổi luật bầu cử, Kỳ lên tiếng kết án Thiệu là có âm mưu bám giữ lấy quyền lực, tiêu biểu cho chính sách độc tài. Cũng giống như hồi năm 1967, Bunker cho rằng, Kỳ luôn là con người phản đối nếu chiếc ghế Tổng Thống Kỳ chưa dành được.

Mặc cho sự chỉ trích của Kỳ, Thiệu ít khi lên tiếng. Thiệu tin rằng với luật bầu cử mới, chỉ còn có hai người chạy đua ghế Tổng Thống. Kỳ không đủ chữ ký giới thiệu theo luật mới. Các Tỉnh Trưởng tỏ ra không ủng hộ Kỳ và áp lực các Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh không ký giấy ủng hộ Kỳ. Thế nhưng chính chiến thuật của Thiệu nhằm loại Kỳ, một nhân vật hàng thứ hai trong guồng máy chính quyền lại làm cho Thiệu phải đối đầu không dễ dàng với đối thủ của ông là Big Minh.

Washington theo dõi sát về những báo cáo cho rằng

chính quyền Thiệu tìm mọi cách để ngăn chặn việc Kỳ ra tranh cử, kể cả các áp lực của các Tỉnh Trưởng. Và ngay cả Bunker, khi trả lời Washington, Bunker cũng e ngại, với luật bầu cử mới này, Kỳ phải khó khăn lắm mới đủ chữ ký.

Sau đó, ngày 15 tháng 7, Bunker tiếp xúc Thiệu để yêu cầu phải có một cuộc bầu cử công bằng. Ông ta cho Thiệu biết, làn sóng chống đối chính phủ ngày càng gia tăng. Nhiều nhân vật Sài Gòn đã yêu cầu Washington phải bảo đảm để cuộc bầu cử được đúng đắn. Trong các bản báo cáo chống chính phủ Thiệu có cả kết án các vị Tỉnh Trưởng âm mưu chỉ để cho Thiệu đắc cử, loại trừ ứng cử viên Kỳ, đặt kế hoạch 4 người tranh cử để phòng ngừa trong trường hợp Kỳ và Minh vào giờ chót rút lui. Bunker cho Thiệu biết, chiến thuật của Thiệu quá đáng và có thể đi đến chỗ hủy diệt. Thiệu phủ nhận tất cả những điều mà Bunker nêu ra.

Thế nhưng Thiệu vẫn tiếp tục chống Kỳ, đặc biệt là sau lá thư ngỏ mà Kỳ đã chỉ trích Thiệu nặng nề. Thiệu nói, những gì Kỳ đưa ra là những suy nghĩ của người nước ngoài chứ không phải là người Việt Nam. Thiệu tiếp, mọi người dân Miền Nam đều biết cá tính của Kỳ, sôi nổi, trình diễn. Nếu Kỳ đắc cử Tổng Thống, Miền Nam Việt Nam sẽ trở lại tình trạng Cảnh Sát đứng đầy đường phố như thời Nguyễn Ngọc Loan làm Tư Lệnh Cảnh Sát.

Thiệu cũng đặt vấn đề liệu Big Minh dùng chiến thuật “tố cáo, bôi bẩn” Thiệu bao lâu nữa để buộc người Mỹ ủng hộ ông ta trong cuộc chạy đua tranh chức Tổng Thống. Thiệu thêm, nếu Minh bỏ cuộc, cuộc đời chính trị của Minh xem như chấm dứt. Trái lại, nếu Big Minh cứ tiếp tục ra tranh cử, cho dù ông ta bị thất bại, Minh vẫn còn

là lãnh tụ của thành phần đối lập và chuẩn bị cho cuộc tranh cử kế tiếp vào năm 1975. Cuối cùng, Thiệu bảo đảm với Bunker, ông cố hết sức để cho cuộc bầu cử được công bằng kể cả các quan sát viên quan sát ngày bỏ phiếu.

Thế nhưng những bất đồng và căng thẳng lại xảy đến. Bunker hy vọng những điều Thiệu bảo đảm nhưng các điều trái nghịch lại xảy ra.

Ngày 19 tháng 7 Big Minh cho nhân viên đặc trách về vấn đề chính trị Tòa Đại Sứ biết là ông ta có thể rút ra khỏi cuộc tranh cử vì lẽ Thiệu đã dùng guồng máy chính phủ để hỗ trợ cho Thiệu. Minh nhấn mạnh, cuộc bầu cử sẽ chẳng diễn ra một cách công bằng nếu Hoa Kỳ không dùng các Cố Vấn để ngăn chặn việc làm của chính quyền Thiệu. Minh kết án chính người Mỹ đã nhúng tay để giúp Thiệu và cái gọi là, Hoa Kỳ không ủng hộ cá nhân nào, không đúng như thế.

Minh sau đó tuyên bố trước công luận, chừng nào Hoa Kỳ chủ ý muốn ông ta và Kỳ đóng vai diễn viên phụ trong cuộc bầu cử thì cả hai người sẽ rút lui. Theo Bunker, Minh muốn Hoa Kỳ phải bảo đảm về việc ông ta đắc cử. Minh muốn Bunker trao cho ông ta quyền hành chứ không phải đồng bào của ông.

Chính điều này đã làm cho Bunker đưa ra nhận xét là Minh thật sự không có sự ủng hộ để đủ cho ông ta thắng cử. Tòa Đại Sứ đã mở cuộc thăm dò về quan điểm của dân chúng Miền Nam Việt Nam và kết quả cho thấy chỉ có Thiệu mới được tín nhiệm. Thiệu rõ ràng được đa số dân chúng Miền Nam ủng hộ.

Nếu Minh và Kỳ cùng đứng chung liên danh, tổng hợp số phiếu cử tri ủng hộ hai người cơ may thắng cử có thể đạt

được. Nhưng khối người ủng hộ cả hai người khó có thể ngồi lại với nhau. Năm 1966, Kỳ đã ra lệnh đàn áp Phật Giáo tranh đấu trong khi đó thì Minh ủng hộ khối này. Quan điểm của Big Minh có nhiều điều thỏa hiệp với những người cộng sản trong khi nhóm ủng hộ Kỳ thì chống lại.

Để tạo dư luận dân chúng Việt Nam chống Thiệu, bắt thành linh, Minh lên án kết án Thiệu có một phần trách nhiệm trong việc sát hại ông Diệm. Lời tuyên bố ấy quả thật gây sôi nổi. Giới báo chí truyền thông tại Sài Gòn bắt đầu bàn cãi, giữa Minh và Thiệu, ai là người thực sự thực hiện cuộc đảo chánh năm 1963, cho đến thời điểm ấy sự kiện trên vẫn còn là một điều bí ẩn đối với phần đông người Việt Nam.

Trong cuộc họp báo ngày 19 tháng 7, Thiệu đã làm sáng tỏ qua phần biện hộ của ông trong cuộc đảo chánh 1 tháng 11 năm 1963. Thiệu gọi Minh là “kẻ lừa đảo” và kết án Minh: “Chỉ có kẻ mất trí mới kết tội thuộc cấp thi hành những điều mà mình đã ra lệnh”.

Thiệu nhấn mạnh, vai trò của Minh là Chủ Tịch nhóm Tướng lãnh lật đổ Diệm, do đó việc sát hại Diệm là do Minh. Dân chúng Miền Nam đồng thời cũng biết rằng tiền bạc và quý trang của hai anh em Diệm và Nhu, sau khi hai người này bị giết, không hề được Minh và những người thân cận của ông ta công bố.

Để giải thích những vấn đề Thiệu nêu ra và kết án ông trong cuộc họp báo, Minh chỉ phổ biến cho báo chí một bản minh xác việc giết hại Diệm và Nhu rằng: “chịu hoàn toàn trách nhiệm và không đổ lỗi cho bất cứ ai”. Minh cũng phủ nhận là ông ta không bao giờ kết tội Thiệu là người chịu trách nhiệm về cái chết của Diệm và Nhu mà

đó chỉ là do sự suy diễn sai lệch của báo chí về những điều tuyên bố của ông mà thôi.

Mặc dầu có sự bào chữa và giải thích, nhưng thế chính trị của Minh vẫn không vững vàng. Bởi lẽ nhiều người Việt Nam vẫn còn kính trọng Diệm. Theo họ, Diệm là người đạo đức, hy sinh cho quốc gia, đời sống cá nhân trong sạch. Con người ấy không phạm tội đáng để bị giết trong việc giành lấy quyền hành. Chính sự quyết định giết Diệm và Nhu đã đẩy Minh trở thành kẻ cô đơn sau này, và ông đã bị chính các chiến hữu của ông lưu đầy ra khỏi xứ khi họ lấy lại quyền hành từ tay ông.

Rồi Thiệu chính thức tuyên bố tái tranh cử Tổng Thống. Cụ Trần Văn Hương là Phó trong liên danh của Thiệu. Hai ngày sau Minh cũng tuyên bố ra tranh cử.

Bây giờ lại bước sang trận chiến chữ ký. Thiệu và Hương có được 104 chữ ký của Dân Biểu Hạ Viện ủng hộ và 452 Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh và Thành Phố. Minh cũng dễ dàng có được 44 chữ ký của Nghị Sĩ và Dân Biểu ủng hộ.

Trong khi đó, đến cuối tháng 7, Kỳ vẫn chưa điền đủ số chữ ký bảo trợ theo luật. Vì thế ngày 22 tháng 7, Phó Đại Sứ của Bunker là Samuel Berger gọi Kỳ và hỏi Kỳ có yêu cầu gì không? Kỳ cho biết ông ta đang trực diện với những khó khăn và phá hoại do nhóm ủng hộ Thiệu gây ra trong việc Kỳ vận động xin chữ ký. Cho dù với điều kiện như thế, Kỳ tiếp, ông ta vẫn tiếp tục. Và Kỳ không thể đoán chắc hiến pháp có còn được áp dụng và sự ổn định chính trị có còn được tồn tại ở Miền Nam hay không. Với những đe dọa xa gần, Kỳ muốn Hoa Kỳ ủng hộ ông ta bằng cách ngăn cản Thiệu chặn đứng việc tranh cử của ông ta.

Berger liền đáp lại lời Kỳ nói: “Duy trì hiến pháp là yếu tố cơ bản trong chính sách của Hoa Kỳ. Không có điều đó, tôi có thể nói với ông, là không có gì bảo đảm để Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ cho Miền Nam Việt Nam”.

Bằng những nguồn tin tức riêng, Bunker có những chứng cứ cụ thể là chính phủ Thiệu đã nhúng tay vào việc ngăn cản Kỳ xin chữ ký theo luật ứng và bầu cử. Thế nhưng, theo Bunker, cho dù Kỳ được tự do vận động cũng khó có hy vọng đạt được đủ số chữ ký tối thiểu đòi hỏi.

Ủy Ban Đặc Trách Chính Trị Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cảm thấy rằng mặc dù có sự phản đối mạnh mẽ của dân chúng và có sự can thiệp của Tòa Đại Sứ, nhưng Thiệu và các Cố Vấn của ông vẫn có chiều hướng muốn cuộc tranh cử chỉ có hai ứng cử viên và như thế chắc chắn là Minh sẽ không bỏ cuộc cho dù vào giai đoạn chót.

Ngày 29 tháng 7 (ngày đầu tiên để ứng cử viên ghi danh tranh cử Tổng Thống tại Tối Cao Pháp Viện), Bunker gặp Kỳ để thảo luận về tình hình cuộc bầu cử. Trong thế tự tin, Kỳ cho biết, mặc dù chính phủ Thiệu đã áp lực với các Tỉnh Trưởng để ngăn chặn Kỳ trong việc xin chữ ký, thế nhưng ông ta vẫn có thể tìm đủ chữ ký giới thiệu.

Đáp lại, Bunker nói với Kỳ, trong cương vị của mình, Hoa Kỳ đã báo cho Thiệu biết, có những dấu hiệu cho thấy chính quyền đã nhúng tay vào cuộc vận động tranh cử. Theo Bunker, cuộc bầu cử phải được diễn ra một cách công bằng, bất kể ứng cử viên thuộc phe nhóm nào.

Thời hạn chót để ghi danh ứng cử, Kỳ chỉ có 61 chữ ký của Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh bảo trợ cùng với danh sách 41 Nghị Viên khác trước đã ký ủng hộ Thiệu nhưng sau đó rút lại và ký ủng hộ Kỳ. Vì thế, hồ sơ ứng cử của Kỳ

phải chuyển qua Tối Cao Pháp Viện để phán xét tính cách hợp pháp hay không theo luật bầu cử mới. Tối Cao Pháp Viện đã phán xét những giấy tờ Kỳ nộp không đúng luật, do đó Kỳ phải bỏ cuộc.

Còn Minh vẫn tiếp tục thế nhưng quan điểm những người ủng hộ ông ta chia ra nhiều khuynh hướng khác nhau. Cũng thời gian đó, Washington đã gọi Bunker về để tham khảo ý kiến vì Bắc Việt đã có nhiều đổi thay qua quan điểm các phiên họp mật với Hoa Kỳ tại Paris.

MỘT PARIS TRÁO TRỞ

Trong phản đề nghị vào tháng 5, Kissinger đã rút lại điều kiện “buộc quân đội Hà Nội rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam” và chính vì thế, Hà Nội đã đáp ứng ngay phản đề nghị của ông ta.

Nhận định rằng, Hoa Kỳ đã lui bước, Bắc Việt đã cử thương thuyết gia ngoại hạng của họ là Lê đức Thọ đến Paris để ký chấp nhận sự nhượng bộ đầu tiên đó của Hoa Kỳ. Với Hà Nội, nếu Hoa Kỳ chịu để cho quân đội Bắc Việt ở lại Miền Nam Việt Nam thì khả năng xâm chiếm Miền Nam của họ trong tầm tay, ở tương lai. Đổi lại, Hà Nội chuẩn bị trao cho Hoa Kỳ một vài nhượng bộ hình thức, nhằm để gỡ danh dự về chính trị mà Hoa Kỳ đã bị thua thiệt. Đó là Bắc Việt đồng ý đề nghị của Kissinger chấp nhận Miền Nam là một thực thể, một chính phủ.

Sách lược của Hà Nội phản ánh rõ ràng sách lược thời cổ Trung Hoa. Đã hàng bao thế kỷ, trải qua nhiều triều đại phong kiến, tư tưởng độc tôn đã ngự trị. Tư tưởng ấy bắt nguồn từ nhóm Pháp Gia của Thượng Dung, Hàn Phi Tử và đứng đầu là Mặc Tử. Mặc Tử cho rằng chỉ có sức

mạnh và quyền lực mới tạo nên các sự kiện lịch sử và các người theo nhóm Pháp Gia về sau đã triệt để khai thác và phát triển tư tưởng của ông.

Mạc Tử nghĩ rằng chỉ có pháp trị mới mang hạnh phúc cho cuộc sống. Sức mạnh và quyền lực của Mạc Tử và nhóm Pháp Gia đã được xem như cốt lõi trong vấn đề trị nước trải qua các triều đại phong kiến Trung Hoa. Và người Việt Nam xem đó là “Thế”.

Có “Thế” đồng nghĩa có tất cả những gì mình muốn và bắt tất cả mọi người phải tuân phục. Triết lý chính trị bằng cách phải nắm giữ quyền lực và sức mạnh, thực chất chỉ là guồng máy Cảnh Sát trị hơn là vấn đề luân lý và đạo đức.

Đối với Bắc Việt, các cuộc thương thuyết với Kissinger đã giúp cho họ đạt được nhiều mục tiêu mà Hà Nội mong muốn. Việc lưu quân đội của họ tại Miền Nam là một chiến thắng đối với Hà Nội và ngược lại là một mất mát quá to lớn đối với Việt Nam Cộng Hòa.

Trong các phiên họp ngày 26 tháng 6 và 12 tháng 7, Kissinger và Hà Nội đã đạt được những thỏa thuận hầu hết về hiệp định Paris ngoại trừ vấn đề hiện trạng chính quyền của Thiệu. Biết được Kissinger là người muốn trốn chạy, Hà Nội đưa đề nghị cho Washington, buộc Thiệu từ chức để Miền Nam Việt Nam bầu cử lên một Tổng Thống mới.

Phiên họp tiếp theo ngày 26 tháng 7, Kissinger lại đưa thêm đề nghị, yêu cầu Hà Nội tuyên bố chấp nhận hiến pháp Miền Nam. Đổi lại, Kissinger cho Hà Nội biết, Hoa Kỳ sẽ rút quân khỏi Miền Nam trong vòng 9 tháng kể từ khi hai bên ngưng bắn, không phải 12 hay 16 tháng như Kissinger đã yêu cầu trước đó. Thêm nữa, Kissinger đồng

ý sẽ viện trợ cho Hà Nội từ 2 đến 2 tỷ rưỡi Mỹ kim nếu Hà Nội đồng ý chấm dứt chiến tranh.

Sau khi đưa ra những đề nghị trên, Kissinger lại gọi điện thoại và cho Bunker biết các cuộc thương thuyết phải hoãn lại một thời gian vì chính trị bộ cộng sản đảng Hà Nội phải duyệt xét lại yêu cầu của họ đòi hỏi Hoa Kỳ phải lật đổ chính quyền Thiệu. Kể cả (như Lê đức Thọ đã đề nghị với Kissinger) Hoa Kỳ ám sát Thiệu.

Ngày 4 tháng 8, Ellsworth Bunker gặp Thiệu để trình bày những diễn tiến các phiên họp mật giữa Hoa Kỳ và Hà Nội vừa qua. Thiệu đề nghị Washington có thể thương thuyết cùng Bắc Kinh để Hoa Kỳ và Trung Quốc cùng đứng ra bảo trợ cho cuộc hòa bình tại Đông Dương. Về sau, chính Trung Quốc và Hà Nội đã chủ mưu xâm lăng Đông Dương nhưng vào thời điểm 1971, Thiệu đưa ra đề nghị trên vì lúc ấy Hà Nội nằm trong vòng kiểm soát của Nga Sô.

Một đợt họp mật khác được dự trù bắt đầu ngày 16 tháng 8 giữa Hoa Kỳ và Hà Nội. Để chuẩn bị cuộc họp ấy, Bunker phải trở về Hoa Kỳ theo yêu cầu của Washington, để tham khảo ý kiến. Trợ tá cho Kissinger lúc này là Winston Lord đã tổng hợp 9 điểm của Hà Nội và 7 điểm của Hoa Kỳ thành một dự thảo thỏa ước chung. Qua bản dự thảo ấy, điểm tối quan trọng đối với Miền Nam Việt Nam là việc rút quân của Hà Nội nằm ở điểm 5. Điểm này nói rằng mọi xung đột tại các nước Đông Dương sẽ được thảo luận giữa các nước ấy, sau khi ngưng bắn, trên căn bản, các lực lượng quân sự giữ y nguyên trạng, tại lãnh thổ đang có mặt. Bunker nêu ý kiến, với điều khoản như thế, Sài Gòn sẽ không bao giờ chấp nhận.

Nhưng mọi việc lại không thực hiện được ở ngày bắt đầu 16 tháng 8 vì Lê Đức Thọ vẫn còn ở Hà Nội. Các cuộc thương thuyết bị ngưng trệ, chờ những chuyển biến tại chiến trường.

Ngày 12, Phó Đại Sứ Hoa Kỳ Sam Berger gặp Big Minh. Big Minh vừa công bố hồ sơ mật chứng tỏ chính quyền Thiệu đã có những gian lận trong cuộc bầu cử. Minh nói với Berger, ông ta có bản sao từ một vị Tỉnh Trưởng, qua đó Thiệu đã chỉ thị các Tỉnh Trưởng phải huy động toàn lực để ủng hộ Thiệu, đặt địa điểm bầu cử những nơi vắng để hạn chế người đi bầu, bỏ phiếu cho Thiệu vào thùng phiếu trước khi mang đi và bắt giữ những thành phần chống đối Thiệu.

Minh phàn nàn suốt 6 tháng qua, Thiệu đã dùng guồng máy chính phủ để vận động và hỗ trợ Thiệu phải đắc cử. Minh nói thêm, mặc dù luật bầu cử mới vi hiến nhưng vì Thiệu đã khống chế các guồng máy, kể cả Tối Cao Pháp Viện, nên luật bầu cử ấy trở thành hợp pháp. Thêm nữa, việc loại Kỳ ra khỏi cuộc tranh cử là bất hợp pháp và báo trước cuộc bầu cử sẽ xảy ra không công bằng. Chính vì thế, Minh nói, không có lý do gì để ông ta tiếp tục cuộc tranh cử, và những người ủng hộ Minh cũng yêu cầu ông ta tuyên bố rút lui.

Thế nhưng, trước khi quyết định có nên tiếp tục hay rút lui. Minh muốn gửi những tài liệu ấy cho Washington. Minh cũng muốn biết quan điểm của Hoa Kỳ nếu ông ta quyết định rút lui thì liệu mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam có xấu đi không, điều mà Minh không muốn xảy ra.

Berger cho biết, một cách thẳng thắn, cuộc bầu cử sắp đến rất quan trọng không những cho Miền Nam Việt Nam mà cả Hoa Kỳ nữa. Hoa Kỳ cũng đã nhận được rất nhiều báo cáo cho thấy, Minh là một ứng cử viên quan trọng và có nhiều cơ hội thắng trong cuộc tranh cử. Minh nói với Berger là ông ta biết điều đó nhưng liệu ông ta có thể thắng được hay không?

Berger đáp lại, ông ta không biết ai sẽ là người thắng cuộc nhưng hiển nhiên Minh là đối thủ quan trọng trong cuộc đua với Thiệu. Nếu Minh rút lui thì không biết tương lai của Miền Nam Việt Nam sẽ ra sao.

Theo Minh, ông ta biết việc ông rút lui sẽ tạo một hậu quả không lường thế nhưng Minh cũng không tiên đoán được sẽ xảy ra ra sao. Vì vậy, để bảo vệ danh dự chính ông, Minh nghĩ, ông ta phải trở thành kẻ ngoại cuộc, giữ thế đứng để giúp đồng bào ông trong tương lai.

Berger nhấn mạnh với Minh, tiến trình chính trị đang trên đà xuống dốc kể từ khi bản hiến pháp 1967 ra đời. Vì vậy, hiện tại Minh là một lãnh tụ đối lập, ông ta nên cố gắng đưa đất nước hướng đi về nền dân chủ. Trái lại, nếu Minh rút lui, Miền Nam Việt Nam lại rơi vào tình huống cũ, không còn đảng phái chính trị đối lập có tổ chức. Đảng khác, nếu Minh thắng cử, ông sẽ tiêu biểu cho một lực lượng quan trọng trong nước. Vì những lý do đó, việc Minh tiếp tục cuộc tranh cử là lợi cho cả Miền Nam Việt Nam và không để cho những người cộng sản lợi dụng.

Minh cho Berger biết, nguồn tài chánh ông dùng vào cuộc vận động tranh cử đã cạn và ông ta không thể vận động để xin thêm tiền hơn thế nữa. Minh nói, ông ta dè e ngại, nhưng muốn Washington trả lời câu hỏi đó của

ông. Thời hạn ứng cử đã gần hết thời hạn và ông ta cần hai triệu đồng tiền Việt Nam để bảo đảm cho cuộc tranh cử. Đến ngày 24 tháng 8 nếu không tìm được số tiền trên thì ông ta sẽ rút lui.

Vài ngày sau đó, một nhân viên Tòa Đại Sứ đã gọi và báo cho Minh biết Bunker đã nhận được những tài liệu của Minh và yêu cầu Minh chờ ông ta trở lại Sài Gòn. Tòa Đại Sứ cũng yêu cầu Minh hãy giữ yên lặng, đừng đưa ra những quyết định quan trọng cho đến khi những yêu cầu của Minh đã được xác định rõ ràng.

Thế nhưng Minh vẫn bị áp lực từ Bộ Tham Mưu của ông và những Dân Biểu Quốc Hội Phật Giáo buộc ông ta phải rút lui vì cho rằng cuộc tranh cử đang diễn ra với sự thiếu trong sạch.

Tài liệu của Minh đã được một chuyên viên tại Bộ Ngoại Giao, nói thông thạo Việt ngữ, nghiên cứu và phân tích và đưa đến kết luận, tài liệu trên đã có nhiều sự phóng đại, ngoại trừ trang đầu tiên và trang cuối cùng. Trong báo cáo gửi sang Tòa Bạch Ốc, ngày 20 tháng 8, chuyên viên phân tích ấy đưa ra kết luận.

“Tài liệu cho thấy, Thiệu đã dùng hệ thống chính quyền hiện tại để vận động chiến dịch tranh cử của ông. Vì thế, đó là một điều không công bằng. Thiệu đã sử dụng guồng máy chính phủ để thổi phồng như thể người Mỹ đã ủng hộ đảng chính trị của ông ta. Thế nhưng Thiệu có chủ trương triệt hạ những thành phần ủng hộ các ứng cử viên đối lập thì quả là khó tin được. Theo sự nhận xét của tôi, Thiệu có đưa ra những phân tích và nhận định của ông với các cử tri và yêu cầu ủng hộ ông bằng cách hình thành một khối đồng nhất thân chính quyền. Không có dấu

hiệu nào cho thấy Thiệu đưa ra những chỉ thị để gian lận”.

Trong khi đó thì Minh cần phải có một quyết định dứt khoát vào ngày 20 tháng 8, bởi vì đó là ngày Tối Cao Pháp Viện nhóm họp để duyệt xét các ứng cử viên tranh cử Tổng Thống và công bố danh sách hợp lệ vào lần thứ hai và cũng là lần sau cùng (nghĩa là bất cứ ứng cử viên nào dù bỏ cuộc sau khi tên tuổi của họ được lên danh sách niêm yết vào lần này, họ vẫn có tên trong danh sách tranh cử trong ngày bầu cử).

Ellsworth Bunker trở lại Sài Gòn vào ngày 19 tháng 8, gặp và mong muốn Minh tiếp tục cuộc tranh cử. Minh vẫn cho rằng Thiệu đã không công bằng trong cuộc vận động. Khi Bunker và Minh dạo quanh vườn hoa lan trước nhà Minh, chỉ có hai người, ông ta nói với Ellsworth Bunker, nếu ông ta có đủ tài chánh thì vẫn có thể thắng được trong cuộc vận động tranh cử.

Nhưng rồi sau đó, những người thân cận với Big Minh loan báo là Bunker muốn đưa cho Minh 3 triệu đô la để đổi lấy việc Minh tiếp tục tranh cử, nhưng Minh đã từ chối.

Bunker đã nói với tôi là điều đó không đúng sự thật. Ông ta không biết Big Minh đã nói những gì với những người thân cận sau cuộc gặp gỡ chỉ giữa có hai người. Có thể, Bunker cho biết, Minh đã suy diễn khi Bunker hỏi ông ta về vấn đề tài chánh mà Minh cần trong lúc vận động tranh cử và Hoa Kỳ có thể giúp ông theo yêu cầu đó. Cá nhân Bunker không có thẩm quyền để xuất ngân khoản giúp Minh trong cuộc tranh cử trừ phi thương cấp của Bunker chấp thuận, nhưng cấp chỉ huy của Bunker thì chưa. Nói một cách khác, Bunker không có khoản tiền

nào để hỗ trợ cho những vấn đề tranh dành ảnh hưởng về chính trị. Câu hỏi mà Bunker hỏi Minh liên quan đến vấn đề tài chánh bắt nguồn từ sự trao đổi giữa Minh và Phó Đại Sứ Berger trước đó.

Sự đáp ứng của Ellsworth Bunker với Big Minh chưa sẵn sàng. Ngày hôm sau, Minh rút ra khỏi cuộc tranh cử. Và cuộc bỏ phiếu như thế duy nhất chỉ còn một người. Minh nêu lý do là cuộc bầu cử tổ chức không công bằng. Bộ Tham Mưu của ông ta đưa ra trước công luận tài liệu nhằm chứng minh những chứng cứ hiển nhiên là cuộc bầu cử đã gian lận do chính quyền của Thiệu âm mưu.

Trên lầu 3 của Tòa Đại Sứ, khi rời văn phòng bắt chợt tôi gặp Bunker. Với thái độ bức dọc khác thường, Bunker đã bỏ thói quen đi chậm rãi thường lệ, bước thật nhanh từ phòng làm việc của ông đến văn phòng phối hợp đặc nhiệm để gọi điện thoại về Tòa Bạch Ốc với đường dây đặc biệt. Trên lối đi trong hành lang, Bunker đã không còn để ý đến ai, vắng trán ông nhìn lại, chứng tỏ ông đang phải đối phó một vấn đề ngoài tầm kiểm soát.

Việc của Minh vừa qua thì việc của Kỳ lại xảy đến. Ngày 21 tháng 8, Tối Cao Pháp Viện nhóm họp để cứu xét việc ứng cử của Kỳ. Cơ quan này cho rằng Thiệu đã hiểu sai lệch về luật bầu cử, nghĩa là, thành phần bảo trợ ứng cử viên hoặc do các Dân Biểu Quốc Hội giới thiệu hay các Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh, nhưng không được quyền cả hai. Do đó Tối Cao Pháp Viện chấp nhận Thiệu là một ứng cử viên do các Dân Biểu Quốc Hội bảo trợ và xem các Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh ký bảo trợ Thiệu là bất hợp lệ, vô giá trị. Vì thế, 41 Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh trước đó đã ủng hộ Thiệu nhưng về sau rút ra để ủng hộ Kỳ là

hợp pháp. Từ đó, Kỳ đủ túc số để trở thành ứng cử viên. Kỳ có thể trở lại cuộc tranh cử.

Thế nhưng Kỳ lại do dự và muốn bỏ cuộc, mặc dù Bunker đã gặp và thúc đẩy Kỳ nên tiếp tục tranh với Thiệu, vì đó là phục vụ dân chúng Miền Nam Việt Nam. Kỳ lịch sự lắng nghe những gì Bunker giải thích nhưng không quan tâm lắm.

Cũng giống như Minh, Kỳ đưa ra những luận điệu để mô tả Thiệu là một người độc tài, Kỳ lên tiếng chỉ trích chính phủ đã biến cuộc bầu cử này như một vở kịch trên sân khấu, chỉ bày ra và một người đã được chọn trước để đắc cử. Kỳ nói tiếp: “Một lần nữa, luật bầu cử đã bị bẻ cong nhằm để phục vụ mưu đồ chính trị của một cá nhân”.

Do sự trùng hợp, tôi đã dự một cuộc họp báo do Kỳ tổ chức. Ngày ấy, tôi chờ một phóng viên của tờ Washington Post xuống Vĩnh Long quan sát cuộc vận động tranh cử của các ứng cử viên vào Hạ Viện Miền Nam Việt Nam. Chúng tôi gặp một ứng cử viên Tân Đại Việt và tháp tùng để quan sát chiến dịch tranh cử của ông ấy. Ứng cử viên đó là Nguyễn Ngọc Tân, người đầu tiên gốc Miền Nam đã tham gia vào đảng Đại Việt khi đảng này do một nhóm sinh viên tại Hà Nội vừa thành lập vào cuối thập niên 1930. Tân cũng đã liên minh với một đảng chính trị gốc Hòa Hảo của Dương Hiếu Nghĩa ở Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Chúng tôi đứng phía sau một đám đông phóng viên báo chí ở sân trước của một biệt thự, để nghe Kỳ họp báo đả kích cuộc bầu cử do Thiệu tổ chức.

Trong cuộc rút lui khỏi cuộc tranh cử, Kỳ đã khéo dàn dựng và đóng kịch để làm cho uy tín của Thiệu tại Hoa

Kỳ cháy theo. Nghị Sĩ Mike Mansfield kết án: “Cuộc bầu cử là một trò hề”. Nghị Sĩ Henry Jackson tuyên bố Hoa Kỳ phải dùng ảnh hưởng của mình để buộc Miền Nam phải tổ chức một cuộc bầu cử đúng nghĩa của nó. Nghị Sĩ McGovern đã được đảng Dân Chủ chọn làm ứng viên Tổng Thống, nói quyền tự quyết của dân chúng Miền Nam đã lọt vào tay của một người bất xứng và Hoa Kỳ phải chấm dứt ngay việc ủng hộ chính quyền Thiệu.

Và lẽ tất nhiên, tại Miền Nam Việt Nam, sự chia rẽ càng sâu đậm do sự thổi phồng những điều mà người ta gọi là gian lận của cuộc bầu cử. Ngay cả những người từng ủng hộ Thiệu bấy giờ cũng đã phân vân. Nhưng một người bạn thân với Bunker, thân với nhau từ khi ông này phục vụ tại Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Ấn Độ và lúc ấy Bunker cũng là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Ấn, và cũng là người có những nhận định sâu sắc về giới chính trị tại Sài Gòn, đã cho Bunker biết: Tình hình vẫn suôn sẻ. Tuyệt đại đa số thẩm lạng sẽ không quan tâm những gì đang xảy ra.

Và quả như thế. Cả Kỳ lẫn Minh, qua những hành động của họ trong quá khứ, khó có thể được dân chúng tín nhiệm trong chức năng lãnh đạo Miền Nam Việt Nam. Thiệu đã có được ưu thế là vận động được quần chúng ủng hộ ông ta vào những năm trước đó. Không còn đối thủ, Thiệu đã dễ dàng trở thành người dẫn đầu.

Bunker không phải là người hài lòng trong tình huống ấy. Cuộc bầu cử đã đưa nếp sinh hoạt chính trị của Miền Nam Việt Nam lùi vào những năm về trước, điều mà Bunker e ngại và lo lắng. Bunker đã không nhúng tay vào sự tranh chấp. Thiệu vẫn bị Kỳ đả kích thậm tệ. Minh thì bản lãnh yếu còn Kỳ thì chưa chừng chạc

Tờ *Washington Post* viết rằng chính Bunker đã làm hết sức mình để đạo diễn cuộc bầu cử tại Miền Nam Việt Nam. Còn tờ *New York Times* thì ngược lại, cho Bunker là không làm tròn trách nhiệm của ông ta. Nhưng Bunker thì nghĩ khác, điều quan trọng là để dân chúng Miền Nam Việt Nam tự giải quyết những vấn đề mà họ tự cho là cần thiết kể cả việc Thiệu ra tranh cử mà không có đối thủ.

Mặc dù bị nhiều chỉ trích, nhưng Thiệu vẫn có được những thuận điểm:

1. - Trong ba ứng cử viên, ông ta là người sáng giá nhất.
2. - Việc tái đắc cử của Thiệu có lợi cho Miền Nam Việt Nam nhiều hơn.
3. - Thiệu vẫn có thể đạt đa số phiếu dù tranh cử có hai hay ba ứng viên. Cùng thời điểm ấy, tôi già từ Sài Gòn để trở về Trường Luật Harvard.

CUỘC BẦU CỬ HẠ NGHỊ VIỆN

Ngày 29 tháng 8 một sự kiện quan trọng đã xảy ra, hào hứng hơn là cuộc tranh cử Tổng Thống, vì đó là nền tảng của sự sống còn của nền dân chủ của Miền Nam Việt Nam. Các Dân Biểu đã được bầu cho một nhiệm kỳ mới. Qua sự thống kê, dân số tăng nên cuộc bầu cử vào Hạ Viện 1971 cũng tăng lên 22 người so với năm 1967.

Khoảng 1242 ra tranh cử để lấy 159 ghế Dân Biểu. Có 53 người không đủ điều kiện và 90 người tự ý rút lui sau đó. Số cử tri ghi danh từ 5,8 triệu năm 1967 tăng lên 7,1 ở năm 1971. Số cử tri đi bầu là 78%.

Số ứng cử viên thân chính quyền đắc cử 53% số ghế Hạ Viện. Các ứng cử viên đối lập, đặc biệt là tại Sài Gòn và các Tỉnh Miền Trung, ứng cử viên Phật Giáo thắng cử

nhiều hơn, khoảng chừng 37% số ghế. Nhìn chung, 84 Dân Biểu được coi là thân chính quyền, 60 Dân cử đối lập và 15 Dân Biểu độc lập. Theo thống kê của Tòa Đại Sứ, phòng chính trị, 91 Dân Biểu vừa mới đắc cử trên tổng số 159 người nằm trong 13 đoàn thể chính trị có những khuynh hướng khác nhau.

Các Dân Biểu do khối Phật Giáo ủng hộ đã thắng toàn bộ tại Thành Phố Đà Nẵng và ở ngoại ô Tỉnh Thừa Thiên-Huế. Các ứng cử viên được khối Công Giáo ủng hộ lại ít thành công hơn. Chỉ có hai Dân Biểu đắc cử gốc Công Giáo chống cộng Miền Bắc di cư và 4 người Công Giáo thuộc Nhân Xã Đảng. Trái lại, 12 Dân Biểu đắc cử gốc Hòa Hảo, 3 Cao Đài, 8 sắc tộc thiểu số Vùng Cao Nguyên, 2 người gốc Chăm và 6 người gốc Miên.

Hơn phân nửa số Dân Biểu vừa đắc cử tuổi dưới 40. Chỉ có 41 Dân Biểu thuộc nhiệm kỳ trước được tái đắc cử và phần lớn những người này tỏ ra chống chính quyền Thiệu trong suốt nhiệm kỳ vừa qua. Kể cả Nguyễn Quang Luyện, thường gọi là Dân Biểu Vàng, vì ông ta bị bắt tại Bangkok khi mang một xắc tay vàng trên đường công du trở về nước, cũng tái đắc cử trước đối thủ của ông.

Thế nhưng trong cuộc bầu cử vào Hạ Viện, chính phủ Thiệu vẫn bị tấn công là tổ chức bầu cử thiếu trong sáng. Thượng Viện kết án có 12 Tỉnh đã bầu cử không trong sạch và thiếu tinh thần dân chủ. Tại hai trong số Tỉnh vừa nói, những ứng cử viên lên tiếng đả kích chính quyền đều bị thất bại. Thượng Viện yêu cầu cách chức 5 Tỉnh Trưởng trong đó có một người là bà con với Thiệu vì tội vi phạm luật bầu cử.

Bunker đã gặp riêng Thiệu và yêu cầu ngưng chức

người bà con này. Khi Bunker trao cho Thiệu tài liệu chứng minh việc làm bất chính ấy thì Thiệu cầm lấy và đọc ngay. Quả thật, chức Tỉnh Trưởng của người bà con Thiệu có bị mất vì vụ này, nhưng thay vì bị trừng phạt thì ông ta lại được thăng lên chức chỉ huy một khu chiến thuật dọc biên giới Việt-Miên, nơi mà tiền bạc còn kiếm được nhiều hơn do việc buôn lậu qua biên giới.

Có 22 Dân Biểu đắc cử mà kết quả của họ bị duyệt xét lại. Tối Cao Pháp Viện phán quyết, 9 trong số này đã có những chứng cứ vi phạm luật bầu cử hoặc gian lận phiếu. Một số những nhân viên trách nhiệm tại các thùng phiếu đã bị kết án và vào tù. Ba Tỉnh Trưởng đã bị xem là nhúng tay vào làm sai lạc kết quả bầu cử.

Ngày 31 tháng 8, Tối Cao Pháp Viện nhóm họp và chấp nhận trên thực tế, Kỳ đã rút lui cuộc tranh cử Tổng Thống. Và tuyên bố chỉ còn một ứng cử viên duy nhất trong cuộc bầu cử này. Trong nỗ lực làm giảm thiểu sự mất mát về uy tín cá nhân trước việc Minh và Kỳ rút lui, ngày 2 tháng 9, Tổng Thống Thiệu đã nói chuyện với đồng bào của ông trên hệ thống truyền thanh và truyền hình.

Thiệu giải thích lý do tại sao ông vẫn tiếp tục cuộc tranh cử mặc dù chỉ còn lại một mình ông ta trong cuộc bỏ phiếu ngày 3 tháng 10 sắp tới. Thiệu tuyên bố: “Nếu kết quả cuộc bỏ phiếu vào ngày 3 tháng 10 sắp tới, đồng bào vẫn còn tín nhiệm tôi thì tôi sẽ tiếp tục nhiệm kỳ 4 năm kế tiếp. Ngược lại, qua cuộc bầu cử đó, đồng bào không tín nhiệm, tôi đoán hứa là tôi sẽ rút lui”.

Để trả lời quyết định của Thiệu qua bài nói chuyện trên truyền hình là sẽ từ chối chức vụ Tổng Thống nếu

số phiếu không được tín nhiệm, Kỳ đã dành một cuộc phỏng vấn cho báo chí ngoại quốc tại tư thất của ông trong căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất. Với thái độ bất thường, không còn tự chế, Kỳ cho biết: “Bằng mọi cách tôi sẽ đánh gục Thiệu và ảo tưởng của ông ấy. Tôi là một chiến sĩ, tôi sẽ chiến đấu chống Thiệu đến cùng kể cả phải hy sinh mạng sống của tôi để thực hiện mục tiêu đó. Nếu tôi tin hủy diệt Thiệu là tôi đang hủy diệt một tên độc tài thì tôi sẽ làm, và tôi bảo đảm với quý vị rằng tôi có khả năng để thực hiện điều đó”.

Kỳ cũng cho biết, ông ta không thể khoan nhượng để Thiệu ngồi thêm 4 năm nữa ở chiếc ghế Tổng Thống và cũng khó có thể tin là cuộc bầu cử ngày 3 tháng 10 sẽ được diễn ra. Kỳ tiếp: “Tôi có cảm giác những bất ổn quan trọng có thể diễn ra, đặc biệt là trong Quân Đội. Và sẽ diễn ra to lớn hơn từ trước đến giờ. Có nhiều dấu hiệu cho thấy những việc hệ trọng sẽ xảy ra, có thể là đêm nay, có thể là ngày mai. Khi tôi thực hiện điều đó, tất cả những vị trú ngụ gần Dinh Độc Lập hãy dời đi nơi khác. Thử hỏi các Tướng lãnh đã có mấy người ủng hộ Thiệu? Thiệu là kẻ dẫn đầu. Tôi không nghĩ là ông ta sẽ tiếp tục làm Tổng Thống thêm được nữa”.

Mặc dù bị Kỳ đe dọa như thế nhưng Thiệu vẫn không quan tâm. Ngày 4 tháng 9 Thiệu thăng chức cho 24 Đại Tá lên cấp Tướng và bổ nhậm tân Tư Lệnh Ngành Cảnh Sát Quốc Gia.

Ngày 10 tháng 9, tình hình bầu cử vẫn diễn tiến. Kỳ công bố, nhắc lại đề nghị của ông ta đã nêu trước đó là tổ chức lại cuộc bầu cử, theo đó Thiệu từ chức và Kỳ sẽ không ra tranh cử và sẽ chỉ là người điều hợp cuộc bầu cử đó.

Ngày 15 tháng 9, Phật Giáo kêu gọi tín đồ tẩy chay cuộc bầu cử bằng cách không đi bầu. Một Cố Vấn thân cận với Big Minh tổ chức vài cuộc xuống đường tại Sài Gòn. Ngày 22 tháng 9, có 28 Nghị Sĩ yêu cầu hoãn lại cuộc bầu cử.

Ngày 29 tháng 9, Kỳ kêu gọi đình công và biểu tình nhưng giới Phật Tử không tham dự cuộc biểu tình đó. Một số Quân Nhân và xe cộ của Mỹ đã là mục tiêu cho những người biểu tình gây khó khăn. Thành phần đối lập đã biến tình cảnh chống Thiệu thành chống Mỹ. Thiệu cảnh cáo trước công luận, những ai tấn công và đốt xe cộ sẽ bị bắn ngay tức khắc.

Thiệu có đọc một bài nói chuyện trước công chúng, tốt nhưng quá dài, nhắc lại những điều ông đã thực hiện cho đồng bào của ông.

Cuộc bầu cử chỉ có một ứng cử viên đã được diễn ra ngày 3 tháng 10 và Thiệu đã được 94% số phiếu trong số 5,9 triệu cử tri đi bầu. Các cuộc biểu tình và đình công đã bị thất bại và đường phố Sài Gòn trở lại sự tấp nập ở những khu thương mại như thường lệ.

Kết quả cuộc bầu cử đã làm cho Ellsworth Bunker cảm thấy bối rối. Với số cử tri bầu quá đông, kể cả những vùng hoang vắng, kém an ninh mà người dân trước đây chưa hề có kinh nghiệm nào về bầu cử cũng đã bỏ phiếu cho Thiệu, đối với Bunker là một điều bất thường. Đáng khác, qua thực tế, tại những Thành Phố và tỷ lệ lớn số cử tri đi bầu cho Thiệu rõ ràng là ít. Do đó, Bunker nhìn thống kê kết quả mà Thiệu đưa ra có điều gì không đúng sự thật. Thiệu đã thắng và đã nắm giữ quyền lực tối cao là Tổng Thống của Miền Nam Việt Nam nhưng có lẽ ông không có được cái vinh dự trọn vẹn.

Suốt năm 1971 danh từ “Bình Định Phát Triển” đã giảm tầm mức quan trọng như trước đó, để chỉ gọi là Chương Trình Nông Thôn. Bởi lẽ lý thuyết về Phát Triển Bình Định xem như đã thực hiện xong, và những bất ổn tại nông thôn cũng đã giảm thiểu khá nhiều. Tập trung việc phát triển toàn diện là mục tiêu mới của chính phủ Miền Nam Việt Nam phải thực hiện. Vì vậy chính phủ Thiệu đã đề ra kế hoạch địa phương tự vệ, địa phương phát triển là những công tác thi hành trong năm 1969, 1970 được thay thế bằng kế hoạch 3 mục tiêu: Tự vệ, tự quản và tự phát.

Nói rõ hơn, những mục tiêu này đối với Bunker, xác định tại Miền Nam Việt Nam: Nền an ninh chắc chắn cho dân chúng Việt Nam, sự hợp tác giữa dân chúng và chính quyền và hé mở một đời sống tốt đẹp hơn cho dân chúng.

Nhận thức về tự lực mà chính phủ Sài Gòn mang ra áp dụng trên quy mô cả nước là bản chất đậm nét bám sâu vào định mệnh cá nhân của người Việt Nam cùng tổng hợp với học thuyết tự nhiên của Lão Tử. Nhận thức “Tự” rất sinh động đối với người Việt mà từ lâu đời những tín đồ Phật Giáo đã áp dụng.

“Tự” là nhận lãnh cái nghiệp, cái quả báo nhưng cùng lúc chuyển đổi những nghiệp ấy trở thành thuận điểm cho chính mình. Đối với người Phật Tử, Tự là vô thức, có và không, còn và mất đã trở thành lẽ vô thường.

Nhận thức tự lực, do đó đối với người Việt Quốc Gia đã trở thành luận điểm quan trọng đặc biệt đối với tư tưởng của nhóm Đại Việt vào thập niên 1930. Và tư tưởng của nhóm Đại Việt ấy lại được Thiệu và những người Tân

Đại Việt cộng tác với ông ta mang ra ứng dụng vào năm 1971 trong mục tiêu tái lập nền an ninh và phát triển, như những phương châm mà chính phủ phải hoàn tất cho cả Miền Nam Việt Nam .

Quân Đội chiến đấu Bộ Binh của Hoa Kỳ sẽ hoàn tất việc rút khỏi Miền Nam vào cuối năm 1972, và đối với Bunker, 12 tháng còn lại đó trong năm 1971 là cơ hội để Quân Đội Hoa Kỳ tiếp tục cuộc chiến đấu để chính phủ Sài Gòn rảnh tay củng cố nền an ninh vững mạnh tại nông thôn.

Do thế, trong năm 1971 đặt trọng tâm vào việc tái huấn luyện 1 triệu người thuộc thành phần Nhân Dân Tự Vệ, các Sư Đoàn Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa giảm các cuộc hành quân lớn mà chỉ lùng diệt địch ở những vùng đã kiểm soát, nâng cao trách nhiệm của các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân.

Thiệu cũng đã bổ nhiệm 13 Tỉnh Trưởng mới thay thế cho các Tỉnh Trưởng cũ kém hiệu năng và cải tổ Ngành Cảnh Sát. Lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia đã tăng lên 122.000 người. Vào cuối tháng 1 năm 1972 đã có khoảng 31.618 Nhân Viên Cảnh Sát về phục vụ tại 2.102 làng, vì vậy các vụ khủng bố đã giảm từ 10.000 trong năm 1970 xuống còn khoảng 6.000 vụ trong năm 1971.

Kinh tế tại Miền Nam Việt Nam trong năm 1971 đã đạt được những bước tiến đáng kể. Vấn đề xuất nhập cảng không còn nằm trong tay một số người để họ dễ bề thao túng. Thuế nhập cảng đã tăng và chuyển sang Ngân Hàng Quốc Gia để đổi thêm ra nhiều ngoại tệ. Hàng nội địa sản xuất tăng nhanh nhờ chính sách giảm thuế.

Suốt trong năm 1971, sản xuất lúa gạo đã đạt 6,1 triệu

tấn nhờ giống lúa nước mà Hoa Kỳ đã thử nghiệm tại Miền Nam năm 1967. Ngành nông nghiệp tăng 13% so với năm trước đó. Sản lượng cả nước tăng từ 4 đến 5%.

Sau cuộc bầu cử Hạ Viện, có tin đồn là Thiệu sẽ mời Giáo Sư Nguyễn Văn Bông, Chủ tịch Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, làm Thủ Tướng, để dung hợp giữa thành phần đối lập và sách lược uyển chuyển của Tần Đại Việt. Đồng thời Thiệu cũng muốn thoát ra vòng vây khống chế giữa Tướng Quang và các Tướng lãnh thân cận Quang và nhóm tài phiệt về kinh tế nằm trong tay nhóm Công Giáo có thể lực, được hỗ trợ từ khối đồng bào Công Giáo di cư và các tay kinh tài người Việt gốc Hoa Chợ Lớn.

Mọi tiến triển khả quan về mọi mặt tại Miền Nam Việt Nam trong năm 1971 đã thực sự làm cho Hà Nội lo ngại. Lê Duẩn, người kế tục quyền lực Hồ Chí Minh, trong phiên họp với hàng ngũ lãnh đạo Hà Nội phải cảnh giác, kể từ khi cuộc chiến tranh được phát động từ năm 1946, đây là lần đầu tiên các nhà trí thức tư sản Việt Nam đã tổ chức có hiệu quả và họ có khả năng đánh bại sách lược của cộng sản Việt Nam.

Sau đó, theo báo cáo của một đảng viên cộng sản cao cấp đã đào thoát, Lê Duẩn đã nói trong phiên họp đó: “Nếu để đà này tiếp tục, sự chiến thắng của chúng ta sẽ phải lùi lại từ 20 hay 30 năm nữa”.

Hậu quả, hai toán ám sát đặc biệt đã được chỉ định thâm nhập vào Miền Nam Việt Nam, có nhiệm vụ ám sát Giáo Sư Nguyễn Văn Bông, và người thứ hai là Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, chiến lược gia hàng đầu của Tần Đại Việt.

Ngồi hàng ghế sau của xe, khi dừng vì đèn đỏ lưu thông ở một ngã tư, Giáo Sư Nguyễn Văn Bông đã bị ám sát do

một người đi xe gắn máy kèm hai bên xe và ném một quả bom xuống dưới gầm xe của ông. Cùng ngày ấy, người có nhiệm vụ lái xe gắn máy theo xe và bảo vệ ông nghỉ ở nhà vì lý do bị bệnh.

Cảnh Sát đã khám phá và bắt được toán ám sát thứ hai trước khi họ thi hành ý đồ hạ sát Giáo Sư Huy. Thế nhưng Huy vẫn là người mà Hà Nội luôn luôn tìm cách giết hại.

Trước việc Bông bị ám sát, Thiệu phải giữ Tướng Khiêm ở lại chúc vạ Thủ Tướng để điều hợp một bên là Tướng Quang và các tay tài phiệt kinh tế và phía kia là thành phần những người Quốc Gia và lãnh tụ các đảng phái chính trị.

Những vấn đề chủ yếu đã thực hiện được đưa đến một nền an ninh và kinh tế ổn định, cả hai đều là tối cần thiết cho sự sống còn sau khi Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh hoàn tất. Bunker và Thiệu là những người có trọng trách đã thực hiện điều đó. Thế nhưng tất cả những thành quả trên đã không tồn tại lâu dài. Năm tiếp đến là 1972, Miền Nam Việt Nam nhận lãnh trách nhiệm tự bảo vệ đã nói lên điều đó.

CHƯƠNG 12

1972: NĂM ĐẦY THÁCH THỨC

Những tham vọng về chính trị thường khi xảy ra ngoài những lượng giá và phán đoán của con người, ngoại trừ đạt được những chiến thắng nơi chiến trường. Năm 1972 Hà Nội muốn trải nghiệm toàn bộ tham vọng chính trị của họ qua việc xâm lăng Miền Nam Việt Nam để lượng định Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh của Miền Nam đã thực sự đạt được khả năng đến mức độ nào.

Trong bài nói chuyện trước công luận, Thiệu đã báo động với đồng bào ông rằng những trận chiến đẫm máu sắp sửa xảy ra.

Ngày 26 tháng giêng năm 1972, Bunker báo cáo với Nixon, trong thời gian vừa qua, địch quân đã hoàn toàn bị động. Nhưng có nhiều triệu chứng cho thấy rằng, trong những tháng sắp đến, Hà Nội sẽ mở ra những cuộc tấn công quy mô.

Tháng 12 năm 1971, tờ nhật báo *Quân Đội Nhân Dân* của Hà Nội đã viết một bài xã luận, nhấn mạnh rằng, việc

Quân Đội Hoa Kỳ rút quân đã đưa đến một cán cân mới tại chiến trường ở Miền Nam Việt Nam, vì vậy chủ điểm chính lúc này là mở ra các đợt tấn công. Trước đó, đầu năm 1971, con diều hâu trong chính trị bộ Lê Duẩn đã viếng thăm Mạc Tử Khoa và xin Nga Sô viện trợ thêm vũ khí. Số vũ khí ấy đến Cảng Miền Bắc Việt Nam khởi đầu từ tháng 1 năm 1972. Thêm nữa Hà Nội cũng biết, Nixon trong năm 1972 đang chuẩn bị chuyển du thuyết tại Bắc Kinh và sau đó là Mạc Tử Khoa. Do vậy, Hoa Kỳ sẽ không có những phản ứng mạnh mẽ nếu Hà Nội có các cuộc tấn công quy mô trong thời điểm này.

Bunker tiên đoán, Hà Nội sẽ thay đổi chiến thuật của họ, bớt liều lĩnh hơn, cùng lắm cũng chỉ là những đợt pháo kích vào các mục tiêu xa hơn nơi trú quân của họ như đã từng áp dụng vào khoảng giữa năm 1969. Trong trường hợp đó xảy ra, Bunker ước tính, với sự hỗ trợ về mặt Không Quân của Hoa Kỳ, Miền Nam Việt Nam có đủ khả năng chặn đứng các cuộc tấn kích như thế.

Ellsworth Bunker cho rằng mục tiêu của Hà Nội là tiếp tục gây trở ngại và chống đối giữa dân chúng Hoa Kỳ và Washington về việc tiếp tục ủng hộ Miền Nam Việt Nam. Ông ta đã nói với Tổng Thống Nixon, Hoa Kỳ vẫn còn gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm bởi vì kẻ thù vẫn còn khả năng để gây áp lực về mặt chính trị ngay tại Hoa Kỳ để buộc chúng ta phải hoàn toàn giải giới.

Bunker tiếp, trong vài tháng sắp tới sẽ có những trận quyết liệt xảy ra, quy mô hơn cả hàng chục năm qua. Mặc dù Miền Nam Việt Nam đã tự nhận lãnh trách nhiệm thế nhưng đó là gánh nặng quá mức chịu đựng của họ, do đó đòi hỏi sự tiếp tục có mặt của Hoa Kỳ về mặt quân

sự. Ellsworth Bunker nhận định, Hà Nội đã mở các cuộc tổng công kích vào giữa tháng 2 khi Nixon đang có mặt tại Bắc Kinh.

Các nhà lãnh đạo Hà Nội đã tổng hợp giữa lý thuyết cách mạng của Lenin với chủ thuyết pháp trị của Trung Hoa đã áp dụng lâu đời để cai trị xứ sở của họ. Binh thuyết gia Tôn Tử đã viết: “Chiến tranh là một vấn đề quan trọng sống còn của mỗi quốc gia, đó là con đường đưa đến sống hay chết, tồn tại hay bị hủy diệt”.

Dùng giải pháp quân sự, Hà Nội cho rằng đã đáp ứng đúng “thời cơ”. Thời cơ là điều kiện xảy đến, nếu không kịp nắm bắt, nó sẽ qua đi như đợt sóng vỗ bờ. Thời cơ cũng sẽ tạo nên biến cố nếu những ai biết vận dụng đúng hướng đi của nó. Để nắm được thời cơ, đòi phải có “Thế”, chẳng hạn như các lực lượng quân sự, để thực hiện những gì thời cơ đưa đến trở thành hiện thực. Năm 1968 cuộc tổng công kích Mậu Thân, đối với Hà Nội, là thời cơ để đạt được những thành quả tại bàn hòa đàm.

Những người cộng sản Việt Nam không bao giờ bỏ lỡ cơ hội khi thời cơ đã đến. Họ tin rằng thời cơ sẽ tạo nên những điều kiện lịch sử quan trọng.

Hồ chí Minh đã từng nói với các thân tín của ông ta: “Do sự thiếu hiểu biết về điều kiện lịch sử thế giới, không biết ứng dụng để làm cân bằng lực lượng và thiếu chiến thuật do đó phần đông dân chúng đã hành động trong điều kiện chưa chín mùi hoặc họ không biết khi nào phải hành động” (Porter, trang 24). Đó là chủ thuyết cơ hội chủ nghĩa của Lenin (Roche in settlement).

Những bước leo thang quân sự mạnh mẽ vào những năm có cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ với chủ đích của

Hà Nội là nhằm tăng áp lực buộc Washington phải giải quyết những vấn đề của Hà Nội tại bàn thương thuyết, trước những tiến triển tại chiến trường mà Hà Nội đã dành lấy được. Các nhà lãnh đạo Hà Nội luôn tránh né thực chất những vấn đề mà tại bàn thương thuyết đã đặt ra, và chỉ đưa ra những miếng mồi để ru ngủ, xoa dịu những thành phần cực hữu trong chính phủ trong tiến trình chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống của họ sắp đến. Chiến thuật đáp ứng đúng những nhu cầu, trong nền chính trị Hoa Kỳ, qua các cuộc tranh cử Tổng Thống vô hình trung đã đáp ứng những điều mà Hà Nội xem là thời cơ.

Đường lối cứng rắn của Nixon và những phán đoán nhậy bén của Bunker đã được thử thách tại chiến trường. Việt Nam Hóa Chiến Tranh, Bình Định và Phát Triển, thực thi hiện pháp, tất cả đều trở nên vô nghĩa nếu lực lượng quân sự của Miền Nam Việt Nam đã bị bẻ gãy vào năm 1972 trước những cuộc pháo kích và tấn công của Hà Nội. Như Nixon đã viết lại qua cuốn hồi ký của ông, quả là một điều điên rồ nếu việc thành công hay thất bại của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam chỉ trông mong ở Đồng Minh của chúng ta là Miền Nam Việt Nam.

Thực ra thì các nước Đồng Minh tham chiến tại Việt Nam và cả Miền Nam Việt Nam cũng đã tiên liệu và chuẩn bị khá chu đáo. Phần lớn các đơn vị chiến đấu của Hoa Kỳ đã rời khỏi Việt Nam. Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird đã viếng thăm Sài Gòn vào cuối năm 1971 và ông ta không ngờ những tiến triển mà Miền Nam Việt Nam đã đạt được. Những mục đích và yêu cầu của Bunker và Abrams đòi hỏi, phía Miền Nam Việt Nam xem như đã

đạt được. Laird nghĩ, việc triệt thoái quân về nước sẽ nhanh hơn. Thiệu đồng ý và chỉ yêu cầu tăng viện trợ tương xứng.

Trong thời gian Hà Nội chuẩn bị để mở ra các cuộc tấn công quy mô vào Sài Gòn cũng như Washington sửa soạn để có kế hoạch đối phó, thì Henry Kissinger lại lùi thêm một bước nữa trong cuộc thương thuyết với đối phương.

Sau cuộc bầu cử Tổng Thống và chỉ có một ứng cử viên duy nhất vào cuối năm 1971, đối với Washington là điều xảy ra bất thường và chính vì thế, Kissinger đã không có thiện cảm để bênh vực vị trí của Thiệu qua cuộc thương thuyết. Từ đó, Kissinger đã đề nghị cho Hà Nội, một cuộc bầu cử Tổng Thống mới tại Miền Nam Việt Nam sẽ được tổ chức, 6 tháng sau khi hiệp ước đã được hai bên, Hoa Kỳ và Hà Nội, thỏa thuận, Kissinger tin rằng mục tiêu chính trị mà Nixon cố theo đuổi là thực hiện một nền hòa bình trong danh dự cho dù Nixon không ủng hộ cá nhân Nguyễn Văn Thiệu.

Alexander Haig, phụ tá của Kissinger, liền bay đến Sài Gòn và gặp Thiệu vào ngày 23 tháng 9 năm 1971 để thảo luận về quan điểm mới mà Hoa Kỳ sẽ đưa ra. Haig nói với Thiệu rằng Washington cần sự hỗ trợ cho chiến tranh của dân chúng tại Hoa Kỳ nên phải đưa ra sáng kiến hòa bình mới trước công luận vào cuối mùa Thu. Điều chính yếu trước khi công bố sáng kiến mới này, Hoa Kỳ muốn Thiệu hứa là sẽ từ chức Tổng Thống Miền Nam Việt Nam và sẽ tổ chức cuộc bầu cử khác.

Haig cho Thiệu biết, theo quan điểm của Nixon, cuộc bầu cử Tổng Thống Miền Nam vừa qua là một trở ngại lớn trong việc Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ Miền Nam Việt Nam.

Vấn đề chính yếu còn lại trước khi đạt thỏa thuận chung cuộc là sự có mặt của Thiệu trong chính phủ Sài Gòn.

Không đưa ra sáng kiến hòa bình mới, Nixon e ngại Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ cắt giảm viện trợ kể cả mức độ quân sự mà Hoa Kỳ đang hỗ trợ Việt Nam. Chính vì thế, Kissinger đã soạn ra dự thảo mới mà Nixon đã đồng ý nội dung bản dự thảo này. Vấn đề còn lại là thuyết phục Thiệu.

Trước công luận, dự thảo mới này nhằm ngăn chặn sự chỉ trích của thành phần phản chiến đòi hỏi Hoa Kỳ phải đơn phương rút quân. Nếu Hà Nội bác bỏ dự thảo mới này, Tổng Thống Nixon sẽ công bố những đồng ý của Hà Nội với Hoa Kỳ qua các cuộc thương thuyết mật. Và như thế, theo Nixon, có đầy đủ những thuận điểm để ông có thể trực tiếp theo đuổi thực hiện Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh.

Haig muốn Thiệu đồng ý trên nguyên tắc như thế và đồng thời cũng hứa với Thiệu là Hoa Kỳ sẽ không đưa ra sáng kiến mới này cho Hà Nội cho đến khi nào Tổng Thống Miền Nam hoàn toàn đồng ý. Dự thảo mới này, Haig giải thích với Thiệu, giúp Thiệu đặt quyền lợi hòa bình cho quốc gia lên trên vị trí cá nhân, và những kẻ chỉ trích Thiệu không còn lý do gì để kết án ông là lực cản của tiến trình hòa bình. Dự thảo mới này phải cần thêm 3 tháng nữa để Miền Nam Việt Nam và Hoa Kỳ thảo luận thêm chi tiết.

Thiệu trả lời, Hoa Kỳ có thể nói riêng cho Hà Nội biết, ông ta sẽ từ chức Tổng Thống nếu tiến trình được thực hiện đúng nghĩa. Và trong trường hợp ấy, Thiệu cũng sẽ không ra tranh cử nữa sau khi cuộc chiến tranh chấm

dứt như Thiệu đã từng tuyên bố trước đây trước đồng bào của ông.

Haig hỏi Thiệu, để hóa giải sự bất mãn của dân chúng Hoa Kỳ về vấn đề chỉ có một người ứng cử Tổng Thống, Thiệu có dự định mời những thành phần đối lập tham dự vào nội các của ông không. Thiệu cho biết, ông sẽ mời một số người thuộc khối Phật Giáo tham gia chính phủ.

Cùng ngày ấy, Thượng Viện Hoa Kỳ kêu gọi, trong thời hạn 6 tháng, nếu Hà Nội phóng thích tù binh Mỹ thì Hoa Kỳ hoàn tất việc rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Tiếp đến, Thiệu không hề được tham khảo trước, 8 điểm dự kiến việc Thiệu từ chức được trao cho Hà Nội tại Paris ngày 11 tháng 10 năm 1971. Đáp lại, Hà Nội muốn có cuộc họp mật với Hoa Kỳ vào ngày 20 tháng 11 nhưng rồi sau đó họ hủy bỏ.

Thông báo sự hủy bỏ phiên họp mật, nhưng không nói nội dung cuộc họp đó, Thiệu tiên đoán, Hà Nội muốn trì hoãn chờ xem kết quả sau chuyến Nixon viếng thăm Trung Quốc vào năm 1972, trước khi Hà Nội vào bàn hội nghị thương thuyết nghiêm chỉnh.

Điều lo lắng của Kissinger là quyền lực của Nixon quyết định về cuộc chiến có thể bị Quốc Hội tước đoạt, lại không xảy ra như ông ta tưởng. Vào tháng 10 và tháng 11 năm 1971 Hạ Viện Hoa Kỳ đã thất bại trong việc đưa ra biểu quyết chấm dứt sự tham dự Hoa Kỳ vào chiến tranh Việt Nam. Nhưng Ủy Ban Đối Ngoại của Thượng Viện đã đặt ra giới hạn việc viện trợ cho Cam Bốt, mở đầu việc áp dụng tương tự cho Miền Nam Việt Nam về sau.

Ngày 19 tháng 11, Hội Đồng Hồng Y Công Giáo Hoa Kỳ đã bỏ phiếu 158/36, trong đó có câu: Tất cả những lý

tưởng mà chúng ta hy vọng để tiếp tục can dự vào cuộc chiến này, giờ đây đã trở thành hoang tưởng, bởi chính nó đã hủy diệt sinh mệnh của con người và tàn hại cả giá trị về đạo đức. Các Hồng Y Hoa Kỳ kết luận: “Chính vì thế, sự phản kháng của chúng ta để đưa cuộc chiến chấm dứt nhanh hơn là điều tối cần thiết mà lương tâm đòi hỏi”.

Tháng giêng năm 1972, Hubert Humphrey và Edmund Muskie và cuộc tranh cử Tổng Thống 1972 với chủ đề kêu gọi chấm dứt tức khắc chiến tranh Việt Nam.

Thời điểm ấy, Tổng Thống Nixon muốn đưa ra trước công luận nội dung các cuộc họp mật của Kissinger nhằm để tìm sự hỗ trợ cho kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh. Bunker, theo chỉ thị của Nixon, trao cho Thiệu bản thảo dự thảo mới mà Tổng Thống sẽ đọc cho khóa họp Quốc Hội mới diễn ra sau kỳ Lễ Giáng Sinh và năm mới. Mãi cho tới lúc này, Thiệu mới thấy 8 điểm trong đó có điểm ông sẽ từ chức mà Hoa Kỳ đã trao cho Bắc Việt vào tháng 10 trước đó.

Thiệu phải nghĩ thế nào vai trò của ông ta qua các cuộc thương thuyết? Haig đã bảo đảm với Thiệu vào tháng 9 là nội dung sáng kiến hòa bình mới Kissinger sẽ không thông báo cho Hà Nội nếu Thiệu chưa được biết trước. Thiệu cảm thấy ông ta bị Hoa Kỳ phản bội qua các cuộc thương thuyết mật.

Bốn ngày sau đó, Thiệu trao cho Bunker bản văn, phủ nhận 8 điểm trong dự thảo mà Kissinger đã dự thảo. Ông ta cho biết, cần có thời gian để nghiên cứu.

Thiệu đặt câu hỏi, tại sao việc Hà Nội rút quân của họ ra khỏi Miền Nam Việt Nam lại dùng những từ ngữ ám chỉ một cách mơ hồ? Từ trước đến giờ, Thiệu tiếp, cả

Sài Gòn lẫn Washington đều đưa ra trước công luận lời tuyên bố: Việc rút quân ngoại nhập tại Miền Nam Việt Nam phải thực hiện tương ứng. Hai chính phủ cần phải vững điểm trọng yếu này, Thiệu nghĩ, và ông ta muốn Washington làm sáng tỏ điểm đó.

Nhưng Washington thì trái lại, muốn dùng những danh từ “uyển chuyển” để Thiệu có thể chấp nhận mà thành phần thân cộng sản cũng có thể giải thích theo điều họ nghĩ. Cuối cùng, Thiệu cho biết, ông ta muốn bản dự thảo được Bộ Tham Mưu của ông nghiên cứu, và thêm rằng nếu không, Thiệu sẽ hoàn toàn không chấp nhận bản dự thảo mà Washington sẽ công bố.

Thảo luận về những điểm bất đồng của Thiệu, Bunker cho rằng, trong 8 điểm, việc rút quân tương ứng được đặt lên hàng quan trọng. Toàn bản dự thảo đã nhấn mạnh sự có mặt của quân đội Bắc Việt tại Miền Nam Việt Nam là bất hợp pháp kể cả việc yêu cầu rút tất cả các lực lượng quân sự có mặt tại Đông Dương phải rút về lãnh thổ của họ. Thế nhưng, Thiệu muốn, điểm thứ 5 trong bản dự thảo mới phải xác định rõ ràng việc rút quân. Bunker cho biết, bản dự thảo của Hoa Kỳ chỉ nhằm mục đích giải thích những điều căn bản và tổng quát, đó không phải là bản dự thảo chung cuộc. Do đó không thể giải thích một cách chi tiết.

Nixon phải quyết định hoãn lại sự công bố của ông để duyệt xét lại những điều Thiệu phản đối. Bunker được chỉ thị để giải thích cho Thiệu hiểu rằng, việc chuyển cho Hà Nội bản dự thảo trước đó, vào tháng 11, mà không có sự tham khảo với Thiệu trước, chẳng qua là sự ngộ nhận của Kissinger. Vì Kissinger nghĩ rằng, sự đồng ý của

Thiệu qua việc trình bày trước đó, trên nguyên tắc, đã được Thiệu đồng ý và Kissinger thành thật tin tưởng rằng những chi tiết viết ra về sau là dựa vào sự đồng ý giữa Thiệu và Haig đã thảo luận.

Đồng thời Nixon muốn đưa ra lúc nhằm giảm thiểu sự phản đối của Quốc Hội trong việc chính phủ sẽ có những phản ứng khi Hà Nội tung ra các đợt tấn công sẽ xảy ra vài tháng sau đó.

Lúc Bunker trình bày bản dự thảo của Nixon, đồng thời ông cũng xác định những điều mà Washington sẽ thực hiện: Quân đội Bắc Việt sẽ rút quân trước khi có các cuộc bầu cử được tổ chức. Tám điểm trong bản dự thảo được thực hiện qua tiến trình hai giai đoạn. Giai đoạn đầu, cả Hoa Kỳ lẫn lực lượng Đồng Minh sẽ rút quân và các tù binh Mỹ sẽ được phóng thích ngay sau những điều căn bản của hiệp ước đã thỏa thuận và ký. Những chủ điểm khác, bao gồm cả việc quân đội Hà Nội rút quân và các cuộc bầu cử, sẽ được thảo thuận giữa các thành phần người Việt vào lúc Quân Đội Hoa Kỳ hoàn tất rút quân.

Giai đoạn thứ hai, các vấn đề giữa các thành phần người Việt tự giải quyết chỉ thực hiện sau khi hiệp ước hòa bình đã được các bên đồng ý và ký. Điều đó có nghĩa là sẽ không có các cuộc bầu cử tại Miền Nam nếu không đạt được thỏa ước cuối cùng là quân đội Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Bunker lại gặp Thiệu vào ngày 17 tháng 1 để thảo luận và duyệt xét bản dự thảo nhằm đáp ứng những đòi hỏi giữa Washington và Sài Gòn. Cuối cùng, dự thảo 8 điểm cũng đã được Tổng Thống Nixon phổ biến trước công chúng vào ngày 25 tháng 1 năm 1972.

Ông Nixon kêu gọi Hà Nội nên hiểu rằng sự khác biệt giữa tiến trình hòa bình mà Hoa Kỳ đưa ra và việc Hoa Kỳ đầu hàng trước những người cộng sản tại Miền Nam Việt Nam. Nixon đã tái xác định Miền Nam Việt Nam phải được tự do và không bị đe dọa từ bên ngoài để áp đặt những vấn đề chính trị, với các cuộc bầu cử được tổ chức công bằng do sự thỏa thuận của các thành phần.

Nixon đồng thời cũng duyệt xét lại nội dung các cuộc họp mật và đã có nhiều điểm khác biệt khi phổ biến trước quần chúng Hoa Kỳ. Kissinger đã trở thành người vượt quá thẩm quyền để đưa ra những vấn đề liên hệ đến chiến tranh.

Vài ngày sau đó, Kissinger đã gửi một điện văn khen ngợi cho một nhân viên đảm trách vô tuyến vì đã thức suốt nhiều giờ ban đêm để theo dõi và ghi nhận tất cả những công điện mà với hệ thống riêng, Bunker đã chuyển về Tòa Bạch Ốc. Sự dối trá qua các cuộc thương thuyết của Kissinger được giữ kín mãi đến Mùa Thu 1972 khi các cuộc tổng tấn công của Hà Nội được thực hiện mới được tiết lộ.

Vào đầu tháng 2, Washington đã thông báo cho Bunker biết là Ngũ Giác Đài sẽ tăng cường những hoạt động của Không Quân để đáp ứng với tình hình chiến sự sẽ xảy đến. Giữa Mùa Hè đã đã có 6 Hàng Không Mẫu Hạm và 200 máy bay B52 sẵn sàng trả đũa nếu Hà Nội leo thang chiến trận.

Vài đêm sau tháng 2 có nhiều dấu hiệu chứng tỏ Hà Nội sửa soạn mở các cuộc tấn công lớn tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, Rừng U Minh. Một tù binh của quân Bắc Việt bị bắt tại Miền Nam khai, lệnh tấn công đã bị hoãn lại bởi vì Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã

dự đoán đúng và đã chuẩn bị đối phó. Ngay từ đầu tháng 1, Miền Nam Việt Nam đã có các cuộc hành quân để càn quét vùng này.

Tháng 3, oanh tạc cơ B52 đã được yêu cầu oanh tạc khu vực tình nghi địa điểm tập trung quân của Bắc Việt chung quanh khu vực Khe Sanh và A Sao về hướng Tây Bắc Huế. Tương tự, Miền Nam Việt Nam đã mở thêm các cuộc tấn công sang Cam Bốt nhằm đẩy quân Hà Nội ra xa Thành Phố Sài Gòn.

Trong tháng 4, Hà Nội đã mở ba cuộc tấn công quan trọng cấp sư đoàn và có xe tăng hỗ trợ, đã tràn ngập một số cứ điểm đóng quân của Quân Đội Miền Nam. Cuộc tấn công thứ tư, Hà Nội nhằm đánh chiếm Tỉnh Bình Định, dọc vùng biển Miền Trung Việt Nam.

Theo những nguồn tin tình báo từ Bộ Tham Mưu, Bunker đã dự báo và báo cho Tổng Thống Nixon vài tháng trước đó, tình hình chiến sự sẽ xảy ra. Và điều Bunker dự đoán hầu như đúng. Ba cuộc tấn công lớn xảy ra tại những nơi đã ước tính, nhưng cuộc tấn công thứ tư thì có vẻ bất ngờ vì xảy ra ở phía Bắc của Thành Phố Sài Gòn và lại cách xa lãnh thổ của Cam Bốt, nơi hậu cứ của việt cộng.

Vào cuối tháng 3, nhân vào những ngày lễ nghỉ cuối tuần của tuần lễ Phục Sinh, Hà Nội muốn phô trương sức mạnh của họ với Quân Đội Miền Nam Việt Nam qua Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh, đã tràn qua khu quân sự, và mở các cuộc tấn công. Ba sư đoàn cộng sản Bắc Việt với sự hỗ trợ của 300 chiến xa hạng nặng T54 của Nga Sô và hỏa tiễn 130 ly đã tràn ngập các cứ điểm đóng quân của Quân Đội Miền Nam dọc giới tuyến.

Thế nhưng Hà Nội lại tráo trở, các cuộc tấn công đã xảy ra là do những người Miền Nam đứng lên chống đối chính phủ, dành lại chủ quyền Miền Nam thoát ra khỏi tay đế quốc Hoa Kỳ. Rồi họ đưa tổng lực lượng của họ trấn đóng, uy hiếp dọc giới tuyến phi quân sự. Giới tuyến phi quân sự đã được hình thành giữa Việt Minh và người Pháp qua hiệp định Geneva 1954 và sau đó đã được tái xác định là biên giới có giá trị về mặt pháp lý qua các cuộc thương thuyết tại Paris năm 1968.

Khi Hà Nội đưa xe tăng tràn qua giới tuyến 17, cả Tướng Abrams và Bunker đều không có mặt tại Sài Gòn. Bunker thì đi thăm vợ ông ta nhân mùa Lễ Phục Sinh ở Kathmadu, còn Abrams thì thăm vợ tại Phi Luật Tân. Lực lượng có nhiệm vụ bảo vệ dọc giới tuyến là Sư Đoàn 3 tân lập Việt Nam Cộng Hòa. Hai Trung Đoàn của Sư Đoàn này vừa đưa đến vùng giới tuyến chỉ mới có hai tuần trước khi cộng quân tấn công Sư Đoàn này lại không có các đơn vị trừ bị, đại bác trang bị thuộc tầm ngắn. Do đó để bảo toàn lực lượng, vị Tư Lệnh Sư Đoàn chỉ còn cách duy nhất là chỉ thị các đơn vị thường xuyên thay đổi địa điểm đóng quân. Chính thời gian chuyển quân của hai Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn này là khe hở để Hà Nội nghiên cứu và nhằm vào đó mà tấn công.

Vị Tư Lệnh Sư Đoàn 3 là Tướng Giai và Tư Lệnh Vùng là Tướng Lâm. Cả hai người đều tiên đoán, nếu có cuộc đại tấn công, Hà Nội sẽ đi từ hướng Tây, từ phía Lào. Thế nhưng cộng quân lại không đi theo hướng ấy.

Lực lượng bảo vệ vùng giới tuyến so với cộng quân lúc tấn công là 1 với 3. Lại thêm thời tiết xấu, Không Lực Hoa Kỳ không oanh tạc chính xác vào các đơn vị Bắc Việt. Chiều

ngày thứ hai của cuộc tấn công, tất cả các cứ điểm dọc theo giới tuyến quân sự Miền Nam Việt Nam đã bị tràn ngập và phải rút lui. Tướng Giai phải tái tổ chức lực lượng còn lại của Sư Đoàn và phòng thủ ở Cửa Việt và Sông Miêu Giang. Chi Đội Thiết Giáp mới thành lập của Sư Đoàn này đang trong thời gian huấn luyện cũng phải bỏ dở chương trình huấn luyện để tung ra chiến trường. Hà Nội lúc ấy đã vượt qua lần ranh giới tuyến khoảng 10 dặm.

Theo dòng người tỵ nạn từ Đông Hà về hướng Nam, trong đó có cả Quân Nhân của Trung Đoàn 57 Sư Đoàn 3. Họ đã mất tinh thần và rã ngũ. Tướng Giai vội vàng tập hợp lại, động viên tinh thần và trả họ về đơn vị chiến đấu. Chỉ Huy Trưởng Trung Đoàn 56 đóng tại Trại Carroll về hướng Tây đã rơi vào trạng thái khủng hoảng khi nhìn thuộc cấp đã đầu hàng cộng quân vì chẳng ai giúp họ. Rồi sau đó, chính ông và những Quân Nhân còn lại cũng đã đầu hàng. Mặt sườn phía Tây bị bỏ trống, Tướng Giai phải rút về hướng Nam, gần Tỉnh Lỵ Quảng Trị.

Một phòng tuyến mới được xác lập với sự tăng cường gồm 9 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và các đơn vị còn lại của Sư Đoàn 3 của Tướng Giai nhằm để chặn đường các cuộc tấn công mới của Hà Nội.

Trong cuộc tổng công kích vào năm 1968, Hà Nội vẫn tôn trọng lần ranh giới tuyến 17. Chính vì thế mà sự vi phạm của Hà Nội, tràn qua vùng phi quân sự lần này, Tổng Thống Nixon đã có lý do gửi cho Thiệu một bức thư, xác định Hoa Kỳ sẽ dùng biện pháp quân sự và thực hiện những điều cần thiết để bảo vệ Miền Nam Việt Nam. Tổng Thống Nixon cũng yêu cầu Thiệu đừng phỏ

biến bức thư này. Ngày 4 tháng 4, Nixon ra lệnh Hoa Kỳ oanh tạc Miền Bắc Việt Nam nhưng từ vĩ tuyến 18 trở vào, nhằm tiêu diệt các căn cứ tiếp vận mà Hà Nội tích trữ để tràn qua vùng phi quân sự, tấn công Miền Nam Việt Nam.

Ngày hôm sau, Bunker đã gửi một bản tường trình về Washington. Bunker cho biết, cộng quân đã chuẩn bị sẵn sàng để tràn chiếm và tấn công vào Kontum. Vùng Cao Nguyên Miền Nam nhưng không hiểu vì sao họ lại thay đổi kế hoạch. Bunker yêu cầu Hoa Kỳ đến nghiên cứu.

Sau đó, Hà Nội mở một trận tấn công thứ hai, không phải tại Kontum. Ba sư đoàn của họ đã tấn công vào Bình Long, nằm hướng Tây Bắc của Sài Gòn, một Tỉnh ít dân chúng và gần biên giới Cam Bốt. Sư đoàn thứ nhất chiếm một Quận nằm hướng cực Bắc của Bình Long. Sư đoàn thứ hai chiếm Tỉnh Ly An Lộc và sư đoàn thứ ba nhằm ngăn chặn sự tái chiếm của Quân Lực Miền Nam Việt Nam. Mục đích của Hà Nội là dùng Tỉnh Ly An Lộc làm thủ đô cho chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam.

Ngày 6 tháng 4, cộng quân bắt đầu tấn công Tỉnh Ly Lộc Ninh với 25 đến 30 xe tăng, và do đó chiếm vị trí này chỉ trong vài giờ. Một đơn vị quân Miền Nam gửi đến để tăng viện đã bị tấn công và phải rút vào rừng với tổn thất nặng nề. Vài ngày sau, một số lực lượng của Miền Nam còn lại vẫn còn tiếp tục chiến đấu và cố thủ ở phía Nam của Tỉnh Ly này.

Cùng lúc ấy, An Lộc được tăng cường hai Tiểu Đoàn thuộc cùng Tỉnh. Lực lượng quân sự trong vùng không còn quân trừ bị để tăng cường vì các đơn vị này đã được gửi đi Quảng Trị hoặc Kontum.

Thiệu đã họp với Bộ Tham Mưu của ông và quyết định đưa Sư Đoàn 21 Bộ Binh từ Miền Tây lên tăng cường Lộc Ninh theo yêu cầu của Tỉnh này.

Ngày 7 tháng 4 Ellsworth Bunker đã gặp Thiệu. Cả hai ông đã duyệt xét lại ba mặt trận mà Hà Nội vừa phát động trong kỳ Lễ Phục Sinh: Vùng Phi Quân Sự, Kontum và Bình Long-Tây Ninh dọc biên giới Cam Bốt. Bunker cho Thiệu biết sẽ tăng cường hoạt động của Không Quân Hoa Kỳ. Còn kế hoạch của Thiệu, đang phối hợp các đơn vị để chuẩn bị đợt phản công. Thiệu tiếp, ông ta phải dự trù đưa Sư Đoàn 21 tại Đồng Bằng Sông Cửu Long ra giới tuyến 17 để tăng cường với 9 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân, 3 Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, ba Sư Đoàn Bộ Binh khác đang có mặt tại vùng giới tuyến này. Mặt trận Kontum, Thiệu tính đưa 2 Lữ Đoàn Dù. Thiệu tin tưởng với kế hoạch ấy sẽ chặn đứng được tham vọng của Hà Nội.

Thế nhưng cuộc chiến tại Hoa Kỳ lại càng khó khăn hơn. George McGovern, một ứng viên Tổng Thống của đảng Dân Chủ, vội vàng lên tiếng, cho rằng cuộc tấn công của cộng quân đã xác định với ông rằng: “Trận chiến đã làm cho Hoa Kỳ không còn hy vọng để theo đuổi”. Rằng, mọi hy vọng mà người Mỹ đang bắt đầu trông đợi ở Miền Nam đã hoàn toàn tan biến. Chính thành phần phản chiến Mỹ tại Hoa Kỳ đã viết sẵn trang sử thất bại cho Miền Nam Việt Nam.

Quân cộng sản Bắc Việt đã dành được nhiều thuận điểm trước. Công trường 7 của họ đã có mặt ở phía Nam An Lộc và kiểm soát con đường lộ số 13 dẫn vào Tỉnh Lý nhỏ bé này. Mục tiêu của họ là chặn đứng Lữ Đoàn 1 Dù

Việt Nam Cộng Hòa tiến vào tiếp vận Tỉnh lỵ. Các bãi đáp và những khu đất trống mà trực thăng có thể đáp được đã do công trường 9 Bắc Việt chiếm cứ. Vì vậy An Lộc cũng không thể giải cứu bằng trực thăng vận.

Đáp lại kế hoạch Bắc Việt, Thiệu đưa Sư Đoàn 21 lên An Lộc thay vì ra Vùng I như đã dự trù. Ngày 12 tháng 4, Sư Đoàn 21 bắt đầu từ Tỉnh Lộ 13 tiến vào tỉnh Lỵ đã bị bao vây. Tính đến lúc này, tại An Lộc lực lượng Miền Nam Việt Nam có khoảng 3.000 binh sĩ.

Ngày 13 tháng 4, địch quân bắt đầu mở các đợt pháo kích ồ ạt vào Tỉnh Lỵ. Mặt trời vừa mọc, họ bắt đầu tấn công bằng xe tăng. Do sự thiếu lực lượng bộ binh bảo vệ nên xe tăng Bắc Việt dễ dàng bị hỏa tiễn chống tăng của Miền Nam Việt Nam tiêu diệt. Sau ba ngày tấn công, địch quân đã bị thiệt hại 23 xe tăng, thế nhưng họ vẫn kiểm soát phân nửa Tỉnh Lỵ về phía Bắc.

Công trường 9 Việt cộng một lần nữa cố chiếm phân nửa An Lộc mà họ chưa làm chủ được. Lực lượng địch chia làm hai cánh, từ hướng Bắc và hướng Nam, nhưng cả hai đều bị thất bại.

Cùng thời điểm ấy, sư đoàn 3 Bắc Việt cắt đứt trục giao thông con đường chính từ Bình Định dẫn đến 3 Quận về phía Bắc. Hai Trung Đoàn Miền Nam Việt Nam hành quân giải tỏa và bị đánh bật. Con đường chiến lược từ Bình Định chạy lên Kontum và các Tỉnh Vùng Cao Nguyên cũng đã bị cộng quân cắt đứt. Nhiều lực lượng cộng quân di chuyển về tập trung chung quanh Kontum, cho thấy mưu đồ của họ nhằm cắt Miền Nam Việt Nam làm đôi.

Mưu đồ ấy, Hà Nội đã thử một lần vào năm 1965 và

đã dẫn đến việc Tổng Thống Johnson quyết định đưa Bộ Binh vào chiến đấu tại Miền Nam.

Tương tự, phía Bắc Bình Định là Tỉnh Quảng Ngãi, cộng quân đã tấn công ba trại tỵ nạn nằm ngoài ô Tỉnh Ly, gây cho 60.000 người tiếp tục là nạn nhân của chiến tranh. Trong vòng một tháng, lực lượng cộng quân đã kiểm soát 55 ấp, tăng lên 11 so với năm 1971.

Ngày 16 tháng 4, Tổng Thống Nixon ra lệnh B52 ném bom xuống Vùng Cảng Hải Phòng, nơi mà hầu hết các tàu Liên xô chở viện trợ quân sự cho Hà Nội cập bến. Anthony Lewis viết trong tờ *New York Times* rằng: “Hoa Kỳ là kẻ đáng ghê tởm và là kẻ dùng sức mạnh để phá hoại thế giới nhiều nhất”.

Các cuộc tấn công đã xảy ra nghiêm trọng 11 Tỉnh của Miền Nam Việt Nam. Gần giới tuyến phi quân sự, cộng quân tập trung để chuẩn bị cho đợt tấn công mới. Rất nhiều Binh Sĩ Việt Nam Cộng Hòa xứng đáng được gọi là anh hùng. Con trai của Bộ Trưởng Phan Quang Đán là một Phi Công, sau bốn lần máy bay của anh bị cộng quân bắn, mới gãy cánh và rớt, và xem như anh ta đã chết. Nhiều Phi Công khác khi tấn công ra Miền Bắc họ chỉ được bảo vệ bởi những đám mây đen.

Thành Phố Quảng Trị được bảo vệ là biểu tượng tinh thần chiến đấu của người Việt Quốc Gia, nhưng trường hợp Kontum lại trở thành những đề tài người khen kẻ chỉ trích. Hà Nội xác định, sư đoàn của họ tại vùng này đã hoàn toàn bị tiêu diệt.

Trong 33 Tỉnh còn lại của Miền Nam Việt Nam ít chiến tranh hơn, thì cuộc sống của người dân vẫn diễn ra bình thường. Nhất là Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, dân

chúng vẫn ủng hộ chính phủ. Giá cả ổn định, đời sống thanh thản hơn những vùng khác.

Giữa tháng 4, sau khi được các đơn vị tăng cường. Tướng Giai mở các đợt phản công vào dọc giới tuyến vùng phi quân sự. Các đơn vị tham chiến không phải di chuyển xa nơi đóng quân. Nhưng với chiến thuật ông đưa ra đã làm cho các đơn vị tăng cường lẫn lộn do đó không đạt được những hiệu quả chính xác trong việc phản tấn công. Các chỉ huy các đơn vị thuộc cấp của Tướng Giai và cả binh sĩ mất tin tưởng. Mặt khác các trận mưa pháo của Bắc Việt vẫn ồ ạt tiếp tục. Chính vì những yếu tố đó làm khả năng các đơn vị tham dự giảm sút rõ rệt.

Ngày 18 tháng 4 cộng quân lại mở các đợt tấn công vào Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chung quanh Tỉnh Lý Quảng Trị. Khủng hoảng, căng thẳng sau nhiều đêm không ngủ là phải cảnh giác thường xuyên những trận pháo kích của cộng quân, đã làm cho tinh thần chiến đấu của Quân Đội Miền Nam tại đây giảm sút. Phòng tuyến Sông Cửa Việt vì thế không bảo vệ được.

Bunker và Thiệu gặp nhau ngày 24 tháng 4, Tổng Thống Miền Nam cho Bunker biết đang chuẩn bị đợt phản công thứ hai vào các đơn vị cộng quân. Thiệu cho rằng Hà Nội vẫn duy trì áp lực tấn công trong vài tháng kế tiếp. Vài trăm ngàn Quân Nhân Miền Nam thuộc các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân không thể nào đương đầu với các sư đoàn của Bắc Việt. Vì vậy, kế hoạch của Thiệu đưa các Tiểu Đoàn và Đại Đội Địa Phương Quân để thành lập 3 Sư Đoàn chính quy mới. Theo Thiệu, Cao Nguyên vẫn là điểm nóng. Khi quân đội Bắc Việt phát động các cuộc tấn công tại vùng này thì Không Quân Hoa

Kỳ sẽ dễ dàng tiêu diệt vì không ảnh hưởng nhiều đến dân chúng. Tình hình An Lộc có thể giải quyết trong vài ngày sắp đến. Vì lẽ sư đoàn 9 Bắc Việt đã thất bại trong mưu toan chiếm phân nửa còn lại của Thị Xã An Lộc. Đồng thời, Thiệu đã ra lệnh viên Tướng Tư Lệnh Vùng là Tướng Nguyễn Văn Minh và Sư Đoàn 21 Bộ Binh lên giải tỏa An Lộc.

Thế nhưng điều đó không dễ dàng. Sư đoàn 7 Hà Nội vẫn tiếp tục án ngữ và phong tỏa Quốc Lộ 13. Trên đường tiến quân, Sư Đoàn 21 chỉ đánh bật được một trung đoàn của sư đoàn này vào ngày 27 tháng 4. Hai tuần lễ sau đó, 2 trung đoàn khác của Hà Nội cũng bị Sư Đoàn 21 đánh bật, thế nhưng con đường số 13 cũng chỉ giải tỏa được có 4 dặm. Một trung đoàn khác của công trường 7 Bắc Việt vẫn cố thủ qua các địa đạo và chặn đường tiến quân của Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Tướng Minh phải yêu cầu B52 rải bom chung quanh Thị Xã An Lộc.

Hà Nội liền đưa sư đoàn 5 của họ vào trận chiến để chiếm cho được toàn bộ An Lộc. Viên tư lệnh sư đoàn này loan báo là sẽ chiếm mục tiêu trong vài ngày như trước đó họ đã chiếm Lộc Ninh.

Cùng lúc ấy, thì mặt trận cao nguyên, nơi mà Thiệu dự đoán từ lâu, đã bắt đầu. Tại Tân Cảnh và Dakto, phía Bắc của Thị Xã Kontum. Sư Đoàn 22 Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 2 Trung Đoàn trấn giữ. Chủ đích là lo bảo vệ căn cứ vì thế các vùng xung quanh bị bỏ trống, không kiểm soát. Một trong hai Trung Đoàn này được đánh giá là kém khả năng nhất của Quân Đội Miền Nam Việt Nam.

Với hỏa tiễn mới do Liên Xô chế tạo và viện trợ, cộng quân đã tiêu diệt Bộ Chỉ Huy tại Tân Cảnh ngày 23 tháng

4. Không có cấp chỉ huy, Trung Đoàn này đã bị vô hiệu hóa. Tư Lệnh Sư Đoàn 22 đã từ chức vì không đủ lực lượng tăng cường.

Khi xe tăng cộng quân tiến vào Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn vào buổi sáng hôm sau, binh lính của Trung Đoàn này đã hoảng hốt và bỏ chạy. John Vann Cố Vấn cao cấp của Hoa Kỳ tại Cao Nguyên phải dùng máy bay trực thăng bay trong tầm đạn của địch quân để cứu các Cố Vấn Hoa Kỳ thuộc Sư Đoàn đó.

Một Trung Đoàn khác đóng gần Dakto không được sự tăng viện nên phải rút bỏ vị trí đóng quân. Phòng tuyến chính bảo vệ Kontum xem như đã bị bỏ ngõ.

Đồng thời sư đoàn 320 Bắc Việt đã bao vây một số căn cứ hỏa lực nằm phía Bắc của Kontum khi các đơn vị trú đóng tại đây được lệnh rút lui. Sự vắng bóng của lực lượng chính quy của Miền Nam Việt Nam trước hai sư đoàn Bắc Việt đang dần dần siết chặt vòng vây chung quanh Kontum, đã làm cho dân chúng e ngại và tìm cách thoát ra nơi đây bằng phương tiện duy nhất là hàng không.

Ngày 28 tháng 4, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 đã được lệnh từ Ban Mê Thuột đến Kontum và phải bảo vệ thành Phố này với vốn vẹn chỉ có Trung Đoàn 53 và một số đơn vị trừ bị. Viên Tướng Tư Lệnh Vùng e ngại Thành Phố đó có thể không giữ được, viện lý do bệnh tim nên đã xin từ chức.

Vào cuối tháng 4, tại Kontum, cũng như ở Quảng Trị, các đơn vị Miền Nam bảo vệ các Thành Phố trong khu vực trên đã bị tổn thất khá nặng, cho dù các đơn vị tổng trừ bị đã được gửi đến. Miền Nam Việt Nam không còn lực lượng để tăng viện.

Cuộc phản công của Quân Đội Miền Nam tại Quảng

Trị đã không thành công. Căn cứ hỏa lực quan trọng Bastogne bảo vệ Cổ Đô Huế, do Sư Đoàn I trách nhiệm đã rơi vào tay cộng quân khi Hà Nội tái tấn công Quảng Trị. Con đường Quốc Lộ từ Quảng Trị vào phía Nam đã bị cộng quân cắt đứt, vì thế, mỗi lần có tiếp tế, phải dùng lực lượng quân sự trú đóng tại Quảng Trị mở đường. Do đó mà lực lượng phòng thủ dành cho Quảng Trị yếu đi. Lợi dụng điểm yếu ấy, ngày 27 tháng 4, Bắc Việt đã chuyển quân đến gần Thị Xã Quảng Trị. Ngày hôm sau, trong khi vị Chỉ Huy Trưởng Lữ Đoàn Thiết Giáp bị thương và rời khỏi đơn vị thì đơn vị của ông ta đã bị xe tăng Bắc Việt tấn công khiến Lữ Đoàn này tan rã. Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 57 cũng mất liên lạc với 2 Tiểu Đoàn còn lại của ông. Chỉ còn lại Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến bảo vệ mặt phía Bắc của Thành Phố Quảng Trị.

Ngày 30 tháng 4, Tướng Giai họp Bộ Tham Mưu và ra lệnh bỏ Quảng Trị rút về Huế sáng hôm sau theo chỉ thị của thượng cấp Tướng Giai.

Thế nhưng sáng hôm sau, Tướng Giai lại nhận được lệnh trực tiếp của Thiệu, phải ở lại vị trí dù phải tổn thất bất cứ giá nào. Lệnh của Thiệu lại đến quá trễ trong khi nhận lệnh của Giai tối hôm trước, phần lớn các đơn vị đã trên đường rút quân. Tuy làm hết khả năng của mình, Tướng Giai đã chỉ thị một số đơn vị trở lại nơi đóng quân cũ, nhưng một số đơn vị đã không thi hành.

Giai đã mất khả năng chỉ huy. Lệnh bảo vệ Quảng Trị đã không còn hiệu lực. Ngày 1 tháng 5, Quảng Trị bỏ trống. Các đơn vị còn lại của Sư Đoàn 3 đã rơi vào tình trạng hỗn loạn. Binh sĩ bỏ ngũ, lẫn lộn với dân chúng chạy về hướng Huế. Chỉ còn một đơn vị duy nhất có tổ chức là Lữ

Đoàn Thủy Quân Lục Chiến khi rút khỏi Quảng Trị vẫn giữ nguyên được đơn vị.

Quảng Trị thất thủ. Tướng Giai và Bộ Tham Mưu của ông cố liên lạc với các đơn vị của ông trên đường rút quân nhưng trong tình huống hỗn loạn, ông đã không thực hiện được. Cuối cùng ông và Bộ Tham Mưu đã được trực thăng Hoa Kỳ cứu thoát.

Các sĩ quan Bắc Việt đã ra lệnh pháo binh pháo kích vào dòng người lánh nạn khi họ bỏ Quảng Trị chạy về Huế, có lẽ hàng ngàn người đã bị chết. Do những chiến thắng về quân sự của Bắc Việt, chính phủ cách mạng miền nam Việt Nam của cộng sản đã hình thành một vài nơi tại phía Nam. Tại Thành Phố Lộc Ninh, tòa án nhân dân đã được thiết lập. Họ đã ra lệnh xử tử một số viên chức và sĩ quan trọng chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Có nhiều bà vợ của những người bị họ xử tử cũng bị viêt cộng giết hại theo chồng. Gần 100 người đã bị hành quyết theo cách ấy tại Lộc Ninh. Tại Bình Định, tất cả các Xã Trưởng thuộc chính quyền Miền Nam đã bị họ xử tử.

Ở một nơi chốn an toàn tại Cambridge, Massachusett, tôi theo dõi cuộc tấn công của Bắc Việt qua màn ảnh truyền hình. Các bạn Trường Luật của tôi ít khi thảo luận đến vấn đề chiến tranh, thậm chí nhìn những cảnh người dân bị đạn pháo Hà Nội đốn ngã như những thân cây, khi lánh nạn từ Quảng Trị về Huế, họ không hề có một chút gì xúc động. Chiến tranh Việt Nam là những đề tài mà họ không muốn đối diện, càng tránh xa càng tốt, tránh động viên cũng như tránh suy nghĩ. Họ không hề nhận thức ra rằng chiến tranh là điều mà mà dân chúng Miền Nam Việt Nam cũng không hề mong đợi như họ.

Khi Quảng Trị rơi vào tay Bắc Việt, Hoa Kỳ lúc ấy chỉ còn có 69.000 Binh Sĩ tại Miền Nam.

Sau khi thăm Đà Nẵng và Vùng Cao Nguyên, trở về Sài Gòn, cựu Phó Tổng Thống Hoa Kỳ tuyên bố các viên Tướng Tư Lệnh Vùng của Thiệu đã vô trách nhiệm với các đơn vị thuộc cấp, trong khi họ chiến đấu.

Trật tự công cộng đã hỗn loạn tại Huế. Binh Sĩ của Sư Đoàn 3 đã thất thểu đầy đường, xin ăn, đói khát. Nhiều viên chức chính quyền cũng như dân chúng, lo sợ vụ Mậu Thân 1968 tái diễn, vội vàng bỏ Huế tìm về phía Nam hay Đà Nẵng. Chỉ còn một đơn vị nhỏ Thủy Quân Lục Chiến bảo vệ phía Bắc Huế, phòng tuyến Sông Mỹ Chánh.

Trong tháng 4, Kissinger đã đặt tình trạng Việt Nam với các nhà lãnh đạo Nga Xô tại Mạc Tư Khoa, nhưng Nga Xô phủ nhận những vi phạm của Bắc Việt. Kissinger cho Bunker biết, có thể cho Thiệu biết là ông ta có những thảo luận về vấn đề Việt Nam với Nga Xô nhưng Thiệu đừng đưa ra những vấn đề đó ra trước công luận. Mạc Tư Khoa sẽ yêu cầu Hà Nội gặp Hoa Kỳ nhiều hơn nhưng không có dấu hiệu nào chứng tỏ họ áp lực với Hà Nội theo yêu cầu của Hoa Kỳ. Điều dễ hiểu, Nga Xô là người đỡ đầu cho Hà Nội tấn công vào Miền Nam Việt Nam để phá hủy Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh mà Hoa Kỳ vì danh dự phải thực hiện.

Ngày 1 tháng 5, Kissinger đã họp mật với Bắc Việt. Đã có “Thời Cơ” (những chiến thắng) ở trong tay, cộng sản Việt Nam chứng tỏ họ không cần phải lịch sự thêm nữa. Quảng Trị vừa thất thủ, An Lộc liền bị bao vây. Kontum rơi vào tay họ chỉ còn tính từng ngày. Lực lượng họ đang kiểm soát phần lớn phía Bắc Tỉnh Bình Định.

Bắc Việt, vào thời điểm ấy, như Kissinger kể lại sau này qua cuốn hồi ký của ông, rất “ngạo mạn”. Thuật lại với Bunker qua cuộc họp ấy, Kissinger cho biết, Hà Nội đã yêu cầu Kissinger lật đổ chính phủ Sài Gòn. Bunker đã cho Thiệu biết, Kissinger đã không thảo luận chung quanh 8 điểm mà Tổng Thống Nixon đã đưa ra trong bài diễn văn vào tháng giêng.

Abrams và Bunker, cả hai người đều gặp Thiệu vào hôm 2 tháng 5 để đề nghị có những thay đổi về các Tướng lãnh chỉ huy. Tất cả đều duyệt lại tình hình đã trải qua và Thiệu yên lặng không hề đả kích về Bộ Tham Mưu của ông ta. Mãi đến phút cuối cùng, Thiệu bật nói, không có lý do gì Quảng Trị lại bị thất thủ. Tướng Giai là người phải chịu trách nhiệm về sự thất bại này.

Sau đó Tướng Giai đã bị đưa ra Tòa Án Quân Sự và ông bị kết tội là không hoàn thành trách nhiệm.

Nhưng từ hậu quả của sự thất thủ Quảng Trị, Thiệu đã cách chức viên Tướng Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật vốn là bạn lâu năm của Thiệu, là Hoàng Xuân Lãm. Thay Lãm là Tướng Ngô Quang Trưởng, nguyên Tư Lệnh Sư Đoàn I, người đã thành công trong việc chống lại cộng quân vào năm 1968. Thiệu cũng đã trừng phạt 4 viên Tư Lệnh Vùng, Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên, Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến. Thiệu cũng thay thế viên Tư Lệnh Vùng Cao Nguyên và ra lệnh cho Tướng Minh Tư Lệnh Vùng III, trong ba ngày phải giải tỏa An Lộc. Minh xin Thiệu một tuần lễ, Thiệu đã khước từ.

Thiệu đưa một đơn vị Dù đang giải cứu An Lộc ra Huế, nơi mà tinh thần dân chúng đang lo âu. Chỉ trong vài ngày sau khi Tướng Trưởng có mặt tại đó, tinh thần dân

chúng Huế đã đổi thay. Họ cần có một vị chỉ huy can đảm và sự trở lại Huế của Tướng Trưởng đã đáp ứng đúng lòng mong muốn của họ.

Tướng Trưởng đã dùng máy bay, bay trên Thành Phố và loan báo cho dân chúng biết hiện ông là Tư Lệnh tại chiến trường này. Tướng Trưởng ra lệnh những ai cướp bóc tài sản của dân chúng sẽ bị bắn ngay tại chỗ. Và tất cả Quân Nhân phải có mặt tại đơn vị. Sự có mặt của Tướng Trưởng đã làm niềm tin dân chúng với chính quyền sống lại.

Ngày 4 tháng 5, Thiệu bay ra tham quan Huế. Ông và Bộ Tham Mưu đã ở lại Huế khá lâu hơn thường lệ.

Sau 5 tuần lễ tấn công của Bắc Việt, Bộ Tham Mưu Bunker đã ước tính Bắc Việt đã tung vào trận địa 175.000 quân cộng với 40.000 binh sĩ đã có sẵn ở Miền Nam Việt Nam. Khoảng 23.000 cộng quân đã bị giết và 288 trong tổng số 500 xe tăng từ Bắc Việt đưa vào Miền Nam đã bị bắn huỷ.

Để thay thế những trang bị quân sự mà Quân Đội Miền Nam đã bị tổn thất hoặc khi rút lui đã phải bỏ lại ở căn cứ, Washington phải viện trợ khoảng 1000 xe tăng M48 và pháo binh thì sức mạnh của Quân Đội Miền Nam có đủ khả năng để tự vệ. Nếu tổng kết riêng tại vùng giới tuyến, phía Việt Nam Cộng Hòa bị thiệt hại 42 chiếc xe tăng trong đó 30 chiếc bị cộng quân tiêu hủy và 12 chiếc bị hư hỏng nhưng có thể sửa chữa được. Đổi lại, Quân Đội Việt Miền Nam cũng tiêu diệt được 50 xe tăng của địch quân.

Tại Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, tình hình có vẻ lắng dịu, mặc dù Sư Đoàn 21 Bộ Binh tại đây đã chuyển đi công tác nơi khác. Tính đến đầu tháng 5 năm 1972 chỉ

có 52 đồn bót bị cộng quân tấn công trong thời gian ấy vào năm 1971 là 56 vụ.

Vào ngày 8 tháng 5 năm 1972 Tổng Thống Nixon ra lệnh phong tỏa các Cảng Bắc Việt bằng mìn và tái oanh tạc toàn thể lãnh thổ Bắc Việt. Khi loan báo lệnh này, Nixon cho biết, Hoa Kỳ sẽ rút toàn bộ quân chiến đấu về nước trong thời gian 4 tháng một khi các tù binh Mỹ đã được phóng thích hết và có sự giám sát của quốc tế về cuộc ngưng bắn toàn diện Đông Dương.

Trước khi ra lệnh phong tỏa các Hải Cảng Bắc Việt bằng mìn để chặn đứng sự xâm lăng của Bắc Việt, Tổng Thống Nixon đã thăm viếng Bắc Kinh. Đây là chuyến đi để mở đầu cho sự chuyển đổi trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Thế những quyết định tái oanh tạc và rải mìn Cảng Bắc Việt là Nixon chuẩn bị cho chuyến đi sắp đến của ông tại Mạc Tư Khoa, muốn cho Nga Xô lẫn Bắc Việt hiểu rằng, giúp cho Miền Nam Việt Nam tự bảo vệ là mục tiêu hàng đầu của Hoa Kỳ.

Thế nhưng sau khi Nixon đưa ra những hành động mạnh mẽ để chặn đứng sự xâm lăng của Bắc Việt ngay từ gốc rễ (phong tỏa nguồn tiếp viện chiến tranh) thì ông đã bị dư luận Hoa Kỳ chỉ trích kịch liệt. Tại Hoa Kỳ, phe phản chiến lên án ông Nixon rằng chính sách cai trị của cộng sản cũng không tàn bạo bằng Nixon, Anthony Lewis của tờ *New York Times* viết, sự chiến thắng của phe cộng sản chỉ là điều “đang thảo luận” trong khi thành phần chống lại cộng sản Miền Nam Việt Nam là “những con quỷ đáng bị nguyên rủa”.

Thiệu đã đọc một bài diễn văn trước công chúng qua hệ thống truyền hình quốc gia sau khi Tổng Thống Nixon

ra lệnh phong tỏa các Cảng Bắc Việt và cho hành động của Nixon là can đảm. Theo Thiệu, Hà Nội quyết định chọn, hoặc là buộc Miền Nam Việt Nam phải đầu hàng hoặc là đánh cho đến khi Miền Nam bị gục ngã. Thiệu xác định, dân chúng Miền Nam nhất định không đầu hàng mà cũng không bao giờ bị gục ngã.

Khi Ellsworth Bunker hội kiến với Thiệu ngày 11 tháng 5, dân chúng Miền Nam đã có một đời sống tương đối ổn định. Nền kinh tế đã tăng đủ để tài trợ cho chiến tranh. Chính phủ Thiệu đã ban hành Lệnh Tổng Động Viên tuổi từ 17 đến 43. Các Trường Đại Học tạm đóng cửa để sinh viên thụ huấn các khóa huấn luyện căn bản về quân sự. Thiệu đã được Quốc Hội cho phép ông đưa ra những quyết định trong trường hợp quốc gia rơi vào tình trạng khẩn trương. Thiệu cũng đã tiếp xúc và gặp gỡ các lãnh tụ của 17 đoàn thể, đảng phái chính trị.

Cơ quan thăm dò PAAS trong tháng 6 năm 1972, xác định phần đông dân chúng tin tưởng vào chính phủ của Thiệu. 54% số người được hỏi, cho biết sự thất bại của cộng sản qua các đợt tấn công sẽ làm cho chiến tranh sớm chấm dứt. 80% tại Thành Phố và 87% tại nông thôn cho rằng quyết định phong tỏa các Hải Cảng ở Bắc Việt là đáng hoan nghênh vì giúp cho cuộc chiến sớm chấm dứt. 51% tại Thành Phố và 56% tại nông thôn cho rằng việc Hoa Kỳ giúp cho Miền Nam Việt Nam là chưa đạt đủ nhu cầu.

Trả lời câu hỏi, tại sao nghĩ rằng cuộc chiến tranh có thể chấm dứt, 35% trả lời họ không biết, 31% tại Thành Phố và 22% tại nông thôn cho là do sự giải quyết tại hội nghị Paris, 20% cho rằng Quân Đội Miền Nam sẽ đánh bại cộng sản. Điều quan trọng hơn cả, 91% tại Thành Phố

và 73% tại nông thôn tin rằng, Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu hữu hiệu, ít ra là qua các trận đánh vừa qua đã chứng tỏ. 90% tại Thành Phố và 69% tại nông thôn cho rằng lực lượng cộng quân mạnh hơn vào hồi năm 1968. Không có ai được hỏi tin rằng Hà Nội có thể thắng được Sài Gòn.

Đối với dân chúng nông thôn, 75% đều muốn tham gia vào công tác bảo vệ địa phương trong những dịp cần thiết, 50% trả lời không ủng hộ chính phủ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sau khi ngưng bắn, 19% ủng hộ cho các hình thức và 25% trả lời họ không biết quyết định ra sao.

Một số Cố Vấn của cơ quan CORDS lại thiếu niềm tin vào kết quả các cuộc thăm dò ấy. Sự tự giác chống cộng của dân chúng Miền Nam Việt Nam không bao giờ được tường thuật và ghi nhận. Tất nhiên dòng người vượt biển tìm tự do sau năm 1975 đã làm thái độ chính trị của những Cố Vấn này bàng hoàng.

Thiệu nghĩ rằng có thể yêu cầu Quốc Hội trao cho ông quyền đặc biệt trong thời gian 6 tháng khi Thiệu ban hành luật khẩn trương. Nhưng đó không phải điều mà Bunker mong đợi. Bunker đề nghị với Thiệu phải tạo sự đoàn kết với khối Phật Giáo và mời họ tham gia vào chính quyền. Sự thất bại tại Quảng Trị và việc cử Tướng Trưởng trở lại Huế vừa qua là cơ hội tạo sự đoàn kết với khối Phật Giáo và Trưởng là thành viên của khối Phật Giáo.

Thiệu cố gắng hình thành một mặt trận chính trị mới với đảng Công Nông của Trần Quốc Bửu, Đại Việt Cách Mạng và Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến. Thế nhưng việc làm của Thiệu đã bị một số nghị sĩ chỉ trích, cho rằng Thiệu đang nhằm củng cố quyền lực cá nhân.

Thiệu chuyển hướng sang hình thành một đảng chính trị nhằm để điều động hơn là 6 đảng liên hiệp như trước đây vào năm 1969 và 1970. Đó là đảng Dân Chủ do hai người được Thiệu tín cẩn điều hành. Đảng này được kết hợp từ các thành phần lập pháp, viên chức chính quyền và sĩ quan trong Quân Đội. Mục đích của Thiệu nhằm để tu chính hiến pháp cho phép Thiệu được ứng cử Tổng Thống nhiệm kỳ thứ ba và hoãn lại việc bầu cử các chức vụ Tỉnh Trưởng

Bản tường trình của CIA cho biết Thiệu dự trù giải tán Thượng Viện và Giám Sát Viện và đồng thời giảm quyền hạn của Tối Cao Pháp Viện. Khi Washington hỏi Bunker về vấn đề này, Bunker cho biết, theo Thiệu, Thượng Viện phần đông thiên tả, Giám Sát Viện thì thiếu khả năng và vai trò Tỉnh Trưởng thời gian đó còn cần các sĩ quan Quân Đội. Bunker nói thêm, theo ông, Thiệu có tham vọng xa hơn là những gì đã nói với Bunker.

Khi Ellsworth Bunker tiếp xúc với Thiệu ngày 11 tháng 5, Tướng Minh vẫn chưa giải tỏa được An Lộc. Thiệu nói với Tướng Đặng Văn Quang, người đỡ đầu của Minh, ra lệnh Minh phải tiến tới dù phải tổn thất tới mức nào.

Hai Trung Đoàn còn lại của Sư Đoàn 23 đưa vào Kontum. Các lực lượng quân sự Miền Nam ở Vùng Cao Nguyên giờ đây còn lại chỉ có Kontum. Lữ Đoàn Dù thứ hai đã tăng cường cho Tướng Trưởng tại Vùng I Chiến Thuật.

Bên trong Thị Xã Kontum, vị Tư Lệnh Sư Đoàn 23 hàng ngày đi thanh tra và động viên tinh thần các đơn vị. Ngày 14 tháng 5, năm trung đoàn Bắc Việt bắt đầu tấn công vào Thị Xã và họ đã bị chặn đứng. B52 đã rải thảm bom lên đầu các đơn vị cộng quân.

Bắc Việt lại tấn công Kontum lần thứ hai ngày 25 tháng 5 khi bắt đầu tuần trăng mật. Các tiểu đoàn quyết tử của họ tiến vào Thành Phố trong thời gian các tiểu đoàn khác tấn công và pháo kích ồ ạt vào các điểm đóng quân của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt là các căn cứ Pháo Binh. Trận chiến trở thành đánh nhau giành từng tấc đất. Máy bay B52 đã được dội bom từng giờ để chặn đường tiếp liệu của cộng quân cho các đơn vị của họ đang cận chiến.

Ngày 30 tháng 5, Thiệu bay lên Thị Xã Kontum trong lúc hai bên vẫn còn giao tranh. Ngày hôm sau, các đơn vị địch quân phải rút ra khỏi Thành Phố này.

Cũng khoảng thời gian ấy, mặt trận An Lộc lên đến cao độ. Sư đoàn 5 Bắc Việt được gọi tăng cường cho sư đoàn 9. Sư đoàn này bắt đầu tấn công và pháo kích từ các hướng vào An Lộc vào lúc tờ mờ sáng ngày 11 tháng 5. B52 đã được gọi oanh kích lúc 9 giờ khi địch quân ồ ạt tấn công. Cuộc ném bom kéo dài 24 giờ liên tục. Vì thế binh lính cộng sản thuộc sư đoàn này bắt đầu khủng hoảng. Một trung đoàn của sư đoàn cộng sản này hoàn toàn bị máy bay tiêu diệt.

Ngày 14 tháng 5, một cuộc trải thảm bom khác do B52 thực hiện để chặn các cuộc tấn công khác của quân Bắc Việt. Các đơn vị tử thủ ở An Lộc của Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu phản công. Ngày 9 tháng 6 đơn vị đầu tiên của Sư Đoàn 21 Bộ Binh đã bắt tay được với các đơn vị tử thủ trong Thị Xã An Lộc.

Sư đoàn 5 Bắc Việt phải rút về đồn điền cao su Chup bên trong lãnh thổ Cam Bốt và chờ bổ sung, 5.000 binh lính bị thiệt mạng trước khi họ di chuyển về hướng cực

Bắc của Đồng Bằng Sông Cửu long. Thiệu ra lệnh cho Sư Đoàn 7 Bộ Binh có trách nhiệm chặn đường chuyển quân của sư đoàn đó. Bị tấn công bất ngờ, và với sự hỗ trợ của Không Quân, sư đoàn 5 Bắc Việt đã bị chặn đánh tơi bời khiến họ phải rút về vị trí cũ.

Thế nhưng Hà Nội vẫn bất chấp sự thiệt hại to lớn đó của họ. Đưa một trung đoàn khác tiến về phía Tây, dọc biên giới Cam Bốt và sau đó chuyển hướng về phía Nam nơi có đông dân cư. Trung đoàn này thoát đầu do các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân phát hiện và sau đó vào Mùa Hè đã bị một Sư Đoàn của Miền Nam tấn công.

Thương thuyết gia chính của Hà Nội Lê đức Thọ và cũng là một nhân vật trong yếu của chính trị bộ cộng sản, đã nói với một số đảng viên đảng cộng sản pháp là Hà Nội không ước tính Tổng Thống Nixon có phản ứng dữ dội như vậy.

Tướng Abrams cho biết, trước cuộc tấn công của Hà Nội, Miền Nam Việt Nam cần có sự hỗ trợ về Không Quân của Hoa Kỳ. Nhưng dù Không Lực Mỹ có hỗ trợ mạnh đến đâu mà Quân Đội Miền Nam không chịu chiến đấu thì chẳng thể nào thắng được cộng sản Bắc Việt. Bunker đã hết lòng ngưỡng mộ những quyết định đầy can đảm của Tổng Thống Nixon và đã thi hành tất cả những gì mà Tổng Thống mong muốn.

Ngày 24 tháng 5, Tướng Abrams và Bunker gặp Thiệu và thúc đẩy ông phải mở những đợt phản công. Cả hai ông đã trao cho Thiệu bức thư của Nixon cùng kêu gọi Thiệu vấn đề tương tự.

Những ngày đầu tháng 6, Tướng Trưởng đã duyệt xét

các lực lượng Miền Nam chung quanh Huế để chuẩn bị đột phản kích. Các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến Miền Nam Việt Nam đã mở các trận đột kích về phía Bắc Sông Mỹ Chánh, phía sau phòng tuyến của quân đội Bắc Việt. Lúc ấy Hà Nội đã có mặt 8 trung đoàn ở phía Tây của Thành Phố Huế. Sư Đoàn I Miền Nam đã tái chiếm được căn cứ hỏa lực Bastogne. Mùa trăng mọc, trời bắt đầu mưa trên đường mòn Hồ chí Minh và Không Lực Hoa Kỳ oanh tạc dữ dội để cắt đường tiếp liệu nhiên liệu đạn dược của Hà Nội cho các đơn vị của họ tại phía Nam đang chiến đấu.

Cuối tháng 6, Hà Nội đã thiệt hại khoảng 400 xe tăng và 48. 000 binh sĩ. Hơn 140.000 tấn nhiên liệu do Nga Sô viện trợ đã không đến được Hà Nội vì tất cả các Hải Cảng đều bị mìn phong tỏa. Và đó cũng là thời điểm Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã tái chiếm tất cả các vùng đất đai do Hà Nội đã xâm chiếm trước đó.

Tướng Abrams đã giả từ Việt Nam vào cuối tháng 6, khi ấy Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã ở giai đoạn hoàn tất. Nhìn về các Tướng lãnh Việt Nam, Abrams vẫn thấy họ chưa có những kế hoạch quân sự trong mục tiêu phản công. Như là một Tướng lãnh đàn anh thân yêu, Abrams hiểu rằng, ông ta không thể có khả năng để giúp các Tướng lãnh Miền Nam Việt Nam tất cả những điều ông ta đã có. Sáng tạo là phần các Tướng lãnh Miền Nam phải tự gánh vác. Trong một buổi tiễn đưa đơn giản, Tổng Thống Thiệu đã trao tặng Abrams huân chương cao quý nhất của Miền Nam Việt Nam.

Ngày 28 tháng 6, cuộc tái chiếm Quảng Trị bắt đầu. Các đơn vị dưới quyền Tướng Trưởng đã được tái trang bị

đầy đủ. Pháo binh phối hợp có hiệu quả. Tướng Trưởng phải tin ông ta phải thắng cuộc. Tổng Thống Thiệu đã ra lệnh cho vị Tư Lệnh Chiến Trường, trong ba tháng phải tái chiếm những vùng đất mà cộng quân đã chiếm mất. Trong tuần lễ đầu tiên, các đơn vị của Tướng Trưởng đã tiến tới ngoại ô Cổ Thành Quảng Trị.

Sáng sớm ngày 7 tháng 7, Thiệu đã rời Sài Gòn để thăm Thành Phố điêu tàn An Lộc. Phần lớn hai sư đoàn cộng sản Hà Nội đã bị tiêu diệt tại đây khi mưu toan chiếm Thành Phố này. Thiệu đã có lý do chính đáng để khen thưởng binh sĩ thuộc cấp ông ta. Những Quân Nhân ấy đã chiến thắng địch quân không phải từ chiến thuật tài giỏi, và cũng không phải họ được trang bị hỏa lực mạnh hơn đối phương, mà do sự can trường và chịu đựng.

Sự tổn thất của họ quả thật là nặng nề nhưng so với cộng quân là 1 đối 3. Trong khi Thiệu thăm viếng Binh Sĩ của ông ta tại các giao thông hào thì 7 hỏa tiễn cộng quân đã rơi vào Thành Phố. Thiệu hiểu được sức chịu đựng của thuộc cấp can đảm đến mức nào khi cùng một đêm, 10.000 hỏa tiễn đã rơi vào An Lộc.

Trong khi Miền Nam Việt Nam đang có kế hoạch lật ngược thế phản công trên chiến trường thì Washington đã chuẩn bị có những cuộc họp riêng với Hà Nội. Lúc Bunker cho Thiệu biết điều đó, vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam đã hỏi liệu Hoa Kỳ có đưa ra bàn thảo “mới” nào nữa không? Bunker liền đáp: Không. Và thêm rằng, Washington đã nhận thấy cộng sản Bắc Việt không có khả năng để tìm sự chiến thắng của họ tại chiến trường.

Ngày 12 tháng 7, Mc Govern đã thắng trong cuộc chạy đua do đảng Dân Chủ đề cử tranh chức Tổng Thống.

Những điều đầu tiên ông ta tuyên bố là: “Tôi sẽ đi Hà Nội, nếu tôi xin được họ, hãy phóng thích những đám trẻ con này, một ngày sớm hơn”. Bộ Tham Mưu đảng này nói, chính phủ của Mc Govern sẽ rút toàn bộ Quân Đội Hoa Kỳ ra khỏi Miền Nam Việt Nam, chấm dứt mọi viện trợ cho chính phủ này và ân xá cho tất cả các thanh niên Hoa Kỳ đã không tuân hành lệnh động viên.

Ngày 20 tháng 7, Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã dựng ngọn cờ vàng ba sọc đỏ lên một phần của Cổ Thành Quảng Trị. Sau hơn một tháng rưỡi phải chiến đấu, chiếm từng tấc đất, và cuối cùng đã đánh bật được những đơn vị cộng quân ra khỏi Cổ Thành lịch sử này. Lực lượng quân sự Bắc Việt vẫn còn mạnh ở phía Bắc Sông Cửa Việt, nhưng họ phải rút về gần biên giới tuyến phi quân sự khoảng 10 dặm tính về hướng Nam.

Cuối tháng 7, lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân Tỉnh Bình Định được tập trung và mở các cuộc phản công, buộc sư đoàn 3 Bắc Việt phải bỏ hai Quận mà họ đã chiếm 3 tháng trước đó.

Gần vào cuối tháng, Hà Nội đã thắng trận cuối cùng trong đợt tấn công của họ. Sư đoàn 7 Bắc Việt đã đánh bật hai Trung Đoàn thuộc Sư Đoàn 2 Việt Nam Cộng Hòa tại phía Nam Đà Nẵng. Quân đội Bắc Việt đã sử dụng tối đa đại pháo 130 ly, trong khi đó vị Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Miền Nam không tiên liệu trước biến cố này. Do đó khi các đợt pháo kích xảy ra, ông ta không còn tự tin và trở nên bị động. Binh sĩ của ông chỉ trông mong các đợt oanh kích của B52 và tự động rời bỏ các nơi đóng quân trong tình trạng hỗn loạn. Thiệu lập tức thay thế viên Tư Lệnh của Sư Đoàn này và cử vị Tỉnh Trưởng được gọi là “Người

hùng An Lộc” làm Tân Tư Lệnh. Tinh thần binh sĩ Sư Đoàn 2 vì thế lên cao, ổn định và bắt đầu có các cuộc hành quân hiệu quả. Thiệu đồng thời cũng thay thế cấp chỉ huy của hai Sư Đoàn khác.

Cuộc công kích của Hà Nội năm 1972 xem như đã bị thất bại. Với sự trợ giúp về mặt Không Lực của Hoa Kỳ, Quân Đội Miền Nam Việt Nam đã bảo vệ được lãnh thổ của họ. Trong thời gian trận chiến xảy ra, Hoa Kỳ vẫn rút về nước khoảng 100.000 binh sĩ chiến đấu. Và đơn vị chiến đấu cuối cùng của Hoa Kỳ rút về nước ngày 12 tháng 8 theo kế hoạch dự trù. Hoa Kỳ chỉ còn lại tại Miền Nam 42.500 binh sĩ nhưng không phải là quân chiến đấu.

Cuộc xâm lăng của Hà Nội trong mùa Phục Sinh bị đánh bại đã làm cho Kế Hoạch Bình Định tái phục hồi nhanh chóng. Các vùng nông thôn hẻo lánh đã trở lại sự kiểm soát của chính quyền địa phương. Các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại các vùng Quảng Trị, Bình Định và Đồng Bằng Sông Cửu Long đã tái lập các hoạt động thường xuyên như trước đó. Bunker đã thực hiện được những điều ông suy nghĩ từ lúc còn là thanh niên: Phải đánh bại các cuộc nổi dậy do cộng sản chủ trương

Trận chiến Mùa Hè năm 1972 tuy có làm cho Miền Nam Việt Nam trở nên khó khăn nhưng kinh tế Miền Nam Việt Nam cách chung vẫn có những tiến triển. Đợt tấn công ấy đã đưa đến gần 1 triệu người vào các trại tỵ nạn. Sản xuất giảm xuống 10%. Mùa lúa năm ấy, vì thời tiết xấu cũng chỉ thu hoạch có 5, 9 triệu tấn. Hàng hóa nhập cảng, sản xuất cao su, xây dựng và các hoạt động trong ngành công nghiệp đều giảm sút, 47. 000 nhân viên

đã làm cho các công ty hay cơ quan Hoa Kỳ trước đây đã bị sa thải. Nhưng nạn lạm phát vẫn giữ ở mức vừa phải trong suốt năm 1972. Giá chợ đen đồng Mỹ kim không tăng. Ngành xuất cảng tăng gấp đôi so với năm trước. Thu thuế về tăng 45%.

Năm trước, đã có 1,15 tỷ đồng tiền Việt Nam dành cho các địa phương để cho 52.000 nông dân vay. Năm nay số nông dân vay đã tăng 133.000 người. Địa phương đã có 5.492 dự án phát triển công cộng với ngân khoảng 960 triệu đồng tiền Việt Nam do Trung Ương đài thọ, 61 triệu đồng do địa phương đóng góp và 202 triệu đồng tính từ sức lao động do nông dân góp công. Ngân hàng phát triển nông nghiệp cũng đã cho nông dân vay khoảng 15,5 tỷ đồng.

Giá cả trứng và thịt cũng đã giảm xuống nhờ thị trường nông dân cung cấp nhiều. Năm 1972, trứng đã cung cấp cho giới tiêu thụ là 13,5 triệu, so với năm trước, tăng rất cao. Kế hoạch nuôi gà theo cách công nghệ đã bắt đầu thực hiện tại Đồng Bằng Sông Cửu Long. Ngành ngư nghiệp và sản xuất gỗ cũng đã tăng nhiều so với năm trước.

Trong lãnh vực y tế công cộng, 225 Bác Sĩ, 64 Nha Sĩ, 119 Y Tá đã tốt nghiệp ở các trường ở Miền Nam Việt Nam trong năm này. Sức chứa bệnh nhân tại các bệnh viện trong năm 1971 chỉ có 600.000 nhưng năm 1972 là 725.000 nhờ số bệnh viện tăng lên. Các bệnh viện của chính phủ đã điều trị 97% nạn nhân chiến tranh. Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Đức đã tài trợ để xây dựng thêm 4 bệnh viện mới. Ngành điện tiêu dùng cũng đã tăng nhanh, cung cấp cho 40 Tỉnh và 11 Quận Lỵ.

Với sự trợ giúp của Quân Đội, chính phủ Miền Nam

đã kiểm soát được dọc biên giới. Sự quấy phá của các lực lượng du kích cộng quân đã hầu hết bị vô hiệu hóa. Tổng quát hơn, mặc dù đất nước này vẫn còn là thời kỳ chiến tranh, nhưng trong năm 1972, nền kinh tế đã phát triển, sinh hoạt chính trị được ổn định, sinh hoạt các tôn giáo vẫn được bảo đảm và hiến pháp vẫn được bảo vệ. Quân Đội Miền Nam Việt Nam đủ khả năng để đối đầu các cuộc tấn công của Bắc Việt.

CHƯƠNG 13

CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN NĂM 1972

Chiến dịch tấn công của Hà Nội trong mùa Phục Sinh 1972 đã không phải là “thời cơ” như họ từng mong ước và dự đoán. Hà Nội không thể áp đặt chính trị cũng như về mặt quân sự tại miền Nam như họ từng huênh hoang, theo ý muốn của họ. Rõ ràng cuộc chiến đã phơi bày Miền Bắc đã xua quân xâm chiếm Miền Nam Việt Nam, Hơn nữa, Tổng Thống Nixon đã công bố sẽ viếng thăm Bắc Kinh và kể đến là Liên xô, cho thấy tình hình chính trị tại Hoa Kỳ đã ổn định. Nixon đã có nhiều thuận điểm để chặn đứng các cuộc xâm lăng của cộng sản hơn là Tổng Thống Johnson vào 4 năm trước đó.

Bộ chính trị Hà Nội nhận ra rõ điều đó nên mua thời gian, đợi đến kỳ tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ, họ sẽ trao cho Tổng Thống Nixon một đề nghị với những hứa hẹn mơ hồ: Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam xem như thắng trận ở mặt tuyên truyền nhưng Hà Nội thì chiếm ưu thế về mặt quân sự. Henry Kissinger đã chấp nhận giải pháp này và đặt Tổng Thống Nixon trong tình huống sự đã rồi.

Ngay khi cuộc tấn công của Hà Nội đang xảy ra và kéo dài đến Mùa Hè 1972, Thiệu đã cảnh cáo Hà Nội đang áp dụng chiến thuật “da beo” để giải quyết cuộc xung đột, nghĩa là quân đội Bắc Việt vẫn giữ nguyên trạng trong những vùng do họ kiểm soát, với mưu đồ lật ngược thế cờ sau khi cuộc ngưng bắn đã thi hành. Thiệu nói với Bunker, Hồ Chí Minh đã phạm phải sai lầm nghiêm trọng vào năm 1965 khi đã chế ngự được những vùng “da beo” đó nhưng họ không có kế hoạch để ngưng chiến. Bởi vì theo Hồ, thời điểm ấy, ông ta nhận định rằng, Hoa Kỳ không dám gọi quân chiến đấu sang Miền Nam Việt Nam và như thế, quân đội cộng sản Bắc Việt sẽ chiếm trọn Miền Nam không mấy khó khăn.

Nhưng bây giờ, Hà Nội tung ra những đợt tấn công nhằm hỗ trợ cho họ tìm những chiến thắng về mặt ngoại giao. Vì thế Thiệu nhận định, chính trị bộ Hà Nội phải chờ đến tháng 8 hay tháng 9 để xem kết quả các cuộc tấn công của họ thu hoạch được đến đâu, trước khi họ quyết định vào các cuộc thương thuyết.

Cũng trong tháng 6, Thiệu đã nghi ngại, liệu Hoa Kỳ có những đề nghị “mới” nào để trao cho Hà Nội không?

Chính vì thế, Ellsworth Bunker đã có cảm giác cho Washington biết rằng, Thiệu không đồng ý có cuộc ngưng bắn tại chỗ, vì như thế, chỉ tạo cho Hà Nội có điều kiện để kiểm soát các vùng đất rộng lớn tại Miền Nam Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7, Bunker gặp Thiệu và hỏi ông ta có đồng ý hoàn toàn dự thảo 8 điểm mà Tổng Thống Nixon đã đưa ra hồi tháng giêng, và nếu có những sửa đổi nào thì Hoa Kỳ sẽ trao cho Bắc Việt qua phiên họp kín vào ngày 1 tháng 8 sắp đến. Và cũng qua phiên họp sắp đến

này, Hoa Kỳ sẽ đưa ra đề nghị cuộc ngưng bắn có hiệu lực ngay sau khi bản công bố chung về những điểm có tính nguyên tắc, được các bên ký. Tiếp theo là thời gian ba tháng, phía Việt Nam tức Sài Gòn và Hà Nội, thảo luận những vấn đề chính trị riêng rẽ giữa họ với nhau. Bảy tháng sau khi ngưng bắn, Thiệu sẽ từ chức Tổng Thống Miền Nam Việt Nam và hai tháng sau ngày Thiệu từ chức, Miền Nam Việt Nam sẽ bầu ra một vị Tổng Thống mới.

Để cho Thiệu chấp nhận, Bunker nói với ông ta, hãy thử mạo hiểm như thế để xem Hà Nội phản ứng ra sao. Thiệu yêu cầu để ông ta có thêm thời gian nghiên cứu đề nghị này.

Ellsworth Bunker gặp lại Thiệu hai ngày sau. Thiệu cho biết ông ta muốn việc Hoa Kỳ báo cho Hà Nội biết sự từ chức của ông không như một điều kiện khẳng định, mà chỉ là một đề nghị. Thiệu muốn dành quyền của ông để giải quyết vấn đề. Và Thiệu cũng trao cho Bunker một bản thảo để nói lên quan điểm của ông.

Theo Thiệu, cuộc ngưng bắn phải được thực hiện toàn cõi Đông Dương với sự giám sát của quốc tế, và điều thiết yếu là Hà Nội phải rút quân của họ ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Ngược lại, theo Thiệu, chấm dứt sự đánh nhau chỉ tạo điều kiện cho Hà Nội có thêm thời gian để chuẩn bị một cuộc xâm lăng mới trong tương lai. Thiệu khẳng quyết, nhất định sẽ không có tuyển cử một khi quân đội Hà Nội vẫn có mặt tại Miền Nam Việt Nam. Ông ta không có lý do chính đáng nào để buộc phải từ chức bởi vì chức vụ Tổng Thống của ông là hợp pháp, trong một quốc gia có hiến pháp.

Hơn thế nữa, Thiệu tiếp, ông ta đang là người cổ tạo sự đoàn kết quốc gia để đương đầu với sự xâm lăng của cộng sản Bắc Việt. Việc từ chức của ông phải có lợi ích cho quốc gia chứ không phải một món quà biếu không cho Hà Nội. Nếu Hà Nội muốn, họ cứ trả giá với Hoa Kỳ về tương lai chính trị tại Miền Nam Việt Nam, mặc kệ họ, quyền của họ.

“Nếu chỉ nói Thiệu quyết định từ chức vì gạt bỏ quyền lợi cá nhân cho công cuộc hòa bình”, Thiệu đáp, trường hợp ấy chưa xảy ra trong lúc này và cả trong điều kiện này.

Tại phiên họp mật ngày 1 tháng 8, Bắc Việt đột nhiên đưa ra một dự thảo mới, chỉ khác với đề nghị của Kissinger có hai điểm: Loại bỏ Thiệu ra khỏi chức vụ Tổng Thống Miền Nam Việt Nam và thiết lập một chính phủ liên hiệp. Đồng thời Hà Nội muốn đạt những thỏa ước riêng với Hoa Kỳ về các điểm trước khi cuộc ngưng bắn được áp dụng.

Muốn bảo vệ hiến pháp của Sài Gòn, Kissinger đã trao cho Hà Nội một đề nghị mới, phản lại đề nghị của Hà Nội, là thành lập một hội đồng hỗn hợp để tổ chức cuộc bầu cử theo hiến pháp Miền Nam Việt Nam thay vì như Hà Nội yêu cầu là thành lập một chính phủ liên hiệp.

Ngày 4 tháng 8 Thiệu tiếp Bunker. Cả hai người duyệt xét lại những trao đổi giữa Kissinger và Hà Nội trong phiên họp mới nhất vừa xảy ra. Theo Kissinger giai đoạn chánh cuộc thương thuyết với Hà Nội sẽ đạt được trong tương lai gần, vì thế, ông ta muốn Bunker dùng ảnh hưởng cá nhân “để dẹp bỏ những trở ngại” trong phản đề nghị của Thiệu, đặc biệt về ngôn từ trong những vấn đề ngưng bắn và giải pháp chính trị.

Với Bunker, giải quyết những bất đồng giữa Thiệu và

Hoa Kỳ không phải là chuyện đơn giản, do đó ông ta muốn Kissinger hãy đến Sài Gòn sau phiên họp sắp tới với Hà Nội.

Ngày 14 tháng 8, Ellsworth Bunker trao cho Thiệu bản dự thảo của Hà Nội hôm 1 tháng 8.

Ba ngày sau, Kissinger đến Sài Gòn thảo luận với Thiệu những phản đề nghị mà ông ta sẽ trao cho Hà Nội. Kissinger cũng đề nghị Sài Gòn không vì những tiểu tiết mang tính chất pháp lý để gạt bỏ những mục tiêu lớn hơn. Rõ ràng, vấn đề quân Bắc Việt vẫn tiếp tục ở lại Miền Nam Việt Nam không được đề cập đến trong bản tuyên bố về những căn bản trong tiến trình thực hiện hòa bình sau khi ngưng bắn, nhưng lại sẽ mang ra thảo luận qua các cuộc thương thuyết sau đó.

Vấn đề rút quân, Kissinger nói trong dự thảo ở điều 7, đã quy định rõ ràng, tất cả các lực lượng quân sự tại các nước Đông Dương chỉ ở trong phạm vi lãnh thổ của mỗi quốc gia.

Kế hoạch của Kissinger là nhằm để những vấn đề còn lại, hai phía Việt Nam, Sài Gòn và Hà Nội sẽ thảo luận sau khi Hoa Kỳ đã rút ra khỏi Miền Nam. Bắc Việt cũng đã đề nghị với Hoa Kỳ những điểm như Kissinger đã nêu ra trong 4 phiên họp liên tiếp. Kissinger cho rằng, nếu Hà Nội chấp thuận những điều mà Hoa Kỳ đưa ra thì Sài Gòn chẳng thiệt thòi gì cả, vì lẽ mọi vấn đề còn lại vẫn tiếp tục thảo luận.

Nhưng nếu Hà Nội từ chối, ứng cử viên Tổng Thống của đảng Dân Chủ, Mc Govern không thể dựa vào sự kiện đó để đả kích Tổng Thống Nixon vẫn hỗ trợ cho Miền Nam Việt Nam.

Phụ Tá Tổng Thống Thiệu đặc trách ngoại giao là Nguyễn Phú Đức đã viết, ông ta và Thiệu không nhận ra những ý nghĩa trong các danh từ mà Kissinger muốn ẩn dấu. Cả hai người đều hiểu rằng các lực lượng quân sự phải “lưu lại” trong phạm vi ranh giới mỗi quốc gia, điều đó có nghĩa là quân đội Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Thế nhưng, cũng câu nói ấy, dưới sự giải thích của Kissinger sau này, thì “lưu lại” có nghĩa là Bắc Việt không được bổ sung quân số của họ tại Miền Nam Việt Nam.

Chưa đủ, Kissinger lại thêm, Washington và Sài Gòn không thể nào tổ chức được một cuộc hội nghị gồm 4 nước Đông Dương Lào-Cam Bốt-Bắc Việt và Miền Nam Việt Nam, nếu Hà Nội không muốn, do đó đoạn trên trở thành vô nghĩa với Hà Nội. Kissinger còn nghĩ rằng sự phân chia hai Miền Nam và Bắc Việt Nam trên căn bản pháp lý là điều “không thực tế”.

Với bản chất chủ quan, hời hả, Kissinger lại muốn kết thúc một vấn đề hệ trọng nhanh chóng (đó là chủ nghĩa nào do dân chúng Việt Nam chọn lựa) và cũng chính vì thế, đã dẫn đến cuộc chiến gần 30 năm. Do sự thiếu thận trọng đó, ông ta đã tự phản bội tính kiên nhẫn mà những thương thuyết gia Hoa Kỳ trước cũng như sau ông vẫn từng có.

Kissinger lại đổ trách nhiệm cho Thiệu khi giải thích những khó khăn tại Hoa Kỳ. Cuộc bầu cử tháng 11 sắp tới, Tổng Thống Nixon cần phải đưa ra những sáng kiến mới và quan trọng nhằm để giữ vững giá trị của ông ta. Vì thế mà Washington phải làm, tất nhiên vừa phải và hợp lý. Nếu Hà Nội khước từ, điều đó chứng tỏ cho mọi người

thấy, Bắc Việt là kẻ ngoan cố. Do vậy, theo Kissinger, muốn Thiệu chấp nhận bản phản đề nghị mà Hoa Kỳ đã trao cho Hà Nội hôm 1 tháng 8.

Tiếp theo, Kissinger còn yêu cầu Thiệu hãy giúp Tổng Thống Nixon từ đây đến tháng 11 trước công luận để Tổng Thống Nixon còn có những nỗ lực cần thiết tiếp tục hỗ trợ chính sách của ông ta tại Miền Nam Việt Nam. Nixon cần có sự uyển chuyển trong chính sách với Hà Nội để chứng tỏ ông ta là người mong muốn có hòa bình trước mùa bầu cử tại Hoa Kỳ.

Bunker ngồi yên lặng trong suốt cuộc họp ấy, mừng tượng ra một giai đoạn chao đảo và bất tín sẽ xảy ra trong vấn đề bang giao giữa Washington và Sài Gòn.

Thiệu đáp, ông ta cần thảo luận kế hoạch của Kissinger với các nhân vật trọng yếu tại Miền Nam Việt Nam. Thiệu hiểu rất rõ, Quốc Hội và Quân Đội không thể dễ dàng chấp nhận sự thỏa hiệp về một chính phủ liên hiệp trong đó có những người cộng sản. Cả về mặt tâm lý lẫn chính trị, Thiệu tiếp, Miền Nam Việt Nam chưa sẵn sàng đón nhận những phản đề nghị cuối cùng mà Kissinger đã nêu ra.

Kissinger đồng ý và cho Thiệu biết, Thiệu có những 12 ngày trước khi Bunker gặp Nixon tại Honolulu để thảo luận dự thảo này.

Thiệu trao cho Kissinger bản bỏ tấc trong dự thảo của Hoa Kỳ hôm 1 tháng 8, trong đó có điểm nhấn mạnh về “một phía” như đã thảo luận với Hà Nội trước đó. Lý do là Thiệu e ngại, Hà Nội sẽ tự đặt cho họ như thể là đại diện chính thống của người Việt để thương thuyết với Hoa Kỳ trong cuộc chiến Việt Nam và yêu cầu Hoa Kỳ phải thảo luận và nhượng bộ về những đòi hỏi mà Bắc Việt muốn.

Trong những phần đề nghị của Hà Nội họ luôn luôn dành quyền được nhận mọi viện trợ quân sự từ Nga Số lần Trung cộng, đồng thời Bắc Việt lại đòi hỏi Hoa Kỳ không được thực hiện việc viện trợ cho Miền Nam Việt Nam. Bắc Việt cũng không xem giới tuyến 17 là biên giới trên mặt pháp lý chia đôi quốc gia thành hai Miền Nam và Bắc.

Thiệu cho Kissinger biết, dưới mắt của dân chúng Miền Nam Việt Nam, các cuộc họp mật giữa Hà Nội và Hoa Kỳ chỉ là những bước khởi đầu để tìm lấy những đồng thuận căn bản, và sau đó, chung cuộc, Miền Nam Việt Nam phải có mặt và phải tự quyết định.

Sau khi Kissinger rời Sài Gòn, Thiệu và các Cố Vấn ông ta đã soạn thảo xong những đề nghị để trao cho phía Hoa Kỳ. Một phần trong các đề nghị đó cũng được trao cho Kissinger khi ông ta có mặt tại Miền Nam.

Ngày 19 tháng 8, George McGovern loan báo rằng, nếu đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ, thì ông ta sẽ tổng khú Thiệu ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Ứng cử viên đảng Dân Chủ còn thúc bách Washington hãy chuẩn bị sẵn một cuộc di tản cho những ai muốn dời khỏi Miền Nam khi Sài Gòn bị sụp đổ. Rõ ràng là McGovern đã dự trù việc chính quyền của Thiệu sẽ không tồn tại một khi Hoa Kỳ chấm dứt mọi viện trợ quân sự cho họ.

Cổ võ cho cộng sản được thắng, McGovern đã cử Pierre Salinger nguyên đặc trách báo chí thời Tổng Thống Kennedy, nhân danh đảng Dân Chủ, tiếp xúc với Bắc Việt tại Paris.

Vài năm sau, McGovern đã là kẻ bàng quang trước tình huống hàng trăm ngàn người phải trốn bỏ Đông Dương để tỵ nạn sau cuộc thắng trận của cộng sản năm 1975.

Chính thời điểm đó thì thân phụ tôi qua đời vì bệnh

tim khi ông đang họp tại Bộ Ngoại Giao, nơi mà nhiều năm trước đó, ông đã làm việc hăng say và dùng mọi ảnh hưởng cá nhân có được để bênh vực chính nghĩa của người Việt Quốc Gia tại Miền Nam Việt Nam. Ba tôi sẽ chẳng bao giờ ngờ được niềm tin mà ông từng theo đuổi, do sự mù quáng, khiếm nhược và quyết định của một số người, quốc gia ông đã bỏ cuộc và xóa đi mục tiêu cao cả mà Hoa Kỳ đã vì đó, mà phải can dự và hy sinh.

Tang lễ an táng thân phụ tôi tổ chức tại một Thánh Đường ở Washington. Người bạn cố tri của ba tôi, Richard Neustadt, đã cất lời, việc can dự của Hoa Kỳ nhằm giúp cho Miền Nam Việt Nam quyền tự quyết, là một lầm lỗi. Neustadt từng là Cố Vấn của Tổng Thống Truman và qua cuốn sách nổi tiếng của ông, *Presidential Power*, ông đã được John Kennedy đánh giá là phần tử ưu tú nhất và mời vào Bộ Tham Mưu. Neustadt luôn nghĩ rằng, Việt Nam phải nằm trong quỹ đạo để phục vụ mục tiêu chiến lược của Hoa Kỳ. Thế nhưng ông ta vẫn kính trọng những lý tưởng mà thân phụ tôi đã theo đuổi và thực hiện.

Cũng bài đọc trong lễ an táng ấy, Neustadt đã nhắc lại, thân phụ tôi đã đưa ra những nhận định đúng cho Bộ Quốc Phòng về việc cộng sản trung hoa sẽ tràn chiếm Triều Tiên, vượt qua Sông Áp Lục. Những gì mà Neustadt đã ca ngợi ba tôi không chỉ là những điều thân phụ tôi suy nghĩ mà cả những vấn đề mà ông đã thực hiện. Những sự kiện xảy ra sau đó đã cho thấy mục tiêu của thân phụ tôi đã theo đuổi không phải là sai lầm.

Ngồi lặng yên, một nỗi buồn tràn ngập, tôi thật sự không hiểu nổi Neustadt. Tại sao ông ta không thực hiện những điều ông ta tự cho là suy nghĩ đúng? Tại sao ông

ta phải tự dè dặt những gì ông ta nhận thức? Phải chăng ông ta thiếu tự tin?

Trong thời đại lớp tuổi của ba tôi, uy quyền của một Tổng Thống như Johnson đã bị sút giảm. Phong trào phản chiến mọc lên, Henry Kissinger hối hả nhận những điều kiện do Hà Nội đưa ra, tất cả đánh mất đi nét đặc trưng của dân tộc Hoa Kỳ.

Ngày 23 tháng 8, không lâu lắm, sau đám tang của gia đình tôi, Thiệu vẫn chưa sẵn sàng thảo luận vị trí chính quyền của ông với Bunker. Để giải quyết những đề nghị mà phía Miền Nam đề nghị với Hoa Kỳ, ngày 25 tháng 8, Bunker đã gặp người Cố Vấn thân cận và cũng là họ hàng với Thiệu để trao đổi.

Bộ Tham Mưu của Thiệu vẫn tiếp tục làm việc và đưa ra những đòi hỏi tiên quyết: Xác định sự khác biệt giữa chính phủ Sài Gòn và chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam về chủ quyền tại Miền Nam. Còn Thiệu thì tham khảo ý kiến với Phó Tổng Thống Hương và Thủ Tướng Khiêm.

Phụ Tá Tổng Thống Thiệu là Nguyễn Phú Đức, ngày 28 tháng 8 đã thông báo cho Kissinger:

1. - Các cuộc thảo luận giữa Washington và Hà Nội không thể giải quyết được những mấu chốt của Miền Nam Việt Nam với thành phần Miền Nam khác do Hà Nội dựng lên trong chánh phủ cách mạng lâm thời.

2. - Hà Nội không có quyền gì để xen vào những vấn đề chính trị tại Miền Nam cũng như Miền Nam không thể đòi hỏi phải thay đổi chính phủ Hà Nội.

3. - Bản hiến pháp Miền Nam Việt Nam năm 1967 phải được tôn trọng.

4. - Chỉ có Miền Nam Việt Nam mới có quyền thay đổi hoặc bổ túc bản hiến pháp 1967.

5. - Cho dù nếu Thiệu có từ chức Tổng Thống, Phó Tổng Thống Hương không cần thiết phải từ chức.

Ngày 29/8, Bunker trao cho Thiệu những ý kiến của Kissinger sau khi nhận những đề nghị bổ túc của Miền Nam Việt Nam. Kissinger viết, nếu Sài Gòn muốn có những cuộc thảo luận với Hà Nội ở tương lai, phải đưa ra những điều ấy ngay bây giờ. Kissinger bác bỏ toàn bộ những ý kiến mà Thiệu đề nghị về phía Miền Nam Việt Nam. Ông ta nói, phe Đồng Minh đã đồng ý những điểm mà Hoa Kỳ đưa ra. Nếu Thiệu chấp nhận dự thảo cuối cùng này của Hoa Kỳ thì ông ta sẽ không bị đòi hỏi phải có thêm những nhượng bộ hơn nữa, cho dù Hà Nội từ chối.

Ngày 30 tháng 8, Ellsworth Bunker đã họp với Tổng Thống Nixon và Kissinger tại Honolulu để duyệt xét tình hình trước khi Kissinger cầm đầu Phái Đoàn Mỹ sang thương thuyết tại Paris. Vào lúc 5 giờ chiều, trước khi rời Sài Gòn, Bunker gọi điện thoại cho Hoàng Đức Nhã yêu cầu được gặp Thiệu. Nhã trả lời, theo chương trình làm việc trong ngày thì Thiệu và Bunker sẽ gặp nhau vào lúc 7 giờ 30.

Bunker đáp lại, ông ta cần gặp Thiệu trước khi rời Sài Gòn. Sau đó, vào lúc 6 giờ 30, Bunker phải gọi trực tiếp vào Dinh Độc Lập để gặp Thiệu, nhưng không ai trả lời.

Nhân viên Bunker gọi Nhã lần nữa và được trả lời rằng sự thay đổi lịch trình giờ hẹn với Bunker không thể thực hiện được. Rồi Nhã đến tư thất của Bunker cho biết Bộ Tham Mưu của Thiệu vẫn còn đang họp nên Thiệu không thể tiếp Bunker được. Những trả lời của Kissinger với

phía Đồng Minh Việt Nam hôm 29 tháng 8 đã làm cho thái độ của Thiệu cứng rắn hơn.

Ellsworth Bunker đoán, phía Miền Nam Việt Nam nghĩ rằng qua bài diễn văn mà Nixon đã đọc hồi 25 tháng giêng đầu năm, có đề nghị một thỏa ước về những nguyên tắc tổng quát sẽ đạt được trong khi có cuộc ngưng bắn và những chi tiết sẽ mang ra thảo luận sau đó, giờ đây đã thay đổi, chỉ còn lại ở phần đầu, phần các nguyên tắc chung tổng quát đã đạt được.

Qua lời lẽ của Kissinger phủ nhận những đề nghị của phía Miền Nam Việt Nam vừa xảy ra, đã làm cho Thiệu nhận ra điều đó. Thiệu đã bị Hội Đồng An Ninh Quốc Gia bác bỏ khi mang ý kiến của Kissinger ra thảo luận, là Sài Gòn đồng ý đề nghị của Hà Nội về một ủy ban liên hiệp giám sát những sự kiện xảy ra ở giai đoạn tiền bầu cử.

Dự thảo cũ Kissinger đưa ra nhằm để đáp lại về một chính phủ liên hiệp mà Bắc Việt đã đòi hỏi. Đó là một hội đồng hòa hợp hòa giải bao gồm ba thành phần, có chức năng gần giống như một chính phủ vì những quyết định của hội đồng này có giá trị chung cuộc. Thành phần thứ nhất là chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam. Thứ hai là chính phủ Sài Gòn. Hai thành phần này chọn mỗi bên phân nửa để thành lập thành phần thứ ba gọi là thành phần trung lập. Nếu có một ủy ban hòa hợp hòa giải bao gồm những thành phần trung lập thì mỗi bên chọn phân nửa số người đưa vào.

Nhã cho biết, chính phủ Sài Gòn e ngại cộng sản có thể khống chế thành phần “Trung Lập” của họ, trong khi những người Việt Quốc Gia thì không thể làm được vì nặng nề chủ nghĩa cá nhân. Kể đến, điều lo ngại, một

hội đồng gồm ba thành phần như thế chẳng khác gì một chính phủ liên hiệp mà cộng sản từ lâu vẫn đòi hỏi, vì chức năng của nó.

Cuối cùng, phía người Việt Quốc Gia e ngại, hình thành một hội đồng hòa hợp hòa giải theo cấu trúc vừa rồi chẳng khác gì tạo điều kiện để cộng sản từ chỗ họ chưa có gì đến chỗ trao chính quyền vào tay họ.

Trong trường hợp đó, phía Miền Nam Việt Nam đã đưa ra đề nghị, hãy tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để dân chúng quyết định thể chế cho Miền Nam Việt Nam trong tương lai. Kissinger chỉ trích đề nghị đó, cho là phải mất rất nhiều thời gian và phía Miền Nam cố tình đưa đề nghị trên ra để trì hoãn sự thay đổi về chính trị.

Sài Gòn phản đối, cho rằng đề nghị họ đưa ra không có nội dung như Kissinger suy diễn, trái lại hợp tình hợp lý. Bởi lẽ, đề nghị ấy đáp ứng đúng tính căn bản về quyền tự quyết và đồng thời chấp nhận chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam được đưa người vào tiến nội các để quy định tương lai Miền Nam Việt Nam theo tỷ lệ số phiếu họ đạt được. Sài Gòn cho rằng đề nghị ấy là một thể nghiệm công bằng cho cả hai phía.

Xét lại một cách nghiêm trang, đề nghị mà phía Sài Gòn đưa ra là chính đáng, bởi lẽ nếu có một cuộc trưng cầu như thế, những người ủng hộ chính phủ Hà Nội phải trực diện với các thành phần Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo cùng các đảng phái chính trị quốc gia chứ không chỉ riêng có chính phủ Sài Gòn. Những người cộng sản, trong một cuộc tranh cử như thế, họ phải đối đầu với thành phần vừa chống chính phủ Sài Gòn nhưng cũng vừa chống lại cộng sản, chẳng

hạn khối Phật Giáo tranh đấu, do đó họ không thể vận dụng các thế lực chính trị Miền Nam đứng về phía họ. Đối với tình huống xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, các lực lượng chính trị và xã hội luôn luôn bị phân hóa và chia rẽ, thì đó là đề nghị hợp lý nhất.

Tại Honolulu, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ quyết định chấp nhận dự thảo của Kissinger về một hội đồng hòa hợp hòa giải, nhưng phần lớn nội dung đã thay đổi để phù hợp quan điểm của Sài Gòn. Sau đó, Tổng Thống Nixon đã viết một bức thư riêng trao cho Bunker mang về trao cho Tổng Thống Thiệu. Đây là lần đầu tiên trong chuỗi dài trao đổi giữa hai vị Nguyên Thủ Quốc Gia, Bunker đích thân chuyển thư từ vị lãnh đạo nước này cho vị lãnh đạo nước bạn, trước khi hiệp định Paris được ký kết vào cuối tháng giêng năm 1973.

Ngày 31 tháng 8, Nixon hứa là sẽ không bao giờ phản bội sự can đảm của Đồng Minh và bảo đảm với Thiệu, mọi diễn tiến xảy ra từng giai đoạn, Thiệu sẽ được thông báo và tham khảo đầy đủ. Hoa Kỳ, Tổng Thống Nixon viết, sẽ không bao giờ được phép lãng quên người bạn của mình trong mục tiêu cùng chịu đựng và hy sinh. Thiệu hài lòng về những điều Nixon viết trong thư đó.

Ellsworth Bunker hội kiến Thiệu vào các ngày 6 và 7 tháng 9 để yêu cầu ông hãy hỗ trợ cho Nixon. Hai phiên họp đó đã kéo dài khá lâu và khó khăn. Thiệu lo lắng ông ta sẽ bị dư luận trong nước kết án là ông ta đã đầu hàng kẻ thù nếu nội dung các cuộc thương thuyết trên bị tiết lộ ra trước công luận. Thiệu càng lo lắng hơn nữa, nếu Hà Nội từ chối dự thảo của Kissinger thì phía Hoa Kỳ lại đòi hỏi ông phải nhượng bộ cho kẻ thù nhiều hơn nữa.

Ellsworth Bunker giải thích, Nixon bắt buộc phải đưa ra một phản đề nghị trong phiên họp sắp tới tại Paris để trả lời đề nghị của Hà Nội nếu họ công bố trước công luận đề nghị của họ hôm 1 tháng 8. Làm như thế, không phải theo ý của Kissinger mà là của Nixon muốn giảm thiểu sự chống đối tại Quốc Hội Hoa Kỳ.

Bunker cũng cho Thiệu biết, phản đề nghị mới này của Hoa Kỳ bao gồm luôn cả những đề nghị của Sài Gòn, và bảo đảm rằng, những tiến trình chính trị trong tương lai phải do Miền Nam Việt Nam quyết định, bởi vì chính phủ Thiệu có quyền phủ quyết mọi kết quả do ủy ban bầu cử ba thành phần đưa ra.

Thiệu hỏi tiếp, liệu Hoa Kỳ có đòi Miền Nam Việt Nam phải lùi bước thêm nữa không nếu một đề nghị như thế vẫn bị Hà Nội bác bỏ?

Ellsworth Bunker đáp chính phủ Hoa Kỳ sẽ không làm như thế. Trả lời điều này, Bunker vẫn vững tin sự quyết định chung cuộc là ở nơi Nixon và không hề nghĩ rằng, Henry Kissinger với quyền hạn riêng của ông ta, lại có thể thỏa mãn với cộng sản những điều mà Thiệu đã lo lắng.

Bunker rời tư thất Thiệu trong sự thông cảm giữa hai người. Tư thất của Thiệu nằm trong Bộ Tổng Tham Mưu, được chỉnh trang lại, làm chỗ nghỉ ngơi khi Thiệu rời Dinh Độc Lập.

Nhưng vài ngày sau đó Sài Gòn muốn có vài sự điều chỉnh trong phần dự thảo cuối cùng của Kissinger. Nếu hình thành một tổ chức bầu cử như Kissinger đề nghị, Miền Nam muốn tổ chức đó phải bao gồm mọi khuynh hướng chính trị khác nhau và những thành viên tham dự vào tổ chức phải được sự đồng ý của cả hai bên. Đồng

thời Sài Gòn cũng đưa ra những quan tâm, liên quan đến những điều khoản trong dự thảo mới của Hoa Kỳ về việc quân đội Bắc Việt vẫn lưu giữ tại Miền Nam, thúc đẩy việc thống nhất hai Miền Nam Bắc, bổ sung người và vũ khí vào các nước Đông Dương sau khi ngưng bắn.

Ngày 11 tháng 9 năm 1972, Bunker lại gặp Thiệu và báo cho ông ta biết rằng Washington không thể chấp nhận công thức hỗn hợp về một tổ chức đặc trách bầu cử như Thiệu đề nghị. Đó là điều khẳng định. Kế đến, Washington không muốn nhắc lại đề nghị trước đó, bởi vì, trong đề nghị hôm 25 tháng 1 năm 1972 có nhiều điểm khiến cho quan điểm quân chúng Mỹ chỉ trích Nixon.

Thiệu vẫn đặt nhiều suy nghĩ về ba thành phần hỗn hợp trong một tổ chức bầu cử. Một hình thành như thế chẳng khác gì trên thực tế có ba lực lượng chính trị giữa người Việt và một chính quyền hợp pháp phải tiêu biểu có đại diện của 3 thành phần đó tại Miền Nam Việt Nam.

Khi Kissinger gặp Hà Nội trở lại vào ngày 15 tháng 9 đã đưa ra thêm một sáng kiến mới, đề nghị một giải pháp đa beo, điều mà Thiệu tiên đoán trước đó là có hai chính quyền riêng rẽ áp dụng tại Miền Nam Việt Nam, một là chính phủ Sài Gòn và thứ hai là chính phủ cách mạng lâm thời của Mặt Trận Giải Phóng. Thế nhưng có vài điều quan trọng có lợi cho Sài Gòn là Sài Gòn vẫn được xem là một chính phủ mặc dù không tiêu biểu cho các lực lượng chính trị và Sài Gòn không chỉ được xem như một phần trong chính phủ liên hiệp.

Cũng đúng vào ngày ấy, các đơn vị Quân Đội của Miền Nam Việt Nam đã tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Chính phủ cách mạng lâm thời đã lên tiếng là tại Miền Nam Việt

Nam có hai chính quyền và đồng thời phủ nhận tính cách hợp pháp của chính phủ Sài Gòn.

Cấp trung ương và cấp vùng thì do chính phủ Sài Gòn và chính phủ cách mạng lâm thời quản trị, nhưng ở cấp địa phương làng xã và thành phố, Hà Nội đòi hỏi phải có sự xuất hiện của thành phần thứ ba, mặc dù không có chức năng đầy đủ như nhân viên chính quyền nhưng họ vẫn hiện diện và có tiếng nói.

Trong phiên họp hôm 15 tháng 9, Hà Nội cho biết thỏa ước chung cuộc gần như đạt được trong vòng một tháng nữa, nghĩa là trước ngày có cuộc bầu cử của Tổng Thống Hoa Kỳ, Kissinger chấp nhận với Hà Nội cần có những phiên họp kế tiếp sớm hơn, nhưng đồng thời không muốn cho Thiệu biết, thỏa ước chung cuộc tại Paris gần như đã đạt được.

Kissinger cảm thấy Hà Nội có nhiều thuận điểm hơn theo giải pháp họ đưa ra. Ông ta yêu cầu Bunker giải thích cho Thiệu biết là sẽ không có một sự nhượng bộ nào nữa đòi hỏi về phía Miền Nam Việt Nam đáp ứng, nhưng xin Thiệu hiểu cho rằng những thương thuyết mà Kissinger đưa ra cho Hà Nội, đó chẳng qua là chính sách của Hoa Kỳ phải đối phó trong mùa bầu cử.

Cũng trong phiên họp 15 tháng 9, những phần đề nghị của Kissinger không hề dựa vào điểm nào, theo khuyến cáo của Thiệu. Thế nhưng, ông ta giải thích, Tổng Thống đắc cử trước tiên sau bầu cử sẽ thành lập một chính phủ mới, tiêu biểu các thành phần chính trị. Ý kiến đó là do Thiệu đã đề nghị trước kia.

Kissinger cảm thấy, kế hoạch của ông xem như đã là một sự nhượng bộ tối đa, thế nhưng vẫn không có gì bảo

đảm để Hà Nội chấp nhận. Vì thế ông ta quyết định là sẽ không có một bước lùi nào thêm nữa và thúc đẩy, vận động để Hà Nội đồng ý giải pháp của ông ta, đồng thời Kissinger lại không muốn Thiệu lên tiếng. Ông nói với Bunker đây không phải là thời điểm của năm 1968. Cho dù Hà Nội muốn đạt những tiến triển nhanh chóng qua các phiên họp mật để gây ra sự chia rẽ Washington và Sài Gòn thì Thiệu vẫn không e ngại.

Bunker đáp lại Kissinger là ông cũng đồng ý những điều Kissinger vừa nói. Thiệu luôn nghĩ, những sáng kiến của Kissinger đưa ra là thiếu công bằng. Ngày 15 tháng 9 năm 1972, Thiệu đã trả lời bức thư mà Nixon đã gửi cho ông hôm 31 tháng 8, nói rằng Hoa Kỳ đã nhượng bộ qua các cuộc thương thuyết với Bắc Việt quá nhiều. Nixon hiểu rằng những đề nghị hòa bình mà Thiệu muốn nhận phải được Quốc Hội và dân chúng Miền Nam Việt Nam đồng ý.

Thiệu không hài lòng về một tổ chức bầu cử hỗn hợp mà Kissinger đã đưa ra. Cái quan điểm “lực lượng thứ ba” thêm vào giữa những người cộng sản và người Việt Quốc Gia là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mà người Pháp đã dùng như một chiêu bài để dân chúng Miền Nam phản bội lại quê hương họ hồi năm 1954 và cộng sản Việt Nam ngày nay tái lập trong mưu đồ bán đứng dân tộc họ.

Thiệu tiếp, những ai có ảo vọng về ba thành phần hãy nhớ lại bài học lịch sử ở Lào. Năm 1962, Washington đã áp đặt tại Lào một chính phủ ba thành phần: Cộng sản, trung lập và cánh hữu ước mong là sẽ đạt được một nền hòa bình. Nhưng rõ ràng là thất bại, cuối cùng cộng sản đã đô hộ xứ này.

Cùng lúc đó thì một nguồn tin tình báo đã phát hiện Hà Nội đang chuẩn bị mở các cuộc tấn công quy mô vào tháng 9 và tháng 10, chỉ trước cuộc bầu cử của Hoa Kỳ. Họ vẫn muốn dùng chiến tranh để giải quyết ý đồ của họ. Các kế hoạch gia Bắc Việt có tham vọng tung ra các cuộc tấn công lớn để kềm giữ các đại đơn vị của Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời đưa ra các đơn vị du kích của họ tràn chiếm vùng nông thôn, xã ấp trước khi có cuộc ngưng bắn.

Vài ngày sau, Sài Gòn đã bác bỏ đề nghị ngưng bắn da beo đã đưa ra hôm 15 tháng 9. Chính phủ Thiệu cho rằng Hà Nội đã cố gắng chiếm những ưu thế qua các phiên họp mật với Hoa Kỳ vì Hoa Kỳ trong mùa bầu cử trong khi đó thực tiễn Hà Nội đã thất bại tại chiến trường. Dưới mắt Thiệu, Hà Nội dự phóng họ sẽ đạt được những thắng lợi về mặt ngoại giao để buộc Hoa Kỳ phải nhượng bộ cho dù về mặt quân sự họ thất bại, giống như trường hợp năm Mậu Thân 1968 đã xảy ra.

Thiệu nói, chúng tôi biết, “chủ nghĩa thực dân Tây phương là phương châm đối với chính sách của người Mỹ”. Thế nhưng, chúng tôi cũng hoan nghênh các cuộc trao đổi giữa Hoa Kỳ và Hà Nội. Đồng thời, chúng tôi cũng báo cho phía Hoa Kỳ biết rằng, nếu Miền Nam Việt Nam phải chấp nhận tất cả những gì mà Hoa Kỳ đã đồng ý với Hà Nội thì rõ ràng, đó là điều để Hà Nội tuyên truyền Miền Nam Việt Nam là công cụ của Mỹ. Do đó Hà Nội phải thương thuyết trực tiếp với Sài Gòn. Vì thế chính phủ Miền Nam Việt Nam đành quyền bác bỏ mọi thỏa thuận đạt được qua các phiên họp mật giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt nếu các điều khoản đó Sài Gòn không đồng ý.

Ngày 20 tháng 9, sau khi thăm viếng binh sĩ của ông gần Quảng Trị trở về, Thiệu đã nói trước công chúng, chỉ có đồng bào Miền Nam Việt Nam mới có quyền thương thuyết hoặc chấp nhận một giải pháp để giải quyết cuộc chiến tranh. Ngày 23 tháng 9, khi nghe Bunker trình bày đề nghị sau cùng mà Kissinger đưa ra, hình thức một tổ chức bầu cử hỗn hợp, ông ta không có lời bình phẩm nào. Sự yên lặng của Thiệu không đồng nghĩa là Thiệu đã đồng ý, mà ông xem đó là việc riêng rẽ của Kissinger.

Hà Nội muốn đánh động dư luận quần chúng Mỹ, bất ngờ họ phóng thích ba tù binh Mỹ qua một dân biểu thuộc thành phần phản chiến.

Áp lực thương thuyết lại đè nặng lên Thiệu vào ngày 25 tháng 9 khi tại Paris, Lê đức Thọ trao một đề nghị mới cho phía Hoa Kỳ. Kissinger thông báo cho Bunker biết đề nghị mới này của Bắc Việt. Hà Nội đề nghị, chính phủ Sài Gòn và chính phủ Mặt Trận Giải Phóng, mỗi bên có chính sách ngoại giao riêng, quân đội riêng khi đứng chung trong một chính phủ liên hiệp quốc gia, qua đó Sài Gòn vẫn dành quyền phủ quyết. Hà Nội không muốn đặt bất cứ điều khoản nào liên quan đến cuộc rút quân trong thỏa ước.

Bunker nói để giải thích với Thiệu là sẽ không có một sự trao đổi đơn giản giữa việc ngưng oanh tạc để đổi lấy việc phóng thích tù binh Mỹ theo các nhà lãnh tụ nhóm phản chiến tại Thượng Viện yêu cầu. Kissinger dự đoán, không thấy một triển vọng nào để đạt được thỏa ước chung cuộc trước tháng 11 trừ khi Hà Nội muốn. Vì vậy Kissinger đã cử Phụ Tá của ông là Alexandre Haig đến Sài Gòn để thảo luận về chiến lược của Hoa Kỳ sau cuộc bầu cử tháng 11.

Thiệu ghi lại những điều Bunker trình bày nhưng không đưa ra bình luận nào. Alexander Haig đến Sài Gòn vào ngày 1 tháng 10. Trong phiên họp với Thiệu lần đầu tiên, Haig trình bày một phản đề nghị khác của Hoa Kỳ nhằm giải đáp câu hỏi chính trị: Phía nào sẽ có thực quyền chính trị tại Miền Nam? Bầu cử Quốc Hội mới để soạn thảo tân hiến pháp là một giải pháp được dự trù, Thiệu đáp lại về điểm này, Hà Nội là kẻ xâm lăng và do đó Bắc Việt không có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Miền Nam Việt Nam.

Bất cứ một thỏa ước nào đạt được trong sự đồng thuận luôn luôn phải trải qua những giai đoạn thương thuyết gay go, do đó, Thiệu muốn biết, dưới các lượng giá của Hoa Kỳ, Hà Nội sẽ có những phản đề ra sao từ những điều khoản mà Hoa Kỳ đưa ra.

Ngày 8 tháng 10, Bunker và Haig họp với Thiệu cùng Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Miền Nam Việt Nam. Haig giải thích một các tổng quát về những phản đề nghị mà Kissinger đã trao cho Hà Nội ngày 15 tháng 9, Thiệu nói, những điều khoản trong dự thảo này hoàn toàn thỏa mãn những đòi hỏi của Bắc Việt, rõ ràng Tiến Sĩ Kissinger đã lọt vào bẫy sập của cộng sản giăng ra.

Phó Tổng Thống Hương nói tiếp, chiến lược của Hà Nội là buộc Hoa Kỳ phải chấp nhận những đòi hỏi của họ, nghĩa là việc Hoa Kỳ rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam cũng đồng nghĩa với việc Hoa Kỳ là kẻ đi xâm lược. Hương thêm, với thái độ giận dữ: Từ lâu, Hà Nội vẫn là kẻ lật lọng, xảo trá. Tại sao lại phải tin họ? Trong khi Hoa Kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt và rút quân, đổi lại, Hà Nội đã thực hiện những gì? Cố gắng cho Hà Nội theo yêu

cầu của họ, một chính phủ liên hiệp tại Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã quên bài học ở Lào và Tiệp Khắc, cũng một hình thức liên hiệp tương tự và cuối cùng cộng sản đã tráo trở và thắng cuộc. Vị Phó Tổng Thống già nhưng sáng suốt của Miền Nam Việt Nam cảnh giác Haig và Bunker chớ vì những lời lẽ có vẻ thiết tha của Hà Nội mà tưởng là họ chân thật.

Haig đáp lại, chính phủ Nixon e ngại, mang tiếng trước quần chúng là không đưa ra những sáng kiến trong khi Hà Nội đã đưa ra. Một thỏa ước nhằm chấm dứt chiến tranh, Haig nói tiếp, bức thiết phải tạo điều kiện để Miền Nam Việt Nam được Quốc Hội và quần chúng Hoa Kỳ tiếp tục cuộc hỗ trợ.

Thiệu nói, tại sao Kissinger không trao cho Hà Nội những điều trong phản đề nghị của Miền Nam Việt Nam?

Haig trả lời, nếu đưa ra những phản đề nghị ấy ra, cuộc thương thuyết sẽ tan vỡ.

Phía Miền Nam Việt Nam muốn biết, Kissinger đã đưa ra bao nhiêu phản đề nghị rồi và theo Hoa Kỳ, phản đề nghị như thế nào mới đạt được sự đồng ý chung cuộc.

Haig cho biết, thành thật mà nói, Hoa Kỳ chưa có một khái niệm tổng quát về tương lai của Miền Nam Việt Nam. Trái lại, chỉ có chiến lược, vận dụng dư luận quần chúng Mỹ tiếp tục ủng hộ đường lối của Tổng Thống Nixon hỗ trợ cho Sài Gòn.

Thiệu nói, ông ta phải nói thẳng thắn: Kissinger đã không quan tâm gì đến những điều mà phía Miền Nam đưa ra, ông ta chỉ thương thuyết theo cách riêng của ông.

Haig đồng ý là có sự bất tín giữa Kissinger và Thiệu nhưng giải thích thêm, mọi điều Kissinger thực hiện

cũng chỉ để đạt được mục tiêu là giữ cho chính phủ Sài Gòn được tồn tại.

Thiệu tiếp lời rằng chính phủ Miền Nam Việt Nam đã không được thông báo những chuyển biến về các cuộc thương thuyết và cũng không hề được tham khảo trước về các điều khoản đã trao cho Hà Nội. Rồi Thiệu kết luận, giữa Washington và Sài Gòn đã có sự khác biệt nhau về căn bản. Thiệu chỉ chấp nhận thỏa ước hòa bình một khi bản thỏa ước ấy được Quốc Hội Miền Nam Việt Nam chấp nhận.

Phó Tổng Thống Hương nói với Haig, dân chúng Việt Nam luôn nhớ rằng những người cộng sản Việt Nam đã từng sát hại, ám sát và phản bội họ vào những năm 1945 và 1947. Gần hơn nữa, một lý do đưa đến việc lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm vào năm 1963 là có tin đồn hai ông Diệm Nhu muốn có những cuộc thương thuyết với cộng sản Hà Nội.

Haig đồng ý là giữa hai chính phủ có những cách nhìn khác nhau. Thế nhưng Hoa Kỳ phải đáp ứng một khi Hà Nội đưa ra những đề nghị mới.

Thiệu nói vắn tắt: “Cả hai chúng ta đều đứng trên bờ vực thẳm”.

Phiên họp chấm dứt sau câu nói ấy.

Sau khi nghe tường trình phiên họp, Kissinger đã yêu cầu Bunker đến gặp Thiệu và nói với Thiệu biết là Hoa Kỳ rất thất vọng về thái độ của ông ta. Thiệu không trao đổi gì với Kissinger thêm nữa và dàn xếp để có một cuộc họp mật riêng rẽ với Hà Nội vào ngày 8 tháng 10. Bunker yêu cầu Thiệu đừng tiết lộ những bất đồng giữa hai nước Đồng Minh trước công luận. Sau đó, Kissinger có hứa với

Thiệu, trong lần gặp gỡ với Hà Nội kế tiếp, ông ta sẽ có hứa với Thiệu, trong lần gặp gỡ với Hà Nội kế tiếp, ông ta sẽ đặt vấn đề một cách nghiêm túc với Bắc Việt là họ phải bảo đảm việc rút quân ra khỏi Lào, Cam Bốt và Miền Nam Việt Nam.

Việc đòi hỏi Hà Nội bảo đảm vấn đề rút quân mà Kissinger vừa nêu ra không đúng sự thật, và trong dự thảo trao cho Bắc Việt vào hồi đầu tháng 5 năm 1971 không có điều khoản nào nhằm đến việc buộc Bắc Việt phải rút quân. Cho dù điều Kissinger hứa có đúng chẳng nữa thì Thiệu vẫn nghĩ Kissinger gian dối.

Tổng Thống Nixon sau đó yêu cầu Ellsworth Bunker Cố Vấn cho Tổng Thống về cuộc thương thuyết. Kissinger cho rằng Washington không thể hủy bỏ các phiên họp mật và đồng thời, Hà Nội cũng muốn có các phiên họp mật với Hoa Kỳ. Do đó, hướng dẫn dư luận quần chúng Mỹ thuận chiều là điều quan trọng, không phải trong mùa bầu cử tháng 11, nhưng cho Nixon trong tương lai, về khả năng theo đuổi cuộc chiến.

Bunker gặp lại Thiệu ngày 5 tháng 10. Ông ta lập lại những điều Kissinger hứa về vấn đề Hà Nội rút quân và giải thích thêm, sự bất đồng một số vấn đề giữa Washington và Sài Gòn nếu công luận biết được, nhất là tại Hoa Kỳ, sẽ tạo việc thương thuyết trở nên khó khăn, và giảm đi sự kiên nhẫn của các thương thuyết gia Hoa Kỳ. Bunker cũng trình bày với Thiệu, vì muốn ủng hộ Miền Nam Việt Nam mà Nixon đã phải chịu đựng nhiều chỉ trích và Nixon cần có sự tiếp tay của Thiệu.

Một lần nữa, Thiệu lại hỏi Bunker tại sao Kissinger không chịu trao cho Hà Nội những phản đề nghị của Sài Gòn.

Bunker phải lập lại những điều mà Haig đã nói, đó là kỹ thuật để đẩy phía bên kia trở về thế phải tự vệ.

Thiệu đồng ý với Bunker là sẽ không bày tỏ sự bất đồng giữa hai bên trước công luận.

Một công điện của Tổng Thống Nixon, qua Bunker chuyển cho Tổng Thống Thiệu, qua đó Nixon bảo đảm với Thiệu không có một điều khoản nào, một sự thỏa thuận nào đạt với Hà Nội mà không thảo luận với Thiệu trước kể từ phiên họp tới tại Paris. Thiệu hài lòng về bức công điện ấy của Nixon.

Thiệu đã từng nói với các Tướng lãnh Tư Lệnh các Vùng Chiến Thuật là không phải sợ hãi khi một thỏa ước hòa bình đạt được. Dù tình huống diễn tiến ra sao, Miền Nam Việt Nam vẫn có đủ khả năng để đáp ứng.

Trả lời yêu cầu của Nixon về việc Bunker Cố Vấn cho Tổng Thống trong vấn đề thương thuyết, Ellsworth Bunker gửi cho Nixon một bản nghiên cứu trong đó có vấn đề của Miền Nam Việt Nam. Theo Bunker, có 5 vấn đề làm Thiệu lo ngại: Công thức ba thành phần Washington tiến quá nhanh trong vấn đề thương thuyết. Thiệu đã từng nghi ngờ nội dung và mục tiêu của các cuộc thương thuyết, gần đây qua sự kiện của Kissinger làm Thiệu e ngại hơn. Thiệu không tin tưởng những gì cộng sản nói với ông ta, Thiệu có cảm giác Washington không đặt chính phủ Thiệu ngang tầm trong vị trí thương thuyết với Hà Nội.

Sau đó Bunker đề nghị với Nixon, các cuộc họp nên diễn tiến từ từ để Miền Nam có đủ thời gian nghiên cứu những vấn đề và ngay cả phía Hoa Kỳ cũng có cơ hội nghiên cứu cần trọng hơn. Ellsworth Bunker nhận định, Hoa Kỳ

không thể buộc Miền Nam Việt Nam đồng ý hoàn toàn quan điểm với Hoa Kỳ thì trái lại, cũng không thể cưỡng bức Miền Nam phải chấp nhận những gì mà Hoa Kỳ đã đưa ra. Điều tốt nhất, Bunker giải thích với Nixon, hãy báo cho Thiệu và những Cố Vấn của ông ta biết những khó khăn mà Washington phải chọn những giải pháp như thế.

Kissinger sau đó rời Washington sang Paris để họp với Lê đức Thọ. Trong phiên họp này với phía Bắc Việt, Kissinger có chủ đích phải đạt cho được chung cuộc về thỏa ước để đặt Nixon vào tình huống không thể thay thế ông ta sau cuộc bầu cử sắp tới. “Nếu Kissinger là kiến trúc sư cho nền hòa bình tại Miền Nam thì Nixon trên phương vị chính trị không có lý do gì không dành cho Kissinger một vị trí xứng đáng trong chính phủ mới sau khi Nixon tái đắc cử” (Schecter, p 90)

Trong một bữa ăn trưa với các nhà báo thân cận, Kissinger cho biết, giữa ông và Nixon có cách nhìn khác biệt về Việt Nam. Nixon tin tưởng vào Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh, còn Kissinger thì không, vì nghĩ rằng, khi Quân Đội Hoa Kỳ rút đi, thì kế hoạch của ông sẽ tan vỡ. Khi Kế Hoạch Việt Nam Hòa Chiến Tranh gần hoàn tất trong năm 1972, thì cũng chính thời điểm ấy, Kissinger tỏ ra nhượng bộ, thỏa mãn nhiều đòi hỏi của Hà Nội, theo cách riêng và quyết định của ông.

Tin tưởng Miền Nam Việt Nam có đủ khả năng tự vệ để sống còn, Nixon muốn “thắng trong hòa bình”, trái lại Kissinger cho rằng người Việt Nam “ương ngạch, ngu xuẩn và đa nghi” cho nên Hoa Kỳ không có lợi lộc gì khi phải can dự vào cuộc xung đột ấy ngoại trừ tìm cách tháo chạy trong danh dự.

Nixon không hối hả để chấp nhận một giải pháp chấm dứt cuộc chiến, còn Kissinger thì vội vàng kể cả thỏa mãn những đòi hỏi của Hà Nội (Schechter, p 90-95).

Tiếp theo, Bunker chỉ nhận được hai công điện ngắn của Kissinger, báo cho biết là ông ta đã mất rất nhiều thời giờ để thảo luận với đại diện phía Hà Nội. Bức điện thư thứ nhất gửi đi từ Paris, yêu cầu Thiệu hãy cố gắng chiếm giữ lãnh thổ càng nhiều càng tốt. Công điện thứ hai, cho biết là phía Hà Nội có đưa ra một dự thảo mới, nhưng nội dung vẫn tương tự như lần trước, do đó không có gì phải trở ngại vì những vấn đề ấy đã thảo luận cả rồi.

Thiệu bị bệnh do phản ứng chích ngừa nên mãi đến 10 tháng 10 Bunker mới gặp lại được. Thiệu nói cho Bunker biết, qua các tài liệu của Việt cộng vừa tịch thu được cho thấy các lực lượng cộng quân đang chuẩn bị “một giải pháp” giống như Thiệu đã tiên đoán trước đó. Các cán bộ cộng sản được học tập sẽ có một chính phủ liên hiệp tại trung ương ở Miền Nam giữa chính phủ Sài Gòn và chính phủ cách mạng lâm thời hiện đang kiểm soát những vùng họ chiếm được. Quân đội Bắc Việt sẽ sát nhập vào quân đội của Mặt Trận Giải Phóng và được nguy trang xem như họ là những người ở Miền Nam Việt Nam. Không còn khả năng kêu gọi dân chúng Miền Nam Việt Nam đứng vào hàng ngũ quân đội của họ nên Bắc Việt phải dùng lực lượng quân sự trám vào, chuẩn bị cho thời cơ tương lai.

Một công điện ngắn khác gửi đi từ Paris, Kissinger cho biết phải kéo dài thêm phiên họp và các cuộc thương thuyết gần như đến chỗ hoàn tất. Sau đó Kissinger sẽ bay sang Sài Gòn để thảo luận cùng Thiệu. Tiếp theo,

Kissinger gửi điện văn cho Bunker, yêu cầu ông hỏi Thiệu suy nghĩ và tìm những ngôn ngữ chính trị nào để chấp nhận một giải pháp như thế và đồng thời lập lại yêu cầu Thiệu chỉ thị cho Quân Đội chiến đấu giành đất thật tối đa. Kissinger sẽ đến Sài Gòn ngày 18 tháng 10 năm 1972.

Sau đó Bunker gửi lại cho Kissinger đề nghị ông ta trước khi đến Sài Gòn, Kissinger hãy viết cho Thiệu, tường thuật những diễn tiến đã xảy ra trong các phiên họp vừa qua tại Paris, Bunker nói với Kissinger, sau 4 ngày họp mà chỉ thông báo cho biết những điều quá vắn tắt, mặc dù chưa nói là nghi ngờ, nhưng Thiệu vẫn không tin đó là hoàn toàn sự thật nội dung các phiên họp đã diễn ra.

Điện văn của Bunker được Kissinger trả lời một cách ngắn gọn: “Để chuẩn bị chuyển tiếp xúc giữa tôi và Thiệu, ông hãy cố gắng thuyết phục Thiệu hiểu, chúng ta không chấp nhận bất cứ hình thức chính trị nào nhằm lật đổ chính quyền của Thiệu, nhưng đồng thời, Thiệu cũng nên biết, ông ta không thể phủ quyết tất cả những gì mà chúng ta đã đạt được”.

Ngày 13 tháng 10, thêm nhiều chỉ thị của Kissinger gửi cho Bunker. Kissinger phải quay về Washington. Ông ta lưu ý cho Bunker giải pháp cuối cùng đạt được đòi hỏi Thiệu phải hy sinh nhiều hơn là những gì mà Haig đã nói 10 ngày trước đó. Tuy nhiên Thiệu hiểu được, ông ta cần có thái độ uyển chuyển để chấp nhận một giải pháp ngưng bắn tại chỗ, đổi lại sự đòi hỏi về mặt chính trị của Hà Nội. Thiệu nói, Nixon muốn tìm một giải pháp như vậy dù Thiệu đồng ý hay không. Hoa Kỳ không thể bán đứng Thiệu cũng như ông ta không thể quật ngã Hoa Kỳ được.

Kissinger cho Bunker biết, giải pháp tốt nhất là Bunker

thuyết phục Thiệu đồng ý trước khi Kissinger đến Sài Gòn sau một phiên họp nữa tại Paris với Hà Nội.

Ngày 13 tháng 10, dài hơn những ngày thường lệ, nhưng sự trao đổi giữa Kissinger và Bunker lại ngắn hơn mọi ngày. Kissinger yêu cầu Bunker thuyết phục Thiệu chuẩn bị chấp nhận sự phóng thích khoảng 10.000 người thuộc thành phần cảm tình viên hoặc cán bộ cộng sản trong số 30 ngàn tù hiện bị giam giữ. Kissinger cũng yêu cầu Bunker trình bày cho Thiệu rằng thời điểm hiện tại hoàn toàn khác so với thời 1968. Hoa Kỳ không bao giờ bỏ rơi Thiệu, người bỏ rơi Thiệu chính là ông ta. Trong giải pháp sắp tới, Thiệu vẫn là Tổng Thống của Miền Nam Việt Nam. Và ông ta chuẩn bị hợp tác “với cung cách như thế” và “chúng tôi uyển chuyển vừa phải về một cuộc ngưng bắn đã được dàn xếp”. Điện văn của Kissinger cũng yêu cầu Bunker hãy “tiếp xúc Thiệu càng sớm càng tốt và phúc trình về thái độ của Thiệu”.

Bunker gặp Thiệu vào ngày 14, thảo luận về vấn đề ngưng bắn, Thiệu cho Bunker biết ông ta đã ra lệnh cho Tướng Nguyễn Văn Minh ở Vùng III mở các cuộc hành quân chiếm đất giành dân. Nhưng Bunker chẳng thấy Minh thi hành. Bunker cũng trình bày với Thiệu biết, Hà Nội đồng ý giải pháp một cơ cấu hành chánh liên hiệp nhưng đó không phải là một chính phủ.

Trong ngày 16 tháng 10, Bunker định trao cho Thiệu một bản tóm lược về những điều khoản mà Kissinger đã đồng ý tại Paris. Thế nhưng trong ngày ấy và cả ngày hôm sau, phía Hoa Kỳ không thể gặp Thiệu. Ông ta, các Cố Vấn và Hội Đồng Nội Các đang có những phiên họp quan trọng riêng. Ellsworth Bunker chỉ còn chờ khi Kissinger đến.

Kissinger mang theo ông bản thảo thỏa ước đạt được hôm 17 tháng 10, căn bản dựa vào bản phản đề nghị mà Hoa Kỳ đã trao cho Hà Nội hôm 15 tháng 9 nhưng có hai điều không thay đổi đáng lưu ý, cả hai đều nằm trong điều 9.

Sau khi cuộc ngưng bắn được công bố, hai phía của Miền Nam Việt Nam (Sài Gòn và chính phủ cách mạng lâm thời) đồng ý hình thành một tổ chức để giám sát cuộc bầu cử. Tổ chức đó có danh xưng là hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia và sẽ bao gồm ba thành phần. Kissinger đưa ra điều này nhằm để thay thế cho một chính phủ liên hiệp. Và cũng trong điều này, không yêu cầu Thiệu phải từ chức Tổng Thống trước khi cuộc bầu cử được tổ chức.

Hai phía sẽ thảo luận và quyết định có hay không một hội đồng như thế ở cấp Tỉnh và Quận. Sài Gòn và các nhà lãnh đạo trong chính phủ cách mạng lâm thời cũng tổ chức các phiên họp để tìm ra những giải pháp nhằm giải quyết những xung đột tại Miền Nam Việt Nam và hội đồng quốc gia có nhiệm vụ thi hành các giải pháp ấy. Hoa Kỳ đưa ra điều kiện trên nhằm gạt bỏ ý đồ Hà Nội muốn xóa bỏ thể chế của chính phủ Sài Gòn.

Hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia như thế cũng làm tiêu tan giấc mơ về một chính phủ liên hiệp mà Hà Nội chủ tâm áp đặt, bởi lẽ chính quyền Miền Nam có quyền phủ quyết những điều họ không chấp nhận. Tham vọng của Hà Nội không thành. Việt Nam Cộng Hòa ở Sài Gòn vẫn tồn tại, vẫn còn hiến pháp, Quốc Hội, Tổng Thống, Tối Cao Pháp Viện, các đảng phái chính trị, Quân Đội nói chung vẫn nguyên vẹn.

Thế nhưng, Kissinger cũng đã nhượng bộ cho Hà Nội

một điểm khác. Trong phần điều chỉnh lần thứ hai, bản phản đề nghị dự thảo hôm 18 tháng 9, điểm 7 đề cập đến, có tính nguyên tắc, tất cả các lực lượng quân sự của các nước Đông Dương, phải giữ nguyên trong phạm vi lãnh thổ của mỗi nước. Điều này muốn ám chỉ buộc Hà Nội phải rút quân ra khỏi Miền Nam Việt Nam, Lào và Cam Bốt. Trái lại trong dự thảo thỏa ước chung cuộc hôm 17 tháng 10, nội dung vừa nói trên, không đề cập đến nữa. Chỉ ở điều 9 xác định hai phía Miền Nam Việt Nam tự giải quyết vấn đề quân sự tại Miền Nam trong tinh thần hòa giải quốc gia. Từng bước hai phía giảm quân số, giải ngũ bớt quân nhân. Không có khoản nào buộc Bắc Việt phải rút quân đội mà họ đã tràn qua giới tuyến 17 tấn công vào dịp Lễ Phục Sinh năm 1972 phải quay về Bắc Việt.

Điểm đáng lưu ý khác nữa, khi mang bản dự thảo chung cuộc đến Sài Gòn, Kissinger cũng không thuyết phục được Hà Nội chấp nhận điều VII hôm 15 tháng 9. Điều này nhằm cấm không cho các phía Miền Nam chấp nhận sự có mặt quân đội ngoại quốc, các cố vấn quân sự hay nhân viên quân sự. Trong điều XV nhằm tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương, trong dự thảo ngày 15 tháng 9 Kissinger xác định rõ là 4 nước Miền Nam, Miền Bắc Việt Nam, Lào và Cam Bốt, nhưng dự thảo chung cuộc chỉ nói Việt Nam, Lào và Cam Bốt. Điều đó có nghĩa là Hà Nội vẫn có thể can dự vào Miền Nam Việt Nam mà được xem không có vi phạm bởi bất cứ sự ràng buộc nào.

Tuy nhiên, trong dự thảo chung cuộc có đề cập đến trong điều IX quyền tự quyết của dân chúng Miền Nam Việt Nam và điều X xác định Bắc Việt không thể thống nhất Việt Nam

theo thể chế của họ qua cách xâm chiếm hay qua bạo lực. Cũng cấm họ sử dụng lãnh thổ Lào và Cam Bốt.

Kissinger nghĩ rằng đó là dự thảo chung cuộc cuối cùng mà Hà Nội sẽ ký sau khi thuyết phục Thiệu chấp nhận các điều khoản trong dự thảo chung cuộc nói trên. Hà Nội được xem như là đại diện chánh thống của người Việt để Hoa Kỳ phải thương thuyết, một sự lầm lẫn nghiêm trọng không chỉ ảnh hưởng cho cá nhân Thiệu mà là cho tất cả những người Mỹ và dân chúng Miền Nam Việt Nam đã từng phải đổ xương máu và hy sinh để chống lại sự xâm lăng của Bắc Việt.

Với tất cả những điều khoản vừa sáng tỏ vừa mập mờ ấy, Bunker nghĩ rằng, mục đích của Kissinger thương lượng nhằm để Hoa Kỳ đạt được sự thỏa thuận trên những căn bản chính. Tù binh Mỹ được trở về nhà, trong khi đó Hoa Kỳ đã buộc được Hà Nội về hình thức phải tôn trọng Miền Nam Việt Nam là một thực thể không phủ nhận được. Chính quyền hợp pháp Miền Nam không bị lật đổ bằng bạo lực. Sự can dự quân sự của Hoa Kỳ là chính đáng. Bunker không tỏ ra nghi ngờ sự thiếu thận trọng của Kissinger nếu không muốn nói là ngưỡng mộ ông ta.

Ellsworth Bunker đánh giá Kissinger là một trong vài người Mỹ đã theo đuổi để thực hiện và hoàn tất mục tiêu của Hoa Kỳ trong việc chặn đứng sự xâm lăng của cộng sản Bắc Việt tại Miền Nam Việt Nam. Cũng theo Bunker, ông ta chưa hề khám phá sự thiếu tin tưởng về Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh của Kissinger cũng như Kissinger chưa lần nào bày tỏ rằng ông ta không thiện cảm với người Việt Nam.

Những có một điều, bởi vì quân đội của Hà Nội vẫn

còn ở Miền Nam do đó hiệp ước hòa bình tự nó đã nói lên là nền hòa bình đó sẽ không thể tồn tại lâu dài được.

Sau khi bản hiệp ước được ký kết, lực lượng quân sự còn non yếu của Sài Gòn phải tự đương đầu với các sự vi phạm mà chính cộng sản đã thừa nhận trước đó. Hoa Kỳ quay lưng, mọi sự giúp đỡ chấm dứt. Kissinger đã thương thuyết để chỉ đạt được một nền hòa bình đến như vậy.

Giải thích tại sao ông ta lại nhượng bộ ở điểm căn bản sống chết trên, Kissinger nói với Bunker, chỉ có cách như thế thì mới đạt được bản thỏa hiệp chung cuộc. Ông ta tin rằng dân chúng Hoa Kỳ đã quá mệt mỏi, vì vậy muốn đầu hàng các đòi hỏi của Hà Nội về việc quân đội của họ được ở lại Miền Nam Việt Nam. Kissinger cũng bày tỏ lần nữa ý kiến trên trong cuốn hồi ký của ông (trang 1354).

Thời gian ấy, xem bản thỏa ước chung cuộc dự thảo mà Kissinger mang từ Paris về, Nixon cũng có nhận định tương tự, một kết quả thỏa đáng, qua đó thiện chí của Hoa Kỳ đã được xác định, các điều khoản hòa bình đã minh thị rõ ràng. So với các hiệp ước khác mà Hà Nội đã từng ký kết trước đây như hiệp định Geneva 1954 với người Pháp, 1962 về Lào, không có những điều khoản rõ ràng như năm 1972.

Kissinger khi đến Sài Gòn đã bày tỏ ông ta là kẻ cô đơn và quá mệt mỏi những điều ông cố gắng đạt với phía Hà Nội đã bị chỉ trích. Mặc dù có những điều chỉ trích như thế, nhưng trước những hiện tượng giới trẻ và giới trí thức của Hoa Kỳ luôn luôn bày tỏ sự phẫn nộ về chiến tranh, một cách thành thật Ellsworth Bunker vẫn quý trọng những cố gắng hết lòng của Kissinger để đạt được thỏa ước chung cuộc này.

Bunker và người bạn Đồng Minh Miền Nam Việt Nam lại có những bất đồng nghiêm trọng qua thỏa ước cuối cùng mà Kissinger đã đạt được tại Paris. Điều mà Thiệu luôn luôn quan tâm là Washington đã cho phép Hà Nội lưu giữ quân đội của họ tại Miền Nam Việt Nam, đã trở nên không thể phủ nhận. Hoa Kỳ đã không hề tham khảo gì với chính phủ của ông trước khi đạt được thỏa ước với Hà Nội như Tổng Thống Nixon đã từng hứa hẹn. Thiệu khám phá có nhiều thay đổi trong bản dự thảo cuối vào ngày 17 tháng 10.

Kissinger và Bunker họp với Thiệu cùng Hội Đồng An Ninh Quốc Gia vào ngày 19 tháng 10 để trình bày bản dự thảo hiệp định. Tổng Thống Nixon đã gửi cho Thiệu một lá thư nói là Kissinger đại diện cho ông. Cẩn thận hơn nữa, để tái xác định bảo đảm Miền Nam Việt Nam, Tướng Abrams, lúc này là Tham Mưu Trưởng Lục Quân, bay sang Sài Gòn để thảo luận kế hoạch viện trợ ồ ạt vũ khí và tiếp liệu trước khi lệnh ngưng bắn có hiệu lực.

Kissinger trình bày, mục tiêu của ông ta không nhằm vào việc giúp cho Tổng Thống Nixon tái đắc cử, nhưng là nhằm ngăn chặn việc Hà Nội đưa ra chiêu bài hòa bình để tuyên truyền mà qua ngôn ngữ của họ, phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ có thể tận dụng để áp lực chính phủ ngưng hỗ trợ cuộc chiến cho Miền Nam Việt Nam.

Kissinger nhấn mạnh, qua hiệp định này, Thiệu không phải buộc từ chức. Hội đồng hòa giải quốc gia không phải là có thực quyền, chỉ có thỏa mãn yêu cầu về mặt quân sự của Hà Nội là không rút quân. Thế nhưng chung cuộc của hiệp định không phải nằm ở chỗ đó mà nhằm vào bề gãy mọi tham vọng của Bắc Việt. Kissinger kết luận, vì

thể hiệp ước này tạo sự ngộ nhận, xoa dịu mặt tình cảm của phong trào phản chiến Mỹ gây điều kiện thuận lợi trong việc Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ Miền Nam.

Sau đó, Thiệu tuyên bố trước công luận, ông ta không phải là lực cản của hòa bình mặc dù hiệp định này có vài điều khoản không thỏa đáng nhưng ông ta vẫn chấp nhận.

Kissinger muốn ở lại Sài Gòn thêm ba ngày để chờ đợi Thiệu sửa đổi, thảo luận về bản thảo chung cuộc của hiệp định.

Thiệu bình thản, đọc, sửa chữa và trầm tĩnh. Ông ta hỏi Kissinger: “Hà Nội dự phóng ra sao về bản hiệp định này? Liệu Tổng Thống Nixon cần bản hiệp định này trong cuộc tái tranh cử của ông ta?” Rồi sau đó Thiệu hỏi Kissinger trao cho ông một bản thảo hiệp định bằng tiếng Việt. Kissinger không có và hứa là sẽ dịch ngay ra bản Việt ngữ sau này.

Cũng ngày hôm đó, Hà Nội báo cho Kissinger biết họ đồng ý điều VII, cấm bổ sung quân số của họ tại Miền Nam Việt Nam.

Hai phía Washington và Sài Gòn gặp nhau trở lại vào sau giờ ăn trưa. Thiệu và những Cố Vấn của ông đặt câu hỏi. Đặc biệt Thiệu muốn biết hiệp định này có cần cho Nixon trong vấn đề tái tranh cử hay không. Họ muốn biết Hoa Kỳ trong tương lai sẽ phản ứng ra sao một khi Hà Nội vi phạm hiệp định, tại sao trong hiệp định không xác định có 4 quốc gia Đông Dương bao gồm cả Miền Nam Việt Nam?

Kissinger trả lời lập lờ, sự sơ xuất không ghi Miền Nam Việt Nam là một quốc gia độc lập, đó là lỗi duy nhất trong toàn bộ thỏa ước này, và ông biết, chính vì

thế mà Thiệu và các Cố Vấn đã có ấn tượng cho rằng Kissinger nhượng bộ để Hà Nội toàn quyền giải quyết trong vấn đề Việt Nam.

Sáng ngày hôm sau, Bộ Tham Mưu của Thiệu yêu cầu Kissinger bắt buộc Hà Nội phải thay 23 điểm trong toàn bộ bản thảo của hiệp định. Họ muốn quân đội chính quy và địa phương của Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam song song với sự rút quân của Hoa Kỳ. Hà Nội phải hủy bỏ các căn cứ đóng quân ở Miền Nam như người Mỹ đã làm. Miền Nam cũng như Miền Bắc không được nhận viện trợ quân sự từ nước ngoài. Hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia bao gồm hai phía thay vì là 3. Không chấp nhận một điểm ở điều IX chỉ bắt buộc Miền Nam Việt Nam phải giải ngũ dần dần Quân Đội mà điều này không bắt buộc ở Miền Bắc. Việc triệt thoái quân đội và hủy bỏ các căn cứ quân sự của Hà Nội phải được một ủy ban quốc tế giám sát. Và cuối cùng, thay đổi 4 quốc gia Đồng Dương thay vì 3.

Kissinger từ chối cho là không thể nào đạt được trong vấn đề yêu cầu Hà Nội rút quân vì thế ông chấp nhận để quân Bắc Việt được ở lại Miền Nam, sát nhập và đồng hóa với quân của chính phủ cách mạng lâm thời.

Phía Thiệu đã không hợp với Kissinger chiều hôm ấy mặc cho cuộc bầu cử tại Mỹ đã cận kề. Những giờ căng thẳng ấy, Bunker yên lặng, không biện minh trước thái độ phản đối của Thiệu.

Tối hôm ấy, Thiệu gọi điện thoại cho Ellsworth Bunker tại tư thất của ông. Với thái độ bức dọc, hằn học, Thiệu chỉ trích Phái Đoàn Kissinger, cả Tòa Đại Sứ và luôn cả Phái Đoàn của Haig trong chuyến đến Sài Gòn ba tuần lễ

trước đó, đã tiết lộ nhiều chi tiết liên quan đến bản thảo của hiệp định với một số chính trị gia tại Sài Gòn.

Sáng chủ nhật tiếp theo, Kissinger và Bunker họp với Thiệu lần cuối vào lúc 8 giờ. Vấn thái độ hằn học như tối hôm trước, Thiệu ngồi trên thành chiếc ghế của ông, và nói bằng tiếng Việt. Nhả thông dịch. Thế nhưng Thiệu lại dịu giọng khi nghe hai bên thảo luận. Cả Bunker và Kissinger không ngờ thái độ ấy lại xảy ra.

Kissinger bắt đầu bằng sự giải thích là Hoa Kỳ không muốn thay thế Thiệu và với tư cách đại diện cho Tổng Thống Hoa Kỳ, Kissinger không hài lòng về sự cư xử mà Thiệu đã dành cho ông ta suốt mấy ngày vừa qua. Ông ta đọc lại văn thư mà Nixon gửi cho Thiệu, xác định dưới quan điểm của Nixon, bản dự thảo hiệp định này đã chứa đựng những điều khoản tốt nhất mà hai quốc gia có thể chấp nhận được. Kissinger nói tiếp, ông ta phải tiến bước trước, đưa ra những điều kiện mà Hà Nội sẽ đưa ra, kể cả việc ông đã chuẩn bị thời gian ký kết hiệp định. Bây giờ chỉ còn hai vấn đề, thay đổi chút ít sao cho Hà Nội chấp nhận hiệp định hoặc ông trở về Washington tay không và ngồi chờ Bắc Việt đưa ra trước công luận bản dự thảo hiệp định theo ý họ.

Thiệu đáp lại, cộng sản địa phương đã học tập bản hiệp định đó rồi, các chính trị gia đối lập cũng đã phân tích và phê phán từng điểm của hiệp định ấy. Kể cả thủ tướng Hà Nội là Phạm Văn Đồng, trả lời cuộc phỏng vấn gần nhất của tờ *Newsweek* cũng đã mô tả Thiệu là đòi hỏi quá nhiều và hội đồng hòa giải quốc gia bao gồm ba thành phần chuyển tiếp. Đồng trả lời với tư cách là kẻ đã chiến thắng.

Thiệu nói với phía Hoa Kỳ về quan điểm của Hội Đồng

An Ninh Quốc Gia Miền Nam. Có hai điểm mà chính phủ của ông không thể chấp nhận được: Quân đội Bắc Việt ở lại Miền Nam và 3 thành phần chính trị ở hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia. Thiệu chấp nhận mục tiêu của hội đồng này nhưng không đồng ý ba thành phần vì đó là sự sống còn của Miền Nam Việt Nam.

Kissinger trả lời: Thiệu có thể thương thuyết với Bắc Việt một khi Quân Đội Miền Nam Việt Nam có khả năng đánh thắng họ. Mặt khác, hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia thực tiễn là không có thực quyền. Ông ta đã thuyết phục được Hà Nội phải tôn trọng sự tự do của Cam Bốt là một thắng lợi đối với Sài Gòn. Kissinger tiếp, ông e ngại một khi bản dự thảo hiệp định này phổ biến trước công luận mà Sài Gòn phủ nhận sẽ là nguyên nhân để Quốc Hội Hoa Kỳ cắt đứt mọi viện trợ cho Miền Nam Việt Nam. Kissinger nhấn mạnh, Miền Nam Việt Nam đã thắng nhưng Thiệu thì xem như thể Miền Nam Việt Nam đã thất bại.

Thiệu nói với Kissinger cần tham khảo với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia của ông trở lại. Thiệu không bảo đảm ông có đồng ý bản thảo hiệp định này hay không, mọi việc còn tùy thuộc ở Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Kissinger nêu ra một ý kiến mới để xoa dịu. Mặc dù không thể buộc Hà Nội phải rút quân, nhưng Hoa Kỳ sẽ tuyên bố, xác định chính phủ Sài Gòn là chính phủ duy nhất đại diện cho dân chúng tại Miền Nam Việt Nam. Đồng thời sau khi hiệp định ký kết, Nixon mời Thiệu chính thức thăm viếng Hoa Kỳ.

Cả hai bên đồng ý họp trở lại vào cuối ngày, lúc 5 giờ chiều, sau khi Kissinger bay đi Nam Vang họp với các nhà lãnh đạo Cam Bốt về hiệp định này.

Tại Tòa Đại Sứ, Bunker đã tường trình về Washington, Hà Nội đã mở ra các cuộc tấn công cấp nhỏ để chiếm đất dành dân trước khi hiệp định ký kết, nhưng đã bị Quân Đội Miền Nam đánh bại.

Khởi đầu phiên họp kế tiếp, Thiệu yêu cầu sửa đổi một số ngôn từ về hội đồng hòa hợp hòa giải và đòi hỏi các đơn vị quân sự Bắc Việt ít nhất là lực lượng quân sự Bắc Việt ở vùng giới tuyến phải rút về phía bên kia vùng phi quân sự như trước khi cuộc thương thuyết tại hòa đàm Paris năm 1968 bắt đầu.

Kissinger giải thích, ông ta có thể trở về Washington mà không đạt được sự thỏa thuận của Sài Gòn, lẽ tất nhiên thời gian ký kết hiệp định phải trì hoãn lại. Thế nhưng cuối cùng Washington cũng phải chấp nhận những gì đã được thảo luận và đồng ý tại Paris với phía bên kia.

Kỹ thuật ngoại giao của Kissinger không khác gì đặt khẩu súng vào đầu Thiệu: Phải ký cho dù với một hiệp định tồi tệ hoặc trở thành người ngăn cản của hòa bình, mục tiêu để phong trào phản chiến ở Mỹ nguyên rủa.

Để đạt được thỏa thuận với Hà Nội, theo quan điểm riêng của ông, Kissinger đã dối trá cả Nixon lẫn Thiệu, đặt hai người này vào tình huống sự đã rồi. Xét một cách nghiêm chỉnh, Kissinger không cần phải ứng dụng thủ đoạn thiếu minh bạch ấy cho cả Nixon và Thiệu. Khi Hà Nội đưa ra dự thảo chung cuộc có nhiều điều uyển chuyển tại Paris vào hôm 8 tháng 10 năm 1972 Kissinger có cơ hội nắm bắt ngay những điều kiện ấy, chỉ cần bổ túc thêm, sau khi tham khảo với Thiệu và thảo luận thận trọng với vị Tổng Thống của ông.

Trả lời áp lực ngoại giao của Kissinger đè nặng lên ông,

Thiệu bầy tỏ dứt khoát: “Chúng tôi cảm thấy vì tin nơi ông mà chúng tôi bị phản bội. Dự thảo hiệp định này còn tồi tệ hơn là hiệp định Geneva 1954 bởi vì giờ đây Hoa Kỳ chỉ xem có ba nước Đông Dương chứ không còn là bốn. Do đó Miền Nam Việt Nam sẽ đổ sụp”.

“Tôi có lý, Thiệu tiếp, đã dự đoán là ông sẽ bị mù quáng trước Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa. Ông đã nối dài sự hiện hữu của Bắc Việt đến cả Miền Nam Việt Nam. Dân chúng Miền Nam sẽ nghĩ rằng họ đã bị bán đứng và thực tiễn, Bắc Việt là kẻ thắng trận. Ông kể lại với tôi, Lê Đức Thọ đã tuôn trào nước mắt tại bàn hội nghị Paris, nhưng dân chúng Miền Nam đã phải hy sinh, đã phải chết, bởi những dòng nước mắt gian dối ấy”.

Thiệu cho Kissinger biết, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia của ông đã đặt ra ba điều kiện:

- Hiệp định phải xác định có hai nước Việt Nam với vĩ tuyến 17 là ranh giới phân chia giữa hai Miền Nam và Bắc.
- Thứ hai, tất cả các lực lượng quân sự Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam.
- Thứ ba, hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia không mang tư cách pháp lý như một bộ phận của chính quyền.

Nếu Hoa Kỳ muốn bỏ rơi Miền Nam Việt Nam thì đó là quyền của các ông”, Thiệu tiếp.

Ông ta kết luận, ông cảm thấy đã bị người bạn Hoa Kỳ bỏ rơi kể từ khi họ yêu cầu ông phải từ chức (liên hệ trong một phản đề nghị thực hiện một cuộc bầu cử Tổng Thống mới). Và điều đình với ông về thời gian ông phải thi hành. “Là một Quân Nhân, tôi phải tiếp tục chiến đấu, bất kể số phận tôi ra sao”.

Rõ ràng hơn, Thiệu phản đối bản dự thảo của Kissinger.

Sau này, Thiệu hồi tưởng lại, “Kissinger đến với tôi không phải là người bạn chiến đấu mà là để phục vụ mục tiêu của Bắc Việt, Kissinger đã để lại trong tôi ấn tượng là ông ta đại diện cho Hà Nội, không phải cho Hoa Kỳ”. “Tôi thật sự không hiểu Kissinger đã phục vụ cho ai? Cho chúng ta hay cho Bắc Việt ?” (Schechter, trang 104).

Tại Sài Gòn, sự bất đồng giữa hai nước Đồng Minh vẫn tiếp tục. Thiệu càng nghi ngờ Kissinger. Sự nghi ngờ ấy Thiệu đã bày tỏ qua bài diễn văn của ông, cho rằng, hậu quả của việc ra lệnh phong tỏa mìn ở các Cảng Bắc Việt ảnh hưởng xấu đến tương lai chính trị, nên Nixon đã có những nhượng bộ trong lần viếng thăm Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa. Sự nghi ngờ ấy đã làm cho Kissinger thêm tức giận Thiệu.

Thực ra Phái Đoàn Nixon trong hai lần thăm viếng ấy đã yêu cầu hai nước cộng sản đàn anh của Hà Nội áp lực Hà Nội phải chấp nhận những điều khoản chung cuộc của hòa đàm, trong đó bảo đảm những nguyên tắc chung sự liên hệ giữa Hoa Kỳ và Miền Nam Việt Nam.

Thiệu chỉ có một sai lầm nhưng Tổng Thống Nixon thì sai lầm nhiều hơn. Không có người Hoa Kỳ nào hiểu được sự phản đối của Thiệu xuất phát từ việc Kissinger muốn áp đặt vị trí của ông ta, cho phép Bắc Việt được đóng quân đội của họ tại Miền Nam Việt Nam và muốn bán đứng Thiệu với cái giá rẻ mạt.

Vấn đề gì sẽ xảy ra giữa hai nước trong mục tiêu chiến lược lâu dài? Làm thế nào Nixon có thể thuyết phục với Quốc Hội hỗ trợ chính sách của ông ta trong khi quan hệ giữa hai nước có những bất đồng sâu sắc? Kissinger chỉ nghĩ rằng áp lực đã buộc Thiệu nhận từ chức mà ông

đã đề nghị hôm tháng giêng sẽ thỏa mãn được Quốc Hội Hoa Kỳ vào năm ấy. Từ đó, kế hoạch của Kissinger chỉ nghĩ đến cách dàn xếp sau khi buộc Thiệu từ chức, Miền Nam phải giải quyết thế nào để ổn thỏa.

Mặc dù thế, Thiệu vẫn bày tỏ đồng tình với đường lối của Nixon. Thiệu biết, Tổng Thống Hoa Kỳ phải hành xử những điều có lợi cho đất nước Hoa Kỳ cũng như Thiệu có những hành động các riêng cho xứ sở của ông.

“Tôi bị giới truyền thông báo chí Mỹ xuyên tạc như thể là một chương ngại của hòa bình. Tôi phủ nhận điều đó”. Thiệu tiếp, “Nếu Hoa Kỳ nhân danh cả Sài Gòn để thương thuyết thì tại sao Kissinger không thúc đẩy Hà Nội thương thuyết trực tiếp với Sài Gòn? Chúng tôi hoan nghênh một cuộc thảo luận như thế trong tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc”.

Trước khi trở về Washington để tìm cách chặn đứng sự tiết lộ bản dự thảo hiệp định ra ngoài công luận, Kissinger muốn gặp Thiệu lần chót vào buổi sáng hôm sau. Ông ta tiếp, Hoa Kỳ đã bỏ ra 4 năm, đã tốn tiền của để vận động thế giới chỉ để ủng hộ chính sách duy nhất của Hoa Kỳ là bảo vệ một quốc gia. Thế nhưng, Kissinger tiếp, sau 4 ngày họp, chúng ta vẫn chưa đồng ý một giải pháp nào. Thiệu đáp lại, có lẽ hai chúng ta có cách nhìn khác biệt cùng một vấn đề. Hãy để tôi hỏi ông, Thiệu tiếp, nếu ông là một người Việt Nam, thực tiễn là hiệp định Geneva không được Bắc Việt tôn trọng, thế mà ông đã chấp thuận cho từ 2 đến 3 trăm ngàn quân cộng sản Bắc Việt trú đóng tại Miền Nam Việt Nam, và một hội đồng hòa giải quốc gia bao gồm ba thành phần, thì liệu ông có chấp nhận được không? Nếu chấp nhận

một giải pháp như vậy, đồng nghĩa là chúng ta tự hủy diệt, chúng tôi tự sát.

Phiên họp kết thúc tại đó.

Sáng ngày hôm sau, 8 giờ sáng, Kissinger và Bunker lại họp với Thiệu. Kissinger nói, Tổng Thống Nixon đã nhận đầy đủ bản tường trình về quan điểm của Thiệu, và không hoàn toàn đồng ý một số điều mà Thiệu đã nêu ra. Chẳng hạn, bất cứ diễn tiến nào tại hòa đàm xảy ra, Thiệu đều biết và được tham khảo, ngoại trừ trong phiên họp 15 tháng 9, vì cần trả lời gấp nên Kissinger đã không kịp tham khảo Thiệu. Bây giờ sự bất đồng của hai phía cần giữ kín nếu Hà Nội công bố bản dự thảo đó mặc dù phía Hoa Kỳ chưa hoàn toàn đồng ý. Kissinger sẽ hủy bỏ chuyến đi Hà Nội và yêu cầu gặp tại Paris để tìm cách thay đổi nội dung một số điểm của bản dự thảo hiệp định trên.

Thiệu cho biết, sẽ không đưa ra trước công luận bất cứ sự bất đồng nào giữa Tổng Thống Nixon và ông, thế nhưng Thiệu bày tỏ trước công chúng quan điểm của Thiệu với Kissinger về các phiên họp vừa qua.

Kissinger nói với giọng hằn học: “Ông nên hiểu và hình dung khó khăn đến mức nào, một cá nhân phải đương đầu với ba trăm ngàn người xuống đường biểu tình đả đảo, một số lượng đông đảo tại Quốc Hội chống đối, và một rừng báo chí truyền thông luôn luôn chỉ trích. Chính vì lẽ đó mà ngày hôm qua tôi đã trình bày với ông những lý do mà tôi phải chọn. Tất nhiên, đồng ý hay không là quyền của ông”.

Thiệu đáp lại, sau 15 năm chiến đấu, đó không phải là nhiều để chỉ đòi hỏi có hai điều thay đổi. “Nếu bị buộc phải chấp nhận, tôi cảm thấy tôi đã bị áp lực từ Bắc Việt.

Nếu mục tiêu của Hoa Kỳ là muốn giúp Miền Nam Việt Nam thì nên thay đổi hai điều như chúng tôi đã nêu ra”.

Ông ta yêu cầu Kissinger tường trình với Tổng Thống Nixon về ba điểm mà

Sài Gòn đã nêu ra:

1. - Tính chất hợp pháp của giới tuyến 17 chia đôi hai miền.

2. - Hội đồng hòa giải hòa hợp quốc gia không phải bao gồm ba thành phần. 3. - Tình trạng của lực lượng quân sự Bắc Việt tại Miền Nam Việt Nam sẽ phải rút về.

Thiệu tiếp, luôn luôn tìm mọi cách để Hoa Kỳ hỗ trợ cho dân chúng Miền Nam Việt Nam, vì vậy, nếu ông là một trở ngại cho nỗ lực đó thì ông sẽ từ chức.

Kissinger trả lời, Sài Gòn phản đối hội đồng hòa giải hòa hợp quốc gia như một “cơ cấu hành chánh”, Kissinger thực ra không thể phán đoán theo ngôn ngữ Việt Nam quan trọng đến mức nào, nhưng theo Kissinger thì nó chẳng mang một ý nghĩa nào sâu xa cả. (Phía Miền Nam Việt Nam nêu vấn đề hội đồng hòa giải hòa hợp quốc gia có được xác định như một cơ cấu hành chánh hay cơ cấu chính quyền. Sau đó Hà Nội diễn giải hội đồng này dưới hình thức như một chính quyền).

Kissinger tiếp, theo ông, vấn đề quan trọng không phải ở chỗ đòi hỏi Hà Nội xác định rõ ngôn ngữ ở hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia hay quân Bắc Việt phải rời khỏi Vùng I Chiến Thuật mà ở điểm, nếu chiến tranh cứ kéo dài như mức độ hiện tại thì trong vòng 6 tháng nữa, mọi viện trợ của Hoa Kỳ chấm dứt.

Kissinger đưa ra điều này để đe dọa Thiệu và ông ta tiếp, tôi nghĩ, chúng ta là những người chiến thắng. Nếu

hai chúng ta cứ tiếp tục đối đầu, Kissinger nói với Thiệu, ông có thể thắng, nhưng cả hai chúng ta đều là những người bị thua vào chung cuộc.

Thiệu đồng ý lời tiên đoán của Kissinger là dân chúng Mỹ sẽ có những phản ứng mạnh mẽ nếu cuộc chiến tranh cứ tiếp tục kéo dài quá 6 tháng nữa. Và Thiệu cũng phân vân, phải giải thích ra sao để dân chúng Miền Nam Việt Nam hiểu được những khó khăn mà chính phủ của ông phải trực diện. Thiệu đề nghị với Kissinger, hãy thúc bách Mạc Tư Khoa lẫn Bắc Kinh áp lực với Hà Nội.

Kissinger trả lời, chúng ta phải chủ động các sự kiện diễn tiến. Ông sẽ tổ chức một cuộc họp báo và yêu cầu Hà Nội phải thay đổi một số điểm. Ông ta không có ý định yêu cầu Thiệu phải từ chức nhưng nếu Thiệu là trở ngại của hòa bình thì Washington không thể tiếp tục ủng hộ.

Thiệu không muốn đối đầu với Hoa Kỳ như trường hợp hòa đàm Paris khởi đầu vào tháng 11 năm 1968. Thế nhưng nếu hiệp định chung cuộc không chứa đựng những điều khoản quan trọng mà ông đã nêu ra thì tinh thần của Quân Đội cũng như của dân chúng Miền Nam Việt Nam sẽ sụp đổ.

Kissinger rời Sài Gòn về lại Washington ngày 24 tháng 10 và yêu cầu Bunker tiếp tục áp lực Thiệu. Ông ta nói, Thiệu nên hiểu rằng, phải chấp nhận dự thảo cuối cùng ấy hay phải trực diện với việc Quốc Hội Hoa Kỳ cắt mọi viện trợ.

Mạc Tư Khoa vừa cho Kissinger biết trong cuộc hòa đàm kế tiếp, ông ta nên họp tại Hà Nội tốt hơn là tại Paris, Kissinger liền gọi cho Bunker, yêu cầu ông cố vấn cho vấn đề này. Nếu Kissinger đi Hà Nội thì phía Miền Nam Việt Nam sẽ phản ứng ra sao?

Bunker đề nghị không nên họp tại Hà Nội. Thiệu vẫn nghĩ rằng Kissinger đã nhượng bộ quá nhiều cho Hà Nội, và chuyến đi này nếu xảy ra sẽ chứng tỏ điều ấy, đồng thời thể hiện Kissinger đã làm như Mc Govern nói, đi Hà Nội để xin xỏ họ thả tù binh Mỹ trở về. Nếu Hà Nội có ý thay đổi mới thì Bắc Việt nên đến Paris tốt hơn là họp ngay tại thủ đô của họ.

Cuối cùng, Bunker cũng khuyến cáo nếu thấy Hà Nội có những chuyển đổi nhanh chóng hơn thì Kissinger đừng bỏ lỡ cơ hội đó, vẫn là vẫn đi Hà Nội.

Ngày 25 tháng 10, Kissinger báo cho Bunker biết, ông ta theo lời cố vấn của Bunker, không đi Hà Nội. Ông ta cố gắng họp với phía Bắc Việt vào ngày 29 tháng 10, Kissinger cũng muốn Bunker lập lại cho Thiệu nhớ, không có một triển vọng nào còn tiếp tục viện trợ cho Miền Nam Việt Nam nếu các cuộc thương thuyết bị đổ vỡ do Thiệu gây nên.

Theo chỉ thị của Nixon, Bunker tiếp xúc với Thiệu hàng ngày để tìm cách giải quyết những bất đồng giữa Thiệu và Hoa Kỳ. Kissinger muốn phủ nhận tất cả những đòi hỏi của Thiệu nhưng tránh đưa ra trước công luận cho đến sau cuộc bầu cử ngày 7 tháng 11. Bầu cử qua, Kissinger báo cho Thiệu biết, hoặc ông phải nhận những điều kiện do Hà Nội đưa ra hoặc là Hoa Kỳ sẽ chấp nhận riêng với Hà Nội.

Ngày 26 tháng 10, Hà Nội đã công bố bản dự thảo chung cuộc của hiệp định với những nhượng bộ của Hoa Kỳ mà Kissinger tuyên bố trong một cuộc họp báo cho rằng: “Hòa bình đang ở trong tầm tay”. Thật vậy, ba tháng sau, bản hiệp định đó đã được ký kết.

Hiệp định hòa bình Paris được ký vào ngày 23 tháng 1 năm 1973. Hội đồng hòa giải hòa hợp không bao gồm ba thành phần và cũng không được xem là một “cơ cấu hành chánh”. Lằn ranh giới tuyến 17 hình thành theo hiệp định Geneva phân chia hai miền được tái xác định. Cũng không đề cập Đông Dương chỉ bao gồm 3 quốc gia. Việc thâm nhập quân Bắc Việt vào Miền Nam được ngăn cấm.

Thiệu không buộc được quân Bắc Việt phải rút ra khỏi Miền Nam nhưng được phép nhận viện trợ từ phía Hoa Kỳ. Nhưng điều quan trọng hơn cả là Thiệu nhận được lời bảo đảm và cam kết của chính Tổng Thống Nixon viết, Hoa Kỳ sẽ trả đũa mạnh mẽ một khi Hà Nội vi phạm hiệp định.

Một lần nữa, trước ngày bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, Thiệu lại từ chối những gì Hoa Kỳ đã đạt tại bàn thương thuyết mặc dù lần này phản ứng của Thiệu không mạnh mẽ và cứng rắn như lần trước. Những áp lực và đe dọa của Kissinger đã không khuất phục được Thiệu. Thiệu là người yêu nước hơn Kissinger tưởng.

Để được ngồi lại chức vụ Tổng Thống Miền Nam Việt Nam sau khi cuộc ngưng bắn đã được ký kết là cây củ cải đường mà Kissinger trao cho Thiệu. Đối với Thiệu, không quan trọng hơn cả là việc Hà Nội phải rút quân đội của họ ra khỏi Miền Nam Việt Nam và không chấp nhận một chính phủ liên hiệp hiện hữu tại Miền Nam.

Cũng giống như năm 1968, Bunker lại vội vàng san bằng sự bất đồng giữa Washington và Sài Gòn và đề nghị Thiệu, lợi ích thiết thực nhất cho Miền Nam là nên dung hòa những đòi hỏi của ông với Hoa Kỳ để đưa ra những phản đề nghị cuối cùng cho Hà Nội.

Bunker không muốn đẩy Thiệu vào chỗ tuyệt vọng. Nhưng tự sát để đất nước được tồn tại, đó là cách chọn lựa của những người Việt Nam yêu nước. Thủ Tướng Khiêm sau này có trao cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cuốn băng mà Khiêm đã ghi âm cuộc đối thoại giữa ông và Thiệu. Qua đó, Thiệu bày tỏ với Khiêm, ông muốn trở thành một Phan Thanh Giản.

Nhưng rồi vào cuối tháng 10 năm 1972, mọi việc cũng tạm ổn khi Bunker biết, Thiệu đã chỉ thị lại thuộc cấp chuẩn bị cho cuộc ngưng bắn, và sự trì hoãn của Thiệu không ngoài mục đích cố tìm phương cách để nói chuyện trực tiếp với Hà Nội.

Sau khi Bắc Việt từ bỏ những đòi hỏi cứng rắn của họ về các khoản trong hiệp định, Bunker gặp và báo cho Thiệu biết điều đó, đồng thời cũng yêu cầu phía chính phủ Miền Nam cùng Hoa Kỳ soạn thảo bản hiệp định dựa trên căn bản những điều mà hai chính phủ đã thảo luận và đồng ý trước. Ngược lại, Thiệu cũng đã nói với Bunker, ông ta không hài lòng về lối giải thích của Hà Nội rằng hội đồng hòa giải hòa hợp quốc gia đồng nghĩa với chính quyền và điều đó có nghĩa, Bắc Việt muốn phủ nhận tính cách hợp pháp của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Mặt khác, Thiệu tiếp, Hà Nội đã ra lệnh cho các cán bộ của họ, vì muốn chấm dứt chiến tranh trong bất cứ điều kiện nào nên Hoa Kỳ không còn tiếp tục hỗ trợ chính phủ Sài Gòn nữa, quân đội Bắc Việt tại Miền Nam đóng quân tại chỗ theo kế hoạch da beo. Không những thế mà đài phát thanh Hà Nội vừa công bố ngày mà Kissinger thỏa thuận với Hà Nội để ký bản hiệp định cùng những bức thư Nixon đã gửi cho Bắc Việt.

Ngày 29 tháng 10, Nixon đã gửi một bức thư cho Thiệu bày tỏ, rằng không có sự khác biệt về quan điểm giữa ông và Kissinger, rằng Nixon có gởi cho Thủ Tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng những lá thư mà nội dung như Thiệu đã nghe qua đài Hà Nội, thế nhưng không có điểm nào trong các bức thư ấy để Bắc Việt có thể sử dụng những thắng lợi cho họ. Nixon nói thêm, ông hoàn toàn hỗ trợ Miền Nam Việt Nam và sẽ bày tỏ thái độ ấy qua cuộc gặp gỡ giữa ông và Thiệu sau khi hiệp định đã ký. Tổng Thống Nixon cũng mong muốn rằng Thiệu bày tỏ sự đồng tình và xem những điều khoản trong hiệp định này là sự mong muốn của hai nước.

Lúc này, Hà Nội đồng ý tiếp tục phiên họp với Kissinger vào ngày 20 tháng 11. Bunker nhận và chuyển về Tòa Bạch Ốc kháng thư của Thiệu, xác định rằng, bản thảo của dự thảo hiệp định đã thiếu sót nhiều điều quan trọng, chứ không phải gần như hoàn chỉnh như Kissinger tuyên bố khi họp báo.

Đáp lại, Nixon liền viết thư cho Thiệu giải thích những gì Hoa Kỳ đồng ý với Hà Nội đều đã được tham khảo với chính phủ Miền Nam và báo cho Thiệu hiểu là đừng có ảo tưởng chính sách của Nixon về Việt Nam sẽ thay đổi sau mùa bầu cử.

Khi trao bức thư trên cho Thiệu, trước tiên Ellsworth Bunker nhấn mạnh là lực lượng quân sự của Miền Nam đang vững mạnh, và có thể đè bẹp các đơn vị đối phương, trong mưu đồ chiếm đất dành dân trước khi Kissinger dự trù công bố lệnh ngưng bắn vào cuối tháng 10. Bunker nói, hội đồng hòa giải hòa hợp quốc gia theo thỏa ước không phải biểu trưng một chính phủ. Đồng thời, Thiệu

có thể tuyên bố với đồng bào Miền Nam là chính phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn tồn tại, Sài Gòn đã chiến thắng và Hà Nội bị buộc phải từ bỏ những đòi hỏi về chính trị mà họ đã đeo đuổi từ nhiều năm qua. Thiệu cho biết, ông không muốn có sự rạn nứt giữa hai Đồng Minh, nhưng rõ ràng có sự e ngại là Bắc Việt sẽ mở các cuộc tấn công sau khi Quân Đội Hoa Kỳ rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Bunker cho biết, một cuộc tấn công như thế vi phạm vào hiệp định đã ký kết và chắc chắn là Tổng Thống Nixon sẽ phản ứng mạnh mẽ.

Ngày 1 và 2 tháng 11, Thiệu bị bệnh, Bunker tìm gặp Thủ Tướng Khiêm và Bộ Trưởng Kinh Tế để thảo luận một số vấn đề chung quanh hiệp định, nhưng cả hai người đều tìm cách từ chối tiếp Bunker.

Ngày 6 tháng 11, Thiệu gặp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và cho biết, một cuộc ngừng bắn không thể nào tránh được, kể cả Nixon cũng không thay đổi được điều này, thế nhưng điều đó không có nghĩa là Việt Nam Cộng Hòa không tồn tại. Chỉ còn một vài điểm thứ yếu mà Kissinger sẽ đạt được với Hà Nội trong lần họp cuối cùng, trước khi hiệp định Paris sẽ ký kết, dự trù trong tháng 12 sắp tới. Thiệu biết, ngay sau khi hiệp định ký xong, tất cả tù binh Mỹ mà Hà Nội hiện giam giữ sẽ lần lượt sum họp với gia đình họ trong mùa Lễ Giáng Sinh này và đó cũng là món quà mà Thiệu muốn tặng Nixon.

Cùng ngày 6 tháng 11, Tướng Haig rời Thủ Đô Washington để mang bức thư của Tổng Thống Nixon gửi cho Tổng Thống Thiệu. Qua đó, Haig tái xác định, Hoa Kỳ sẽ thuyết phục để Hà Nội phải chấp nhận, rằng Hoa Kỳ không đồng ý danh từ “chính quyền” đồng thời

với cụm từ “hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia” rằng quân đội Bắc Việt hiện có tại Miền Nam phải bị giải ngũ và trở về nguyên quán. Cuối cùng, Haig mong mọi Thiệu hảy tin và hợp tác với Hoa Kỳ trong vòng đàm phán mới với Hà Nội.

Trong lần tiếp Haig vào ngày 11 tháng 11, Thiệu nói cho Haig biết rằng tiến trình hòa bình phải được xác định rõ ràng là Bắc Việt không có mưu đồ xâm chiếm Miền Nam và vì vậy, quân đội của Hà Nội sẽ rút về lãnh thổ của họ, rằng “nếu một giải pháp, trong đó cho phép Bắc Việt được trú đóng lực lượng quân sự của họ tại Miền Nam, thì cuộc chiến đấu và hy sinh của chúng tôi từ nhiều năm qua trở thành vô nghĩa, Đồng Minh của chúng tôi biến thành kẻ đi xâm lăng và lực lượng quân sự Miền Nam Việt Nam trở nên đạo quân đánh thuê... ”.

Mặc dù còn nhiều điểm bất đồng mà quan trọng nhất, Thiệu nói, là chẳng thể nào tổ chức được một cuộc bầu cử tự do một khi quân đội Bắc Việt còn có mặt tại Miền Nam Việt Nam, thế nhưng Thiệu tin những điều Nixon đã viết và cam kết với ông. Do vậy, Bunker và Thiệu đã hình thành một nhóm chuyên viên hỗn hợp để duyệt xét lần cuối về bản dự thảo hiệp định.

Đồng thời Nixon, hôm 15 tháng 11, đã gửi tiếp một bức thư cho Thiệu, hoan nghênh sự hiểu biết và hợp tác của Thiệu trong chuyến Haig công tác tại Sài Gòn vừa qua. Đề cập đến sự quan tâm của Thiệu về tổ chức một Ủy Ban Quốc Tế giám sát việc ngưng bắn, Tổng Thống Nixon cho biết: “Điều quan trọng hơn cả, đã nói trong thỏa ước liên quan đến quân đội Bắc Việt, là chúng ta sẽ phản ứng ra sao một khi kẻ thù xâm lăng. Tôi đoán chắc với ông

rằng, nếu Hà Nội vi phạm những điều cam kết qua thỏa ước này, họ sẽ lãnh nhận sự trả đũa nặng nề của tôi... Với quyết tâm ấy, cộng với một chính quyền và một quân đội vững mạnh tại Miền Nam Việt Nam, tôi tin tưởng, hiệp định này là một thắng lợi cho cả hai chúng ta...”

Bức thư ấy cũng lập lại sự cương quyết của Nixon mưu tìm một nền hòa bình công chính tại Miền Nam Việt Nam: “Tôi lập lại để ông hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ có phản ứng mạnh và nhanh chóng mỗi khi hiệp định này bị vi phạm. Để thực hiện điều vừa nói một cách có hiệu quả, điều quan yếu là tôi phải được quần chúng ủng hộ và chính quyền của ông không phải là một lực cản hòa bình dưới mắt công luận Mỹ”...

Cuối tháng 11, vấn đề quân đội Bắc Việt đã đặt Thiệu trước một tình huống khó xử. Một bức thư khác viết ngày 27 tháng 11 của Nixon gửi ông than trách là Phái Đoàn Việt Nam đàm phán tại Paris đã tỏ ra không hợp tác với Kissinger trong vòng đàm phán mới với Hà Nội và Sài Gòn phải chịu trách nhiệm về vấn đề này.

Thiệu vẫn tiếp tục chuẩn bị cho việc ngưng bắn. Dân chúng Miền Nam tỏ ra ủng hộ Thiệu khi ông bày tỏ quan điểm đối nghịch với phía Hoa Kỳ. Hạ Viện hậu thuẫn Thiệu, các tu sĩ lãnh tụ khối Phật Giáo tranh đấu đã khước từ sự hợp tác theo lời mời của chính phủ cách mạng lâm thời, sau khi có lệnh ngưng bắn và tuyên bố chỉ ủng hộ chính quyền của Thiệu.

Thượng Viện tỏ phiếu tán đồng giải pháp hòa bình của Thiệu, chỉ có 8 Nghị Sĩ là phản đối. Ngày 30 tháng 10 năm 1972, hơn 10 ngàn người dân tại Đà Nẵng xuống đường biểu tình ủng hộ Thiệu. Ngày Quốc Khánh 1 tháng 11,

Cờ Quốc Gia treo khắp nơi, từ Thành Thị đến thôn quê và lần lượt khắp cả Miền Nam, cùng nói chung một tiếng nói đồng tình với vị Tổng Thống của họ.

Ngày 26 tháng 11, Bunker nhận được bản sao công điện mà Tổng Thống Nixon gửi cho Kissinger liên quan đến Thiệu: “Nếu Sài Gòn là những trở ngại trong những thỏa thuận mà chúng ta đã đạt được hôm 8 tháng 10 thì rồi ra, Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ chấm dứt việc ủng hộ họ. Hãy nói cho Thiệu biết, đã đến thời điểm hoặc là “bắt lấy cá hay phải cắt bỏ môi”. Điều hệ trọng không nằm trong những gì đã thỏa thuận mà hãy tin vào sự trả đũa mạnh mẽ của tôi (Nixon) khi Bắc Việt vi phạm vào thỏa ước này. Quân đội Bắc Việt lưu lại tại Miền Nam không mang một hàm ẩn sâu xa nào đáng ngại ngoài thực tiễn, Thiệu hãy tin những gì tôi quyết định mà chúng ta sẽ ký”.

Cùng lúc ấy thì Hà Nội đưa ra những điều kiện mới và Quốc Hội Hoa Kỳ dường như chấp nhận đặt Nixon trước tình huống phải theo Quốc Hội, chấp nhận những điều do Hà Nội vừa đưa ra, hoặc ông và Thiệu đều mất hết tất cả.

Cũng trong ngày này, tại Washington, Nixon nhận bức thư dài của Tổng Thống Thiệu do hai đặc phái viên trao, khi Nixon gặp gỡ họ. Qua đó Thiệu phân tích rằng, sinh mệnh của đồng bào Miền Nam Việt Nam sẽ nằm trong tay các lực lượng quân sự miền bắc và thực chất về hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia bao gồm 3 thành phần. Đáng khác, Hà Nội chẳng hề xác định, sự có mặt của họ tại Miền Nam là bất hợp pháp, hoặc họ ngưng xâm lăng sau khi Hoa Kỳ rút ra khỏi xứ sở này. Hơn thế nữa, Thiệu giải thích, nếu Hà Nội rút quân của họ về Miền Bắc thì

sau khi ngưng bắn, chính phủ cách mạng lâm thời miền nam Việt Nam không bị Bắc Việt khống chế và từ đó, hai thành phần Miền Nam sẽ nhanh chóng giải quyết được những bất đồng về chính trị đã xảy ra. Thiệu viết cho Nixon, ông ta phải trực diện với hai sự lựa chọn, chấp nhận ký vào hiệp định này là trao đất nước cho cộng sản Hà Nội, hay ngược lại, thì Hoa Kỳ sẽ cắt mọi viện trợ và rồi ra Miền Nam cũng không thể tồn tại.

Vị Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã nhìn lại Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh mà ông đã thảo luận với Tổng Thống Nixon trước đó vào năm 1969 khi Nixon viếng thăm Sài Gòn, rằng chiến tranh Việt Nam là một gánh nặng của Hoa Kỳ về quân sự lẫn kinh tế do vậy, ông chỉ muốn Hoa Kỳ giúp về mặt Không Quân cho đến cuối năm 1973 khi ấy Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh trong lãnh vực Không Quân, Miền Nam Việt Nam đã hoàn tất. Hoa Kỳ đồng ý và Kế Hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã thành công. Bất cứ một thỏa ước nào đạt được phải bảo đảm đồng bào Miền Nam tự do.

Trong một đoạn khác, Thiệu viết thật tha thiết: “Tôi nhắc lại, suốt 4 năm qua, ông và tôi đã đưa ra nhiều sáng kiến về hòa bình, và lần nào, cá nhân tôi cũng luôn nhận sự chỉ trích rằng sự nhượng bộ của tôi quá ít, còn ông thì luôn nói với tôi, đây là lần cuối cùng mà ông đòi hỏi tôi phải nhân nhượng”...

Thái độ Thiệu và chính phủ Miền Nam vẫn cứng rắn, cho đến 27 tháng 11, Bunker phải báo cáo về Washington, có lẽ Hoa Kỳ không thể nào thuyết phục được Thiệu chấp nhận bản dự thảo mà Hoa Kỳ và Hà Nội đã thảo luận và đồng ý. Cũng may vào tháng 12 Thiệu đã đổi ý.

Ngày 7 tháng 12 năm 1972, tiếp xúc Thiệu lần này, Bunker giải thích thêm và Hoa Kỳ bảo đảm sẽ có những hành động thích đáng nếu hiệp định bị vi phạm. Và rồi, tất cả những điều Thiệu tiên đoán và lo lắng hoàn toàn đúng. Những gì mà Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon đã hứa và cam kết đều trở thành vô nghĩa, sau vụ Watergate xảy ra, viện trợ quân sự và kinh tế cho Miền Nam hoàn toàn bị chấm dứt, và Hoa Kỳ đã ngoảnh mặt khi Hà Nội vi phạm hiệp định Paris năm 1975.

Các cuộc trao đổi với Bắc Việt để đạt được sự đồng ý cuối cùng vẫn tiếp tục trong tháng 12. Ngày 4 tháng này, Lê Đức Thọ rút lại một số đề nghị mà ông đã đưa ra vào tháng 11. Hà Nội cố trì hoãn, vừa không muốn đạt đến sự thỏa thuận nhưng cũng vừa không muốn cuộc đàm phán đi vào chỗ bế tắc, Hà Nội muốn chờ Hoa Kỳ có sự nhượng bộ thêm nữa trong phiên họp Quốc Hội khóa mới đầu tiên vào tháng Giêng.

Ngày 12 tháng 12 trong cuộc tiếp xúc với hơn 100 người lãnh đạo các tổ chức chính trị, Thiệu đã để lộ sự thất vọng của ông. Phải chấp nhận sự ở lại của quân Bắc Việt tại Miền Nam sau khi ngưng bắn, hay không có một đồng xu nào viện trợ từ phía Hoa Kỳ. Sau đó, Thiệu cũng lập lại sự kiện này trước Quốc Hội Miền Nam Việt Nam.

Mặc dù bản thảo hiệp định, Kissinger đã nhượng bộ khá nhiều, nhưng Hà Nội chưa thỏa mãn, ngày càng tìm cách đưa ra nhiều áp lực với phía Hoa Kỳ. Do đó, ngày 14 tháng 12, Bunker được thông báo là Tổng Thống Nixon đang cứu xét tái xử dụng vũ lực nếu Hà Nội cố tình trì hoãn.

Tại Paris, tình hình càng căng thẳng, Lê đức Thọ đưa

ra một số đề nghị mới, nhằm đòi hỏi Hoa Kỳ phải lùi bước thêm, như thể họ là kẻ đang chiến thắng. Trước tình huống đó, Tòa Bạch Ốc đã gửi tín hiệu cho Bắc Việt, Hà Nội phải nhận lấy mọi hậu quả nếu họ không ngồi vào bàn thương thảo nghiêm chỉnh.

Về phía Miền Nam, cuối cùng vào ngày 15 tháng 12, Thiệu cho Bunker biết là ông ta đồng ý theo lời yêu cầu của Hoa Kỳ, chấp nhận cho quân đội Bắc Việt lưu lại tại Miền Nam, nếu Washington bảo đảm lực lượng đó không vi phạm bản hiệp định sau khi đã được ký kết.

Alexander Haig bay sang Sài Gòn họp với Tổng Thống Miền Nam Nguyễn Văn Thiệu ngày 20 tháng 12 và cho Thiệu biết, Hoa Kỳ đang ở thế phản công với Bắc Việt, để yêu cầu Thiệu đưa ra lời nhượng bộ thêm nữa với Hà Nội, như thể Miền Nam đang trên đà chiến thắng. Thiệu, sau khi họp Nội Các chính phủ, chấp nhận danh từ hội đồng hòa hợp hòa giải quốc gia.

Hoa Kỳ tái oanh tạc Bắc Việt kể từ 18 tháng 12 đã làm phe phản chiến chấn động. B52 đã trút bom xuống ngay Hà Nội, Cảng Hải Phòng và các cứ điểm quân sự trọng yếu của Bắc Việt.

Ngày 28 tháng 12, Hà Nội chấp nhận vào bàn hội nghị cấp cao giữa Lê Đức Thọ và Kissinger nếu Hoa Kỳ ngưng oanh tạc.

Để giảm thiểu những lo lắng của Thiệu qua những nhượng bộ vừa qua, Bunker đề nghị Tổng Thống Nixon nên có thư riêng cho Thiệu. Ngày 5 tháng 1 năm 1973, thư của Nixon đã đến, đoạn cuối cùng có phần xác định, rằng Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ Miền Nam Việt Nam trước cũng như sau khi hiệp định đã được ký kết và rằng sẽ có phản ứng mạnh

mẽ về bất cứ một vi phạm nào của Bắc Việt về hiệp định này. Phó bản bức thư trên cũng đã chuyển cho Bunker.

Cuộc thương thuyết tại Paris tái tục vào ngày 8 tháng 1 năm 1973 và kết quả chung cuộc được thỏa thuận vào 5 ngày sau đó, dựa trên những điều căn bản đã thảo luận và đưa ra vào 17 tháng 10 và tháng 12. Rõ ràng việc Tổng Thống Nixon ra lệnh tái oanh tạc đã dẫn đến kết quả đó, và những đòi hỏi của Thiệu khi gặp Kissinger vào cuối tháng 10, một phần đã được Hà Nội chấp nhận.

Ngày 15 tháng 1, Thiệu họp với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia để thông báo điều Bunker vừa cho ông biết là cuộc đàm phán trên đã thuận lợi ngoại trừ điểm Hà Nội vẫn được giữ quân của họ tại Miền Nam.

Alexander Haig lại bay sang Sài Gòn cùng mang theo bức thư của Nixon, mong muốn Thiệu chấp nhận thỏa ước, nếu không Quốc Hội Mỹ sẽ cắt hết mọi viện trợ cho Sài Gòn. Thiệu cũng được thông báo, các bên sẽ duyệt trước bản thỏa ước này vào ngày 23 tháng 1 và chính thức ký kết vào 4 ngày sau đó. Thiệu lại phủ nhận một số điều khoản thứ yếu, nhưng Bunker phải giải thích hầu hết những đòi hỏi của Thiệu, qua bản thỏa ước lần này đã thực hiện.

Lại một thư khác nữa của Nixon gửi cho Thiệu ngày 18 tháng 1. Nixon cho biết, nếu Thiệu phủ nhận bản thỏa ước, Nixon không có cách gì có thể ủng hộ Thiệu được. Nixon đồng thời cử Phó Tổng Thống Agnew bay sang Miền Nam, nhằm để minh định trước quốc tế rằng dưới mắt Hoa Kỳ, chính quyền Thiệu là hợp hiến, hợp pháp tại Miền Nam Việt Nam, rằng không có điều khoản nào được Washington xác định, quân ngoại quốc được

quyền lưu lại tại Miền Nam và đó là điều để Hoa Kỳ có phản ứng mạnh mẽ khi hiệp ước bị vi phạm. Thiệu có thể gặp Nixon tại San Clemente ở California để Tổng Thống Hoa Kỳ xác định những cam kết mà ông đã viết và gửi thư cho Thiệu.

Thiệu không bao giờ chịu nhượng bộ và không đòi hỏi tới cùng. Ông muốn có sự thay đổi về sự có mặt quân Bắc Việt tại Miền Nam hơn nữa. Nixon không hài lòng, gửi cho Thiệu những chỉ trích nặng nề của hai Thượng Nghị Sĩ bảo thủ Goldwater và Stennis, đồng thời muốn Thiệu trả lời chấp nhận thỏa ước hay không trước ngày 21 tháng 1 để chính phủ Nixon còn thông báo với các lãnh tụ tại Quốc Hội, Nixon cũng đồng ý, cung cấp cho Thiệu một văn kiện ngoại giao, chứa 3 điều khoản bảo đảm với Thiệu như những lá thư với tư cách Tổng Thống, Nixon đã gửi từ trước.

Khi Ellsworth Bunker mang lá thư của Nixon trao cho Thiệu, ông ta trầm lặng nói với Bunker: “Tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể thực hiện được, và những gì tôi cảm nghiệm lợi ích nhất cho đất nước tôi”. Trở lại Tòa Đại Sứ, Bunker gọi điện thoại cho Tòa Bạch Ốc, báo cáo Thiệu đã đồng ý. Liền sau đó, Bunker nhận được lá thư của Tổng Thống Thiệu gửi cho chính phủ Đồng Minh Hoa Kỳ: “Tuy nhiên, để thể hiện tính đoàn kết giữa hai chính phủ chúng ta, và dựa trên căn bản sự bảo đảm mạnh mẽ là chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ và ủng hộ Miền Nam Việt Nam sau khi ngưng chiến, tôi chấp nhận lịch trình ký kết mà chính phủ Hoa Kỳ đã dự trù”...

Thế nhưng bất thần Thiệu đòi thay đổi một vài điều khoản, dù đó chỉ là những hình thức về nghi lễ. Mãi đến

23 tháng 1, giờ phút cuối Bunker mới thuyết phục được Thiệu bỏ đi những đòi hỏi ấy mặc dù một chiêm tinh gia đã khuyên ông đừng ký bất cứ văn bản nào trước ngày Tết Âm Lịch sắp đến. Thế nhưng Thiệu đã giữ lời hứa của ông, chính phủ Miền Nam Việt Nam đã ký vào bản hiệp định Paris đúng thời điểm như đã dự trù trước.

Người chiêm tinh gia của Thiệu đã tiên đoán đúng, đặt bút ký vào bản hiệp định hòa bình Paris là một mất mát cho Thiệu và là một bất hạnh cho dân chúng Miền Nam Việt Nam. Đúng như Thiệu e ngại, nền hòa bình mà Kissinger thương thuyết, chỉ đạt đến những điểm chung chung với Hà Nội, để Hoa Kỳ tháo chạy ra khỏi cuộc chiến. Hoa Kỳ và người Việt Quốc Gia đã thắng và kiểm soát phần lớn lãnh thổ tại Miền Nam, nhưng qua thỏa ước mà Kissinger đạt được, kẻ thù giờ đây đạt được vị trí ngang tầm với họ. Phong trào phản chiến đã thật sự tìm thấy phần thắng qua hiệp định hòa bình Paris này. Họ đã khóa chặt các cánh cửa để Hoa Kỳ không còn cơ hội tiếp tục hỗ trợ Miền Nam bằng cách đẩy Kissinger phải chấp nhận các điều kiện mà Hà Nội đòi hỏi. Nói một cách khác, mỗi phản đề nghị của Hà Nội đều do các thành phần phản chiến chỉ đạo. Với những sai lầm và chẳng hề sám hối, lại học thêm một số kinh nghiệm về chủ nghĩa thực dân mới, từ Jean Saintainy, Henry Kissinger trở thành tên đồ tể do phe phản chiến tại Washington và cộng sản Hà Nội thuê mướn, để sát hại dân chúng Miền Nam Việt Nam, trước sự cổ vũ của họ.

Hà Nội đã phóng thích các tù binh Mỹ, tất cả lực lượng quân sự Hoa Kỳ đã rút về nước, một tổ chức quốc tế để theo dõi và giám sát hiệp ước hòa bình. Tổng Thống

Thiệu đã đến gặp Tổng Thống Nixon tại San Clemente. Kế hoạch mà Tổng Thống Nixon chỉ định Ellsworth Bunker nghiên cứu và thực hiện đã hoàn tất. Hoa Kỳ đã rút quân chiến đấu về nước trong khi quyền tự quyết của Miền Nam Việt Nam do một chính phủ hợp pháp, về mặt pháp lý, đã bảo vệ thành công.

Tháng 5 năm 1973, Ellsworth Bunker đã chấm dứt vai trò Đại Sứ của ông tại Sài Gòn để nhận một nhiệm vụ mới.

CHƯƠNG 14

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ

Hiệp ước hòa bình Paris ký ngày 27 tháng 1 năm 1973, thực chất chỉ bao gồm: Hà Nội và Kissinger. Hà Nội thì được phép dùng quân đội của họ để lật đổ Miền Nam mà không gặp phản ứng nào của Hoa Kỳ, còn Washington thì quay lưng lại cuộc chiến mà họ từng can dự và trút đổ trách nhiệm việc mất Miền Nam là do Thiệu gây ra.

Điều khả tín là nếu chính quyền của Tổng Thống Nixon không bị vụ Watergate làm tê liệt thì cá nhân ông, với quyền hạn của một Tổng Thống cho phép, Nixon có thể dùng toàn bộ vũ lực để chặn đứng mọi mưu toan vi phạm hiệp ước do Hà Nội gây nên.

Thế nhưng cái hiệp ước mang tên là hòa bình đó lại chứng tỏ không một chút nào là hòa bình tại Miền Nam Việt Nam: Hà Nội vẫn tiếp tục xâm lăng trong khi Hoa Kỳ thì lo tháo chạy. Khi lực lượng quân sự Mỹ không còn can dự thì các đài truyền hình cũng không còn làm bản tổng kết tổn thất phía Miền Nam hàng tuần như trước

nữa. Miền Nam chiến đấu và hy sinh để bảo vệ xứ sở của họ, chẳng còn dính dáng gì đến quần chúng Hoa Kỳ. Đáng khác, không còn lực lượng quân sự Hoa Kỳ yểm trợ, chiến tranh, khối đa số thâm lặng yêu nước người Hoa Kỳ từng ủng hộ các Tổng Thống Johnson và Nixon cũng bắt đầu chùn bước. Trong khi đó, phe phản chiến vận dụng mọi khả năng thúc bách đảng Dân Chủ lật đổ Thiệu để chấm dứt cuộc chiến. Ngày 1 tháng 7 năm 1973, Quốc Hội quyết định, trong tài khoản 1974, Mỹ chấm dứt mọi viện trợ quân sự tại Đông Dương. Ngày 7 tháng 11 năm 1973, Quốc Hội biểu quyết chống lại sự phủ quyết của Tổng Thống Nixon, về đạo luật cấm Tổng Thống đưa Quân Đội ra nước ngoài nếu Quốc Hội chưa chấp thuận. Nhưng điều sai lầm hơn cả, Quốc Hội cắt mọi yểm trợ quân sự và kinh tế cho Miền Nam Việt Nam kể từ tài khóa 1974-1975.

Hiệp ước Paris có giá trị kể từ ngày 23 tháng 1 năm 1973 và lệnh ngưng bắn hiệu lực ngay sau đó. Chẳng cần tôn trọng, cộng sản liền lấn chiếm một số vùng mà trước đó họ không hề kiểm soát. Chính phủ Thiệu đã phóng thích 26.508 tù binh chiến tranh, phía Mặt Trận Giải Phóng thì phóng thích 4.956. Trong tháng đầu ngưng bắn, khoảng 8.400 cộng quân và 1.520 quân chính phủ đã bị sát hại.

Sau khi ngưng bắn, Thiệu đề nghị một cuộc bầu cử tự do vào ngày 26 tháng 8 năm 1973 nếu quân đội Bắc Việt rút về bên kia vĩ tuyến 17. Phía Mặt Trận Giải Phóng không đồng ý và đòi bầu cử quốc hội lập hiến trước và quốc hội này sẽ chỉ định thành phần chính quyền từ trung ương đến địa phương.

Cộng sản luôn ngăn cản Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát

Đình Chiến mỗi khi muốn đến quan sát khu vực mà họ tự nhận là của họ, và bị Quân chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tấn công. Cuộc chiến giảm đi vào tháng 4 vì Quân Đội Miền Nam kiểm soát và chủ động chiến trường, nhưng vào tháng 5 thì có nhiều chuyển động. Hà Nội đưa lực lượng công binh vào sát vùng giới tuyến phi quân sự mở đường để chuẩn bị cuộc tấn công mới. Thời điểm này, Hà Nội vừa thâm nhập vào phía Nam 35 ngàn tân binh, 400 chiến xa, 350 đại pháo tầm xa và 30 ngàn tấn tiếp liệu. Xe vận tải Bắc Việt chạy trên đường mòn Hồ Chí Minh ngay ban ngày mà không sợ bị oanh tạc như trước. Đường điện thoại, ống dẫn nhiên liệu chạy dài từ Bắc Việt đến Lộc Ninh, chỉ cách Sài Gòn khoảng 50 cây số. Hà Nội chẳng chịu rút quân ra khỏi Lào như trong hiệp định Paris đã ghi.

Tất cả các phương tiện chiến tranh đó do Nga Sô cung cấp. Trong năm 1973, Hà Nội đã nhận từ Moscow tăng 50% chiến cụ quân sự so với năm 1972. Tháng 10 năm 1973, Bộ chính trị Hà Nội đã được Nga Sô thông báo viện trợ quân sự năm 1974 sẽ tăng hơn 1973 với lý do. “Cách mạng ở phía Nam phải được thực hiện dưới hình thức một cuộc cách mạng bạo động”.

Trong lúc Nga Sô tăng cường viện trợ ồ ạt cho Bắc Việt thì viện trợ Hoa Kỳ đảo ngược tại Miền Nam. Viện trợ kinh tế 1972 chỉ còn 445 triệu Mỹ kim, bằng năm 1964, 297 triệu cho năm 1973 và 265 triệu trong năm 1974. Viện trợ quân sự, Quốc Hội chuẩn chi 1,4 tỷ Mỹ kim nhưng thực tế chỉ có 700 triệu, vì phân nửa kia đã dùng cho nửa năm trước. Thế nhưng 300 trong 700 triệu đó đã bị khấu trừ cho những dụng cụ quân sự mà Hoa Kỳ đã ứng trước

đó. Tóm lại, Miền Nam chỉ còn 400 triệu viện trợ quân sự sau tháng 6 năm 1974 để họ tự bảo vệ.

Với số viện trợ hiếm hoi đó, Bộ Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa kết luận, chỉ có thể giữ được hai Vùng Chiến Thuật 3 và 4 để đối phó với sự xâm chiếm của cộng quân.

Sau hiệp định Paris, chính phủ Thiệu chỉ còn khả năng đài thọ cho một Quân Nhân một Mỹ kim mỗi ngày bao gồm lương bổng, vũ khí, đạn dược, quân trang... Chính vì thế mà Quân Đội phải cắt giảm mọi thứ, súng cá nhân trước kia 400 viên bây giờ còn 200 cho mỗi cuộc hành quân, đạn pháo binh cấp phát theo tiêu chuẩn hàng tháng. Pháo 105 ly chỉ còn 10 viên thay vì 180 viên vào năm 1972. Giờ bay của máy bay chiến đấu và trực thăng giảm phân nửa vì không đủ nhiên liệu. Miền Nam có 30 chiếc C130 nhưng trên thực tế chỉ còn 5 chiếc sử dụng được, số khác chưa kịp sửa chữa.

Trực thăng tải thương phải biến cải thành trực thăng chiến đấu. Xe Hồng Thập Tự thiếu nhiên liệu. Binh sĩ bị thương thường phải chờ đủ số người đẩy chuyển bay hay chuyển xe mới tải thương. Nhiều Binh Sĩ bị chết oan uổng vì thiếu phương tiện chuyển đến bệnh viện. Các Quân Y Viện đầy những Binh Sĩ bị thương, lại thiếu thuốc men, nên tinh thần sa sút thấy rõ.

Chưa bao giờ, trong kế hoạch Việt Nam Hóa Chiến Tranh do Tướng Abrams nghiên cứu, lại dự trù Quân Đội Miền Nam Việt Nam phải đối đầu với 17 sư đoàn của Bắc Việt. Kế hoạch này chỉ cung ứng cho Miền Nam Việt Nam đủ sức đẩy lùi các trận tấn công của công quân trong phạm vi lãnh thổ của họ. Sự cho phép quân đội

Bắc Việt lưu trú tại Miền Nam của Kissinger đã làm đảo ngược khả năng tự vệ của chính phủ Sài Gòn.

Thế nhưng, Thiệu đã không tiên liệu đúng những khó khăn. Ông đã không chứng tỏ được là một người có thiên tài khi phải đối đầu và giải quyết ở tình huống đầy khó khăn, trắc trở. Đôi lúc, ông đã thiếu tính thực tiễn và lòng độ lượng đối với thuộc cấp.

Về chiến lược quân sự, ông đã ra lệnh là không nhường một tấc đất cho cộng sản, thế nhưng Thiệu đã không thể đảo ngược được kết quả ở những nơi mà cộng quân quyết tâm chiếm giữ. Khả năng của ông để phản công lại các trận tấn kích của công quân không gì khác hơn là dựa vào không yểm của B52 Hoa Kỳ. Thiệu đã không đưa ra một kế hoạch nào để đối phó với chiến thuật mới của Hà Nội là tổng hợp du kích chiến lẫn trận địa chiến, cũng không chịu di chuyển hai Sư Đoàn 21 và 9 từ Vùng 4 về tăng cường phòng thủ phía Bắc Sài Gòn, không biến chế các Tiểu Đoàn Địa Phương Quân thành các Trung Đoàn lưu động...

Trong lãnh vực chính trị, Thiệu ngày càng trở nên cô đơn, ngoại trừ một số chính trị gia thân tín cùng đảng của ông ta. Tháng 6 năm 1974, Thiệu đã tu chính hiến pháp, để Thiệu tiếp tục tái tranh cử. Trước sức ép của cộng sản, Thiệu vẫn không đoàn kết nổi các tôn giáo, các đảng phái chính trị để hậu thuẫn cho ông.

Lạm phát trở thành nghiêm trọng báo hiệu nền kinh tế nguy khốn. Giá cả tăng 62% trong năm 1973 và 36% cho năm kế tiếp đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Quân Nhân và Công Chức. Thế nhưng về nông nghiệp thì lại khả quan, 6, 6 triệu tấn gạo thu hoạch trong năm 1973 và

7,1 triệu tấn trong năm 1974. Ngành xuất cảng cũng trên đà phát triển.

Các ngân hàng phát triển nông nghiệp và phát triển kỹ nghệ đã xuất nhiều tỷ đồng Việt Nam để đầu tư. Trong năm 1973 các ủy ban tự phát triển xã ấp đã hoàn tất 3331 công trình phát triển công cộng bao gồm 574 triệu tiền của Trung Ương và 379 triệu tiền thuế ở các địa phương. Chính Sách Cải Cách Ruộng Đất đang thực hiện vào giai đoạn cuối, bao gồm khoảng 3 triệu mẫu cấp phát cho 953.370 nông dân, nghĩa là bằng 40% dân số tại nông thôn.

Mặc dù có những tiến bộ khả quan như thế nhưng tình huống đất nước do Thiệu dẫn đầu vẫn chưa thoát ra khỏi cảnh trì trệ. Tất cả đều vượt qua khỏi tầm tay của Thiệu. Sau khi Kissinger đổi chính sách, sự hỗ trợ của Hoa Kỳ cho Miền Nam gần như không còn. Thiệu hiểu rằng, người Mỹ không muốn Việt Nam Cộng Hòa tồn tại. Ông ta nhận ra những gì sẽ xảy đến và không còn ý chí để lãnh đạo đất nước ông, Miền Nam Việt Nam.

Trong một lần, Thiệu hỏi người chiêm tinh gia, ai sẽ là người thay thế ông làm Tổng Thống Miền Nam Việt Nam, và được trả lời không có người nào có thể thay thế ông, Thiệu kết luận, như thế thì cộng sản sẽ chiếm Miền Nam.

Tháng 8 năm 1974, qua màn ảnh truyền hình, Thiệu đã nhìn thấy cái vinh nhục của Tổng Thống Nixon khi phải từ chức vì vụ Watergate.

Tháng 10 năm 1974, bộ chính trị Hà Nội quyết định phải nắm lấy thời cơ khi Miền Nam đang rơi vào tình thế bế tắc.

Kissinger hăm hở đi Na Uy để nhận giải Nobel về hòa

binh, trong khi đó, Lê Đức Thọ của Hà Nội thì không. Biết chắc chắn là Hoa Kỳ không dám đưa Quân Đội trở lại để hỗ trợ cho Miền Nam, Hà Nội tái tục kế hoạch xâm lăng mà trước kia vì có Quân Đội Mỹ, Bắc Việt không thể thi hành được, chiếm Cao Nguyên Trung Phần rồi từ đó tiến quân về miền duyên hải, cắt Miền Nam thành hai. Bộ chính trị chỉ thị cho bộ tham mưu quân đội Bắc Việt lập phương án kế hoạch này.

Để thăm dò phản ứng của Washington, ngày 13 tháng 12 năm 1974, Hà Nội đã tung một lực lượng quân sự hùng hậu tấn công và cô lập Tỉnh Lý Phước Long. Tuy bị tổn thất nặng nề nhưng Quân Đội Miền Nam vẫn chống trả và bảo vệ được Thị Trấn Tỉnh Lý. Vì thiếu tiếp viện, hơn nữa chỉ có 35% chiến xa và 50% thiết giáp là còn sử dụng được nên cuối cùng ngày 6 tháng 1 năm 1975, Miền Nam Việt Nam phải bỏ Phước Long. Washington chẳng có lời phản kháng Bắc Việt.

Tại Hà Nội, kẻ thừa kế Hồ Chí Minh hoan hỉ nói với các đồng chí của ông trong bộ chính trị: “Chưa bao giờ chúng ta có những điều kiện quân sự, chính trị hoàn hảo và thời cơ thuận lợi như lần này. Chúng ta phải nắm bắt và triển khai nó trong năm 1975”...

Bằng sự viện trợ vô tận từ Nga Xô cộng với sự tháo chạy của Hoa Kỳ, Lê Duẩn đã không còn gì phải thương thuyết với Thiệu thêm nữa.

Tại Cao Nguyên Trung Phần, Thiệu cố bảo vệ ba Thành Phố chính Kontum, Pleiku và Ban Mê Thuột. Sau đó, Ban Mê Thuột bị 3 sư đoàn Bắc Việt bao vây và tấn công. Trong khi oanh kích địch quân đang tấn công, máy bay Miền Nam lại thả bom nhắm vào Bộ Chỉ Huy của họ tại

Thành Phố này. Tất cả hệ thống phòng thủ Ban Mê Thuật bị tan vỡ, Quân Đội rã ngũ.

Thiệu ra lệnh tái chiếm nhưng các trục giao thông đã bị các đơn vị Bắc Việt phong tỏa. Phải dùng trục thẳng chuyển 2 Tiểu Đoàn đổ quân cách xa Thành Phố gần 40 cây số, không pháo binh, không có thiết giáp yểm trợ, cuộc giải tỏa thất bại.

Từ thất bại đó, với sự thiếu thốn mọi bề, Thiệu cho rằng bảo vệ toàn Miền Nam như trước đây là một ảo tưởng, do đó quyết định rút tất cả các Sư Đoàn từ Vùng I và Vùng II về để chỉ bảo vệ Vùng III và IV Chiến Thuật, bao gồm cả Khu Vực Sài Gòn.

Một trong những lý do đưa đến sự hỗn loạn từ quyết định của Thiệu là các Sư Đoàn Bộ Binh Miền Nam không hoàn toàn là những đơn vị lưu động. Ngoại trừ các Sư Đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến, các Sư Đoàn khác thường trú đóng và hành quân trong phạm vi lãnh thổ có gia đình họ đang sinh sống. Vì vậy, khi di chuyển các Sư Đoàn Bộ Binh về một vùng khác mà không đưa gia đình cùng đi thì tinh thần người lính giao động, hoang mang và rã ngũ.

Ngày 13 tháng 3, Thiệu gọi Tướng Ngô Quang Trưởng về Sài Gòn để nhận chỉ thị mới.

Thiệu nói: Hãy lấy Đà Nẵng làm cứ điểm an toàn để tập trung quân chủ lực Vùng I về đây rồi rút đi.

Trưởng hỏi: Còn gia đình họ và lực lượng Địa Phương Quân thì sao?

Hãy quên họ! Thiệu đáp và không giải thích gì thêm.

Tướng Trưởng thất vọng, thế nhưng ông không thể chống lại lệnh của vị chỉ huy tối cao Quân Đội và ông

cũng cảm thấy đau đớn vì là Tư Lệnh Vùng I, ông không muốn để binh sĩ thuộc quyền rơi vào tay địch quân.

Trong hai ngày liên tục, các Dân Biểu và Nghị Sĩ thuộc đảng Dân Chủ tại Hạ Viện và Thượng viện Hoa Kỳ đã bỏ phiếu từ chối mọi sự gia tăng về viện trợ kinh tế lẫn quân sự cho Miền Nam Việt Nam.

Ngày hôm sau, 14 tháng 3, Thiệu ra lệnh cho vị Chỉ Huy Vùng II Chiến Thuật rút các lực lượng chính quy ra khỏi Cao Nguyên.

Chiến lược của Thiệu là tập trung các Sư Đoàn giữ lấy phân nửa lãnh thổ Miền Nam, thu hẹp sự bảo vệ trong khả năng hiện có và chờ xem phản ứng từ phía Hoa Kỳ như Nixon đã cam kết. Thật ra có lẽ Thiệu đã hiểu được chắc chắn là Miền Nam sẽ mất khi Kissinger đồng ý cho phép quân Bắc Việt lưu lại tại Miền Nam Việt Nam. Và bấy giờ thời điểm ấy đã đến. Ông ta không thể cưỡng bách lại được, mặc cho số phận và để cho phía Mỹ quyết định.

Sau khi nhận lệnh của Thiệu, Tướng Phú Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật trở lại Bộ Tư Lệnh của ông tại Cao Nguyên vào tối hôm ấy để chuẩn bị kế hoạch rút quân. Hai con đường Tỉnh lộ dẫn lên Cao Nguyên thường sử dụng đã bị phong tỏa, Tướng Phú quyết định sử dụng một Tỉnh lộ khác cũng dẫn lên Cao Nguyên nhưng suốt trong thời chiến tranh đã không dùng đến. Thiệu đồng ý.

Sáng hôm sau, chỉ định cho vị Tướng một sao trực tiếp chỉ huy cuộc triệt thoái, Phú cùng Bộ Chỉ Huy bay về vùng duyên hải, tái lập Bộ Tư Lệnh để chuẩn bị tái chiếm Ban Mê Thuột theo lệnh của Thiệu.

Cuộc rút quân bắt đầu, khi các đơn vị chính quy rút ra khỏi hai Thành Phố lớn là Kontum và Pleiku cùng với gia

đình họ, các đơn vị địa phương nhận thấy họ bị bỏ rơi, từ đó tạo sự chấn động về tâm lý. Họ bắt đầu nổi loạn, cướp phá khắp cả hai Thành Phố vừa kể.

Đoàn xe chở quân và gia đình họ cùng khoảng hai trăm ngàn dân chúng theo sau phải vượt qua những quãng đường hư hỏng, sinh lầy, băng qua những cầu cống đổ nát, hoang tàn đã trở thành những tấm bia để đón nhận những trận địa pháo của cộng quân. Hơn 40.000 Binh Sĩ Miền Nam và gia đình họ đã bị địch quân bắt sống. Số còn lại rút về vùng duyên hải, thật sự tinh thần chiến đấu không còn, họ oán hận và quy trách việc mất Miền Nam là do Thiệu gây ra.

Giống như Vùng II, Vùng I cũng rơi vào tình huống bị thâm. Sư Đoàn Dù rút lui, kế tiếp là Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến phải bỏ Quảng Trị. Dân chúng hoảng hốt di tản. Thoạt đầu họ bỏ Quảng Trị chạy lánh nạn vào Huế, rồi bỏ Huế vào Đà Nẵng và cú thế, họ càng chạy xa về hướng Nam càng tốt đối với họ. Ngày 19 tháng 3, Tướng Trưởng quyết định 3 cứ điểm quan trọng: Căn cứ Chu Lai, Cảng Đà Nẵng và Cố Đô Huế. Thiệu đồng ý.

Ngày hôm sau, hai sư đoàn Bắc Việt từ vùng đồi núi đã tiến chiếm vùng duyên hải, cắt ngang giữa Huế và Đà Nẵng. Tổng Thống Thiệu đổi ý, ra lệnh bỏ Huế. Đã từng hứa là sẽ bảo vệ Cố Đô Huế đến cùng, Tướng Trưởng cảm thấy ông đã phản bội với đồng bào của ông. Ông cố gắng thuyết phục Thiệu nhưng không thành. Ngay sau khi nhận lệnh bỏ Huế và đưa quân xuống vùng biển để chờ tàu Hải Quân chuyển về phía Nam, vị nguyên Tư lệnh của Sư Đoàn I nổi tiếng đã nói với Bộ Tham Mưu: “Chúng ta là kẻ phản bội. Chúng ta phải bỏ Huế, một

phần đất thân yêu nhất của Miền Nam Việt Nam. Sự thể là tôi không thể làm gì khác hơn được. Điểm tập trung là phía Nam Đèo Hải Vân. Chúc thành công và gặp các chiến hữu tại Đà Nẵng”.

Liền sau đó, hầu hết các sĩ quan và binh sĩ đã rời bỏ địa điểm đóng quân, chạy về lo cho gia đình lánh nạn. Kinh nghiệm kinh hoàng vào năm 1968, họ không muốn để người thân của họ vào tay việt cộng. Sư Đoàn I từng là đơn vị oai hùng, nay đã rã ngũ. Ngày 25 tháng 3, cộng quân chiếm Huế.

Dòng người tỵ nạn hốt hoảng vẫn tiếp tục rời bỏ Huế, xuyên qua bức tường chắn bằng đạn cá nhân hay đạn pháo, để chốn chạy vào Đà Nẵng. Cộng quân lại cắt đứt trục giao thông trên Quốc Lộ 1, phía Nam Đà Nẵng, nhằm chặn đứng sự di chuyển của Sư Đoàn II.

Vào thời điểm này, chính phủ Miền Nam chỉ còn kiểm soát vài Thành Phố dọc duyên hải Vùng I và II. Trường đã tái lập trục giao thông dẫn vào Đà Nẵng để người tỵ nạn có thể vào an toàn. Vì thế chẳng bao lâu, Thành Phố Đà Nẵng chứa gần 2 triệu người, vượt qua 5 sư đoàn Bắc Việt đang bao vây Thành Phố và Phi Trường, để tỵ nạn. Thành Phố hỗn mang, thiếu lương thực, thực phẩm. Trộm cướp, vô kỷ luật xảy ra khắp nơi. Trốn chạy đủ cách, từ chiếc thuyền con bơi ra biển Đông cho đến bầu vúi vào cánh máy bay, khi cất cánh.

Tin tình báo cho biết, cộng quân đang chuẩn bị để mở đợt tấn công quy mô vào 29 tháng 3. Những biến chuyển dồn dập xảy ra đã làm Thiệu mất niềm tin, cộng thêm nữa, những quyết định sai lầm trong việc rút quân đã làm Thiệu ngần ngại đưa ra quyết định mới. Trong tình

huống ấy, Trường ra lệnh rút bỏ Đà Nẵng. Cái Thành Phố, nơi mà Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ đầu tiên để giúp Miền Nam Việt Nam vào tháng 3 năm 1965, đã rơi vào tay cộng sản 10 năm sau đó.

Khi nghe bản tin muộn màng tối hôm ấy tường thuật chi tiết về việc Đà Nẵng đã thất thủ, tim tôi cảm thấy tê buốt. Bản tin ấy làm tôi choáng váng hơn khi nghe thân phụ tôi qua đời. Miền Nam Việt Nam đã mất, phần còn lại của đất nước này cũng sẽ rơi vào tay cộng quân chẳng bao lâu. Sự thất bại của Thiệu đã chứng tỏ ông ta không còn khả năng lãnh đạo và kể cả Tướng Trưởng, người mà đảng Tân Đại Việt kỳ vọng có đủ uy tín để thay thế Thiệu lãnh đạo Miền Nam Việt Nam, cũng đã để lại sự thất vọng cho mọi người.

Phần lớn ước vọng của ba tôi trong ngành ngoại giao của ông đã đảo lộn, niềm tin người Việt Quốc Gia sẽ thắng được cộng sản đã trở nên ảo tưởng. Còn tôi, mang tất cả nhiệt huyết ở tuổi thanh niên để dấn thân vào một vùng đất mà tôi chưa hề quen biết, rồi ra đã trở nên uống phí. Người Mỹ đã tham dự vào nhiều cuộc chiến ở nước ngoài và lần nào sự hy sinh của Hoa Kỳ cũng được ghi nhận và cảm ơn. Nhưng lần này thì tôi man mác cảm thấy là người bị đánh bại. Tôi không muốn Hoa Kỳ là kẻ thua cuộc.

Sáng ngày hôm sau, tôi bay về Washington. Tôi muốn chính phủ hãy có kế hoạch để cho người Miền Nam được di tản. Tất cả ao ước ấy tôi kỳ vọng ở bạn tôi Parker Borg, Phụ Tá cho Kissinger tại Bộ Ngoại Giao. Gặp Parker tôi mới vỡ lẽ anh ta vừa từ chức. Lý do là không muốn nhận chỉ thị của Kissinger để thi hành những điều mà lương tâm anh không cho phép.

Parker không giúp gì được, tôi đành phải gọi Bill Colby, lúc này giữ chức vụ Giám Đốc Trung Ương Tình Báo. Trình bày với ông là tôi muốn trở lại Sài Gòn cùng cơ quan của ông, phối hợp với đảng Tân Đại Việt, tìm cách ngăn chặn bước tiến của cộng quân. Về sau, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy có cho tôi biết, sau khi thất thủ Đà Nẵng, uy tín của Tướng Trưởng cũng mất theo, đảng nhận định, tình hình Miền Nam Việt Nam vô phương cứu vãn và vì thế không có phương án tìm một nhân vật khác để thay thế Thiệu.

Tôi giải thích với Bill, tình huống Miền Nam chỉ có thể tồn tại may ra được 6 tháng và muốn kéo dài hơn để có đủ thời gian di tản những người Miền Nam Việt Nam có nguy cơ bị cộng sản trả thù, chúng ta phải thành lập một chính phủ liên hiệp. Colby yên lặng nhìn tôi và theo ông, dường như tôi đã bị cảm tình chi phối. Ông thì khác, là người từng phục vụ tại Sài Gòn nhiều năm, lại nắm giữ vai trò trọng yếu về Kế Hoạch Bình Định và kế hoạch ấy đã thành công và hoàn tất 1968, hẳn Colby phải mang nhiều u uẩn hơn tôi. Thế nhưng Bill đã không để những tình cảm ấy chi phối vào công việc của ông. Cuối cùng Colby cảm ơn tôi và cho biết, văn phòng ông sẽ liên lạc với tôi sau này.

Sau giờ ăn trưa, tôi đến Quốc Hội, tìm gặp, trao đổi với bất cứ một vị dân cử nào như thể tôi là người Việt Nam. Từ người Phụ Tá của Nghị Sĩ Gale Mc Gee Tiểu Bang Wyoming, bạn của ba tôi ủng hộ chiến tranh Việt Nam, đến người Phụ Tá của Nghị Sĩ Moynihan, thiên tả ở New York... Tất cả đều giải thích cho tôi như thể một thông điệp. Mất Đà Nẵng, Miền Nam Việt Nam không xứng

đáng để còn được ủng hộ. Mất Vùng I và Vùng II chứng tỏ Chương Trình Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã thất bại, Quân Đội Miền Nam không có khả năng để tự bảo vệ. Đừng mang ảo tưởng là có viện trợ sẽ thay đổi được tình huống. Đã đến lúc hãy quên nó đi, đừng bận tâm những gì đã xảy ra trong quá khứ tại Việt Nam.

Đúng ra, trước khi Đà Nẵng rơi vào tay cộng sản, Quốc Hội Hoa Kỳ đã có nhiều chuyển đổi về quan điểm chính trị. Những dòng người hồi hải vớt bỏ Cao Nguyên, trốn chạy từ Huế vào Đà Nẵng đã đánh tan huyền thoại về cộng sản Việt Nam do phe phản chiến dựng nên. Quốc Hội đã nhìn thấy, dân chúng Miền Nam không chấp nhận cộng sản và họ chính là nạn nhân của sự xâm lăng do Hà Nội gây ra. Kẻ thù và đầu mối của chiến tranh là Bắc Việt.

Thế nhưng, sau khi Đà Nẵng mất mà không hề xảy ra một trận chiến nào, diễn tiến tâm lý của người Mỹ đối với Miền Nam lại đảo ngược, Sài Gòn không thể thắng được cuộc chiến.

Phe phản chiến lại bắt đầu hô hoán dưới chiêu bài, rằng người Việt Quốc Gia không có khả năng tự bảo vệ họ, và cách hỗ trợ tốt nhất là đừng giúp gì cho Miền Nam Việt Nam thêm nữa. Rõ ràng chủ nghĩa thực dân được thay thế bằng chủ nghĩa cộng sản, như người Pháp đã từng nói nhiều năm trước đó tại Việt Nam.

Giá như nếu Tướng Trưởng được lệnh và tiếp tục ở lại chiến đấu để bảo vệ Huế và Đà Nẵng thì bước tiến của cộng quân có thể chậm đi vài tháng. Thời gian ấy có thể vừa làm thay đổi quan điểm của Quốc Hội Hoa Kỳ, tái tiếp tục viện trợ quân sự cho Miền Nam, vừa áp lực Thiệu phải từ chức để Tân Đại Việt liên minh với các

đảng người Việt Quốc gia khác tìm phương thức cứu vãn Miền Nam.

Sau buổi cơm chiều, Parker nói tôi: “Hay là chúng ta đến thăm Lionel”.

“Tại Sao?” Tôi hỏi. Lionel Rosenblatt, tôi đã quen khi chúng tôi cùng làm việc tại Sài Gòn. Bây giờ anh ta là Phụ Tá cho Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao.

Khi chúng tôi đến, trời đã 8 giờ tối. Lionel rót rượu mời, còn vợ anh ta đang ngủ. Tôi bắt đầu: “Chúng ta phải có kế hoạch cho người tỵ nạn, cuộc chiến đã thua, phải cần cứu một số người”.

Danh từ người tỵ nạn là một dị ứng trong thời gian hiện tại, kể về mặt lý luận lẫn về mặt chủng tộc. Khó có thể xác định được những ai là đủ tiêu chuẩn để hội nhập vào cộng đồng chúng ta, người Do Thái dưới thời đại Hitler hay người Kulaks dưới thời đại Stalin. “Thật khó vô cùng”, Lionel nói với tôi, rồi anh ta tiếp: “Cho đến hiện giờ, chưa có ai quan tâm dành cho người Miền Nam tỵ nạn cả”.

“Chẳng lẽ vì thế mà chúng ta quay lưng lại vấn đề này”, tôi hỏi. Lionel trầm ngâm, rồi cho tôi biết: “Ngày mai sau giờ ăn trưa, một số anh em hẹn gặp để thảo luận về hiện trạng của Việt Nam. Phần đông những người này anh đều biết. Hay là Steven đến để thảo luận cùng với chúng tôi”.

Địa điểm là phòng họp của Bộ Ngoại Giao gần liền với văn phòng của Henry Kissinger. Lúc ấy Kissinger đang đi công tác ở nước ngoài. Ken Quinn, trong Bộ Tham Mưu của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Frank Wisner thuộc cơ quan Trung Ương Tình Báo, Jean Sauvageot ở Bộ Quốc Phòng và một số người khác nữa...

Buổi họp chuẩn bị bắt đầu thì Lionel đến chỗ tôi và nói: “Steve, anh không thể tham dự cùng với chúng tôi được”. Anh ta tiếp, dường như vừa muốn xin lỗi tôi: “Ồ, trong buổi thảo luận hôm nay có Al Adam. Anh ta là Phụ Tá cho Kissinger và không muốn Kissinger biết được, trong phiên họp liên quan về Việt Nam lại có mặt những người chưa được cơ quan an ninh xác định về lý lịch. Vì thế nếu Steve có mặt thì anh ta lại không”.

Al Adam thận trọng là đúng. Tôi chỉ tiếc là uống mất đi cơ hội để trình bày và thuyết phục quan điểm của mình. Khi rời phòng họp tôi nói với Lionel điều đó và anh ta hứa sẽ trình bày những gì tôi đề nghị. Lionel đã giữ lời khi tôi quay trở lại sau phiên họp để gặp anh.

Trên đường trở lại bãi đậu xe của Bộ Ngoại Giao, tôi đi ngang qua một căn phòng rộng, nơi dành để tổ chức vinh danh những người đã tích cực đóng góp cho Ngành này, đã làm tôi nhớ đến thân phụ tôi. Phải 20 năm về trước, cũng vào một ngày đẹp trời về Mùa Xuân như hôm nay, và cũng tại nơi này, ba tôi đã tranh luận một cách nhiệt thành với Bộ Trưởng Ngoại Giao John Foster Dulles, cùng người anh của ông là Allen Dulles, Giám Đốc Trung Ương Tình Báo, về việc Hoa Kỳ cần phải giúp Diệm và người Việt Quốc Gia thoát ra khỏi quỹ đạo của người Pháp. Ba tôi đã thắng trong cuộc tranh luận đó và Hoa Kỳ đã nhập cuộc để xứng đáng dưới danh nghĩa là đứng đầu của thế giới tự do.

Đúng giờ hẹn, tôi gặp Lionel tại văn phòng của anh. Có cả Parker. Các anh ấy phấn khởi cho tôi biết, phiên họp đều đồng ý đặt trọng tâm về vấn đề chương trình tỵ nạn. Mỗi Bộ đều có người nghiên cứu kế hoạch cùng những

khó khăn khi tham dự vào những buổi thuyết trình do Hội Đồng An Ninh Quốc Gia tổ chức vào các ngày sắp tới. Ken Quinn sẽ điều hợp các phiên họp này.

Cuối cùng, một kế hoạch được phác họa. Hội Đồng An Ninh Quốc Gia thiết lập một Bộ Tham Mưu soạn thảo chương trình nhằm tái định cư cho người tỵ nạn. Parker được chỉ định điều hành tổ chức này, Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn chịu trách nhiệm nghiên cứu kế hoạch di tản người Việt. Lionel tiếp xúc với văn phòng Nghị Sĩ Kennedy để biết xem Quốc Hội sẽ chấp nhận cho bao nhiêu người Việt được đi tỵ nạn. Vào những ngày tháng ấy, việc duyệt xét người Việt đủ tiêu chuẩn để đi tỵ nạn không những dựa trên cơ sở luật pháp, đã áp dụng vào thời 1956 dành cho người Hung Gia Lợi hoặc cho người Cuba đi ồ ạt vào năm 1965, mà hơn thế nữa, phải áp dụng trường hợp ngoại lệ mà luật di trú cho phép là đồng ý cho những người tạm định cư tại Hoa Kỳ nếu tình huống của họ sẽ gặp những khó khăn vì lý do chính trị, rồi sau đó Quốc Hội mới đặc miễn, cho phép họ được thường trú. Với tư cách là Chủ Tịch Tiểu Ban Tư Pháp Thượng Viện, Kennedy đồng ý nhận người Việt đi tỵ nạn bằng số lượng như đã nhận người Cuba vào năm 1965 là khoảng 150.000 người.

Khi nghe Lionel nói điều này, tôi thất vọng. “Phải cứu 2 triệu người bao gồm những người Công Giáo và 25% những quân cán chính Miền Nam Việt Nam”, tôi nói với Lionel như vậy. Lionel trả lời, không thể nào có được chuyện ấy, Kennedy chấp nhận như vậy là đủ mừng rồi. Không ai muốn nhận hơn đâu.

Sài Gòn thất thủ trong vòng 3 tuần, nhanh hơn là tôi

dự đoán. Và khoảng 120.000 người đã được di tản, phần lớn nằm tại Sài Gòn. Các viên chức xã ấp từng tham dự vào Kế Hoạch Bình Định Nông Thôn để giữ an ninh cho phần đông dân chúng tại đồng quê, đã bị bỏ lại, mặc cho số phận của họ ra sao khi cộng sản tràn vào. Và trong số người bất hạnh ấy có hai người bạn của tôi, Lê Văn Bôi làng Long Mỹ và Thạch Hùng làng Mỹ Loan đã bị cộng sản giết sau đó.

Trong cơn hỗn loạn ấy, gia đình phía vợ tôi, kẻ trước người sau rồi cũng đến được Hoa Kỳ. Khi đón mẹ vợ tôi trên chuyến bay Pan Am cuối cùng rời Việt Nam và đáp xuống phi trường Kennedy, bà vẫn còn hoảng hốt. Mẹ vợ tôi cho biết, vài tháng trước, người con trai đời chồng trước của bà, từ Hà Nội gửi thư vào Sài Gòn qua ngã Paris, qua lời văn “bóng gió”, bà hiểu được, con bà khuyên bà hãy rời khỏi Sài Gòn càng sớm càng tốt. Rồi vài tuần trước, bỗng dưng có cô gái ngày xưa giúp việc nhà đến thăm, mặc dù cô ta ở tận Quảng Ngãi.

Đạn pháo của Hà Nội rót vào Sài Gòn ngày càng dồn dập, rồi đến cả Phi Trường Tân Sơn Nhất, Thiệu từ chức Tổng Thống. Xuất hiện trên vô tuyến truyền hình lần cuối với đồng bào, ông nói đơn giản: Thiệu và chính phủ Miền Nam Việt Nam đã trông cậy vào sức mạnh về quân sự cũng như tin tưởng những cam kết của Hoa Kỳ. Thay vì thực thi những điều đó, Hoa Kỳ đã giết Đồng Minh của họ là Miền Nam Việt Nam. Mặc dù thế, Sư Đoàn 18 Bộ Binh vẫn tiếp tục bảo vệ truyền thống oai hùng của Sư Đoàn này, bằng cách đã đánh tan nhiều sư đoàn Bắc Việt, giữ vững Tỉnh lỵ Xuân lộc, phòng tuyến phía Bắc của Thành Phố Sài Gòn.

Ông Đại Sứ Pháp tại Sài Gòn cố đưa ra và thúc đẩy một giải pháp trung lập cho Miền Nam Việt Nam một khi Bắc Việt chiếm Sài Gòn. Khởi đầu, quyền Tổng Thống sẽ trao cho Big Minh, và thành phần thứ ba điều hành guồng máy quốc gia khi người Mỹ cuốn gói rời khỏi Miền Nam. Thành phần thứ ba có đề cập trong hiệp định Paris nhưng thực chất là do nhóm thiên tả Pháp giật dây. Nhóm này hình thành từ năm 1946, kết hợp giữa Sainteny và Hồ Chí Minh.

Đại Sứ Mỹ, Graham Martin cũng cố vô giải pháp của Pháp không phải là giải pháp đó đúng nhưng muốn kéo dài sự hấp hối của Sài Gòn để cứu vãn những vấn đề khác, nếu có thể được.

Big Minh trở thành Tổng Thống, chính thức đòi hỏi Mỹ phải rút khỏi Miền Nam và đề nghị thương thuyết với cộng sản. Đáp lại đề nghị của Tướng Minh, Hà Nội đã đưa xe tăng vào Sài Gòn và chấp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của ông ta. Miền Nam Việt Nam hoàn toàn đổ sụp vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Một tuần lễ sau đó, những người còn lại phía vợ tôi cũng đến được New York từ đảo Guam. Có cả Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy và 2 con của ông ấy cùng người bạn tôi là Trần Đức Thắng. Tất cả 26 người chúng tôi phải sống chung trong một căn nhà ở đường Brooklyn, mỗi gia đình một phòng.

Tôi giải thích cho những người khách không mời ấy, chẳng cần quan ngại việc Hà Nội chiếm trọn Sài Gòn thì Việt Nam sẽ trở thành một quốc gia cộng sản. Trái lại, một khi người Việt hun đúc chủ nghĩa quốc gia đã hằn sâu trong tâm huyết họ trở thành một ngọn lửa và những

người lãnh đạo các đoàn thể quốc gia có thực tài và thực tâm thì đó cũng là ngày tàn của chế độ cộng sản Việt Nam xảy đến.

Lòng hào hiệp của Mỹ Quốc đã bị xói mòn, thể hiện qua việc phong trào phản chiến đã thành công khi chặn đứng được sự ủng hộ của quần chúng Mỹ cho Miền Nam Việt Nam. Làm thế nào để mang lại sự hiểu biết của Hoa Kỳ về chủ nghĩa người Việt Quốc Gia là một điều không dễ dàng trước khí thế đang lên của phe phản chiến. Lại nữa, người Pháp gốc thực dân đã cố tình biến cải một Hồ chí Minh cộng sản trở thành một biểu tượng của người Việt quốc gia, cũng ảnh hưởng khá sâu vào người Mỹ, cản trở không ít cho những ai muốn bảo vệ người Việt Quốc Gia đích thực tại Miền Nam Việt Nam. Nói khác đi, danh dự quốc gia và tinh thần chiến đấu của Quân Đội Hoa Kỳ khi can dự vào cuộc chiến Việt Nam không thể làm sáng tỏ một cách mau chóng.

Một trận chiến mới để dành lại quyền lãnh đạo đất nước vào tay người Việt không cộng sản, vào thời đại mới, phải hướng tới hai trận tuyến, xây dựng ý thức người Việt Quốc Gia cả về số lượng lẫn chất lượng và khuyến khích, cổ vũ và hỗ trợ cho những ai chống lại chế độ cộng sản.

Trong thời gian theo học luật tại Harvard, tôi tự đặt mình làm kẻ chiến đấu ở trận tuyến thứ nhất. Đọc và nghiên cứu các bộ sử Việt Nam, các tài liệu khảo luận, tham luận... như Đại Việt Sử Ký, An Nam Chí Lược, những bài Hịch của Nguyễn Trãi, Quốc Thiếu Hình Luật, Hồng Đức Thiên Chi, Lê Triều Chiêu Linh Thiên Chính Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... rồi so sánh các tài liệu mà người Pháp đã viết về lịch sử Việt Nam, tôi phát hiện ra,

người Pháp đã cố tình diễn dịch sai lầm về lịch sử nước này. Tôi viết một tiểu luận đăng trên tạp chí “The Journal of Asia History” cùng một bài khảo luận khá dài gởi cho Trường Luật để giải thích, luật pháp Việt Nam đã xuất hiện và hình thành khá lâu qua nhiều triều đại. Và sau đó, trong một Mùa Hè, tôi đã hoàn tất tập bản thảo nhằm để giải thích, chủ nghĩa quốc gia là nét đặc trưng về dân tộc tính của người Việt. Cuộc chiến chống cộng sản đã xảy ra được chứng minh theo tinh thần đó.

Bạn của ba tôi, Theodore White, một nhà nghiên cứu thời danh về các cuộc bầu cử của Tổng Thống, đã giới thiệu tôi với Simon Michael Bessie, Giám Đốc của một nhà xuất bản. Vào một buổi chiều, sau khi đọc bản thảo, ông ta gọi và báo cho tôi biết, sách của tôi không thể xuất bản được. Lý do, không có độc giả về loại sách như tôi viết. Rồi ông ta tiếp, tôi đã đưa ra những khám phá và nhận định mới nhưng đối với quần chúng thì những gì mà Frances Fitzgerald viết về văn hóa Việt Nam qua cuốn *Fire in the lake*, rồi được Paul Mus khai triển thêm, cho dù mang rất nhiều thiếu sót và sai lầm, vẫn ấn đậm vào tiềm thức của họ. Còn đối với các nhà xuất bản khác thuần túy mang tính chất thương mại, những loại sách viết về Việt Nam mang nội dung đả kích đường lối của chính phủ Mỹ, hoặc chính phủ Miền Nam Việt Nam thì mang cho họ lợi nhuận nhiều hơn.

Qua những sự kiện trên, quả thực, đời sống tinh thần ngày càng trở nên bi thảm. Cả hai đối tượng xuất bản sách truyện để phục vụ trong lãnh vực thương mại hay cho các Trường Đại Học đều chỉ xuất bản những loại sách mà độc giả họ ưa thích. Vì thế, việc thay đổi những

định kiến, bất kể đúng hay sai, cũng không phải là điều dễ dàng, và phong trào phản chiến đã thành công và vì họ đã nắm bắt được nguyên tắc đó.

Nhưng vào Mùa Xuân năm 1976, tôi lại nhìn ra một hướng đi mới. Thuyết phục cơ quan Ford Foundation ngưng số tiền giúp Việt Nam để thực thi vấn đề nhân quyền, và chuyển ngân khoản đó cho Trường Luật Harvard để bảo trợ cho Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy và hai cộng tác viên với ông, chuyển dịch sang Anh ngữ Bộ Luật Triều Đại Nhà Lê khởi từ năm 1433 của Việt Nam. Bộ Luật này đã cung cấp cho chúng ta nhiều dữ kiện nhằm xác minh nền văn hóa Việt Nam đã hình thành và biệt lập với Trung Hoa, khác biệt với những điều mà các học giả người Pháp thực dân đã viết ra trước đây, công trình dịch thuật đã hoàn tất và sách đã được xuất bản vào năm 1988.

Cuối năm 1977, làn sóng người Việt tỵ nạn cộng sản leo thang. Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam cho thấy, vì chế độ mà dân phải bỏ nước ra đi. Sự đối kháng giữa chủ nghĩa cộng sản với truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam được thể hiện rõ nét hơn cả thời kỳ Pháp thuộc khi những thuyền nhân bắt đầu vượt qua biển Đông, Vùng Vịnh Thái Lan, và những chiếc tàu từ chối cứu vớt, người Thái Lan xua đuổi những chiếc thuyền chở người đi tìm tự do xa khỏi bờ biển của họ. Lúc ấy chính quyền của Carter, hy vọng mở rộng cửa đối thoại với đảng cộng sản Việt Nam và nhận định cư vào Hoa Kỳ chừng 150.000 người tỵ nạn, con số tối đa mà Thượng Nghị Sĩ Kennedy có thể chấp thuận.

Tại Bộ Ngoại Giao, Shepard Lowman nhận thấy, Hoa Kỳ chỉ nhận từng đó người Việt tỵ nạn và cả thế giới tự

do đều im lặng, thì quả thật là thiếu nhân đạo. Ông ta đã gọi Leo Cherne, Ủy Ban Cứu Nguy Quốc Tế yêu cầu giúp tay. Một ủy ban dân sự do Leo thành lập để đi quan sát và nghiên cứu tại các nước Đông Nam Á, trong đó có tôi. Chúng tôi rời New York tháng 2 năm 1978, phần vụ của tôi tại Thái Lan, những thành viên khác đi Hồng Kông, Mã Lai... Và điểm hẹn sau cùng tại Bangkok.

Sau khi đi thăm các trại của người Việt và người Miên và trao đổi với những người tỵ nạn, tôi phải xác định là những tin đồn về tình trạng diệt chủng tại Cam Bốt là đúng sự thật, tất cả các kinh Phật đều bị đốt, các sư sãi đều bị giết, các chùa chiền đều bị hủy. Thủ phạm rõ ràng là Khờ me đỏ, cộng sản miên bị chi phối bởi Trung cộng.

Khi trở về Washington, Leo Cherne với sự hỗ trợ của William Casey (Giám Đốc Trung Tâm Tình Báo dưới thời Reagan) đã thuyết phục được Bộ Trưởng Ngoại Giao Cyrus Vance, thuộc chính quyền của Carter và những lãnh tụ Quốc Hội đồng ý là Hoa Kỳ sẽ nhận những người tỵ nạn Đông Dương vô giới hạn. Joan Baez, một lãnh tụ phản chiến trước kia, đã làm lương tâm người Mỹ trời dậy, bằng một cuộc xuống đường vào Mùa Hè năm đó, khi bà nhân danh những con người đã bị lãng quên vào năm 1975. Chỉ vài năm sau, hơn 1 triệu người thoát khỏi cộng sản từ Việt Nam, Lào, Cam Bốt đã đến định cư tại Hoa Kỳ.

Qua các công việc xã hội đã buộc tôi phải ngưng hợp tác với tổ hợp luật sư và tôi quay về Trường Luật Harvard nhận chức Phụ Tá cho Khoa Trưởng đặc trách vấn đề sinh viên. Chính tại nơi này, tôi đã dành một ít thời gian để cùng Giáo Sư Huy nghiên cứu về vấn đề nhân quyền

qua truyền thống của người Trung Hoa lẫn Việt Nam. Chính nhờ sự nghiên cứu này đã giúp tôi có đủ nhận thức để phân tích những luận cứ sai lầm mà phong trào phản chiến đã đưa ra nhằm để bênh vực cộng sản trung quốc cùng cộng sản Việt Nam trong thời chiến tranh.

Theo họ, chủ nghĩa cộng sản tại Trung Hoa cũng như tại Việt Nam không tin vào sự tự do. Vì thế những ai tranh đấu chống lại cộng sản chẳng qua chỉ để giành giật lấy của cải và tài sản chứ chẳng có lý tưởng gì cả. Từ diễn dịch đó, việc Hoa Kỳ chống lại chủ nghĩa cộng sản và hỗ trợ Tưởng Giới Thạch ở Trung Hoa. Diệm và Thiệu ở Việt Nam là những lầm lẫn và thiếu sự hiểu biết về lịch sử và văn hóa Á Châu. Rồi phong trào phản chiến đưa ra chiêu bài, Hoa Kỳ đúng khi đứng trong hàng ngũ Châu Âu chống lại Đức quốc xã, khi giúp người Do Thái chống lại sự cưỡng bức của khối Ả Rập, nhưng Hoa Kỳ đã sai khi chống lại các nước cộng sản ở Á Châu.

Lỗi biện luận ấy hoàn toàn thiếu căn bản, bởi lẽ chủ nghĩa cá nhân cũng như những yếu tố cơ bản của sự tự do đã ngấm sâu vào từng tế bào của hai dân tộc Trung Hoa và Việt Nam. Cốt lõi của Phật Giáo cũng như Lão Giáo đều lấy sự tự do cá nhân làm trọng.

Đọc và nghiên cứu các sách vở cổ điển Trung Hoa, chúng ta rút ra được điều đáng chú ý là quan điểm về nhân quyền. Trong khi Tây phương, quyền làm người ngày càng được triển khai và trở nên quan trọng trong đời sống, thì tại Trung Hoa, vấn đề nhân quyền dường như là một điều xa xỉ, không ai bàn đến, mặc dù vấn đề này được các triết gia thời cổ quan tâm và xem đó là một trong các phương cách để trị nước. Nói rõ hơn, phần lớn

người Trung Hoa cho rằng, bản chất con người thường vô trách nhiệm, vì thế, việc tự do, tự phát phải nằm trong một khuôn khổ bị chi phối bởi luật pháp.

Mùa Hè năm 1979, tôi gặp lại Ellsworth Bunker. Bấy giờ chúng tôi đã có ba con và gia đình tôi trú tại nhà nghỉ mát của Bill Colby, không xa nông trại của Bunker gì lắm. Tôi muốn đưa con trai lớn của tôi đến chào ông và lắng nghe những lời chỉ dạy ở bậc lão thành, như ông nội của cháu lúc còn sinh tiền mà con tôi chưa bao giờ được nhìn thấy.

Đường không quen nên khi xe tôi đến nơi thì giờ ăn trưa đã trễ, thế nhưng Ellsworth Bunker và vợ ông ta vẫn chờ đợi. Nhà nằm trên một ngọn đồi, kiến trúc theo lối cổ hồi mới lập quốc, xưa, vững chắc và có sức thu hút mỗi khi khách đến thăm. Khi Bunker hồi tưởng lại quá khứ lúc còn ở Sài Gòn, thì chuyện ông kể, với tôi là những sự kiện về lịch sử. Tôi nói với Ellsworth Bunker, nếu ông không viết những điều đó ra thì nó sẽ mất đi. Và câu chuyện của Bunker là gì, đã trình bày rải rác qua cuốn sách này nhưng tựu trung, là những điều Ellsworth Bunker đã thực hiện và thành công khi nhận lãnh trách nhiệm mà quốc gia đã trao phó và đồng thời làm sáng danh lòng ái quốc đã bị tổn thương của các cựu chiến binh khi tham dự cuộc chiến tại Việt Nam.

Khi đề cập với Bunker về việc nên viết hồi ký, là tôi đã đặt vấn đề quá xa, bởi vì không bao giờ ông viết ca ngợi những gì ông đã hoàn tất. Sống theo triết lý Lão Tử, Ellsworth Bunker luôn luôn tự hạ mình đứng sau những kẻ khác và đó cũng là cá tính của con người ông.

Tôi đành thuyết phục theo lập luận, là viết không phải

cho ông mà để vinh danh những người con yêu của tổ quốc đã phục vụ và đã hy sinh. Đáng khác, ông viết để nói lên những gì ông đã thực hiện dựa trên nền tảng đạo đức và lương tâm cho phép.

Theo lối cổ xưa, để làm ung thối đường hướng của một chính phủ, người ta đã tạo ra một ác cảm theo tiến trình, đả kích hành động, tạo ngộ nhận, xuyên tạc, bới móc lỗi lầm, trừng phạt kẻ vô tình và cuối cùng kêu gọi bất hợp tác. Cho đến thời đại ngày nay, phương thức chống lại chính sách của một chính phủ lại càng tinh vi hơn, trường hợp Việt Nam là một điển hình.

“Hãy bàn về công việc sắp đến. Gởi cho tôi những ý kiến về phương cách thực hiện cuốn sách trên”. Bunker cho tôi biết như vậy.

Được ông cho phép, tôi bắt đầu sao chép và tìm tòi những tài liệu và thư từ liên hệ đến ông, nhưng quan trọng hơn hết, những điều ông ghi nhận đã bày tỏ được sự hiểu biết sâu xa và lòng quảng đại, quả cảm của ông. Sau nhiều giờ đối thoại và nhiều ngày đọc, cuối cùng tôi đã có trong tay tập bản thảo. Thế nhưng, cần phải triển khai thêm. Công việc dở dang, tôi ngưng lại vì gia đình phải dọn về Minnesota khi tôi nhận làm Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa tại đây. Còn Ellsworth Bunker thì đã gần đến tuổi 90, sức khỏe yếu dần. Cả hai chúng tôi không ai có đủ thời gian để làm những điều như đã dự tính.

Mãi đến Mùa Xuân 1982, tôi mới bay sang Boston và từ đó lái xe về Dummerston để gặp lại Bunker, duyệt đọc bản thảo mà tôi đã viết. Chỉ có mình ông và tôi, ông nói, còn tôi ghi chép. Ellsworth Bunker vẫn sáng suốt và linh hoạt. Ông tin rằng, những gì mà Hoa Kỳ phán đoán là

đúng và đã can dự vào thì hãy theo đuổi đến cùng. Theo Bunker, cuộc chiến Việt Nam bị thất bại, không phải trên chiến trường nhưng vì người Mỹ đã đánh mất niềm tin theo truyền thống Hoa Kỳ. Có ba nguyên nhân đưa đến điều đó:

Thứ nhất hệ thống truyền hình (một phản ảnh quan trọng nhất của quốc gia) đã trình bày cuộc chiến thiếu trung thực như truyền thông;

Thứ hai, sự diễn đạt sai lệch về cuộc chiến của giới báo chí đã tạo sự ngộ nhận trong quần chúng Hoa Kỳ;

Và cuối cùng, với một nền văn hóa thực dụng đã đưa thanh thiếu niên vừa tuổi trưởng thành mất kiên nhẫn và mong muốn đạt sự thành công thật mau chóng.

James Reston của tờ báo *New York Times* khẳng định rằng, Ellsworth Bunker là người đầu tiên lo lắng việc Hoa Kỳ bị thất bại. Reston đã viết khi Bắc Việt chiếm Sài Gòn: “Có thể các sử gia sẽ đồng ý, các tường thuật và máy quay phim mới là kẻ quyết định cuối cùng. Họ đã mang chiến tranh đến với dân chúng... và cưỡng bách sức mạnh Hoa Kỳ rút ra khỏi Việt Nam”.

Thật vậy, nhiều ký giả đã có những bài viết sai lầm, chẳng hạn như Sidney Schanberg, phóng viên của báo *New York Times* tại Cam Bốt, và bài viết của anh đã được giải thưởng Pulitzer. Trước khi Polpot kiểm soát toàn bộ Cao Miên, Schanberg viết: “Thật khó mà tưởng tượng, làm sao đời sống của họ (Ba dân tộc Đông Dương) có thể khá hơn một khi người Mỹ chưa chịu ra đi”.

Schanberg đã lưu lại khi Polpot chiến thắng và chỉ vài tuần sau anh ta bị nhốt trên xe tải, tống cổ sang Thái Lan. Từ đó thì mắt anh đã sáng để nhìn: “Mọi người hướng về

phía trước với nỗi chờ mong, sự sụp đổ của Phnom Penh để cộng sản tràn vào Thủ Đô và cuối cùng là sự khổ đau kéo dài nay được chấm dứt. Nhưng tất cả đã sai. Viễn ảnh của Cam Bốt, cho dù chủ nghĩa cộng sản có thay đổi cách gì đi nữa, thì đất nước ấy cũng không thể hồi phục như lúc cộng sản chưa vào, một huyền thoại đã vỡ”.

Theo nhận định của Ellsworth Bunker và tôi, số phóng viên trong chiến tranh không rơi vào cơn mê sảng như Schanberg không phải là ít. Có điều chính quyền đã tạo cho họ mất niềm tin để rồi từ đó những bài tường thuật đã bị xói mòn, không còn mang tính trung thực.

Trong chiều hướng đó, Bunker cho rằng Lyndon Johnson đã phạm sai lầm vì không xác định rõ ràng về mục tiêu của Hoa Kỳ trong chiến tranh và những lý do chiến lược đòi hỏi Hoa Kỳ phải có mặt tại Thái Bình Dương.

Bunker cũng lo lắng là các chính quyền kế tục tại Washington đã mất khá lâu thời gian mới xác định được phương thức chiến tranh. Mặt khác, khi thời điểm thành công đã đến thì cũng là lúc quần chúng mất tin tưởng vào chính quyền. Thế nhưng chính phủ lại thiếu khả năng để củng cố và phục hồi sự mất mát đó.

Lẽ ra chính phủ phải làm thức tỉnh lòng hào hiệp về tính tự hào vốn ăn sâu vào tập quán của người Mỹ khi giúp một dân tộc tự quyết định số phận của họ như Miền Nam Việt Nam. Về mặt quân sự, Ellsworth Bunker cho rằng, Johnson đã không vận dụng khả năng của Không Quân Hoa Kỳ khi ra lệnh oanh tạc Miền Bắc. Việc Nixon chỉ thị cắt đứt đường mòn Hồ chí Minh tại Lào, thả mìn các Hải Cảng Bắc Việt để chặn đứng tiếp liệu bằng đường biển của Nga Sô và Trung quốc, dùng B52 oanh kích Hà

Nội, lẽ ra phải thực hiện sớm hơn. Vì theo Bunker, Trung Cộng cũng như Nga Sô không vì những hành động trên của Hoa Kỳ mà dám nhảy vào cuộc chiến.

Sau khi rời nông trại của Bunker tôi bối rối vì ông đã trao cho tôi trách nhiệm để viết lên một câu chuyện có liên hệ đến một giai đoạn lịch sử và ở một góc cạnh mà những người ở trong cuộc như ông mới biết và hiểu được. Tôi cảm nghiệm, trước khi giã biệt cuộc đời, Bunker muốn chuyển trả sứ mệnh làm nên lịch sử cho thế hệ khác, trẻ, mạnh, can đảm và đầy nhiệt huyết hơn. Sự kiện lịch sử vẫn luôn tồn tại, chỉ có con người rồi sẽ hóa thân, và thời gian rồi chuyển đổi. Bất giác tôi chợt nhận ra, những gì Bunker trao cho tôi viết dường như là một định mệnh, không dám chối từ và trong thâm lặng từ trái tim, tôi xin nhận lãnh.

Điều tôi cần là người Mỹ hãy hỗ trợ cho người Việt Quốc Gia, tiếp tục chiến đấu để giành lấy sự tự do cho đất nước họ, hơn là giúp họ có nơi chốn định cư, chính vì vậy mà ngay sau 1975, khi người di tản đến được xứ này, tôi cố gắng tạo điều kiện để người Việt Quốc Gia bất kể là Phật Giáo, Công Giáo, Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng... được gặp gỡ và tương kính nhau như những người yêu nước.

Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, người mà tôi ngưỡng mộ và tôn kính hơn tất cả những người khác vì sự hiểu biết và lòng quả cảm của ông, đã đứng ra kết hợp một số người Việt Quốc Gia trong một tổ chức gọi là Liên Minh Dân Chủ. Sau đó tổ chức này lan rộng khắp thế giới dưới danh xưng “Ủy Ban Quốc Tế Cho Một Việt Nam Tự Do” với mục tiêu tranh đấu tự do và nhân quyền cho dân tộc Việt

Nam. Trái lại cũng có những tổ chức người Việt khác, chủ trương mạnh mẽ hơn là quyên góp tiền bạc của người Việt, và gửi chiến sĩ về trực diện tranh đấu bên trong lãnh thổ Việt Nam. Tôi không đồng ý phương thức đấu tranh ấy nhưng điều đó đủ nói lên tinh thần yêu nước của người Việt Nam tại hải ngoại.

Chỉ vài năm sau năm 1975, dưới sự thống trị của cộng sản, cả hai Miền Nam và Bắc đều trở nên xơ xác. Ở hải ngoại, những người thân cộng ngày càng hiếm đi. Cán bộ đảng cộng sản Việt Nam ngày càng mất đạo đức và mất dần khả năng kiểm soát về mặt xã hội. Người Việt định cư tại Hoa Kỳ ngày càng thành công về nhiều mặt và theo họ, nhờ “phúc đức” của tổ tiên, nhưng Hoa Kỳ chứ không phải ngay trên quê hương.

Hết

CUỘC CHIẾN THẮNG BỊ BỎ LỖ

Theo các chứng liệu về chiến tranh Việt Nam của cựu Đại Sứ Mỹ ELLSWORTH BUNKER

Tôi đoán chắc với ông rằng, nếu Hà Nội vi phạm những điều đã cam kết qua thỏa ước này, họ sẽ lãnh nhận sự trả đũa nặng nề của tôi.

Trích thư của TT Nixon gửi TT Nguyễn Văn Thiệu

... Tôi muốn nhắc lại, suốt 4 năm qua, ông và tôi đã đưa ra nhiều sáng kiến hòa bình; và lần nào cá nhân tôi cũng luôn nhận sự chỉ trích, rằng sự nhượng bộ của tôi quá ít. Còn ông thì luôn nói với tôi, đây là lần cuối cùng mà ông đòi hỏi tôi phải nhân nhượng...

Trích thư TT Nguyễn Văn Thiệu gửi TT Nixon

... Sau Hiệp Định Paris, chính phủ Thiệu chỉ còn khả năng đài thọ một Mỹ kim cho một quân nhân mỗi ngày, bao gồm lương bổng, vũ khí, đạn dược, quân trung... Chính vì thế mà quân đội phải cắt giảm mọi thứ, súng cá nhân trước kia 400 viên, bây giờ còn 200 viên cho mỗi cuộc hành quân dàn pháo 105 ly mỗi khẩu chỉ còn 10 viên thay vì 180 viên như vào hồi 1972; giờ bay của máy bay chiến đấu và trực thăng giảm phân nửa vì không đi nhiên liệu

Stephen B. Young

Để giải đáp cho sự thắc mắc không thể hiểu về cuộc chiến thắng đã bỏ lỡ đó, Giáo sư Stephen Young đã tìm kiếm những hồ sơ, lục lại những tài liệu về cuộc chiến của những người trách nhiệm trực tiếp và cao cấp. Với tấm lòng yêu Việt Nam, cộng với ý chí tranh đấu soi sáng cho sự thật, ông Stephen Young đã bỏ khá nhiều thì giờ để biên soạn quyển sách này...